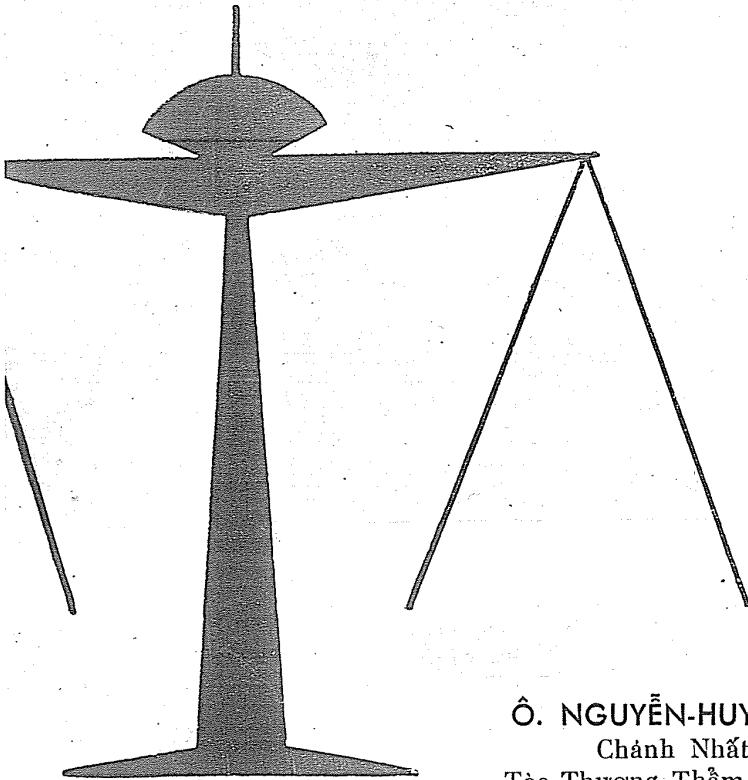


THẨM-PHÁN

# VỤNG TẬP



DÂN SỰ  
ĐIỀN ĐỊA  
LAO ĐỘNG  
NHÀ PHỐ  
THƯƠNG MẠI  
HÌNH SỰ  
QUẢN SỰ  
HÀNH CHÍNH

Ô. NGUYỄN-HUY-ĐẦU  
Chánh Nhất  
Tòa Thượng Thẩm Saigon  
đề tựa

Tài liệu được đăng tải bởi Luật Khoa thư quán, với mục đích phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu. Luật Khoa thư quán phản đối việc sử dụng tài liệu này cho mục đích thương mại.

Thông tin liên hệ

Facebook: [facebook.com/luatkhoathuquan.vnu](https://facebook.com/luatkhoathuquan.vnu)

Email: [luatkhoathuquan@gmail.com](mailto:luatkhoathuquan@gmail.com)



TRẦN · ĐẠI · KHÂM

Thăm - Phán

# ÁN LỆ VỤNG TẬP

Recueil de Jurisprudence  
1948 - 1967

Tóm tắt và xếp loại các án lệ

DÂN-SỰ · ĐIỀN-ĐIÀ - LAO-ĐỘNG - NHÀ-PHỐ  
THƯƠNG-MẠI - HÌNH-SỰ - QUÂN-SỰ - HÀNH-CHÁNH

---

ÔNG NGUYỄN-HUY-ĐÁU

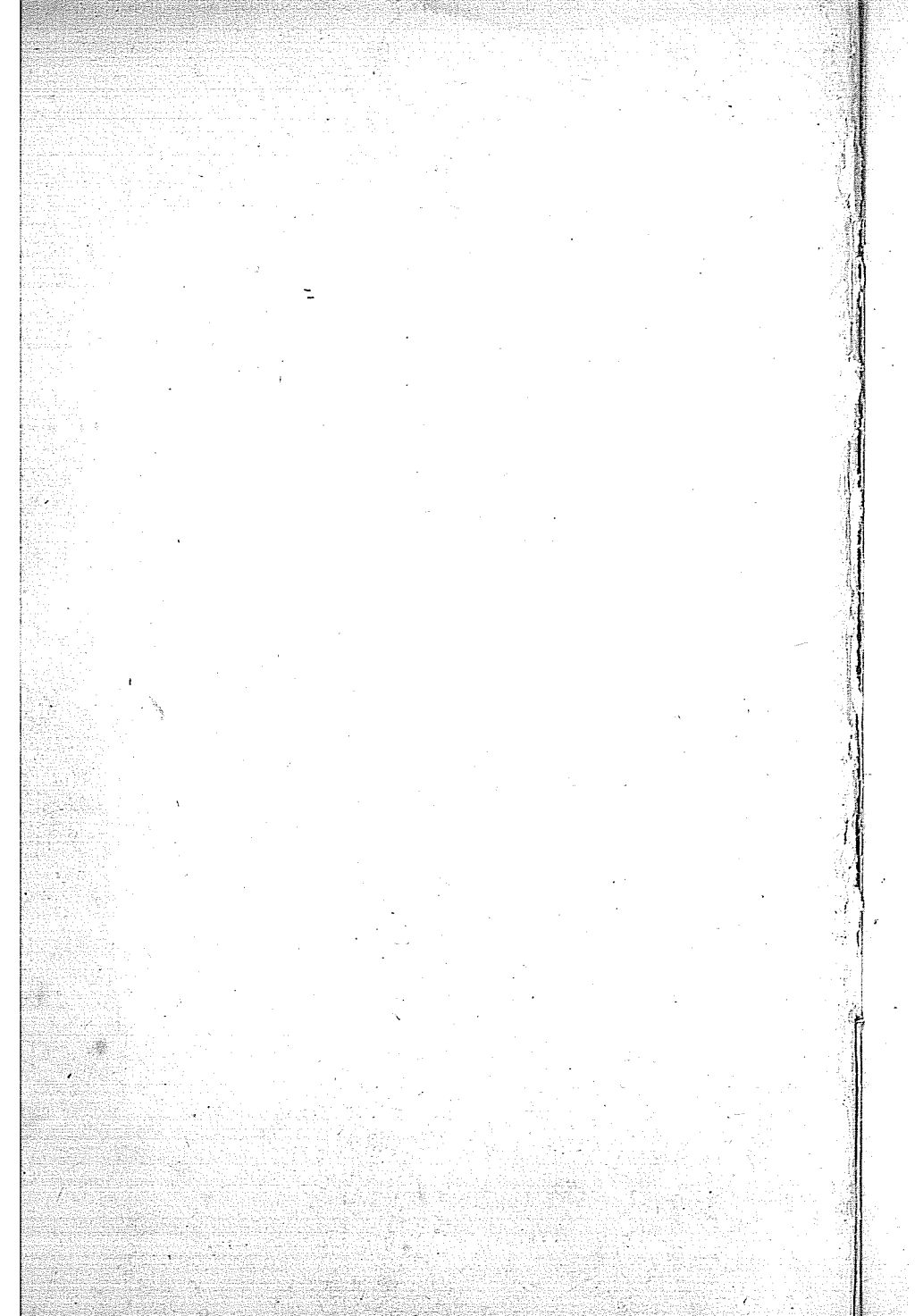
*Chánh-Nhất*

Tòa Thượng Thẩm Saigon

Đề Tựa

NHÀ SÁCH KHAI TRÍ

62, LÊ LỢI SAIGON



## TỰA

Trong các năm 1961 - 1963, khi còn hân hạnh điều khiển Nhà Giám-Đốc Hộ-Vụ Bộ Tư-Pháp, đã có lần tôi triệu tập một nhóm đồng nghiệp tha thiết với nền Luật học nước nhà, dự tính sưu tầm tóm tắt và xếp loại, rồi xuất bản những án tuyên xử từ ngày Việt-Nam thu hồi chủ quyền tư-pháp (1949), định lấy tên là « MƯỜI NĂM ÁN LỆ ». Vì nhiều lý do ngoài ý muốn, sưu tập này không ra đời.

Ông Chánh-Án TRẦN-ĐẠI-KHÂM là một trong những luật gia thấu hiểu tầm quan trọng và sự lợi ích của một công trình tương tự, đã đôn thuong đốc mã không quản ngại mọi khó khăn, kiên trì trong thiện chí cầu tiến và giúp ích, hoàn tất quyển « ÁN LỆ VƯỢNG TẬP » này để đem công hiến giới luật gia.

Đối với nhân-viên giảng huấn và nhà trước tác chuyên về ngành Luật, từ nay sẽ có một tài liệu tham khảo rất hữu ích. Một số phán quyết đã có thể gọi là án văn nguyên tắc của Việt-Nam ; số khác đáng chú trọng như những báo hiệu có khúc quanh trên độ đường kể từ ngày việc xử đoán không còn nằm trong tay các thẩm phán hiệu các luật lệ của ta qua nhơn quang ngoại nhơn ; phần lớn nữa, tuy không mở hẳn kỷ nguyên mới trong quá trình giải thích luật lệ mà chỉ nhắc lại những công thức được chấp nhận từ trước, cũng có thể được viện dẫn trong tác phẩm luật khoa, thay thế án lệ cũ của Pháp, để các độc giả vô tình ngộ nhận kỹ thuật pháp lý Đông Tây hiện nay không còn mấy dị biệt, khỏi có ấn tượng sai lầm và đư luận khất khe là chúng ta chưa tìm được con đường đi mới hoặc sợi dây vô hình của lệ thuộc tinh thần hãy còn quá chặt chẽ.

Đối với các Luật gia thực hành, tác phẩm sẽ là một tài liệu tra cứu rất tiện lợi. Án lệ được phân chia thành 3 phần (dân sự, hình sự, hành

chánh) mỗi phần dưới nhiều đề mục bao quát tất cả các bộ môn chính yếu theo phương pháp truyền thống (dân sự, thương mại, điền địa, lao động, nhà phố, hình sự, quân sự, hành chánh). Tác giả thu thập được 1.245 bản án, mỗi bản án được toát yếu sơ lược đều có ghi số cần thận và trên đầu sách lại có một Mục-lục phân-tích chỉ định các số hiệu bản án, khiến việc tìm kiếm được mau lẹ. Ngoài trừ một số án văn đã lỗi thời bị tác giả lược bỏ, những phán quyết có tính cách đơn độc đôi khi cũng được ghi chép, để độc giả theo dõi được từng bước tiến của cơ quan tài phán và làm rộng đường dư luận trong các cuộc tranh cãi trước Pháp đình.

Xét toàn bộ nội dung, quả vẫn ân hận một điều là một số lớn án văn còn nằm trong nguyên cáo lưu trữ tại các phòng Lục sự Tòa Phá Án, Tham Chính Viện và các Tòa Thượng-Thẩm, Sơ-Thẩm, vì khuôn khổ chật hẹp của Pháp-Lý Tập San không cho phép đăng tải được hết. Đã đề nghị với tác giả cho điền bổ, song le suy đi nghĩ lại, nhận thấy dù với sự cộng tác hăng say của những bạn đồng sự được may mắn hơn ông Chánh-Án Bình-Dương có dịp phụng sự tại chỗ đảm nhận công việc đó, thì cũng ít ra phải mất thêm một vài năm nữa.

Cuốn « AN LỆ VÙNG TẬP » này được xuất bản đúng vào lúc công việc san định luật pháp toàn diện của Bộ Tư-Pháp đang ở trong thời kỳ phát triển mạnh mẽ. Trái với một số luật gia, tôi không nghĩ rằng sau khi dự án các Bộ Dân Luật, Thương Luật, Hình Luật, Dân Sự, Thương Sự tố tụng và Hình Sự tố tụng được lưỡng Viện biểu quyết và Tổng-Thống ban hành, tác phẩm sẽ không còn thích thời. Bất cứ hệ thống Luật Pháp của Quốc-Gia nào cũng có tính cách liên tục. Nếu diễn chế mới đem thực thi nhiều nguyên tắc tân tiến phù hợp với tân Hiến pháp 1967 thì chắc chắn những định chế pháp lý cũ được giữ lại còn giá trị hằng cửu và nguồn gốc bổ túc của án lệ vẫn đóng vai trò quan trọng trong khoa luật học.

Bởi vậy tôi rất hân hoan và vinh hạnh giới thiệu tài liệu quý hóa này với hải nội chư quân tử.

Saigon, cuối Hè năm 1968

NGUYỄN-HUY-ĐẦU

Chánh-Nhất Tòa Thượng-Thẩm Saigon

## LỜI NÓI ĐẦU

Chúng tôi trân trọng gửi đến quý vị sưu tập « **ÁN LỆ VỰC TẬP** » nội dung là **TÓM TẮT** và **XẾP LOẠI** các án lệ **DÂN SỰ**—**DIỄN ĐỊA**—**LAO ĐỘNG**—**NHÀ PHỐ**—**THƯƠNG MẠI**—**HÌNH SỰ**—**QUÂN SỰ**—**HÀNH CHÍNH** đã được đăng trong pháp lý tập san và báo pháp luật do Bộ Tư Pháp xuất bản từ 1948-1967.

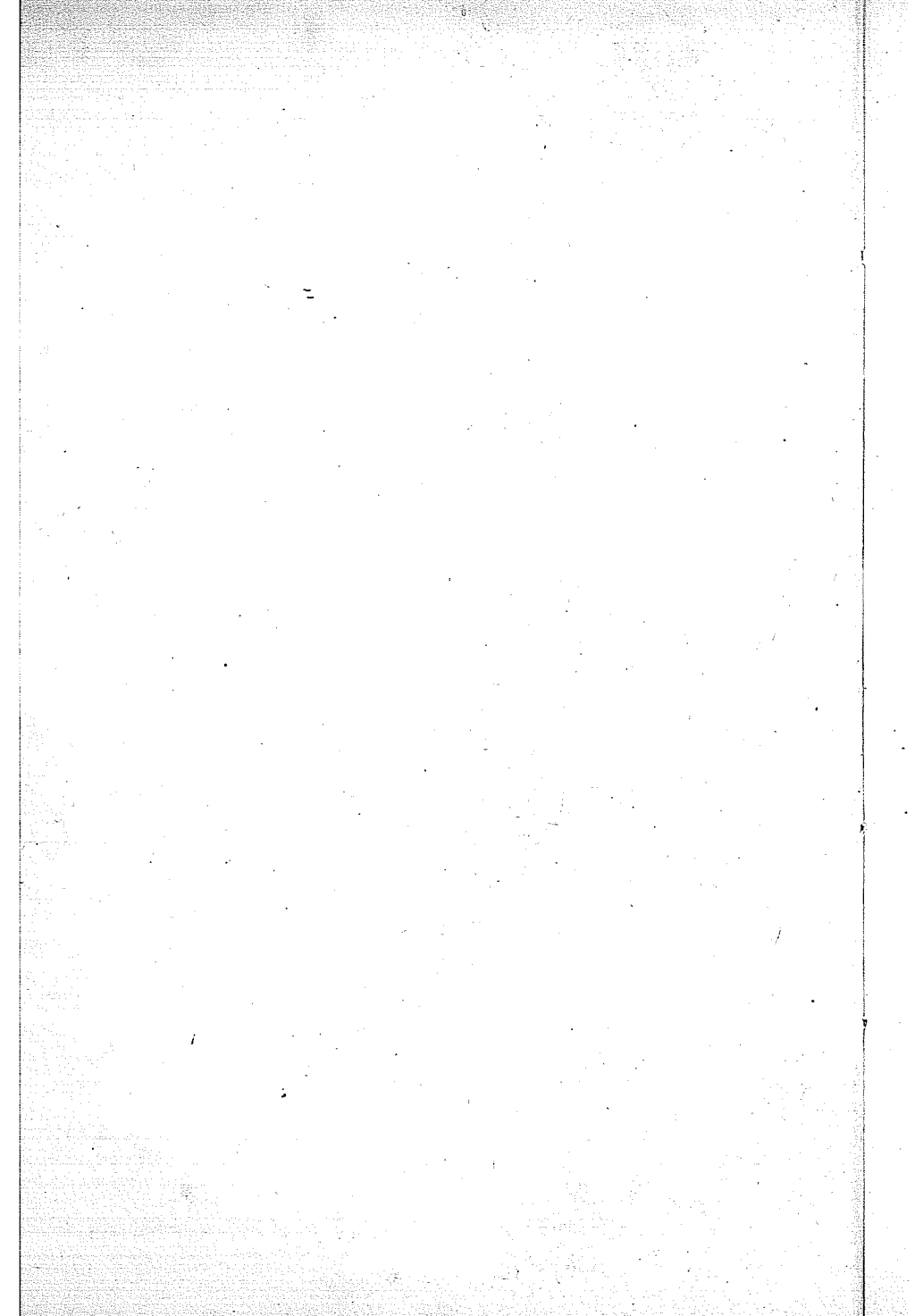
Sưu tập được hoàn thành chính vì nhu cầu học hỏi, nhưng được xuất bản do sự khích lệ của các bậc Thâm-Phán đàn anh các luật gia, bạn hữu xa gần và cũng thể theo chương trình tu thư của Bộ Tư-Pháp từ 1961, khuyến khích các Thâm Phán trau dồi kiến thức chuyên môn và xuất bản tác phẩm.

Chúng ta ai ai cũng biết án lệ đã đóng một vai trò quan trọng trong việc giải thích và bổ khuyết luật pháp. Nhất là hiện trạng nước nhà, luật pháp chưa được thống nhất, không những có sự phân tranh trên bình diện quốc tế Tư-Pháp mà còn trên bình diện luật pháp quốc nội.

Hơn nữa ở Nam phần, luật thành văn rất thiếu sót vì vậy không những án lệ chỉ đóng vai trò giải thích luật pháp, định hướng khi quan điềm bất đồng, mà còn chiếm một địa vị quan trọng trong việc bổ khuyết rất nhiều vấn đề trong phạm vi dân luật mà không thể tìm thấy trong những bản văn lập pháp.

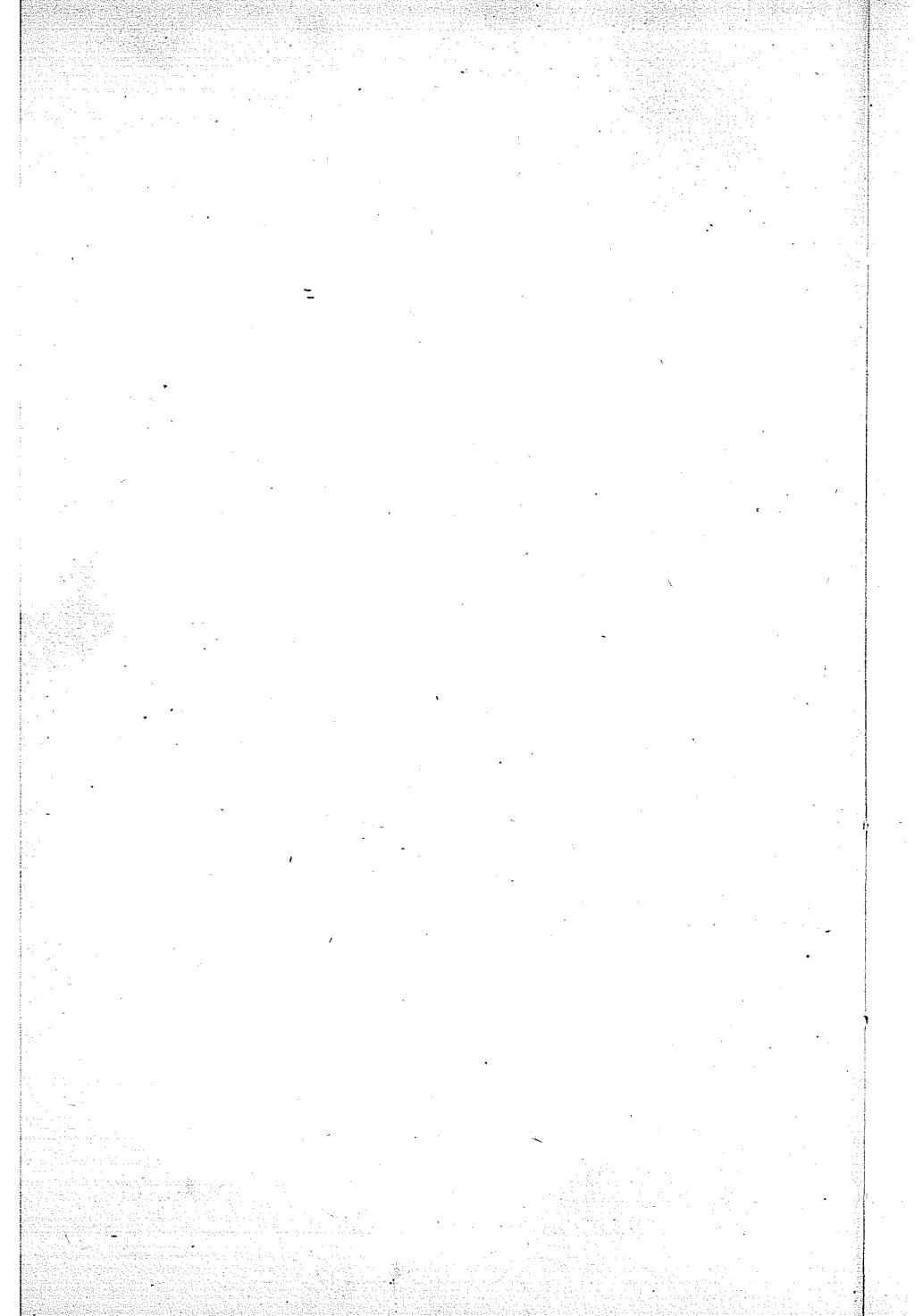
Vì ở trong hoàn cảnh thiếu phương tiện và nhất là tự biết mình không đủ khả năng nếu không có những cảm tình đặc biệt của toàn thể các Thâm-Phán và luật gia, nhất là Ông Chánh-Nhất **NGUYỄN-DUY-ĐẦU** thì chắc chắn sưu tập không thể nào xuất bản được. Kính xin liệt-vị nhận ở nơi đây lòng tri ân sâu xa và nếu có những sơ sót, làm lẫn kính xin vui lòng chỉ giáo ngõ hầu « **ÁN LỆ VỰC TẬP** » quyển II được hoàn hảo hơn.

Mùa Thu năm 1968  
**TRẦN - ĐẠI - KHÂM**



PHẦN THỨ NHẤT

DÂN SỰ





ĐOẠN THỨ NHẤT

ÁN LỆ DÂN SỰ

ÁN LỆNH

1.— HÒA GIẢI LY HÔN. ÁN LỆNH CHIẾU ĐƠN XIN LY HÔN.

Án lệnh chiếu đơn hoặc có, hoặc không có tính cách tài phán.

Nhà lập pháp không ấn định trước thế nào là án lệnh tranh tụng và án lệnh phi tụng. Điều 250 Nghị định ngày 16-3-1910 chỉ dự liệu nếu án lệnh chiếu đơn có tính cách tranh tụng và có thể làm tổn hại đến đệ tam nhơn thì có thể bị kháng nại theo thể lệ thông thường tức là kháng tố hoặc kháng cáo,

Riêng về án lệnh dưới đơn khởi tố xin ly hôn, ấn định ngày giờ cho đòi hai vợ chồng đến để thử hòa giải, luật lệ hiện hành về thủ tục xin ly hôn không minh thị dự liệu phương cách tố cầu, mà chỉ dự liệu sự kháng cáo đối với án lệnh tuyên sau khi hòa giải và ấn định các biện pháp tạm thời.

Từ lâu án lệ nhận định rằng án lệnh đầu tiên cho phép triệu hoán đương sự để thử hòa giải theo đơn xin ly hôn chỉ có tính cách phi tụng và do đó không thể bị kháng tố hay kháng cáo.

Nhưng theo chuyên hướng, gần đây học thuyết cũng như án lệ đều quan niệm rằng loại án lệnh vừa nói trên có thể bị kháng nại nếu làm tổn hại đến quyền lợi của đương sự, như trường hợp có ấn định những biện pháp tạm thời chẳng hạn, nếu không, sự kháng nại bất khả chấp.

(TT Saigon 18-2-1965 PLTS. I. 128)

2.— HÒA GIẢI LY HÔN. KHÁNG CÁO. ĐIỀU 70 SẮC LUẬT 15164 NGÀY 23-7-1964 ÁN LỆNH CHIẾU ĐƠN. KHÁNG TỐ HOẶC KHÁNG CÁO. ĐIỀU 250 NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910.

Điều 70 sắc luật số 15164 ngày 23-7-1964 dự liệu sự kháng cáo đối với án lệnh của thẩm phán phụ trách việc hòa giải trong vụ ly hôn sau khi hòa giải bất thành và ấn định các biện pháp tạm thời : nhà lập pháp không cho phép đương sự vắng mặt, mặc dầu đã được trật dời hợp lệ, được quyền kháng tố án lệnh hòa giải bất thành.

Về các án lệnh chiếu đơn, Điều 250 Nghị định ngày 16-3-1910 dự liệu rằng các án lệnh chiếu đơn, nếu có tánh cách tranh tụng và làm tổn hại đến đệ tam nhơn thì có thể bị kháng nại theo thê lệ thông thường, nghĩa là kháng tố đến trước mặt vị thẩm phán đã tuyên xử vắng mặt đối phương, và kháng cáo lên Tòa Thượng thẩm nếu là án lệnh chiếu đơn xử đối tịch.

(TT Saigon 11-3-1965 PLTS, I. 134)

### 3.— PHÊ ĐƠN CHO PHÉP VI CHỨNG SỰ PHẠM GIAN.

Theo điều 249 Nghị định ngày 16-3-1910, trong mọi trường hợp cần có một quyết định tức khắc, mà thủ tục khẩn cấp không thích nghi, thẩm phán có thẩm quyền ra án lệnh phê đơn để tuyên xử về mọi thỉnh cầu các tụng nhân.

Án lệ và học thuyết công nhận rằng Chánh án có thẩm quyền cho phép vi chứng một sự phạm gian bằng một án lệnh phê đơn, vì lẽ, sự phạm gian có thể được chứng minh bằng mọi phương sách, đáng khác, sự phạm gian là hành vi có thể làm tan rã một gia đình, sự vi chứng bao giờ cũng có tánh cách khẩn cấp.

(TT Saigon 12-8-1965 PLTS 1967. II. 84)

### 4.— THU HỒI ÁN LỆNH. THẨM QUYỀN XÉT MỆNH LỆNH PHÊ ĐƠN : ĐIỀU 249 VÀ KẾ TIẾP NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910. TIÊN CHỮ ĐƠN KHỞI TỐ : PHẢI GIẢI TRỪ NẾU ĐƠN KHỞI TỐ ĐÃ BỊ BÁC. ĐIỀU 2157 DÂN LUẬT PHÁP, KHÔNG CÓ LIÊN HỆ GÌ VỚI SỰ TIÊN CHỮ.

Tòa cấp thẩm có thẩm quyền về những việc gì đã do thẩm phán giải quyết bằng mệnh lệnh phê đơn (không kể thủ tục kháng tố và kháng cáo dự liệu ở điều 251) vì lẽ đối tượng của mệnh lệnh

phê đơn chỉ là một biện pháp tạm thời phải đổi thay tùy theo hoàn cảnh.

Khi đơn khởi tố bị bác thì sự tiên chú không có căn bản pháp lý, phải khẩn cấp chấm dứt.

Điều 2157 Dân luật pháp quy định sự xóa bỏ, những đặc quyền và quyền đề đương đã được đăng ký trên bất động sản không liên quan đến sự tiên chú, và cũng không áp dụng được ở Việt-Nam vì lẽ quy chế bất động sản ở Pháp khác với quy chế của sắc lệnh 21-7-1925 hiện hành ở Việt-Nam.

(*TT Saigon 3-5-1962. PLTS. 1963 III. III*)

5.— TÍN LỰC QUYẾT TỤNG. CHỨNG THƯ HỘ TỊCH VÀ CHẤP HỮU THÂN TRẠNG.

Án văn xử theo đơn thay thế chứng thư hộ tịch không có uy lực quyết tụng : tuy có thể đem đối dụng với tất cả mọi người nhưng mọi người kể cả đương sự trong bản án, có quyền nại sự vô hiệu của án văn ấy.

Án văn khai sanh phù hợp với sự chấp hữu thân trạng không thể bị chỉ trích.

(*TT Saigon 15-3-1962 PLTS. 1963. III. 72*)

ÁN VĂN

6.— ÁN ĐƯƠNG TỊCH. SỰ ĐẠI DIỆN CỦA TỤNG NHÂN Ở CÁCH XA TÒA ÁN HƠN 100 CÂY SỐ.

Tụng nhân ở cách Tòa án hơn 100 cây số không xuất diện chỉ gửi đề luận, Tòa có thể xử y đương tịch, chiếu Điều 57 Nghị định 16-3-1910 và điều 120 Sắc lệnh 16-2-1921.

(*TT Saigon, 16-II-1961 PLTS. 1963 I. 76*)

7.— KHUYẾT TỊCH NGUYÊN ĐƠN : ĐIỀU 55 NGHỊ ĐỊNH 16-3-1910.

Điều 55 Nghị định ngày 16-3-1910 dự liệu việc « Khuyết tịch nguyên đơn » : án văn tuyên xử theo điều này chỉ có thể là một án văn khuyết tịch.

Nguyên đơn tuy không xuất tịch phiên Tòa đầu tiên nhưng nếu nó có xuất diện thì tụng trạng đã liên kết chiếu điều 24, và án văn được tuyên xử là án đương tịch.

(*TT Saigon 7-6-1962 PLTS. 1963. III. 119*)

— ÁN KHUYẾT TỊCH LIÊN THẨM.

Với mục đích tránh sự mâu thuẫn án văn, thủ tục dân sự đã dự định sự khuyết tịch liên thẩm, để tất cả các bị đơn có quyền lợi giống nhau đều được xử chung do một bản án cùng tính chất, để án này rồi bị cải xử khác nhau do những phương pháp khiêu tố khác biệt.

Nếu trong một vụ án có nhiều bị đơn mà họ không có quyền lợi trong đồng, tòa sơ thẩm có thể, không lên án tịch liên thẩm, xử riêng đương tịch các bị đơn có mặt, và khuyết tịch những bị đơn vắng mặt.

(*TT Saigon 16-5-1963 PLTS. 1964. III. 122*)

— ÁN DỰ PHÁN VÀ ÁN TRUNG PHÁN. KHÁNG CÁO ÁN TIÊN THẨM :

Luật tố tụng phân biệt hai loại án tiên thẩm :

Nếu án tiên thẩm chỉ dự bị về nội dung mà không có tiên kiến giải pháp thì án văn được gọi là dự phán (*jugement préparatoire*) ;

Trái lại, nếu án tiên thẩm có tiên kiến về kết quả chung quyết định này là án trung phán (*jugement interlocutoire*) ;

Nghị định ngày 16-3-1910 qui định thủ tố tụng trước các Tòa án Việt-Nam, trong điều 117, đã ấn định rõ ràng các bản án tiên thẩm, là dự phán hay trung phán, đều không thể bị kháng cáo trước khi án chung quyết.

Điều 130 Nghị định ngày 16-3-1910 hạn chế quyền di thẩm vào tụng án văn chung quyết bị tiêu hủy vì vô thẩm quyền hay bất hợp lệ, và hồ sơ đã hoàn bị mà thôi

(*TT Saigon 15-7-1965 PLTS. 1967. III. 94*)

— ÁN VĂN PHI TỤNG. ÁN THỂ VÌ KHAI SANH. UY LỰC QUYẾT TỤNG. KHÔNG CÓ, THỦ TỤC ĐỀ TAM KHÁNG CÁO. KHÔNG CẦN DỪNG. BẰNG CHỨNG NGƯỢC LẠI.

Án thế vì khai sinh là một án văn phi tụng do đương sự đứng xin cho y với những nhân chứng do y nại dẫn mà không có người đối tụng vì vậy không có uy lực quyết tụng và có thể bị hủy bỏ hoặc có thể sửa đổi nếu có sự thay đổi nguyên trạng, người đệ tam không phải dùng đến phương sách đệ tam kháng cáo để xin hủy bỏ án văn ấy mà chỉ cần nại ra những bằng chứng ngược lại.

(PA 27-10-1965 PLTS. III. 18)

11.— ÁN XỬ THỜI VIỆT MINH THỜI NHẬT.

Tòa án không thể áp dụng tục lệ hay luật Gia long trái với điều 439 và 440 Hoàng-Việt Hộ-Luật. Không có sự áp bức trong vụ án Hồ của Tòa án Việt-Minh đã xử hợp lý và đúng với hộ-luật Trung Việt nếu không có bằng chứng của sự áp bức.

(TT Huế 17-1-1962 PLTS. II. 116)

GIÁ TRỊ CÁC VĂN THƯ LÀM RA DƯỚI THỜI NHẬT.

Các văn thư về Tư-Pháp làm ra dưới thời Nhật vẫn có giá trị nếu không điều gì trái với luật lệ hiện hành.

(TT Saigon 28-6-1951 PLTS. 1952. I. Và II. 52)

12.— ÁN HẠN. TRUẤT BÃI.

Theo điều 41 Nghị định ngày 16-3-1910, ân hạn lúc nào cũng có thể bãi bỏ.

Người hưởng ân hạn có thể bị truất bãi ân hạn nếu có những sự kiện mới tỏ rõ y không còn xứng đáng được hưởng ân hạn nữa như người thuê không trả tiền bồi thường chiếm ngụ lại còn lợi dụng hạn ân huệ để cho người khác thuê lại.

Do đó không có sự vi phạm uy lực quyết tụng.

Sự truất bãi ân hạn có hậu quả trực tiếp làm cho án văn được chấp hành ngay tức khắc, do đó khi truyền thi hành án sơ thẩm được chuẩn y, Tòa thượng thẩm xét xử về chính đối tượng của đơn khởi tố và không có sự xét xử quá trình.

(PA 27-7-1966 PLTS. 1966. IV. 37)

— BÁO THỊ NGÀY TUYỂN ÁN.

Chiếu theo điều 147 Trung-kỳ hộ sự tổ tụng thì khi việc đã hồi ng và cuộc thăm vấn đã kết liễu thì Ông Chánh thẩm truyền đem i bản và án xử không phải báo cho các đương sự biết.

(PA 21-12-1955 PLTS. 1956. II. 7)

— CÁC ĐIỂM PHẢI XÉT.

Tòa án phải xét xử và chỉ phải xét xử những điểm thỉnh cầu nêu ong đơn khởi tố hay trong phần chủ văn của lý đoán của các tụng iân mà thôi.

Theo điều 139 Nghị định ngày 16-3-1910, nếu Tòa án bỏ qua không t xử một lời thỉnh cầu đệ trình đúng theo thể thức nói trên đó sẽ một phương chước để xin thu hồi nguyên án, chớ không phải đề n phá án.

(PA 28-8-1963 PLTS. 1964 III. 5)

— GIẢI THÍCH ÁN VĂN. KHÔNG CÓ LÝ DO CHÍNH ĐÁNG.

Nếu án văn của Tòa Thượng thẩm chỉ y không sửa đổi phần o một khoản xử của Tòa án cấp dưới và chính khoản này không ề gọi ra một sự khó khăn gì cần phải giải thích thì người đương sự u không viện được một lẽ gì xác đáng để xin giải thích mà trái lại ý lợi dụng thủ tục này để kéo dài sự tranh tụng, đơn xin giải thích a y đề tại Tòa Thượng thẩm sẽ bị bác và y phải chịu các khoản phi.

(TT Hà-nội 17-11-1949 PLTS. 1950. I. 9)

— GIẢI THÍCH ÁN VĂN. THẨM QUYỀN

Ông chánh án Tòa xử về dân sự không thẩm quyền xử ững vụ án mà nội dung thuộc thẩm quyền của hành chánh pháp n, Tòa khẩn cấp cũng không thẩm quyền luận giải một bản văn a địa phương xem coi phải một sự cho thuê hay một sự cho phép vì sự luận này chỉ tùy nơi Tòa xử về nội dung, nghĩa là Tòa án nh chánh.

(TT Saigon 29-7-1950 PLTS. 1950. III. 68)

GIẢI THÍCH ÁN VĂN. ĐIỀU 172 VÀ KẾ TIẾP NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910. GIÁ NGẠCH TIỀN LỜI PHÁP ĐỊNH VỀ VIỆC THƯƠNG MÃI.

Sự giải thích án văn về diêm giá ngạch tiền lời pháp định không sửa đổi tầm quan trọng của bản án bằng cách thêm vào đó một khoản nào mới chưa được xét xử, mà chỉ làm sáng tỏ một khoản chủ văn không được rõ ràng.

Nghị định ngày 25-4-1868 ấn định phân xuất tiền lời pháp định về việc dân sự cũng như về thương mại là 12% một năm.

Sắc lệnh ngày 15-5-1914, cũng như sắc lệnh ngày 17-5-1934 chỉ sửa đổi phân xuất tiền lời về việc dân sự như tiêu đề của hai bản văn cũng như nội dung của điều 1, có nói rõ (en matière civile).

Do đó phân xuất tiền lời pháp định về việc thương mại vẫn là 12% một năm.

(*TT Saigon 21-7-1966 PLTS 1966. IV. 134*)

GIẢI THÍCH ÁN VĂN: GIẢI THÍCH MỘT BẢN ÁN TÒA SƠ THẨM HOẶC TÒA THƯỢNG THẨM.

Theo một án lệ vững chắc thì án tòa sơ thẩm hoặc thượng thẩm có thể đề Tòa sơ thẩm hay thượng thẩm giải thích là khi nào phần chủ văn bản án không có ý nghĩa rõ rệt nhưng sự giải thích này không có nghĩa là Tòa sơ thẩm hoặc thượng thẩm được quyền đổi một cách gián tiếp bản án đã tuyên.

(*TT Saigon 29-10-1953 PL. II. 6*)

GIẢI THÍCH ÁN VĂN. THỦ TỤC XIN GIẢI THÍCH.

Đơn xin giải thích án văn đệ nạp trực tiếp trước Tòa Thượng thẩm, trái với thủ tục ấn định tại các điều 175 vừa kể tiếp nghị định ngày 16-3-1910; là bất hợp thức:

Chiều chỉ điều 175 và kế tiếp nghị định ngày 16-3-1910 qui định rằng những việc khó khăn liên hệ đến việc thi hành án văn phải được đệ trình trước Thẩm phán khẩn cấp, và nếu vấn đề giải thích án văn

trục nêu lên, vị Thẩm phán khần cấp có thể trục triết cho thi hành hoặc nếu cần, thì đình chỉ phán quyết đợi cơ quan tài phán có thẩm quyền giải thích án văn.

(*TT Saigon 5-5-1966 PLTS. 1966. IV 132*)

## 6.— HOÃN THI HÀNH ÁN VĂN. KHÔNG HOÃN VI GIẢI THÍCH.

Sự xin giải thích án văn không hề có triển hoãn việc chấp hành nguyên án trừ trường hợp nào Tòa án thụ-lý đơn xin giải thích, có ý định riêng thì khác (Điều 128. DSTT Bắc kỳ). Nếu đương sự không viện một lý do gì xác đáng để xin tạm hoãn việc thi hành bản án thì tòa án sẽ bác đơn của y về khoản này.

(*TT Hà Nội 20-10-1949 PLTS. I. 1950. 8*)

## 7.— HOÃN THI HÀNH ÁN VĂN. DỰ SỐ 17 ĐIỀU I PHẠM VI ÁP DỤNG. ÁN VĂN TRƯỚC NGÀY BAN HÀNH DỰ. ÁP DỤNG. ÁN VĂN SAU ĐÓ. KHÔNG ÁP DỤNG. ĐÍNH CHỈ ÁN VĂN. TƯ PHÁP. TƯỞC BỎ HIỆU LỰC CHẤP HÀNH. VÔ THẨM QUYỀN. DỰ SỐ 17 TÁI THẨM. PHẠM VI SỰ TÁI THẨM. TRANH TỤNG VỀ MỘT VẤN ĐỀ NAN GIẢI. THẨM QUYỀN. TÒA CẤP THẨM. CHẤP HÀNH ÁN VĂN NGHĨA VỤ QUỐC GIA. HỘ TRỢ CÔNG LỰC. TỪ CHỐI. TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA QUỐC GIA.

Điều 1 dự số 16 nói rằng : « Nay tạm hoãn thi hành cho đến khi có lệnh mới, nhưng quyết nghị tư-pháp mặc dầu đã thành nhất định, từ trục xuất các người thuê, người thuê lại và người chiếm ngụ các nhà lá hay các kiến trúc bằng vật liệu nhẹ đã làm trên đất của người khác. Theo văn cách điều luật, ta nhận thấy rằng điều luật chỉ nhằm hững vụ trục xuất đã được cơ quan tư pháp xét định rồi vì bản văn nói rõ là « tạm hoãn thi hành nhưng quyết nghị » và nếu việc kiện nra được xét xử thì tất nhiên chưa có quyết nghị đã nói đến trong điều luật.

Văn ý của điều luật phải được giải thích như trên mới không trái ngược với những nguyên tắc đại-tổng của luật pháp. Thực vậy dự



dẫn chiếu là một đạo luật thời cơ mà có, tất nhiên chỉ có thể áp dụng cho những trường hợp của thời cơ lúc ấy, nói một cách khác, nhà lập pháp nhận thấy rằng sự trục xuất những người thuê đất vào lúc bấy giờ (năm 1954) gây ra nhiều xáo trộn cho trật tự xã hội, cho nên tạm thời đình chỉ hiệu quả của những quyết định tư pháp, mặc dầu những quyết định đã thủ đắc sức mạnh cưỡng hành, nghĩa là đã bó buộc được tất cả mọi người tuân theo. Một mặt khác, không thể nói được rằng Dự 17 chi phối cả những quyết nghị hậu lai của tư pháp vì nói như vậy cho rằng nhà lập pháp, trái với những nguyên lý căn bản của luật pháp, đã phủ nhận hiệu quả những quyết nghị tư pháp ngay từ trước khi những quyết nghị ấy ra đời; chẳng khác gì cho rằng nhà lập pháp đã phủ nhận một cách tổng quát quyền căn bản của người công dân được đòi hỏi công lý.

Tóm lại, không thể đem ra áp dụng dự 17 dẫn chiếu cho những quyết nghị hậu lai tư pháp: nhà lập pháp, chỉ có thể vì tình trạng đặc biệt, đình chỉ tạm thời hiệu lực chấp hành của những quyết nghị đã tuyên rồi mà không thể hủy bỏ hiệu lực ấy ngay từ trước khi những quyết nghị ấy ra đời vì như vậy trái với nguyên lý của luật pháp, trái cả với hiến pháp hiện hành.

Tòa án không có quyền đình chỉ sự thi hành án văn, vì rằng nếu vậy, chính tư pháp lại phủ nhận quyết nghị của tư pháp, trái với nguyên tắc: uy lực quyết tụng của án văn phải được tôn trọng, khi một Tòa án đã tuyên một bản án, thì liền ngay khi tuyên đọc, đương sự đã thủ đắc bản án, và uy lực quyết tụng của bản án không cho phép cũng tòa ấy được sửa đổi gì vào đấy: bản án đã tuyên như thế nào phải giữ nguyên như vậy. Theo nguyên tắc ấy, Tòa án không thể đem một việc đã xử chung thẩm rồi ra xét định lại để trước bỏ hiệu lực chấp hành này là hậu quả đương nhiên của uy lực quyết tụng nói trên.

Sự tái thẩm như trên chỉ có thể xảy ra với những quyết nghị đã tuyên xử trục xuất những nhà tranh hay nhà làm bằng vật liệu nhẹ trước khi ban hành, Dự số 17, vì rằng chỉ trong trường hợp này, Dự

n chiếu mới có thể là căn bản pháp lý có sự tái thẩm như đã giải  
ch ở trên, và mục tiêu của sự tái thẩm sẽ là xét xem những nhà  
trục xuất là nhà làm bằng vật liệu nhẹ, hay làm bằng vật liệu nặng  
đấy, án văn có thể được thi hành hay không ; nói một cách khác,  
tranh tụng có tánh cách một vấn đề nan giải trong sự chấp hành  
nghĩa điều 175 Nghị định 16-3-1910 và thuộc thẩm quyền Tòa  
thẩm.

Quốc gia có nhiệm vụ phải bảo đảm cho mỗi người dân được  
ởng những quyền lợi đã được những quyết nghị tư pháp xác nhận.  
chấp hành án văn cần đến sự hộ trợ của công lực ; nhờ đấy, cơ  
an hành pháp có thể, trong tình trạng đặc biệt, gián tiếp phủ nhân  
u lực của án văn bằng cách từ chối không hộ trợ đương sự muốn  
lập hành án văn ấy. Nhưng phương sách này sẽ phát huy trách  
lệch bồi thường của quốc gia đối với đương sự đã bị truất quyền  
lập hành án văn.

(TT Saigon, 1-6-1961 PLTS. 1961 IV. 58)

— HOÃN THI HÀNH ÁN VĂN. HIỆU LỰC CHẤP HÀNH  
CỦA CÁC BẢN VĂN CÓ TÍNH CÁCH LẬP PHÁP VÀ LẬP  
QUI. SỰ CÔNG BỐ VÀO CÔNG BÁO VIỆT-NAM. KHẢN  
CẤP TRÊN VI BẰNG.

Tuy các điều 175 đến 179 Nghị định ngày 16-3-1910 không  
nh thị dự liệu sự kháng cáo đối với các án lệnh khẩn cấp về việc khó  
ăn nhân khi thi hành án văn và giải thích án văn, nhưng sự kháng  
là một phương cách tố cầu thông thường có mục đích bảo đảm  
tụng nhân sử dụng nguyên tắc lưỡng cấp tài phán miễn là không  
một bản văn đặc biệt ngăn cấm.

Điều 248 Nghị định ngày 16-3-1910 quy định rằng án lệnh khẩn  
có thể bị kháng cáo, điều luật này không loại trừ các án lệnh khẩn  
trên vi bằng.

Theo luật số 5159 ngày 17-1-1959, các bản văn có tính cách lập  
lập là lập quy chỉ có hiệu lực chấp hành do sự công bố vào công  
Việt-Nam.

Quyết định ngày 24-4-1964 của Thủ Tướng Chính-phủ không được công bố hợp lệ nên không có hiệu lực chấp hành, vậy không cần đặt vấ đề tiêu hủy hay xét định về nội dung của quyết định ấy.

(*TT Saigon 22-4-1965 PLTS. 1967. III. 76*)

### HOÀN THI HÀNH ÁN VĂN CỦA TÒA SƠ THẨM.

Theo một án lệ thông thường Tòa phúc thẩm có thẩm quyền xét đơn xin triển hoãn việc tạm thi hành án văn của Tòa sơ thẩm ngoại trừ trường hợp kể ở đoạn 67 DSTT Bắc kỳ.

(*TT Hà-nội 27-10-1949 PLTS. 1950. I. 5*)

### HOÀN THI HÀNH ÁN TÒA THƯỢNG THẨM.

Thẩm Phán Toà án Sơ thẩm không thể ra mệnh lệnh cấp thẩm hoãn thi hành án của Tòa Thượng thẩm, một án văn có hiệu lực thi hành và chỉ có thể do sự khẩn cấp và trong vài trường hợp cho hưởng thời hạn ân huệ.

(*TT Hà nội 30-10-1952 PLTS 1952 III. và IV. 28*)

### HOÀN THI HÀNH ÁN TÒA THƯỢNG THẨM.

Thẩm phán xử cấp thẩm không hề ngăn cản sự thi hành một bản án của Tòa Thượng thẩm.

(*PA 25-7-1962 PLTS 1963-I-50*)

### 19.— LÝ ĐOÁN VĂN KHÔNG TRẢ LỜI KẾT LUẬN CỦA ĐƯƠNG SỰ. THIẾU SÓT LÝ DO. CÓ THỂ BỊ PHÁ ÁN.

Án văn phải trả lời những khoản nêu lên một cách rõ ràng và phân biệt trong các lý đoán của các đương sự, nếu không là thiếu sót lý do coi như không có lý do và bị phá hủy.

(*PA 27-12-1961 PLTS. 1962 I. 18*)

### LÝ DO ÁN VĂN. ÁN THƯỢNG THẨM Y ÁN SƠ THẨM.

Theo nguyên tắc các Tòa xét xử không buộc phải trả lời tỉ mỉ về tất cả những điểm hoặc lý lẽ do các đương sự nêu lên và phán quyết được coi là không thiếu lý do, nếu những lý lẽ việc dân đủ minh xác quyết định của Tòa.

Phúc quyết định thượng thẩm chấp nhận các lý lẽ của án sơ thẩm xem đầy đủ.

(PA 30-9-1964 PLTS. 1965. II. 14)

10.— NGHỊ ÁN. THỈNH CẦU XIN HỦY NGHỊ ÁN. QUYỀN HẠN CỦA TÒA ÁN.

Tòa án không bỏ buộc phải hủy nghị án và đình xử mỗi khi một đương sự thỉnh cầu để trả lời lý đoán của đối phương.

Tòa có thể bác lời thỉnh cầu ấy nếu xét việc đình xử không cần thiết, lý đoán của đối phương không có gì mới mẻ, chỉ lặp lại các ý lẽ nêu ra trong lý đoán trước đã được trả lời.

(PA 26-9-1962 PLTS 1963. I. 53)

11.— SÁT NHẬP THỦ TỤC. LIÊN HỆ. ÁN TIÊN THẨM. ÁN DUY NHẤT. SÁT NHẬP MỘT VỤ DÂN SỰ VÀ MỘT VỤ NHÀ PHỐ TOÀN QUYỀN TÀI SẢN CỦA TÒA THƯỢNG THẨM.

Tòa án Dân sự có thể cho sát nhập hai vụ kiện đề cùng tuyên một bản án khi có sự liên hệ giữa hai thủ tục ấy : như trong trường hợp phán quyết của Tòa trong một vụ có thể ảnh hưởng đến phán quyết trong vụ kia ; mặc dầu không có đồng đối tượng, đồng nguyên nhân và đồng đương sự.

Tùy trường hợp, Tòa hoặc tuyên một án tiên thẩm truyền sát nhập hai vụ kiện rồi sau tuyên án xử về nội dung của hai vụ kiện rồi xử luôn về nội dung khi hai bên đương sự đã tranh luận về việc sát nhập và về nội dung và hồ sơ đã đầy đủ.

Tòa thượng thẩm có thể cho sát nhập một vụ kháng cáo án dân sự và một vụ kháng cáo án xử về việc nhà phố (Dụ số 4 ngày 2-4-1943) vì có toàn quyền tài sản để xét xử hai vụ kháng cáo ấy.

(PA 30-5-1962 PLTS. 1963. I. 22)

12.— SỬA ĐỔI TÍNH DANH BẢN ÁN. TÒA CẤP THẨM TẠI TRUNG-PHẦN.

Khi một bản án sơ thẩm bị đình danh lâm thì Tòa Phúc thẩm (Thượng thẩm) sẽ phải đình chánh lại cho hợp với tính danh của bản án ấy và áp dụng cho bản án này phương cách thượng tố chính đáng theo thủ tục hiện hành.

Án tiền thẩm có mục đích mở một cuộc điều tra hoặc truyền thi hành một biện pháp tạm thời cốt để bảo thủ một quyền lợi, một sở vật đối tượng của vụ kiện. Trong vụ dưới đây, chính vụ thuộc thẩm quyền Tòa cấp thẩm. Lại xét thủ tục xử dụng cũng như lời hành văn đều mô phỏng theo một án lệnh cấp thẩm.

Mặc dầu trong T.K.H.S.T.T.P. ở Trung-phần không nói tới sự hiện diện của Tòa cấp thẩm, nhưng với nhu cầu hiện đại, sự hiện diện của Tòa này đã được mặc nhiên chấp thuận. Dự số 11 ngày 8-12-1955 áp dụng trên toàn lãnh thổ Quốc gia quy định hạn kháng các án lệnh cấp thẩm, và chẳng trên thực tế Tòa này đã điều hành thường xuyên trong hệ thống tư pháp hiện hành tại Trung phần.

(*TT Huế 10-5-1961 PLTS. 1961. IV. 107*)

23.— THẢO ÁN. NGHỊ ĐỊNH 16-3-1910. ĐIỀU 51. LÝ ĐOÁN. CHỦ VĂN. KHÔNG BỐ BUỘC PHẢI PHÉP. LƯỢC TÓM CÁC ĐIỀU THỰC TẾ. VÀ PHÁP LÝ NÊU RA.

Điều 51 nghị định 16-3-1910 không buộc phải chép lại chủ văn tất cả các lý đoán của các đương sự trong bản án mà chỉ định rằng bản án phải lược tóm các điều thực tế và pháp lý được nêu ra trong vụ kiện.

(*PA 29-6-1966 PLTS. 1966. IV. 16*)

24.— TUYÊN ÁN. NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910. ĐIỀU 38. QUYẾT ĐỊNH CỦA THẨM PHÁN. KẾT LUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

Chiếu điều 38 Nghị định ngày 16-3-1910 thẩm phán, theo nguyên tắc, chỉ có thể quyết định theo kết luận của các đương sự. trừ trường hợp liên can đến trật tự công cộng hay trường hợp luật định.

ÁN LỆ VỤNG TẬP

Mặc dầu có quyền chỉ huy cuộc tranh luận và đã báo cho các ông sự biết ngày nghị án, đến ngày ấy cả hai bên án không thể tuyên ngay trong phiên xử trong khi hai bên đương sự chưa kịp nộp hồ sơ các kết luận của họ.

Xử ngay như vậy là chưa cứu xét các bút lục và không quyết định theo kết luận của các đương sự tức là vi phạm điều 38 ghi trên.

(PA 25-5-1966 PLTS. 1966 IV. 4)

TUYÊN ÁN LAO ĐỘNG. QUYỀN HẠN CỦA TÒA. ĐIỀU HIỆN THỦ TỤC. TỪ CHỐI CHO ĐÌNH. KHÔNG PHẢI NGHỊ TRƯỚC.

Theo thủ tục tố tụng định ở các điều 265 và 270 luật lao động. án lao động có toàn quyền điều khiển thủ tục trong cuộc tranh luận của hai bên và trong hồ sơ đã có đủ tài liệu để xét xử.

Tòa án lao động cũng không bó buộc phải đình đề nghị án lúc khi tuyên án.

(PA 25-5-1966 PLTS. 1966. IV. 7)

— TƯƠNG PHẢN GIỮA HAI BẢN ÁN CÙNG XỬ MỘT VIỆC. ÁN CHUNG THẨM QUYỀN. HAI BẢN ÁN CỦA HAI TÒA KHÁC NHAU. PHÁ ÁN HAI BẢN ÁN CỦA CÙNG MỘT TÒA ÁN THU HỒI NGUYÊN ÁN.

Chiếu Điều 7 Dự số 5 ngày 18-10-1949, Tòa Phá án chỉ có thẩm quyền nếu có sự tương phản giữa hai bản án xử chung thẩm về một vụ của hai Tòa án khác nhau.

Sự tương phản xảy ra giữa hai bản án chung thẩm của cùng một Tòa án là một lý do xin thu hồi nguyên án (Đ. 139-60 nghị định ngày 16-3-1910)

(PA 29-9-1965 PLTS. 1966. II. 33)

TƯƠNG PHẢN GIỮA HAI BẢN ÁN.

Nếu có sự tương phản giữa hai bản án của cùng một Tòa, để phá án phải là một lý do xin phá án, chiếu Điều 7 Dự số 5 ngày

18-10-1949 tổ chức tối cao Pháp viện, mà là một lý do xin thu hồi nguyên án, chiếu điều 139-6 Nghị định ngày 16-3-1910.

(PA 25-5-1963. PLTS. 1963 III. 22)

26.— TÍN LỰC ÁN VĂN.

Theo nguyên tắc căn bản trong thủ tục tố tụng, phạm trong một vụ tranh tụng, khi đã có một án văn do một Tòa án tuyên, thì Tòa án đó không thể đem ra xét định lại, ngoại trừ trường hợp đặc biệt có thể xin thu hồi nguyên án.

Tín lực của bản án đã tuyên không những không cho phép trở lại vấn đề đã được giải quyết, mà hơn nữa. Tòa cũng không có quyền thêm bớt gì vào bản án này, dù là một điều phụ thuộc.

(TT Saigon 15-11-1956 PLTS. 1957. I. 16)

27.— XÁC NHẬN KHIẾM DIỆN.

Điều 37 và 55 nghị định ngày 16-3-1910 buộc Tòa án phải nghe cả đôi bên đương sự và phải xác nhận sự khiếm diện nếu một bên không đến hầu hoặc không đệ kết luận.

(PA 11-4-1956 PLTS. 1956. IV. 7)

oOo

BÃI NẠI

28.— BÃI NẠI TỔ QUYỀN.

Sự bãi nại phải do chính đương sự hoặc người đại diện có ủy quyền riêng biệt của y khai trình rành rẽ trước Tòa và phải được Tòa xác nhận. Sự xóa bỏ vụ kiện kháng án chỉ là bôi bỏ thủ tục.

(TT Saigon 18-8-1956 PLTS 1957. II. 11. PL số 29 trang 6)

29.— BÃI NẠI THỦ TỤC VÀ BÃI NẠI TỔ QUYỀN. CON NGOẠI TỈNH : CON CỦA NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐÃ CÓ CHỖN SINH VỚI MỘT NGƯỜI ĐÀN ÔNG KHÁC, SỰ ƯC ĐOÁN TỬ HỆ CỦA ĐỨA TRÉ NÀY. ĐƠN XIN BỒI THƯỜNG CỦA NGƯỜI ĐÀN BÀ TỰ CHO LÀ ĐÃ BỊ DỤ DỖ : KHÔNG THỂ ĐƯỢC CHẤP NHẬN.

Khi một đương sự, đang theo kiện, lại khước từ mục tiêu của kiện kiện thì sự bãi nại là một sự bãi nại về nội dung tiêu diệt hẳn tố quyền của người ấy.

Đứa trẻ do một người đàn bà có chồng sinh ra được coi là con của người chồng cho đến lúc bị người này khước từ phụ hệ.

Người đàn bà không thể viện lẽ chồng đã « bỏ rơi » để truy tìm phụ hệ đứa con, cũng không thể đòi cấp dưỡng.

Cũng không thể viện lẽ người đàn ông hứa hôn với mình để đòi bồi thường.

(*TT Saigon* 30-8-1962. *PLTS.* 1963. I. 119)

#### o.— BÃI NẠI VỀ LAO ĐỘNG. TAI NẠN LAO ĐỘNG. BÃI NẠI VÔ HIỆU LỰC.

— Ngô-văn-Ba, thợ sửa xe máy, tử nạn trong lúc làm việc.

— Cao-thị-Vinh, thân mẫu của Ngô-văn-Ba kiện chủ nhân đòi bồi thường nhiệm bồi thường.

Trong lúc làm việc Ngô-văn-Ba bị máu xâm té va đầu vào tủ sắt để đỡ phụ tùng xe máy, bị kiến cắt đứt nhiều chỗ, đem vào nhà thương nạn nhân bị tắt thở vì không cầm máu được. Tai nạn này được kể như một tai nạn lao động, chiếu điều 243 Bộ luật Lao động vì tai nạn xảy ra lúc người thợ đang làm việc cho chủ tại xưởng của chủ, mặc dù là Ngô-văn-Ba bị máu xâm té, chớ không hải máy móc trong xưởng làm y chết.

Cao-thị-Vinh, đã có lãnh của chủ nhân một số tiền bồi thường và tiền chôn cất Ngô-văn-Ba và có khai trong cuộc điều tra rồi ứng suất, lãnh số tiền này và không kêu nại điều chi. Sự bãi nại ấy vô giá trị, chiếu Điều 37 nghị định 31-1-1944, sự ưng thuận của Cao-thị-Vinh không có hiệu lực của một sự bãi nại hợp pháp. Cao-thị-Vinh vẫn được quyền kiện đòi bồi thường mặc dầu đã bãi nại.

(*TT Saigon* ngày 14-3-1957 *PL.* 30-6-1957)



## BẢNG CHỨNG

### 31.— CHỮ KÝ. KHÔNG PHỦ NHẬN TRANH LUẬN ĐỐI TỊCH TRƯỚC TÒA SƠ THẨM. TRƯỚC TÒA PHỨC THẨM. KHÔNG THẺ PHỦ NHẬN.

Chiếu điều 125 Nghị định ngày 16-3-1910, một chữ ký không bị phủ nhận trong cuộc tranh luận đối tịch trước Tòa sơ thẩm không còn có thể bị phủ nhận trước Tòa Thượng thẩm.

Khi chữ ký tên trên một tờ đoạn mại không bị phủ nhận trước Tòa sơ thẩm - xử đối tịch - bởi một đương sự thì đương sự này không có thể trước Tòa phúc thẩm xin lên án tiên thẩm đề đòi hai bên đương sự hiện diện xuất đình đề áp dụng thủ tục đăng ký giả mạo định ở Điều 102 cùng nghị định.

(PA 25-5-1966 PLTS. 1966 Số IV. trang 8)

### 32.— NHÂN CHỨNG. ĐIỀU 1679 H.V.H.L. CẤM DẪN NHÂN CHỨNG TRÁI LẠI HAY QUÁ GIỚI HẠN GIẤY TỜ. TRẢ NỢ. SỰ KIỆN MỚI RIÊNG BIỆT DẪN NHÂN CHỨNG ĐƯỢC.

Khi giấy nợ đã ký kết, thì không được dùng nhân chứng để làm nhân chứng trái lại hay quá giới hạn giấy ấy chiếu các điều 1678 và 1679 Hoàng Việt Hộ luật.

Nhưng hai điều luật ấy không hề cấm dùng những bằng chứng khác mà luật cho phép, như là dùng nhân chứng, để chứng minh việc có trả trọn hay có trả một phần số nợ vì đó là một sự kiện mới, riêng biệt, khác hẳn với sự kiện vay nợ ghi nhận.

(PA 26-2-1964 PLTS. 1964 số III trang 26)

### NHÂN CHỨNG DUY NHẤT.

Nguyên tắc « nhân chứng độc nhất, nhân chứng vô giá trị » chỉ là một câu tục ngữ giao thông được luật pháp thực tế chấp nhận trong một bản văn nào như một nguyên tắc pháp lý bó buộc, sự vi phạm nguyên tắc ấy không cấu thành một sự vi phạm làm duyên cớ cho sự phá án.

(PA 28-8-1963 PLTS. 1964 số IV trang 56)

3.— NGUYÊN TẮC BẮT KHẢ PHÂN TÍN LỰC CỦA MỘT BẢNG CHỨNG.

Trong một văn kiện-xuất nạp để căn cứ thuyết của mình, trong sự không thể phân chia phần hữu hiệu và phần vô hiệu của văn kiện đó.

(*TT Saigon 2-4-1959 PLTS 1959 số III trang 27*)

4.— NGUYÊN TẮC TỰ DO DẪN CHỨNG.

Theo nguyên tắc tự do dẫn chứng trong luật Việt-Nam, bất cứ vấn đề gì cũng có thể chứng tỏ bằng nhân chứng, trừ những trường hợp riêng biệt mà luật đã định rằng phải có bằng chứng văn lập bằng giấy tờ.

(*TT Saigon 12-9-1963 PLTS 1966 số IV trang 72*)

5.— NGUYÊN TẮC TỰ DO DẪN CHỨNG.

Theo quy tắc pháp lý phổ thông, luật Việt-Nam không bó buộc dẫn chứng bằng văn tự, khi số tiền giao kết lên tới một mức nào và có thể dẫn chứng trong mọi trường hợp.

(*PA 29-6-1962 PLTS số I trang 54*)

6.— QUYỀN NGHIỆP CHỦ (preuve de la propriété). TRANH CẤP VÀ ĐỐI CHIẾU VỀ CÁC KIỂU VIỆN CHỨNG (conflit entre les différents modes de preuve) :

GIÁ TRỊ CỦA TRÍCH LỤC ĐẠC ĐIỀN (extraits cadastraux).

GIÁ TRỊ CỦA NHÂN CHỨNG ĐỀ CHỨNG MINH QUYỀN NGHIỆP CHỦ.

Để giải quyết các vụ tranh tụng về quyền nghiệp chủ, cần xét đến giá trị tương đối của các bằng chứng khi giữa hai bên nguyên cáo có sự tranh chấp và đối chiếu về các kiểu viện chứng (conflit entre les différents modes de preuve) ; theo nguyên tắc pháp lý về các bằng chứng nghiệp chủ (preuve de la propriété) thì trong các vụ kiện không có văn khế mại hay chúc thư thì các trích lục đạc điền (extraits cadastraux) hay sự ghi chú vào sách sổ điền địa (inscriptions dans le Registre de la Conservation Foncière) có chép rõ căn nguyên nghiệp chủ, phải được Tòa án dân sự xem như là có giá trị đề tin tưởng. Dầu

sao lời khai của nhân chứng hoặc những lời vi bằng hay tạm bộ vô căn cứ đều không có giá trị để đối chiếu với sự ghi chép rõ rệt trong sách số điền địa vì sự ghi chép vào sổ sách điền địa này đã được làm căn cứ vào các văn khế hay giấy tờ hợp pháp nên phải được Tòa án tin tưởng cho đến khi nào có bằng cứ là giả mạo (les inscriptions sur les registres de la Conservation Fonciere font foi jusqu'a inscription de faux).

(*ST Huế 3-9-1960 PLTS. IV. 102*)

35. — TỜ TÔNG CHI. NHÌN NHẬN. CHỨNG THƯ HỘ TỊCH. KHÔNG CẦN THIẾT.

Chiều điều 10 Nghị định ngày 16-3-1910, Tòa án chỉ phải buộc đương sự xuất trình chứng thư hộ tịch nếu thấy là cần thiết, như vậy Tòa có quyền chỉ căn cứ vào tờ tông chi để xét xử, không nhất thiết bất cứ trường hợp nào cũng phải đòi xuất trình chứng thư hộ tịch, như trong hiện vụ trước Tòa sơ thẩm tư cách thừa kế của đương sự phù hợp với tờ tông chi đã được nhìn nhận bởi đối phương.

(*PA 27-1-1965 PLTS 1965. III. 14*)

37. — THỨ NHẬN TRƯỚC TÒA ÁN DÂN SỰ. LỜI THỨ NHẬN PHẢI ĐƯỢC TIN TƯỞNG TOÀN DIỆN.

Trong một vụ kiện trước Tòa án Dân sự, như các vụ kiện nợ nếu chủ nợ không có giấy tờ mà người mắc nợ (bị đơn) thành thật là có vay mượn nhưng đã trả được một phần nhưng cũng vì tin nhau không lấy biên lai, Tòa án có nhiệm vụ chấp thuận toàn thể lời thú nhận ấy để xác nhận vừa sự vay nợ vừa việc đã trả một phần nợ. Theo nguyên tắc về dân sự « Lời thú nhận không thể phân chia mà tin » (l'aveu est indivisible).

(*TT Huế 25-5-1960 PLTS. III. 96*)

THỨ NHẬN NGUYÊN TẮC BẤT KHẢ PHÂN.

Nguyên tắc bất khả phân của sự thú nhận được luật Việt-Nam xác nhận trong điều 1413 Dân luật Bắc và điều 1665 Dân luật

Trung chỉ áp dụng cho sự kiện nào có liên hệ mật thiết với sự kiện chính được vì là sự liên tục tự nhiên của sự kiện chính.

Trái lại nếu sự kiện phụ không liên hệ với sự kiện chính mà chỉ là sự liên tục ngẫu nhiên mà thôi, thì sự thú nhận có thể phân chia được.

(PA 30-12-1964 PLTS. 1965. II. 21)

### THỨ NHẬN NGOẠI TƯ PHÁP. TÍN LỰC. TÒA ÁN XÉT VỀ TÌNH LÝ. TOÀN QUYỀN THẨM LƯỢNG.

Tầm mức tin lực của sự thú nhận ngoại tư pháp thuộc quyền thẩm lượng chuyên độc của Tòa án xử về tình lý.

Tòa án xử về tình lý xử dụng quyền xét định chuyên độc nói trên, khi cho rằng chỉ coi là sự thú nhận những lời khai minh bạch mà đương sự hiểu rõ tầm lực còn lời khai không minh bạch có nghĩa thông thường khác với pháp lý mà đương sự không hiểu biết không thể coi là lời thú nhận ngoại tư pháp được.

(PA 31-1-1966. PLTS. 1967. I. 5)

### THỨ NHẬN DO ĐẠI QUYỀN ĐẶC ĐỊNH.

Theo điều 1410 và kế tiếp DLB và 1662 DLT đối chiếu với điều 1354 và kế tiếp D.L.P. coi như lý trí thành văn, phạm một bên hoặc đại quyền đặc định của họ thú nhận về một sự kiện có thể đối với mình sinh hiệu lực về pháp luật, mà lời thú nhận đã được đối phương chịu nhận hay đã được Tòa án chứng nhận rồi, thời đối với người đứng thú nhận có hoàn toàn hiệu lực làm bằng.

(TT Saigon 19-2-1966 PLTS. 1967. II. 105)

## BẢO HIỂM

### 38.— THỂ QUYỀN VÀ SAI ÁP NƠI TAY MÌNH.

Một công ty bảo hiểm đã bồi thường cho các nạn nhân một vụ hỏa hoạn ; thì theo luật ngày 13-7-1930, được đương nhiên thể quyền những người ấy đề đòi người có trách nhiệm trong vụ hỏa hoạn đó phải bồi thường sự thiệt hại.

Nếu chính công ty đó cũng đứng bảo hiểm cho người có trách nhiệm trong vụ hoả hoạn, thì công ty đó cũng có quyền xin xen vào vụ sai áp nơi tay của chính mình về số tiền còn giữ của người đó để khấu trừ vào món nợ của y phải trả cho công ty.

(*TT Saigon 22-11-1958. PLTS. 1959. II. 42*)

### KHẾ ƯỚC BẢO HIỂM. GIẢI TRỪ TRÁCH NHIỆM VÌ SỰ KIẾN CHIẾN TRANH.

Về khế ước bảo hiểm cũng như về mọi khế ước khác, sự thi hành ngay tình và theo đúng ý định thỏa thuận giữa hai bên giao ước.

Khi khế ước dự định chiến tranh, ngoại xâm và nội chiến như trường hợp giải trừ trách nhiệm, sự bạo động và phiến loạn không thể coi là một trường hợp giải trừ.

Bạo động Bình Xuyên chống chánh chủ năm 1955 không có tách cách một cuộc nội chiến vì nội chiến phải có sự tham dự của một phần dân chúng, sự điều khiển của chánh phủ lâm thời, sự chiếm cứ một phần lãnh thổ để làm căn cứ hoạt động và phải kéo dài một thời gian để ngoại quốc có thể suy định sự nhìn nhận tánh cách đối chiếu của hai bên, những yếu tố kể trên không hề thấy có cuộc phiến loạn Bình-xuyên.

(*TT Saigon 17-11-1956 PL. số 19 trang 6*)

### TỐ QUYỀN TRỰC TIẾP.

Một công ty bảo hiểm ngoại quốc, trụ sở đặt tại ngoại quốc do một công ty khác đại diện tại Việt-Nam, phải coi như có một chi nhánh tại Việt-Nam do công ty đại diện trông nom và điều khiển. Do đó công ty bảo hiểm có thể bị kiện tại Việt-Nam, theo thuyết « chi trạm chánh » của án lệ về những sự tranh chấp thương mại.

Một án văn tuyên xử giữa người được bảo hiểm và nạn nhân, có thể đối kháng với hãng bảo hiểm về khoản bồi thường, do đây khi nạn nhân xử hành tố quyền trực tiếp, kiện hãng bảo hiểm đòi bồi thường, hãng này không thể đặt lại vấn đề trách nhiệm của người được bảo hiểm, đã được giải quyết.

(*TT Saigon 4-1-1962. PLTS 1963. II. 80*)

## BẢO LÃNH

39.— ĐOẠN MÃI. BẮT ĐỘNG SẢN VỊ THÀNH NIÊN. TẠI NAM VIỆT CHẾ ĐỘ ĐỊA BỘ. ĐIỀU KIỆN. CHẾ TÀI. HIỆU LỰC. BẢO LÃNH HÀNH VI XỬ DỤNG BẮT ĐỘNG SẢN VỊ THÀNH NIÊN. GIÁM HỘ. ĐỐI VỚI VỊ THÀNH NIÊN. TRƯỚC KHI TRƯỞNG THÀNH. SAU ĐÓ HỮA MÃI. BẮT ĐỘNG SẢN VỊ PHÂN. GIÁ TRỊ. PHẠM VI GIÁ TRỊ.

Theo Sắc lệnh ngày 30-5-1932 sửa đổi bộ D. L. G. Y. 1883 muốn đoạn mãi bắt động sản thuộc chế độ địa bộ của vị thành niên, người giám hộ phải được hội nghị gia tộc cho phép và biên bản hội nghị này phải được Tòa duyệt y.

Nghi thức hội nghị gia tộc, tòa duyệt y cùng mọi nghi thức cấp tự năng khác về sự đoạn mãi bắt động sản phải được nghiêm chỉnh thi hành, bằng không, hành vi xử dụng sẽ vô hiệu mà tòa khỏi cần xét hành vi này có lợi ích gì cho vị thành niên hay không cùng sự vô hiệu này, ngay người giám hộ cũng có quyền nêu lên.

Theo điều 2012 D.L.P. coi như lý trí thành văn thì sự bảo lãnh chỉ có giá trị nếu nghĩa vụ chính cũng có giá trị. Tuy nhiên vẫn có giá trị coi sự bảo lãnh một nghĩa vụ vô hiệu vì một nguyên nhân riêng biệt cho bị trái, thí dụ vì người mua này còn vị thành niên.

Xử dụng bắt động sản của vị thành niên mà không tuân theo các nghi thức trên và nếu có sự bảo lãnh của giám hộ thì sự đoạn mãi không phải vô hiệu hẳn mà chỉ không thể đối kháng với vị thành niên cho đến ngày kẻ vô năng trưởng thành để quyết định chuẩn nhận hay không.

Sau ngày trưởng thành, nếu vị thành niên không chuẩn nhận hành vi xử dụng của giám hộ thì giám hộ sẽ kết buộc trong nghĩa vụ bồi thường cho kẻ mua.

Trong trường hợp hứa mãi bất động sản vì phân do một hoặc một số cộng đồng sở hữu chủ cam kết, thì sự vô hiệu dự liệu trong các điều 895 D.L.B. và 1020 D.L.T. đối chiếu với điều 1599 D.L.P. coi như nguyên tắc đại tổng của luật pháp, chỉ hư tẽ khế ước một cách cục bộ, liên quan đến các phần bất động sản không thuộc quyền sở hữu của các người cam kết và không đương nhiên ảnh hưởng đến sự hứa mãi trên phần vị phân của các người sau này : sự hứa mãi vẫn hữu hiệu đối với phần vị phân của người cam kết.

(*TT Saigon 4-6-1966 PLTS 1967, số 1 trang 109*)

40.— BẢO LÃNH TRÁCH NHIỆM NGƯỜI BẢO LÃNH TRONG KHẾ ƯỚC DÂN SỰ. SỞ VẬT KHẾ ƯỚC BỊ TÒA ÁN TỊCH THU. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

Người bảo lãnh, theo thường luật, và ngoại trừ trường hợp bảo lãnh thương sự hay trong khế ước bảo lãnh có định trái lại chỉ có trách nhiệm cộng đồng chứ không có trách nhiệm liên đới, và người bảo lãnh có quyền viện dẫn khước biện hậu truy.

Sự bảo lãnh không lệ thuộc vào điều kiện nào : nghĩa vụ người bảo lãnh phải xét định theo phổ thông luật pháp, chỉ có sự tiêu thất sở vật vì trường hợp bất khả kháng mới làm cho người bảo lãnh miễn trách.

Sự kiện người được bảo lãnh phạm pháp khiến Tòa án xử phạt hành vi phạm pháp tịch thu sở vật của nghĩa vụ được bảo lãnh không phải là trường hợp bất khả kháng làm người bảo lãnh được miễn trách.

(*TT Saigon 16-11-1961 PLTS, số II, trang 76*)

**BẤT ĐỘNG SẢN**

41.— CHẾ ĐỘ ĐỊA BỘ CŨ VÀ CHẾ ĐỘ TÀN ĐIỀN THỜ.

Thẩm quyền *lex rei si tae* : thẩm quyền này là một nguyên tắc của luật tư pháp quốc tế, chỉ viện dẫn đến, khi nào sự tranh tụng có tính cách quốc tế, nêu lên một sự tương xứng giữa quốc

pháp của hai hay nhiều đương sự không đồng quốc tịch.

Trong quốc nội Việt-Nam, chế độ bất động sản, tùy từng nơi, là chế độ địa bộ hay chế độ tân điền thổ do sắc lệnh ngày 21-7-1925 thiết lập, nếu thủ tục áp dụng chế độ này đã hoàn tất.

Sự tiên chú, dự liệu ở điều 398 sắc lệnh 1925, chỉ thể hiện được trên bất động sản nào đã đặt vào chế độ của sắc lệnh ấy.

Sự tiên chú chỉ làm cho bất động sản thành bất đắc chuyển mại : chủ nợ không vì sự tiên chú mà có quyền ưu tiên.

Sở địa chính không phải là tài liệu chính thức về quyền sở hữu, về tình trạng pháp lý một bất động sản : người đệ tam không bó buộc phải tham khảo tài liệu ấy mỗi khi kết ước về một bất động sản ; do đấy, mặc dầu một người tự xưng là chủ nợ đã tiên chú đơn khởi tố vào sở địa chính, trên một bất động sản của con nợ, người này vẫn xử dụng được bất động sản : thí dụ, sự đề đương bất động sản sẽ đối kháng được với chủ nợ tiên chú.

Điều 61 Luật Dân sự tố tụng Trưng-phần không đặt ra quyền ưu tiên cho chủ nợ đã sai áp bảo thủ.

(TT Saigon 8-3-1962. PLTS.1963. số II trang 116)

#### 42.— CHẾ ĐỘ ĐỊA BỘ Ở BẮC VIỆT. CHUYỂN DỊCH BẤT ĐỘNG SẢN Ở BẮC VIỆT, Ở NHỮNG NƠI NGOÀI CÁC CỰU NHƯỢNG ĐỊA CỦA PHÁP.

Ở Bắc-Việt, ngoài các nhượng địa Pháp, chế độ điền địa không thuộc phạm vi áp dụng những sắc lệnh điền địa ngày 21-7-1925. Tại các nơi ấy, tuy đã có một cuộc cải cách bắt đầu với sắc lệnh ngày 29-3-39 (đã có dự ban hành); nhưng sự cải cách chưa hoàn thành và đã bị gián đoạn vì tình thế chính trị từ năm 1945.

Vậy thì, ở ngoài các cựu nhượng địa Pháp, sự chuyển dịch bất động sản phải làm theo thể lệ Dân luật Bắc-Việt phải có một khế ước làm trước mặt quản lý văn khế hay đã được thị thực hợp pháp (điều 506, 883, 1386, 1390 và 1392).



Sự thị thực hợp pháp phải xuất hiện ngay trong chứng thư (résulter de l'acte même) : đương sự không thể xin dẫn chứng đề bỏ khuyết sự thị thực ấy và bày tỏ rằng, lúc làm chứng thư lý tưởng và chường bạ (là những chức sự có trách nhiệm thị thực) đều có mặt.

Không đủ thể lệ như trên, một khế ước đoạn mại bất động sản không có giá trị. Tuy nhiên, dầu không có hiệu lực di chuyển quyền sở hữu, khế ước ấy có thể coi như là một giấy nhận nợ : người mua có thể căn cứ vào giấy đề đòi lại giá tiền đã trả cho người bán.

Đối với giấy nhận nợ ấy, người bán có thể viện dẫn những phương pháp tiêu hủy (moyens de nullité) theo thường lệ. Một khi người bán đề nghị cho người mua đi thế, mà người này ưng thuận, thì giữa hai bên thành lập một khế ước mà Tòa phải cho thi hành (contrat judiciaire),

(TT Hà nội 6-4-1941 PLTS 1951 số IV trang 31)

43.— CHẾ ĐỘ ĐỊA BỘ Ở TRUNG-VIỆT XIN TRÍCH XUẤT MỘT BẤT ĐỘNG SẢN TRONG MỘT VỤ PHÁT MẠI TẠI TÒA SAU ÁN KIỆN NỢ KHẾ ƯỚC MÃI MẠI BẤT ĐỘNG SẢN GIÁ TRỊ CỦA KHẾ ƯỚC SAU KHI ĐƯỢC THỊ THỰC HỢP LỆ (Đ, 997 HỘ LUẬT TRUNG-VIỆT).

Trong một vụ phát mãi bất động sản sau một vụ kiện nợ, đơn xin trích xuất một bất động sản được xét gộp, vì vậy có lý do khẩn cấp để cho thi hành tạm bản án.

Theo Đ. 997 Bộ luật Trung-Việt, sự mãi mại bất động sản đã làm giấy tờ có viên chức thị thực là có giá trị hoàn toàn và người mua có quyền nghiệp chủ về vật đó từ ngày khế ước mãi mại được thị thực. Trong vụ này khế ước mãi mại được thị thực ngày 10-4-1959 nên người mua đã thành nghiệp chủ từ ngày ấy mặc dầu khế ước chỉ trước bạ ngày 1-9-1959 và chưa đăng ký. Sự chừa

đăng ký khế ước mãi mại làm cho khế ước ấy không đối chiếu được với người đệ tam nghĩa là người đệ tam được xem như là có ngay tình để kiện người nghiệp chủ cũ đòi bồi thường và khế ước mãi mại không phải vì thế mà thiếu giá trị.

(ST Huế 3-9-1960 PLTS. 1960. Số IV trang 106)

44.— ĐĂNG KÝ. HIỆU LỰC CHUYÊN DỊCH. MUA CHƯA SANG TÊN. NGƯỜI BÁN ĐĂNG KÝ TÊN MÌNH. NGUYÊN TẮC BẤT KHẢ TRANH NẠI.

Các điều 362 và 363 đoạn I Sắc lệnh Điền thổ ngày 21-7-1925 ấn định rằng quyền sở hữu của người được ghi danh đầu tiên là sở hữu chủ của bất động sản trong sổ điền thổ, sau cuộc điều tra để lập bảng khoán, không thể tranh nại được nữa; đoạn II điều 363 lại cho những người thực thụ trái quyền để đương và những người được hưởng những đảm vụ điền thổ thuận chịu bởi sở hữu chủ thứ nhất ghi danh vào bảng khoán, được xin đăng ký quyền lợi của họ, sau khi bảng khoán được thành lập với điều kiện là sự đăng ký này không làm thay đổi quyền lợi của đệ tam nhân và chỉ có hiệu lực kể từ ngày đăng ký.

Sự mua bán bất động sản mặc dầu được ký kết giữa người sở hữu chủ được ghi danh đầu tiên trong bảng khoán và nguyên đơn từ trước ngày thành lập bảng khoán, và hiện thời bất động sản vẫn còn đứng tên người bán trong bảng khoán chưa sang tên cho người nào khác, vậy sự sang tên cho người mua không hề vi phạm điều 363 đoạn I, vì không có sự tranh nại quyền sở hữu và lại chiếu điều 198 và 202 Sắc lệnh điền thổ, người bán có bổn phận phải giao vật bán bảo đảm vật quyền đem bán và không được quấy phá người mua; người này ở cùng trường hợp với các người thực thụ trái quyền để đương hay các người được hưởng những đảm vụ điền thổ thuận chịu bởi sở hữu chủ thứ nhất ghi danh vào bảng khoán.

(PA 26-8-1964 PLTS 1964 số IV trang 30)

44.— ĐĂNG KÝ. QUYỀN SỞ HỮU BẤT ĐỘNG SẢN. SỰ MUA BÁN VÀ HỨA BÁN. SANG TÊN ĐƯỢC.

Sự đăng ký, nếu thừa nhận quyền sở hữu của một đương sự trên một thửa đất, thì không hề cản trở sự thực hiện lời cam kết hứa bán hay bán đất này đã được thiết lập từ trước miễn là không được xâm phạm đến quyền lợi của kẻ đệ tam đã có vật quyền trên bất động sản này là vật quyền đó đã được ghi chú nơi bằng khoán điền thổ.

(TT Saigon 22-9-1962 PLTS 1963 số 1 trang 128)

- 45.— ĐĂNG KÝ. CHẾ ĐỘ ĐẶC NHƯỢNG ĐIỀN ĐỊA (concessions domaniales) : ĐẶC NHƯỢNG TẠM THỜI VÀ ĐẶC NHƯỢNG VĨNH VIỄN. QUYỀN SỞ HỮU DƯỚI ĐIỀU KIỆN TIÊU TRỪ CỦA NGƯỜI MÃI CHỦ (NGƯỜI MUA). MỘT BẤT ĐỘNG SẢN ĐƯỢC ĐẶC NHƯỢNG TẠM THỜI. ĐIỀU 362 VÀ 363 SẮC LỆNH ĐIỀN THỔ : SỰ BẤT KHẢ TRANH NẠI VỀ BẰNG KHOẢN ; Ý NGHĨA CỦA NHỮNG ĐIỀU LUẬT KÈ TRÊN NHỮNG SỰ ĐĂNG KÝ NÀO BẤT KHẢ TRANH NẠI ?

Theo điều 10 sắc lệnh ngày 4-11-1928, bổ túc do Sắc lệnh ngày 3-5-42, sự di nhượng quyền lợi về những điền địa được đặc nhượng tạm thời (concession temporaire) phải được chức dịch hành chính hữu, quyền cho phép.

Nếu sự đoạn mãi chưa được chức dịch hành chính cho phép người mãi chủ chỉ có một quyền sở hữu dưới điều kiện tiêu trừ.

Do đấy, sở bảo thủ điền thổ có quyền, và có bổn phận phải từ chối việc sang tên cho người mãi chủ.

Nếu điều kiện tiêu trừ chưa thực hiện, người mãi chủ trong sự tương quan với người mãi chủ, có quyền tư hữu với tất cả hậu quả của quyền ấy.

Theo điều 362, 363 Sắc lệnh Điền thổ bằng khoán có tính cách bất khả tranh nại. Nhưng chỉ riêng sự đăng ký đầu tiên. Sau khi điều tra là bất khả tranh nại : Những vật quyền tạo tác trước sự đăng ký này không đối kháng được với người đã đăng ký đầu tiên.

Còn những sự đăng ký hậu lai, phát sinh ở sự di nhượng do người được đăng ký đầu tiên ưng thuận, không ở trong phạm vi áp dụng những điều 362, 363.

(*TT Saigon 13-7-1961 PLTS. 1962 số II trang 41*)

46. — ĐĂNG KÝ. SẮC LỆNH TÂN ĐIỀN THỔ NGÀY 21-7-1925\*  
TÍNH CÁCH BẤT KHẢ TRANH NẠI CỦA SỰ ĐĂNG BỘ  
THEO ĐIỀU. 362 VÀ 363.

Sự đăng bộ (Immatriculation) tên một sở hữu chủ trên bảng khoán điền thổ là một bằng chứng bất khả tranh nại (inattaquable) về quyền sở hữu; không thể dùng bằng chứng khác để đánh đổ tin lực tuyệt đối của bảng khoán điền thổ.

Người mua một bất động sản đặt dưới chế độ tân điền thổ nếu trong lúc có cuộc điều tra để thiết lập bằng khoán mà không xuất trình văn tự đoạn mãi để xin công nhận quyền sở hữu của mình, khiến cho bất động sản vẫn được đăng bộ tên người chủ cũ là người bán thì về sau không thể tranh nại gì về sự đăng bộ được nữa vì tổ quyền này sẽ bị tuyên bố là bất khả chấp nhận.

Nguyên tắc bất khả tranh nại được qui định do điều 362 và 363 Sắc luật 1925 là một nguyên tắc có tính cách « trật tự công cộng » vì vậy Tòa có quyền đương nhiên nêu lên.

Người chấp hữu một bất động sản đặt dưới chế độ tân điền thổ không thể nại sự thủ đắc thời hiệu để tranh cản quyền sở hữu đối với một người sở hữu chủ có bằng khoán được.

(*ST Saigon 6-10-1966 PLTS. 1967. Số III trang 98*)

47. — ĐĂNG KÝ. KHẾ ƯỚC THUÊ MƯƠN.

Chiếu điều 316 Sắc lệnh Điền thổ ngày 21-7-1925, khế ước thuê mướn bất động sản, hề có thời gian trên 3 năm là phải đăng ký, mới đối kháng được với người đệ tam kể từ ngày và trong giới hạn của sự đăng ký.

Không bố buộc phải có điều kiện là đã trả trước tiền thuê một năm.

(*PA 31-8-1966 PLTS. 1967. số II trang 7*)

48.— ĐĂNG KÝ. VẬT QUYỀN. QUYỀN CƯ NGỰ: TÍNH CHẤT, CÔNG BỐ.

Quyền cư ngụ (droit d habitation) là một vật quyền đã được qui định trong Sắc lệnh điền thổ từ điều 76 đến điều 80.

Mọi vật quyền trên một bất động sản, theo điều 187, Sắc lệnh Điền thổ, phải đã đăng tịch mới đối kháng được với người đệ tam; dầu người đệ tam đã biết là có vật quyền ấy trên bất động sản, cũng vẫn viện dẫn được sự khiếm khuyết đăng tịch để phủ nhận.

(*TT Saigon 15-11-1962. PLTS. 1963. số IV trang 122*)

49.— ĐĂNG KÝ. GIÁ TRỊ CỦA BẢNG KHOẢN. Ý NGHĨA CỦA ĐIỀU 362, 363 SẮC LỆNH DẪN CHIẾU.

Theo điều 362, 363 Sắc lệnh ngày 21-7-1925, bảng khoán điền thổ là bảng chứng tuyệt đối về quyền tư hữu trước các Tòa án.

Nhưng bảng khoán chỉ có giá trị như vậy về sự ghi chú đầu tiên, sau khi kết liễu thủ tục điều tra dự liệu ở sắc lệnh ấy.

(*TT Saigon 28-12 1961 PLTS. 1962. Số 1 trang 93*)

50.— ĐĂNG KÝ. HIỆU LỰC SỰ ĐĂNG KÝ MỘT BẤT ĐỘNG SẢN VÀO SỔ ĐỊA CHÍNH. TỤC LỆ SANG TÊN TOÀN THỂ DI SẢN CỦA NGƯỜI CHA CHO NGƯỜI ANH CẢ.

Về pháp lý, sự đăng ký một bất động sản vào sổ địa theo chính sắc lệnh ngày 21-7-25 không có một giá trị tuyệt đối về quyền sở hữu; người đệ tam vẫn có quyền khiếu nại, và nếu sự đăng ký sai lầm, sổ sách có thể chữa lại theo lệnh Tòa án (thông tư Thống-sứ Bắc-Kỳ ngày 23-2-29 để áp dụng nghị định cùng ngày ấy; điều thứ 8 chỉ thị Thống-Sứ Bắc-Kỳ ngày 13-9-37)

(*ST Hà-nội 21-3-1952 PLTS. 1952 số III trang 78*)

51.— ĐĂNG KÝ. HIỆU LỰC ĐĂNG-KÝ VÀO SỔ BẢO TỒN ĐIỀN TRẠCH Ở TRUNG VIỆT. ĐĂNG KÝ VÀ TRƯỚC BẠ. SỔ ĐỊA CHÍNH VÀ BẢO TỒN ĐIỀN TRẠCH. HÀNH ĐỘNG BẤT LƯƠNG.

Các văn tự mãi mại bất động sản chỉ được viện dẫn trước Tòa án sau khi đã trước bạ. Văn tự nào trước bạ trước, có hiệu lực trước hơn văn tự trước bạ sau, trừ khi có gian tình thời không kê.

Chỉ khi nào đã đăng ký khế tự mãi mại vào sổ bảo tồn điền trạch ở các nơi đã có sổ ấy rồi, thời sự mãi mại mới được viện ra để chống cãi với người đệ tam. (Đ. 998 Luật Hộ Trung Việt) Hiện nay ở Trung Việt chưa có sổ Bảo Tồn Điền Trạch riêng biệt, Sở địa Chánh kiêm cả công việc bảo tồn điền trạch (nên gọi là Service du Cadastre et de la Conservation foncière).

Sự gian ngoan của nghiệp chủ đem thế chấp rồi đem đoạn mãi bất động sản của y cho tài chủ khác là một hành động bất lương vi phạm điều 365 LHTV.

(TT Huế 30-8-1961 PLTS. 1962. số II trang 108)

52.— ĐĂNG KÝ. TRÁI CHỦ THƯỜNG. ĐĂNG KÝ VÀO ĐỊA BỘ ĐỆ TAM NHÂN. (X 105, 189 KT)

Trái chủ thường (créancier chirographaire), theo nguyên tắc không thể được coi là một đệ tam nhân đối với việc chuyển mại bất động sản của trái nhân (con nợ) cho người khác, vì thế trái chủ thường không thể viện dẫn sự khiếm khuyết đăng ký chứng thư chuyển mại bất động sản trong địa bộ (défaut de transcription) để phủ nhận hiệu lực của sự chuyển mại ấy.

Nhưng một trái chủ thường đã xin tiên chủ cấm chuyển mại bất động sản của trái nhân, tức là đã thực hiện sự sai áp bất động sản ấy phải được coi là một đệ tam nhân, và như vậy có thể viện dẫn sự khiếm khuyết đăng ký chứng thư chuyển mại bất động sản trong địa bộ, để phủ nhận hiệu lực của sự chuyển mại. Sự kiện trên là một biệt lệ cho nguyên tắc « chủ nợ thường không phải là đệ tam nhân » Biệt lệ ấy có mục đích ngăn cản trái nhân tâu tán tài sản để trốn nợ.

(HGRQ. KIẾN HÒA 12-5-1962 PLTS. 1962 số I trang 91)

## 53.— ĐĂNG KÝ. QUYỀN SỞ HỮU BẤT ĐỘNG SẢN ĐĂNG TỊCH.

Sắc lệnh ngày 21-7-1925 đã tổ chức tại Nam-Việt sự đăng tịch điền thổ nơi sở địa bộ để mọi người có thể thám khảo và theo văn ý của sắc lệnh này ; người ta phải nhận chân không có vấn đề chấp hữu và tất nhiên không có sự thời hiệu để chuẩn nhận sự chấp hữu lâu dài ; điểm này dễ hiểu, sự thời hiệu không thể tương dung với chế độ điền thổ đã được thiết lập; với chế độ quyền đối vật có công khai tính và có hiệu lực tuyệt đối.

Như vậy, thời hiệu không thể cấu thành một quyền đối vật gì trên bất động sản đã được đăng tịch để đối kháng với sở hữu đã đăng ký và bằng khoán điền thổ cùng những ghi chú trên chứng thư này chứng minh đối với các kẻ đệ tam rằng đương sự trên đã có ghi là người đã đích xác sở đắc những quyền lợi đã được đăng ký. Kết lại, sự chấp hữu — hữu hiệu cần phải thuộc về người đã được ghi chú nơi bằng khoán điền thổ và mọi sự chấp hữu khác đều không có tính chất hữu hiệu.

(*TT Saigon 17-6-1961 PLTS. 1962 số II trang 33*)

## 54.— ĐĂNG KÝ. TÍNH LỰC BẰNG KHOẢN. VĂN THƯ HIỆN HIỆN VÀ VĂN THƯ BÍ MẬT. THẾ NÀO LÀ « ĐỆ TAM NHÂN » THEO NGHĨA LUẬT ĐIỀN THỔ VÀ LUẬT NGHĨA VỤ.

Trong sự giao dịch giữa tư nhân, khi nào hai bên đương sự làm một văn thư hiện hiện và một văn thư bí mật trái ngược với nhau, thì hai bên phải tuân hành văn thư bí mật, theo nguyên tắc tự do lập ước.

Mật ước không có hiệu lực với người đệ tam theo điều 1321 Dân luật : người đệ tam ở đây là những chủ nợ vô đặc quyền và những người thụ quyền đặc định ;

Khế ước, nói chung, không có hiệu lực đối người đệ tam theo điều 1165 Dân luật : người đệ tam ở đây là những người không tham dự vào việc kết ước.

Những thừa kế của một đưong sự trong tờ mật ước không phải là những người đệ tam theo nghĩa hai điều 1321, 1165 kể trên: họ là những người thụ quyền toàn vật, cho nên phải chịu hậu quả của tờ mật ước.

Theo điều 316, 373 Sắc lệnh điền thổ, bằng khoán điền thổ có tín lực tuyệt đối với người đệ tam.

Đệ tam nhân theo nghĩa luật điền thổ là một người đã thụ đắc quyền lợi, mà luật định là phải được công bố, trên một bất động sản.

Một sở hữu chủ làm mật ước cho một người khác mượn bất động sản của mình để đứng tên trong bằng khoán, không phải là một người đệ tam theo nghĩa luật điền thổ.

Do đấy, mặc dầu người mượn được ghi tên trong bằng khoán, người sở hữu chủ thật sự vẫn là sở hữu chủ, và con cháu của người mượn không thể đòi người sở hữu chủ phải trả hoa lợi trong thời gian người này chiếm hữu.

(*TT Saigon 5-1-1961 PLTS 1961 số II trang 45*)

#### 55.— ĐOẠN MÃI BẤT ĐỘNG SẢN. AN TOÀN PHÁP LÝ. THỜI HIỆU.

Dự ngày 6-2-1946 tạm đình chỉ thời hiệu về hộ vụ trong thời kỳ chiến tranh, thời hạn thủ đắc thời hiệu bị gián đoạn từ ngày 9-3-1945 đến ngày công bố Dự 6-2-1946, chớ không phải bị đình chỉ vô hạn định;

Theo án lệ thì đối với các bất động sản, tòa án luôn luôn bác những đơn đòi hỏi quá chậm trễ.

Vì lợi ích công cộng, vì sự an toàn trong việc mua bán, giao dịch, không thể chấp thuận những lời thỉnh cầu mượn màng thái quá, khi mà những người kiện đòi một bất động sản biết rõ sự bán chác và chủ mua đã chiếm hữu từ lâu.

(*TT Saigon 24-10-1957 PLTS 1958. Số III trang 41*)

#### 56.— ĐOẠN MÃI BẤT ĐỘNG SẢN. CHƯA QUA BỘ. TIỀN CHỦ.



**HIỆU LỰC. ÁN ĐỊNH THƯ TƯ CỦA SỰ ĐĂNG KÝ.  
HIỆU LỰC HỒI TỔ CỦA ĐĂNG KÝ TỚI NGÀY TIỀN CHỦ.**

Theo Sắc lệnh điền thổ 21-7-1925 (thiên III công bố vật quyền) sự tiên chủ là sự chỉ chú đơn giản đề phòng (mention sommaire préventive) có hiệu lực bảo tồn tạm thời quyền lợi trong đơn khởi tố trong thời gian vụ kiện xin xác nhận quyền lợi ấy ; ngoài ra ngày tiên chủ ấn định thư tư của sự đăng ký quyền lợi ấy về sau. Sự đăng ký có hiệu lực hồi tố cho tới ngày tiên chủ, khi quyền lợi đòi hỏi trong đơn khởi tố được công nhận.

Khi một sự đăng ký có hiệu lực hồi tố như trên, những tiên chủ khác làm sau ngày đăng ký trên sẽ vô hiệu.

(PA 31-3-1965. PLTS 1965. Số IV trang 12)

**ĐOẠN MÃI BẤT ĐỘNG SẢN CHƯA QUA BỘ.**

Hứa bán động sản có điều kiện, ấy không thành tựu, thì sự hứa bán thành vô giá trị.

Sự mua bán bất động sản mà chưa qua Bộ, thì không thể đem đối kháng với người đệ tam được.

(TT Saigon 11-8-1956 PLTS. 1957 Số II trang 15)

**57.— ĐOẠN MÃI ĐỘNG SẢN. ĐẶC QUYỀN NGƯỜI BÁN.**

Luật Việt-Nam không có khoản nào công nhận cho người bán được một đặc quyền trên tài sản đoạn mại ; (privilège du vendeur de meuble) do đấy, nguyên chủ của một chiếc đồ máy chưa được trả hết số tiền bán, không có quyền truy đoạt tài sản đã đoạn mại trong tay người đệ tam.

(TT Saigon 17-8-1961 PLTS 1962. Số III trang 48)

**58.— ĐOẠN MÃI BẤT ĐỘNG SẢN. GIẢI TIỀN KHẾ ƯỚC. ĐỐC THỨC TRẢ TIỀN. CHỈ THAY THẺ BẰNG ĐƠN KHỞI TỐ ĐÒI TIỀN HAY THƯ ĐÒI TRẢ TIỀN.**

Chiếu điều 1656 D.L.P. (Đ. 653 DLB, Đ. 1084 DLT) khi trong tờ bán bất động sản có định với nhau rằng nếu đúng kỳ mà

không trả tiền, sự mãi sẽ đương nhiên bị giải tiêu, tuy vậy người mua vẫn có thể trả sau hạn định nếu chưa có giấy đốc thúc ; nhưng sau khi có giấy đốc thúc rồi, Tòa án không thể gia hạn cho y được.

Khi không có chứng cứ rằng người bán đã đốc thúc đòi trả tiền rồi mà vô hiệu, sự đề cung hiện kim của người mua vẫn có giá trị đề thực hiện việc mua bán.

Sự đốc thúc định ở điều 1656 là một sự đốc thúc riêng biệt vì trước khi bị đốc thúc người mua còn có quyền trả tiền tuy đã quá hạn và sau khi y bị đốc thúc, Tòa án không có quyền cho y ân hạn ; sự đốc thúc ấy là sự đốc thúc phải trả tiền.

Một đơn khởi tố xin hủy khế ước mãi mại hay một bức thư nêu sự khiếm khuyết trách vụ trả tiền với ý định giải trừ khế ước không thể thay thế tờ đốc thúc định ở điều 1656 được.

(PA 28-8-1963 PLTS. 1964. số I trang 41)

59.— ĐOẠN MẠI. THÔNG ĐỒNG GIAN LẬN. HỦY BỎ.

Tòa án xử về tình lý có toàn quyền thẩm lượng để xét những sự kiện chứng tỏ sự ngay tình hay gian ý của người mua và người bán, để tuyên bố rằng tờ đoạn mại đã làm với sự thông đồng gian lận của hai người này, nhằm mục đích gây thiệt cho quyền lợi của những chủ nợ của người bán và xử hủy bỏ tờ đoạn mại theo lời yêu cầu của chủ nợ.

(PA 31-10-1962 PLTS. 1963. số II trang 25)

60.— ĐOẠN MẠI HAI LẦN : HIỆU LỰC CỦA VIỆC ĐĂNG TỊCH.  
SỰ HỨA MUA : HIỆU LỰC SỰ CHẤP THUẬN CỦA  
NGƯỜI CÓ BẤT ĐỘNG SẢN ĐEM BÁN. ĐIỀU 1326 DÂN  
LUẬT PHÁP : KHÔNG CÓ ĐIỀU KHOẢN TƯƠNG ƯNG  
TRONG LUẬT VIỆT-NAM.

⊙ Nguyên tắc trong đoạn mại bất động sản là nếu bất động sản được đem đoạn mại hai lần, người mua nào đăng tịch trước sẽ khai trừ người kia, không cứ văn tự của người ấy đã trước bạ sau hay trước ; trong trường hợp việc đoạn mại, chưa được đăng tịch, việc

tranh tụng phải giải quyết theo giá trị khế tự của mỗi bên đối tụng.

Khi có người cam kết sẽ mua một bất động sản trong một thời hạn, việc mua bán chỉ thành nhất định khi nào có sự chấp thuận của người bán trong thời hạn ấy ; nói cách khác, việc đoạn mại này có điều kiện đình chỉ, nghĩa là nếu điều kiện (sự chấp thuận) chưa thực hiện thì việc đoạn mại cũng chưa thực hiện ; nếu điều kiện thực hiện thì việc đoạn mại mới thực hiện, mà thực hiện với hồi tiền hiệu lực.

Theo điều 1326 Dân Luật Pháp, khi một đảng cam kết trả cho một đảng khác một món tiền, tờ cam kết phải do người cam kết viết tay ; ngoài ra, trước khi ký người ấy phải viết thêm bằng tay chữ « đồng ý » hay ưng thuận » ; nhưng thể thức này không có trong luật thực tại hay tục lệ Việt-Nam ; và theo Dân Luật Pháp, cũng chỉ áp dụng cho khế ước cấu tạo cho người ký nghĩa vụ phải trả một món tiền, không áp dụng cho những biên lai nhận tiền.

(*TT Saigon 20-12-1962 PLTS. 1963 số IV trang 147*)

### ĐOẠN MẠI BẤT ĐỘNG SẢN : ĐOẠN MẠI HAI LẦN CHO HAI NGƯỜI KHÁC NHAU.

Nếu một bất động sản được đem đoạn mại hai lần cho hai người khác nhau, người mua nào đã đăng bộ trước sẽ khai trừ người kia.

Người này không những được hoàn lại số tiền đã trả, còn được bồi thường vì người bán đã khiếm khuyết một nghĩa vụ ước định.

(*TT Saigon 16-11-1961 PLTS. 1962 số III trang 62*)

### CL.— ĐOẠN MẠI BẤT ĐỘNG SẢN. HỦY TIÊU KHẾ ƯỚC ĐOẠN MẠI.

Theo nguyên tắc dân luật khế ước thỏa thuận giữa các đương sự làm luật chung cho những người đã cam kết, và Tòa án không thể viện lý giải thích để biến cải tính chất những sự cam kết ấy một

khi những điều khoản thỏa ước đã được minh định rành mạch trong khế ước.

Khế ước đoạn mãi đã xác nhận sự cam kết bán đứt một thửa đất bề dài giáp mặt đường là 10 thước điều kiện này là một điều kiện cốt yếu minh ước giữa hai bên, Tòa Thượng thẩm xét xử về nội dung không thể giải thích rằng sự ấn định nói trên di là một sự phỏng ước lượng để giải nhiệm cho người bán không chịu thực hiện sự cam kết rành rọt và không mơ hồ ấy, vì như chỉ là biến cải tính chất của sự cam kết, trái với nguyên tắc kể trên về sự giải thích khế ước.

Chiếu theo điều 207, Sắc lệnh điền thổ, trong trường hợp người mua không trả đủ giá mua trong thời kỳ ước hẹn, người bán chỉ có thể xin hủy sự đoạn mãi nếu sự này đã được dự liệu trong khế ước, hoặc nếu người bán được ban quyền để đưng trên bất động sản do một bản án tư pháp.

(PA 30-II-1960 PLTS. 1961. số III trang 15)

### ĐOẠN MÃI BẤT ĐỘNG SẢN. HỦY TIÊU KHẾ ƯỚC. DI NHƯỢNG QUYỀN LỢI. TRỞ VỀ NGƯỜI BÁN.

Trong một khế ước song phương, người kết khế được hưởng thụ và xử hành những quyền lợi phát sanh ở khế ước, có quyền di nhượng quyền lợi mình cho đệ tam nhân nếu trong khế ước có dự định như vậy, đệ tam nhân này được đặt, về mọi phương diện vào địa vị người kết khế đã di nhượng.

Sự hồi tiêu, do Tòa án truyền pháp, chiếu điều 1184 Dân Luật Pháp áp dụng như lý trí thành văn và điều 207 Sắc lệnh Tân Điền thổ, vì lý do người mua không trả giá mua, có hậu quả thiết lập lại tình trạng pháp lý, hoàn toàn theo hoàn cảnh cũ: người bán coi như chưa từng bán, người mua coi như không có lúc nào là sở hữu chủ sở vật của sự đoạn mãi, quyền sở hữu trở về người bán hoặc người thay thế trong sự giao dịch..

(TT Saigon 16-3-1961 PLTS. 1961. số III trang 48)

62.— ĐOẠN MÃI BẤT ĐỘNG SẢN. CẦM THỂ. VĂN KIỆN HÌNH THỨC. HIỆU LỰC CHUYÊN DỊCH.

Điều 191 Sắc lệnh 21-7-1925 sửa đổi bởi Sắc lệnh 23-11-1926 dự liệu rằng các khế ước song phương giữa pháp kiều hay đồng hóa và người Việt-Nam, hay đồng hóa, nếu lập thành một văn kiện duy nhất, bắt buộc phải lập dưới hình thức một chương khế thư.

Nhưng điều 273 của Sắc lệnh ấy qui định trường hợp chứng thư cho vay có cầm thể, ấn định rằng chỉ khi nào sự cầm thể làm bằng một chứng thư riêng biệt với chứng thư cho vay, thì chứng thư cầm thể mới bó buộc phải làm đúng các hình thức dự liệu bởi các điều 187 đến 193.

Hơn nữa theo các điều 187 và 188 của Sắc lệnh trên, các khế ước chuyên di quyền sở hữu hay lập các vật quyền trên một bất động sản, hữu hiệu giữa các người lập ước, một khi đã có sự thỏa hiệp của họ và làm phát sanh ra những nghĩa vụ hồ tương ; những khế ước ấy chỉ phải làm dưới hình thức công chánh chứng thư khi nào cần phải công bố bằng cách đăng ký vào địa bộ để đối kháng với đệ tam nhân. Chỉ có đệ tam nhân mới có thể nêu sự vô hiệu của khế ước không làm theo hình thức luật định. Còn giữa các người kết ước nếu khế ước vô hiệu về hình thức vì không làm trước Chương Khế, thì vẫn tự có giá trị như một tư chứng thư, chỉ người đệ tam mới có thể nêu sự không tôn trọng thể thức, khế ước vẫn ràng buộc hai bên ký kết.

Như vậy chiếu các điều 273, 187 và 188 luật ghi trên chứng thư vay nợ có cầm thể do hai bên ký tên và đại diện xã thị thực có giá trị ít ra cũng như một tư chứng thư.

(PA 25-11-1964 PLTS. 1965 số II trang 12)

63.— ĐOẠN MÃI BẤT ĐỘNG SẢN. HIỆU LỰC GHI CHÚ. HIỆU LỰC BẤT KHẢ TRANH NẠI CỦA BẢNG KHOẢN ĐIỀN THỔ.

Sau khi thủ tục điều tra đã kết liễu theo luật định, bảng khoán điền thổ cấp cho người nào là chứng cứ bất khả tranh nại

về quyền sở hữu của người ấy, theo điều 362, 363 Sắc lệnh điền thổ.

Những sự đăng ký vào sổ sách điền thổ chỉ có thể tranh nại được trong trường hợp dự liệu ở điều 401.

Nhưng muốn tranh nại hữu hiệu với người sở hữu chủ đã được đăng ký và lẫn cả với người đệ tam ngay tình — các thừa kế phải xử hành tố quyền truy sách di sản trong hạn 6 tháng kể từ ngày di sản khai mở.

(*TT Saigon 9-3-1961 PLTS. 1961 số II trang 69*)

#### 64.— ĐOẠN MÃI BẤT ĐỘNG SẢN. TƯ CHỨNG THƯ. GIÁ TRỊ.

Hình thức công chánh chứng thư của văn tự đoạn mãi chỉ cần thiết để được đăng ký và đối kháng với đệ tam nhân. Văn tự lập dưới hình thức tư thư chứng thư vẫn có giá trị đối với các đương sự kết ước và các thừa kế của những người này.

Mua bất động sản mà không đăng bộ thì bị người mua sau, nhưng đăng bộ trước khai trừ.

(*TT Saigon 14-II-1963 PLTS. 1964 số IV trang 106*).

#### 65.— ĐOẠN MÃI. KHẾ ƯỚC. CÔNG CHỨNG THƯ. TẶNG DỪ.

Theo điều 997 Luật Hộ Trung-Việt khi nào khế ước mãi mại bất động sản đã có viên chức thị thực, việc mua bán hoàn toàn giá trị.

Theo Đ. 970 LHTV ; khế ước tặng dừ bất động sản phải có viên chức thị thực, nếu không thì vô hiệu.

(*TT Huế 28-12-1960 PLTS 1961 Số III trang 106*)

#### 66.— ĐOẠN MÃI BẤT ĐỘNG SẢN. NGHĨA VỤ NGƯỜI BÁN.

Riêng về việc mãi mại bất động sản, người mua phải được coi là người thụ quyền có tính cách đặc định của người bán và do người

bán thay mặt trong thời gian chưa sang tên cải chánh hoặc chưa công bố văn kiện đoan mại theo thề lệ luật định.

(PA 28-8-1963 PLTS 1964 Số I trang 23)

67.— ĐOẠN MÃI RUỘNG. QUYỀN TIÊN MÃI THEO DỰ SỐ 20 NGÀY 4-6-1953. ĐẤU GIÁ BÁN THẬT SỰ HƯỞNG LỢI KHÔNG CÓ LÝ DO CHÍNH ĐÁNG.

Theo điều 11 Dự số 20 ngày 4-6-1953 khi chủ điền bán ruộng đất thì người tá quyền có quyền tiên mãi sở ruộng đang canh tác trong giới hạn xuất lưu trí ấn định bởi dự số 21 ngày 4-6-1953.

Không tôn trọng quyền tiên mãi của tá điền, chủ ruộng tự tiện đem bán cho đệ tam nhân thì việc đoan mãi này bị hủy bỏ.

Trong tờ đoan mãi lại ghi giá bán ít hơn giá bán thật sự thì sự đấu giá này chỉ có hiệu lực giữa chủ ruộng với người đệ tam đứng ra mua bán, chứ tá điền đứng nguyên đơn xin hủy việc bán ruộng bất hợp pháp, không được hưởng giá rẽ ghi trong tờ đoan mại bị hủy bỏ vì lẽ không ai được hưởng lợi không có lý do chính đáng. (enrichissement sans cause).

(ST MỸ THO 8-5-1956 PLTS 1957 Số I trang 82)

68.— ĐOẠN MÃI BẤT ĐỘNG SẢN. TÍNH CÁCH HỮU HIỆU CỦA VIỆC ĐOẠN MÃI.

Việc đoan mãi một bất động sản do một thừa kế ngoại biểu phải được coi là hữu hiệu, nếu người mua có tình ngay ;

Nhất là người bán khi đã xuất trình một tờ tông chỉ có thị thực, chứng nhận y là thừa kế duy nhất, và nhân tờ tông chỉ ấy, bất động sản đã được sở Bảo thủ Điền thổ sang tên cho mình y đứng tên làm sở hữu chủ.

(TT Saigon 2-3-1961 PLTS 1961 Số II trang 63)

69.— ĐOẠN MÃI. THỦ ĐẮC NGAY TÌNH.

Theo Điều 1021 Dân Luật Trung-Phần coi như lý tính thánh văn, người đệ tam thủ đắc ngay tình vẫn có quyền giữ những của cải

của mình đã mua được, nếu khi mua đã lầm tưởng người bán là thừa kế, và đã có chứng thư do người bán xuất trình khiến cho mọi người đều có thể lầm chung như vậy.

(*TT Saigon 4-3-1961 PLTS 1961 Số II trang 63*)

70.— ĐOẠN MẠI BẤT ĐỘNG SẢN. THỦ ĐẮC VÌ LẦM LẤN. THỪA KẾ BIỂU KIẾN. LẦM LẤN CHUNG CHO CẢ MỌI NGƯỜI. NGAY TÌNH CỦA NGƯỜI MUA. TRẬT TỰ VÀ QUYỀN LỢI CÔNG CỘNG. AN TOÀN PHÁP LÝ.

Sự mua bán bất động sản phải được duy trì vì lý do trật tự cũng quyền lợi công cộng cần thiết cho sự an toàn pháp lý của những sự giao dịch bất động sản khi người bán là một thừa kế biểu kiến đã hành động trong hơn 30 năm với tư cách là sở hữu chủ, thừa kế để cai quản di sản, tư cách và hành động phù hợp với các ghi chú trong địa bộ : như vậy đã có sự lầm lẫn chung cho cả mọi người, còn người mua thì ngay tình đã bị lầm lẫn vì ngoài việc đứng tên trong địa bộ người bán đã xuất trình tờ tông chỉ chứng nhận y là con của người quá cố.

(*PA 30-1-1963 PLTS 1963 số II trang 12*)

71.— ĐOẠN MẠI BẤT ĐỘNG SẢN. THẺ THỨC ĐỊA BỘ CŨ. QUYỀN ĐOẠN MÃI CỦA QUẢ PHỤ.

Theo án lệ áp dụng tại Nam-Phần, sự đoạn mãi bất động sản dù không thuộc tân chế độ điền thổ cũng không bắt buộc phải làm dưới hình thức công chứng thư.

Một góa phụ được hưởng huê lợi, trong trường hợp cấp bách có quyền cùng với con trưởng nam đã trưởng thành : bán bất động sản thuộc di sản để lấy tiền nuôi con, không cần có sự cho phép của Hội-đồng gia tộc.

(*TT Saigon 14-12-1961 PLTS 1963 số II trang 68*)

72.— ĐOẠN MẠI BẤT ĐỘNG SẢN. HÌNH THỨC. ĐIỀU 997 HOÀNG VIỆT HỘ LUẬT. GIẤY TỜ CÓ VIÊN CHỨC THỰC THỰC. MÃI MẠI HOÀN GIỮA NGƯỜI MUA VÀ NGƯỜI



**BÁN. ĐỐI KHÁNG VỚI ĐỆ TAM NHÂN : Đ. 997 HVHL.  
ĐĂNG KÝ VÀO SỔ BẢO TỒN ĐIỀN TRẠCH. TRƯỚC BẠ.  
TÒA ÁN QUYẾT ĐỊNH TÙY TÌNH TRẠNG.**

Điều 997 H.V.H.L. buộc rằng mãi mại bất động sản phải làm ra giấy tờ có viên chức thị thực « mọi có giá trị » sự mãi mại mới hoàn toàn, người mua mới có quyền nghiệp chủ về bất động sản đem bán, như vậy nếu không có viên chức thị thực vào giấy bán, sự mãi mại không hoàn toàn, người mua không có quyền nghiệp chủ và sự mãi mại vô hiệu đối ngạy với người mua ;

Đối với người đệ tam, khế tự mãi mại phải đăng ký vào sổ bảo tồn điền trạch mới có giá trị. Nếu không có sổ bảo tồn điền trạch khế tự phải được trước bạ tòa án sẽ tùy theo tình trạng mà quyết định rằng sự mãi mại có đối kháng với người đệ tam không.

Khế tự không có viên chức thị thực không có giá trị là một chứng thư đoạn mãi bất động sản, nhưng vẫn có giá trị là một tư chứng thư làm bằng chứng việc giao tiền cho người bán.

(PA 23-II-1962 PLTS 1964 số I trang 50)

**73.— ĐOẠN MÃI BẤT ĐỘNG SẢN CỦA VỊ THÀNH NIÊN.  
ĐẤT CỦA CHA MẸ ĐỂ LẠI, MẸ ĐEM BÁN CHO CON.**

Người cha chết để lại ruộng đất, người mẹ đem ruộng đất ấy bán lại cho một người con, sự bán này vô hiệu, nhất là không đủ mặt người thừa kế ký tên đúng phép.

Đất của vị thành niên phải bán phát mại theo điều 296 sắc lệnh ngày 21-7-1925 nếu không thì sự bán sẽ vô hiệu.

(ST MỸ-THO 7-6-1955 PLTS 1956 số III trang 68)

**ĐOẠN MÃI BẤT ĐỘNG SẢN CỦA VỊ THÀNH NIÊN.**

Theo điều 252 Hộ Luật Trung-Việt thì bất động sản của vị thành niên không được bán nếu không có giấy phép của hội đồng gia tộc, nhưng Hộ Luật Trung-Việt chỉ ban bố từ 21-10-1936.

Trước ngày đó, tại Trung-Việt chỉ áp dụng luật Gia-Long và phong tục ở Trung-Việt, theo đó thì «quyền huynh thế phụ là đủ».

(TT Huế 27-10-1955 PLTS 1955 số IV trang 27)

74.— ĐOẠN MÃI BẤT ĐỘNG SẢN VỊ THÀNH NIÊN. TRANH CHẤP LUẬT PHÁP TRONG KHÔNG GIAN. GIÁM HỘ VỊ THÀNH NIÊN. QUỐC PHÁP CỦA VỊ THÀNH NIÊN. ĐOẠN MÃI BẤT ĐỘNG SẢN CỦA VỊ THÀNH NIÊN. PHÁP TỊCH : ĐIỀU 457 VÀ 459 D.L.P.. CHẾ TÀI. GIÁM HỘ VỊ THÀNH NIÊN. THỦ HỘ. TRÁCH NHIỆM PHẠM VI GIÁM HỘ VỊ THÀNH NIÊN. THỦ HỘ. HÀNH VI XỬ DỤNG BẤT HỢP THỨC. SỐ PHẠM CỦA HÀNH VI LỢI ÍCH CHO VỊ THÀNH NIÊN. VỊ THÀNH NIÊN ĐÃ TRƯỞNG THÀNH. BỒI THƯỜNG.

Định chế vị thành niên là vấn đề thuộc về qui chế nhận thân và sự bảo vệ vị thành niên. Thuộc quyền giám hộ phải tuân theo quốc pháp của đứa trẻ.

Nguyên tắc này áp dụng dù sự giám hộ mang sắc thái gia đình hay không và kẻ giám hộ có cùng quốc tịch với vị thành niên hay chẳng.

Sự chỉ định giám hộ phải tuân theo quốc pháp của vị thành niên trừ điều khoản nào trái với nền trật tự công cộng của Việt-Nam và chính luật này còn qui định quyền hạn của giám hộ và nghi thức ban cấp tư năng mà người giám hộ phải tôn trọng để xử hành quyền giám hộ.

Theo các điều 457 và 459 D.L.P. muốn đoạn mãi bất động sản của vị thành niên, người giám hộ phải được hội nghị gia tộc cho phép và biên bản hội nghị này phải được tòa duyệt y và khi mang bán phải theo thể thức bán đấu giá.

Nghi thức hội nghị gia tộc, tòa duyệt y cùng một nghi thức cấp tư năng khác về một sự đoạn mãi bất động sản phải được

nghiêm chỉnh thi hành bằng không hành vi xử dụng sẽ vô hiệu. mà tòa khôi cần xét hành vi này có lợi gì cho vị thành niên hay chăng.

Người giám hộ có thể chịu trách nhiệm đối với kẻ đệ tam nếu trong xử hành quyền hạn giám hộ, người giám hộ vì quá thất đã gây thiệt hại cho người đệ tam, như trường hợp gian trá hoặc cá nhân cam kết đảm-bảo, người thủ hộ không thể bị trách nhiệm đối với kẻ đệ tam về sự vô hiệu của các hành vi người này ; trong cương thủ lãnh hộ, đã ký kết mà không tuân theo ghi thức luật định.

Hành vi xử dụng bất hợp thức bất động sản, vị thành niên của bảo hộ tuy không thể được bảo lưu, nhưng nếu có lợi ích cho vị thành niên thì kẻ này khi đã trưởng thành có nghĩa vụ phải thường hoàn xứng đáng cho kẻ đệ tam đã kết ước với thủ hộ.

(TT Saigon 9-4-1966 PLTS Số II trang 135)

75.— ĐOẠN MÃI BẤT ĐỘNG SẢN. ĐĂNG KÝ VÀO SỔ SÁCH PHÒNG ĐỀ ĐƯƠNG ĐÀ-NẰNG.

Một văn khế đoạn mãi bất động sản lập ngày 20-8-1942, có Lý-Trường làng Hải-Châu (Đà-Nẵng) thị thực và được đăng ký vào sổ sách của phòng Đề-Đương Tourane từ ngày 19-10-1942, chiếu luật ngày 23-3-1955 được công bố tại Tourane bởi Nghị Định của Toàn Quyền Đông-Dương ngày 1-9-1893, chuẩn nhận bởi Sắc lệnh ngày 9-3-1900, phải được đối dụng với người đệ tam.

(PA 27-9-1961 PLTS 1962 số I trang 15)

76.— ĐOẠN MÃI ĐẤT ĐỘNG SẢN. ƯỚC ĐIỀU LƯU CHẤT VÔ HIỆU.

Theo điều 139 Sắc lệnh điền thổ ngày 21-7-1925 — được nói rộng giới hạn áp dụng trên khắp lãnh thổ Nam-phần do Sắc lệnh ngày 24-4-1934 — mọi giao ước cho chủ nợ được thành sở

hữu chủ bất động sản cầm thế, nếu đến hạn không được trả nợ, đều vô hiệu.

(PA 28-9-1966 PLTS 1967 Số II trang 11)

## 77.— ĐẤT BỒI. ĐẤT CỒN.

I.— THẨM QUYỀN TÒA ÁN HÀNH CHÍNH VÀ TƯ PHÁP QUYỀN SỞ HỮU ĐẤT BỒI. HỨA THỤ. THẨM QUYỀN TÒA ÁN TƯ PHÁP.

Riêng tòa án tư pháp có thẩm quyền để xác định về quyền sở hữu trên đất bồi (atterrissement) một khi giòng sông đã được cơ quan hành chính pháp phân định ranh giới và khi không có sự tranh tụng về hiệu lực sự thụ hứa (concession).

II.— QUYỀN SỞ HỮU. ĐẤT BỒI. LUẬT PHÁP ÁP DỤNG. DỰ NĂM MINH-MẠNG THẬP THẤT NIÊN.

III.— ĐIỀU THỨ 26 VÀ KẾ TIẾP SẮC LỆNH NGÀY 21-7-1925 :

II. Về đất phù sa luật pháp Việt Nam có hai bản văn, Dự năm Minh-Mạng thập thất niên (năm 1836) chỉ phối địa phương chưa được đăng tịch điền thổ và điều 26 và kế tiếp sắc lệnh ngày 21-7-1925, địa phương đã được đăng tịch nhưng hai văn kiện trên đều đề ra một nguyên tắc là xác nhận quyền sở hữu về đất phù sa cho chủ đất bên sông với ngoại lệ riêng Dự Minh-Mạng quy định là chủ đất bên sông không quyền thụ hưởng đất phù sa này nếu công điền công thổ của làng xã không đủ để đền bồi cho các chủ đất bị giòng nước sông làm lở đất.

III. Theo điều 26 sắc lệnh điền thổ ngày 21-7-1925 Thì đất cồn kết tạo nơi giòng sông do phù sa đưa lại hay bùn, cát, sỏi, đá tạo thành hay do sự lở đất. Bờ sông bên này để bồi đắp bờ sông bên kia đều thuộc quyền thụ hưởng của chủ đất bên sông trừ trường hợp nếu cần, áp dụng quyền địa dịch pháp định vì lợi ích công cộng ;

IV.— QUYỀN PHỤ THIÊM CỦA CHỦ ĐẤT CỒN. CỒN ĐẤT. THỪA ĐẤT BÊN SÔNG:

Cồn đất nằm giữa sông nhưng nhiều khi có diện tích rộng lớn và đã chia giòng sông làm hai hàng đều khả hàng và phù thông (navigables et flottables) tức là một thửa đất bên sông và thuộc phạm vi chi phối của điều 26 và kế tiếp sắc lệnh điền thổ kê trên về quyền phụ thêm đất phù sa.

Cồn đất (iles, ilots) có gia tăng về diện tích do phù xa, hay bùn, cát sỏi, mang lại, bồi lên theo quyền phụ thêm đều thuộc sở hữu của chủ đất cồn.

(HGRQ. AN GIANG 29-5-1959 PLTS 1959 số II trang 57)

78.— ĐẤT THỜ CƯ. QUYỀN LƯU CƯ. QUYỀN TIÊN MÃI. THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN DÂN SỰ. NGOẠI KIỀU MUA BẤT ĐỘNG SẢN TẠI VIỆT-NAM.

Việc thuê đất trống để cất nhà không thuộc phạm vi áp dụng của dụ số 4 ngày 2-1953 ấn định sự tương quan giữa người cho thuê và người thuê hay người chiếm ngụ ngay tình nhà để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp.

Việc thuê đất trống do luật thông thường chi phối.

Tòa án dân sự có thẩm quyền xét xử các vụ tranh tụng liên quan đến quyền lợi của chủ đất và người thuê đất.

Người thuê đất thờ cư không thể viện dẫn quyền tiên mãi như các tá điền do luật lệ về cải cách điền địa chi phối...

Ngoại kiều mua bất động sản do chứng thư hợp pháp lập trước ngày ban hành Dụ cấm các ngoại kiều mua bất động sản tại Việt-Nam, thì quyền sở hữu của họ, đã được đăng ký và công bố theo thủ tục hiện hành, có thể đối kháng với đệ tam nhân.

(TT Saigon 14-5-1959 PLTS 1959 Số III trang 34)

79.— ĐUÔI ĐẤT. MƯỐN ĐẤT CẤT NHÀ. CHẤM DỨT GIAO KÈO.

Giao kèo mượn đất mãi hạn, người mượn đất không rõ nhà đi ở nơi khác.

Chủ đất không tự mình cho người rõ nhà hoặc ngăn cản sự sinh hoạt của người mượn đất. Phải nhờ đến sự can thiệp của Tòa án. Không làm như thế và tự tiện xử dụng quyền chủ đất của mình tức là bạo hành. Chủ đất có thể bị bồi thường thiệt hại cho người mượn đất vì không ai được tự mình có quyền xét xử việc mình một khi có xen vào đó quyền lợi của kẻ khác.

(*TT Saigon 30-7-1953 PLTS 1953 Số 16 trang 6*)

### 80.— PHẠM VI ÁP DỤNG.

I.— SẮC LỆNH ĐIỀN THỒ 21-7-1925. TÍNH CHẤT BẢN VĂN TRƯỚC NGÀY VIỆT-NAM ĐỘC LẬP. BẢN VĂN ĐẶC BIỆT SAU ĐÓ. QUY CHẾ CHUNG CHO BẤT ĐỘNG SẢN TẠI VIỆT-NAM.

II.— SẮC LỆNH ĐIỀN THỒ. PHÂN LOẠI. KỸ THUẬT. PHỔ THÔNG LUẬT. PHẠM VI ÁP DỤNG. MỖI PHÂN LOẠI.

III.— MÃI LAI THỰC. SẮC LỆNH ĐIỀN THỒ. LOẠI PHỔ THÔNG LUẬT. KHÔNG GHI THỜI HẠN. THỜI HẠN CHUỘC. ĐIỀU LUẬT ÁP DỤNG. ĐIỀU 209 SẮC LỆNH 21-7-1925. KHÔNG PHẢI CHỈ DỤ MINH-MẠNG.

I.— Sắc lệnh điền thổ ngày 21-7-1925 nhằm mục đích đặt tất cả các bất động sản ở Nam-phần và ở các cựu nhượng địa Pháp tại Trung phần, Bắc-Phần dưới một chế độ duy nhất. Vào thời ấy, sự duy nhất hóa pháp chế về bất động sản có tính cách một ngoại lệ như đã nhận được ở đoạn 2 điều 1, sắc lệnh nói trên, vì rằng bây giờ người Pháp về tất cả mọi vấn đề thuộc Dân Luật, có một pháp chế riêng là Dân Luật của họ, được ban hành để áp dụng riêng cho họ và cho những người đồng hóa với người Pháp, còn người Việt thì ở dưới sự chi phối của luật lệ Việt-Nam như đã định ở điều 112 Sắc lệnh ngày 16-2-1921.

Sự áp dụng song đôi hai pháp chế ấy ngày nay không còn nữa vì Việt-Nam đã trở thành một Quốc-gia độc lập sự áp dụng luật ngoại

quốc cho người ngoại quốc chỉ có thể xảy ra trong phạm vi những hiệp định của Việt-Nam ký kết với ngoại quốc hoặc theo những nguyên tắc mà tư pháp quốc tế của Việt-Nam công nhận.

Do đấy, sắc lệnh điền thổ nói trên không còn là một bản văn đặc biệt mà sự áp dụng có tính cách một ngoại lệ ; trái lại, bản văn ấy hiện còn ở trong trật tự pháp lý của Việt-Nam, là quy chế chung cho bất động sản ở Việt-Nam.

II.— Những điều khoản trong sắc lệnh điền thổ có thể phân biệt làm hai loại : loại thứ nhất là những điều có tính cách kỹ thuật chuyên môn để chế tạo ra tân chế độ điền thổ của sắc lệnh ấy ; những điều khoản này ví dụ như hiệu lực của bằng khoán, sự đối kháng của quyền tư hữu với người đệ tam v.v... dĩ nhiên chỉ đem áp dụng được khi nào những cơ chế cần thiết cho sự áp dụng ấy đã hoàn thành đó là ý nghĩa của đoạn 3 điều I dẫn chiếu ; loại thứ hai là những điều khoản thuộc về phổ thông luật pháp của việc mãi mại ; đôi chác bất động sản, hay quyền hạn của người sở hữu chủ, của hưởng hoa lợi v.v... những điều khoản này không có lý do gì không được áp dụng cho tất cả các bất động sản, dầu là bất động sản chưa thuộc vào tân chế độ, vì đó là những điều khoản thông thường không cần phải thiết lập ra một cơ chế riêng biệt rồi mới áp dụng được ; nói một cách khác dù là bất động sản đã có bằng khoán, hay chỉ là một bất động sản ghi vào địa bộ, nhưng nghĩa vụ hay quyền lợi của hai bên kết ước về bất động sản ấy cũng không vì thế mà có thay đổi khác đi.

III.— Trường hợp của mãi lai thực là trường hợp thứ hai kê trên, quyền lợi và nghĩa vụ hai bên là quyền lợi và nghĩa vụ của kẻ bán với người mua và đều phát sinh ở kẻ ước, không cần phải là đã có sở quản thủ điền thổ được thiết lập ở nơi bất động sản tọa lạc mới được thành tựu.

Do đấy, với tính cách là quy chế chung, sắc lệnh điền thổ phải được áp dụng cho sự giao dịch giữa hai bên đương sự.

Như vậy, trong một vụ mãi lai thực bất động sản không có ghi rõ thời hạn để chuộc thì phải áp dụng thời hạn tối đa để chuộc

là 10 năm theo điều 209 sắc lệnh điền thổ ngày 21-7-1925 chứ không thể là 30 năm theo chỉ Dụ Minh-Mạng.

(TT Saigon 30-3-1961 PLTS 1961 số IV trang 41)

## SI.— PHẠM VI ÁP DỤNG.

I.— SẮC LỆNH TÂN ĐIỀN THỔ. ĐIỀU 362, 363. KHÔNG ÁP DỤNG ĐỐI VỚI QUYỀN KHÁC HƠN LÀ QUYỀN SỞ HỮU. VẬT QUYỀN HƯƠNG QUẢ. KHÔNG ÁP DỤNG.

II.— HƯƠNG QUẢ. TÍNH CHẤT. SỰ CHỈ ĐỊNH NGƯỜI ĂN HƯƠNG QUẢ. VI LUẬT. TÒA CÓ QUYỀN ĐƯƠNG NHIÊN NÊU LÊN.

I.— Vật quyền hương quả của một sở đất tuy đã được đăng ký nơi bảng khoán điền thổ, nhưng sự đăng ký này không chịu sự chi phối của các điều 362, 363 sắc lệnh ngày 21-7-1925 để không bài xích được. Vì riêng bảng khoán điền thổ là có tính cách bất khả bài xích và mọi tố quyền đề đòi tạt quyền không được nài ra trong thời kỳ điều tra và đưa đến kết quả là bàn cãi lại quyền sở hữu một bất động sản theo chế độ điền thổ mới đều bất khả chấp nhận. Nhưng các đảm phụ đối vật khác cùng mọi vật quyền khác không phải là quyền sở hữu vẫn có thể lâm thời tranh nài và đưa ra Tòa thẩm định.

II.— Tuy của hương quả được pháp luật dành cho hội nghị gia tộc tùy nghị quyết định thiết lập cùng ấn định tỷ lệ tài sản tạo thành, nhưng vì định chế này liên quan đến trật tự công cộng và đến sự tổ chức gia đình, nên sự chỉ định người ăn hương hỏa phải theo luật pháp và tục lệ. Sự chỉ định người ăn hương hỏa trái với thứ tự luật pháp hay tục lệ sẽ bị coi là vô hiệu, sự vô hiệu ấy có thể do Tòa tự ý nêu ra hoặc bất kỳ người nào nêu ra.

Theo nguyên tắc thì khi lập hương hỏa, người được hưởng đương nhiên phải là người con trưởng trong gia đình, chỉ khi nào không có con trai trưởng và không có cháu trai thì của hương hỏa



mới cò thề giao cho một chi khác và, thứ tư để ăn hương hỏa không thề do người lập hương hỏa hay đại hội đồng gia tộc thay đổi được.  
(*TT Saigon 20-10-1962 PLTS số I trang 138*)

82.— PHẠM VI ÁP DỤNG SẮC LỆNH 1925. MÃI LAI THỰC BẤT ĐỘNG SẢN. THỜI HẠN CHUỘC. RUỘNG ĐẤT BÁN THỰC LÀ 10 NĂM HAY 30 NĂM. CHỈ DỤ NĂM MINH-MẠNG THỨ 20 ; ĐIỀU 959 DÂN LUẬT BẮC ; ĐIỀU 1091 DÂN LUẬT TRUNG VÀ ĐIỀU 209 SẮC LỆNH NGÀY 21-7-1925.

Án lệ cũ chấp nhận thời hạn chuộc ruộng đất bán thực là 30 năm đã căn cứ vào một chỉ dụ năm Minh-Mạng thứ hai 20 (1839) nhưng sự hiện hữu bản văn này không lấy gì làm bằng chắc ; không có bản nguyên cáo chánh thức nào bản lưu khả dĩ coi được là một bản văn của luật thực tại : Chỉ dụ này cũng không thấy có trong luật Minh-Mạng in lần thứ hai (Code Annamite philastre) ;

Trái lại, về phía luật hiện hành, Bắc, Trung, Nam, theo đà tiến triển của kinh-tế, đều có những bản văn ấn định thời hạn tối đa cho việc mãi mại thực là 10 năm, ở Bắc là điều 959 Dân-Luật, ở Trung là điều 1091 Dân-Luật, ở Nam là điều 209 Sắc lệnh ngày 21-7-1925 ;

Sắc lệnh này tuy về nguyên tắc chỉ áp dụng cho những bất động sản đã được đặt dưới chế độ cải tiến do Sắc lệnh thiết lập, song những điều khoản tổng quát không lệ thuộc vào sự tổ chức kỹ thuật của tân chế độ, không có lý do gì không áp dụng được cho những bất động sản còn thuộc chế độ địa bộ cũ. Đó chính là trường hợp điều 209 vừa nói ;

Sự kiện người bán thực còn đứng bộ bất động sản (đã bán thực không thay đổi gì vào quyền lợi của người mua thực vì với văn tự bán thực, quyền sở hữu đã di chuyển sang người mua dưới điều kiện tiêu trừ bất thành là sự chuộc lại.

(*TT Saigon 20-12-1962 PLTS 1963. Số IV trang 144*)

83. — QUYỀN PHỤ THIÊM. NHÀ CÁT TRÊN ĐẤT CỦA NGƯỜI KHÁC. NGUYÊN TẮC « QUYỀN PHỤ THIÊM » CỦA CHỦ ĐẤT.

Theo nguyên tắc này nhà cát trên đất của chủ đất là của y, trừ khi người xây cất chứng minh quyền sở hữu của y về căn nhà này ; nếu chứng minh được kiện ấy, người xây cất có thể đòi được thưởng hoàn tiền nhân công và vật liệu mà thôi.

(*TT Saigon 31-1-1959 PLTS 1960 Số II trang 53*)

QUYỀN PHỤ THIÊM BẤT ĐỘNG SẢN.

Điều 25 Sắc lệnh điền thổ ngày 21-7-1925 không phân biệt trường hợp người xây cất có hay không có gian ý : trong mọi trường hợp chủ đất có quyền phụ thêm bất động sản miễn là ứng chịu trả tiền vật liệu và nhân công.

(*TT Saigon 28-7-1956 PLTS. 1957 số II trang 25*)

84. — QUYỀN SỞ HỮU BẤT ĐỘNG SẢN.

Theo nguyên tắc sở đất do ai đứng bộ thì chỉ thuộc quyền sở hữu của người đó, nếu người này chết đi, thì quyền sở hữu ấy lại về tay những người thừa kế của y.

(*HGRQ CHÂU-ĐỐC 9-4-1956 PLTS 1958 Số II trang 47*)

QUYỀN SỞ HỮU BẤT ĐỘNG SẢN. NAM VIỆT. SẮC LỆNH ĐIỀN THỔ 21-7-1925 BẤT ĐỘNG SẢN ĐĂNG TỊCH. THỜI HIỆU 30 NĂM. CHẤP HỮU. BẤT KHẢ CHẤP.

Sắc lệnh ngày 21-7-1925 đã tổ chức tại Nam-Việt sự đăng tịch điền thổ nơi sở địa bộ để mọi người có thể tham khảo và theo văn ý của sắc lệnh này, người ta phải nhận chân không có vấn đề chấp hữu và tất nhiên không có sự thời hiệu để chuẩn nhận sự chấp hữu lâu dài : điểm này dễ hiểu, sự thời hiệu không thể tương ứng với chế độ điền thổ đã được thiết lập, với chế độ quyền đối vật có công khai tính và có hiệu lực tuyệt đối.

Như vậy, thời hiệu không thể cấu thành một quyền đối vật gì trên bất động sản đã được đăng tịch đề đối kháng với sở hữu chủ đã đăng ký và bằng khoán điền thổ cùng những ghi chú trên chứng thư này chứng minh đối với các kẻ đệ tam rằng đương sự tên đã có ghi là người đã đích xác sở đắc những quyền lợi đã được đăng ký. Kết lại, sự chấp hữu — hữu hiệu cần phải thuộc về người đã ghi chú nơi bằng khoán điền thổ và mọi sự chấp hữu khác đều không có tính chất hữu hiệu.

(TT Saigon 17-6-1961 PLTS 1962 Số II trang 33)

### 85. — QUYỀN SỞ HỮU. NHÀ CỬA XÂY CẮT VÀ CÂY CỐI TRỒNG TRỌT. CHỦ ĐẤT. SỰ NGAY TÌNH CỦA NGƯỜI CHIẾM HỮU.

Chiều điều 25 Sắc lệnh điền thổ ngày 21-7-1925 chủ đất có quyền lựa chọn hoặc lấy lại đất trồng, hoặc lấy luôn cả nhà cửa xây cất và cây cối trồng trọt trên đất thuê nhưng phải lại giá trị các vật liệu và công thợ.

Sự áp dụng điều luật trên chỉ tùy thuộc vào sự lựa chọn của chủ đất mà không tùy thuộc vào sự ngay tình hay gian tình của người chiếm hữu.

(PA 25-8-1965 PLTS Số III trang 9)

### QUYỀN SỞ HỮU VỀ CÂY CỐI TRỒNG TRÊN ĐẤT. QUYỀN TIỀN MÃI.

Nếu người mướn vườn trồng cây ăn trái không trưng được bằng cứ rằng các cây hiện trồng trong vườn đó là do y thị tạo lập, thì chiều điều 553 Bộ Dân Luật Pháp-Quốc áp dụng như thành văn lý tính, các cây đó phải coi như là do chủ đất đã trồng.

Người mướn vườn không thể được coi như là tá điền và không được hưởng quyền tiền mãi dự liệu ở điều 11 Dự số 20 ngày 4 tháng 6 năm 1953.

(TT Saigon 17-7-1958 PLTS số III trang 37)

QUYỀN SỞ HỮU THEO ĐIỀU 25 SẮC LỆNH 21-7-1925. KHÔNG CÓ TÍNH CÁCH TRẬT TỰ CÔNG CỘNG. BỒI THƯỜNG. KIẾN TRÚC XÂY CÁT. TỰ DO GIAO ƯỚC. Ý ĐỊNH CỦA NGƯỜI ĐỒNG KẾT ƯỚC. GIẢI THÍCH. TÒA XỬ VỀ TÌNH LÝ TOÀN QUYỀN THẦM LƯỢNG.

Các khoản của điều 25 sắc lệnh điền thổ không có tính cách trật tự công cộng, đôi bên chủ đất và người mướn đất có thể giao ước một số tiền bồi thường khác với số tiền vật liệu và nhân công dự liệu ở điều luật ấy về các kiến trúc xây cất trên đất tranh tụng.

Tòa án xử về tình lý có toàn quyền giải thích ý muốn chung của đôi bên giao kết về khoản bồi thường thuộc về những kiến trúc mà chủ đất được giữ lại sau khi giao kèo mướn đất chấm dứt, miễn là không làm biến chất giao kèo và không trái với luật pháp.

(PA 31-3-1965 PLTS 1965 số IV trang 27)

QUYỀN TIÊM MÃI (X. 67)

(X. 85)

86.— SỬA CHỮA LÀM TĂNG GIÁ TRỊ BẤT ĐỘNG SẢN. SỬA CHỮA CÓ ÍCH VÀ CẦN THIẾT.

Theo điều 1100 (đoạn 2) Hoàng-Việt Trung-Kỳ Hộ-Luật thì nếu có sự sửa chữa làm tăng giá trị bất động sản thì người mắc nợ phải hoàn trả lại, nhưng chỉ hoàn trả bằng 1/5 giá bán là cùng nếu có sự thỏa thuận của người mắc nợ (chiếu điều 1542 đoạn 2) và theo điều 1542 (đoạn 1) về những khoản chi phí có ích và cần thiết thì người mắc nợ phải hoàn lại cho chủ nợ.

(HGRQ. PLEIKU 3-4-1962 PLTS 1965 số I trang 150)

TIỀN CHỨ (X. TIỀN CHỨ)

TẶNG DŨ BẤT ĐỘNG SẢN (X. TẶNG DŨ)

THUÊ MƯƠN BẤT ĐỘNG SẢN (X. THUÊ MƯƠN)

THẾ CHẤP BẤT ĐỘNG SẢN (X. CẦM CỐ).

87.— TRÍCH LỤC SỔ ĐỊA CHÁNH. THỜI HẠN KIỆN ĐÒI DI SẢN ĐỊNH Ở ĐIỀU 386 DÂN LUẬT BẮC-VIỆT.

Những cựu khê đứng tên ông bà về một bất động sản không chắc phải là bằng có xác đáng chứng tỏ rõ rệt rằng đất động sản ấy là di sản của ông bà, khi mà trong trích lục địa chánh về bất động sản ấy chỉ ghi tên của một trong các con mà thôi.

Như vậy, vì tánh cách công chánh chứng thư của trích lục địa chánh, người có tên trong trích lục là sở hữu chủ của bất động sản, trước pháp luật.

Tổ quyền về việc đòi di sản phải khởi tố trong hạn 3 năm kể từ ngày người có tài sản mệnh một làm đầu.

(*TT Hà-nội 2-10-1952 PLTS 1952 số III, IV trang 23*)

## BIỆN HỘ

88.— LUẬT SƯ BIỆN HỘ CHO CÁC ĐƯƠNG SỰ TRƯỚC TÒA PHÁ ÁN.

Chiếu điều 12 dụ số 27 ngày 2-9-54 chỉ các luật sư thiết thọ các Tòa Thượng-Thẩm ở Việt-Nam mới được phép biện hộ cho các đương sự trước Tòa phá án.

(*PA 21-12-1955 PLTS 1956 số III rrang 10*)

PHÁ ÁN, LÝ ĐOÁN SAU KHI TÒA ÁN ĐÃ NGHỊ XỬ.

Sau khi cuộc thẩm cứu đã kết liễu và Tòa án đã nghị án mới trình lý đoán nói rằng cái giấy dùng để đối nại là giả mạo, thì Tòa án có quyền cứ việc xử án nếu xét rằng lời khai của đương sự quá chậm và không lấy gì làm chắc chắn.

(*PA 22-2-1956 PLTS 1956 số III trang 12*)

89.— THỜI HẠN ĐỀ NẠP BIỆN MINH TRẠNG. DỤ SỐ 5  
 NGÀY 18-10-1949 TÒ CHỨC TỐI CAO PHÁP VIỆN. ĐIỀU  
 10 VÀ 13.

Điều 10 Dự số 5 ngày 18-10-1949 tổ chức Tối-Cao Pháp-Viện không hề định một thời hạn nào trong đó nguyên thượng-tố phải nạp biện minh trạng nêu các lý do xin phá án, và quá thời hạn ấy đơn thượng tố không-được chuẩn chấp.

Nhưng điều 13 ghi rõ rằng khi bản thuyết trình của vị Hội-thẩm thuyết trình đã gửi đến Phòng Lục-sự Tòa Phá-Án rồi thì không bên đương sự nào có thể xuất trình biện minh nào khác nữa.

Như vậy sự thượng tố chỉ không được chuẩn chấp, nếu thuyết trình của vị Hội-thẩm đã gửi đến Phòng Lục-sự Tòa Phá-Án rồi mà nguyên thượng tố không nạp biện minh trạng nào nói rõ lý do xin phá án.

(PA 31-7-1963 PLTS 1964 số 1 trang 14)

## BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

### 90.— BỒI THƯỜNG TIỀN CHIẾM CỨ ĐẤT.

Theo nguyên tắc, tiền bồi thường chiếm cứ đất phải tính theo sự thiệt hại của chủ đất.

(TT Saigon 1-8-1957 PLTS 1958 số II trang 28)

### 91.— BỒI THƯỜNG CHIẾN TRANH. TRƯỜNG HỢP KHÔNG CÓ GIẤY KÊ HIỆN TRẠNG LÚC GIAO BẮT ĐỘNG SẢN CHO NGƯỜI THUÊ.

« Bồi thường chiến tranh » là bồi thường cho tư nhân về những sự thiệt hại do một tác động chiến tranh gây ra, nghĩa là phải có sự chiến đấu tư nhân giữa hai phe đối nghịch nhằm mục đích tiêu diệt lẫn nhau, và do sự chiến đấu ấy tư nhân đã bị thiệt hại về tài sản, làm cho tài sản bị phá hủy hay bị hư hại.

Những sự hư hại do tác động của quân-đội quốc gia chiếm cứ đã không giữ gìn thận trọng hay đã thiệt tiện phá hủy tùy theo nhu cầu riêng của họ, không được coi như là những thiệt hại vì chiến tranh.

Theo điều 1159 Dân Luật Trung, 1010 Dân Luật Bắc tương ứng với điều 1733 Dân Luật Pháp, nếu không có giấy kê trạng thì bất động sản được coi là đã giao cho người thuê trong tình trạng tốt lành và người thuê phải giao trả lại trong tình trạng ấy. Nguyên tắc này chỉ phổỉ cả trường hợp bất động sản bị trưng dụng, vì thuê mượn hay trưng dụng đều là đem bất động sản đặt dưới quyền hưởng dụng của người chiếm cứ.

(*TT Saigon 1-8-1963 PLTS 1964 số IV trang 85*)

92.— MỨC ĐỘ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI.

Chiếu các điều 686 Dân Luật Bắc và 727 Dân Luật Trung không ai có thể được bồi thường quá sự thiệt hại của mình.

(*PA 27-7-1966 PLTS 1966 số IV trang 42*)

93.— NẠN NHÂN CÔNG CHỨC. TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG.  
 ÁN ĐỊNH SỐ BỒI THƯỜNG.

Kể gây ra tai nạn lưu thông vẫn có trách nhiệm bồi thường cho người bị thương dầu người này là một công chức đã được chánh phủ chịu tiền thuốc thang và phí tổn nằm nhà thương vì quyền lợi, mà người bị thương được hưởng do Chánh phủ đài thọ với tư cách là công chức khác với quyền mà người ấy được bồi thường do duyên cớ trách nhiệm thường hoàn giữa nạn nhân và kẻ gây tai nạn.

Tòa án có toàn quyền định đoạt về số tiền bồi thường.

(*TT Saigon 23-2-1957 PLTS 1957 số IV trang 11*)

94.— NẠN NHÂN LÀ MỘT CÔNG NHÂN SỞ HỎA XA.

Trong vụ dưới đây, chủ xe gây ra tai nạn làm cho một công nhân sở Hỏa-xa Đà-Nẵng bị tàn tật vĩnh viễn 20%, đã nhận hết tội lỗi mình, như vậy y phải chịu hết hoàn toàn trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nạn nhân căn cứ vào các điều 761 và 763 — Hộ Luật Trung-Việt.

Nếu nạn nhân là một tư nhân thì y có quyền xin Tòa án có thẩm quyền bắt chủ xe có trách nhiệm phải trả cho y một số tiền bồi thường thiệt hại căn cứ vào sự nghỉ việc, tỷ số tàn tật, đau đớn v.v.... nạn nhân thỉnh cầu rồi tòa án xét định theo sự nhận xét của Bác sĩ khám thương tương đương với thiệt hại.

Nơi đây nạn nhân là một công chức sở hỏa xa nên việc bồi thường tai nạn lao động phải do thể lệ riêng của sở hỏa xa và luật lao động chi phối. Các lệ luật này đã trừ liệu tỷ mỹ các trường hợp tai nạn đề dự liệu các số tiền bồi thường cho tương đương với các sự thiệt hại. Vì vậy trong vụ này, sự bồi thường đã theo tỷ lệ nhất định, tòa án không cần thêm bớt gì nữa.

Ngoài ra người chủ xe gây ra tai nạn phải thay thế sở Hỏa xa để trả các món tiền bồi thường, và vì sở hỏa xa đã giao trước các số tiền ấy cho nạn nhân, chủ xe gây tai nạn có nhiệm vụ hoàn lại đủ số.

(TT Huế 8-1-1958 PLTS 1958 số II trang 42)

95.— NGUYÊN TẮC NEMO AUDITUR PROPRIAM TURPIDI-NEM ALLEGANS. ĐIỀU 25 SẮC LỆNH 21-7-1925. THỜI HẠN THUÊ Mướn. HỢP ĐỒNG GIÁ ĐÌNH. HỢP ĐỒNG CÓ MỤC ĐÍCH GIAN LẬN THUẾ. VÔ HIỆU. MỤC ĐÍCH VI PHÁP. TÒA XỬ VỀ TÌNH LÝ.

I.— Điều 25 Sắc lệnh ngày 21-7-1925 không có tính cách trật tự công cộng. Chủ đất và người mướn đất có thể giao ước một cách khác về cái kiến trúc xây cất trên đất mướn. Tòa án phải tìm hiểu ý muốn chung của đôi bên giao kết để đi tới một giải quyết công bằng giữa quyền lợi của chủ đất và người mướn đất về các kiến trúc xây cất trên đất mướn, sau khi giao kèo mướn đất chấm dứt.

Tòa thượng thẩm khi tuyên án chung quyết không bỏ buộc phải ấn định số tiền bồi thường bằng giá trị các kiến trúc lúc xây



cát. Tòa thượng thẩm có quyền xác nhận ý muốn chung của đôi bên giao kết về khoản bồi thường, rồi theo đó mà ấn định số tiền bồi thường.

II.— Khi không có sự thỏa thuận giữa đôi bên về thời hạn thuê đất, sự thuê mượn giữa đôi bên phải coi như vô hạn định, chủ đất có quyền chấm dứt bất cứ lúc nào miễn là có báo thời hợp lệ.

III.— Câu châm ngôn « Nemo auditur propriam turpitudinem allegans » thường được các Tòa án Pháp áp dụng để bác khước những đơn xin bồi hoàn trong các vụ kiện mà người đứng xin bồi hoàn tỏ ra vô hạnh vì đã ký kết những hợp đồng có tánh cách xâm phạm luân lý.

Một hợp đồng giả định, có mục đích gian lận thuế là một hợp đồng bất hợp pháp nên vô giá trị và vô hiệu lực phải bị hủy bỏ. Sự vô hiệu của hợp đồng bất hợp pháp đó là tuyệt đối và mọi người có quyền lợi, kể cả các đương sự đã, ký kết hợp đồng ấy đều có quyền xin hủy bỏ mà không có sự vi phạm nguyên tắc Nemo auditur propriam turpitudinem allegans.

IV.— Việc xét đoán một hợp đồng có mục đích vi phạm hay không thuộc toàn quyền của Tòa án xử về tình lý.

(PA 30-6-1965 PLTS 1966 số 1 trang 33)

## 96.— SỰ PHÁ GIÁ ĐỒNG BẠC.

Sự phá giá đồng bạc không có ảnh hưởng đến các tờ khế ước. Thí dụ : 1 tờ vay bạc 10.000 đồng sau này người thiếu chỉ trả 10.000 đồng, mặc dầu đồng bạc bị phá giá hoặc tăng giá.

(TT Saigon 14-4-1953 PL số 18 trang 6)

## 97.— QUYỀN ĐỊNH ĐOẠT. TRÁCH NHIỆM VỀ SỬA CHỮA. TÒA ÁN ĐỊNH ĐOẠT VỀ SỐ TIỀN THIẾT HẠI TRONG KHI XE PHẢI SỬA CHỮA.

Theo một án lệ vững chắc, người gây ra tai nạn phải chịu trách nhiệm sửa chữa thế nào cho xe bị tai nạn được sử dụng như trước khi xảy ra tai nạn, dầu rằng người chủ xe bị tai nạn có được lợi thay đổi đồ mới, sự thay thế ấy là kết quả dĩ nhiên do tai nạn đem lại chứ không thể xem như là một lợi lộc vô cớ.

Tòa án có toàn quyền để định đoạt về sự thiệt hại vì xe không chạy được trong những ngày phải sửa chữa.

(*TT Saigon 22-9-1955 PLTS 1956 số 1 trang 42*)

### 98.— TAI NẠN GIAO THÔNG. BỒI THƯỜNG. TỔ QUYỀN CẦU VIỆN.

Luật pháp và án lệ công nhận cho nạn nhân tai nạn giao thông được quyền bồi thường một cách mau lẹ.

Nếu một bản án tiền hình đã thành chung thẩm xử phạt một tài xế bồi thường cho nạn nhân, và chủ xe phải chịu trách nhiệm dân sự, người này không thể vịn vào cớ rằng tai nạn gây nên một phần do lỗi của một tài xế khác, để xin tòa gọi chủ nhân của tài xế ấy ra dự sự, hoặc truyền khảo tra hồ sơ hình vụ.

Người phụ trách liên đới (débiteur solidaire) phải bồi thường toàn thể thiệt hại cho nạn nhân, để về sau, nếu muốn sử dụng tổ quyền cầu viện (action récursoire) đối với người đồng phụ trách.

(*ST Saigon 13-10-1956 PLTS 1957 số II trang 73*)

### TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ (X. TRÁCH NHIỆM)

#### CẦM CỐ

### 99.— CẦM CỐ VÀ MÃI LAI THỰC. THỦ ĐẮC THỜI HIỆU.

Mỗi khi Tòa án cần phải giải thích một khế ước, Tòa cần tìm hiểu ý định thật của hai bên đồng ước khi lập giao kèo, hơn là căn cứ vào văn từ đã dùng.

Nếu khế ước là « Tờ bán thực ruộng » nhưng chủ ruộng có giao ước cho chủ mua được hưởng huê lợi mà « trừ tiền lời » thì đó chỉ là việc cầm cố ruộng để bảo đảm số nợ ; nếu là mãi lai thực thì không thể dự phòng tiền lời.

Thú đặc thời hiệu là ba mươi năm ; nếu quá ba mươi năm người vay nợ, cố đất, không chuộc đất, chủ nợ được quyền kiện xin sang tên qua bộ.

(TT Saigon 7-3-1953 PLTS 1957 số IV trang 18)

CẦM CỐ THEO SL 1925 (X. 76)

100.— CẦM CỐ BẤT ĐỘNG SẢN Ở TRUNG VIỆT. ĐIỀU 1090 H.V.H.L. NGƯỜI BÁN CÒN GIỮ CỦA BÁN LẠI. KHÔNG CÓ TỜ TÁ CANH.

Chiếu điều 1090 H.V.H.L. dù văn khế có gọi là văn khế « bán đợ » hay « mãi lai thực », nếu có tranh tụng về tánh cách văn khế ấy thời có thể chỉ coi là việc thế chấp bất động sản khi người bán đã bán rồi mà vẫn còn giữ của bán lại.

Khi ruộng đem « bán đợ » vẫn còn ở trong tay người bán, mặc dầu sự « bán đợ » đã xảy ra từ 35 năm nay. Tòa án xử về tình lý đã nêu một cách hợp lý điều 1090 H.V.H.L. mà cho rằng nội vụ là một việc thế chấp bất động sản trong khi người mua không xuất trình được một giấy tờ nào hay một tờ tá canh nào chứng tỏ rằng sự chấp hữu của người bán chỉ là chấp hữu với tư cách tá điền.

(PA 25-9-1963 PLTS 1964 số II trang 22)

101.— ĐỊNH NGHĨA CẦM CỐ ĐẤT. MÃI LAI THỰC

Cố đất và bán mãi lai thực thuộc hai định chế pháp lý khác nhau.

Về sự cố đất, nếu nợ đáo hạn mà người thiếu nợ không trả,

chủ nợ không thể đương nhiên trở thành sở hữu chủ, bởi lẽ luật pháp cấm hẳn sự áp dụng lưu chất khế ước giữa chủ nợ và người thiếu nợ.

Người vay nợ cố đất được quyền chuộc đất cố trong hạn ba mươi năm kể từ ngày lập tờ cố, nếu nợ đã đáo hạn mà chủ nợ không kiện đòi nợ và xin phát mãi đất cố để trừ nợ.

Sự mãi lai thực không phải là cầm cố, sự mãi lai thực là một sự mua bán đất với điều kiện là chủ mua thành sở hữu chủ vĩnh viễn nếu chủ bán không chuộc đất lại trong thời hạn đã giao kết. Người mua chỉ cần phải kiện người bán để xin tòa tuyên dạy cưỡng bộ sang tên cho người mua.

Theo án lệ vững chắc, nếu hai bên không giao kết về thời gian chuộc đất, thì thời hạn này là ba mươi năm kể từ ngày lập tờ mãi lai thực.

(*TT Saigon 19-12-1957 PLTS 1958 số III trang 16*)

## ĐỐI KHÁNG ĐỆ TAM NHÂN (X. 62)

### 102.— GIÁ NGẠCH ĐỒNG BẠC. KHẾ ƯỚC CẦM CỐ RUỘNG.

Trong một khế ước cầm cố ruộng để vay ụợ, có khoản nói đến thời hạn phải chuộc lại ruộng, quá hạn ấy người thuê ruộng vẫn có quyền chuộc ruộng lại, người chủ nợ không thể thành sở hữu chủ bất động sản cầm cố được.

Thời hạn chuộc ruộng cầm cố là 30 năm.

Giá ngạch của đồng bạc lưu dụng cưỡng chế pháp định có tánh cách trật tự công cộng không thể viện lẽ đồng bạc sụt giá để đòi thêm.

Điều 100 Hoàng Việt Hình Luật được áp dụng như thành văn lý tính thì nếu trong văn khế có nói tiền lời Tòa án có thể coi đó là một việc « bán nợ » « mãi lai thực »!

(*TT Saigon 1-12-1955 PLTS 1956 số II trang 27*)

103.— HÌNH THỨC KHẾ ƯỚC CẦM CỐ BẤT ĐỘNG SẢN.  
HUÊ LỢI COI NHƯ SỐ LỜI. QUYỀN DI THẨM CỦA  
TÒA THƯỢNG THẨM.

Việc đoạn mãi bất động sản phải được chứng minh bằng giấy tờ về việc mua bán.

Theo điều 131 Sắc lệnh điền thổ ngày 21-7-1925, bất động sản có thể cầm cố bằng cách giao bất động sản cho chủ nợ hoặc bằng cách chỉ giao bằng khoán mà thôi.

Nếu không có giao ước thì những huê lợi do chủ nợ đã thu được coi như là số lời (điều 137 đoạn 2 sắc lệnh điền thổ ngày 21-7-1952).

Khi tòa sơ thẩm quên không xét đến một khoản thỉnh cầu của một bên đương sự, thì do quyền Di thẩm Tòa Thượng thẩm xử kháng cáo có thể xét định đề bỏ tức sự thiếu sót ấy.

(*TT Saigon 7-3-1957 PLTS 1958 số I trang 8*)

104.— HÌNH THỨC KHẾ ƯỚC CẦM. CỐ TÍNH CÁCH CỦA SỰ  
CỐ THIẾT. TÁ RUỘNG. SỰ CẦM CỐ CHỒNG VỚI SỰ  
THUÊ RUỘNG.

Phải coi như là một sự cố thiết, một sự cố đất có những cách sau :

— người chủ nợ chiếm đất cố

— người chủ nợ hưởng huê lợi đất cổ mà trừ tiền lời và chính y đóng thuế đất.

Trong một vụ cầm cố thiết người chủ nợ làm miếng ruộng cổ cho mình được hưởng huê lợi, và như vậy thì huê lợi ấy coi như là tiền lời và đóng tiền thuế; nhưng số ngạch tiền lời không thể quá luật định.

Sự cầm cố với sự thuê ruộng là hợp pháp.

(*TT Sài Gòn 15-6-1950 PLTS 1650 số III trang 54*)

#### 105.—NGHĨA VỤ CHỦ NỢ CẦM CỐ.

— Vay bạc có cố ruộng đất.

— Chủ nợ phải làm tờ dờ bộ sau khi người thiếu nợ đã trả tất số nợ, hầu người thiếu nợ nạp cho sở Quản thủ điền thổ. Bất tuân có thể bị trả tiền bồi thường thiệt hại cho người thiếu nợ.

(*TT Sài Gòn 16-7-1953 PL số 10 trang 6*)

#### TIỀN LỜI, HOA LỢI, KHÔNG ĐƯỢC THU CẢ HAI THỨ.

Khi một bất động sản đem cầm cố, nếu chủ nợ đã thu vốn và, tiền lời của số tiền vay, bảo đảm bởi bất động sản đem cầm cố, chủ nợ không được đòi hoa lợi của bất động sản ấy nữa.

Điều 137 đoạn chót của Sắc lệnh ngày 21-7-1925 ghi rằng : «hoa lợi do chủ nợ thu coi như tương đương với tiền lời» vậy ngược lại tiền lời do chủ nợ thu, sau khi đòi lại vốn phải coi như tương đương với hoa lợi; chủ nợ chỉ có thể hoặc thu tiền lời hoặc thu hoa lợi, nếu không như vậy chủ nợ sẽ thu hai lần tiền lời.

(*PA 28-6-1961 PLTS 1962 số I trang 4*)

#### 105.—KHÔNG ĐĂNG KÝ BẤT ĐỘNG SẢN THỂ CHẤP. ĐỀ

TAM NHÂN: THỂ NÀO LÀ ĐỆ TAM NHÂN THEO NGHĨA LUẬT NGHĨA VỤ ; THEO NGHĨA LUẬT ĐIỀN THỜ VÀ THEO NGHĨA LUẬT BẰNG CHỨNG

Dân luật phân biệt ba loại đệ tam nhân.

Đệ tam nhân theo luật nghĩa vụ là người nào không tham dự vào một khế ước ký kết giữa những người khác : đệ tam nhân này không bị ràng buộc bởi khế ước.

Đệ tam nhân theo nghĩa luật bằng chứng là người nào thụ quyền biệt vật (ayant cause à titre particulier) của một trong hai người lập ước : đối với đệ tam nhân này, khế ước chỉ có hiệu lực đối kháng kể từ ngày có ngày tháng chắc chắn.

Đệ tam nhân theo nghĩa luật điền thờ là người nào đã tạo mãi trên một bất động sản một vật quyền mà luật định là phải được công bố.

Do đấy, người cho vay không có tư cách đệ tam nhân theo nghĩa luật điền thờ, để có thể nại rằng chiếu điều 316 sắc lệnh điền thờ việc đoan mại bất động sản do con nợ phải được đăng ký mới đối kháng được với y.

Trái lại, chính người mua bất động sản có quyền nại rằng theo luật bằng chứng, văn tự nợ chỉ đối kháng được với y kể từ ngày có ngày tháng chắc chắn.

Nếu sự vay nợ có thể chấp bất động sản làm bảo đảm thì chủ nợ có tư cách là đệ tam nhân theo nghĩa luật điền thờ, vì quyền thế chấp là một vật quyền trên bất động sản.

Nhưng vật quyền này muốn đối kháng được với những đệ tam nhân khác (theo nghĩa luật điền thờ) phải đã được đăng ký.

Nếu sự thế chấp không được đăng ký, chủ nợ không có tư

cách đệ tam nhân theo luật bằng chứng, không phải là một người thụ quyền toàn vật (ayant cause à titre particulier), chỉ là một người thụ quyền toàn ngạch (ayant cause à titre universet) : do đấy, mọi hành vi xử dụng của con nợ đều đối kháng được với y, không cần phải có ngày tháng, chắc chắn.

(TT Saigou 27-12-1962 PLTS 1964 số II trang 121)

#### 106.— THỜI HẠN CHUỘC RUỘNG ĐẤT CẦM CỐ.

Trong sự cầm cố ruộng đất, thời hạn phải chuộc lại là 30 năm: từ ngày cầm cố, quá thời hạn ấy chủ nợ thành chủ vĩnh viễn.

(PA 6-6-1955 PLTS 1956 số III trang 15)

#### THỜI HẠN CHUỘC (X. 99 và 105)

#### 107.— THỂ CHẤP. VẬT THỂ CHẤP BỊ THIÊU HỦY. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI THIẾU NỢ THỂ CHẤP.

Người chủ nợ không chịu trách nhiệm nếu vật đem thế chấp để vay nợ đã bị tiêu hủy, mà không phải do lỗi của người chủ nợ.

(ST Saigon 26-10-1959 PLTS 1956 số III trang 79)

#### 108.— TƯƠNG QUAN GIỮA CHỦ NỢ VÀ NGƯỜI THIẾU NỢ.

Tuy món nợ phải trả là một số tiền, nghĩa là có thể chia ra cho mỗi người thiếu nợ trả một phần, nhưng trong sự liên quan giữa chủ nợ và người thiếu nợ trái ước phải được thi hành như là một trái ước bất khả phân.

(ST Mỹ-Tho 22-3-1955 PLTS 1956 số III trang 65)

#### ƯỚC ĐIỀU LƯU CHẤT (Vô hiệu). (X. 76)

### CẤP DƯỠNG

#### 109.— TIỀN CẤP DƯỠNG.

Tiền cấp dưỡng được ấn định tùy theo khả năng của người phải cung cấp và nhu cầu của người được cung cấp.

(TT Saigon 27-6-1957 PLTS 1958 số I trang 25)



110.— CON HOANG, TIỀN CẤP DƯỠNG.

Sự chính thức hóa con hoang có thể bị đánh đổ do sự hủy bỏ việc nhìn nhận đứa con hoang và như vậy sự phải cấp dưỡng đứa con cũng không còn nữa.

(TT Saigon 27-8-1955 PLTS 1957 số II trang 33)

111.— CON NGOẠI TÌNH. SỰ CẤP DƯỠNG CHO CON NGOẠI TÌNH. THỂ NÀO LÀ SỐNG CHUNG HAY SỐNG NGOẠI HÔN) TRƯỜNG HỢP CHẤM DỨT SỰ ẨM Ở VỚI NHAU ĐIỀU 79 LUẬT NGÀY 2-1-59.

Từ lâu, vì lý do nhân đạo, án lệ đã chấp nhận cho đứa con ngoại tình được cấp dưỡng; mặc dầu là tử hệ ngoại tình không thể được chính thức xác nhận; nhưng án lệ này chỉ đem áp dụng được trong những trường hợp mà tử hệ ngoại tình (hay phạm gian) được gián tiếp xác nhận vì những hoàn cảnh đặc biệt, thí dụ trường hợp một đứa trẻ bị khước từ phụ hệ: sự khước từ ấy, gián tiếp chứng tỏ rằng nó là một đứa trẻ ngoại tình, và án lệ chấp nhận rằng người cha thực sự của nó có thể phải cấp dưỡng cho nó.

Bổn phận cấp dưỡng này trước hết là một nghĩa vụ tự nhiên (obligation naturelle) nghĩa là nếu người cha tự xét lương tâm mà cấp dưỡng thì hành vi ấy hữu hiệu; nhưng nếu gặp phải người cha vô lương tâm người mẹ và đứa trẻ đều không có tố quyền gì để buộc người cha phải cấp dưỡng. Nghĩa vụ tự nhiên này sẽ biến cải thành một nghĩa vụ dân sự (obligation civile) với sự chế tài của một tố quyền dân sự, khi nào người cha có cam kết minh thị sẽ chu cấp cho đứa trẻ; học lý và án lệ, tuy rộng rãi và nhân đạo, cũng không chấp nhận một sự cam kết mặc nhiên; thí dụ: nhận là cha đứa trẻ không phải là đã chịu cấp dưỡng; hay trong thực tế đã cấp dưỡng trong một thời gian cũng không phải là đã cam kết cấp dưỡng.

Sự sống chung (hay sống ngoại hôn) có hai nghĩa, chỉ hai tình trạng : theo nghĩa cổ điển, sống chung là tình trạng hai người khác giống ở chung một nhà, coi nhau như vợ chồng, cư xử như vợ chồng đối với người đệ tam ; đó là nghĩa của sự ngoại hôn trong điều 77 luật ngày 2-1-1959 ; theo một nghĩa khác, rộng rãi hơn, không cần có sự ở chung một nhà, chỉ cần hai bên có đi lại, giao dịch một cách liên tục, đó là nghĩa riêng của sự ngoại hôn theo điều 106 số 4 của luật dân chiếu, do án lệ giải thích đề làm dễ dàng cho tổ quyền truy tầm phụ hệ.

Điều 79 luật ngày 2-1-1959 nói rằng trong trường hợp chấm dứt sự ăn ở với nhau, một trong hai người phải trả một số tiền bồi khoản xứng đáng cho người thiếu sinh kế, nếu đem áp dụng một cách máy móc, theo văn tự, sẽ trái với những nguyên lý của luật pháp, là kẻ phạm pháp không thể được quyền lợi gì do sự phạm pháp ấy ; bởi vậy, ngay trước khi luật ngày 2-1-1959 ban hành, tuy sự ngoại hôn không phải là một hình tội, chỉ là một tình trạng trái với luân thường. án lệ cũng đã không chấp nhận cho đương sự được bồi thường, khi sự ngoại hôn chấm dứt, ngoại trừ trường hợp trong hai người là nạn nhân bị người kia quyến rũ ; với luật ngày 2-1-1959 đặt sự ngoại hôn thành một hình tội, án lệ nói trên càng thêm có căn bản vững chắc, vì rằng thói sống ngoại hôn là chấm dứt một tình trạng bất hợp pháp để trở lại tình trạng thông thường hợp pháp, vậy sự chấm dứt không thể phát sinh ra nghĩa vụ bồi thường.

Do sự chấm dứt này, cặp nam nữ trở về trong phổ thông luật pháp ; người này chỉ có thể đòi người kia bồi thường theo những nguyên tắc thông thường của luật trách nhiệm, phải có một sự phạm lỗi của người này, một sự thiệt hại cho người kia, và sự liên hệ nhân quả giữa hai yếu tố ấy.

(TT Saigon 3-1-1963 PLTS 1964 số 1 trang 148)

112.— CON NGOẠI HÔN. LUẬT SỐ 1159 NGÀY 2-1-1959 CẤP DƯỠNG CHO CON NGOẠI HÔN.

Tình trạng ngoại hôn đã bị cấm hẳn bởi điều 77 Luật số 1159 ngày 2-1-1959. Người cha đã có vợ chánh thức thì đứa con ngoại hôn chỉ được khai nhận và mang tên họ mẹ (điều 102) và cha lẫn mẹ phải liên đới chịu trách nhiệm cấp dưỡng cho con (điều 80).

(*ST ĐỊNH-TUỜNG 17-12-1963 PLTS 1963 số III trang 108*)

113.— CAM KẾT GIỮA HAI NGƯỜI NGOẠI HÔN. SỰ CẤP DƯỠNG. CON TƯ SINH. CAM KẾT GIỮA HAI NGƯỜI NGOẠI HÔN. DỰ DỠ. THÀNH TỐ. TỔ QUYỀN ĐÒI BỒI THƯỜNG. NGOẠI HÔN. KẾT ƯỚC CHẤM DỨT. BỒI THƯỜNG.

I.— Một khi đã nhìn nhận đứa trẻ ngoại hôn, người cha có nghĩa vụ phải cấp dưỡng đứa trẻ này. Đương sự không thể dựa vào tờ cam kết với mẹ đứa trẻ theo đó « y không biết gì đến đứa bé nữa » để xin được miễn thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng. Điều khoản này hoàn toàn vô hiệu, vì thân trạng cá nhân, là một vấn đề trật tự công cộng do luật pháp quy định một cách cưỡng hành, không thể bị thay đổi do sự thay đổi ước giữa tư nhân.

II.— Muốn được bồi thường về sự dự dỡ, người đàn bà phải chứng tỏ những hành vi dự dỡ của người đàn ông. Và những hành vi ấy phải có tính cách những mưu lược xui khiến thị đã trao thân sống chung với người này.

III.— Sự cam kết bồi thường để chấm dứt tình trạng ngoại hôn được án lệ coi là hữu hiệu, vì mục đích của sự bồi thường là để hủy bỏ một tình trạng trái với luật pháp.

(*TT Saigon 18-5-1961 PLTS 1961 số IV trang 50*)

114.— HOÀN LẠI TIỀN CẤP DƯỠNG. QUYỀN GIA TRƯỞNG VÀ TRÔNG GIỮ Đứa TRẺ.

Một người trong hai người cùng phải cấp dưỡng mà đã tự một mình cấp dưỡng thì không được phép đòi lại người kia hoàn cho mình số tiền đã cấp dưỡng ; tuy nhiên có thể xin bắt người kia chịu cùng với mình cấp dưỡng về sau này thôi.

Điều 383 Dân Luật pháp ấn định rằng trong hai người bố mẹ, người nào đã nhận trước còn ngoại tình thì được quyền gia trưởng và trông giữ đứa con ấy. Nhưng nếu xét ra có ích lợi cho đứa con ấy cho người nhận sau cũng được.

(TT Huế 9-II-1955 PLTS 1956 số II trang 43)

#### 115.— LÝ DO ĐÒI CẤP DƯỠNG. VỢ THỨ HỢP PHÁP TẠI TRỤ SỞ HÔN NHÂN. KHÔNG CHẤP NHẬN.

Chiếu điều 94 Dân Luật Bắc Việt, vợ chính thất có quyền được ở và buộc phải ở với chồng, chồng có thể cho phép hoặc bắt buộc vợ thứ phải ở riêng, như vậy khi chồng có vợ thứ hợp pháp, vợ cả không thể nại sự kiện chồng có vợ thứ để trốn tránh nghĩa vụ phải ở chung với chồng, nhất là chồng đã có thư bảo đảm đốc thúc vợ trở về trụ sở hôn nhân.

Sự đòi hỏi chồng tiền cấp dưỡng chỉ có lý do khi vợ cả nại ra được bằng chứng là chồng từ chối không cho sống chung hoặc đã làm gì tổn hại đến tư cách của mình tại trụ sở hôn nhân như nuôi dưỡng tại nhà một người tình nhân không có giá thú làm cho vợ cả không thể sống chung với chồng được.

(PA 30-I-1963 PLTS 1963 số II trang 14)

#### 116.— LÝ DO CHÍNH ĐÁNG. TIỀN CẤP DƯỠNG. TIỀN CẤP DƯỠNG KHÔNG THỂ DỒN LẠI. LÝ DO. KHÔNG CẦN DỪNG.

Mục đích của sự cấp dưỡng là để cho người phối ngẫu túng thiếu có thể sinh sống cho tới khi có quyết định về việc ly dị. Nếu người này không đòi một số tiền cấp dưỡng khi đáo hạn, thì về sau

không được quyền đòi nữa, vì có sự đoán rằng đương sự không cần số tiền ấy, trừ khi đương sự nại được những sự kiện chứng minh không lãnh được tiền vì có duyên cớ ngoài ý muốn của mình.

(PA 26-5-1965 PLTS 1966 số 1 trang 24)

117.— NỢ CẤP DƯỠNG : TÁNH CÁCH BẤT KHẢ TÍCH TRỮ :  
 BẰNG CHỨNG TƯƠNG PHẢN. NỢ CẤP DƯỠNG  
 TRONG THỜI KỲ THỦ TỤC LY HÔN : TƯƠNG QUAN  
 CỦA NỢ CẤP DƯỠNG VỚI KHỐI TÀI SẢN CỘNG ĐỒNG.

Về nguyên tắc, tuy người đòi cấp dưỡng không thể đề tích trữ, chớng chất lâu ngày mới khởi tố đòi truy lãnh nhưng đó chỉ là vì có sự suy đoán rằng, nếu không đòi, tức là đương sự không cần cấp dưỡng.

Sự suy đoán này có thể đánh đổ bởi bằng chứng tương phản : người chủ nợ, được quyền cấp dưỡng theo luật định, có thể kiện đòi cấp dưỡng về thời gian đã qua rồi nếu chứng tỏ được rằng trong thời gian nầy không có phương tiện sinh sống.

Nợ cấp dưỡng ấn định do mệnh lệnh hòa giải bất thành trong thời kỳ thủ tục ly hôn là một trái vụ mà khối tài sản cộng đồng phải ứng trước để trả cho người phối ngẫu được cấp dưỡng ; khi nào khối tài sản được thanh toán phân chia, người được cấp dưỡng phải hoàn lại số tiền đã lãnh, bằng cách khấu trừ vào kỷ phần của người ấy trong khối tài sản cộng đồng.

Sự thanh toán phân chia lại là hậu quả đương nhiên của sự ly hôn.

Do đó, nếu đã có án ly hôn mà tài sản cộng đồng chưa được phân chia, người vợ (hay người chồng) không còn sai áp được ít trong của người phối ngẫu để thu hồi số tiền cấp dưỡng chưa lãnh trong thời kỳ thủ tục ly hôn.

(TT Saigon 15-11-1962 PLTS 1963 số IV trang 118)

118.— NGUYÊN TẮC « DƯỠNG KIM KHÔNG THỀ CHO LIÊN ĐỐI » CẤP DƯỠNG TRONG CÁC VỤ LY DỊ DO LỖI CỦA HAI BÊN.

Nguyên tắc « dưỡng kim không thề cho liên đối » căn cứ vào ước đoán rằng trước khi đòi cấp dưỡng người xin đã không bị túng thiếu (L'adage en vertu duquel les pensions ne s'arrangent pas est fondé sur la présomption que le créancier d'aliment ne se trouve pas dans le besoin avant d'avoir formé sa demande). Nguyên tắc đó chỉ có thể đem áp dụng cho trường hợp của một đơn khởi tố làm trong một năm sau để xin cấp dưỡng về quá khứ nghĩa là về thời gian một hai năm về trước. Nguyên tắc ấy không có thể áp dụng trong vụ sau đây vì trong vụ này Trần thị Nguyệt vì túng thiếu, đã xin cấp dưỡng đơn 3-1-1952 và đã được án tòa HGRQ Nha-Trang ngày 28-2-52 cho cấp dưỡng 700 đồng một tháng, án ấy vì sự sơ suất đã không được thi hành đúng kỳ.

Theo án lệ pháp (Civ. 4-7-1932...) thì nếu án ly dị tuyên xử do lỗi cả đôi bên thì không bên nào được cấp dưỡng.

Án lệ ấy không thể áp dụng cho Trung-Việt vì tại đây điều 142 H.L.T.T. quy định rằng « tòa án khi xử ly dị có thể truyền cấp dưỡng cho vợ nếu cần ; và theo điều 143 thì chỉ khi nào người vợ tái giá hay tà dâm mới không được lãnh tiền cấp dưỡng.

(TT Huế 19-6-1957 PLTS 1957 số I trang 60)

119.— NGHĨA VỤ CỦA CHA MẸ VỀ VIỆC CẤP DƯỠNG CHO CON.

Nghĩa vụ tự nhiên của người cha hay mẹ là phải cấp dưỡng cho con. Nếu cha hay mẹ đã cam đoan cấp dưỡng thì nghĩa vụ ấy thành ra trái khoản nghĩa vụ (obligation civile). Án lệ cho sự cam kết ấy là có hiệu lực. Sự cam kết không cần phải rõ rệt : các thư từ, cử chỉ của người cha đã yêu đương con và đã cho con tiền bạc có thể có giá trị như lời cam kết cấp dưỡng cho con.

(TT Huế 31-8-1965 PLTS 1965 số II trang 39)

120.— NGHĨA VỤ CẤP DƯỠNG. HIỆU LỰC CỦA HÔN THỨ, BỒN PHẬN GIÚP ĐỠ VÀ TƯƠNG TRỢ GIỮA VỢ CHỒNG. TRƯỜNG HỢP LY THÂN VÀ LY HÔN.

Một khi đã kết hôn, vợ chồng có bổn phận phải giúp đỡ và bảo trợ nhau; tùy theo khả năng tình trạng của mình, chồng phải cung cấp cho vợ tất cả những gì cần thiết cho sự sinh sống (điều 41 và 44 Sắc luật 15/64 ngày 23-6-1964) Nghĩa vụ cấp dưỡng phát xuất nơi bổn phận giúp đỡ và tương trợ vẫn tồn tại sau ngày vợ chồng ly thân trừ trường hợp ly hôn (điều 89) thì người phối ngẫu có lỗi mới phải cấp dưỡng cho người kia với tính cách bồi thường.

Giá thú giữa hai vợ chồng chưa đoan chung, hiệu lực của hôn thú chưa chấm dứt, bổn phận giúp đỡ và tương trợ còn tồn tại, người vợ có quyền đòi chồng phải cấp dưỡng.

Người chồng không thể viện lẽ vợ đã tự đặt mình vào tình trạng trái với đạo lý khi mà người vợ về ở nơi nhà cha mẹ ruột là do sự ưng thuận của chồng và người chồng không hề đốc thúc vợ trở về cư sở hôn nhân, nơi mà y đã sống chung với một người đàn bà khác và có con với người này.

(TT Saigon 3-12-1964 PLTS 1966 số I trang 124)

121.— SAI ÁP. LƯƠNG BỒNG THEO ĐIỀU 32 LUẬT GIA ĐÌNH. DƯỠNG KIM.

Các số tiền cấp dưỡng chỉ tính từ ngày có đơn khởi tố trở về sau.

Có thể cho sai áp một phần lương bổng của người chồng, như đã định trong điều 52 Luật gia đình, để thanh toán các số tiền mà người này phải cấp dưỡng cho vợ con.

(TT Huế 30-3-1960 PLTS 1961 số II trang 98)

122.— TẶNG TIỀN CẤP DƯỠNG. YẾU TỐ MỚI ĐỀ TẶNG TIỀN CẤP DƯỠNG. TÀI SẢN CHUNG.

Về số tiền cấp dưỡng cho con chung (của hai vợ chồng) có thể tăng hay giảm theo nhu cầu của đứa trẻ và cầu cứ. theo khả năng tiền tài của người cha hay mẹ có phạm sự cấp dưỡng.

Việc đứng nghiệp chủ trong địa bộ, cùng nếu ngày xưa dầu trong lúc mua ruộng đất có vị thành niên đi nữa. nay trải qua gần 30 năm, Việc mua bán đó bước đương nhiên hợp thức hóa từ lâu, hơn nữa việc chấp hữu bất động sản với tư cách nghiệp chủ chánh thức, công khai, ngay thẳng, không gián đoạn và không hàm hồ, theo điều 569 Hộ Luật Trung-Việt đã làm cho nghiệp chủ ít ra cũng được thủ đắc thời hiệu sau 15 năm (prescription acquisitive de 15 ans).

Lại còn việc người chồng cùng vợ kế cùng chung tạo mãi một bất động sản và là đồng nghiệp chủ (co-propriété) của bất động sản ấy, không có bằng chứng gì tỏ rằng người vợ kế không bỏ tiền ra mua, như vậy không thể gọi là một việc tặng dử (donation) trả hình có nguyên ủy vô luân của người chồng được.

(TT Huế 5-7-1961 PLTS 1962 số I trang 85)

### TẶNG TIỀN CẤP DƯỠNG NUÔI CON VÌ CÓ SỰ KHẨN CẤP. THẨM QUYỀN TÒA CẤP THẨM.

Án lệnh vững chắc nhận định rằng đơn xin tăng tiền cấp dưỡng nếu có sự khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Tòa cấp thẩm nơi trú ngụ của người trả tiền ấy, và lại điều 245 nghị định 16-3-1910 quy định một cách tổng quát về thẩm quyền của tòa án cấp thẩm.

Theo nguyên tắc pháp lý Tòa Khẩn Cấp không thể xử ngược lại một bản án của Tòa sơ thẩm đã xét xử về chính vụ.

(TT Saigon 22-9-1955 PLTS 1956 số III trang 21)

### TÍNH TIỀN CẤP DƯỠNG (X. 121)

123.— TÍNH CÁCH KHẨN CẤP CỦA SỰ CẤP DƯỠNG. THẨM QUYỀN TÒA KHẨN CẤP.



Kháng cáo phụ đới là một tố cầu dành cho tụng nhân nào đã thắng kiện một phần trước tòa sơ cấp muốn nhân dịp kháng cáo của đối thủ bị thất kiện, đề xin tòa cho y được toại nguyện về toàn thể thỉnh cầu của y.

Theo nguyên tắc, tòa cấp thẩm có thẩm quyền và bó buộc phải quyết định trong những trường hợp khẩn cấp.

Sự cấp dưỡng có tính cách khẩn cấp một khi người có bổn phận cấp dưỡng theo luật định không chịu thi hành nghĩa vụ và, đàng khác, người được cấp dưỡng theo luật định không có phương tiện để sinh sống.

Án lệ đã giải thích rằng « án lệnh cấp thẩm không phạm được đến chính vụ » có nghĩa là án lệnh ấy không có hiệu lực ràng buộc tòa chính vụ khi xét định về nội dung, nhưng, không vì thế mà tòa cấp thẩm không có thẩm quyền bất cứ trong trường hợp nào để cho thi hành một biện pháp tạm thời có thể làm thiệt hại một cách vĩnh viễn cho một bên đương sự.

Ngày nay, án lệ và học lý đều đồng thanh chấp-nhận rằng mặc dầu tòa chính vụ đã thụ lý, tòa cấp thẩm cũng có thẩm quyền quyết định về những sự khó khăn phát xuất ở chính vụ, miễn là có khẩn cấp và không phạm đến nội dung.

(*TT Saigon 1-8-1963 PLTS 1964 số IV trang 92*)

#### TÍNH CÁCH KHẨN CẤP (X. 122)

#### 124.— TỐ QUYỀN ĐỀ ĐÒI TIỀN CẤP DƯỠNG. TÍNH CÁCH CÁ NHÂN CỦA TỐ QUYỀN NÀY.

Tố quyền đề đòi tiền cấp dưỡng là một tố quyền dành riêng cho cá nhân người được hưởng tiền cấp dưỡng mà thôi.

Một người có quyền hưởng tiền cấp dưỡng phải chính mình đứng đơn đòi tiền cấp dưỡng, trừ phi trường hợp bị cấm quyền.

(*ST Saigon 20-5-1959 PLTS 1959 số IV trang 79*)

## CHÙA

125.— CHÙA. QUYỀN SỞ HỮU. TRONG CÒ LUẬT. TRONG LUẬT THỰC TẠI. NGÔI CHÙA. TỰ NHÂN TẠO TÁC. SINH THỜI TẶNG DŨ. THỤ TẶNG. SINH THỜI TẶNG DŨ. ĐỘNG SẢN. KHÔNG THUỘC LOẠI TRAO LIỀN TAY. ĐIỀU KIỆN HÌNH THỨC.

Án lệ cố định của ta từ xưa vẫn quan niệm không cần biết nguồn gốc, chùa cũng như tài sản của chùa tọa lạc tại đơn vị hành chính nào là tài sản của đơn vị hành chính ấy và nếu là chùa danh tiếng lâu đời hoặc do các bậc vua chúa xưa ra lệnh kiến lập thì thuộc công sản quốc gia, và do quốc gia hoặc đơn vị hành chính liên hệ bảo vệ và quản trị.

Loại bất động sản kể trên dù có được đăng ký trong địa bộ tên ai mặc lòng, dù là vị tăng sĩ trụ trì đi nữa, thì thừa kế của họ cũng không tự cách để dành quyền sở hữu chuyên độc, đối với công pháp pháp nhân kể trên.

Theo điều 30 Hiến Chương Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất được Sắc luật số 5166 ngày 26-2-1966 chuẩn y, các Quốc-Tự các ngôi chùa làng, các ngôi tổ đình, các ngôi chùa xây bởi các tăng sĩ, các hội đoàn Phật-Giáo được coi là Tự-Viện của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống Nhất và Giáo Hội Phật Giáo Việt-Nam Thống Nhất có nhiệm vụ giám hộ và bảo vệ với sự nhìn nhận quyền tư hữu của các Tự-Viện đó.

Soi sáng bởi các nguyên lý kể trên về quyền sở hữu các ngôi chùa cùng nền văn minh riêng biệt của ta và tập tục của Việt-Nam cùng luật lệ hiện hành, hành vi một đấng sư, nơi chứng thư có thị thực hợp lệ, xin hoàn toàn để cho các vị trụ trì tùy nghi xử dụng chùa... và nguyện ước giao đức chùa cho vị thượng tọa trụ trì chỉ có thể phát hiện ý chí phát tâm cùng ngôi chùa của đấng sư cùng nơi thờ Phật, trong cương lĩnh một Phật tử, mà danh từ pháp luật định danh là sinh thời tặng dữ mà người thụ tặng là các vị trụ trì tại ngôi:

chùa đó ; theo luật thực tại ngôi chùa này thuộc quyền giám hộ và bảo vệ của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Ngôi chùa kiến trúc sơ sài lại xây cất trên bất động sản thuộc quyền sở hữu của kẻ khác, vậy chỉ là động sản. Tuy là động sản nhưng không thuộc loại tài vật trao liền tay được nên điều kiện hình thức về sự sinh thời tặng dữ như dự liệu nơi điều 970 D.L.T. và 867 D.L.B. coi như lý trí thành văn phải hội đủ.

(TT Saigon 16-4-1966 PLTS 1966 số II trang 158)

126.— CHÙA. HỘI DÂN SỰ VÀ HIỆP HỘI : PHÁP NHÂN CỦA HIỆP HỘI. HẬU QUẢ CỦA SỰ THIẾU TƯ CÁCH PHÁP NHÂN. MỤC ĐÍCH TU HÀNH CỦA HIỆP HỘI : HẬU QUẢ CỦA MỤC ĐÍCH NÀY TRONG TRƯỜNG HỢP MỘT TRONG HAI NGƯỜI LẬP HIỆP HỘI MỆNH MỘT.

Hội dân sự là hội nhằm mục đích làm ăn kiếm lợi : khi hai nhà sư cùng đi vay tiền dựng chùa, hành vi này không cấu tạo một hội dân sự, vì sự kiếm lợi bất khả thích hợp với sự tu hành. Đó chỉ có thể là một Hiệp hội.

Hiệp hội phải đã có giấy phép được chính thức thành lập mới có pháp nhân theo điều 4 Dự số 10 ngày 6-8-1950.

Hiệp hội tu hành giữa hai nhà sư đương nhiên tan rã khi một người đã chết, vì rằng, do mục đích tu hành, hiệp hội có tính cách tuyến nhân và một khi chỉ còn có một người, thì không còn hiệp hội.

Hiệp hội vô pháp nhân không có được sản nghiệp : do đấy khi hiệp hội tan rã không có vấn đề thanh toán tài sản của hiệp hội : chỉ có vấn đề hoạch định trái quyền và trái vụ hỗ tương (droits obligations réciproques) giữa các người đồng hội.

Như vậy, khi một nhà sư trong hiệp hội chết, thừa kế của người này can thiệp vào việc tranh tụng do một nhà sư khởi tố đòi bàn chùa để chia, chỉ có thể về nguyên tắc, đòi quyền lợi di sản ;

Nhưng ngôi chùa không phải là di sản của nhà sư vì sự xây cất do sự hăng tâm của người thập phương lễ chùa hoàn lại ; và kẻ

tu hành, đã quy y đầu Phật, là người của Phật Pháp Tăng (Le Bouddha la loi, la communauté), không còn liên hệ gì với gia đình nữa.  
(*TT Saigon 30-8-1962 PLTS 1962 số IV trang 97*)

## CHỨC THƯ

### 127.— HIỆU LỰC. TRUẤT QUYỀN THỪA KẾ (ĐIỀU KIỆN). QUYỀN XỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA GIA TRƯỞNG.

Chức thư chỉ xuất phát hiệu lực khi người đã mệnh một ; và trở thành vô hiệu nếu có một chức thư khác lập sau.

Người gia trưởng theo chế độ phụ quyền rất rộng của tục lệ, có toàn quyền xử dụng tài sản của mình vì không có thừa kế nào được coi là thừa kế bảo lưu tất hữu : tục lệ này được xác nhận trong D. L. Bắc và D. L. Trung điều 322 và 314.

Sự truất quyền chỉ cần phải minh thị và thể hiện bằng công chánh chứng thư, mặc dầu theo một vài man lệ lẻ tẻ từ 1925 đến 1927 sự truất quyền phải được viện dẫn lý do : án lệ không căn cứ và điều luật hoặc một tục lệ nào chắc chắn.

(*TT Saigon 26-4-1962 PLTS 1963 Số III trang 101*)

### 128.— LỜI TRỐI MIỆNG NHỮNG Ý MUỐN SAU CÙNG CỦA NGƯỜI SẮP CHẾT. CHỨC THƯ. NGHI THỨC LẬP CHỨC THƯ (ĐỊNH Ở ĐIỀU 323 ĐẾN 328 DÂN LUẬT BẮC-VIỆT). DI SẢN KHÔNG CÓ CHỨC THƯ : PHÂN BIỆT QUYỀN SỞ HỮU (ĐỊNH Ở CÁC ĐIỀU 337 VÀ TIẾP THEO) VÀ QUYỀN CHIẾM HỮU (ĐỊNH Ở CÁC ĐIỀU 533 VÀ TIẾP THEO). QUYỀN XÉT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN VỀ CẢ 2 VẤN ĐỀ SỞ HỮU VÀ CHIẾM HỮU.

Theo tục lệ xưa kia, cá nhân có thể đổi miệng lại những ý muốn sau cùng, chẳng hạn để phân chia của cải, trước khi chết.

Với bộ Dân Luật Bắc-Việt 1931, tục lệ ấy đã bị bãi bỏ : không những phải có chúc thư viết vào giấy làm bằng, mà chúc thư lại còn phải làm theo những nghi thức nhất định đã nói từ điều 323 đến điều 328.

Không có chúc thư làm bằng, một người em không thể nại chứng để bày tỏ rằng con mình đã được người chết đời lại cho một phần di sản chẳng hạn một số ruộng .

Tuy nhiên, không đòi được quyền sở hữu (propriété), người ấy vẫn có thể được che chở đối với đệ tam nhân về quyền chiếm hữu (possession) nếu xưa nay vẫn giồng giọt cây cấy chỗ ruộng đất tương tranh một cách yên ổn, ngay thẳng, công khai và liên tiếp, với sự thỏa thuận của các thừa kế trực hệ.

Tòa án có thể, trong cùng một bản án, xét định cả về vấn đề sở hữu và vấn đề chiếm hữu (cumul du possesseur et du pétitoire) vì Luật Dân Sự tổ tụng Bắc-Việt không có khoản nào ngăn cấm việc ấy.

(*ST Hà Nội 15-6-1951 PLTS 1951 số IV trang 37*)

129.— NGƯỜI HUỞNG LẬP CHỨC THƯ. GIÁ TRỊ CỦA CHỨC THƯ. KỶ ĐIỀN. ĐIỀU 437 VÀ 440 DÂN LUẬT BẮC-KỶ.

Chức thư mà không phải do người để di sản tự tay lập ra, hoặc chức thư không có người làm chứng cùng không có viên chức thị thực mà lại do người được hưởng đứng lập thời chức thư ấy hoàn toàn vô giá trị.

Ruộng của ông bà để lại mà không có chức thư hợp pháp thời xem như kỷ điền. Việc quản lý kỷ điền phải được luận phiên giao cho tất cả mọi người trong họ (điều 437 Dân Luật Bắc-Kỳ) và việc phát mại hay đánh đổi kỷ điền phải có duyên cố đích đáng và phải do hội đồng gia tộc quyết định (điều 440 Dân Luật Bắc-kỳ) mới được.

(*HGRQ NAM-ĐỊNH 21-10-1950 PLTS 1951 số II trang 17*)

## 130.— QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI CHẤP HÀNH DI CHỨC.

Người chấp hành di chúc có quyền thi hành những phương tiện cần thiết để bảo thủ di sản trước khi việc chấp hành được thực hiện ;

Những phương tiện ấy có tính cách khẩn cấp và tạm thời, do đấy, có thể áp dụng luật pháp hiện hành trước tòa án thụ lý (lex fori) (loi internationalement compétente) :

Người chấp hành di chúc không đương nhiên được quyền chưởng ốc (saisine) ; muốn được quyền ấy, phải có một khoản rõ ràng trong chúc thư.

(*ST Saigon 19-7-1955 PLTS 1955 số IV trang 37*)

## 131.— SAI LUẬT MÂU THUÃN. CHỨC THƯ CÓ KHOẢN SAI LUẬT HOẶC MÂU THUÃN. BẤT ĐỘNG SẢN HƯƠNG HÒA.

Nếu trong chúc thư có khoản sai luật hoặc mâu thuẫn thì chúc thư này phải tiêu hủy và di sản phải phân chia theo luật, bất chấp ý định của người quá cố.

Nếu bất động sản hương hỏa không đăng ký thì không có tính cách hương hỏa và chỉ coi như của riêng của sở hữu chủ.

(*TT Saigon 3-12-1955 PLTS 1956 số I trang 16*)

## 132.— THẺ THỨC CỦA CHỨC THƯ — theo các điều 315, 316 và 317. Hộ luật Trung-Việt.

Theo Hộ luật Trung-Việt có hai thứ di sản : di sản có chúc thư và di sản không có chúc thư. Đối với các chúc thư các điều 315, 316 và 317 Hộ Luật Trung-Việt ấn định rằng chúc thư phải do Chương khế lập hay do công chức thị thực, chúc thư đó do công chức thị thực phải do đương sự tự tay viết lấy, hoặc mượn người viết hộ và phải có người chứng thành niên dự tri, 2 người chứng cũng như người viết hộ đều phải ký vào chúc thư và

công chức có thẩm quyền thì thực là Lý Trường (nay là Chủ tịch Hội Đồng Hương Chính) nơi trú quán hay nơi hiện ở của người lập chúc thư ;

Nhà làm luật bắt buộc theo đúng các thể thức trên là có mục đích tránh sự gian lận của những ai lợi dụng cơ hội người có thể lập chúc thư đau nặng để làm giả mạo. Vì vậy trong trường hợp của bản án đăng dưới đây nếu có xác tin là có gian lận thì tòa án nên áp dụng các điều 315, 316, 317 để tuyên bố chúc thư không có giá trị và vô hiệu.

(TT Huế 2-4-1959 PLTS 1958 số II trang 50)

133.— TỔ QUYỀN SÁCH HOÀN DI SẢN VÀ TỔ QUYỀN ĐÒI TƯ CÁCH THỪA KẾ. TỔ QUYỀN KHIẾU NẠI PHÂN THƯ VÀ TỔ QUYỀN TIÊU HỦY CHỨC THƯ. THỜI HẠN XỬ HÀNH.

Tổ quyền sách quyền di sản chính là tổ quyền đòi tư cách thừa kế dự liệu nơi điều 391 D.L.T. mà thời hạn xử hành bị giới hạn trong thời gian 3 năm.

Tổ quyền khiếu nại về một phân thư dự liệu ở điều 398 cho trường hợp hương hỏa được giao cho một người khác không phải là thừa tự đồng tính với tổ quyền tiêu hủy chúc thư dự liệu ở điều 331, cũng phải xử hành trong hạn 3 năm như tổ quyền sách hoàn di sản.

(PA 26-8-1964 PLTS 1965 số I trang 23)

134.— QUYỀN DỤNG ÍCH CỦA VỢ GÓA. CĂN NGUYÊN. TRUẤT QUYỀN NGƯỜI VỢ. NGƯỜI CHỒNG VÔ QUYỀN. CHỨC THƯ VÔ HIỆU

Quyền dụng ích của người vợ góa trên toàn thể di sản của gia đình sau khi chồng chết là một quyền đặc biệt được tặc lệ và án lệ công nhận ở Nam Phần, và được thể hiện ở điều 320 D.L. Bắc và 32a Dân luật Trung.

Dưới chế độ hôn sản cổ truyền, quyền dụng ích của người vợ góa nhằm thay thế quyền thừa kế mà người vợ không được hưởng nếu vợ chồng có con và đến bù cho người vợ về sự thiệt thòi không được hưởng quyền tư hữu trên tài sản nào vì tất cả đều coi là tài sản của gia đình sau khi chồng chết.

Do đó người vợ có thể bị truất quyền sau khi chồng chết trong những trường hợp hạn định, người chồng không được phép truất quyền của người vợ bằng chúc thư.

(PA 30-3-1966 PLTS 1967 số I trang 17)

135.— CHỨC THƯ VIẾT TAY. SỰ PHÂN BIỆT CỦA TỜ PHÂN CHIA GIA TÀI TRONG LÚC TỜ PHỤ CÒN SINH THỜI (partage fait par les ascendants de leur vivant). GIẤY CHO (donation) VÀ TỜ CHỨC THƯ VIẾT TAY (testamentécrit de la main même du testateur).

Một chứng thư ở đầu đề rằng: « tờ phân gia tài » rồi sau lại viết: « tôi là... lập tờ di chúc » thì không thể xem:

Như một « tờ phân sản lúc sinh thời tờ phụ » vì không có Chương khế hay Lý trưởng thị thực, và không có chữ ký của con trai con gái (điều 395 Hộ Luật Trung Kỳ).

Như là một « tờ tặng dử » vì không theo điều 970 H.L. nói rằng « tặng dử bất động sản phải lập thành khế ước có viên chức thị thực tại trước mặt người thu tặng, mà người này phải thuận nhận, nếu không thì việc tặng dử là vô hiệu ».

Như vậy, chứng thư ấy chỉ có tính cách và hiệu lực của một chúc thư viết tay (điều 319 đoạn 2 H.L.).

(TT Huế 6-7-1955 PLTS 1955 số III trang 38)

## CHỨC THƯ

136.— CÔNG CHÁNH CHỨC THƯ. HIỆU LỰC. VĂN THƯ THỊ THỰC.



Một văn tự trong đó chức dịch chứng nhận rằng hai đảng mua bán đều ưng thuận và có ký tên trước mặt chức dịch là một văn tự thị thực.

Văn tự thị thực có giá trị một công chính chứng thư, được tin tưởng cho đến khi bị tố cáo là giả mạo.

Đối với người đệ tam (theo định nghĩa của luật khế ước), văn tự thị thực có hiệu lực tin tưởng về nhật ký từ ngày thị thực; còn tư chứng thư chỉ được tin tưởng về nhật ký từ khi đã thủ đắc một nhật ký chắc chắn, chẳng hạn do sự trước bạ.

(TT Saigon 25-1-1962 PLTS 1963 số II trang 98)

137.— TỐ QUYỀN SÁCH HOÀN DI SẢN VÀ TỐ QUYỀN ĐÒI TƯ CÁCH THỪA KẾ. TỐ QUYỀN KHIẾU NẠI PHÂN THƯ VÀ TỐ QUYỀN TIÊU HỦY CHỨC THƯ. THỜI HẠN XỬ HÀNH.

Tố quyền sách hoàn di sản chính là tố quyền đòi tư cách thừa kế dự liệu nơi điều 391 D.L.T. mà thời hạn xử hành bị giới hạn trong thời gian 3 năm.

Tố quyền khiếu nại về một phân thư dự liệu ở điều 398 cho trường hợp hương hỏa được giao cho một người khác không phải là thừa tự đồng tính với tố quyền tiêu hủy chức thư dự liệu ở điều 331, cũng phải xử hành trong hạn 3 năm, như tố quyền sách hoàn di sản.

(PA 26-8-1964 PLTS 1965 số I trang 23)

137.— CHỨNG THƯ THỊ THỰC. CHỨNG THƯ ĐƯỢC NHẬN THỰC CHỮ KÝ. CÔNG CHỨNG THƯ.

Một chứng thư thị thực là chứng thư được chức dịch sở tại xác nhận là hai bên đã được nghe đọc lại những điều cam kết và đã ký kết trước mặt chức dịch, sau khi chức dịch đã xem căn cước của họ; do những thể thức ấy, chứng thư thị thực có giá trị một công chứng thư.

Trái lại, chứng thư được nhận thực chữ ký, không hội đủ điều kiện kể trên, không có giá trị một chứng thư thị thực.

(*TT Saigon 4-1-1962 PLTS 1963 số II trang 86*)

### 137.— CHỨNG THƯ THỊ THỰC.

Văn tự thị thực (acte certifié) có giá trị như một công chánh chứng thư, do đó, sự tiên chú đơn khởi tố cũng như sự sai áp do chủ nợ người bán thi hành sau việc đoạn mại đều vô hiệu vì lẽ đã được thi hành trên một tài sản đã ra khỏi sản nghiệp của người bán.

(*TT Saigon 12-4-1962 PLTS 1963 số III trang 87*)

### 138.— GIẤY IN SẴN. NGUYÊN TẮC PHÁP LÝ.

Ở giấy in sẵn « Việc khai khẩn ruộng đất của người Annam » có in như sau :

Nom et Prénom de l'occupant

(Tên họ và tên riêng của người chủ đất)

Như vậy khi có sự tranh luận về chữ « occupant » và « người chủ đất » thì phải theo điều 1 đoạn 5 Hộ luật Trung-Việt mà lấy chữ Pháp làm chuẩn đích, tức là Occupant là người chiếm hữu, chứ không phải là người chủ đất (propriétaire).

Người thuê nhà mà tu bổ nhà thuê cho hợp với sự cần thiết riêng của mình thì người thuê phải chịu, chứ không bắt chủ nhà chịu được (điều 1145 H.L. Trung Việt).

Việc di chuyển bất động sản phải làm giấy tờ có viên chức thị thực (điều 521 và 997 Hộ Luật Trung-Việt).

(*TT Huế 25-5-1960 PLTS 1960 số IV trang 90*)

### 139.— TƯ CHỨNG THƯ. CHỮ KÝ TÊN. PHỦ NHẬN CHỮ KÝ CỦA ĐƯƠNG SỰ. THỪA KẾ. NGƯỜI KẾ QUYỀN.

Điều 93 nghị định ngày 16-3-1910 được áp dụng chính thức tại Nam phần, vậy các điều 1400 và 1401 của Dân luật Bắc phần không thể được áp dụng thay thế cho điều 93 của Nghị định trên.

Vì vậy phúc quyết của Tòa Thượng Thẩm Saigon đã xử hợp luật khi dẫn lý rằng Lâm thị Hoa có nghĩa vụ chứng tỏ sự giả mạo khi thị khiếu nại rằng chữ ký trong tư chứng thư xuất trình không phải là chữ ký của Lâm văn Chấn mà thị là thừa kế, chỉ khi nào một đương sự trong một tư chứng thư phủ nhận chữ ký của mình, đối phương mới có bổn phận dẫn chứng tỏ trái lại.

(PA 25-8 1956 PLTS 1967 số III trang 6)

140.— QUYỀN SỞ HỮU. CÔNG CHÍNH CHỨNG THƯ.

Một công chính thư không bị khiếu nại giả mạo thì luôn luôn phải được tôn trọng.

(TT Saigon 6 12-1956 PLTS 1957 số II trang 135)

141.— TƯ CHỨNG THƯ : HIỆU LỰC Ý NGHĨA CỦA ĐIỀU 1322 GỬA DÂN LẬP PHÁP

Trong một tư chứng thư có hai thứ hiệu lực : hiệu lực tin tưởng, tức là giá trị bằng chứng của chứng thư và hiệu lực cưỡng bách tức là sức mạnh bó buộc của chứng thư đối với hai bên đương sự.

Chỉ về hiệu lực thứ hai này là tư chứng thư có giá trị như một công chứng thư : đó là ý nghĩa điều 1322 Dân Luật Pháp.

(TT Saigon 30-11-1961 PLTS 1962 số III trang 65)

142.— THẺ THỨC NHẬN THỰC. CÔNG CHÍNH CHỨNG THƯ TƯ CÁCH ĐỀ KÝ HỢP ĐỒNG CHO THUÊ MỘT BẤT ĐỘNG SẢN CÓ NHIỀU ĐỒNG SỞ HỮU CHỦ

I. Tuy điều 1638 Hoàng Việt Hộ luật có định một thẻ thức đề các phường trưởng nhận thực các văn khế nhưng theo tính nghĩa của nhà lập pháp, thời không phải hoàn toàn tuân theo đúng kiểu mẫu đã định Điều cốt yếu là những thẻ thức tối thiểu đề nhận thực cần phải có thời văn tự mới có giá trị ; ngoài ra là những thẻ thức phụ thuộc mà thôi.

II. Văn tự có viên chức thị thực và đã đăng ký phân minh một công chứng thư đủ làm tin và có hiệu lực đối với người đệ tam.

III. một trong các đồng sở hữu chủ không đủ tư cách để ký hợp đồng cho thuê nhà.

(*TT Huế 22-6-1948 PLTS 1948 trang 14*)

## CHƯƠNG KHẾ

143.— HIỆU LỰC CỦA CHỨNG THƯ CHƯƠNG KHẾ. HẬU QUẢ CỦA SỰ THỂ CHẤP (CẦM CỐ) CỦA HÀNG THƯƠNG MẠI. QUYỀN BẢO ĐẢM TỔNG QUÁT CỦA CHỦ NỢ.

Điều 76 Dự ngày 27-11-54, phỏng theo điều 79 đạo luật ngày 25 Ventose năm II của Pháp, định rằng văn tự do Chương khế tả tả có hiệu lực chấp hành.

Như vậy có nghĩa là chủ nợ có thể dùng văn tự cưỡng bách con nợ phải thi hành nghĩa vụ, không cần phải xin án văn của Tòa rồi mới chấp hành được.

Do đó, chủ nợ có quyền, nhận bức văn tự của Chương khế đã làm khởi đầu việc sai áp bất động sản của con nợ bằng cách đòi đăng ký tờ đốc thúc đòi tiền vào bằng khoán của bất động sản, theo điều 278 sắc lệnh ngày 21-7-1929 ; và Ty Bảo Thủ, Điền Thổ phải đăng ký.

Và như vậy, mặc dầu là con nợ, đã thế chấp cho chủ nợ một cửa hàng thương mại khác.

Vì rằng, ngoài quyền ưu tiên mà chủ nợ được hưởng trên tài sản đã thế chấp, chủ nợ còn có quyền chấp hành trên bất cứ tài sản nào của con nợ, theo nguyên tắc *Quiconque s'oblige oblige le sien* ở điều 164 Nghị định ngày 16-3-1910.

(*TT Saigon 9-2-1961 PLTS 1961 số II trang 51*)

## CÔNG CHỨC

144.— LỖI VỀ CHỨC NGHIỆP. LỖI CÁ NHÂN.

Khi có một lỗi về chức nghiệp (faute de service) của một công chức thì chỉ có công sở của công chức ấy có thể bị kiện trước Tòa án Hành chánh, trái lại khi có một lỗi cá nhân (faute personnelle) thì công chức phạm lỗi ấy có thể bị kiện trước Tòa án Dân sự để đòi tiền thiệt hại.

Theo án lệ, nếu chỉ việc viện dẫn những sự kiện ám chỉ lỗi cá nhân của một công chức, mà không trưng ra được bằng chứng xác thực trong hồ sơ thì đơn xin bồi tòn hại không do Tòa án Dân sự xét xử.

(*ST Saigon 9-7-1955 PLTS 1955 số III trang 51*)

145.— TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ. LỖI CÁ NHÂN VÀ LỖI CỦA CÔNG SỞ: ẢNH HƯỞNG CỦA LỖI NÀY ĐỐI VỚI LỖI KIA. THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN TƯ PHÁP VỀ LỖI CÁ NHÂN. GIỚI HẠN CỦA SỰ BỒI THƯỜNG...

Cái lỗi của người công chức gây thiệt hại cho người đệ tam có thể là một lỗi cá nhân, mặc dầu là lỗi phạm trong khi thi hành chức vụ. Nói một cách khác, lỗi cá nhân không khai trừ lỗi công vụ.

Nhưng không phải vì thế mà chỉ có pháp nhân dụng người công chức phải bồi thường. Trái lại nạn nhân có thể đòi bồi thường vừa ở pháp nhân, vừa ở người công chức.

Tổ quyền đòi người công chức bồi thường vì lỗi của người này thuộc thẩm quyền Tòa án Tư pháp.

Trong mọi trường hợp, nạn nhân chỉ có thể được bồi thường đến mức độ sự thiệt hại.

(*TT Saigon 14-9-1961 PLTS 1962 số IV trang 52*)

## CÔNG THỎ

146.— TAM CHIẾM CÔNG THỎ CỦA LÀNG.

Công điền, công thổ không thể chuyển dịch được trừ trường

hợp đặc biệt mới có thể bán theo thẻ lệ hành chánh (điều 1022 Hộ luật Trung Việt) Người chấp hữu tạm thời không có quyền thủ đắc thời hiệu.

Theo điều 1022 đoạn 2 Hộ luật Trung Việt thì : « công điền công thổ thì không chuyển dịch được, chỉ gặp trường hợp đặc biệt mới được bán và có bán phải theo thẻ lệ hành chánh định về công điền công thổ ».

Như vậy mặc dầu đã tạm chiếm công thổ lâu năm, nếu chưa có văn kiện bán đất công theo thẻ lệ hành chánh thì các người tạm chiếm chỉ là những người hiện chấp (détenteur) hay chấp hữu tạm thời (possesseur précaire).

Sự hiện chấp hay chấp hữu tạm thời là một tình trạng pháp lý rõ rệt, khác hẳn với sự chấp hữu thật sự, chấp hữu tạm thời thua kém chấp hữu thật sự, và vì thế không có các quyền lợi như chấp hữu thật sự. Người chấp hữu tạm thời một bất động sản không có quyền thủ đắc bằng thời hiệu (La détention ou possession précaire constitue une situation juridique parfaitement définie et qui est tout à fait distincte de la possession véritable, elle est d'ordre inférieur et ne procure pas, à beaucoup près, les mêmes avantages que la véritable possession. Quand elle porte sur un immeuble, elle ne conduit pas à l'usucapion. Droit civil Planiol, tome I Détention ou possession précaire, pages 923 à 925)

(TT Huế 3-7-1957 PLTS 1958 số 1 trang 40)

## CỘNG ĐỒNG SỞ HỮU

### 147.— VIỆC BÁN ĐẤT CHƯA CHIA (BIEN INDIVIS)

Theo án lệ, một hay nhiều đồng thừa kế bán đất chưa chia (bien indivis) thì chỉ nên hủy phần về các thừa kế không đứng bán.

Án lệ này hiệp với công lý và không trái với ý nghĩa điều 371  
Hộ Luật Trung-Việt.

(*TT Huế 27-10-1955 PLTS 1956 số II trang 35*)

**BÁN RUỘNG CHƯA CHIA**

Nếu một hay nhiều đồng thừa kế bán đất chưa chia, thì sự  
bán ấy không có giá trị đối với những người không đứng bán.

(*HGRQ QUẢNG TRỊ 27-7-1956 PLTS 1956 số IV trang 65*)

148.— **CHIA BẤT ĐỘNG SẢN. CỘNG ĐỒNG SỞ HỮU CHỦ.  
VĂN TỰ MUA BẤT ĐỘNG SẢN KHÔNG PHÙ HỢP VỚI  
THỰC TẾ.**

CỘNG ĐỒNG SỞ HỮU CHỦ có quyền lợi đối với toàn  
thê bất động sản và lúc nào cũng có quyền xin chia để lấy một phần  
riêng biệt.

Muốn chứng tỏ văn tự mua bất động sản không phù hợp  
với thực tế, phải trưng bằng có bằng văn thư có giao ước vậy hoặc  
bằng văn thư dùng làm đầu mối cho một cuộc điều tra.

(*TT Saigon 4-8-1956 PLTS 1956 số IV trang 19*)

149.— **HIỆU LỰC KHẾ ƯỚC CHUYỂN DỊCH VẬT CỘNG  
CHỦ MÀ KHÔNG CÓ SỰ THỎA THUẬN CỦA TOÀN  
THÊ CỘNG CHỦ**

Mỗi đồng sở hữu chủ có quyền lợi trách nhiệm sở hữu chủ  
về phần mình; phần đó tự mình có thể cầm bán được và chủ nợ  
có thể tịch được (Đ. 498 HVHL). Muốn chuyển vật cầm cố hay đặt  
các vật quyền khác cũng cần phải có đồng sở hữu chủ hợp ý mới  
được (Đ. 500 HVHL).

Khế ước đoạn mãi bất động sản cộng chủ mà không có sự  
thỏa thuận của toàn thê cộng chủ thì chỉ có hiệu lực đối với các  
đồng sở hữu chủ đã thỏa thuận mà thôi.

(*TT Huế 25-6-1952 PLTS 1952 số III và IV trang 42*)

## CUNG THÁC

## 150. — CUNG THÁC BẤT ĐỘNG SẢN.

Khi người thừa hưởng hương hỏa, đã biệt tích, nhưng chưa có án tòa về sự thất tung, thì hội đồng gia tộc có quyền cử người tạm giữ hương hỏa chớ không thể cử người hưởng thiết thọ.

Các tòa án chỉ can thiệp để phê chuẩn những quyết nghị xét hợp lệ của Hội đồng gia tộc, chớ không thay thế hội đồng gia tộc cử người thừa hưởng hương hỏa.

Tòa khẩn cấp vô thẩm quyền để dạy cung thác đất hương hỏa. đấu rằng chỉ cung thác viên tạm thời trong vài tháng cũng vậy.

(TT Saigon 7-3-1957 PLTS 1957 số IV trang 21)

## 151. — CUNG THÁC HUÊ LỢI RUỘNG.

Về việc xin cung thác huê lợi các sở ruộng thuộc của chung, cũng huê lợi ruộng hương hỏa, đơn thỉnh cầu không có tánh cách khẩn cấp, không thuộc thẩm quyền tòa khẩn cấp, vì H.V.Y đã chết từ lâu nà các con cháu không ai nêu ra vấn đề thừa kế cho nên trong khi chờ đợi chánh vụ được giải quyết, tình trạng cũ nên giữ y.

(TT Saigon 24-10-1957 PLTS 1958 số III trang 45)

## 152. — VIỆC TỊCH THU TÀI SẢN THEO NHỮNG DỰ 30, 31 NGÀY 4-5-1955 VÀ NGÀY 10-6-1955. CƠ QUAN NÀO CÓ QUYỀN TỊCH THU.

Theo điều I Dự số 30 ngày 4-5-55, Quốc Trưởng có quyền khi có biểu loạn, mưu phản công khai hay nội chiến, ra chỉ dụ đặt ngoài vòng pháp luật những người có hành động là nguy hại đến tương lai quốc gia.

Theo điều 2. Quốc Trưởng có quyền ra chỉ dụ tịch thu tài sản của can phạm mặc dầu là tài sản được đăng ký dưới tên của người khác.



Theo điều I dụ số 42 năm 1945, Thủ Tướng có quyền ra nghị định cung thác tài sản của những người hợp tác với phần tử phản loạn.

Những bản văn trên này là những bản văn đặc biệt, vậy chỉ cơ quan hành pháp có quyền cung thác và tịch thu.

(TT Saigon 12-10-1961 PLTS 1962 số IV trang 54)

## DI SẢN

### 153.— CHIA DI SẢN. SANG TÊN CON TRƯỞNG.

Ở thôn quê, có tục lệ cho phép người con trưởng xin sang tên toàn thể di sản cho mình sau khi người cha chết.

Như vậy, các người em vẫn có quyền xin phân chia di sản của bố mẹ để lại, mặc dầu di sản đã sang tên cho người anh, nếu không có sang thư hợp lệ của người quá cố, hay sự thỏa thuận để phân chia giữa các thừa kế.

(ST Hà-nội 21-3-1952 PLTS 1952 số III và IV trang 78)

### 154.— CHẾT TUYỆT TỰ. ĐIỀU KIỆN LẬP HƯƠNG HỎA. THẺ THỨC CÔNG BỐ CHỨNG THƯ HƯƠNG HỎA. GIA TÀI CỦA KẸ CHẾT TUYỆT TỰ.

Điều kiện cốt yếu về việc lập hương hỏa không những là phải có chứng thư mà chứng thư ấy phải được công bố mới có hiệu lực.

Theo tập quán và án lệ thì sự công bố tánh cách hương hỏa do việc cắm trụ phân ranh và sự đăng ký vào địa bộ đã được sắc lệnh điền thổ ngày 21-7-1925 xác nhận.

Hai người anh em ruột chết vì tuyệt tự, phần thực của họ phải trở về di sản chung của gia đình và người góa phụ, mẹ của các người chết tuyệt tự trên, không có quyền xử dụng nếu không được các người đồng thừa kế của chồng ưng thuận.

(TT Saigon 22-9-1955 PLST 1956 số III trang 36)

155.— CON CHẾT VÔ HẬU. DI SẢN. THỪA KẾ. NĂNG CÁCH. NGÀY KHAI PHÁT DI SẢN. PHÂN CHIA. TÍNH CHẤT TUYÊN NHẬN.— ĐỊNH CHẾ PHẢN HỒI DI SẢN. KHÔNG CÓ TRONG LUẬT VIỆT-NAM.— QUYỀN THỪA HƯỞNG CỦA NGƯỜI QUAN PHU. TÍNH CHẤT.— TẶNG DƯ SANH THỜI. LÚC NGƯỜI TẶNG DƯ MẤT ĐI.

I.— Di sản khai phát từ ngày người quá cố chết và kể từ ngày đó bắt nguồn, xuất phát, tuyên định năng cách thừa kế và phần hưởng của thừa kế: yếu tố cấu thành ngay từ khi người có di sản mất đi mà không cần biết đến ngày phân chia, vì, sự phân chia vốn sẵn có tính cách tuyên nhận.

II.— Luật lệ về di sản Việt-Nam không thừa nhận định chế phản hồi di sản như luật di sản Pháp quốc. Khi con chết vô hậu mà, trước khi chết đã được hưởng của do mẹ để lại, thì, người cha còn sống sau sẽ được hưởng của ấy để đòi được, mặc dầu người cha đã sống riêng biệt và đã ly dị với người mẹ.

III.— Theo điều 113 D.L.B. khoản 3 và điều 111 D.L.T. coi như lý trí thành văn thì khi vợ chết trước, chồng sẽ thành sở hữu chủ duy nhất tất cả của cải chung trong đó gồm cả kỷ phần của vợ. Tánh chất quyền lợi của người quan phu trên đây là quyền thừa kế.

IV.— Nguyên tắc định rằng sự tặng dư phải làm theo thể thức công chánh chứng thư chỉ có mục đích che chở người tặng dư, tránh cho người ấy đứng vì ảnh hưởng bên ngoài mà tước hết quyền lợi của gia đình mình. Vì vậy sự vô hiệu, vì lý do nguyên tắc trên, khi sanh thời người tặng giữ là tuyệt đối, thì khi kẻ này mất đi, sẽ thành tương đối và thừa kế của người ấy có thể xác nhận sự tặng dư khiến, sự tặng dư không lập bằng công chánh chứng thư, vẫn có giá trị.

156. — CỬA RIÊNG VỊ GÓA. TRUẤT QUYỀN. QUYỀN THỪA KẾ CỦA CÁI RIÊNG CỦA NGƯỜI ĐÀN BÀ CÓ CHỒNG CHẾT TUYỆT TỰ.

Muốn tránh cho người lập di chúc mọi ảnh hưởng bất chánh, án lệ bắt buộc sự truất quyền phải minh bạch, chỉ định rõ ràng người bị truất quyền và có viện dẫn lý do.

Theo tục lệ, vợ chồng không con, nếu vợ chết trước chồng, có để lại của cải riêng thì người chồng được quyền hưởng các của cải ấy. Nếu người chồng chết trước, thì cha mẹ vợ được thừa hưởng của cải riêng của người vợ, bởi thế con cháu bên chồng không thể hưởng được.

(HGRQ CĂN THƠ 25-6-1957 PLTS 1958 số I trang 73)

157. — CỬA RIÊNG CỦA VỢ. CHỒNG ĐỪNG BÁN. HỢP LỆ. KHÔNG PHẢI CỦA RIÊNG VỊ THÀNH NIÊN D.L.G.Y. VÀ SẮC LỆNH 1932 KHÔNG ÁP DỤNG.

Bộ D.L.G.Y. quy định rằng một khi mẹ mệnh một thì người cha là thủ hộ cho con và trong công tác quản nhiệm tài sản vị thành niên, khi cần xử dụng của cải này thì người cha phải được sự thuận tình của trưởng tộc.

Nhưng qui điều trên chỉ áp dụng đối với của riêng của vị thành niên, vì bộ D.L.G.Y. chỉ quy định về vấn đề nhân thế, mà không đề cập đến định chế di sản của miền Nam nước Việt, định chế này vẫn do tập tục chi phối theo đó thì khi người chết trước, một mình người chồng thành sở hữu chủ toàn thể tài sản chung, kể cả kỹ phần của người vợ và thuộc quyền quản trị và xử dụng tuyệt đối của người chồng.

Vì vậy, người con không thể nại tính chất của riêng của mẹ chết đi để lại, để xin xử tiêu việc đoan mãi tài vật đó do người cha thi hành khi con còn vị thành niên mà không theo quy điều của bộ D.L.G.Y. sửa đổi do sắc lệnh 1932.

(TT Saigon 29-9-1962 PLTS 1963 số I trang 131)

158.— DI SẢN VỊ PHÂN (Succession indivise). QUYỀN TIẾP HƯỞNG (saisine) CỦA THỪA KẾ TRỰC HỆ VÀ CHÍNH THỨC. XIN THỪA NHẬN QUYỀN THỪA KẾ ĐƯỢC HƯỞNG DI SẢN (pétition d' hérédité).

I.— Theo điều 332 LHTV khi nào cha mẹ đều chết mà không có chúc thư chia di sản thì các con trai và con gái đều được dự chia di sản ấy mỗi người một phần bằng nhau.

Mặc dầu chưa có việc phân trí (partage) các thừa kế nói trên, nhân danh thừa kế trực hệ và chánh thức (héritiers en ligne directe et réguliers) có quyền tiếp hưởng (saisine) nên đã có ngay tư cách thừa kế mà không cần làm thế thức gì. Di sản này cho đến khi có cuộc phân trí, gọi là di sản vị phân (succession indivise) và các thừa kế đều có quyền xin chia di sản ấy bất cứ lúc nào. Quyền xin chia ấy không bị tiêu diệt thời hạn (Le droit de demander le partage d'une succession indivise est imprescriptible).

II.— Trong vụ dưới đây, Phạm-thị-Đạt, Phạm-thị-Hồ và Phạm-thị-Hải (đều đã chết) đều là đồng thừa kế với anh em ruột là bị kháng Phạm-văn-Tường, nên đã có tư cách thừa kế của di sản tương tranh 104 mẫu, 8 sào, 8 thước của cố Phạm-văn-Ấm từ ngày 12-12-1934, ngày tạ thế của Phạm-văn-Ấm, 3 đương sự ấy cũng như thừa kế của họ có quyền xin chia di sản bất cứ lúc nào. Và nơi đây quyền xin chia di sản vị phân không bị tiêu diệt thời hạn và điều 392 Hộ Luật Trung Việt không thể áp dụng. Thời hạn 3 năm dự định trong điều 392 chỉ áp dụng cho các đơn xin thừa nhận tư cách (Pétition d'hérédité).

(TT Huế 15-10-1958 PLTS 1959 số 1 trang 63)

159.— DI SẢN VỊ KHAI. KẾT ƯỚC. ĐIỀU 1130 DLP. ĐỊNH CHẾ ĐẶC BIỆT LUẬT DI SẢN NƯỚC PHÁP. KHÔNG ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM. KHÔNG CÓ QUI ĐIỀU TƯƠNG ĐƯƠNG.— GÓA PHỤ. QUYỀN ỨNG DỤNG THU LỢI. ĐOẠN MÃI. BẤT ĐỘNG SẢN. ĐIỀU KIỆN. HỘI ĐỦ. VÔ HIỆU. GÓA PHỤ KHÔNG QUYỀN NÊU,

I.— Định chế ngăn cấm sự kết ước về di sản vì khai qui định nơi điều 1130 DLP là định chế đặc biệt thuộc luật di sản nước Pháp không thể áp dụng tại Việt-Nam như lý trí thành văn, điều 378 Quốc triều Hình luật hay điều 83 Luật Gia-Long có ngay cả điều 712 khoản 2 DLP cũng như tập tục không đề ra định chế tương đương về đối tượng cũng như mục đích.

II.— Án lệ Nam công nhận người quả phụ trong vài trường hợp có quyền bán của trong gia sản với điều kiện là phải được trưởng tộc tham dự vào việc bán, và việc bán phải cần thiết. Và nếu việc bán di sản không làm theo các điều kiện kể trên thì sẽ vô hiệu.

Nhưng sự vô hiệu không thể chính người quả phụ nại ra được. Án lệ Nam Việt cho rằng không tôn trọng các điều kiện do án lệ đòi hỏi người quả phụ đã có lỗi và không thể căn cứ vào lỗi của mình để làm thiệt hại đến người khác và nhất là kẻ mua đã phần nào chấp hữu tài vật mang bán.

Án lệ trên đây không hợp lý. Đúng ra, người quả phụ không thể nại ra sự vô hiệu này vì chính y thị bị ràng buộc trong nghĩa vụ bảo đảm của người bán vì hành động cá nhân của mình.

(TT Saigon 9-9-1961 PLTS 1961 số III trang 75)

160.— KHẾ ƯỚC VỀ DI SẢN TƯƠNG LAI. VÔ HIỆU. THỜI HẠN CÓ THỂ VIỆN DẪN SỰ VÔ HIỆU.

Khế ước ký kết về việc mua bán một bất động sản thuộc về di sản chưa qua bộ cho người đứng bán, thì sự mua bán vô hiệu và vô giá trị vì đôi bên đã ký kết về di sản tương lai, một việc mà luật pháp cấm hẳn.

Những người bị thiệt hại về sự mua bán đó có thể viện dẫn bất cứ lúc nào trong thời hạn 30 năm, sự vô hiệu của khế ước về di sản tương lai để xin hủy khế ước ấy.

(TT Saigon 17-9-1959 PTTT 1960 số 1 trang 38)

161.— HIỆU LỰC CỦA SỰ TRÁT QUYỀN ĐỐI VỚI CON CÁI CỦA KẸ BỊ TRUẤT QUYỀN. DI SẢN THƯỜNG. CỦA HƯƠNG HỎA. PHÁ ÁN. LÝ DO XIN PHÁ ÁN VÌ VI LUẬT. ĐIỀU KIỆN.

I.— Con cái kẹ bị truất quyền, không phải chịu hậu quả cái lỗi của người cha, vẫn có quyền hưởng di sản, nhưng được hưởng do tư cách của chính mình như tục lệ đã được xác nhận trong những điều 315 DLB và 307 DLT, chứ không phải do sự kẹ vị người cha mà được hưởng.

Vì vậy, đối với di sản của ông bà để lại, con cái kẹ bị truất quyền phải bị loại trừ bởi chú bác, cô dì, là thừa kẹ ở đẳng thứ gần hơn vì là con của người quá cố (Án loại một).

II.— Hương quả phải truyền chi trưởng tử cũng gọi là đích tử. Nếu đích tử chết phải truyền cho đích tôn. Nếu ngành trưởng tử không có con cháu trai, hương quả mới truyền sang ngành khác.

Trong trường hợp người hưởng hương quả bị truất quyền, lỗi cá nhân của y không có hậu quả làm mất quyền hưởng quả của con trai trưởng của y, người này được quyền hưởng hương quả do luật định (Đ. 421 và Đ. 430 DLY (Án loại hai).

(PA 26-8-1964 ; 28-10-64 PLTS 1966 số I trang 53)

162.— LUẬT ÁP DỤNG TƯ CÁCH THỪA KẸ, PHÁP CHẾ ĐƯƠNG HÀNH KHI DI SẢN KHAI PHÁT. THAY ĐỔI QUỐC TỊCH. HẬU QUẢ. QUYỀN LỢI THỬ DƯỚI QUỐC TỊCH CŨ.

Pháp chế hữu quyền đề chi phối tư cách thừa kẹ của người hưởng di sản là pháp chế đương hành khi di sản khai phát.

Sự thay đổi quốc tịch không có hậu quả tước quyền của người thừa kẹ trong sự hưởng thụ di sản đã khai phát từ trước, vì sự thay đổi quốc tịch chỉ nhằm vào quốc tịch mà không ảnh hưởng đến những quyền lợi thử đặc dưới quốc tịch cũ.

(PA 29-9-1965 PLTS 1966 số III trang 7)

163. — NGUYÊN TẮC THỪA KẾ ĐĂNG THỨ GẦN NHỨT  
KHAİ TRỪ THỪA KẾ ĐĂNG XA HƠN. V. PHẠM.  
TRƯỜNG HỢP PHÁ ÁN.

Sự lưu truyền di sản tại Nam Phần tuân theo những nguyên tắc mà tục lệ lâu đời đã xác nhận và đã được gia nhập vào hai bộ Dân Luật Bắc và Dân Luật Trung.

Theo những nguyên tắc nói trên : người được hưởng di sản là người nào có liên hệ huyết thống gần nhất với người có di sản để lại thừa kế nào ở đẳng thứ gần nhất : sẽ khai trừ thừa kế ở đẳng xa hơn.

Bị phá án của Tòa Thượng Thẩm tuyên xử vi phạm nguyên tắc căn bản kể trên.

(PA 26-8-1964 PLTS 1965 số I trang 26)

PHÂN SẴN (X. 135)

164. — PHÂN CHIA DI SẢN. PHỨC TRÌNH GIÁM ĐỊNH. THỦ TỤC PHÊ CHUẨN. THẨM QUYỀN XÉT ĐỊNH. QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI GÓA PHỤ.

Trong trường hợp Tòa Thượng Thẩm đã quyết định về việc phân chia di sản và đề cử giám định viên để cụ thể hóa các kỹ phần, thì chỉ có Tòa Thượng Thẩm mới có thẩm quyền xét định về phức trình của giám định viên. Đương sự không bó buộc phải trở lại Tòa sơ thẩm đề xin phê chuẩn biên bản phân chia của giám định viên, sau Tòa Thượng Thẩm đã xử kháng cáo về nội dung.

Giám định viên không phải hỏi ý kiến các đương sự về các phương thức chuyên môn sẽ áp dụng, còn việc bảo vệ quyền lợi thì đã có thủ tục phê chuẩn.

Người mẹ có quyền giữ quyền dụng ích toàn thể di sản, không phân chia gì cho các con trong khi mình còn sống, cũng có quyền giữ lại một phần dưỡng lão, còn bao nhiêu chia cho các con.

(TT Saigon 28-11-1963 PLTS 1966 số IV trang 109)

## 165.— QUYỀN NGƯỜI CON NUÔI.

Người con nuôi không có quyền gì về di sản của bà con người đứng nuôi, chiếu điều 127 Luật về gia đình ngày 2-1-1959. Người quá cố chết tuyệt tự, cha mẹ và anh em cũng đã qua đời, thì người bàn hệ gần hơn hết đối với chủ di sản quá vãng có quyền thừa kế đối với của cải này.

(TT Saigon 28-4-1960 PLTS 1960 số III trang 31)

## QUYỀN NGƯỜI VỢ GÓA (X. VỢ GÓA)

## 166.— QUYỀN CỦA NGƯỜI CON THỪA TỰ. LUẬT LỆ THỪA KẾ.

Người thừa tự gia nhập gia đình người lập tự và có quyền như người con chính thức.

Theo luật thừa kế Việt-Nam thì các anh chị em có tư cách thừa kế đối với nhau.

(PA 18-7-1956 PLTS 1957 số I trang 5)

## QUYỀN NGƯỜI CHỒNG (X. 155)

## 167.— QUYỀN HƯỞNG DI SẢN CỦA CON TƯ SINH.

Theo luật Việt-Nam trước khi ban hành đạo luật ngày 2-1-1959 con tư sinh có quyền hưởng di sản ngang hàng với con chính thức.

(TT Saigon 12-9-1963 PLTS 1966 số IV trang 72)

## 168.— QUẢN TÀI DI SẢN VÔ CHỦ. DI TẶNG. TỔ QUYỀN GIAO HOÀN TẶNG VẬT. BẮC LỆNH NGÀY 28-1-1855. CHỈ DỤ NGÀY 24-11-1781 KHÔNG ÁP DỤNG.

Sắc lệnh ngày 28-1-1855 về việc quản tài di sản vô chủ không có khoản nào qui định về sự giao hoàn tặng vật cho người được tặng,



không có khoản nào buộc phải ký quỹ và phải đợi 5 năm mới được nhận lãnh tặng vật một cách vĩnh cửu.

Chỉ dụ ngày 24-11-1781 không liên quan gì đến trường hợp giao hoàn tặng vật. Và lại chỉ dụ này không hề được ban hành tại Việt-Nam mà là một chỉ dụ áp dụng riêng ở quần đảo « Antilles ».

Người thụ tặng đặc định có quyền đòi tặng vật trong tay quản tài viên bằng một tố quyền giao hoàn tặng vật (action en délivrance de legs).

(TT Saigon 2-1-1664 PLTS 1964 số IV trang 115)

169.— QUYỀN ĐỊNH ĐOẠT VIỆC CHIA DI SẢN.

Tòa án có toàn quyền định đoạt việc chia di sản bằng hiện vật hoặc bằng tiền nếu các bất động sản khó đem chia và như vậy có quyền cho đem bán đấu giá.

(TT Saigon 12-5-1956 PLTS 1956 số III trang 30)

170.— QUYỀN SỞ HỮU CỦA THỪA KẾ.

Trên một sở đất chung, một người thừa kế có quyền bán phần đất của mình và sự bán ấy chỉ vô hiệu khi nào người thừa kế bán hơn phần của mình.

(ST MỸ THO 28-6-1955 PLTS 1956 số I trang 73)

171.— SINH THỜI PHÂN SẢN. HỦY BỎ. THỰC SỰ CHIẾM HỮU KỶ PHẦN. ĐIỀU 391 D.L.B. 397 D.L.T.

Cha mẹ còn sinh thời có thể đem của cải chia cho các con. Sự sinh thời phân sản chỉ có thể do cha mẹ hủy bỏ khi của chia chưa thực giao hẳn cho người được hưởng kỷ phần.

(PA 24-2-1695 PLTS 1965 số IV trang 9)

172.— THANH TOÁN VIỆC QUẢN TRỊ DI SẢN.

Các người thừa kế được hưởng di sản có quyền đòi hỏi người quản trị di sản thanh toán việc quản trị và có quyền xin phân chia di sản.

(*TT Saigon 12-5-1956 PLTS 1956 số III trang 24*)

173.— TRUẤT QUYỀN VÌ BẤT HIỂU. TỘI BẤT HIỂU THEO LUÂN LÝ Á ĐÔNG VÀ L.H.T.V. AI CÓ QUYỀN TUYÊN BỐ MỘT NGƯỜI CON HAY MỘT NGƯỜI CHÁU PHẠM TỘI BẤT HIỂU.

Theo luân lý Á đông, con cháu không kính cần đối với cha mẹ, không nuôi dưỡng cha mẹ, kiện cha mẹ, tố cáo cha mẹ, hay có tính ngỗ nghịch, du đặng, trộm cướp, phạm tội đại hình, hay làm những việc tồi bại đối với luân thường, là bất hiếu.

Nhưng một người đàn bà bị chồng bỏ, có con, được chúc ngôn cha mẹ cho phép ở nhà thờ, mặc dầu đã sống với một người đàn ông tuy không cưới hỏi nhưng được anh em trong nhà xem như là anh rể hơn là nhân tình, người đàn bà ấy không có thể vì thế mà bị xem là đã phạm tội bất hiếu.

Nếu người con hay cháu đã phạm các tội bất hiếu nói trên, cha mẹ hay ông bà có quyền tuyên bố con hay cháu là bất hiếu và truất quyền theo thể thức luật định.

(*TT Huế 16-5-1956 PLTS 1959 số III trang 43*)

TRUẤT QUYỀN THỪA KẾ. (X. 156)

174.— TRUẤT QUYỀN THỪA KẾ. NAM PHẦN. NÓI RÕ RÀNG MINH BẠCH TRONG CHỨNG THƯ VIỆN DẪN LÝ DO, TRUẤT QUYỀN MẶC NHIÊN. VÔ HIỆU.

Tại Nam phần, sự truất quyền thừa kế phải được nói rõ ràng minh bạch trong chứng thư và phải viện dẫn lý do.

Hậu quả của qui tắc này là không thể có sự truất quyền mặc nhiên được và nếu che dấu một sự truất quyền mặc nhiên, chúc thư sẽ bị coi là vô giá trị.

(PA 29-1-1964 PLTS 1964 số III trang 17)

TRUẤT QUYỀN HƯỞNG DI SẢN. CÁ TÍNH. HÌNH PHẠT VỀ DÂN SỰ. HIỆU LỰC. KẸ BỊ TRUẤT QUYỀN. CON CÁI KẸ BỊ TRUẤT QUYỀN. TƯ CÁCH HƯỞNG DI SẢN.

Theo điều 315 D.L.B. Và điều 307 D.L.T. coi như lý tính thành văn sự tuyên cáo bất xứng và truất quyền là một hình phạt về dân sự, và chỉ có thể áp dụng cho cá nhân của người phạm lỗi hay bị truất quyền, vì thế kẻ bất xứng và bị truất quyền không được thừa hưởng của y sẽ do con cháu y hưởng thay.

(TT Saigon 15-4-1961 PLTS 1961 số II trang 80)

175.— TỐ QUYỀN ĐÒI CHIA DI SẢN. CẦN PHÂN BIỆT HAI LOẠI TỐ QUYỀN: TỐ QUYỀN XIN CHIA DI SẢN (ACTION EN PARTAGE) VÀ TỐ QUYỀN ĐÒI HƯỞNG DI SẢN (ACTION EN PÉTITION D'HERÉDITÉ) TRƯỚC TIÊU HIỆU KHÁC NHAU.

Tố quyền xin chia di sản chỉ do người cộng thừa kế vị phân xử dụng mà thôi (co-héritier dans l'indivision) tức là người đã có tư cách thừa kế hiển nhiên, không ai chối cãi. Tố quyền xin chia di sản này không bị thời hạn nào tiêu diệt (imprescriptible).

Tố quyền đòi hưởng di sản do người chưa có tư cách thừa kế, xin xác nhận quyền thừa kế của mình, để được hưởng một phần hay trọn vẹn di sản. Tố quyền đòi hưởng di sản này bị tiêu diệt sau 3 năm (điều 386 Dân Luật Bắc Việt hoặc 392 Dân Luật Trung Việt) hoặc sau 30 năm (điều 2.262 Dân Luật Pháp Quốc).

(HGRQ BA XUYẾN 22-11-1963 PLTS 1963 số IV trang 159)

TỐ QUYỀN ĐÒI DI SẢN.

Thời hạn khởi tố đòi di sản là ba năm kể từ ngày người chủ di sản chết.

(*TT Saigon 23-2-1957 PLTS 1957 số III trang 33*)

### 175.— TỐ QUYỀN SÁCH HỮU. ĐẤT HƯƠNG HÒA.

Đơn xin đòi di sản phải khởi tố trong thời hạn 3 năm, kể từ ngày cha mẹ tạ thế (Điều 386 B.D.L.B.P.) Đã lãnh tiền về phần mình thì không còn quyền xin phân sản. Con gái không có quyền hưởng đất hương hòa. (điều 407 và kế tiếp B.D.L.B.P.)

(*HGRQ BIỂN HÒA 21-4-1961 PLTS 1964 số I trang 180*)

### TỐ QUYỀN ĐÒI DI SẢN. TỐ QUYỀN ĐÒI CHIA DI SẢN. THỜI HẠN. Đ. 392 HỘ LUẬT TRUNG VIỆT.

Việc đòi di sản bị truất sau thì phải làm trong hạn 3 năm (đ. 392 Hộ Luật Trung Việt). Trái lại, việc xin chia di sản vị phân thì bất cứ lúc nào cũng có thể làm được.

(*TT Huế 9-11-1960 PLTS 1962 số IV trang 87*)

### 176.— KHỞI TỐ QUYỀN ĐƠN KIỆN. ĐIỀU KIỆN TRUẤT QUYỀN.

Đơn kiện trong một vụ gia tài mặc dầu có gồm nhiều khoản khác nhau về đối vật, nguyên đơn được phép vào một đơn khởi tố làm như vậy không có trái với điều 7 đoạn 2 nghị định 16-3-1910 mặc dù kiện nhiều bị đơn hơn là các đồng thừa kế. Sau khi đã ưng thuận cùng nhau, mỗi thừa kế lãnh phần của mình, dầu sau này có một trong các người thừa kế hưởng một phần đất trộm mà các thừa kế khác không phản đối, đã 15 năm qua, nay không được kiện đòi di sản ấy, chiếu điều 386 bộ Dân Luật Bắc Phần và 392 bộ Dân Luật Trung Phần, được áp dụng như thành văn lý tính, thời hạn khởi tố về việc đòi di sản là ba năm kể từ ngày người chủ di sản qua đời.

Trong dịp kiện xin chia di sản các thừa kế phần ai nấy hưởng từ 15 năm qua, nhưng phần ăn của họ chưa được sang bộ, họ thỉnh cầu điều ấy lần đầu tiên trước tòa Thượng thẩm.

Lời nài xin ấy chỉ là một việc phụ thuộc và là một hậu quả của sự kiện, như vậy lời thỉnh cầu ấy không phải là một đơn mới, và phải đợi Tòa Thượng thẩm xét xử. Con trưởng nam của người lập hương phải được thực hưởng của hương hỏa để phụng thờ, người lập hương hỏa không được tự tiện chọn người con trai út làm thừa tự ngoại trừ có sự ngăn cản hoặc người trưởng nam tỏ ra không xứng đáng, điều ấy phải được nói rõ nơi tòa lập hương hỏa.

(*TT Saigon vụ số 769-1956, 352-1957 PL số 32 trang 6*)

177.— TỐ QUYỀN SÁCH HOÀN DI SẢN. TỐ QUYỀN PHÂN CHIA. ĐIỀU 401 SẮC LỆNH NGÀY 21-7-1925.

Tố quyền sách hoàn di sản chỉ đem xử hành khi nào di sản bị một người đệ tam hay một đồng thừa kế chấp hữu với đủ thành tố pháp lý của sự chấp hữu ;

Khi một đồng thừa kế chấp hữu toàn thể di sản với tư cách cộng thủ thì các thừa kế khác, đòi kỹ phần của mình, không phải là xử hành tố quyền sách hoàn, mà là tố quyền phân chia ; lúc nào xử hành cũng được, vì tố quyền phân chia không thể bị tiêu diệt thời hiệu ; còn tố quyền sách hoàn thì bị thời tiêu ba năm tiêu diệt ; thời hiệu khởi đầu từ lúc người đồng thừa kế chấp hữu bằng cách sang tên hết động sản cho y.

Theo tinh thần điều 401 Sắc lệnh năm 1925, các thừa kế chỉ có quyền xin tiêu hủy việc sang tên cho một người đồng thừa kế trong hạn 6 tháng, bắt kể đến quyền lợi của người đệ tam ngay tình ; — nếu các y không lưu tâm đến quyền lợi của chính mình, để một người đồng thừa kế sang tên bất động sản, để quá thời gian luật định mà không phản kháng thì sau đó không còn khiếu nại được, lẽ vì về sự người đồng thừa kế ấy di nhượng bất động sản kia cho một người đệ tam.

Sổ sách điền thổ thiết lập theo sắc lệnh 1925 là những tài liệu chánh thức và công cộng quyền sở hữu bất động sản ; người đệ tam có quyền tin tưởng những ghi chú trong sổ sách ấy.

(*TT Saigon 13-12-1962 PLTS 1964 số I trang 117*)

#### 178.— TƯỞNG PHÂN DI SẢN.

Theo án lệ, thì sự tương phân cần phải được làm trên giấy tờ nhưng có thể căn cứ trên sự kiện của vụ tranh tụng để suy luận rằng đã có sự tương phân rồi.

(*HGRQ. CHÂU ĐỐC 21-7-1956 PLTS 1958 số I trang 77*)

#### 179.— THU KẾ TOÀN SẢN (légataire universel) VÀ THỪA KẾ (héritier) — SỰ DOÃN CHẤP DO NGƯỜI THỤ KẾ THEO ĐIỀU 1006. 1008 DÂN LUẬT PHÁP. THỦ TỤC PHI TỤNG. TỔ QUYỀN GIAO HOÀN TẶNG VẬT.

Điều 1006 và 1008 Dân Luật Pháp căn cứ vào sự phân biệt thừa kế hữu phần bản lưu và thừa kế vô phần bản lưu, (héritiers réservataires non réservataires) và ấn định những thể thức chiếm hữu di sản khác nhau tùy theo trường hợp, xuất xứ ở phong tục riêng của Pháp, không thể áp dụng cho Việt-Nam mà luật pháp thực tại về di sản không hề quy định sự phân biệt ấy.

Do đó một người thụ kế (légataire) phải đòi hỏi những người thừa kế giao hoàn tài sản mà y được hưởng; y không thể doãn chấp bằng một thủ tục phi tụng, mà trái lại, phải khởi tố những thừa kế huyết tộc pháp định bằng một tổ quyền giao hoàn tặng vật.

(*TT Saigon 17-8-1961 PLTS 1963 số II trang 61*)

#### 180.— THỪA KẾ TOÀN SẢN. NGHĨA VỤ.

Người thừa kế toàn sản, tiếp tục nhân thân của người mệnh một, phải chịu hậu quả những nghĩa vụ do người này cam kết.

Không nhận định đương sự đã từ khước di sản, lại nhận định thị đã bán di sản của chồng trong có cả kỹ phần của con mà thị được hưởng với tư cách thừa kế, Tòa nội vụ đã vi phạm nguyên tắc kê trên khi đặt vụ tranh tụng trên cương vị quyền dụng ích của đương sự thay vì phải áp dụng luật lệ về sự di truyền di sản cho y thị đã có tư cách thừa kế toàn sản như trên.

(PA 26-8-1964 PLTS 1965 số I trang 29)

THỪA KẾ NGOẠI BIỂU (X. 68).

(X. 170).

DI THẨM (X. QUYỀN DI THẨM).

## DỰ SỰ

181.— ĐƯƠNG SỰ QUA ĐỜI. THỪA KẾ DỰ SỰ.

Chiếu điều 24 Nghị định ngày 16-3-1910 vụ kiện được coi là ở trong tình trạng xử được và sự tranh luận coi là đã ràng buộc hai bên đương sự, khi có trát đòi, các đương sự đã xuất trình hoặc đích thân hoặc nhờ luật sư thay mặt.

Chỉ trong trường hợp một bên đương sự qua đời trước khi sự tranh luận coi là đã ràng buộc hai bên đương sự mới phải đòi thừa kế ra dự sự chiếu điều 55 nghị định nói trên.

Khi các đương sự đã xuất trình sự tranh tụng được coi là đã ràng buộc họ.

Vậy khi họ qua đời trong trường hợp này, không cần phải đòi thừa kế của họ ra dự sự.

(PA 27-10-1965 PLTS 1966 số II trang 37)

182.— ĐỀ TAM DỰ SỰ : TRƯỜNG HỢP DỰ SỰ NHĂM MỤC ĐÍCH KHÁC BIỆT VỚI ĐƠN KHỞI TỐ (BẤT KHẢ CHẤP THẨM).

Dự sự là can thiệp vào một thủ tục bằng cách đứng về phía bên nguyên hay bên bị để dự vào sự tranh tụng giữa hai người này.

Do vậy, nếu người dự sự nhằm một mục tiêu khác biệt với đơn khởi tố, sẽ không được chấp nhận dự sự. Vì như vậy đơn khởi tố và đơn can thiệp không cùng một nội dung.

(*TT Saigon 26-4-1962 PLTS 1963 số III trang 101*)

### 183.— DỰ SỰ TỤNG.

Một người được gọi ra dự tụng, tự nhiên là một đương sự trong vụ kiện, vì mục tiêu của sự dự tụng là đặt để người ấy vào vụ kiện để tham dự vào vụ kiện.

Một người dự tụng có thể, tùy trường hợp, được đặt để vào vụ kiện phía bên nguyên, cũng như về phía bên bị, và cũng chỉ có thể dự tụng ở một trong hai phe này mà thôi.

(*TT Saigon 16-5-1963 PLTS 1964 số IV trang 122*)

## ĐẠI DIỆN

### 184.— ĐẠI DIỆN TỔ TỤNG. ĐIỀU 5 NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910. SỞ HỮU CHỦ NGOẠI BIỂU. NGƯỜI ĐỨNG TÊN. GIÙM (Prête-nom).

Theo nguyên tắc và theo điều 5 nghị định ngày 16-3-1910, khi có sự đại diện để đi kiện, người thụ ủy phải ghi tên ủy quyền trong các giấy tờ thủ tục ;

Nếu người vợ đứng tên trong bộ điền thổ mà thực sự bất động sản thuộc quyền sở hữu của người chồng, người vợ phải coi là sở hữu chủ ngoại biểu, khi đứng ra kiện người thuê bất động sản chứ không phải là người đại diện cho người chồng trong vụ kiện ; trong trường hợp này nguyên tắc trên không áp dụng ;



Người đứng tên giữm có thể đứng tên đề khởi tố ; đối phương có quyền điều chỉnh lại tình trạng thật sự đôi bên và người chủ quyền thật sự cũng có thể xen vào nội vụ để thay thế cho người đứng tên giữm bất cứ trong giai đoạn nào của thủ tục « không thể đại quyền tố tụng » cũng không áp dụng trong trường hợp này.

(PA 29-5-1963 PLTS 1963 số III trang 25)

185.— TƯ CÁCH ĐẠI DIỆN. KHƯỚC BIỆN VÔ TƯ CÁCH.

Theo điều 259 nghị định ngày 16-3-1910 qui định dân sự tố tụng thi hành tại miền Nam Việt Nam thì khước biện vô tư cách có thể nại ra bất cứ lúc nào trong thủ tục trước các cấp Tòa.

(TT Saigon 26-7-1956 PLTS 1956 số IV trang 34)

186.— ỦY QUYỀN ĐỀ THAY MẶT ĐI HẦU TÒA. ĐIỀU 23 TVHSTSTTP.

Điều 23 TVHSTSTTP chỉ cho phép đương sự nhờ vợ hay chồng tôn thuộc hay ti thuộc, anh chị em, chú bác cô dì, được thụ quyền đề thay mặt đi hầu tòa. Nếu đương sự ủy quyền cho một người khác hơn những người kể trên để đi hầu kiện thì sự ủy quyền này không hợp pháp, giấy ủy quyền ấy vô hiệu lực, đương sự sẽ bị coi là đã vắng mặt.

(ST Quảng Nam 5-3-1959 PLTS 1961 số III trang 108)

ĐẶC MIỄN TÀI PHÁN

187.— ĐẶC MIỄN TÀI PHÁN GIỮA PHÁP VÀ VIỆT.

Theo điều 4 bản phụ ước số 1 Hiệp ước Việt Pháp ký ngày 16-9-1954 thì 2 quốc gia Pháp và Việt Nam thỏa thuận xác nhận quyền đặc miễn tài phán, theo nguyên tắc cổ truyền của những quốc gia có chủ quyền.

Không tuân theo điều này tức là đã lạm quyền.

(ST Saigon 18-1-1955 PLTS 1955 số II trang 40)

(TT Saigon 19-11-1955 PLTS 1955 số IV trang 18)

## ĐẶC NHƯỢNG ĐẤT

188.— ĐẤT ĐẶC NHƯỢNG. CHUYỂN DỊCH. CƠ QUAN CHÍNH QUYỀN CHO PHÉP. SẮC LỆNH NGÀY 4-11-1928 BỎ TỨC DO SẮC LỆNH NGÀY 3-5-1942. ĐÔI BÊN ĐỒNG ƯỚC NGƯỜI VIỆT. MIỄN KHỞI SỰ CHO PHÉP. NGHỊ ĐỊNH NGÀY 21-12-1947.

Theo điều 10 đoạn 2 sắc lệnh ngày 4-11-1928 bỏ tức do sắc lệnh ngày 3-5-1942, sự chuyển dịch đất đặc nhượng dù tạm thời cũng phải được chính quyền chấp thuận trước, nếu không viên chức bảo thủ điền thổ phải khước từ việc đăng ký, trừ trường hợp đôi bên đồng ước là người Việt Nam (nghị định ngày 21-12-1947 áp dụng sắc lệnh ngày 3-5-1942 kể trên).

(*TT Saigon 22-9-1962 PLTS 1963 số I trang 128*)

ĐẶC NHƯỢNG TẠM THỜI (X. 45)

## ĐỆ TAM NHÂN

189.— ĐỆ TAM NHÂN THEO LUẬT ĐIỀN THỔ.

Bất động sản bị tiền chủ phải là bất động sản còn thuộc quyền sở hữu của con nợ.

Nếu bất động sản đã bị đoạn mại, chủ nợ không còn xin tiền chủ được đưa khởi tố. Chỉ cần văn tự có nhật ký chắc chắn, không cần phải đã đăng ký, việc đoạn mãi mới đối kháng được với chủ nợ, vì người này không có tư cách là người đệ tam theo nghĩa luật điền thổ.

(*TT Saigon 2-2-1961 PLTS 1961 số I trang 48*)

190.— « ĐỆ TAM NHÂN » THEO NGHĨA LUẬT ĐIỀN THỔ VÀ LUẬT NGHĨA VỤ.

Trong sự giao dịch giữa tư nhân, khi nào hai bên đương sự làm một văn thư hiện hiện và một văn thư bí mật trái ngược với

nhau, thì hai bên phải tuân hành văn thư bí mật, theo nguyên tự do lập ước.

Mật ước không có hiệu lực với người đệ tam theo điều 1321 Dân Luật : người đệ tam ở đây là những chủ nợ vô đặc quyền và những người thụ quyền đặc định ;

Khế ước, nói chung, không có hiệu lực đối với người đệ tam theo điều 1165 Dân Luật, người đệ tam ở đây là những người không tham dự vào việc kết ước.

Những thừa kế của một đương sự trong tờ mật ước không phải là những người đệ tam theo nghĩa hai điều 1321, 1165 kể trên họ là những người thụ quyền toàn vật, cho nên phải chịu hậu quả của tờ mật ước.

Theo điều 316, 373 Sắc lệnh điền thổ, bằng khoán điền thổ có tín lực tuyệt đối với người đệ tam.

Đệ tam nhân theo nghĩa luật điền thổ là một người đã thủ đắc một quyền lợi mà luật định là phải được công bố, trên một bất động sản.

Một sở hữu chủ làm mật ước cho một người khác mượn bất động sản của mình để đứng tên trong bằng khoán, không phải là một người đệ tam trong luật điền thổ.

Do đấy, người mượn được ghi tên trong bằng khoán, người sở hữu chủ thực sự vẫn là sở hữu chủ phải trả hoa lợi trong thời gian người này chiếm hữu.

(TT Saigon 5-1-1961 PLTS 1961 số I trang 45)

191.— NGƯỜI ĐỆ TAM THEO LUẬT ĐIỀN THỔ. ĐOẠN MÃI TRƯỚC KHI TIÊN CHỮ HIỆU LỰC. QUYỀN LỢI TƯƠNG TRANH GIỮA HAI ĐỆ TAM NHÂN.

Người đệ tam nhân theo nghĩa luật điền thổ là người nào đã thụ đắc một quyền đối vật trên bất động sản và chỉ quyền đối vật thôi chứ không phải quyền đối nhân, ngoại trừ sự thuê mượn trường kỳ. Quan niệm pháp lý về người đệ tam giải thích như trên là một quan niệm dùng để giải quyết sự tương xung quyền lợi giữa hai người đệ tam - sự tương xung ấy sẽ được giải quyết căn cứ vào tư tự ngày tháng sự công bố quyền lợi của mỗi người.

Sự tiên chú làm theo điều 398 Sắc Lệnh Điền Thổ không mang lại cho chủ nợ một sự bảo đảm đối vật (sureté réelle) nào hết: chủ nợ vô bảo đảm; sự tiên chú chỉ có một hậu quả duy nhất theo điều 295 là làm cho bất động sản bất đắc xử dụng trong tay người sở hữu chủ.

Như vậy, người chủ nợ làm tiên chú đơn khởi tố không có tư cách người đệ tam.

(TT Saigon 12-7-1962 PLTS 1963 số II trang 56)

192.— ĐỆ TAM NHÂN: THỂ NÀO LÀ ĐỆ TAM NHÂN THEO NGHĨA LUẬT NGHĨA VỤ; THEO NGHĨA LUẬT ĐIỀN THỔ VÀ THEO NGHĨA LUẬT BẰNG CHỨNG.

Dân luật phân biệt ba loại đệ tam nhân.

Đệ tam nhân theo luật nghĩa vụ là người nào không tham dự vào một khế ước ký kết giữa những người khác: đệ tam nhân này không bị ràng buộc bởi khế ước.

Đệ tam nhân theo luật bằng chứng là người nào thụ quyền biệt vật (ayant cause à titre particulier) của một trong hai người lập ước: đối với đệ tam nhân này, khế ước chỉ có hiệu lực đối kháng kể từ ngày có ngày tháng chắc chắn.

Đệ tam nhân theo nghĩa luật điền thổ là người nào đã tạo mãi trên một bất động sản một vật quyền mà luật định là phải được công bố.

Do đấy, người cho vay không có tư cách đệ tam nhân theo nghĩa luật điền thổ, để có thể nại rằng chiếu điều 316 sắc lệnh điền thổ việc đoan mãi bất động sản do con nợ phải được đăng ký mới đối kháng được với y.

Trái lại, chính người mua bất động sản có quyền nại rằng theo luật bằng chứng, văn tự nợ chỉ đối kháng được với y kể từ ngày có ngày tháng chắc chắn.

Nếu sự vay nợ có thể chấp bất động sản làm bảo đảm thì chủ nợ có tư cách là đệ tam nhân theo nghĩa luật điền thổ, vì quyền thế chấp là một vật quyền trên bất động sản.

Nhưng vật quyền này muốn đối kháng được với những đệ tam nhân khác, (theo nghĩa luật điền thổ) phải đã được đăng ký.

Nếu sự thế chấp không được đăng ký, chủ nợ không có tư cách đệ tam nhân theo luật bằng chứng, không phải là một thụ quyền toàn vật (ayant cause à titre particulier (chỉ là một người thụ quyền toàn ngạch (ayant cause à titre universel) do đấy; mọi hành vi sử dụng của con nợ đều đối kháng được với y, không cần có ngày tháng chắc chắn.

(TT Saigon 27-12-1962 PLTS 1964 số II trang 121) ●

193. — SỰ PHÂN BIỆT NGƯỜI ĐỆ TAM THEO NGHĨA LUẬT ĐIỀN THỔ. LUẬT NGHĨA VỤ VÀ LUẬT BẰNG CHỨNG. ĐIỀU 395/2 QUAN THUẾ.

Theo nguyên tắc, một chủ nợ đơn thường, tuy có quyền bảo đảm trên toàn thể tài sản của con nợ, nhưng phải chịu hậu quả những hành vi quyết định của con nợ trên những tài sản ấy; đối với

một chủ nợ đơn thường, tất cả những việc đoạn mãi do con nợ làm đều đương nhiên đối kháng được với chủ nợ, dầu rằng không có nhật ký xác thực, chính chủ nợ muốn phủ nhận hậu quả những hành vi này phải chứng tỏ hành vi này là do sự không đồng gian lận giữa con nợ và người thụ quyền làm ra.

Như vậy người để tam trong sắc lệnh điền thổ không bao giờ có thể là người đã cho người chủ bất động sản vay nợ : không lấy bảo đảm trên bất động sản ấy, chỉ có thể là một người đã mua bất động sản, hay được để đương bất động sản ấy, trong khi sở hữu chủ bất động sản lại đã đoạn mãi hay để đương cho người khác, thành ra có sự tương xung quyền lợi giữa người trước và người sau.

Giữa hai người cùng thụ đắc một vật quyền trên một bất động sản, người nào đăng ký trước sẽ có ưu thế hơn người đăng ký sau, còn những người không có vật quyền gì trên bất động sản, tất nhiên không thể tranh giành gì được với sở hữu chủ, vì quyền tư hữu (chứng tỏ do tờ bằng khoán) là một vật quyền, đối kháng được với tất cả mọi người (erga omnes).

Theo điều 395/2 luật quan thuế, Quốc gia có một quyền để đương trên tất cả bất động sản của mọi người thiếu thuế quyền để đương này là một quyền để đương pháp định đặc biệt, mà điều 395 luật quan thuế không định là phải đăng ký ; mặt khác quyền để đương này có thể đăng ký lúc nào cũng được, miễn là trước khi chính việc đoạn mãi do người sở hữu chủ cũ được đăng ký.

Như vậy, Quốc gia Việt Nam là một đệ tam nhân theo luật điền thổ, do đây việc đoạn mãi giữa người chủ một bất động sản và một tư nhân khác, chưa đăng ký, không đem đối kháng được với quốc gia.

## ĐỆ TAM KHÁNG TỐ

### 194. — ĐỆ TAM KHÁNG TỐ. ĐIỀU 134 NGHỊ ĐỊNH 16-3-1910 HƯƠNG HỎA. HỘI ĐỒNG GIA TỘC.

Điều 134 Nghị định ngày 16-3-1910 cho phép đương sự được đứng đệ tam kháng tố một bản án phạm đến quyền lợi của y nếu án văn ấy đã được tuyên xử trong khi y không được tòa án đòi hầu, và điều nói trên không phân biệt trường hợp tài phán phán tụng hay tài phán phi tụng.

Hội đồng gia tộc đề quyết định về việc bán phần hương hỏa, nếu không gồm có các thừa kế của người lập hương hỏa là bất hợp pháp.

(*TT Saigon 3-9-1959 PLTS 1959 số IV trang 49*)

### 195. — ĐỆ TAM KHÁNG TỐ : THỂ NÀO LÀ NGƯỜI ĐỆ TAM TRONG THỦ TỤC KHÁNG TỐ NÀY.

Đệ tam kháng tố là phương pháp đề một người đệ tam kháng lại một bản án không liên quan đến người ấy. Đệ tam nhân trong thủ tục này là người nào không phải là nguyên đơn, hay bị đơn, hay dự sự trong bản án bị kháng, đã hành động do chính mình hay một người thụ ủy ước định hay pháp định thay mặt.

Do đấy, người con, thừa kế cha, không đệ tam kháng tố được một bản án đã xử với người cha.

(*TT Saigon 13-7-1961 PLTS 1962 số II trang 53*)

### 196. — ĐỆ TAM NHÂN KHÁNG CÁO (tierce opposition) điều 134 đến 138 của quyền dân sự tố tụng nghị định ngày 16-3-1910).

Khi nào một án tòa giữa hai đảng tiền cáo và bị cáo gây thiệt hại đến quyền lợi của 1 người thứ ba ngoài cuộc; trong lúc tòa xét xử người thứ ba ấy không được đem vào vụ kiện hoặc không có ai thay mặt trước tòa mà bảo chữa quyền lợi cho bọn người ấy có

quyền vô đơn nơi tòa án đã xử vụ kiện đứng đệ tam nhân kháng cáo xin tòa án đem vụ ấy xử lại.

Nếu đơn xin đứng đệ tam nhân kháng cáo vô lý, đơn ấy sẽ bị bác và đương sự bị phạt vạ và có khi còn phải trên bồi thường thiệt hại cho người đã thắng kiện.

(*TT Saigon 17-6-1954 số 143*) (*PL số 4 trang 5*)

197.— ĐỆ TAM KHÁNG CÁO KHÔNG ĐÌNH CHỈ VIỆC CHẤP HÀNH.

Theo một nguyên tắc chắc chắn, vị thẩm phán cấp thẩm không bao giờ có quyền xâm phạm đến pháp luật chấp hành của một bản án, ngoại trừ những trường hợp, rất ít, đã được luật pháp tiên định rõ ràng.

Việc đệ tam kháng cáo, tự thề, không có hiệu lực đình chỉ việc chấp hành, và lại, điều 136 nghị định ngày 16-3-1910 tuy dành thẩm quyền đình chỉ cho « ông thẩm phán » nhưng danh từ « Thẩm phán » ấy không chỉ định ông Thẩm phán cấp thẩm mà chỉ định ông Thẩm phán thụ lý xét định sự đệ tam kháng cáo.

(*TT Saigon 16-8-1956 PLTS 1956 số IV trang 23*)

198.— ĐỆ TAM KHÁNG TỔ. NGỪNG THI HÀNH PHÚC QUYẾT. ĐIỀU 136 NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910. VÔ THẨM QUYỀN.

Thẩm phán cấp thẩm không thể ngăn cản sự thi hành phúc quyết đã thành nhất định giữa hai bên đương sự, chỉ có tòa án xét về đệ tam kháng tố mới có quyền ngưng thi hành án bị đệ tam kháng tố chiếu điều 136 nghị định ngày 16-3-1910.

(*TT Saigon 30-6-1964 PLTS 1964 số IV trang 5*)

199.— ĐỆ TAM KHÁNG TỔ. ĐƠN XIN HỦY MỘT AN THỂ VÌ KHAI SANH.



Đơn khởi tố xin hủy một án thế vì khai sanh phải viện dẫn bằng chứng tương phản để hủy lời khai của 3 nhân chứng. Các chứng nhân khai phù hợp với hôn thú và khai từ lập 48 năm và 6 năm trước ngày án thế vì khai sanh là không có khai gian. Đơn khởi tố phải bị bác bỏ.

(HGRQ. BIÊN-HÒA 21-4-1961 PLTS 1964 số 1 trang 178)

200.— ĐỆ TAM KHÁNG TỐ. ÁN VĂN PHI TỤNG. ÁN THẾ VÌ KHAI SANH. UY LỰC QUYẾT TỤNG. KHÔNG CÓ. THỦ TỤC ĐỆ TAM KHÁNG CÁO. KHÔNG CẦN DÙNG. BẰNG CHỨNG NGƯỢC LẠI.

Án thế vì khai sanh là một án văn phi tụng do đương sự đứng xin cho y với những nhân chứng do y nại dẫn mà không có người đối tụng, vì vậy không có uy lực quyết tụng và có thể bị hủy bỏ hoặc sửa đổi, nếu có sự thay đổi nguyên trạng, người đệ tam không phải dùng đến phương sách đệ tam kháng cáo để xin hủy bỏ án văn ấy mà chỉ cần nại ra những bằng chứng ngược lại.

(PA 27-10-1965 PLTS 1967 số III trang 18)

201.— QUYỀN NGƯỜI ĐẠI DIỆN. SỰ KHÁNG CÁO CỦA NGƯỜI ĐỆ TAM.

Điều 232 Trung kỳ Hộ sự Thương sự tố tụng pháp : «Bất cứ người nào vì một cái án đã làm thiệt hại đến quyền lợi mình hoặc quyền lợi của người mà mình được thay mặt đứng chếp, thời tuy mình hoặc người ấy không phải là người đương sự ở trong việc kiện đã có án xử ấy, cũng được đứng vào địa vị người đệ tam mà kháng cáo án ấy.

Một bản án phân xử việc một người chấp hữu hợp pháp tư sản công hữu của Thị xã kiện xin trục xuất kẻ chiếm cứ vô quyền đất ấy, không hề làm thiệt hại đến quyền lợi của Thị xã trong khi bản án đó không đề cập đến quyền sở hữu của Thị xã trên công sản ấy. Thị xã như vậy, không có lợi ích để xin đệ tam kháng cáo.

(TT Huế 20-1-1960 PLTS 1960 số IV trang 86)

- 202.— THẨM QUYỀN. ĐỀ TAM KHÁNG TỔ. ÁN VĂN SƠ THẨM ĐÃ ĐƯỢC TÒA PHỨC THẨM CHUẨN Y. TÒA SƠ THẨM. VÔ THẨM QUYỀN. TÒA THƯỢNG THẨM. CÓ THẨM QUYỀN.

Trong trường hợp án văn sơ thẩm đã được tòa thượng thẩm chuyển thì tố cầu xin đề tam kháng tố phải được xử hành, không phải chống án văn sơ thẩm mà phải chống phúc quyết tòa thượng thẩm và cơ quan tài phán có thẩm quyền thụ lý đơn đề tam kháng tố kê trên, không phải là tòa sơ thẩm mà là tòa thượng thẩm đã chuẩn y án văn tòa dưới.

Gặp trường hợp trên, thụ lý đơn đề tam kháng tố, tòa sơ thẩm, vì vô thẩm quyền đối vật, không thể chấp thẩm và phải đề dương sự tùy nghi khởi tố cùng tuyên bố vô thẩm quyền.

(*TT Saigon 19-3-1966 PLTS 1966 số 1 trang 145*)

## ĐỀ ĐƯƠNG

- 203.— ĐỀ ĐƯƠNG. CHẾ ĐỘ ĐIỀN THỒ. SẮC LỆNH NGÀY 21-7-1925. ĐỀ ĐƯƠNG, TIÊN CHÚ. VĂN TỰ CHƯỞNG KHẾ ĐỀ ĐƯƠNG. LẬP TRƯỚC NHƯNG ĐĂNG KÝ SAU NGÀY TIÊN CHÚ. TIÊN CHÚ VÔ HIỆU LỰC. CƯỖNG BÁCH PHÁT MẠI. ĐIỀU 398, 295. HÀNH VI XỬ DỤNG. VÔ HIỆU TƯƠNG ĐỐI.

Mặc dầu bất động sản bị tiên chú trước khi quyền đề đương được đăng ký, chủ nợ tiên chú với tư cách là chủ nợ đơn thường không có một quyền lợi đối vật nào trên bất động sản, vậy không có tư cách là người đề tam theo nghĩa luật điền thồ mà chỉ có một quyền đối nhân theo nghĩa luật bằng chứng về nghĩa vụ, vì vậy sự xung dụng đề đương thành lập do văn tự chưởng khế trước ngày tiên chú có hiệu lực đối kháng với chủ nợ tiên chú.

Vì vậy chủ nợ đề đương có quyền nếu đáo hạn không được trả nợ, đem cưỡng chế phát mại bất động sản, sắc lệnh ngày 21-7-1925 không có khoản nào buộc chủ nợ đề đương phải làm một thủ tục riêng đối với các chủ nợ đăng ký đề xin phát mại, còn sự vô hiệu dự liệu ở các điều 398 và 295 Sắc lệnh trên cho mọi hành vi xử dụng chỉ là một sự vô hiệu tương đối, khi chưa bị tuyên bố vô hiệu, Tòa án không có quyền tự ý viện dẫn đề bác đơn xin một mệnh lệnh phê đơn ấn định ngày ; nơi và điều kiện phát mại.

(PA 30-6-1964 PLTS 1964 số IV trang 6)

204.— ĐỀ ĐƯƠNG. TIÊN CHÚ. HIỆU LỰC. CƯỖNG CHẾ PHÁT MẠI. QUYỀN THẨM LƯỢNG CỦA TÒA ÁN.

Sự tiên chú đơn khởi tố của một chủ nợ đơn thường thể hiện theo điều 398 Sắc Lệnh Điền Thổ và một bất động sản của con nợ, không thay đổi tính cách pháp lý của món nợ, đem lại cho chủ nợ một quyền đối vật hay bảo đảm đối vật nào trên bất động sản, do đó chủ nợ tiên chú không có tư cách đệ tam nhân theo nghĩa luật điền thổ, và chủ nợ đề đương không cần đã đăng ký trước quyền đề đương mới đối kháng được với chủ nợ tiên chú.

Chủ nợ đề đương, hành tụng một chứng thư có hiệu lực chấp hành, có quyền pháp định, theo điều 287 — SLĐT cưỡng chế phát mại bất động sản của con nợ, thẩm phán không có quyền thẩm lượng nên hay không nên phát mại, mà chỉ có quyền phối kiểm văn tự chứng minh món nợ trước khi ra mệnh lệnh chiếu theo điều 290.

Sự bắt đặc chuyển mại, hậu quả của sự tiên chú, chỉ có thể nhằm những việc chuyển mại tự ý, vì chỉ có những việc, này mới có thể phát sinh ở sự gian lận của con nợ, còn sự cưỡng chế phát mại hiển nhiên ở ngoài sự dự liệu của luật pháp, vì ở ngoài ý muốn của con nợ.

(PA 29-7-1964 PLTS 1965 số I trang 9)

205.— ĐỀ ĐƯƠNG. ĐĂNG KÝ QUYỀN ĐỀ ĐƯƠNG VỀ MỘT BẤT ĐỘNG SẢN ĐÃ BỊ TIÊN CHÚ.

Trước khi khế ước đề đương bị tuyên xử là vô hiệu thì quyền đề đương phải được đăng ký.

Việc xét định về sự vô hiệu hay hữu hiệu về bất động sản không thuộc thẩm quyền Sở Bảo thủ Điền thổ.

(TT Saigon 9-8-1956 PLTS 1956 số IV trang 30)

206.— ĐỀ ĐƯƠNG. CHUYỂN PHÓ TIỀN THUÊ NHÀ. BẤT ĐỘNG SẢN MỚI TU SỨC. TIỀN THUÊ GỒM CẢ TIỀN THUÊ CÁC TẦNG LẦU MỚI LÀM THÊM. ĐIỀU 150 SẮC LỆNH ĐIỀN THỔ 21-7-1925. ĐIỀU 2212 DÂN LUẬT PHÁP.

Một trái khoán đề đương định rằng chủ nợ chỉ có quyền xin chưởng khế phát mại bất động sản đề đương nếu con nợ thì hành điều khoản về chuyển phó tiền thuê nhà của bất động sản mà số tiền thuê một năm của bất động sản đề đương không đủ để trả món nợ đáo hạn. Số tiền thuê ghi trên phải gồm cả tiền thuê ba tầng lầu mới làm thêm sau này vì trái khoán định rằng sự đề đương bao gồm cả những sự tăng gia và sửa sang có thể sau này đem lại cho bất động sản đề đương, và điều 150 Sắc lệnh điền thổ ngày 21-7-1925 ấn định rằng sự đề đương bao gồm tất cả các tu sức đem lại sau này cho bất động sản đề đương và chiếu điều 2212 Dân luật Pháp được áp dụng trong nội vụ tiền thuê đề ưng chuyển phó gồm tiền thuê của tất cả các bất động sản của con nợ.

Xử trái lại rằng tiền thuê nói trên không gồm tiền ba tầng lầu mới xây cất phúc quyết đã vi phạm các điều luật ghi trên.

(PA 25-8-1965 PLTS 1966 số IV trang 4)

TIÊN CHÚ và ĐỀ ĐƯƠNG (X. TIÊN CHÚ)

ĐỊA DỊCH

207.— CÔNG BỐ.

Tổ quyền đề xin xác nhận rằng trên sở đất tương tranh không có một dịch quyền nào là tổ quyền sở hữu (action pétitoire) thuộc thẩm quyền của Tòa Dân sự.

Vấn đề địa dịch (hay dịch quyền cũng vậy) được qui định bởi sắc lệnh điền thổ ngày 21-7-1925, từ điều 91 đến điều 128 Tòa án chỉ áp dụng những điều khoản của sắc lệnh kê trên, không thể viện dẫn những điều luật của Pháp, coi như lý trí thành văn.

Theo điều 316 của sắc lệnh điền thổ, những dịch quyền nhận định phải được công bố trong bằng khoán của bất động sản, mới có hiệu lực ;

Điều 120 của sắc lệnh điền thổ định rằng những dịch quyền phải được chấp hữu bằng chứng thư, và trong trường hợp một chủ chung lập một địa dịch cho hai bất động sản của y, khi bán một trong hai bất động sản ấy cho một người khác, địa dịch phải coi như không còn nếu trong tờ đoạn mãi không có nói rõ (formellement prévu) rằng địa dịch có được giữ nguyên vẹn.

(*ST Saigon 4-7-1960 PLTS 1960 số III trang 78*)

#### 208.— ĐỊA DỊCH. GHI VÀO SỔ ĐIỀN THỔ.

Một đường hẻm dù có từ lâu và vẫn dùng để qua lại cũng không vì thế mà trở thành một địa dịch, chiếu sắc lệnh ngày 21-7-1925 vì địa dịch là một vật quyền bất động sản phải có ghi vào sổ điền thổ.

(*PA 24-2-1965 PLTS 1965 số IV trang 5*)

#### 209.— TRIỆT HẠ HÀNG RÀO. DỊCH QUYỀN THÔNG QUA.

Trong các họa đồ, cũng như tờ mãi lộ đất bị rào, không có ghi dịch quyền thông qua trên khoán đất bị rào ; một tháng hai mươi ngày sau khi hàng rào đã dựng mới có đơn kiện trước Tòa Khẩn cấp đề xin dỡ hàng rào, trong khi đó các người vẫn được đi lại như trước không bị hàng rào chèn đường hoặc chấp bít ; không có sự bạo

hành và cũng không có sự nguy hại cấp thời về đơn xin triệt hạ hàng rào đã dựng, tòa án khẩn cấp vô thẩm quyền đề xét đơn khởi tố đó.

(*TT Saigon 23-4-1959 PLTS 1959 số IV trang 32*)

210.— ĐỊA DỊCH- SẮC LỆNH ĐIỀN THỔ 21-7-1925. VẬT QUYỀN. GHI VÀO BẢNG KHOẢN.

Địa dịch vãng lai là một địa dịch hiển nhiên và là một vật quyền, vậy phải được ghi vào bảng khoản điền thổ.

Nếu trong bảng khoản không ghi bất động sản phải chịu địa dịch vãng lai, đơn kiện đòi được đi qua lại trên bất động sản ấy phải bị bác bỏ.

(*PA 29-7-1964 PLTS 1964 số IV trang 28*)

ĐIỀN THỔ (X. BẤT ĐỘNG SẢN)

ĐIỀU ĐỊNH (X. BÃI NẠI)

211.— ĐIỀU ĐỊNH HIỆU LỰC.

Điều đình là một khế ước trong đó hai bên thỏa thuận nhường nhịn lẫn nhau để giải quyết dứt khoát một vụ kiện đã xảy ra hay có thể xảy ra. (điều 1482 Hộ Luật Trung-Việt).

Đối với hai bên, việc điều đình cũng « có hiệu lực như việc án đã xử chung thẩm, không thể viện cớ sai luật hay viện cớ thiệt hại mà phản đối được » (điều 1488) trừ trường hợp có sai lầm về con toán thời phải chữa lại mà thôi (Đ. 1490).

Thật ra điều đình còn có giá trị tuyệt đối hơn cả các bản án chung thẩm, vì các bản án này còn có thể bị giảm về hiệu lực do một việc « phá án » hay « thu hồi nguyên án » còn khế ước điều đình thì phải giữ nguyên vẹn không giảm bớt hiệu lực được.

(*TT Huế 30-8-1961 PLTS 1966 số IV trang 124*)

212.— ĐIỀU ĐỊNH. HIỆU LỰC. GIỮA CÁC NGƯỜI ĐÃ ĐIỀU ĐỊNH.

Giữa các người đã điều đình với nhau, sự điều đình có quy định quyết tụng của một án văn chung thẩm (điều 2.052 D.L.P. coi như lý trí thành văn).

Vì vậy sau khi được án văn sơ thẩm dạy trực xuất người thuê, chủ phố đã cam kết với kẻ sau này hủy bỏ án văn sơ thẩm cùng thuận cho thuê trong một ước hạn theo giá mới thì tố quyền của chủ phố phải cho thuê thêm một thời hạn như ước định ; về phần người thuê phải trả tiền thuê theo giá biểu mới.

(TT Saigon 13-1-1966 PLTS 1966 số 1V trang 124)

213.— ĐIỀU ĐỊNH. HIỆU LỰC KẾT TỤNG THEO CÁC ĐIỀU 1482 VÀ 1488 DÂN LUẬT TRUNG VIỆT.

Theo điều 142-DLT điều đình là một khế ước do hai bên nhường nhịn lẫn nhau để giải quyết cho xong một vụ kiện đã xảy ra hay để tránh sự phát sinh ra vụ kiện, và theo điều 1488-DLT đối với hai bên thời việc điều đình cũng có hiệu lực như việc án đã xử chung thẩm, không thể viện cớ sai luật hay viện sự thiệt hại mà phản đối được.

Áp dụng đúng các điều luật kể trên, án tòa Thượng thẩm Huế, căn cứ vào giấy cam kết bãi nại hợp lệ giữa dân sự nguyên cáo và người đảm nhiệm hộ trách, đã có thể hợp pháp bác thỉnh cầu bồi thường đối với người này trong khi vẫn giữ nguyên tắc bồi thường và số bồi khoản mới ấn định đối với bị can không là một đương sự trong cuộc điều đình.

(PA 31-8-1966 PLTS 1967 số 1 trang 66)

ĐIỀU ĐỊNH VỀ LAO ĐỘNG (X. 30)

214.— LAO ĐỘNG. TRANH CHẤP CÁ NHÂN. TỜ BIÊN NHẬN ĐỀ THANH TOÁN MỌI KHOẢN : TÍNH CHẤT. ĐIỀU ĐỊNH ĐẶC LOẠI.

Bản chất của một biên nhận đề thanh toán mọi khoản là một sự điều đình nhưng thuộc một định chế đặc biệt. Là một sự điều đình,

tờ biên nhận để thanh toán mọi khoản có hiệu lực giải trái đối với những quyền lợi đã được thanh toán trong biên nhận. Nhưng sự điều đình này vì đặc loại nên ruy biểu hiệu song vẫn có thể bị cáo bãi theo thủ tục luật định.

Vì vậy ký biên nhận để thanh toán mọi khoản mà không cáo bãi chứng thư trên trong thời hạn và theo thủ tục luật định người công nhân đã thất quyền đòi hỏi chủ nhân về mọi khoản làm đối tượng cho chứng thư này và đơn khởi tố của y bị bác chấp.

(*TT Saigon 1-9-1966 PLTS 1966 số IV trang 147*)

## ĐIỀU TRA

215.— ĐIỀU TRA. DÂN SỰ TỐ TỤNG TRUNG PHẦN. THẨM PHÁN ĐIỀU TRA. QUẬN TRƯỞNG QUYỀN NHIỆP CHỨC VỤ THẨM PHÁN HÒA GIẢI, ĐIỀU 87 DỰ SỐ 4 NGÀY 18-10-1949.

Theo điều 160 Bộ T.K.H.S.T.S.T.T.P. bằng một bản án tiên thẩm, Tòa án có thể ủy cho một vị Thẩm phán điều tra trong phòng giấy.

Theo điều 87 Dự số 4 ngày 18-10-1949 tổ chức tư pháp Việt-Nam, các Tòa án sơ cấp ở Trung Phần đổi tên là Tòa án Hòa Giải và trong lúc giao thời các Quận Trưởng và các công chức quyền nhiếp công việc của các Thẩm Phán sơ cấp được tạm thời tiếp tục các chức vụ Tư pháp. Trong biên bản điều tra có ghi rõ rằng Quận Trưởng Hàm Thuận điều tra với tư cách là Thẩm Phán Hòa Giải, như vậy sự điều tra hợp pháp vì đã do một vị Thẩm Phán thi hành, đúng với sự qui định của điều 160 nói trên.

(*PA 31-1-1962 PLTS 1963 số I trang 8*)

216.— MỞ CUỘC ĐIỀU TRA. (enquête)

Trong các vụ hộ, Tòa án có thể tự ra lệnh cho mở cuộc điều tra hoạt nếu có lời yêu cầu của đương sự.

Điều tra là một thủ tục tố tụng mục đích là để hiểu rõ sự thật trong vụ kiện, sau khi nghe nhiều nhân chứng.



Trong án tiền thẩm — Tòa án sẽ nêu ra các khoản cần phải hỏi các nhân chứng.

Cuộc điều tra sẽ được mở công khai tại phòng xử án hoặc tại văn Phòng của vị Thẩm phán hoặc điều tra viên.

Nhưng cho mở cuộc điều tra hay không là do Tòa án trọn quyền định đoạt, Tòa án sẽ bác bỏ tội yêu cầu xin mở cuộc điều tra nếu xét ra vô ích vì chỉ kéo dài vô lối vụ tranh tụng.

(TT Saigon 16-7-1953 số 62) (PL số 14 trang 6)

## ĐỐC THỨC

217.— ĐỐC THỨC TRẢ TIỀN. CHỈ THAY THẾ BẰNG ĐƠN KHỞI TỐ ĐÒI TIỀN HAY THƯ ĐÒI TRẢ TIỀN.

Chiếu điều 1656 D.L.P. (Đ. 953 DLB, Đ. 1084 DLT) khi trong tờ bán bất động sản có định với nhau rằng nếu đúng kỳ mà không trả tiền, sự mãi sẽ đương nhiên bị giải tiêu, tuy vậy người mua vẫn có thể trả sau hạn định nếu chưa có giấy đốc thúc, nhưng sau khi có giấy đốc thúc rồi, Tòa án không thể gia hạn cho y được.

Khi không có chứng cứ rằng người bán đã đốc thúc đòi trả tiền rồi mà vô hiệu, sự đệ cung hiện kim của người mua vẫn có giá trị để thực hiện sự mua bán.

Nhưng sự đốc thúc định ở điều 1656 là một sự đốc thúc riêng biệt vì trước khi bị đốc thúc người mua còn có quyền trả tiền tuy đã quá hạn và sau khi y bị đốc thúc, Tòa án không có quyền cho y ân hạn; sự đốc thúc ấy là sự đốc thúc phải trả tiền.

Một đơn khởi tố xin hủy khế ước mãi mại hay một bức thư nêu sự khiếm khuyết trách vụ trả tiền với ý định giải trừ khế ước không thể thay thế tờ đốc thúc định ở điều 1656 được.

(PA 28-8-1963 PLTS 1964 số 1 trang 41)

218.— CHẤP HỮU GIAN Ý. ĐỘNG SẢN. ĐIỀU 2279 DÂN LUẬT PHÁP. VỀ ĐỘNG SẢN CHẤP HỮU LÀ BẰNG KHOẢN. KHÔNG ÁP DỤNG.

Mặc dầu đang chấp hữu các động sản, kẻ chấp hữu không thể viện dẫn điều 2279 Dân Luật Pháp để nói rằng y là sở hữu chủ các động sản ấy, nếu y không ngay tình.

Đã mưu mẹo với một người cai quản các đồ vật để chiếm hữu các đồ vật ấy, người chiếm hữu thiếu ngay tình không nêu điều luật ghi, trên để chống lại người sở hữu chủ thật sự.

(PA 26-6-1963 PLTS 1963 Số IV trang 3)

#### 219.— CHẤP HỮU-GIAN Ý.

Sự chấp hữu không phải với tư cách là sở hữu chủ, mà chỉ do sự ủy thác của dân sự nguyên cáo không cho phép bị can viện dẫn nguyên tắc của điều 2279 Dân Luật về sự chấp hữu động sản để chống lại người ủy thác giao cho y nuôi rẽ bò để chiếm đoạt vật giao giữ.

(PA 30-9-1965 PLTS 1965 số II trang 65)

#### 220.— CHIẾM HỮU CÔNG KHAI. TỜ MUA CÓ ĐĂNG BẠ. SANG BỘ XE HƠI.

Quyền sở hữu một động sản được xác nhận khi có sự chiếm hữu công khai. Tờ mua có đăng bạ trước ngày động sản bị tranh nại trước Tòa án thì có giá trị và có hiệu lực đối với người đệ tam khởi tố sau.

Việc sang bộ xe hơi chỉ tính cách hành chánh và việc mua bán xe hơi được coi như thành tựu khi người mua đã trả tiền và đã chiếm hữu công khai.

(TT Saigon 20-10-1955 PLTS 1956 số I trang 14)

### ĐỘNG SẢN

#### 221.— ĐỘNG SẢN, NHÀ : KHÔNG BẰNG KHOẢN. VẬT LIỆU NHẸ. TRÊN ĐẤT KẸ KHÁC. SAI ÁP. ĐĂNG KÝ.

II.— ĐOẠN MÃI. NHÀ (ĐỘNG SẢN). BỊ SAI ÁP. KHÔNG ĐĂNG KÝ. NGAY TÌNH KẸ MUA. GIÁ TRỊ.

I.— Căn nhà không có bằng khoán, làm bằng vật liệu nhẹ trên đất của người khác được coi như một động sản. Vì vậy việc sai áp tài sản này không được đăng ký.

II.— Sự đoạn mãi căn nhà trên, tuy có bị sai áp chỉ vô giá trị nếu khi khế ước, kẻ mua đã có gian tình, gian tình ấy phải được chứng tỏ. Và sự gian tình ở đây là sự hiểu biết rằng nhà đã bị sai áp mà vẫn cứ mua. Đã đành là trong pháp chế hiện hành không có phương cách gì để công bố việc sai áp những căn nhà làm bằng vật liệu nhẹ trên đất của người khác nhưng chủ nợ chỉ có thể được bảo đảm theo phò thông luật pháp và trong trường hợp gặp phải người con nợ liêu lĩnh, biên thủ những tài sản đã bị sai áp, không sợ bị truy tố theo hình luật thì dầu người chủ nợ bị thiệt hại những người đệ tam ngay tình đã mua những tài sản nói trên phải được che chở.

(*TT Saigon 27-4-1961 PLTS 1961 số III trang 59*)

222.— SAI ÁP VÀ ĐOẠN MÃI ĐỘNG SẢN. ĐẶC QUYỀN NGƯỜI BÁN.

Luật Việt-Nam không có khoản nào công nhận cho người bán được một đặc quyền trên tài sản đoạn mại ; (privilège du vendeur de meuble) do đấy nguyên chủ của một chiếc đồ máy, chưa được trả hết số tiền bán, không có quyền truy đoạt tài sản đoạn mãi trong tay người đệ tam.

Một án lệnh phê đơn cho phép « ngăn cản mọi sự di chuyển đối với một chiếc đồ máy chỉ có nghĩa là do phép ngăn cản di chuyển quyền sở hữu bằng một hành vi pháp lý, chứ phòng phải ngăn cản sự xê dịch của chếc đồ, biện pháp này không thể quyết định bằng một án lệnh phê đơn ; dù sao, sự sai áp một chiếc ghe không có hiệu lực giữ một chiếc ghe tại bến căn cứ, như sự sai áp bảo lưu một chiếc tàu theo luật hàng hải.

(*TT Saigon 19-8-1961 PLTS 1962 số III trang 48*)

223.— XIN TRUẤT BẤT ĐỘNG SẢN BỊ SAI ÁP. VIỆC ĐÒI DỰ SỰ NGƯỜI BỊ SAI ÁP.

Muốn xin truất xuất động sản bị sai áp phải chứng minh quyền sở hữu trên các động sản này. Ngoài ra theo án lệ, học lý

cũng như điều 608 Dân sự Tố tụng Pháp coi như lý tính thành văn muốn trích xuất vật bị sai áp phải đòi sự người bị sai áp. Đơn khởi tố mà không đòi người bị sai áp phải bị bác về hình thức.

(HGRQ BÌNH-DỰ'ONG 23-12-1964 PLTS 1965 số III trang 99)

#### 224.— VÉ SỐ KIẾN THIẾT.

Theo nguyên tắc Tòa hình, giải quyết một vấn đề về hộ luật phải theo các qui định dẫn chứng của luật dân sự. Tòa Thượng thẩm thụ lý vụ truy tố về tội sang đoạt (hay bội tín) mà yếu tố cốt yếu, là sự bội ước một khế ước dân sự, phải áp dụng nguyên tắc dẫn chứng của Hộ luật để chứng minh sự hiện hữu của khế ước này.

Chiếu nguyên tắc của điều 2279 Dân Luật về động sản sự chấp hữu tạo thành chứng khoán chứng minh quyền sở hữu và theo điều 3 Luật ngày 11-1-1959, về việc xở sổ thì vé số thuộc quyền sở hữu của người cầm giữ.

Bị phá vì vi phạm các nguyên tắc và những điều tuật ghi trên, án Tòa thượng Thẩm ước đoán quyền đồng sở hữu của dân sự nguyên cáo, không hề bao giờ chấp hữu vé số tương tranh theo sự kiện y đã ký vào vé số ấy, chống lại bị can là người chấp hữu hợp pháp xuất triuh để chứng minh quyền sở hữu vi bằng của thừa phát lại ký nhận bởi dân sự nguyên cáo nhìn nhận vé nói trên là của sở hữu duy nhất của bị can ước đoán đơn giản trái với ước đoán luật định và tín lực của một bằng chứng viết không bị tuyên cáo vô hiệu.

(PA 28-11-1962 PLTS 1963 số III trang 60)

ĐƠN KHỞI TỐ (X. KHỞI TỐ)

ĐƠN XIN PHIÊN ÁN (X. PHIÊN ÁN)

#### GIA PHỒ

225.— GIA PHỒ. TÍNH CÁCH. NGUY CẢI. QUYỀN XIN CẢI CHÍNH.

Gia phồ không phải là một công chính chứng thư hay là một chứng thư hộ tịch, cũng không phải là sổ sách và giấy má về gia đình, người nào đã biên chép không thể viện làm bằng chứng để lợi dụng cho mình được.

Gia phở là một chứng thư công cộng và long trọng của một họ và do các người trong họ ấy lập ra, khiến bất cứ một người nào trong họ ấy cũng có quyền xin cải chính khi có một sự ngụy cải.

(PA 27-6-1962 PLTS 1963 số I trang 44)

### GIẢ MẠO (ĐĂNG KÝ GIẢ MẠO)

226.— THỦ TỤC ĐĂNG KÝ GIẢ MẠO. ĐIỀU 102 VÀ 125 NGHỊ ĐỊNH 16-3-1910.

Chiếu Điều 125 Nghị định ngày 16-3-1910 chữ ký không bị phủ chặn trước Tòa Sơ thẩm xử đối tịch thì trước Tòa Thượng Thẩm không thể nêu điều 102 để xin áp dụng thủ tục đăng ký giả mạo.

(TT Saigon 14-11-1963 PLTS 1964 số IV trang 106)

### GIÁM ĐỊNH

227.— GIÁ TRỊ BIÊN BẢN GIÁM ĐỊNH VIÊN HỮU THỆ. SỞ PHÍ GIÁM ĐỊNH VIÊN.

Đương sự không xin Tòa mở một cuộc phản giám định thì không có quyền chỉ trích biên bản của giám định viên hữu thệ. Sở phí giám định viên được hăng bảo hiểm ứng trước, nhưng nguyên đơn đã hoàn lại số tiền này thì bị đơn phải trả sở phí này. Mặc dầu bị đơn đã cố ý trì hoãn nội vụ trên 3 năm, sự khản cấp vẫn còn, đối với nguyên đơn

(HGRQ BIÊN-HÒA 14-4-1961 PLTS 1965 số 1 trang 136)

228.— HIỆU LỰC SỰ GIÁM ĐỊNH. (expertise)

Về phương diện pháp lý thì sự giám định là một phương pháp mà tòa án dùng đến để biết rõ sự thật trong một vụ tranh chấp. Vị thẩm phán, hoặc tự mình hoặc do lời yêu cầu của đương

sự, giao phó cho một hay nhiều người có kinh nghiệm, nhiều lịch duyệt trong một nghề, một mỹ thuật, một khoa học... với bổn phận là giúp Tòa án tìm ra những điều cần ích mà tự Tòa án không thể tìm ra được hầu xét xử một vụ kiện.

Nhưng theo điều 323 bộ Dân sự Tố tụng Pháp và điều 91 Nghị định 16-3-1910 và theo án lệ không thay đổi, thì Tòa án không bị bắt buộc phải nghe theo lời kết luận và ý kiến của giám định viên (expert) nếu tâm chứng (conviction) của vị Thẩm phán lại trái hẳn với lời kết luận ấy và như thế tòa án có thể xét xử khác với ý kiến của giám định viên và cũng khỏi bị bắt buộc định một sự giám định mới nếu không cần.

(TT Saigon 26-3 1953) (PL số 6 trang 5)

229.— GIÁM ĐỊNH. ĐIỀU 96 NGHỊ ĐỊNH 16-3-1910. NGHĨA VỤ CỦA ĐÔI BÊN TRANH TỤNG. TỰ ĐỘNG ĐỀ TRÌNH TÀI LIỆU. THỜI HẠN.

Theo điều 96 Nghị định ngày 16-3-1910, hai bên đương sự phải đệ trình những tài liệu muốn cùng đề so sánh trong hạn 15 ngày sau khi Tòa tuyên án kiểm tra tự dạng. Điều 96 với sự biến chế như trên buộc hai bên vào nghĩa vụ : phải tự động đệ trình những tài liệu so sánh trong hạn 15 ngày.

Đã được phòng Lục sự cáo tri án tiên thẩm về kiểm tra tự dạng từ trên 15 ngày mà không xuất trình tài liệu so sánh, một đương sự không thể trách cứ gì giám định viên không đòi y đệ nạp vào hồ sơ giấy tờ có chữ ký tranh tụng để làm tài liệu so sánh, trong khi giám định chỉ khởi đầu việc cứu xét chữ ký sau thời hạn 15 ngày kể trên. Đương sự chỉ có thể trách cứ chính mình về sự sơ xuất ấy, giám định viên không có bổn phận đòi hỏi đương sự các tài liệu so sánh mà chính đương sự phải tự động đệ trình những văn kiện này trong thời hạn luật định.

(TT Saigon 2-3-1961 PLTS 1961 số IV trang 39)

230.— GIẢ MẠO. VI LUẬT. KHÔNG VIỆN DẪN ĐIỀU LUẬT.

Khi truy tố một can phạm về tội đồng lõa giả mạo mà trong án văn không viện dẫn điều luật áp dụng cho tội ấy là Tòa án đã xử vi luật và như vậy tạo nên một sự vi luật đủ để xin phá án.

(PA 21-12-1954 PLTS 1955 số III trang 25)

GIÁM HỘ

231.— DỊ NGHỊ SỰ KHAI NHẬN CON TƯ SINH. ĐIỀU KIỆN TỔ QUYỀN. CHỐNG ĐỨA TRẺ ĐƯỢC NHÌN NHẬN. TRẺ VỊ THÀNH NIÊN. THỦ HỘ HAY GIÁM HỘ ĐẶC ĐỊNH.

Tổ quyền dị nghị sự khai nhận con tư sinh buộc khi hành sử tổ quyền phải chống lại đứa trẻ được nhìn nhận và nếu đứa trẻ vị thành niên thì sẽ được đại diện pháp định thay mặt, nếu hai người này có quyền lợi trái nghịch với quyền lợi của đứa trẻ, thì sẽ cử một người giám hộ đặc định.

(TT Saigon 15-12-1962 PLTS 1963 số I trang 105)

232.— QUYỀN KHỞI TỐ CỦA NGƯỜI THỦ HỘ.

Người thủ hộ pháp định cho trẻ vị thành niên muốn khởi tố phải được hội nghị gia tộc cho phép trước. Nếu gặp trường hợp không có họ hàng, người thủ hộ yêu cầu ông Cai Tổng hay là Hương cả làng cư trú của trẻ vị thành niên mời bạn thân của gia đình hay là nhân vật trong làng để thành lập hội nghị gia tộc.

(HGRQ SÓC-TRĂNG 24-1-1996 PLTS 1956 số III trang 80)

233.— TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG. BẢO LÃNH HÀNH VI XỬ DỤNG BẤT ĐỘNG SẢN VỊ THÀNH NIÊN. TRƯỚC KHI TRƯỞNG THÀNH. SAU ĐÓ HỨA MÃI. BẤT ĐỘNG SẢN VỊ PHÂN. GIÁ TRỊ. PHẠM VI GIÁ TRỊ;

Theo Sắc lệnh ngày 30-5-1932 sửa đổi bộ D.L.G.V., 1883 muốn đoạn mãi bất động sản thuộc chế độ địa bộ — của vị thành niên, người giám hộ phải được hội nghị gia tộc cho phép và biên bản hội nghị này phải được Tòa duyệt y.

Nghi thức hội nghị gia tộc, Tòa duyệt y cùng mọi nghi thức cấp tư năng khác về sự đoạn mãi bất động sản phải được nghiêm chỉnh thi hành, bằng không, hành vi xử dụng sẽ vô hiệu mà tòa khỏi cần xét hành vi này có lợi gì cho vị thành niên hay không cùng sự vô hiệu này, ngay người giám hộ cũng có quyền nêu lên.

Theo điều 2012 D.L.P. coi như lý trí thành văn thì sự bảo lãnh chỉ có giá trị nếu nghĩa vụ chính đáng cũng có giá trị. Tuy nhiên vẫn có giá trị sự bảo lãnh một nghĩa vụ vô hiệu vì một nguyên nhân riêng biệt cho bí trái, thí dụ vì người mua này còn vị thành niên.

Xử dụng bất động sản của vị thành niên mà không theo các nghi thức trên và nếu có sự bảo lãnh của giám hộ thì sự đoạn mãi không phải là vô hiệu hẳn mà chỉ không thể đối kháng với vị thành niên cho đến ngày kẻ vô năng trưởng thành đề quyết định chuẩn nhận hay không.

Sau này trưởng thành, nếu vị thành niên không chuẩn nhận hành vi xử dụng của giám hộ sẽ bị kết buộc trong nghĩa vụ bồi thường cho kẻ mua.

Trong trường hợp hứa mãi bất động sản vị phân do một hoặc một số người cộng đồng sở hữu chủ cam kết, thì sự vô hiệu dự liệu trong các điều 895 D.L.B và 1020 D.L.T đối chiếu với điều 1599 D.L.P coi như nguyên tắc đại tổng của luật pháp, chỉ hư tề khế ước một cách cục bộ, liên qnan đến các phần bất động sản không thuộc quyền sở hữu của các ng với cam kết và không đương nhiên ảnh hưởng đến sự hứa mãi trên phần vị phân của các người sau này : sự hứa mãi vẫn hữu hiệu đối với phần vị phân của người cam kết.



GIÁM HỘ VỊ THÀNH NIÊN (X. 39 và 74).

GIA ĐÌNH (X. LUẬT GIA ĐÌNH)

HẬU ĐIỀN

234.— NHIỆM VỤ CỦA LÀNG XÃ ĐƯỢC HƯỞNG HẬU ĐIỀN. ẢNH HƯỞNG CỦA LỆNH CHÍNH PHỦ TỈNH GIẢM VIỆC CÚNG LỄ ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ ẤY. QUYỀN HẠN CỦA CON CHÁU NGƯỜI LẬP HẬU.

Làng xã nào đã nhận hậu điền phải tôn trọng ý định của người lập hậu, phải cúng giỗ như ý muốn của người ấy theo giấy tờ lập hậu.

Nhưng nếu chính phủ có lệnh tỉnh giảm việc cúng giỗ thì dân làng bó buộc phải tuân theo. Trông trường hợp ấy con cháu người lập hậu không thể căn cứ vào việc dân làng đã không cúng giỗ theo đúng nghi thức trong giấy tờ lập hậu, để đòi lại ruộng hậu, mặc dầu đã có một thời kỳ dân làng giao ruộng cho con cháu người lập hậu quản nhận vì không được phép cúng tế linh đình theo như giấy tờ lập hậu nữa.

(*ST HÀ-NỘI 28-9-1951 PLTS 1952 số I và II trang 35*)

HÌNH HOÃN HỘ

235.— Nguyên tắc hình hoãn hộ chỉ được áp dụng khi Công tố Viện truy tố đương sự, không phải chỉ mới có đơn tố cáo và điều tra tiền trường mà được.

(*TT Saigon 14-II-1963 PLTS 1964 số IV trang 106*)

HÒA GIẢI

236.— HÒA GIẢI LY HÔN. LY HÔN. LY THÂN. THỦ TỤC. HÒA GIẢI. KHƯỞC BIÊN VÔ THẨM QUYỀN ĐỐI XỬ

(RATIONE LOCI). THỜI HẠN. KHI MỚI KHỞI TỤNG  
(IN LIMINE LITIS).

II.— LY HÔN. LY THÂN. THỦ TỤC. THANH QUYẾT  
KHƯỚC BIỆN VÔ THẨM QUYỀN ĐỐI XỬ. CHÁNH ÁN THỰC  
HIỆN SỰ HÒA GIẢI.

III.— LY HÔN. LY THÂN. THỦ TỤC. TÒA CÓ THẨM QUYỀN.  
ĐIỀU 65 SẮC LUẬT 15/64. TÒA NƠI TRÚ QUÁN CỦA  
BỊ ĐƠN.

I.— Khi đã qui định sau hai lần hòa giải bất thành, chánh án tòa sơ thẩm hoặc tòa hòa giải rộng quyền có nhiệm vụ chuyên tống các đương sự ra trước tòa án, điều 68 sắc luật số 15/64 đã phải dành cho thẩm phán này quyền ra các án lệnh có thể bị kháng cáo. Khi mới khởi tụng (in limine litis) ngay trong thủ tục hòa giải, đương sự nếu muốn, phải dẫn nại khước biện vô thẩm quyền đối xử, bằng không sẽ thất quyền. Khước biện này không thể được dẫn nại lần đầu trước tòa dân sự (Điều này vì bằng hòa giải không nêu lên và đã được tác giả đề ra).

II.— Chánh án thực hiện sự hòa giải không những có thẩm quyền mà còn có trách vụ giải quyết vấn đề thẩm quyền đối xử được nêu ra.

III.— Vì điều 65 và kế tiếp sắc luật số 15/64 không minh thị qui định khác, nên đề phân định tòa án có thẩm quyền đối xử cần phải tham chiếu đến phổ thông pháp. Ly hôn và ly thân là tố quyền đối nhân vậy theo điều 9 Nghị định ngày 16-3-1910 tòa có thẩm quyền là tòa nơi trú quán của bị đơn.

Nhưng trú quán người đàn bà có chồng theo luật định là trú quán của người chồng (điều 108 sắc lệnh 1883, điều 52 D.L.T. nên trừ trường hợp trước đây đã ly thân hoặc một vài trường hợp đặc biệt khác, trú quán bị đơn, trên thực tế là trú quán của người chồng.

(*ST Saigon 23-12-1965 PLTS 1965 số IV trang 128*)

ÁN LỆNH HÒA GIẢI (X. SỐ 1 VÀ 2)

HÒA GIẢI ĐIỀN ĐỊA (X. ĐIỀN ĐỊA)

HÒA GIẢI LAO ĐỘNG (X. LAO ĐỘNG)

THẨM PHÁN HÒA GIẢI (X. 215)

## HỘ TỊCH

237.— I. ÁN THỂ VÌ KHAI SÁNH. HIỆU LỰC. CHỨNG CỐ TRÁI NGHỊCH.

I.— Án văn hộ tịch có thể đem chống đối với mọi người, ngoại trừ năng quyền của những người này có thể phủ nhận hiệu lực của án văn ấy bằng chứng có trái nghịch.

(PA 29-9-1965 PLTS 1966 số III trang 7)

238.— ÁN THỂ VÌ HÔN THỨ. TÍNH CHẤT. TUYÊN NHẬN. CON SANH TRONG THỜI PHỐI HỢP NHƯNG TRƯỚC NGÀY TUYÊN ÁN THỂ VÌ HÔN THỨ.

HỘ TỊCH. HÔN THỨ. CHỨNG THƯ HÔN THỨ. LẬP TRÊN GIẤY RỜI. DẪN CHỨNG. VĂN THƯ HAY NHÂN CHỨNG.

Án văn thể vì giá thú chỉ là án văn tuyên nhận một tình trạng pháp định, tình trạng phụ phụ giữa đôi người phối ngẫu tình trạng kết thành kể từ ngày hôn thú mà án văn này chỉ tuyên nhận và không hề cấu thành một tình trạng mới nào.

Xuất phát từ tính chất tuyên nhận của bản án thể vì hôn thú thì con chung sanh trong thời gian phối hợp nhưng trước ngày tuyên phán án văn kể trên, đã là con chánh thức của hai người phối ngẫu nên khỏi cần xin chánh thức hóa.

(TT Saigon 3-12-1962 PLTS 1963 số I trang 79)

## 239.— AN THỂ VÌ KHAI TỬ.

Án thể vì khai tử cũng như mọi án thể vì hộ tịch, chỉ có hình thức một bản án mà không có hiệu lực một bản án: Án văn có thể xem đối dụng với mọi người, nhưng mọi người đều có quyền phủ nhận.

(TT Saigon 29-3-1962 PLTS 1963 số III trang 84)

## 240.— AN XỬ THEO ĐƠN: KHÔNG CÓ TÍNH LỰC QUYẾT TỤNG. CHỨNG THƯ HỘ TỊCH VÀ CHẤP HỮU THÂN TRANG.

Án văn xử theo đơn thay thế chứng thư hộ tịch không có uy lực quyết tụng: tuy có thể đem đối dụng với tất cả mọi người, kể cả đương sự trong bản án, có quyền nại sự vô hiệu của án văn ấy.

(TT Saigon 15-3-1962 PLTS 1963 số III trang 72)

## 241.— BẢNG CHỨNG VỀ HỘ TỊCH. QUYỀN LƯU CƯ.

Chứng thư hôn thú, trong đó có ghi tên cha mẹ của một người hôn phối, không phải là bảng chứng về tư hệ của người này đối với cha mẹ y, cũng như về hôn thú giữa hai người cha mẹ của y.

Dầu người mướn phố có quyền lưu cư, y cũng bị mất quyền này nếu y không còn ở trong căn phố tranh tranh và đã cho thuê lại căn phố đó.

Lý lẽ mới rằng người mướn phố đã cho thuê lại căn phố tranh tranh, mà nguyên đơn nêu ra sau đề thêm vào các lý do đã nêu trong đơn khởi tố là một phương chức mới, chứ không phải là lời thỉnh cầu mới.

(TT Saigon 26-2-1959 PLTS 1959 số IV trang 23)

## 242.— BẢNG CHỨNG TỬ HỆ THEO ĐIỀU 93 VÀ 94 LUẬT GIA ĐÌNH.

Theo nguyên tắc của điều 93 và 94 của Luật Gia Đình ngày 2-1-1950 tử hệ chính thức được chứng minh bằng chứng thư khai sanh đăng ký hợp lệ trong sổ hộ tịch, và chỉ khi vì duyên cớ gì không thể xuất trình được chứng thư khai sanh mới có thể dùng các phương thức luật định mà chứng minh sự chấp hữu thân trạng con chính thức để thay giấy khai sanh.

Bị phá và tiêu hủy vì vi phạm các điều luật ghi trên án của Tòa Thượng thẩm đề chấp nhận sự đứng dân sự nguyên cáo của Nguyễn-thị-Tranh với tư cách là mẹ của nạn nhân Nguyễn-văn-Nghi tư cách bị tranh nại trước Tòa, đã không bó buộc đương sự phải xuất trình giấy khai sanh hợp lệ của con thị để chứng minh tử hệ giữa hai bên, trong khi đương sự không nại là ở trong trường hợp không thể xuất trình được giấy này và giấy tờ căn cước và chứng nhận phải xuất nạp đều mâu thuẫn.

(PA 25-4-1962 PLTS 1963 số II trang 47)

#### 243.— BẢNG CHỨNG TỬ HỆ. TỜ TÔNG CHI.

Đối với hạng người sanh vào thời kỳ hộ tịch chưa được thiết lập tại Việt-Nam, theo điều 39 nghị định 20-11-1877, tờ tông chi có 3 kỳ lão xác nhận và chủ tịch hội đồng xã thị thực chứng minh đầy đủ mỗi tử hệ của đương sự và với văn thư này, đương sự hay thừa kế của họ có đủ tư cách đề đòi phần di sản.

(TT Saigon 17-6-1961 PLTS 1962 số II trang 33)

#### 244.— BẢNG CHỨNG GIA HỆ. CHỨNG MINH MỐI LIÊN HỆ PHỤ TỬ CHÍNH THỨC. TỜ TÔNG CHI.

Sự chứng minh mối gia hệ không bó buộc phải theo những quy tắc chặt chẽ như sự chứng minh mối liên hệ phụ tử chính thức.

Trong các vụ kiện mà nguyên đơn chỉ cần chứng minh mối gia hệ giữa họ và những người bà con mấy đời trước, như ông tồ, bà tồ, ông tăng, bà tăng của họ, đề xin hưởng di sản của mấy người này đề

lại, nguyên đơn có thể chứng minh mối gia hệ ấy bằng mọi cách như bằng tờ tông chi hay bằng một cuộc điều tra.

(PA 28-2-1962 PLTS 1963 Số I trang 35)

#### 245.— CHỨNG THƯ THỂ VÌ GIÁ THỨ.

I.— Theo điều 47 HLTV đối với các giá thú đã làm tại nơi nào trước khi chưa lập ra nhân thể bộ đúng khớp, thì các đương sự có thể dùng giấy chứng nhận do viên chức sở quan làm ra để chứng minh hợp pháp giá thú ấy. Trong vụ này Lê-Ngọc-Ấn và Bùi-Thị-Hai đã có hai bên cha mẹ làm lễ cưới long trọng theo thủ tục và tục lệ thông thường trong năm 1954, tại xã Hòa-hiệp, nhưng năm 1954, chính quyền Xã Hòa Hiệp mới được thành lập chưa có sổ nhân thể bộ nên theo điều 47 nói trên, chứng chỉ thể vì giá thú do ông Thẩm Phán Hòa giải Quận Tuy Hòa cấp cho Bùi thị Hai ngày 23-2-1959 để chứng minh giá thú nói trên là hoàn toàn có giá trị về pháp lý.

II.— Lê ngọc Ấn và Bùi thị Hai đã là vợ chồng có giá thú hợp pháp thì đứa con sanh năm 1958, mặc dầu Bùi thị Hai là mẹ đứng khai sanh (là con y thị và Lê ngọc Ấn) đứa con ấy phải được xem là con chung chính thức và hợp pháp của Lê ngọc Ấn đem được bằng chứng cụ thể trái lại để không nhận con.

(TT Huế 23-11-1960 PLTS 1961 số II trang 106)

#### 246.— CHỨNG THƯ KHAI SANH, CHẤP HỮU THÂN TRẠNG.

Chứng thư khai sanh chỉ là bằng chứng về sự kiện sanh đẻ, cần phải có hôn thú bổ túc mới chứng minh được tư hệ; nhưng nếu không có hôn thú thì bằng chứng có thể thành kết do sự chấp hữu thân trạng.

(TT Saigon 7-6-1962 PLTS 1963 số III trang 119)

#### 247.— I. CẢI BIẾN VỢ THỨ LÊN HÀNG VỢ CẢ. CHỒNG GÓA. NAM VIỆT. IM LẶNG CỦA LUẬT PHÁP. ĐƯỢC PHÉP.

II.— THỦ TỤC. HIỆN DIỆN CỦA CHỒNG. MINH XÁC. CHỒNG CHẾT. VỢ THỨ. ĐỨNG XIN CẢI BIẾN LÊN HÀNG. VỢ CÁ. KHÔNG THỀ CHẤP NHẬN.

I.— Mặc dầu Dân luật giản yếu và bộ Dân luật Bắc không đề cập đến, nhưng theo tập quán được minh định nơi tập ý kiến của Ủy Ban Tư Vấn Án Lệ về tục lệ Bắc Việt, và theo điều 81 khoản 3 Dân luật Trung coi như lý trí thành văn, thì người chồng góa, khi đã hết tang vợ chính rồi, có thể đem người vợ thứ trước kia lên làm kế thất.

II.— Về thủ tục này, cải biến này, cũng theo điều luật trên, người chồng chỉ cần khai với hộ lại nơi cưới người vợ thứ là đủ. hộ lại sẽ đem lời khai của người chồng cho người vợ thứ lên làm kế thất ghi chú vào bên cạnh chứng thư giá thú của người vợ ấy.

Thủ tục trên đòi hỏi ngoài sự hiện diện của người chồng sự phát biểu ý muốn cải tiến hôn thú của người này.

Trong hiện vụ, người chồng khi sanh thời đã có 19 năm trời kể từ ngày vợ chánh từ trần đề cải biến hôn thú bậc nhì tương tranh mà không hành động gì, thì ngày nay, người vợ thứ không thể đơn phương xin cải biến được vịn theo án lệ cố định sau khi người vợ chánh chết, người vợ thứ vẫn giữ địa vị làm vợ thứ, trừ phi được cất lên hàng vợ chánh một cách hợp pháp.

(TT Saigon 12-8-1961 PLTS 1961 số VI trang 96)

248.— GIÁ THỨ :

A) TỪ NGÀY THI HÀNH HỘ LUẬT TRUNG VIỆT (1-1-1937).

B) TRƯỚC NGÀY CÓ TỜ CHỨC NHÂN THỂ BỘ.

Chương thứ tư, quyền thứ I Hộ Luật Trung Việt về việc khai giá thú, chỉ được ban bố đề thi hành từ 1-1-1937, vì vậy điều 1701 Hộ Luật ấy đã dự liệu rằng : « Phạm việc hành lễ giá thú thời sau khi ban

bố thí hành luật Hộ này phải theo luật này...» và điều 1699 đoạn 2 ghi rõ rằng : « Những khế ước nào đã làm trước khi ban bố thí hành luật Hộ này thời dù cách thức không hợp với thể lệ luật này, nhưng vẫn có giá trị». Trước ngày có tổ chức nhân thế bộ, không có giá thú nào khai với Tri bộ và đăng ký vào sổ giá thú, vì lẽ giản dị là trước ngày đó chưa có tri bộ và sổ giá thú. Vì thế những vụ hôn nhân trước ngày đó chỉ được giao ước theo tục lệ, nghĩa là cheo cưới, lễ cưới long trọng có họ hàng hai bên tham dự và lễ nộp cheo tại làng theo tục lệ.

Trong vụ dưới đây, giữa, Trần văn Chương và Nguyễn-thị Thanh, năm 1929 đã có lễ cưới long trọng vợ chánh, có họ hàng hai bên (đều còn sống) tham dự, và có nộp cheo theo lệ làng như vậy giữa hai bên hôn nhân đã thành tựu và Nguyễn thị Thanh đích là vợ chánh thất của Trần văn Chương.

(TT Huế 14-8-1957 PLTS 1958 số I trang 52)

#### 249. — GIÁ THÚ (Thời tao loạn)

Tờ giá thú được lập trong thời tao loạn do một viên chức hộ lại đương quyền lúc ấy, hoàn toàn có giá trị và hiệu lực về liên hệ phu phụ giữa vợ chồng, nhất là người chồng đã đối dụng với vợ y tờ giá thú ấy trong một vụ ly dị trước Tòa án tại Bắc-phần mặc dầu việc ly dị đã bị gián đoạn, người chồng không thể sau này xin Tòa án chứng nhận đứa con chung sanh trong thời kỳ hôn thú là con tự sinh và xin giao cho y nuôi dưỡng.

(TT Saigon 5-5-1960 PLTS 1960 số IV trang 48)

#### 250. — HIỆU LỰC ÁN VĂN THẺ VÌ CHỨNG THƯ HỘ TỊCH.

Án văn hộ tịch có hiệu lực đối dụng với tất cả mọi người : đương sự có án văn có thể đem ứng dụng với bất kỳ người nào.

Nhưng án văn hộ tịch không có hiệu lực tin tưởng tuyệt đối.



Do đấy, khi một Hoa kiều xuất trình một án văn khai sinh đề chứng tỏ Việt tịch vì sinh đẻ ở Việt Nam và cha mẹ gốc người Trung Hoa hay không rõ là ai, theo điều 16 mới và 17 Dự ngày 7-12-55, và đòi quyền lưu cư, đối phương có quyền phủ nhận.

Và nếu án văn mâu thuẫn với những tài liệu căn cước khác, đương sự không thể được chấp nhận là có Việt tịch.

(TT Saigon 19-7-1962 PLTS 1963 Số IV trang 38)

251.— NHÌN NHẬN CON. ÁN GHI NHẬN. CÓ GIÁ TRỊ.

Sự nhìn nhận con trước Tòa án, do một bản án ghi nhận là một sự tự ý khai nhận có giá trị chiếu sắc lệnh ngày 30-10-1883, vì bản án là một công chính chứng thư.

(PA 30-8-1961 PLTS 1962 Số I trang 11)

252.— TÍN LỰC ÁN VĂN.

Án thế vì khai sanh là một án văn phi tụng do đương sự đứng xin cho y với những nhân chứng do y nại dẫn mà không có người đối tụng, vì vậy không có uy lực quyết tụng và có thể bị hủy bỏ hoặc sửa đổi nếu có sự toay đổi nguyên trạng, người đệ tam không phải dùng đến phương sách đệ tam kháng cáo để xin hủy bỏ án văn ấy mà chỉ cần nại ra những bằng chứng ngược lại.

(PA 27-10-1965 PLTS 1967 Số III trang 18)

253.— THÂN TRẠNG. TÒA ÁN CÓ THẨM QUYỀN XÉT XỬ NHỮNG VẤN ĐỀ THUỘC VỀ THÂN TRẠNG. TÍN LỰC VIỆC ĐÃ XỬ RỜI CỦA TÒA HÌNH ĐỐI VỚI TÒA HỘ.

Vấn đề chứng minh hộ tịch là một vấn đề thuộc về thân trạng. Theo nguyên tắc, vấn đề thân trạng chỉ thuộc thẩm quyền Tòa án dân sự. Tuy nhiên án lệ cũng công nhận cho Tòa Đại Hình (chỉ riêng cho Tòa Đại Hình mà thôi) được có thẩm quyền xét đoán những vấn đề thân trạng ngẫu nhiên phát khởi trong cuộc tranh biện trước Tòa Đại Hình với mục đích để thủ tục tranh tụng trước Tòa này sớm kết liễu.

Theo nguyên tắc, phán quyết của Tòa Hình có uy lực việc đã xử rồi, chỉ ràng buộc Tòa Hộ trên phương diện tội trạng, tội danh của bị cáo. Tòa Hộ vẫn có thẩm quyền xét xử về các quyền lợi dân sự, miễn là phán quyết của Tòa Hộ không mâu thuẫn với phán quyết của Tòa Hình trên phương diện hình sự :

(HGRQ CHÂU ĐỐC 5-3. 1958 PLTS 1961 số III trang 115)

## HỘI (ASSOCIATIONS)

### 254.— ĐỊNH NGHĨA :

Hội là một khế ước của 2 hay nhiều người thỏa thuận để theo đuổi một mục đích nhất định ngoài sự chia lợi.

Quyền hành chính và quyền tư pháp. Theo nguyên tắc phân quyền giữa quyền hành chính và quyền tư pháp mà các nước văn minh đã noi theo thì Tòa án tư pháp không thể xem xét tính cách hợp pháp cũng như bất hợp pháp của 1 văn kiện do cơ quan hành chính ban hành, trừ ra vài trường hợp đặc biệt có sự lạm quyền của cơ quan hành chính phạm đến tự do cá nhân ; quyền sở hữu cùng tư cách bất khả xâm phạm của nơi cư trú.

Theo điều 13 sắc lệnh ngày 21-2-1933 về hội (associations) chỉ có một trường hợp mà tòa án có thể can thiệp để giải tán hội ấy khi nào hội lập ra không có phép nhà đương cuộc.

Theo nguyên tắc phân quyền kể trên chỉ có tòa án hành chính mới có thẩm quyền xét đoán.

(TT Saigon 11-12-1952) (PL số 9 trang 5)

HỘI DỰ PHẦN (X. THƯƠNG MÃI)

HỘI VÔ DANH (X. THƯƠNG MÃI)

255.— LẬP HỘI. LẬP HỘI PHẢI LÀM THÀNH GIẤY (ĐIỀU 1432  
HỘ LUẬT TRUNG VIỆT).

Trong vụ sau đây, mặc dầu không xuất trình được bằng chứng gì về việc lập hội giữa hai bên Nguyễn thị-Hường đã viện nhân chứng để xin Tòa án bắt Hồ-thị-Liên Lý phải trả phân nửa số nợ của hiệu Liên Hương mua chịu hàng, và lấy cớ rằng trong tên hiệu «Liên Hương» có chữ «Liên» là một phần tên của Hồ thị Liên Lý. Nhưng nhân chứng và triệu chứng đưa ra như thế không có thể có giá trị gì, vì theo điều 1432 của Hộ Luật Trung-Việt thì lập hội phải tầm bằng giấy.

(TT Huế 11-4-1956 PLTS 1956 số III trang 48)

### 256.— TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA HỘI VIÊN HỘI THỰC TẾ.

Xe gây ra tai nạn thuộc quyền sở hữu của một người, nhưng việc trông nom xe và tuyển tài xế để chở hành khách khai thác xe đó lại thuộc quyền người khác, người này không phải là thụ phái của chủ xe, nhưng giữa người này và chủ xe có một sự hùn hiệp một hội thực tế người góp của, kẻ góp công để khai thác, tiền chuyên chở thuê được do chủ xe giữ để thanh toán sau, như vậy khi tai nạn xảy ra cả 2 hội viên của một Hội Thực Tế đó phải liên đới bồi thường thiệt hại.

(TT Huế 27-5-1960 PLTS 1961 số I trang 58)

## HỘI ĐỒNG GIA TỘC

### CỬ NGƯỜI QUẢN TRỊ (X. Hương hỏa)

### 257.— QUYẾT NGHỊ : SẮC LỆNH NGÀY 3-10-1883 SỬA ĐỔI BỞI SẮC LỆNH NGÀY 30-5-1932.

Sắc lệnh 3-10-1883 không buộc phải hủy các nghị quyết của hội đồng gia tộc lập ra không thật đúng phép, chỉ cốt hội đồng ấy có tư cách một hội đồng gia tộc bàn bạc hẳn hoi, làm sao cho không có hại đến quyền lợi của kẻ vị thành niên.

(PA 21-12-1955 PLTS 1956 số II trang II)

## HÔN SẢN

258.— CHẾ ĐỘ HÔN SẢN PHÁP ĐỊNH. KẾT ƯỚC MẶC NHIÊN. HIỆU LỰC HÔN THỨ. HÔN SẢN. PHÂN DỤNG LUẬT LỆ VỀ HÔN SẢN. HỒI HIỆU CỦA LỰC LỆ VỀ HÔN SẢN. LUẬT GIA ĐÌNH 2-1-1959. ÁP DỤNG ĐỐI VỚI HÔN THỨ THIẾT LẬP TRƯỚC NGÀY BAN HÀNH LUẬT NÀY. CỘNG ĐỒNG TÀI SẢN. TRÁCH NHIỆM CỦA CỘNG ĐỒNG TÀI SẢN VỀ NHỮNG MÓN NỢ DO HÀNH VI TRÁI PHÉP CỦA VỢ SAI ÁP BẢO TOÀN. XIN TRÍCH XUẤT.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỒNG VỀ HÀNH ĐỘNG PHẠM PHÁP CỦA VỢ. TÍNH CHẤT CỦA TRÁCH NHIỆM NÀY. PHỤ QUYỀN.

I.— Chế độ hôn sản pháp định, vì liên quan mật thiết nhiều với thân trạng của vợ chồng, đến sự tổ chức gia đình, đến trật tự công cộng phải được coi là hiệu lực của giá thú và như vậy phải được thi hành như đạo luật ấn định các hiệu lực đó.

II.— Luật gia đình phải được áp dụng cho hôn thú thiết lập trước ngày ban bố đạo luật này. Và chiếu điều 54 luật Gia đình tài sản cộng đồng phải đòi thọ những nợ do hành vi trái phép của vợ hay chồng. Không thể chấp nhận được đơn của người chồng hôn thú trước ngày Luật Gia Đình, xin trích xuất khỏi sự sai áp bảo toàn tài sản riêng của mình đã sai áp để bảo toàn món nợ do hành vi phạm pháp của vợ gây nên.

III.— Tục lệ của ta đã công nhận từ lâu rằng ngoài những trách vụ về kết ước, gia đình còn phải chịu trách nhiệm về sự thiệt hại do vợ vi phạm pháp hay bán phạm pháp gây ra. Án lệ Nam Việt công nhận trách nhiệm của chồng tức là của gia đình trong trường hợp này nhưng đã căn cứ trách nhiệm ấy trên phụ quyền (Đoạn này án văn không đề cập nhưng tác giả đã chú thích).

(ST Saigon 27-6-1960 PLTS 1961 số 1 trang 73)

259. — CHẾ ĐỘ PHÂN SẢN. CỦA CÁI DO CHỒNG VÀ VỢ LÊ ĐÚNG TÊN. CHIA ĐÔI. HOA LỢI CHIA ĐÔI.

Chế độ hôn sản bậc nhì trước năm 1959 khi hôn thú bậc nhì thì còn hợp pháp là chế độ phân sản. Khi hôn thú chấm dứt những của cải do chồng và vợ lẽ đứng tên chung để mua phải chia đôi, một phần cho bên chồng, một phần cho bên vợ lẽ, hoa lợi cũng chia hai vì vợ lẽ không phải là quá phụ dụng ích nên không có quyền ngăn cản các thừa kế xin chia di sản của chồng.

(PA 25-8-1965 PLTS 1966 số II trang 9)

260. — CỦA RIÊNG CỦA VỢ. HÔN SẢN. NĂM PHẦN, CỘNG ĐỒNG TÀI SẢN. TÀI SẢN TẠO MÃI TRONG THỜI HÔN THỨ. THUỘC CỘNG ĐỒNG TÀI SẢN. NGƯỜI VỢ. CÓ QUYỀN CÓ CỦA RIÊNG. THANH TOÁN HÔN SẢN. CỦA CHÚNG. PHÂN ĐÔI VỢ CHỒNG MỘT NGƯỜI MỘT NỬA.

Một phần lớn án lệ cũ ở Nam phần căn cứ vào Luật Gia Long cho rằng đàn bà có chồng hoàn toàn ở dưới quyền chế ngự của người chồng cho nên đến nỗi không được quyền có tài sản, sản nghiệp gì hết, tất cả đều là của người chồng và người này có quyền tuyệt đối xử dụng, không có sự hạn chế nào cho quyền ấy. Chiều hướng án lệ trên không hợp lý. Thực vậy, luật Gia Long, theo sự khảo cứu của nhiều luật gia, đã chỉ chép lại gần đúng nguyên văn bộ luật Mãn Thanh bên Trung Quốc, như vậy chưa chắc đã là phản ảnh thực cụ của phong tục Việt-Nam. Dù sao, phong tục đã đổi thay, và quan niệm cho người đàn bà chỉ có thể được hưởng một tình trạng pháp lý thua kém đàn ông, là thành kiến đã lỗi thời, không còn thích hợp với sự tiến hóa đã thực hiện của xã hội Việt. Ngay từ năm 1931, 1936 những bộ D.L.B. và D.L.T. cũng đã công nhận cho người đàn bà, có chồng có của riêng trong nhiều trường hợp. Những bộ luật ấy đã được biên soạn sau khi một ủy ban đặc biệt đã khảo cứu kỹ càng

về tục lệ Việt-Nam, vậy thì chính những bộ luật ấy mới là phản ảnh tục lệ Việt-Nam và nhà lập pháp đã tỏ ra xứng đáng với nhiệm vụ tu luật. Sở dĩ hai bộ luật ấy không được viện dẫn áp dụng ở Nam Phần chỉ là vì một nguyên nhân chính trị : luật pháp của chính phủ Nam triều không có được thẩm quyền ở Nam phần vì Nam phần là thuộc địa Pháp.

Nguyên nhân ấy ngày nay không còn tồn tại, vậy dấu rằng về phương diện pháp lý thuần túy không đem áp dụng được D.L.B. hay D.L.T. ở Nam phần với tính cách là luật thực tại cưỡng hành, ít ra cũng phải qui chiếu vào hai bộ luật ấy để giải quyết những vấn đề mà hai bộ luật đã căn cứ vào phong tục chắc chắn của Việt-Nam để giải quyết.

Mặt khác, trào lưu tiến hóa trong xã hội Việt-Nam : đã đặt người đàn bà vào địa vị ngang hàng với người đàn ông ; luật ngày 2-1-1959 điều 43 công nhận cho người đàn bà có chồng cũng có năng cách pháp lý đầy đủ ; điều 5 Hiến Pháp công nhận sự bình đẳng giữa các công dân không phân biệt nam nữ theo đúng tinh thần Hiến Chương Liên Hiệp Quốc.

Trước tục lệ xác định như trên, trước trào lưu tiến hóa hiện thời, trước những bản văn của luật thực tại đã nâng cao địa vị người đàn bà trong xã hội, không thể còn đem luật Gia Long áp dụng cho thân thể người đàn bà, phải công nhận rằng người đàn bà có chồng được quyền có sản nghiệp riêng; sản nghiệp này chỉ tạm thời nhập vào khối tài sản cộng đồng nhưng không biến thể để hợp nhất với sản nghiệp của người chồng thuộc quyền sở hữu duy nhất của người này.

Do đấy, bất động sản tạo mãi trong thời kỳ hôn phối có tính cách là của chung, nhưng một khi hôn phối tan rã do sự mệnh một của người chồng thì khối tài sản cộng đồng phải phân đôi và người vợ được hưởng phân nửa.

(*TT Saigon 30-11-1961 PLTS 1962 số 11 trang 57*)

261.— CỬA RIÊNG CỦA CHỒNG. THÀNH PHẦN. ĐIỀU 104 D.L.T. KỶ PHẦN CÓ TỪ KHI CHƯA THÀNH HÔN. TÀI SẢN CHUNG.

Theo điều 104 D-L-T. bất động sản do người chồng làm chủ từ khi chưa thành hôn là kỷ phần của người này góp vào khối tài sản chung, chỉ có tính cách là tài sản chung trong thời kỳ hôn phối đoạn tuyệt do sự ly hôn

(PA 24-2-1965 PLTS số IV trang 11)

262.— NỢ DO HÀNH VI TRÁI PHÉP CỦA VỢ HAY CHỒNG.

Khi luật ghi rõ rằng tài sản cộng đồng phải đài thọ những nợ của vợ hay chồng đã vay trước khi lập hôn thú hay trong thời kỳ hôn thú và những nợ do hành vi trái phép của vợ hay chồng, danh từ «món nợ» chỉ tất cả các trái quyền của luật nghĩa vụ, không cứ là trái quyền này phát sinh ở sự kết ước hay sự phạm pháp.

Sự bồi thường do Tòa hình kết án vợ là bình diện dân sự của sự phạm pháp của dân tố quyền do các chủ nợ ứng dụng song hành với công tố quyền, không phải là một hình phạt.

(PA 26-5-1965 PLTS 1966 số I trang 55)

263.— LY THÂN GIỮA HAI NGƯỜI PHÁP. VẤN ĐỀ PHỤ PHỤ TÀI SẢN. LUẬT PHÁP ÁP DỤNG.

Theo bộ Dân Luật Pháp Quốc, tình trạng phu phụ ly thân đưa đến việc phu phụ biệt sản, trái lại theo luật gia đình Việt Nam, sự ly thân không chấm dứt chế độ cộng đồng tài sản.

Theo quốc tế Tư Pháp, việc ly thân giữa hai ngoại kiều cùng quốc tịch được luật pháp quốc gia của các ngoại kiều ấy chi phối, ngoại trừ trường hợp liên quan đến trật tự công cộng và sự trốn tránh pháp luật. Luật quốc gia của các đương sự là Bộ Dân Luật Pháp quốc về vấn đề ly thân không trái với trật tự công cộng Việt-Nam, vì luật Gia đình cũng dự liệu sự ly thân.

(TT Saigon 7-3-1959 PLTS 1960 Số IV trang 56)

264.— TRANH CHẤP VỀ LUẬT PHÁP. HÔN SẢN. LUẬT MỚI. KHÔNG CHI PHỐI CHẾ ĐỘ HÔN SẢN PHÁP ĐỊNH CỦA VỢ CHỒNG HÔN THỨ TỪ TRƯỚC. LUẬT MỚI. NĂNG CÁCH. ÁP DỤNG NGAY.

LUẬT GIA ĐÌNH. ĐIỀU 50 KHOẢN I. ĐỊNH NGHĨA DANH TỪ KẾT TRÁI : VAY NỢ. PHẠM VI SỰ VAY NỢ.

I.— Trừ trường hợp có điều khoản qui định khác, một đạo luật mới nếu có thay thế chế độ hôn sản pháp định vẫn hiện hành hay có sửa đổi một vài điểm của chế độ này thì, đạo luật mới kể trên không thể chi phối các người phối ngẫu đã giá thú trước ngày ban hành luật mới, và ngay cả tương lai. Vợ chồng này vẫn chịu sự chi phối của luật lệ cũ, và luật mới chỉ áp dụng cho vợ chồng lập hôn thú từ ngày ban hành luật này.

Tuy nhiên trong luật mới riêng các điều khoản liên quan đến thân trạng và khả năng hai vợ chồng phải được áp dụng ngay và cả đối với vợ chồng đã lập hôn thú dưới chế độ cũ.

Nhưng dù sao, theo chiều hướng án lệ mới nhất, khi đồng hóa chế độ hôn sản pháp định cũ tại Việt-Nam với chế độ hôn sản pháp định của hai bộ D.L.B. và D.L.T. thì sự phân dụng luật lệ về hôn sản trong thời gian không thành vấn đề, vì luật ngày 2-1-1959 đã giữ nguyên chế độ cộng đồng tài sản do hai bộ luật trên đã qui định, ngoại trừ những điều khoản về khả năng và quyền hạn của vợ chồng (Điều này án văn chú thích không đề cập đến nhưng tác giả đã nêu lên).

II.— Động từ « kết trái » của điều 50 khoản I luật ngày 2-1-1959 có nghĩa là vay nợ. Nhưng để dung hòa hai khái niệm, một là bảo vệ gia đình một cách đầy đủ đối với sự phá tan của một trong hai người phối ngẫu, hai là khỏi trở ngại cho sự điều hành của gia đình, danh từ « vay nợ » trên đây phải bao gồm mọi kết trái về lợi ích tài sản như vay mượn, hốt hụi; mua chịu, bảo lãnh cho người khác v.v... không có tính cách nhu cầu gia vụ hay trong phạm



vi hành nghề riêng biệt cùng quá vượt mức tài lực của hai người phối ngẫu, yếu tố mà tòa nội dung có quyền chuyên độc thẩm định, đối chiếu với tài lực, địa vị xã hội của đôi vợ chồng cùng giá trị tài sản của sự kết trái.

(TT Saigon 16-2-1963 PLTS 1963 số II trang 130)

265.— NỢ CỦA VỢ. CHẾ ĐỘ ĐIỀN THỎ. SẮC LỆNH NGÀY 21-7-1925 ĐIỀU 287. BẤT ĐỘNG SẢN ĐỪNG MỘT MÌNH TÊN CHỒNG. RIÊNG VỢ BỊ ÁN BUỘC PHẢI TRẢ NỢ. CƯỠNG BÁCH PHÁT MẠI BẤT ĐỘNG SẢN CỦA CHỒNG. KHÔNG THỀ ĐƯỢC.

Theo điều 287 Sắc lệnh điền thổ ngày 21-7-1925 nếu số nợ không được bảo đảm bằng những bảo chứng đối vật, tới kỳ hạn người chủ nợ, không được trả nợ, chỉ có thể cưỡng bách phát mại bất động sản của người thiếu nợ nếu có án nhất định buộc người này phải trả nợ, án này là chứng khoán chấp hành đối với người thiếu nợ.

(PA 27-12-1961 PLTS 1962. II. 7)

266.— NỢ THƯƠNG MẠI. VỢ ĐƯỢC PHÉP CHỒNG CHO LÀM THƯƠNG MẠI KÝ TÊN VAY NỢ.

Theo điều 5 bộ luật thương mại, chồng phải chịu trách nhiệm nợ thương mại do vợ ký tên nếu hai vợ chồng sống dưới chế độ cộng đồng tài sản.

Dẫu rằng vợ chồng sống dưới chế độ phụ phụ biệt sản đi nữa, chồng đã cho phép vợ làm thương mại; phải chịu trách nhiệm về những số nợ do người vợ ký.

Ít ra của cải của gia đình phải gánh chịu món nợ chiếu điều 54 Luật gia đình.

(TT Saigon 7-11-1959 PLTS 1960 số II trang 42)

267.— HÔN SẢN. KHÔNG CÓ HÔN ƯỚC. GIÁ THỨ LẬP TẠI CHỢ LỚN NĂM 1940. LY DỊ TUYÊN BỐ NĂM 1957. TÀI SẢN CHUNG. QUYỀN SỞ HỮU CỦA CHỒNG.

Giá thú lập không hôn ước tại Chợ Lớn năm 1940, sự ly dị tuyên vào năm 1957 (trước Luật gia đình) vậy tài sản chung gồm có một số động sản và một ngôi nhà cất trên đất của người khác, trong thời kỳ hôn thú, thuộc quyền sở hữu của người chồng.

(PA 27-11-1963 PLTS 1964 số III trang 7)

## 268.— VỢ CÓ CỦA RIÊNG.

Luật Gia Long không có điều khoản nào rõ rệt nói đến hôn sản.

Tục lệ do luật Hồng Đức điển chế và phản ảnh rõ rệt trong các bộ Dân Luật Bắc, Dân Luật Trung. Bộ Luật Gia đình và Sắc luật ngày 23-7-1964, công nhận giữa vợ chồng không hôn ước, có cộng đồng tài sản và người vợ có của riêng, dẫu rằng giá thú lập trước ngày 2-1-1959 tại miền Nam Việt Nam.

(PA 29-9-1965 PLTS 1966 số II trang 13)

## VỢ CÓ CỦA RIÊNG (X. 260).

## 269.— VỢ CHỒNG KHÁC QUỐC TỊCH. LUẬT ÁP DỤNG. CHẾ ĐỘ HÔN SẢN PHÁP ĐỊNH THEO LUẬT VIỆT-NAM.

Đề án định luật lệ nào qui định chế độ hôn sản thuần nhất giữa hai vợ chồng khác quốc tịch án lệ và học thuyết đã áp dụng nguyên tắc tự quyết của tự ý (principe de l'autonomie de la volonté) theo đó thì hai bên hôn phối phải được phỏng đoán là đã mặc nhiên chọn một chế độ pháp định. Chế độ pháp định này được phỏng đoán là chế độ áp dụng ở nơi hai người định đặt cơ sở hôn nhân; nhưng cơ sở hôn nhân không phải là sự kiện duy nhất mà cũng không phải là sự kiện quan trọng nhất để Tòa án quyết định: Tòa có thể lưu ý đến các sự kiện khác, nếu xét ra các sự kiện ấy quan trọng hơn, để tìm xem khi lập hôn thú hai bên đã có ý định theo chế độ thường luật áp dụng ở nơi nào.

Luật số 1159 cũng như Sắc luật 15164 đã công nhận chế độ hôn sản thường luật là chế độ cộng đồng tài sản, như đã qui định trong hai bộ D.L.B và D.L.T.

Người chồng không có toàn quyền xử dụng khối cộng đồng tài sản. Sự đoạn của chung phải được hai vợ chồng ưng thuận, nếu không, người phối ngẫu thông ưng thuận có quyền xin xử tiêu.

Khác với chế độ cộng hữu thường, trong chế độ hôn sản, một người phối ngẫu không thể xử dụng phần cộng hữu của mình trong khi khối cộng đồng còn tiếp tục.

(TT Saigon 12-5-1966 PLTS 1967 số I trang 99)

## HÔN THỮ

270.— CẤM TRỊ SẢN. TRANH CHẤP LUẬT PHÁP. CẤM TRỊ SẢN TÀI PHÁN. NGƯỜI BỊ CẤM QUYỀN CỐ NGOẠI TỊCH. LUẬT PHÁP ÁP DỤNG. QUỐC LUẬT. PHẠM VI QUỐC LUẬT.

CẤM TRỊ SẢN TÀI PHÁN. HÔN THỮ. ĐƯỢC PHÉP. ĐIỀU KIỆN. KHI HÔN THỮ TÌNH TRÍ. NGHĨA VỤ DẪN CHỨNG. BỊ ĐƠN TRONG THỦ TỤC XIN XỬ TIÊU HÔN THỮ VÌ BỊ CẤM QUYỀN.

I.— Theo hệ thống luật tư pháp quốc tế của Pháp quốc được Tòa án Việt Nam chuẩn nhận, sự cấm trị sản tài phán qui định bất năng cách một đương sự cũng như mọi định chế liên quan đến thân trạng đều do quốc luật của người vô năng chi phối và phạm vi quốc luật này chi phối cả điều kiện nội dung cùng hiệu lực của chế tài cấm trị sản tài phán.

II.— Tổ quyền di nghị sự khai nhận con tư sinh buộc khi hành sử tổ quyền phải chống lại đứa trẻ được nhìn nhận và nếu đứa trẻ vị thành niên thì sẽ được đại diện pháp định thay mặt, nếu hai người này có quyền lợi trái nghịch với quyền lợi của đứa trẻ thì sẽ cử một người giám hộ đặc định.

III.— Theo luật người bị cấm trị sản khi tinh trí có quyền kết hôn, vì, về hôn thú người ta không thể thừa nhận sự vô hiệu nào ngoài các sự vô hiệu đã được luật pháp minh định thừa nhận. Trong bộ D.L.P. nơi đề mục hôn thú không có qui định điều nào cho rằng vô hiệu hôn thú của kẻ bị cấm quyền và điều 502 D.L.P. không thể áp dụng cho chế tài hôn thú, chế tài này đã có đầy đủ điều luật qui định, điểm này công tác tranh luận tại quốc hội Pháp đã chứng minh cũng như luật lý và án lệ cố định đều thừa nhận.

Vì vậy hôn thú do người bị cấm trị sản đứng lập không phải đương nhiên mà chỉ có thể bị xử tiêu nếu không chứng minh hôn thú tương tranh đã được cử hành vào lúc đương sự tinh trí, và trong trường hợp này, kẻ bị đơn trong thủ tục xin xử tiêu hôn thú vì thác loạn tinh thần có nghĩa vụ phải dẫn chứng.

Về thể thức dẫn chứng trong loại vụ có thể xuất sinh từ trước và sau lúc cử hành hôn lễ cũng mọi sự ước đoán khiến có thể tạo xác tín là giờ phút trọng thể cử hành hôn lễ can nhân có tinh trí.

(TT Saigon 15-12-1962 PLTS 1963 số 1 trang 105)

271.— HIỆU LỰC TỨC THỜI CỦA LUẬT PHÁP : HIỆU LỰC CỦA MỘT ĐẠO LUẬT MỚI ĐỐI VỚI MỘT TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ HIỆN HỮU. ĐỐI VỚI MỘT HÀNH VI PHÁP LÝ ĐÃ THÀNH TỰU.

HIỆU LỰC CỦA PHÁN QUYẾT TIÊN THẨM : KHÔNG CÓ HIỆU LỰC RÀNG BUỘC TÒA CHÍNH VỤ.

SỰ VÔ HIỆU CỦA HÔN THỨ : TRƯỜNG HỢP HÔN THỨ THÀNH LẬP TRONG THỜI KỲ TẠNG CHẾ ; ẢNH HƯỞNG CỦA BỆNH THẦN KINH (LOẠN TRÍ) ĐỐI VỚI SỰ ỨNG THUẬN CỦA NGƯỜI PHỐI NGẦU ; ĐỐI VỚI TÌNH TRẠNG SINH LÝ CỦA NGƯỜI NÀY.

Do hiệu lực tức thời của luật pháp, một đạo luật mới quy định về vấn đề gì phải áp dụng mọi tình trạng pháp lý hiện hữu thuộc vấn đề ấy.

Riêng về hôn thú, mặc dầu luật mới đặt ra những điều kiện khắt khe hơn, hôn thú thành lập theo pháp chế cũ vẫn hữu hiệu.

Nhưng luật mới hủy bỏ một điều kiện của pháp chế cũ thì hôn thú dẫu có vi phạm điều kiện này vẫn hữu hiệu, vì sự vô hiệu đã được chính luật pháp bao yểm.

Án văn dự bị, và cả án văn dự quyết đều không ràng buộc Tòa chính vụ (*l'interlocutoire ne lie pas le juge*) vì lẽ cả hai loại án văn đều chưa quyết định gì về chính vụ.

Án văn dự quyết chỉ có một hậu quả, là buộc Tòa nguyên thẩm phải đợi án ấy đã thi hành mới thẩm định được về nội dung.

Ngoài ra Tòa chính vụ có toàn quyền thẩm lượng, về kết quả sự thi hành; có cả quyền xử trái ngược với kết quả ấy.

Trái với D.L.T. (và D.L.B) luật ngày 2-1-1959 không cấm thành hôn trong thời kỳ tang chế cha mẹ; đó không còn là một nguyên nhân tiêu hôn nữa.

Bệnh điên cuồng (loạn trí) tuy không là nguyên nhân tiêu hôn nhưng nếu vì bệnh ấy, một bên nam nữ không thể đã ưng thuận sáng suốt thì hôn thú coi như vô hiệu theo điều 28 luật ngày 2-1-1959 hoặc vô hiệu theo điều 82 D.L.T và đây là một sự vô hiệu tuyệt đối.

Sự bắt lực vĩnh viễn đã có từ trước của một người phối ngẫu là một duyên cớ tiêu hôn theo điều 30 luật ngày 2-1-1959 người phối ngẫu mắc bệnh điên cuồng loạn trí làm cho không giao dịch sinh lý được cũng ở vào tình trạng sinh lý như người bắt lực, do đấy hôn thú có thể bị tiêu.

(*TT Saigon 8-II-1962 PLTS 1963 số III trang 147*)

272.— LUẬT GIA ĐÌNH. LÝ DO TIÊU HÔN. SỰ LÀM LẤN VỀ NGƯỜI.

Sự lầm lẫn về những đặc tính của một người hôn phối như lầm lẫn về tư cách và tài đức của người này, miễn là có tánh cách quyết định cho việc hôn nhân, là một sự lầm lẫn về người, định trong điều 28 Luật Gia Đình.

Người hôn-phối bị lầm lẫn có thể nêu sự lầm lẫn đó để xin tiêu hôn.

(*TT Saigon 22-8-1960 PLTS 1960 số III trang 91*)

## HỤI

273.— HỤI. TRÁCH NHIỆM CỦA GIA ĐÌNH VỀ HỤI CỦA VỢ. VỢ CHỒNG KHÔNG CÓ HÔN THỨ. TÌNH TRẠNG BỀ NGOÀI.

Hai người ăn ở không có hôn thú, nhưng họ đã tạo thành tình trạng bề ngoài là một vợ chồng chánh thức, thì người đàn ông phải chịu trách nhiệm về hành động của người đàn bà như của người vợ chánh thức.

Theo tục lệ Việt-Nam, người vợ chơi hội nhằm mục đích gây lợi chung cho gia đình, gia đình cùng hưởng, thì gia đình phải cùng gánh vác trách nhiệm trả tiền hội.

(*TT Saigon 28-8-1958 PLTS 1958 số IV trang 15*)

HỤI. QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỤI VIÊN. ÚP NGANG HỤI.

Khi tham dự một bát hội, hội viên có nghĩa vụ phải đóng phần hội theo kỳ hạn ấn định và ngược lại có quyền thủ đắc phần lời do hội viên hốt được hội gánh chịu cùng đòi hỏi số vốn hội, trong trường hợp đương sự hốt được hội.

Hành vi úp ngang hội của chủ hội đã có hậu quả làm cho hội viên không được hưởng các quyền lợi kể trên. Đề đền bù tổn thất này, hội viên sống phải được giữ nguyên tiền lời mà đương sự đã thủ đắc, không phải do hành vi của chủ hội mà do sự bỏ lời của hội viên đã hốt hội.

(*TT Saigon 15-4-1961 PLTS 1961 số II trang 78*)

274.— SANG PHẦN HỤI VỚI SỰ ỨNG THUẬN CỦA ĐẦU THẢO.

Một hụi viên đã hết phần hụi của mình rồi và phần hụi chết lại cho người khác với sự ửng thuận của đầu thảo, thì kể như là người ngoại cuộc, không dính líu gì với vụ hụi nữa. Nếu không có sự cam kết rõ rệt của y thì hụi viên này không phải bị liên đới trả tiền cho đầu thảo số bạc thiếu nếu hụi viên mới thế y sang chân hụi không đóng góp hụi.

(*TT Saigon 1-10-1950 PLTS 1950 số IV trang 69*)

275.— TÍNH CÁCH PHÁP LÝ CỦA SỰ CHƠI HỤI. TƯ CÁCH ĐẠI NHIỆM CỦA CHỦ HỤI MỐI LIÊN HỆ PHÁP LÝ GIỮA CÁC HỤI VIÊN VỚI NHAU. TỔ QUYỀN CỦA CÁC HỤI VIÊN ĐỐI VỚI CÁC HỤI VIÊN ĐÃ HẾT RỒI.

Hụi là một thể chế pháp lý đặc biệt không phải là một hụi hay một công ty. Các hụi viên không hề kết ước trực tiếp với nhau hay một pháp nhân, nhưng riêng biệt, đã kết ước với người chủ hụi, có bao nhiêu hụi viên là có bằng ấy kế ước riêng.

Khi kết ước với chủ hụi, mỗi hụi viên đều biết là trên thực tế, họ đã kết ước với toàn thể các hụi viên, và với tư cách đại nhiệm cho các hụi viên, chủ hụi đã đề ra cho họ trái khoản cùng buộc họ phải có nghĩa vụ, như vậy, chủ hụi là người đại nhiệm, lúc đầu là quản lý sự vụ và về sau trở thành người thụ ủy khi sự chấp thuận của mỗi hụi viên đã biến đổi sự quản lý thành sự ủy nhiệm.

Đối tượng của sự ủy nhiệm trong việc « chơi hụi » là sự mở thái trưng hay sự cấp vốn của mỗi hụi viên cho mỗi hụi viên khác cùng ngược lại, mỗi hụi viên cam đoan rằng sau khi hết được hụi, sẽ trả sòng phẳng số tiền còn thiếu theo thể lệ đã chấp thuận.

Vì vậy, nếu hụi viên nào khiêm khuyết nhiệm vụ, không đóng tiền hàng tháng sau khi hết được hụi, thì các hụi viên khác có quyền trực tiếp đòi hỏi.

(*TT Saigon 11-3-1961 PLTS 1961 số I trang 73*)

## 276.— TỐ QUYỀN TRỰC TIẾP

Chủ hội là thụ ủy tất cả các hội viên, nhận tiền góp của họ để đóng cho người nào hết được hội.

Do sự ủy quyền ấy, nếu chủ hội bỏ dở, những hội viên đã đóng một phần tiền mà chưa hết hội, có thể trực tiếp đòi các hội viên đã hết rồi phải trả những số tiền mà họ còn phải đóng cho chủ hội đến khi mãn hội.

(PA 27-I-1965 PLTS 1966 số I trang 5)

## LƯƠNG GẠT HỘI (X. ÁN LỆ VỀ HÌNH SỰ. HỘI)

## HƯƠNG HỎA

## 277.— BẤT KHẢ CHUYỂN DỊCH CỦA TÀI SẢN HƯƠNG HỎA.

Theo tập quán và án lệ thì tài sản hương hỏa không thể chuyển dịch trừ trường hợp xét ra cần thiết, đại hội đồng gia tộc cho phép cải dụng.

Việc cố hay mãi lai thực một bất động sản đều có tính cách chuyển dịch một bất động sản.

Khi việc cầm cố hoặc mãi lai thực tài sản hương hỏa không được toàn thể hội đồng gia tộc ưng thuận mà chỉ có một phần tộc viên đứng ký tên thì các tộc viên khác đều có quyền khiếu nại không cần phải có sự biểu quyết của hội đồng gia tộc.

(TT Saigon 16-6-1955 PLTS 1955 số III trang 31)

## TÍNH CHẤT BẤT KHẢ CHUYỂN DỊCH. BẤT KHẢ THỜI TIÊU.

Hương hỏa không thể bị thời tiêu, không thể bị tịch biên và cũng không thể được bán cùng cầm cố, trừ ra trong vài trường hợp mà án lệ đã quyết định.

Muốn bán đất hương hỏa tất cả những người trong gia tộc phải họp lại cùng bàn tính và lập vi bằng và quyết định này phải được Tòa án chuẩn phê và cho phép.



Nhưng Tòa án chỉ cho phép bán khi nào trong gia tộc không còn người nào là trai vì gia đình đã trở nên quá nghèo không thể tiếp tục phụng thờ tổ tiên nữa.

(*TT Saigon 13-10-1953 PL số 3 trang 5*)

278.— BẤT KHẢ THỜI TIÊU.

Tánh cách bất khả chuyển dịch của tài sản hương hỏa hàm súc tánh cách không bị tiêu diệt thời hiệu.

Người chiếm hữu tài sản hương hỏa không thể viện lẽ rằng đã thủ đắc quyền sở hữu vì thời hiệu.

Tánh cách bất chuyển dịch của tài sản hương hỏa có liên quan đến trật tự công cộng.

(*TT Saigon 13-12-1956 PLTS 1957 số 1 trang 25*)

BẤT KHẢ THỜI TIÊU.

Theo án lệ và tục lệ vững chắc thì đất hương hỏa không thể đem bán được và cũng không thể thời tiêu nghĩa là người chiếm hữu một sở đất hương hỏa không thể trở thành người có quyền sở hữu đất ấy trên 40 năm.

(*ST Mỹ Tho 5-6-1956 PLTS 1956 số IV trang 62*)

279.— CẢI DỤNG. TÍNH CHẤT PHÁP LÝ. RUỘNG HƯƠNG HỎA QUÁ 15 MẪU. TRUẤT QUYỀN THỪA HƯỞNG. MẤT TÍNH CÁCH HƯƠNG HỎA.

KỶ ĐIỀN. HỘI ĐỒNG GIA TỘC. CHIA RUỘNG CHO NGÀNH THỨ ĐỀ LÀM GIỎ. CẢI DỤNG.

I.— Chiếu theo Điều 26 Dự số 57 ngày 22-10-1956 và điều I Sắc Lệnh ngày 22-11-1957 tòa điền địa có thẩm quyền xét xử những « vi phạm và tranh tụng xảy ra trong khi thi hành dự » ấy ; những tranh tụng này thuộc về sự thực hiện chính sách điền địa mà đối tượng là truất hữu những địa chủ có quá nhiều ruộng

đất, để hữu sản hóa một số người ấn định ở điều 12 chỉ Dụ, mà luật pháp cho là đặc biệt đáng nâng đỡ.

Sự tranh chấp xảy ra giữa những đồng thừa kế về sự phân chia ruộng hương hỏa bị cải dụng vì quá 15 mẫu và sự phân chia đất hương hỏa, tấuộc về tính chất pháp lý của các ruộng ấy, không thuộc thẩm quyền của tòa đặc biệt điền địa vì không thuộc phạm vi đối tượng của sự cải cách điền địa.

Chiều điều 5 Dụ số 57 ngày 22-10-1957 diện tích phần đất hương hỏa không được quá 15 mẫu tây ruộng hương hỏa, thặng dư quá 15 mẫu đã mất tính cách hương hỏa, vì luật đã truất quyền thừa hưởng của những người thừa tự chính thức, vậy sự phân chia những ruộng này không vi luật.

Hội Đồng Đại Tộc đã cải dụng hương hỏa ra ký điền khi chia cho các ngành con trai thứ một phần hương hỏa với sự thỏa thuận của ngành trưởng và buộc mỗi ngành thứ được hưởng ruộng phải làm mỗi năm hai cái giỗ, hội đồng đại tộc có quyền quyết định việc cải dụng và phân chia như trên.

(PA 27-1-1965 PLTS 1965 số III trang 3)

(TT Saigon 1-6-1961 PLTS 1961 số IV trang 68.)

## 280.— CẢI DỤNG THÀNH CỦA TƯ HỮU THƯỜNG. HÀNH VI QUẢN TRỊ CỦA HƯƠNG HỎA TRƯỚC. ĐỐI KHÁNG VỚI CÁC ĐỒNG THỪA KẾ CỘNG CHỦ.

Theo điều 426 D.L.B. và 435 D.L.T. người ấn hương hỏa có quyền và có nghĩa vụ quản trị và gìn giữ của cải giao cho mình và trong công tác quản nhiệm này; người thừa tự có quyền quản trị như người ứng dụng thu lợi thường tức có quyền hưởng dụng tất cả các huê lợi của hương hỏa và có thể tự mình khai thác hoặc cho thuê, vì nếu của hương hỏa bất khả đoạn mãi thì có thể đem cho thuê, mượn, thuê mượn với ước hạn bao nhiêu mặc lòng, dù ngay đến 9 năm đi nữa, vì thuê mượn vốn là hành vi quản trị.

Của hương hỏa trước đây đã được kẻ thừa tự cho huê mướn nếu sau này có được cải dụng ra thành của tư hữu thường thì các đồng thừa kế, cộng hữu tài vật sau này chỉ là thụ quyền của kẻ thừa tự nên không quyền chỉ trích hành vi quản trị hợp lệ trên của người ăn hương hỏa.

(*TT Saigon 25-8-1966 PLTS 1966 số IV trang 141*)

281.— **CÔNG GÁI HƯỞNG HƯƠNG HỎA. TÍNH CÁCH TRẬT TỰ CÔNG CỘNG.**

Hương hỏa là một phần tài sản sung dụng vào việc phụng thờ gia tiên, hương hỏa phải giao cho trưởng tử rồi truyền cho đích tôn.

Chỉ khi người lập hương hỏa là con thứ; không đứng, thừa tự và không có con trai, thì mới có thể lập con gái đứng hưởng hương hỏa để phụng tự mình.

Quy tắc lập hương hỏa cũng như quy tắc truyền kế hương hỏa có tính cách trật tự công cộng vì liên quan đến tổ chức gia đình Việt Nam.

Những quy tắc đã được ghi trong các bộ luật dân sự Bắc phần và Trung phần, coi như chính văn của tục lệ.

(*PA 29-8-1962 PLTS 1962 số IV trang 3*)

(*X. HGRQ. BIÊN-HÒA 21-4-1961 PLTS 1964 số I trang 180*)

282.— **CÔNG BỐ VÀO ĐỊA BỘ CHỨNG THU HƯƠNG HỎA.**

Theo nguyên tắc, thì người nào muốn xin hủy việc mua bán đất hương hỏa, phải trình bằng có là người mua biết tính cách hương hỏa của sở đất khi họ mua.

Chỉ có sự ghi tính cách hương hỏa một số đất vào địa bộ mới được kê như đã công bố một cách hợp thức và do đó mới có giá trị đối với đệ tam nhân, chớ sự ghi vào sổ địa chánh không có giá trị kê trên.

Theo án lệ, người lập hương hỏa một sở đất có quyền phá tính cách hương hỏa của sở đất đó, không phân biệt là sở đất ấy lập để thờ phụng họ sau khi họ chết, hay thờ phụng tổ tiên và ông bà, việc bán sở đất hương hỏa cho một đệ tam nhân là có nghĩa muốn hủy bỏ tính cách hương hỏa của sở đất đó, chỉ những người thừa hưởng sau khi người lập hương hỏa chết mới phải tuân theo tục lệ cấm bán đất hương hỏa.

(*TT Saigon 29-8-1957 PLTS 1958 số II trang 32*)

### BẤT ĐỘNG SẢN LẬP LÀM HƯƠNG HỎA.

Căn cứ vào các điều 394 và 395 Dân Luật Bắc Việt thì người nào muốn lập hương hỏa phải nói rõ ý muốn trong giấy má hoặc chứng thư từ trước chưởng khế viên, chứng thư có hay không có chức dịch thị thực, giấy chia gia tài, hoặc chứng thư riêng và phải nói rõ để thờ cúng ai.

Danh từ «nhà thờ» để định tính cách một bất động sản trong một chứng thư phân sản, không đủ để chứng minh việc thiết lập hương hỏa.

Chiếu điều 397 Dân Luật Bắc Việt, thì tài sản lập làm hương hỏa phải đăng ký vào địa bạ, để các đệ tam nhân biết rõ mà khỏi mua lầm, vì của hương hỏa không được chuyển dịch và không bị mất thời hiệu. Việc đăng ký này là một điều kiện cần thiết.

(*ST Hải Phòng 5-3-1953 PLTS 1955 số I trang 182*)

### CUNG THÁC (X. 150)

#### 283.— CUNG THÁC VÀ QUẢN TRỊ TÀI SẢN. HƯƠNG HỎA.

Theo án lệ vững chắc, thì hũe lợi đất hương hỏa với công dụng đặc biệt của nó là sung vào sở phí thờ phượng cúng giỗ tổ tiên, nên không được khai thác.

Án lệ cũng công nhận việc quản trị của cải đất đai hương hỏa thuộc thẩm quyền đại hội nghị gia tộc định đoạt, như vậy án lệnh khẩn cấp cử người đệ tam đề quản trị hương hỏa tương tranh, trái với nguyên tắc nêu trên, phải bị hủy bỏ.

Vi huê lợi hương hỏa có công dụng đặc biệt là để thờ phụng tổ tiên nên không được cung thác.

(*TT Saigon 17-4-1958 PLTS 1959 số III trang 30*)

284.— CHỈ ĐỊNH NGƯỜI ĂN HƯƠNG HỎA. THẺ THỨC THÀNH LẬP. TÀI SẢN DÙNG LÀM HƯƠNG HỎA. PHẠM VI ÁP DỤNG SẮC LỆNH 1925 VỀ HƯƠNG HỎA.

Vật quyền hương hỏa trên một thửa đất tuy không được đăng ký nơi bằng khoán điền thổ nhưng dữ kiện này không chịu sự chi phối của các điều 362 và 363 sắc lệnh 1925, đề đương sự thụ hưởng không thể dành quyền, sau khi bất động sản đã được đăng tịch. Vì riêng bằng khoán điền thổ là có tính chất bất khả bài xích và mọi tổ quyền đề đòi một vật quyền không được nại ra trong thời kỳ điều tra và đưa đến kết quả là bán cải lại quyền sở hữu một bất động sản theo chế độ điền thổ mới đều bất khả chấp nhận. Nhưng các đảm phụ đối vật khác cùng mọi vật quyền không phải là quyền sở hữu vẫn có thể lâm thời tranh nại và đưa ra tòa đề xin đăng ký miễn là sự đăng ký này không di hại đến quyền lợi của kẻ đệ tam và chỉ có hiệu lực kể từ ngày đăng ký.

Tuy của hương hỏa được luật pháp dành cho hội nghị gia tộc hoặc người lập hương hỏa tùy nghi thiết lập cùng ấn định tỷ lệ tài sản tạo thành, nhưng vì định chế này liên quan đến trật tự công cộng và đến sự tổ chức gia đình, nên sự chỉ định người ăn hương hỏa phải theo luật pháp và tục lệ. Sự chỉ định người ăn hương hỏa trái với thứ tự luật pháp hay tục lệ sẽ bị coi là vô hiệu, sự vô hiệu ấy có thể do tòa tự ý nêu ra hoặc do bất kỳ người nào nêu ra.

Theo nguyên tắc thì khi lập hương hỏa, người được hưởng đương nhiên phải là người con trưởng trong gia đình, chỉ khi nào không có con trai trưởng và không có cháu trai thì của hương hỏa mới có thể giao cho một chi khác, và thứ tự để ăn hương hỏa không thể do người lập hương hỏa hay do đại hội đồng gia tộc thay đổi được.

Theo điều 395 D.L.B. và điều 401 D.L.T. cùng án lệ Nam Việt, về hình thức, sự lập hương hỏa giữa các thừa kế với nhau chỉ cần phải làm bằng giấy tờ, bất kể do chương khế lập hay chứng thư do viên chức thị thực hay bằng tư chứng thư hay trong chúc thư, trong san thư và chỉ khi nào muốn đối dụng với kẻ đệ tam thì luật lệ mới buộc việc lập tư sản này phải được đăng ký vào địa bộ ở làng nơi tọa lạc bất động sản.

Vì vậy, nơi chúc ngôn vô hiệu, vì không hội đủ điều kiện để cấu thành chúc thư, nếu người quá cố đã minh định ý chỉ lập của hương hỏa thì sự tạo lập này vẫn có giá trị.

Tài sản dành làm của hương hỏa có thể bao gồm toàn bộ di sản người đứng lập hương hỏa, miễn là không quá phần lưu tri 15 mẫu theo dụ số 57 ngày 22 tháng 10-1956, thì, vẫn có giá trị cho đến khi có thừa kế xin giới hạn theo luật lệ về hương hỏa.

(*TT Saigon 5-3-1966 PLTS 1967 số II trang 115*)

#### CHỈ ĐỊNH NGƯỜI ẪN HƯƠNG HỎA (X. 81)

285.— DI CHỨC. HIỆU LỰC ĐỐI KHÁNG GIỮA CÁC THỪA KẾ. ĐĂNG KÝ. HIỆU LỰC ĐỐI VỚI ĐỆ TAM NHÂN.

Sự ghi chú một bất động sản là hương hỏa trong di chúc chỉ có hiệu lực đối kháng giữa các thừa kế, còn đối với người đệ tam của hương hỏa chỉ có tính cách ấy nếu đã được đăng ký.

(*PA 23-2-1966 PLTS 1967 số I trang 7*)

286.— ĐĂNG KÝ HƯƠNG HỎA. QUYỀN TRUẤT BỎ HƯƠNG HỎA CỦA CHÍNH NGƯỜI ĐÃ LẬP HƯƠNG HỎA.

Hương hỏa không phải là một việc ân tặng mà là một định chế riêng biệt có những phép tắc riêng biệt.

Việc lập hương hỏa không cần phải đăng ký mới đối kháng được với thừa kế vì những người này không phải là những người đệ tam.

Người lập hương hỏa đề sau này con cháu cúng giỗ chính mình, có quyền hủy bỏ hương hỏa ấy.

Việc lập hương hỏa chỉ thành nhất định và phát sinh hậu quả khi nào người lập hương hỏa hay người phụng sự đã chết, vì trật tự công cộng không cho phép thờ cúng một người còn sống, cũng như không cho phép làm cho tài sản trở thành bất đắc chuyển nhượng ngay khi sanh thời người sẽ được phụng tự.

(*TT Saigon 10-8-1961 PLTS 1662 số III trang 41*)

287.— ĐOẠN MÃI. NGƯỜI ĐOẠN MÃI. CHÍNH NGƯỜI THÀNH LẬP HƯƠNG HỎA HỦY BỎ.

Hương hỏa chính mình thành lập, nếu đã mang đoạn mãi cho người khác, thì được coi là sự lập hương hỏa đã được truất bãi, nhất là những người đứng bán là đại diện toàn thể các chi hợp lại thành hội đồng đại tộc.

(*TT Saigon 18-5-1961 PLTS 1961 số III trang 71*)

288.— HƯƠNG HỎA. SỰ LẬP HƯƠNG HỎA. ĐIỀU KIỆN HÌNH. HÌNH THỨC. CHỨNG THƯ.

Theo điều lệ 1 dưới điều khoản 87 Luật Gia Long « các của hương hỏa phải khắc vào bia đá, việc lập hương hỏa phải báo quan (đề ghi vào địa bộ) hay là người trong gia tộc đứng ra kiện (việc con cháu bán hương hỏa) phải trình bằng chứng viết (nghị đơn) và việc

kiện sẽ đem ra xét xử theo luật lệ » (kỳ tự sản, nghĩa điền, lĩnh lạc thạch, báo quan, hoặc tộc đản tự lập nghị đơn công cứ, phương chuẩn án lệ trị tội).

Như vậy Luật Gia Long cũng buộc phải có chứng thư lập hương hỏa.

(PA 25-10-1961 PLTS 1962 số II trang 3)

### 289.— PHÂN CHIA HƯƠNG HỎA.

Các thừa kế không thể xin phá tài sản hương hỏa để phân chia nếu không được hội đồng gia tộc cho phép.

Tòa án không thể xen vào việc chỉ định người thừa hưởng hương hỏa, vấn đề này thuộc phạm vi quyền hạn của gia đình.

(TT Saigon 11-2-1960 PLTS 1960 số III trang 35)

### 290.— HƯƠNG HỎA. THỪA TỰ. QUYỀN HẠN. QUẢN TRỊ. CHO THUÊ Mướn. THỜI HẠN THUÊ Mướn. BẤT KÈ HỢP LỆ.

HƯƠNG HỎA. CẢI DỤNG THÀNH CỦA TƯ HỮU THƯỜNG. HÀNH VI QUẢN TRỊ CỦA HƯƠNG HỎA TRƯỚC. ĐỐI KHÁNG VỚI CÁC ĐỒNG THỪA KẾ CỘNG CHỦ.

Theo điều 426 D.L.B. và 435 D.L.T. người ăn hương hỏa có quyền và có nghĩa vụ quản trị và gìn giữ của cải giao cho mình và trong công tác quản nhiệm này, người thừa tự có quyền quản trị như người ứng dụng thu lợi thường thức có quyền hưởng dụng tất cả các huê lợi của hương hỏa và có thể tự mình khai thác hoặc cho thuê. Vì nếu hương hỏa bất khả đoạn mãi thì có thể đem cho thuê mướn, thuê với ước hạn bao nhiêu mặc lòng, dù ngay đến cả 9 năm đi nữa, vì thuê mướn vốn là hành vi quản trị.

Của hương hỏa trước đây đã được kẻ thừa tự cho thuê mướn nếu sau này có được cải dụng ra thành của tư hữu thường thì các



đồng thừa kế, cộng hữu tài vật sau này chỉ là thụ quyền của kẻ thừa tự nên không quyền chỉ trích hành vi quản trị hợp lệ trên của người ăn hương hỏa.

(*TT Saigon 25-8-1966 PLTS 1962 số II trang 41*)

**QUẢN TRỊ. XỬ DỤNG HUÊ LỢI.**

Đất hương hỏa cùng huê lợi không được nhượng dữ dầu là tạm thời dĩ nữa. Vô giá trị và vô hiệu việc, giao kết dùng một phần huê lợi đất hương hỏa để nuôi vợ con người thừa hưởng hương hỏa đã bỏ làng, không màng đến sự giỗ quây tồ tiên bỏ phể hương hỏa.

Khi người thừa hưởng hương hỏa qua đời để lại con trai vị thành niên, thì Hội đồng tộc phải đề cử một quản trị viên tạm thời để quản trị tài sản hương hỏa và cúng giỗ ông bà đến khi người thừa hưởng hương hỏa đến tuổi trưởng thành.

(*TT Saigon 9-7-1959 PLTS 1959 số IV trang 35*)

**291.— SƠ LẬP. TỔ TRUYỀN. LUÂN TRUYỀN. THỨ TỰ LUẬT ĐỊNH. LIÊN QUAN ĐẾN TRẬT TỰ CÔNG CỘNG.**

Hương hỏa sơ lập hay hương hỏa tổ truyền đều phải truyền theo thứ tự luật định, vì sự luân truyền hương hỏa cùng tính chất với sự luân truyền di sản và đều liên quan đến trật tự công cộng.

(*TT Saigon 1-6-1961 PLTS 1961 số IV trang 64*)

**292.— TỪ ĐƯỜNG. CHÚC THƯ CHIA DI SẢN. LẬP TỪ ĐƯỜNG VÀ HƯƠNG HỎA. TẠM CHIẾM TỪ ĐƯỜNG VÀ NẠP THUẾ NHÀ. DÙNG NHÂN CHỨNG HAY LUẬN THUYẾT ĐỂ CHỨNG TỎ QUYỀN NGHIỆP CHỦ.**

Trong vụ dưới đây, nhà tranh là một nhà từ đường do một chúc thư chia gia sản, đã giao cho một cháu gái đích tôn được ông nội lập làm thừa tự, vì lẽ « vô nam dụng nữ, vô tử dụng tôn » Nhà ấy đã bị con cháu chi khác tạm ở rồi tạm chiếm trong một thời

gian, nên người tạm chiếm đã nộp thuế nhà, xin trích lục địa bộ, khai thổ tịch... lợi dụng thời kỳ hỗn độn của chiến tranh về pháp lý, những giấy tờ ấy chỉ chứng tỏ một sự tạm chiếm và không có giá trị đáng kể để đem đối chiếu với phân thổ. Nhân chứng cũng như luận thuyết trong vụ này cũng không có giá trị. Chỉ phân thổ mới là bằng chứng cụ thể và chắc chắn của quyền nghiệp chủ cũng như về tính cách từ đường, hương hỏa của nhà tương tranh và tư cách của người thừa tự.

(*TT Huế 10-4-1957 PLTS 1958 số 1 trang 45*)

293.— **THẺ THỨC THÀNH LẬP. ĐẤT HƯƠNG HÒA. DI SẢN CHƯA CHIA. QUYỀN NGHIỆP CHỦ.**

Hương hỏa phải lập bằng giấy tờ theo thẻ thức định trong hộ luật và không ai có thể lập hương hỏa bằng miệng.

Muốn chứng minh một sở đất là di sản chưa chia của tờ phụ, trước tiên phải chứng minh quyền nghiệp chủ của tờ phụ đối với đất tương tranh.

Trong các vụ kiện về quyền nghiệp chủ, về pháp lý, khi nào có sự tranh chấp giữa các cách thức viên chứng thì các bằng chứng đáng chấp nhận theo thứ tự là giấy tờ nghiệp chủ chính thức như khế ước mãi mãi, phân thổ hay chúc thư, v.v... rồi đến trích lục địa bộ, cuối cùng đến việc chấp hữu.

(*TT Huế 2-3-1960 PLTS 1961 số III trang 92*)

294.— **THỨ TỰ, CHỈ ĐỊNH BỞI LUẬT PHÁP VÀ TỤC LỆ. HỘI ĐỒNG GIA TỘC. THAY ĐỔI THỨ TỰ. VÔ HIỆU. TRUẤT QUYỀN. QUYẾT NGHỊ. TÒA ÁN DUYỆT Y. LÝ DO KHÔNG VỮNG CHẮC, SAI SỰ THẬT. BÁC.**

Thứ tự người hưởng lương hỏa theo tục lệ Nam phần giống y như thứ tự định ở các điều khoản của Bộ Dân Luật Trung và Bộ Dân Luật Bắc (Đ. 416 D.L.T. và điều 409 D.L.B.)

Thứ tự này không thể do người lập hương hỏa hay Đại Hội Đồng Gia Tộc thay đổi, vì liên quan đến tổ chức gia đình.

Hội đồng gia tộc có thẩm quyền ghi nhận sự bất xứng của người hưởng hương hỏa và truất quyền người ấy : nhưng quyết nghị của Hội đồng gia tộc phải được Tòa án duyệt y. Mặc dầu không thể can thiệp trực tiếp vào công việc thờ cúng. Tòa án có thể từ chối không duyệt y khi quyết nghị không vững chắc và không đúng sự thật.

(PA 28-4-1965 PLTS 1966 số 1 trang 21)

295.— TRUẤT QUYỀN. CON TRAI TRƯỞNG THAY THẾ. ĐIỀU 421 DÂN LUẬT BẮC VÀ 430 DÂN LUẬT TRUNG. TÍNH CÁCH TRẬT TỰ CÔNG CỘNG.

Hương hỏa phải truyền cho trưởng tử cũng gọi là đích tử. Nếu đích tử chết phải truyền cho đích tôn. Nếu ngành trưởng không có con cháu trai, hương hỏa mới truyền sang ngành khác.

Trong trường hợp người hưởng hương hỏa bị truất quyền, lỗi cá nhân của y không có hậu quả làm mất quyền hưởng hương hỏa do luật định (Đ, 421 DLB và Đ : 430 DLT).

Quy tắc truyền kế hương hỏa có tính cách trật tự công cộng vì liên quan đến tổ chức gia đình Việt-Nam. Hội đồng đại tộc cũng như tòa án không có quyền thay đổi thứ tự thừa kế hương hỏa do luật định.

(PA 28-10-1964 PLTS 1965 số II trang 3)

296.— TRUẤT QUYỀN. HIỆU LỰC CỦA SỰ TRUẤT QUYỀN ĐỐI VỚI CON CÁI CỦA KẸ BỊ TRUẤT QUYỀN. DI SẢN THƯỜNG. CỦA HƯƠNG HỎA.

PHÁ ÁN. LÝ DO XIN PHÁ ÁN VÌ VI LUẬT. ĐIỀU KIỆN.

Con cái kẻ bị truất quyền, không phải chịu hậu quả cái lỗi của người cha, vẫn có quyền hưởng di sản, nhưng được hưởng do

tư cách của chính mình như tục lệ được xác nhận trong những điều 315 DLB và 307 DLT, chứ không phải do sự kế vị người cha mà được hưởng.

Vì vậy đối với di sản của ông bà để lại, con cái kế bị truất quyền phải bị loại trừ bởi chú bác, cô dì, là thừa kế ở đẳng thứ gần hơn vì là con của người quá cố (Án loại một).

Hương hỏa phải truyền cho trưởng tử cũng gọi là đích tử. Nếu đích tử chết phải truyền cho đích tôn. Nếu ngành trưởng tử không có con cháu trai, hương hỏa mới truyền sang ngành khác.

Trong trường hợp người hưởng hương hỏa bị truất quyền, lỗi cá nhân của y không có hậu quả làm mất quyền hương hỏa của con trai trưởng của y, người này được quyền hưởng hương hỏa do luật định (Đ. 421 DLB và Đ. 430 DLT (Án loại hai).

Muốn xin phá án vì lý do vi luật thì cần phải có một đạo luật, đạo luật đã bị án tòa nội vụ vi phạm.

Tại Nam Việt, nơi không có một bộ dân luật đầy đủ, trong các vấn đề không được qui định trong luật thực tại, không thể nào có lý do thượng tố vì vi luật. Vì đâu có luật mà vi phạm. Và tòa phá án cũng không thể chuẩn chấp như lý do vi luật, sự tham chiếu các quy điều của hai bộ Dân Luật Bắc, Trung như lý trí thành văn. Vì trên mọi bình diện quy điều trên không hội đủ tính chất một « đạo luật » để có thể cho rằng vi luật (Điểm án tòa phá án không nêu, nhưng tác giả đã đề ra).

(PA 26-8-1964 và 28-10-1964 PLTS 1966 số 1 trang 52)

## TRUẤT QUYỀN.

Con trưởng nam của người lập hương hỏa phải được thừa hưởng của hương hỏa để phụng thờ, người lập hương hỏa không được tự tiện chọn người con trai út làm thừa tự ngoại trừ có

sự ngăn cản hoặc người trưởng nam tỏ ra không xứng đáng, điều ấy phải được bày tỏ nơi tờ lập hương hỏa.

(TT Saigon vụ số 769 — 1956, 352 — 1957)  
(PL xem số 32 trang 6)

297.— THÀNH PHẦN. SỐ TỐI THIỂU. ĐIỀU 419 D.L.T.

Sự duyệt y quyết định của Hội Đồng Đại Tộc thể hiện bằng một án văn chiếu điều 428 D.L.T.

Sau khi chiếu phép mà chiếu tập các người được dự hội. Hội đồng đại tộc phải gồm ít ra là 5 người, số tối thiểu dự liệu ở điều 419 đoạn chót D.L.T thì sự quyết nghị mới có giá trị.

Hội Đồng Gia Tộc đã được 11 người tham dự mặc dầu toàn thể gồm có 31 người, như vậy không có sự vi phạm điều 419 ghi trên nhất là các người vắng mặt không dự hội đồng đều đi tập kết ở ngoài Bắc hoặc bị cầm tù, tức là ở vào trường hợp không dự hội đồng được.

(PA 24-2-1965 PLTS 1965 số IV trang 7)

298.— THẨM QUYỀN. PHÂN CHIA. ĐẤT HƯƠNG HỎA. CẢI DỤNG THÀNH ĐẤT THƯỜNG. ĐIỀU 5 DỰ SỐ 57 NGÀY 22-10-1956. TÒA ÁN DÂN SỰ.

Sự xin phân chia những sở đất trước kia được trí phần hương hỏa, nhưng phải cải dụng thành đất thường sau khi áp dụng xuất lưu trí tối đa là 15 mẫu ấn định do điều 5 dự số 57 ngày 22-10-1956 mặc dầu vụ tranh tụng hiện tại xảy ra nhân khi thi hành chính sách cải cách điền địa, thực chất của vụ kiện lại là một vấn đề thuộc thẩm quyền của Tòa án dân sự. Vì ngoài vấn đề xuất lưu trí tối đa 15 mẫu, các vụ tranh tụng về đất hương hỏa phải thuộc thẩm quyền tòa án dân sự theo nguyên tắc pháp lý thông thường và các nguyên tắc về thẩm quyền có tính cách trật tự công cộng, chỉ có thể được thay đổi do một đạo luật chứ không thể do một thông tư của nhà chức trách hành chánh được.

Án văn sơ thẩm đã xử nghị sai lầm khi viện dẫn thông tư ngày 3-9-1959 của Bộ Điền thổ và Cải Cách Điền Địa đề từ khước thẩm quyền trong đơn xin phân chia tương tranh.

(*TT Saigon 1-6-1961 PLTS 1961 số IV trang 68*)

## HỨA BÁN

### 298.— BẤT ĐỘNG SẢN HỨA BÁN.

Tờ hứa bán bất động sản với một giá nhất định, và nhận mua vô điều kiện, với một ân hạn cho người mua để trả tiền, có giá trị và hiệu lực của một việc đoan mãi giữa hai bên.

Ân hạn để trả tiền không phải là một điều kiện giải trừ nếu trong khế ước không có dự định sự mất quyền của người nhận mua nếu y đề quá ân hạn đó.

(*TT Saigon 11-5-1957 PLTS 1657 số III trang 15*)

### BẤT ĐỘNG SẢN HỨA BÁN.

Theo luật hộ ở Trung phần tờ đoan mãi hay ước mãi nếu không có viên chức thị thực thì không có giá trị và vô hiệu lực.

(*TT Saigon 1-3-1656 PLTS 1957 số I trang 56*)

### 300.— HỨA MÃI. ĐIỀU KIỆN ĐÌNH CHỈ. SỞ VẬT BỊ TIÊU THẤT. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG. TIÊU HỦY KHẾ ƯỚC. SỞ HỮU PHẢI GÁNH CHỊU SỰ RỦI RO.

Nếu sự hứa mãi được đặt dưới điều kiện đình chỉ khế ước đoan mãi chưa thành tựu, quyền sở hữu chưa chuyển qua tay người mua.

Đạo luật 12/62 ngày 22-5-1962 cấm khiêu vũ dưới mọi hình thức là một trường hợp bất khả kháng đã làm mất yếu tố căn bản của hàng khiêu vũ hứa bán, sở vật có thể bị xem như là tiêu thất.

Sự đoan mãi không thành tựu vì trường hợp bất khả kháng, hai bên đều không có phạm lỗi và có quyền xin tiêu hủy hứa mãi, và sở hữu chủ phải gánh chịu sự rủi ro.

(*TT Saigon 11-6-1964 PLTS 1965 số I trang 97*)

HỨA MÃI ĐIỀU KIỆN ĐÌNH CHỈ, ĐIỀU KIỆN TIÊU TRỪ.  
GIẢI THÍCH KHẾ ƯỚC.

Văn tự do đó chủ bán nhận trước một số tiền cam kết đến hạn kỳ:

— Hoặc trả lại số tiền đã nhận và thu lại văn tự.

— Hoặc làm tờ nhận mãi sau khi nhận thêm một số tiền ấn định trước.

Một hạn đình chỉ (chủ bán được đợi đến kỳ hạn)

Một điều kiện tiêu trừ (chủ bán trả tiền nhận trước khi tờ hứa bán sẽ hủy bỏ).

Quá kỳ hạn ước định sự hứa mãi sẽ thành tựu, nếu chủ bán không bằng lòng làm văn tự đoạn mãi, án Tòa sẽ thay thế tờ bán.

Tòa án không thể, với lý do giải thích ý định của đôi bên khế ước, xử trái với nội dung khế ước.

(*TT Saigon 3-8-1961 PLTS 1963 số I trang 72*)

301.— HỨA MÃI ĐẤT ĐÃ BỊ CẦM CỐ.

Luật lệ không bắt buộc tờ hứa mãi phải có hình thức nhất định nào cả; án lệ không bắt buộc người hứa bán đất phải tự tay ghi câu «Đã xem và duyệt y» trước khi ký tên vào tờ hứa bán.

Án lệ định rằng sự hứa mãi được kể như sự đoạn mãi một hai bên giao kết đã thỏa thuận về mục tiêu cũng như về giá tiền.

Người thiếu nợ có thể đất chỉ mất quyền chiếm hữu, vì vậy việc hứa bán đất bị thế không có điều chi bất hợp pháp.

(*HGRQ SÓC TRĂNG 26-4-1955 PLTS 1956 số III trang 74*)

302.— GIAO KÈO HỨA BÁN.

Trong một tờ giao kèo hứa bán trong đó không có ghi thời hạn mua lại là một sự bán vĩnh viễn chứ không phải sự mãi lai thực.

(*ST MỸ THO 28-6-1955 PLTS 1956 số I trang 73*)

### 303.— HỨA BÁN VÀ ĐOẠN MÃI.

Sự hứa mãi có giá trị như đoạn mãi khi người mua và người bán đều thỏa thuận về vật và giá.

Sự hứa bán một kỷ phần vị phân có giá trị, nên sau khi phân chia, phần hứa bán thuộc về phần đứng bán.

Theo điều 1590 Dân Luật Pháp, áp dụng như thành văn lý tính, trong việc hứa mãi có đặt tiền cọc, hai bên đương sự có thể giải ước với điều kiện là người mua sẽ mất tiền cọc và người bán từ khước thực hành sự hứa mãi sẽ phải trả lại gấp đôi số tiền đặt cọc.

(*TT Saigon 14-3-1959 PLTS 1960 số III trang 67*)

### HỨA BÁN. ĐOẠN MÃI. SANG BỘ.

Mặc dầu mệnh danh là « tờ hứa bán » nhưng thật sự là một việc đoạn mãi nếu trong văn kiện đôi bên đã hoàn toàn thỏa thuận về giá cả của vật mua bán một phần giá mua trả trước, một phần đình lại để trả khi sang bộ và vật mua chuyển giao ngay khi ký kết cho người tậu mãi.

Việc sang bộ chỉ là một thủ tục không ảnh hưởng đến giá trị của sự mua bán đối với người bán, vì được dự liệu cho lợi ích của người mua.

(*TT Saigon 27-12-1958 PLTS 1959 số IV trang 62*)

### 304.— TỜ HỨA BÁN BẤT ĐỘNG SẢN ĐỐI VỚI NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA.

Đơn khởi tố phải nhất định, không được thêm bớt điều gì, ngoại trừ những điều thỉnh cầu có tính cách hậu quả trực tiếp của



điều thỉnh cầu chánh... Những điều thỉnh cầu phụ lý không trùng với điều thỉnh cầu chánh chỉ thay thế cho yêu sách này trong trường hợp nguyên đơn không được toại nguyện.

Sự cam kết của người bán không ép buộc được người mua, nhưng đủ hiệu lực để ràng buộc người bán; sự cam kết ấy cũng không cần phải được một công chính chứng thư xác nhận, vì có sự thỏa thuận giữa hai bên là đủ để di chuyển quyền sở hữu như đã định điều 187 sắc lệnh điền thổ ngày 21-7-1925.

(*TT Saigon 13-12-1956 PLTS 1957 số I trung 19*)

305.— KHẨU ƯỚC GIÁ NHÀ.

Tuy chỉ ước miệng bán nhà nhưng việc mua bán đã dứt khoát giữa hai bên chủ bán và chủ mua, một khi hai đảng đã thỏa thuận về vật bán và số tiền phải trả.

Lúc giao ước bán nhà không ấn định thời kỳ mà người mua phải giao nốt số tiền còn thiếu thì không thể nại có người mua trả tiền chậm (bội ước) mà đòi lại nhà được.

(*TT Saigon 29-12-1955 PLTS 1957 số I trang 52*)

306.— HỨA MÃI CÓ THỜI HẠN: HIỆU LỰC.

Nếu trong thời hạn ghi trong văn tự hứa mãi bất động sản, người được hứa không phát biểu ý kiến chấp thuận, thì người hứa bán không bị bó buộc nữa.

Sự hứa hẹn chỉ ràng buộc hai bên cam kết theo nguyên tắc hiệu lực tương đối của khế ước, sự cam kết này là một ngoại vật không có hiệu lực gì đối với người đệ tam đã tạo mãi động sản.

(*TT Saigon 22-3-1962 PLTS 1993 số III trang 81*)

307.— LẬP HỌA ĐỒ PHÂN MẢNH. NGƯỜI BÁN. ĐẢM NHIỆM

Mặc dầu văn tự hứa mãi đất không ghi bên nào có nghĩa vụ lập họa đồ phân mảnh, khế ước phải lấy sự ngay tình mà thi hành,

người bán có nghĩa vụ cung cấp tài liệu để thực hiện sự giao ước tức là phải đảm nhận việc lập họa đồ phân mảnh, mặc dầu theo giao ước người mua phải đài thọ tiền phí về khoản này.

(PA 27-4-1966 PLTS 1967 số I trang 24)

### 308.— HỨA MẠI CÓ ĐIỀU KIỆN. NHIỆM VỤ CỦA NGƯỜI HỨA BÁN.

Một văn thư hứa mại có điều kiện chỉ thực hành được khi nào điều kiện đó thành tựu. Nếu điều kiện đó không thành thì sự hứa bán trở nên vô giá trị.

Khi điều kiện ghi trong tờ hứa mại không thành tựu, người hứa bán có trách nhiệm phải báo cho người định mua biết sự kiện đó để người này tùy nghi định đoạt : như lấy lại tiền cọc, hoặc cứ mua với mọi bất trắc mà riêng họ sẽ phải chịu. Nếu không làm đầy đủ nhiệm vụ nói trên, người hứa bán phải bồi thường thiệt hại cho người định mua.

(TT Saigon 11-8-1956) (PL. số 26 trang 6)

### 309.— HỨA BÁN. MẠI MẠI. THỎA THUẬN VỀ VẬT MUA VÀ GIÁ BÁN. MẠI MẠI THÀNH TỰU. ĐIỀU 1589 DÂN LUẬT PHÁP.

Không còn là một sự hứa bán khi hai bên kết ước đã thỏa thuận về vật mua và giá bán vì sự mại mại đã thành tựu, người mua đã trả một phần tiền, ruộng đem bán đã giao cho người mua canh tác.

(PA 29-8-1962 PLTS 1962 số IV trang 11)

## KHÁNG CÁO

ÁN LỆNH KHẢN CẤP (X. KHẢN CẤP)

ÁN LỆNH TIÊN THÂM (X. TIÊN THÂM)

310.— ÁN KHUYẾT TỊCH.

Điều 117 Nghị định ngày 16-3-1910 dự liệu quy tắc rằng một bản án khuyết tịch chỉ được kháng cáo sau khi đã trở thành thiệt thọ. Còn điều 114 đoạn 3 Nghị định ấy cũng nêu nguyên tắc trên. nhưng về chi tiết cho biết là thời hạn sau đó một bản án khuyết tịch sẽ thành thiệt thọ là thời hạn 30 ngày dự liệu bởi các điều 56 và 60 Nghị định trên.

(PA 31-7-1963 PLTS 1964 số 1 trang 12)

311.— ÁN SƠ THẨM. XỬ TIÊN THẨM.

Theo điều 7 Dự số 5 ngày 18-10-1940 chỉ những án chung thẩm mới có thể bị thượng tố. Do đó, một án sơ thẩm xử tiên thẩm còn có thể bị kháng cáo cùng với án văn sẽ xử về nội dung, theo điều 117 Nghị định ngày 16-3-1910, không thể bị thượng tố.

(PA 28-4-1965 PLTS 1966 số 1 trang 10)

312.— BỨT LỤC MỚI NẠP TRƯỚC TÒA THƯỢNG THẨM.

Chiếu điều 126 Nghị định ngày 16-3-1910 khi một bản án sơ thẩm bị Tòa Thượng Thẩm hủy đi vì nguyên kháng xuất trình chậm trễ này luôn luôn làm cho nguyên kháng phải chịu án phí và có thể phải chịu bồi thường tổn hại nữa.

Phải bị phá hủy phúc quyết của Tòa Thượng Thẩm, căn cứ vào một tờ khai tặc mới xuất trình lần đầu trước Tòa ấy, để quyết định hủy án sơ thẩm, lại bất chấp điều 126 Nghị định nói trên mà nguyên thượng tố đã nêu lên, buộc các nguyên kháng chịu tất cả án phí.

(PA 25-9-1963 PLTS 1964 số 11 trang 34)

VĂN KIẾN MỚI. QUY CHIẾU. HỦY ÁN SƠ THẨM. ÁN PHÍ. BỒI THƯỜNG.

Theo điều 126 Nghị định ngày 16-3-1910, đương sự xuất trình muộn màng văn kiện mới, chỉ phải chịu án phí và tiền bồi thường thiệt hại là khi nào Tòa Thượng Thẩm viện dẫn văn kiện mới ấy để hủy án sơ thẩm.

Trong trường hợp Tòa Thượng Thẩm gạt bỏ văn kiện mới xuất trình và căn cứ vào những lý do khác để xét xử như vậy, vấn đề án phí và bồi thường thiệt hại không đặt ra.

(PA 27-10-1965 PLTS 1967 số III trang 16)

### 313.— KHÁNG CÁO BẰNG ĐIỆN TÍN BẤT HỢP LỆ

Theo điều 116 Nghị định 16-3-1910, muốn kháng cáo một bản án dân sự, đương sự phải hoặc đích thân, hoặc do người đại diện có ủy quyền đặc định đến phòng Lục sự Tòa án đã tuyên xử bản án đó để xin kháng cáo.

Sự kháng cáo thực hiện bằng điện tín bất khả chuẩn chấp.

Sự kháng cáo chính bất hợp lệ thì sự kháng cáo phụ đới cũng phải bị bác khước.

(TT Saigon 5-5-1966 PLTS 1967 số I trang 96)

(TT Saigon 28-10-1965 PLTS 1967 số II trang 102)

### 314.— CÔNG TỔ VIỆN. VỤ DÂN SỰ. PHỤ TỔ. KHÁNG CÁO VỤ C.T.V. CÓ THẺ ĐỨNG CHÁNH TỔ. LIÊN QUAN TRỰC TIẾP VÀ CỐT YẾU ĐẾN TRẬT TỰ CÔNG CỘNG. PHÂN CHIA DI SẢN GIAN LẬN. DỰ SỐ 57 NĂM 1956. C.T.V. PHỤ TỔ CÓ QUYỀN KHÁNG CÁO.

**KHÁNG CÁO. C.T.V. THỜI HẠN: ĐIỀU 114 NĐ 16-3-1910. KHỞI ĐẦU.**

Khi công tố viện giữ địa vị phụ tố nguyên tắc là C.T.V. không được xử hành những tố cầu pháp định, vậy không có quyền kháng cáo trừ khi tụng vụ là một vụ mà C.T.V. nếu muốn, đã có thẻ đứng chánh tố nếu muốn, đã có thẻ đứng chánh tố ngay trước Tòa sơ thẩm.

Theo điều 56 Dự số 4 năm 1949 về tổ chức tư pháp sửa do Dự số 66 năm 1951 thì C.T.V. có quyền tự hành động về những việc dân sự trong những trường hợp liên quan trực tiếp và cốt yếu đến trật tự công cộng.

Những điều khoản của Dự số 57 năm 1956 về Cải Cách Điền Địa đều có tánh cách trật tự công cộng, theo điều 31 của Dự ấy sự cải cách điền địa là một chính sách trọng yếu trong chương trình kiến quốc.

Do đấy nếu sự phân chia di sản của tư nhân có tính cách gian lận, vi phạm Dự nói trên, làm cản trở sự thực hiện chính sách cải cách thì đó là một sự vi phạm « trực tiếp » và « cốt yếu » vào trật tự công cộng, như đã nói trong điều 56 Dự số 4 năm 1949 sửa đổi bởi Dự số 66 năm 1951. Các sự vi phạm ấy cho phép C.T.V. đứng chánh tố xin tiêu hủy sự phân chia trước Tòa Sơ Thẩm và, theo những nguyên tắc phân tách ở trên C.T.V. phải được nhận là có quyền kháng cáo trong hiện vụ, một khi C.T.V. đã căn cứ vào Dự cải tiến điền địa và khai ra một tính cách bất hợp pháp của sự phân chia di sản tương tranh để hành động.

Theo điều 114 Nghị định ngày 16-3-1910 thời hạn kháng các án dân sự là 60 ngày tròn, bắt đầu từ ngày tuyên án đối với các bản án đối tịch.

Trong vụ dân sự C.T.V. có mặt tại phiên Tòa công khai khi Tòa sơ thẩm tuyên án, như vậy bản án này là đối tịch đã tuyên xử trước sự hiện diện của C.T.V. thì thời hạn kháng cáo chiếu điều 114. Nghị định ngày 16-3-1910 bắt đầu từ ngày tuyên án mà không cần phải có sự tổng đạt án văn.

(TT Saigon 21-9-1961 PLTS 1961 số IV trang 72)

### 315.— KHÁNG CÁO. VỤ ĐOẠN MÃI. TÀI VẬT THUỘC CỘNG ĐỒNG SỞ HỮU.

Về nguyên tắc việc đoạn mãi một tài sản (không thuộc toàn quyền sở hữu của người chủ mãi) chỉ vô hiệu về phần không thuộc quyền sở hữu của người ấy. Vậy khi sở vật của việc đoạn mãi không được chứng tỏ là không thể chia được thì sự kháng cáo án.

vấn về việc xin xử tiêu đoạn mãi tương tranh chỉ thủ lợi cho đồng sở hữu chủ hay thừa kế của họ đã kháng cáo mà không hề thu lợi các đồng sở hữu chủ khác.

(*TT Saigon 30-11-1961 PLTS 1962 số 11 trang 57*)

### 316.— HIỆU QUẢ CỦA SỰ KHÁNG CÁO.

Sự kháng cáo của một người trong bọn có giá trị và hiệu quả với tất cả bọn. Tòa Thượng Thẩm phải xét lại tất cả các khoản cũng y như Tòa Sơ Thẩm đã xem xét.

(*TT Saigon 15-6-1950 PLTS 1950 số III trang 54*)

### 317.— KHÁNG CÁO PHỤ ĐỐI : HIỆU LỰC

Kháng cáo phụ đối là kháng cáo chống lại người kháng cáo chánh và chỉ đặt lại vấn đề tranh tụng trước Tòa Phúc thẩm giữa người này và người kháng cáo phụ đối, nên mọi đề luận thỉnh cầu chống với người không kháng cáo không thể được chấp thẩm.

(*TT Saigon 12-4-1962 PLTS 1963 số III trang 87*)

### KHÁNG CÁO PHỤ ĐỐI.

Kháng cáo là một tố cầu dành cho tụng nhân nào đã thắng kiện một phần trước tòa sơ cấp muốn nhân dịp kháng cáo của đối thủ bị thất kiện, đề xin tòa cho y được toại nguyện về toàn thể thỉnh cầu của y.

(*TT Saigon 1-8-1963 PLTS 1964 số III trang 92*)

### TÍNH CÁCH KHẨN CẤP (X. 122)

### 318.— KHÁNG CÁO. THỜI HẠN. KHỞI LƯU THỜI HẠN.

Sự tổng đạt án văn về trú quán của đương sự hay sự niêm yết chỉ làm khởi lưu thời hạn kháng cáo là khi nào đương sự không phát biểu ý kiến lấy một nơi cư ngụ khác làm trú quán và không báo trước cho người có nhiệm vụ tổng đạt được biết ý định ấy.

Nơi đồn trú là nơi trú quán của quân nhân khi người này có những trường hợp thực tế chứng tỏ ý kiến lập trú quán tại đó.

Khi một quân nhân đã gửi thư cho phòng lục sự, yêu cầu gửi trát đòi về nơi đồn trú, mà trát cứ tống đạt về trú quán cũ và niêm yết tại trú quán này, như vậy sự niêm yết không làm khởi lưu thời hạn kháng cáo.

(PA 27-10-1965 PLTS 1966 số III trang 15)

319.— NGƯỜI THAY MẶT ĐỀ KHÁNG CÁO.

Tòa án xử về tình lý không thể vì lẽ giải thích một hành vi tố tụng, làm sai lạc tính chất của hành vi ấy. Nếu trong cuộc tranh chấp trước Tòa án, người chồng cũng như người vợ đều quả quyết rằng đứng ra kháng cáo người vợ đã thay mặt người chồng, Tòa án xử về tình lý sẽ làm sai lạc tính chất của hành vi tố tụng ấy cho rằng nếu sự kháng cáo hợp lệ vì người vợ đứng tên riêng cũng có quyền kháng cáo.

Sự kháng cáo làm bởi người thay mặt không có giấy hủy quyền đặc biệt định ở điều 116 Nghị định ngày 16-3-1910 sẽ không được chuẩn chấp nếu giấy thừa nhận việc kháng cáo lập ra bởi người hủy quyền làm ngoài thời hạn kháng cáo.

(PA 23-8-1962 PLTS 1963 số I trang 14)

320— NGƯỜI CÓ QUYỀN KHÁNG CÁO. CÁC ĐIỀU 116 NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910. ĐƯƠNG SỰ. ĐỊNH NGHĨA. KHÁNG CÁO. KHÔNG PHẢI ĐƯƠNG SỰ. ĐIỀU KIỆN.

Theo điều 116 Nghị định ngày 16-3-1910 chỉ được quyền kháng cáo đương sự trong án hoặc người đại quyền đặc định của kẻ này.

Danh từ đương sự trong án đề có tư cách kháng cáo gồm ngoài nguyên bị đơn, còn một đảng, kẻ đã được đòi dự sự trong thủ tục trước Tòa sơ thẩm, sự dự sự được thừa nhận là cần thiết và kẻ đó đã kết luận và một đảng khác, các người tuy không phải đương sự nhưng đã được đại quyền : thừa kế hoặc thụ quyền.

Trong trường hợp có người không phải đương sự trước tòa sơ thẩm, nhưng phán quyết của cơ quan tài phán này quả gây thiệt hại cho y và chính y đã nhận được tổng đạt trát truyền rao án văn thì nếu người đó thay vì xử dụng tố cầu đệ tam kháng tố lại đứng kháng cáo, và, nếu không phản đối, tòa phúc có thẩm quyền chuẩn cấp sự kháng cáo, vì mục đích đề công lý được điều hành, tốt và cấp thời.

(*TT Saigon 30-10-1956 PLTS 1956 số IV trang 87*)

321— KHÁNG CÁO ÁN TIÊN THẨM. DỰ ĐỊNH VỀ NỘI DUNG (jugement avant faire droit interlocutoire) TRONG TRƯỜNG HỢP NÀO CÓ THỂ DÙNG NHÂN CHỨNG (điều 1679 Hộ Luật Trung Việt).

Theo điều 126 Hộ luật Tố tụng Trung Việt chỉ có thể kháng cáo án xử về nội dung. Về điểm này đương sự có thể kháng cáo án tiên thẩm về nội dung (jugement avant faire droit interlocutoire) vì loại án tiên thẩm này truyền điều tra với mục đích đem tài liệu đầy đủ để xử về nội dung, ví dụ như án tiên thẩm truyền điều tra về việc ly dị v.v..

Theo điều 1679 Hộ luật Trung Việt khi nào có giấy tờ thì không thể dùng nhân chứng được, trừ trường hợp giấy tờ bị kiện là vô hiệu vì đánh lừa hoặc gian lận.

(*TT Huế 16-4-1958 PLTS 1958 số III trang 59*)

322.— THỜI HẠN XÉT XỬ.

Chiếu điều 140-T.K.H.S.T.T.P. việc kháng cáo, sẽ xử trong hạn 3 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ và chỉ có thể hoãn một lần mà thôi và không được hoãn quá một tháng, trừ khi hai bên đương sự có sự thỏa thuận khác thời không kể.

Từ khi vụ kiện đưa ra trước Tòa Thượng Thẩm, đã hơn ba tháng, nguyên kháng chỉ xin đình hoãn mà không nạp lý do đoán là cố ý kéo dài vụ kiện, vậy chiếu điều 140 ghi trên, Tòa Thượng Thẩm đã hữu lý nghị án và tuyên xử.

(*PA 31-7-1963 PLTS 1964 số I trang 21*)



323.— ỦY QUYỀN KHÁNG CÁO. ỦY QUYỀN TỔNG QUÁT VÀ ỦY QUYỀN ĐẶC BIỆT.

Theo nguyên tắc, sự ủy quyền kháng cáo phải là ủy quyền đặc biệt nhưng án lệ và học lý chấp nhận rằng tòa ủy quyền có thể bao gồm nhiều việc trong đó có việc kháng cáo và sự ủy quyền về việc này chỉ cần đủ minh bạch để có thể bao gồm mặc nhiên kháng cáo.

Án lệ chấp nhận rằng một sự kháng cáo bất hợp lệ có thể hữu hiệu hóa trong thời kỳ thủ tục do sự xác nhận của người chủ ấy.

(*TT Saigon 12-9-1963 PLTS 1966 số IV trang 72*)

324.— XUẤT TRÌNH ÁN VĂN BỊ KHÁNG CÁO.

Nguyên kháng phải xuất trình bản toàn sao án văn bị kháng cáo, đề tòa thượng thẩm có đủ tài liệu xét xử giá trị án văn bị chỉ trích, cũng như lý do viện dẫn chống lại án văn ấy. Nếu không, tòa thượng thẩm có thể bác đơn kháng cáo về hình thức mà khỏi cần xét về nội dung.

(*TT Saigon 3-2-1966 PLTS 1967 số I trang 8*)

**KHẢN CẤP**

325.— ÁN HẠN LƯU CƯ.

Xử cho bị đơn được trả dần nợ, khẩn cấp đã xử về tình lý vụ kiện, và như vậy là trái với quyền hạn của tòa khẩn cấp.

Việc xử cho trả dần nợ không thể đem so sánh với việc tòa khẩn cấp xử cho người bị đuổi nhà được ở lại ít lâu để tìm nhà khác, vì việc xử cho ở lại ít lâu là phương pháp giải quyết tạm thời về việc khó khăn trong việc chủ nhà thi hành án tức là trong việc đuổi người thuê nhà vậy.

(*TT Hà Nội 5-5-1951 PLTS 1951 số IV trang 8*)

(*ST Hải Phòng 5-9-1953 PLTS 1955 số I trang 44*)

326.— ÁN LỆNH KHẢN CẤP. MỆNH LỆNH PHÊ ĐƠN (ordonnance sur requête) ÁN LỆNH ÔNG THẨM PHÁN XỬ CẤP THẨM (ordonnance de référé) ; ÁN VĂN CỦA TÒA SƠ THẨM DẠN SỰ XỬ VỀ CHÍNH VỤ (jugement du tribunal civil de 1ère instance statuant sur le principal).

Ông Chánh án tòa sơ thẩm có quyền ký mệnh lệnh phê đơn để phán truyền những phương pháp bảo thủ hay tạm thời (mesures conservatoires ou provisoires) trong trường hợp có sự khẩn cấp và nếu nguyên đơn xuất trình đầy đủ giấy tờ chứng minh một cách chắc chắn tư cách của mình, như văn tự nợ đáo hạn, khế ước quyền nghiệp chủ, giấy hôn thú hợp pháp và không bị phủ nhận v.v... Nếu sau khi ký mệnh lệnh phê đơn có sự phản kháng chính đáng của đối phương, ông chánh án có nhiệm vụ tuyên án lệnh cấp thẩm để tiêu hủy mệnh lệnh phê đơn.

Án lệnh cấp thẩm. Trong trường hợp có sự khẩn cấp. Ông Chánh án có quyền tạm thời phán thị những án lệnh không được xử đến chính vụ (Le juge des référés est compétent pour stateur, par provision, vu l'urgence, et cela sans préjudice au principal).

Chỉ có án văn công khai của Tòa án sơ thẩm mới có thể tuyên xử đến chính vụ kiện một cách đầy đủ, sau khi xét đến các bút lục do hai bên xuất trình, sự tranh luận về pháp lý, điều tra v.v...

Trong vụ dưới đây, Ông Chánh án Đà Nẵng đã ký một mệnh lệnh phê đơn không căn cứ vào những giấy tờ minh chứng một cách chắc chắn sự liên lạc hôn thú giữa Trần thị Khai và Châu văn Trước, nên vì có sự khẩn cấp, đã tuyên án lệnh cấp thẩm để tiêu hủy mệnh lệnh phê đơn bị chỉ trích một cách chính đáng và để tùy ý 2 bên đưa chính vụ ra trước tòa án có thẩm quyền. Án lệ cấp thẩm ấy cần được chuẩn y.

327.— AN LỆNH PHÊ ĐƠN. KHẢN CẤP. KHÁNG NGHỊ.

BIỆT LỢI HẬU TRUY (BÉNÉFICE DE DISCUSSION) CỦA NGƯỜI BẢO ĐẢM : KHÔNG THỀ ĐƯỢC VIỆN DẪN NẾU LÀ BẢO ĐẢM LIÊN ĐỐI.

Theo tập quán thực hành trong thủ tục dân sự Pháp, Tòa cấp thẩm là cơ quan tài phán có thẩm quyền xét định mọi sự kháng nghị về mệnh lệnh phê đơn.

Phương tiện này tiện ích đặc biệt nên duy trì trong thực hành mặc dầu theo thủ tục Việt Nam, mệnh lệnh phê đơn có thể được kháng cáo.

Khi hai người cùng cam kết về một hành vi thương mại sự cam kết được suy đoán là có tính cách liên đới, do đấy người cam kết bảo đảm không viện dẫn được biệt lợi hậu truy.

(*TT Saigon 23-II-1961 PLTS 1962 số IV trang 64*)

328.— BẠO HÀNH. THẨM QUYỀN TÒA KHẢN CẤP.

Sau khi xin được án lệnh sai áp bảo thủ một chiếc xe chở hàng, hai bên đã thỏa thuận giao ước chiếc xe đó cho chủ xe coi giữ, khỏi phải giao cho một « ga ra » như án lệnh đã truyền, thì người kia không thể tự ý hủy bỏ sự thỏa thuận giữa y và vợ chồng chủ xe, để thâu lại giấy xe hơi tay người chủ xe đã giữ xe. Nếu y đột ngột thâu giấy xe và lấy xe, thì hành động của y có tánh cách bạo hành rõ rệt.

Tòa khản cấp đã chạm về chánh vụ khi đã dạy người thiếu nợ trả số tiền thiếu.

(*TT Saigon 24-4-1958 PLTS 1960 số I trang 24*)

TÒA KHẢN CẤP.

Nguyên tắc pháp lý « provision est due aux titres ». Các giấy tờ do một đương sự xuất trình để chứng minh thực trạng nội vụ.

phải được tạm xem là có tin lực theo nguyên tắc nói trên. Tòa khản cấp không thể suy định ngược lại được các văn kiện do đương sự đã đệ nạp.

(TT Saigon 11-2-1960 PLTS số III 1960 trang 54)

**BAO HÀNH. GHI NHẬN ĐƯƠNG SỰ XIN DÀNH QUYỀN ĐÒI BỒI THƯỜNG.**

**KHÔNG TIÊN PHÁN CHÁNH VỤ.**

Người mướn phố có quyền thi hành mọi công tác sửa chữa cần thiết để bảo tồn vật thuê cùng quyền hưởng dụng yên ổn của mình mà chủ phố không có quyền ngăn cản. Ngăn cản người thuê thi hành công tác trên, chủ phố hiển nhiên đã có hành vi bạo hành khiến tòa khản cấp có thẩm quyền ra lệnh chấm dứt.

Tòa khản cấp không hề tiên phán về chánh vụ khi ghi nhận thỉnh cầu của một đương sự xin dành quyền đòi bồi thường. Sự ghi nhận như trên của án lệnh cấp thẩm không có hậu quả và cũng không tạo cho nguyên đơn một quyền lợi nào cả vì lẽ loại vụ này không phải là tố quyền tuyên nhận để xin tòa xác nhận sự hiện hữu một quyền lợi hay một tình trạng pháp lý; tố quyền đòi bồi thường của nguyên đơn phải được phát sinh theo nguyên tắc phổ thông về trách nhiệm dân sự phạm chó không do sự ghi nhận vừa kể.

(TT Saigon 13-1-1966 PLTS 1967 số I trang 77)

**329.— ÁN LỆNH KHẢN CẤP CỬ CUNG THÁC VIÊN.**

Chiếu điều 127 Nghị định ngày 16-3-1910, nếu có sự thuận tuân một án lệnh cử cung thác viên thì đương sự không được quyền kháng cáo án lệnh đó, y có dành quyền cử thác viên khác.

Nếu y muốn cử cung thác viên khác thì y phải trở lại trước tòa khản cấp, nếu có sự kiện chánh đáng mới, chiếu nguyên tắc lưỡng cấp thẩm.

(*TT Saigon 31-1-1959 PLTS 1959 số II trang 23*)

331.— CẦU THỨC THÂN THỀ. ĐƠN XIN HỦY BỎ THỦ TỤC  
CẦU THỨC THÂN THỀ. THẨM QUYỀN TÒA KHẢN CẤP.

Mặc dầu Tòa chánh vụ đã được thụ lý. Tòa cấp thẩm vẫn có thẩm quyền, nếu có điều kiện khản cấp.

Sự cầu thúc thân thề là một biện pháp xâm phạm đến thề xác tự do của con người, nếu biện pháp thi hành trái luật thì không thề chối cãi được là có sự khản cấp để cho Tòa cấp thẩm thẩm định.

Theo nguyên tắc xác định trong điều 245 Nghị định ngày 16-3-1910. Tòa cấp thẩm có thẩm quyền quyết định về những sự khó khản liên quan đến bất cứ sự chấp hành nào. Do đó, Tòa cấp thẩm có thẩm quyền thẩm định về sự chấp hành trên tài sản.

Theo điều 169 Nghị định ngày 16-3-1910, từ cưỡng thức chỉ có hiệu lực trong hạn 60 ngày, quá hạn ấy chủ nợ không thề căn cứ vào để sai áp tài sản của con nợ và cố nhiên, sự cầu thúc thân thề cũng không thề còn được thi hành.

(*TT Saigon 9-5-1963 PLTS 5964 số IV trang 79*).

330.— CHẤP HỮU THÂN TRẠNG, KHẢN CẤP VÔ THẨM  
QUYỀN.

Tòa cấp thẩm vô thẩm quyền để xét xem có đủ yếu tố cấu tạo sự chấp hữu thân trạng hay không.

(*TT Saigon 10-5-1962 PLTS 1963 số III trang 117*)

332.— VIỆC TỰ Ý XIN CAN THIỆP TRƯỚC TÒA KHẢN CẤP.

Theo học thuyết và án lệ, việc tự ý xin can thiệp trước tòa khẩn cấp có thể được chấp nhận.

(*TT Saigon 17-10-1957 PLTS 1958 số I trang 33*)

333.— ĐỆ TAM KHÁNG CÁO. GIẢI THÍCH LỜI TUYÊN XỬ.

Thẩm phán cấp thẩm, khi xét việc thi hành án văn, có thể triệt bỏ những chương ngại tạo vật một cách vô lý.

Đệ tam kháng án không hoãn việc thi hành án.

Khi nào có sự nghi ngờ về ý định của Thẩm phán thì có thể giải thích chú văn căn cứ vào các phần khác của các bản án và nhất là căn cứ vào lý do án văn.

(*ST HẢI PHÒNG 5-9-1953 PLTS 1955 số I trang 42*)

334.— CƯỖNG BÁCH PHÁT MẠI. NGỪNG CUỘC PHÁT MẠI. DÂN SỰ TỔ TỤNG Đ. 703. SẮC LỆNH 21-7-1925 Đ. 306. VÔ THẨM QUYỀN.

Thẩm phán xử cấp thẩm không có thẩm quyền đề cho ngưng việc cưỡng bách phát mại, định bởi Sắc lệnh ngày 21-7-1925.

(*ST Saigon 6-8-1958 PLTS 1958 số III trang 71*)

335.— ĐÌNH CHỈ PHÁT MẠI. ĐIỀU 190 NGHỊ ĐỊNH 16-3-1910. THẨM QUYỀN TÒA KHẨN CẤP.

Tuy điều 190 Nghị định 16-3-1910 về sự kháng tố phát mãi dự định Tòa có thẩm quyền là Tòa dân sự nhưng điều này không minh thị khai trừ thẩm quyền Tòa cấp thẩm.

Theo án lệ, trong các thủ tục chấp hành, Tòa cấp thẩm có thẩm quyền xét xử nếu có yếu tố khẩn cấp và quyết định của Tòa cấp thẩm không tiên phán về nội dung.

Theo điều 190 Nghị định 16-3-1910 khi có sự kháng tố của con nợ, cuộc phát mãi phải bị đương nhiên đình chỉ.

Chủ nợ đã hay biết thủ tục kháng tố sự chấp hành án văn của con nợ, và mặc dù vậy đã ra lệnh cho thừa phát lại và hồ giá viên tiếp tục cuộc phát mãi, hành động này là một sự vi phạm điều 190 Nghị định 16-3-1910, tạo nên tình trạng khẩn cấp khiến Tòa cấp thẩm có thẩm quyền đề xét đơn khởi tố của con nợ xin đình chỉ sự phát mãi.

(TT Saigon 10-9-1964 PLTS 1965 số 1 trang 109)

336.— ĐÌNH CHỈ SAI ÁP : TÒA CẤP THẨM CÓ QUYỀN HAY KHÔNG ? ĐIỀU 175 NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910 VÀ 304, 305 SẮC LỆNH ĐIỀN THỔ.

Theo luật ngày 25-3-1936, Tòa cấp thẩm, nếu có sự khẩn cấp, có thẩm quyền đình chỉ sự chấp hành cho con nợ tùy theo tình trạng riêng của người này và tình trạng kinh tế chung.

Nhưng về thủ tục sai áp bất động sản, án lệ vẫn còn chia rẽ về thẩm quyền của Tòa cấp thẩm đề đình chỉ thủ tục Phần án lệ công nhận thẩm quyền này cũng chỉ công nhận trong trường hợp chưa có mệnh lệnh ấn định ngày phát mãi.

Trong trường hợp phản kháng (opposition) sự đốc thúc truyền lệnh (commandement), Tòa cấp thẩm, thụ lý do sự phản kháng này, chỉ có thẩm quyền đình chỉ sai áp nếu sự đốc thúc truyền lệnh chưa được đăng tịch (inscrit) ;

Theo điều 175 Nghị định ngày 16-3-1910, Tòa cấp thẩm có thẩm quyền xét định về mọi sự khó khăn thi hành :

Nhưng, trong trường hợp con nợ đề cung trả nợ để tránh sự sai áp bất động sản, án lệ và học lý đều công nhận rằng chỉ có Tòa phát mãi (Tribunal des criées) có thẩm quyền quyết định ;

Mặt khác điều 175 dẫn chiếu nằm trong khuôn khổ phổ thông luật pháp, chỉ có thể áp dụng nếu không bị khai trừ bởi một bản văn đặc biệt.

Bản văn đặc biệt ấy là điều 304 và 305 sắc lệnh điền thổ ngày 21-7-1925.

Điều 304 chỉ nói đến những kháng biện vô hiệu về hình thức và về nội dung (moyen de nullité); nhưng theo án lệ, tất cả những kháng biện nào nhằm mục tiêu đình chỉ hay tiêu hủy thủ tục sai áp, đều thuộc phạm vi áp dụng điều này và thuộc thẩm quyền xét định của Tòa phát mại với tính cách một sự tranh tụng phụ đới (incident de la saisie).

Hơn nữa, án lệ, chuyển hướng từ năm 1954 và đi ngược với văn tự và văn ý của điều 728 luật D.S.T.T. Pháp (mà điều 304 sắc lệnh điền thổ đã được phóng tác theo) đã định rằng những sự tranh tụng về nội dung quyền lợi của chủ nợ có thể được kháng cáo không bị xử chung thẩm như điều 730 luật D.S.T.T. Pháp (nay là điều 731 và là điều khoản xuất xứ cho điều 306 Sắc lệnh điền thổ đã hạn chế).

Do đấy, thỉnh cầu của con nợ, đề cung trả nợ đề xin đình chỉ sai áp, là một thủ tục phụ đới vào thủ tục sai áp, không thuộc thẩm quyền Tòa cấp thẩm.

(TT Saigon 29-11-1962 PLTS 1963 số IV trang 134)

337.— ĐÌNH SAI ÁP. ÁN HẠN THI HÀNH ÁN. MUỐN ĐƯỢC ÁN HẠN KHI BỊ CHẤP HÀNH. CON NỢ PHẢI THEO THỦ TỤC NÀO ?

CON NỢ CÓ QUYỀN XIN ĐÌNH CHỈ SAI ÁP ĐỀ XIN ÁN HẠN CHIẾU ĐIỀU 190 NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910 KHÔNG ?

ĐIỀU 24 NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910.

Án hạn nói trong điều 41 Nghị định ngày 16-3-1910 là án hạn mà Tòa chính vụ có thể cho con nợ được hưởng đồng thời và ngay sau khi quyết định về đơn khởi tố.



Tòa chính vụ, mọt khi đã thanh quyết một vụ kiện, không còn quyền thụ lý vụ kiện ấy đề xét định lại một lần thứ hai, đề sửa đổi thêm bớt vào bản án.

Muốn được ân hạn khi bị chấp hành, con nợ phải theo thủ tục nhanh chóng dự liệu ở luật ngày 25-3-1936 ban hành ngày 5-5-1936 và khiếu tố trước Tòa cấp thẩm.

Điều 190 Nghị định ngày 16-3-1910 nhằm trường hợp phản kháng sai áp và trích xuất, không thể làm căn cứ cho con nợ đình chỉ sai áp đề xin ân hạn; vả lại, theo điều luật này, sự phản kháng và xin trích xuất phải thông đạt ngay cho thừa phát lại đảm nhiệm việc chấp hành đề Tòa xét xử tại phiên gần nhất, có như vậy mới diệt trừ được những phương cách diễn trường của những con nợ gian tình muốn kéo dài thủ tục đề khỏi trả nợ.

Một khi luật sư đã không bênh vực cho nguyên đơn, hay bị đơn thì, một đảng, luật sư sẽ không có tư cách thỉnh cầu điều chi cho những người này, và đảng khác, họ phải coi như vắng mặt; chỉ khi nào luật sư bênh vực cho một đương sự xin bãi nhiệm, sự thay mặt đương sự mới coi như thủ đắc và tụng trạng mới coi như liên kết theo điều 24 nghị định ngày 16-3-1910 đề tòa có thể trực triệť xét xử, nếu có đủ tài liệu, không cần cho đòi lại đương sự mà luật sư bãi nhiệm;

Nếu các nguyên kháng trước tòa phúc án có quyền lợi khác biệt, không ở trong tình trạng liên đới hay bất khả phân, sự kháng cáo của các y có thể xét định một cách biệt lập, khuyết tịch đối với những người khiếm diện, đương tịch đối những người khiếm diện, đương tịch đối với người xuất diện.

(TT Saigon 17-1-1963 PLTS 1964 số 1 trang 165)

### 338.— ĐÌNH CHỈ TRỰC XUẤT.

Tòa khẩn cấp có thẩm quyền tuyên đình chỉ thi hành việc trực xuất khi áp dụng dụ 17 ngày 12-7 1954.

(TT Saigon 17-10-1957 PLTS 1959 số 1 trang 33)

## 339.— KHÁNG CÁO ÁN LỆNH KHẢN CẤP TRÊN VI BẰNG.

Tuy các điều 175 đến 179 nghị định ngày 16-3-1910 không minh thị dự liệu sự kháng cáo đối với các án lệnh khẩn cấp về việc khó khăn nhân khi thi hành án văn, nhưng sự kháng cáo là một phương cách tố cầu thông thường có mục đích bảo đảm cho tụng nhân xử dụng nguyên tắc lưỡng cấp, tài phán, miễn là không có một bản văn đặt ngăn cấm.

Điều 248 nghị định ngày 16-3-1910 quy định rằng án lệnh khẩn cấp có thể bị kháng cáo, điều luật này không loại trừ các án lệnh khẩn cấp trên vi bằng.

(*TT Saigon 22-4-1965 PLTS 1967 số III trang 76*)

## 340.— KHÁNG TỔ ÁN LỆNH KHẢN CẤP.

Án lệnh khẩn cấp xử khuyết tịch đối với một đương sự. Điều 248 Nghị định ngày 16-3-1910 cấm chỉ sự kháng tố án lệnh ấy.

Mặc dầu sự kháng tố không bị chỉ trích. Tòa khẩn cấp phải tự nêu điều 248 nói trên và bác đơn kháng tố chiếu điều 259 nghị định ngày 16-3-1910. vì một đương sự không thể tự bịa ra một tố quyền mà luật pháp không hề có dự định.

Một bị đơn nhìn nhận có bẻ khóa vào một căn nhà mà người thuê chánh bị trục xuất, tức đã bạo hành và xâm nhập gia cư của nguyên đơn ; Tòa khẩn cấp không thể tuyên bố vô thẩm quyền xét đơn xin trục xuất, nhất là bị đơn đã bị Tòa tiểu hình tuyên phạt tù treo do sự hành động phi pháp nói trên.

(*TT Saigon 2-6-1960 PLTS 1960 số IV trang 44*)

## 341.— KÝ QUỸ TIỀN THUÊ. THẨM QUYỀN TRỤC XUẤT.

Tòa cấp thẩm vô thẩm quyền dạy trục xuất người thuê với lý do đề thiếu tiền phở nếu có sự tranh nại quan trọng về khước biện đồng bất thi hành hoặc về khước biện lưu trí tiền thuê.

Nhưng Tòa cấp thẩm có thẩm quyền, trong khi chờ đợi Tòa chánh vụ quyết định về đơn xin trục xuất, truyền ký quỹ tiền thuê nếu có sự khẩn cấp.

(*TT Saigon 28-12-1961 PLTS 1963 số I trang 90*)

342.— QUYỀN LƯU CƯ THUỘC TRẬT TỰ CÔNG CỘNG.

Quyền lưu cư thuộc trật tự công cộng, nên cá nhân không thể thỏa thuận với nhau để lập hợp đồng từ khước hay truất bỏ quyền lưu cư.

Tòa cấp thẩm không thẩm quyền quyết định về vấn đề quốc tịch một khi vấn đề này được nêu lên, Tòa khẩn cấp phải tự nhận vô thẩm quyền.

(*ST Saigon 14-11-1958 PLTS 1958 số III trang 73*)

343.— THẨM QUYỀN TÒA CẤP THẨM. PHƯƠNG PHÁP KHẨN CẤP. SAI ÁP BẢO THỦ. NGƯỜI KHẨN THỦ.

Mặc dầu việc tranh chấp đã được thụ lý trước Tòa án chánh vụ, Tòa cấp thẩm vẫn có thẩm quyền để cho thi hành những phương pháp khẩn cấp.

Miễn là những phương pháp ấy chỉ là những phương pháp phụ đới, không đồng hóa với đơn thỉnh cầu về chính vụ.

Trong việc sai áp bảo thủ, người bị sai áp có thể đảm nhiệm việc khán thủ, hoặc giao việc ấy cho một người khác, người khán thủ chỉ có thể bị thay thế nếu không làm tròn nhiệm vụ.

(*ST Saigon 15-12-1954 PLTS 1955 số IV trang 44*)

344.— NGOẠI BIỂU QUYỀN LỢI KHẨN CẤP. THẨM QUYỀN. TRANH CHẤP QUAN TRỌNG.

Nặc dầu đương sự nêu những sự tranh chấp quan trọng mà thẩm phán khẩn cấp vô thẩm quyền xét xử, vị thẩm phán này có

thê dựa vào những sự kiện bất biến tạo thành một ngoại biểu, quyền lợi đề tuyên bố có thẩm quyền giữ tuyên án lệnh cho phép dùng những phương pháp bảo thủ.

(PA 27-12-1961 PLTS 1962 số II trang 4)

### 345.— TÍNH CÁCH KHẢN CẤP.

Nếu vụ án không có tính cách quan hệ và nếu cần phải tránh ngay những sự thiệt thòi về quyền lợi và nhà cửa cho nguyên đơn thời tòa cấp thẩm có thẩm quyền xét xử.

(TT Hà Nội 2-3-1950 PLTS -1950 số III trang 24)

### 346.— THẨM QUYỀN CỦA TÒA CẤP THẨM. SẮC LỆNH NGÀY 12-7-1928 VỀ VIỆC XÂY CÁT NHÀ CỬA KHÔNG GIẤY PHÉP.

Tòa cấp thẩm chỉ có thẩm quyền trong những trường hợp khản cấp ; riêng sự trạng một tư nhân đã xây cát không có giấy phép không đủ là duyên cớ cho Đô Thành xin triệt hạ công tác đã xây cát.

(ST Saigon 19-12-1961 PLTS 1962 số IV trang 69)

### TÍNH CÁCH KHẢN CẤP CỦA SỰ CẤP DƯỠNG.

Kháng cáo phụ đới là một tố cầu dành cho tụng nhân nào đã thắng kiện một phần trước tòa sơ cấp muốn nhân dịp kháng cáo của đối thủ bị thất kiện, đề xin tòa cho y được toại nguyện về toàn thể thỉnh cầu của y.

Theo nguyên tắc, tòa cấp thẩm có thẩm quyền và bó buộc phải quyết định trong những trường hợp khản cấp.

Sự cấp dưỡng có tính cách khản cấp một khi người có bổn phận cấp dưỡng theo luật định không có phương tiện để sinh sống.

Án lệ đã giải thích rằng « án lệnh cấp thẩm không phạm được đến chính vụ » có nghĩa là án lệnh ấy không có hiệu lực ràng buộc tòa chính vụ khi xét định về nội dung, nhưng, không vì thế mà tòa cấp thẩm không có thẩm quyền bất cứ trong trường hợp nào để cho thi hành một biện pháp tạm thời có thể làm thiệt hại một cách vĩnh viễn cho một bên đương sự.

Ngày nay, án lệ và học lý đều đồng thanh chấp nhận rằng mặc dầu tòa chính vụ đã thụ lý ; tòa cấp thẩm có thẩm quyền quyết định về những sự khó khăn phát xuất ở chính vụ, miễn là có khẩn cấp và không phạm đến nội dung.

(TT Saigon 1-8-1963 PLTS 1964 số IV trang 92)

### 346.— TÍNH CÁCH KHẨN TRƯỞNG KIỂM SOÁT CỦA TÒA PHÁ ÁN.

Tòa cấp thẩm có toàn quyền quyết định để xét coi vụ mà tòa thụ lý có tính cách khẩn trương hay không.

Về vấn đề có tranh chấp quan trọng liên quan đến chính vụ hay không, sự định đoạt của Tòa cấp thẩm có được các sự kiện về nội vụ chứng minh hay không.

(PA 29-6-1966 PLTS 1966 số IV trang 12)

### 347.— THẨM QUYỀN CỦA TÒA KHẨN CẤP. QUAN ĐIỂM CỦA ÁN LỆ VÀ LUẬT HỌC.

Theo án lệ Tòa Phá án Ba Lê và các Tòa Thượng Thẩm Pháp cùng theo luật học thì Tòa án khẩn cấp, ngoài việc giải quyết tạm thời và lập tức những sự khó khăn trong việc khẩn cấp và trong các việc thi hành án văn, còn có thẩm quyền để xét xử những vụ đáng lẽ phải đưa ra trước tòa dân sự, nếu những vụ này :

- Có tính cách khẩn cấp.
- Và sự tranh nại không xác đáng.

(TT Saigon 6-9-1951 PLTS 1952 số I trang 60)

348. — THẨM QUYỀN CỦA TÒA KHẢN CẤP. ĐIỀU 245 NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16 THÁNG 3 NĂM 1910. ÁN LỆNH KHẢN CẤP NHẬN CHO TRIỂN HẠN TRONG MỘT VỤ NỢ MÀ ĐÃ CÓ ÁN CHUNG THÂM RỒI.

Theo điều 245 nghị định ngày 16 tháng 3 năm 1910, tòa khản cấp lập ra có mục đích giải quyết tạm thời và lập tức về những sự khó khăn trong các việc khản cấp và trong các việc thi hành án văn.

Ra án lệnh nhận cho triển hạn trong một vụ nợ mà đã có án chung thâm rồi tức là tòa khản cấp đã vượt quá quyền hạn của mình vì làm như vậy là đã quyết định một việc hoàn toàn vĩnh viễn chứ không phải tạm thời nữa.

(*TT Saigon 17-5-1951 PLTS 1951 số III trang 19*)

349. — THẨM QUYỀN ÔNG THẨM PHÁN XỬ CẤP THÂM. ÔNG THẨM PHÁN XỬ CẤP THÂM CHỈ TẠM THỜI PHÁN THỊ VÌ CÓ SỰ KHẢN CẤP.

Theo nguyên tắc pháp lý thì khi nào có sự khản cấp rõ rệt, ông Thẩm Phán xử cấp thâm có thâm quyền để tạm thời phán thị nếu không có sự tranh tụng quan trọng miễn là lời xét xử không phạm đến chính vụ kiện (*Le juge référé est compétent, lorsque l'urgence est établie, pour statuer par provision lorsqu'il n'y a pas de contestation sérieuse et pourvu que sa décision ne fasse pas préjudice au principal*).

Trong vụ án dưới đây chủ phố Huỳnh ngọc Sâm đã tự tiện vất đồ của người thuê là Cao-văn-Hưu ra đường hạ biển hàng vàng, mặc dầu chủ phố chưa đưa việc tranh tụng về khế ước ra trước ông Thẩm phán xử về nhà phố mặc dầu trước hiến binh, chủ phố đã nhìn nhận có nhận 6.000 đ. và 12.000 đ. của Cao văn Hưu để cho ông này ở và dọn tiệm vàng tại nhà tranh. Hành vi ấy cấu thành một bạo hành (voie de fait) vì chủ phố ấy đã tự mình xử cho mình (s'est fait justice à soi même), như vậy có sự khản cấp để ông Thẩm phán xử

cấp thẩm tạm thời phán thị đề chấp dứt việc bạo hành ấy. Nhưng trong trường hợp này án lệnh cấp thẩm phải nói rõ là chỉ tạm thời phán thị trong khi chờ đợi tòa án có thẩm quyền xét xử về chính vụ kiện :

(*TT Huế 4-7-1956 PLTS 1957 số I trang 66*)

350.— THẨM QUYỀN TÒA KHẨN CẤP. VÔ HIỆU TƯƠNG ĐỐI.

Trong khi một Tòa án đang thụ lý chính vụ, thì vị thẩm phán cấp thẩm tòa có thẩm quyền xét đơn kiện khẩn cấp xin cung thác tài sản liên quan đến chính vụ.

Nếu hai bên đương sự không hề nêu lên vấn đề thẩm quyền, tòa khẩn cấp không thể tự cho là vô thẩm quyền.

(*TT Saigon 28-7-6958 PLTS 1958 số IV trang 37*)

THẨM QUYỀN XỬ CẤP DƯỠNG (X. CẤP DƯỠNG)  
THẨM QUYỀN XỬ CUNG THÁC (X. CUNG THÁC)

351.— THỜI HẠN ĐI HẦU TÒA KHẨN CẤP. TRÁT ĐÒI TỔNG ĐẠT. THẨM QUYỀN CỦA TÒA KHẨN CẤP. KHI NỘI DUNG THUỘC THẨM QUYỀN TÒA ÁN HÀNH CHÍNH.

Phải kể như vô giá trị một tờ trát do thừa phát lại tổng đạt cho đương sự hồi 8 giờ ban mai gọi đương sự đến hầu tòa khẩn cấp sẽ cử trong ngày ấy vào lối 9 giờ ban mai vì thời hạn này rất ngắn không thể đến hầu cho kịp (D.R.P. Vo Référé trang 213)

Phải kể như vô giá trị tờ trát gửi cho ông Quận Trưởng mà lại giao cho ông Phó Quận Trưởng.

Ông Chánh án tòa xử về dân sự không thẩm quyền xử những vụ án mà nội dung thuộc thẩm quyền của hành chính pháp viện.

Tòa khẩn cấp cũng không thẩm quyền giải thích một bản văn của địa phương xem có phải một sự cho thuê hay một sự cho phép ở, vì sự luận giải này chỉ tùy nơi tòa xử nội dung nghĩa là tòa án hành chánh (D.R.P. Vo. Référé trang 208 số 165).

(TT Saigon 29 6-1950 PLTS 1950 số III trang 68)

### 352. — TRANH TỤNG QUAN TRỌNG VỀ CHÁNH VỤ.

Tòa xử việc khẩn cấp vô thẩm quyền, nếu sự tranh chấp quan trọng muốn xử đoán phải xét đến chánh vụ.

(TT Saigon 7-9-1950 PLTS số 1950 IV trang 66)

### 352. — TRANH TỤNG. QUAN TRỌNG. VÔ THẨM QUYỀN.

Nếu Thẩm Phán cấp thẩm có dựa vào những sự kiện bất biến tạo thành một ngoại biểu quyền lợi để tuyên bố có thẩm quyền, vị Thẩm phán ấy sẽ xâm phạm đến chánh vụ nếu có sự tranh chấp quan trọng căn cứ, như trong hiện vụ, vào một bảng khoán điền thổ không thể công kích được do người khác đứng tên chứng tỏ sự vô tư cách của nguyên đơn.

(PA 29-5-1963. PLTS 1963 số III trang 23)

### TRANH CHẤP QUAN TRỌNG. KHẨN CẤP.

Trong vụ xin xử trực xuất, Ô. Thẩm phán xử cấp thẩm có thẩm quyền để xét xử nếu bị đơn đã chiếm cứ bất hợp pháp một ngôi nhà hoàn toàn thuộc quyền nghiệp chủ của nguyên đơn trong vụ này khế ước mãi mại nhà tương tranh chưa dứt khoát vì lẽ nguyên đơn mua nhà, có quốc tịch Pháp và bị đơn chưa được phép của Tổng Thống cho bán theo Dự số 26 ngày 20-4-1956 và bị đơn xin tiêu hủy khế ước. Bị đơn có thể hợp thức hóa việc mãi mại nếu y muốn bằng cách xin phép Tổng Thống, nhưng y lại xin tiêu hủy khế ước. Bị đơn có thể có gian ý lừa gạt. Dầu sao việc bị đơn có gian ý lừa gạt nguyên đơn hay không và trách nhiệm của bị đơn cũng như vấn đề hợp thức hóa do nguyên đơn đề nghị đều có tính



cách một sự tranh tụng quan hệ (une contestation sérieuse) liên quan đến chính vụ, vì vậy Ô Thẩm phán xử cấp thẩm không có thẩm quyền để xét xử. Thật vậy, theo nguyên tắc pháp lý, Ô Thẩm phán xử cấp thẩm chỉ có thể tạm thời phán thị nếu không có sự tranh tụng quan hệ liên quan đến chính vụ và nếu có sự khẩn cấp.

(*ST Huế 3-9-1960 PLTS 1960 số IV trang 111*)

353.— XIN TRÍCH XUẤT MỘT BẤT ĐỘNG SẢN TRONG MỘT VỤ PHÁT MẠI TẠI TÒA SAU KHI ÁN KIẾN NỢ.

Trong một vụ phát mãi bất động sản sau một vụ kiện nợ, đơn xin trích xuất một bất động sản được xét gấp, vì vậy có lý do khẩn cấp để cho thi hành tạm bản án.

(*ST Huế 3-9-1960 PLTS 1960 số IV trang 106*)

TRÍCH XUẤT BẤT ĐỘNG SẢN (X. 223)

354.— TRỰC XUẤT CHIẾM NGỰ VÔ QUYỀN. THẨM QUYỀN TÒA KHẨN CẤP.

Khế ước thuê nhà phát sinh do sự thỏa thuận của hai bên về tiền thuê, người thuê phải trả tiền thuê để hưởng dụng vật thuê. Chủ nhà không đòi tiền thuê, người thuê không trả tiền thuê, đó chỉ là trường hợp ở nhờ (tá ngụ)

Điều đình không xong mà cứ chiếm ngụ (occupation de fait) không có khế ước thuê bằng giấy tờ hay miệng, trong trường hợp này thẩm phán cấp thẩm có thẩm quyền trực xuất và thẩm quyền ấy căn cứ vào sự khẩn cấp.

(*ST Hải Phòng 7-9-1953 PLTS 1955 số I trang 57*)

354.— THẨM QUYỀN CỦA TÒA KHẨN CẤP.

Tòa khẩn cấp có thẩm quyền để truyền trực xuất một người chiếm ngụ vô quyền, miễn không có sự tranh chấp quan trọng về nội dung.

(*TT Saigon 15-10-1955 PLTS 1956 số II trang 33*)

355.— TRỤC XUẤT VÌ BẠO HÀNH. KHẢN CẤP CÓ THẨM QUYỀN.

Trong trường hợp có sự bạo hành đề vào choán phố, thì kẻ bị thiệt hại có thể nhờ tòa khản cấp dạy trục xuất người đã choán phố bằng cách bạo hành ấy. Có thể xem như đã bạo hành, người vào choán phố bằng cách đến gỡ ống khóa, mở cửa và dọn ngang đồ đạc vào trong phố, không có sự ưng thuận của chủ.

(*ST Cần Thơ 6-12-1954 PLTS 1955 số III trang 61*)

356.— TRỤC XUẤT VÌ KHÔNG TRẢ TIỀN THUÊ NHÀ. THẨM QUYỀN CỦA CẤP THẨM.

Tòa cấp thẩm chỉ có quyền trục xuất người mướn phố không trả tiền nhà với một trong hai điều kiện là hoặc trong giao ước thuê mướn có khoản đương nhiên thủ tiêu nếu người mướn không chịu trả tiền nhà mặc dầu đã nhận được chấp hành lệnh đốc thúc hoặc người mướn không có đủ đồ đạc đề bảo đảm số tiền nhà còn thiếu.

Trong trường hợp các yêu sách của chủ phố về giá ngạch được Tòa nhà phố chấp nhận vì hợp pháp, sự người mướn phố từ khước trả tiền mướn không phải là nguyên do quyết định đề Tòa Cấp Thẩm truyền trục xuất đương sự.

Mặc dầu người mướn phố thỏa thuận trả tiền phố bao nhiêu mỗi tháng đi nữa thì sự ưng thuận đó chỉ có giá trị trong khuôn khổ giá ngạch quy định trong Dự. ngày 2-4-1953.

(*TT Saigon 25-8-1955 PLTS 1956 số III trang 19*)

357.— TỜ TỐNG KHỬ. TÒA KHẢN CẤP. THẨM QUYỀN. PHÊ CHUẨN.

Vì không có sự khản cấp và có sự tranh chấp quan trọng về quyền lợi, Tòa khản cấp vô thẩm quyền đề xét đơn xin trục xuất của chủ đất đối với người thuê căn nhà cất trên đất của y.

Tòa khản cấp vô thẩm quyền để phê chuẩn tờ tổng khứ.

(TT Saigon 11-7-1957 PLTS 1958 số II trang 14)

358.— TRỰC XUẤT KHẢN CẤP. ÁP DỤNG DỰ 17.

Sự khản cấp phải được xét định và căn cứ vào tình trạng bất hợp pháp do đương sự gây ra.

Dự số 17 ngày 12-7-1954 không được áp dụng cho những người choán đất vô quyền (đã bạo hành xâm chiếm) và cất nhà bằng vật liệu nhẹ trên đất của người khác, mặc dầu đã cất trước ngày ban hành Dự nói trên.

(TT Saigon 21-2-1957 PLTS 1959 số II trang 70)

359.— TRỰC XUẤT ĐỀ SỬA CHỮA. THẨM QUYỀN TÒA KHẢN CẤP.

Tòa khản cấp có thẩm quyền buộc người chiếm ngụ phải tạm thời rời khỏi một căn nhà đã bị nghị định Đô Thành khai tệt, để chủ thi hành công tác sửa chữa, phương pháp này không tiên đoán về chánh vụ.

(TT Saigon 6-1-1961 PLTS 1961 số I trang 55)

360.— TRỰC XUẤT KHẢN CẤP. ĐIỀU KIỆN. VÔ THẨM QUYỀN XÉT TỜ TỔNG CƯ.

Thẩm quyền Tòa cấp thẩm tùy thuộc vào tính cách, tình trạng của việc tranh tụng : nếu tình trạng ấy là một tình trạng khản cấp giải quyết thì Tòa cấp thẩm có thẩm quyền, dẫu rằng tình trạng ấy đã được kéo dài trong thời gian, rồi đương sự mới khởi tố.

☉ Sự khiếm khuyết nghĩa vụ trả tiền nhà, nếu không rõ rệt thì không thể làm căn cứ cho Tòa cấp thẩm đề trực xuất người thuê vì như vậy, có sự tranh tụng quan trọng về nội dung.

Nếu hiệu lực tờ tổng cư bị tranh nghị với những lý do hệ trọng, Tòa cấp thẩm cũng không thể căn cứ vào lẽ tờ tổng cư đã

mãn hạn đề trục xuất người thuê vì không có thẩm quyền xét định về giá trị tờ tổng cư là một vấn đề thuộc về nội trạng.

(*TT Saigon 4-1-1962 PLTS 1963 số I trang 102*)

### 361.— TRỤC XUẤT. ĐIỀU KIỆN. HẾT HẠN TỔNG CƯ.

Thẩm quyền của Tòa cấp thẩm : trường hợp người thuê khiếm khuyết nghĩa vụ trả tiền nhà : — phải có sự đòi hỏi đốc thúc của chủ nhà, người thuê mới có lỗi.

Trường hợp biên lai tiền nhà do người thuê xuất trình bị chủ nhà phủ nhận, cho là bị cáo sửa : sự tranh nại này là một sự tranh nại quan trọng về nội dung. Tòa cấp thẩm không có thẩm quyền xét định.

Trường hợp chủ nhà đã có tổng đạt cho người thuê đề đòi nhà : tuy rằng hết hạn tổng cư, người thuê không còn quyền chiếm ngụ, nhưng riêng sự trạng ấy không đủ tạo ra sự khẩn cấp khiến người thuê phải bị trục xuất bằng thủ tục cấp thẩm (án lệ cố định của tòa án Việt Nam từ thời kỳ chiến tranh gây ra nạn khan nhà trầm trọng trong nước).

(*TT Saigon 11-1-1962 PLTS 1963 số II trang 93*)

### 362.— TRỤC XUẤT. THIẾU TIỀN THUÊ NHÀ.

Khi người thuê nhà nêu một tranh tụng quan trọng về quyền hạn của người cho thuê, như hợp đồng thuê mượn chưa mãn hạn, và nếu hợp đồng thuê nhà chưa bị tiêu hủy bởi một án văn hoặc bởi một ước khoản giải tiêu đương nhiên hợp đồng thuê mượn vì thiếu tiền thuê nhà, Thẩm phán cấp thẩm vô thẩm quyền đề truyền trục xuất người thuê, vì lý do thiếu tiền thuê nhà.

(*PA 27-3-1963 PLTS 1963 số III trang 362*)

TRỤC XUẤT VÌ KHIẾM KHUYẾT NGHĨA VỤ. VÔ THẨM QUYỀN NẾU CÓ TRANH TỤNG QUAN TRỌNG.

Nếu không có bằng chứng là người thuê đã bị đốc thúc mà không trả tiền thuê nhà, thì Tòa cấp thẩm không xác nhận được là đã có sự khiếm khuyết nghĩa vụ.

Nếu có sự tranh tụng quan trọng về sự khiếm khuyết này, Tòa cấp thẩm không có thẩm quyền trực xuất người thuê.

Biên bản hòa giải không do thẩm phán lập chỉ có giá trị tương đối, không bó buộc tòa cấp thẩm phải tin tưởng nếu lời lẽ mơ hồ và bị một bên đương sự phủ nhận.

(TT Saigon 3-5-1962 PLTS 1963 số III trang 114)

363.— THẨM QUYỀN TÒA KHẢN CẤP XỬ TRỰC XUẤT NGƯỜI THUÊ KHIẾM KHUYẾT NGHĨA VỤ.

Không thể quan niệm rằng một sự khởi tố trước Tòa chính vụ sẽ đương nhiên làm cho Tòa cấp thẩm vô thẩm quyền vì như vậy là chấp nhận cho đương sự quyền tùy nghi làm ngưng trệ sự điều hành của Tòa cấp thẩm.

Một sự khởi tố trước Tòa chánh vụ, trong khi thủ tục cấp hàm đã liên kết, nếu không căn cứ trên những tài liệu xác đáng, không nêu lên sự tranh chấp quan trọng nào, sẽ không làm cho Tòa cấp thẩm vô thẩm quyền.

Người thuê nhà ngưng trả tiền thuê và không có bảo đảm có thể bị trực xuất khản cấp vì tình trạng này tạo nên sự nguy hại diện tiền cho quyền lợi chánh đáng của chủ phố.

(TT Saigon 17-6-1965 PLTS 1967 số III trang 88)

363.— TRỰC XUẤT. CẤT NHÀ KHÔNG CÓ SỰ ỨNG THUẬN CỦA CHỦ ĐẤT.

Choán đất vô quyền, bị đuổi giờ nhà. Thẩm quyền Tòa án khản cấp. Điều 25 Sắc Lệnh Điền Thổ ngày 21-7-1925 cho phép chủ đất kiện lấy đất lại. Tòa án khi ra lệnh đuổi nhà không hề bị bắt buộc phải hỏi ý kiến trước của sở nhà phố.

Tòa án trọn quyền xét đoán.

(TT Saigon 27-5-1954) (PL số 15 trang 6)

244.— TÒA ÁN CẤP THẨM. THẨM QUYỀN. TỔ QUYỀN CHẤP HỮU.

Đơn xin cầm khuấy rối sự chiếm hữu là một tổ quyền chấp hữu, thuộc thẩm quyền Tòa Hòa giải, Tòa án khẩn cấp vô thẩm quyền và sự vô thẩm quyền ấy liên hệ đến trật tự công cộng.

(HGRQ TÂY NINH 28-8-2956 PLTS 1956 số IV trang 47)

365.— TÒA CẤP THẨM TẠI TRUNG PHẦN.

Mặc dầu trong T.K.H.S.T.T.P. ở Trung phần không nói tới sự hiện diện của Tòa cấp thẩm, nhưng với nhu cầu hiện đại, sự hiện diện của Tòa này được mặc nhiên chấp thuận, dự số 11 ngày 8-12-1955 áp dụng trên toàn lãnh thổ Quốc gia quy định hạn kháng cáo các án lệnh cấp thẩm, và chẳng trên thực tế, Tòa này đã điều hành thường xuyên trong hệ thống Tư pháp hiện hành tại Trung phần.

(TT Huế 10-6-1961 PLTS 1961 số IV trang 107)

366.— UY LỰC QUYẾT TỤNG. ÁN LỆNH CẤP THẨM. SỰ KIỆN MỚI.

Uy lực quyết tụng của một án lệnh cấp thẩm chỉ được công nhận là khi nào không một sự kiện mới nào đem lại sự thay đổi tình trạng giữa hai bên đương sự.

Khi có sự kiện mới thay đổi tình trạng ấy, án lệnh khẩn cấp không có uy lực quyết tụng.

(PA 29-9-1965 PLTS 1966 số II trang 34)

UY LỰC QUYẾT TỤNG. KHẾ ƯỚC THUÊ NHÀ MÃN HẠN. TRỰC XUẤT. THẨM QUYỀN TÒA ÁN KHẨN CẤP.

Nếu theo các điều khoản rõ rệt của khế ước thuê nhà hai bên đương sự đã loại bỏ sự mặc nhiên tái tục và trước khi mãn hạn khế

ước, và trục xuất người thuê, vậy đã biểu lộ ý định chấm dứt sự thuê mượn, sự tranh nại của người thuê về sự mặc nhiên tái tục khế ước không có tánh cách quan trọng.

Quyết định của tòa cấp thẩm không có hiệu lực quyết tụng đối với Tòa xử về chính vụ, nhưng quyết định ấy có uy lực quyết tụng đối với chính Tòa cấp thẩm.

Nếu nguyên đơn đã khởi tố trước Tòa chính vụ căn cứ trên sự vi phạm khế ước, rồi sau khi mãn hạn khế ước mới khởi tố trước Tòa cấp thẩm thì không có sự trùng tố vì nguyên do hai vụ khác nhau.

Tuy Tòa cấp thẩm không có thẩm quyền để giải thích khế ước nhưng Tòa cấp thẩm có thẩm quyền để xác nhận một sự kiện vật chất liên quan đến khế ước như việc khế ước đã đáo hạn.

(*TT Saigon 10-9-1964 PLTS 1965 số 1 trang 127*)

VÔ THẨM QUYỀN GIẢI THÍCH ÁN VĂN (X. 15)

VÔ THẨM QUYỀN XỬ TRẢ DẪN NỢ (X. 325, 348)

VÔ THẨM QUYỀN ĐÌNH CHỈ THI HÀNH ÁN (X. 198)

367.— VÔ THẨM QUYỀN ĐÌNH CHỈ THI HÀNH ÁN.

Thẩm phán cấp thẩm không có quyền đình chỉ thi hành bất cứ gì lý do gì kể cả lý do thi hành khó khăn những điều khoản một phán quyết dầu có tính cách tạm thời.

(*PA 29-9-1965 PLTS 1967. III. II*)

368.— ĐƠN XIN DỰ TỤNG PHÍ ĐỀ THEO ĐUỔI VIỆC LY HÔN. THẨM QUYỀN TÒA CẤP KHẢN. CẤP.

Dự tụng phí, khác với tiền cấp dưỡng, không có tính cách khản cấp tuyệt đối và chỉ có tòa án thụ lý đơn xin ly hôn mới có thẩm quyền ban cấp dự tụng phí.

Dù sao, nếu chấp nhận thẩm quyền tòa khản cấp đối với các biện pháp tạm thời, thì cũng vẫn phải chứng minh yếu tố khản cấp.

(*TT Saigon 13-1-1966 PLTS. 1966. IV. 5*)

## 399.— VÔ THẨM QUYỀN CHUẨN PHÊ TỔNG CƯ.

Phúc quyết của Tòa Thượng Thẩm nhận định sự chiếm cứ vô quyền đề chuẩn y toàn diện án lệnh cấp thẩm của Tòa sơ thẩm trong khi sự phê chuẩn từ tổng cư không thể được chuẩn y, vì Tòa, cấp thẩm vô thẩm quyền, vậy phúc quyết phải bị phá tiêu về khoản này.

(PA 31-8-1966 PLTS 1967. II. 5)

VÔ THẨM QUYỀN CHẨN PHÊ TỜ TỔNG CƯ (X. 357, 360)

VÔ THẨM QUYỀN CỦA NGƯỜI QUẢN TRỊ HƯƠNG HÒA (X. 283)

VÔ THẨM QUYỀN TRIỆT HẠ NHÀ (X. 346)

## 370.— KHÁNG TỐ ÁN LỆNH KHẨN CẤP. VÔ THẨM QUYỀN VỀ QUYỀN SỞ HỮU.

Án lệnh khẩn cấp đã bị kháng cáo, Tòa cấp thẩm vô thẩm quyền xét xử lại. Tòa cấp thẩm cũng vô thẩm quyền phán quyết về quyền sở hữu, vì là một vấn quan trọng thuộc chính vụ. Nguyên đơn không có quyền kháng tố một án lệnh khẩn cấp, mà chỉ được kháng cáo.

(HGRQ BIÊN HÒA 24-5-1961 PLTS. 1965. II. 138)

## KHẾ ƯỚC

371.— BÁN PHỐ. PHÂN BIỆT SỰ HỨA BÁN VÀ SỰ BÁN ĐỨT.  
PHÂN BIỆT TIỀN TRẢ ĐỀ MUA PHỐ VÀ TIỀN ĐẶC CỌC.

Trong một vụ thỏa thuận giao ước đề mua bán phố cho chủ mua và chủ mua đã trả trước cho chủ phố một số tiền rồi, như vậy việc mua bán có tính cách dứt khoát của một sự bán đứt, chớ không phải là một sự hứa bán.

Nếu sau này chủ mua không trả nốt số tiền còn lại, thời người bán hoặc đòi thêm số tiền còn thiếu, hoặc xin giải trừ sự mua bán đó vì chủ mua không thi hành nghĩa vụ của mình. Số tiền do chủ bán đã trả đó không thể xem như tiền đặt cọc được.

(TT Saigon 7-6-1951 PLLS 1951. III. 29)



BÁN PHỐ.

Tờ bán 2 căn phố trong số 4 căn giống nhau đang cất ở một nơi có chỉ định rõ ràng, vẫn có giá trị giữa hai bên kết ước mặc dầu trong đó không có chỉ rõ là 2 căn nào trong số 4 căn đó.

(*TT Saigon 19-3-1959 PLTS 1659. III. 48*)

372.— BÁN ĐẤT. GIAO KẾT BÁN ĐẤT.

Trong tờ giao kết đã định diện tích sở đất bán, và cũng định giá tiền bán dứt; và chủ bán đã nhận đủ số tiền bán đất, tờ giao kết ấy có giá trị như một tờ bán dứt.

(*ST MỸ THO 5-6-1956 PLTS. 1956. IV. 60*)

373.— BÁN NHÀ 2 LẦN. SỰ LIÊN HỆ VỀ PHÁP LÝ (CONNEXITÉ). HỢP NHẤT VÀ PHÂN TÁCH (JUNCTION ET DISJUNCTION).

Trong vụ án đăng tải dưới đây, một sở hữu chủ đã bán nhà 2 lần, sự trùng mại ấy sau đó làm nguyên nhân cho một sự luân chuyển mãi mại bất hợp pháp tái diễn đến ba lần. Ông Thẩm Phán Sơ thẩm đã dùng giải pháp hợp lý bằng tách ra làm hai, việc đòi nhà và các việc đưa những người bán ra dự sự đề bảo và bồi thường.

Xử như vậy là đúng với nguyên tắc thông thường của thủ tục theo đó thì nhà làm luật tố tụng cũng luật hộ không muốn rằng nguyên đơn chính bị thiệt hại vì những sự chậm trễ gây nên bởi các sự khiếu nại, xin đưa người ra dự sự để đảm bảo bồi thường trong các vụ mua lầm bán bậy.

(*TT Huế 24-10-1956 PLTS 1958 số 11 trang 45*)

374.— BẰNG CHỨNG. KHẾ ƯỚC. XỬ DỤNG NHÂN CHỨNG ĐỀ CHỐNG ĐÚT ƯỚC. CHỨNG MINH SỰ GIAN TRÁ.

Điều 1341 Dân luật cấm dùng nhân chứng (preuve par témoins) đề chống lại bút ước (contrat écrit). Nhưng bên cạnh bút ước còn

có một khẩu ước thì nhân chứng có thể xử dụng được để chứng minh những điều khoản của khẩu ước này.

Và nếu một chương kế phải tôn trọng bí mật chức nghiệp về bút ước do mình lập ra, nghĩa vụ đó không thì hành đối với một khẩu ước trong đó ông ta không can dự.

Điều 1353 D.L. cho phép chứng minh sự gian trá (dol) bằng tất cả mọi phương tiện, kể cả suy đoán đơn thường (présomptions simples) Nếu điều 1116 tự rằng « sự gian trá không suy đoán được » (Le dol ne se présume pas) chẳng qua chủ ý buộc nguyên đơn phải dẫn chứng mà thôi, ngoài ra không ngăn cấm sự suy đoán nhận định của vị thẩm phán.

(*ST Saigon 31-18-1956 PLTS 1957 II. 69*)

### 375.— CÔNG TY. HỢP ĐỒNG LẬP HẰNG KỸ NGHỆ LÀM NGÓI. THỦ TIÊU HỢP ĐỒNG.

Nếu trong hợp đồng công ty làm ngói có khoản định rằng một bên xuất vốn ra để bên kia làm ngói vì bên kia là nhà nghề khỏi phải đóng góp đồng nào chỉ có đóng góp kỹ nghệ thôi nay viện lẽ rằng bên kia không biết làm ngói để xóa bỏ hợp đồng thì lẽ đó không được xác đáng.

Nếu trong hợp đồng định rằng, vốn do một bên kết kế bỏ ra và sổ sách cũng do bên đó trông nom thì nếu bỏ ra quá số vốn mà không có sự thỏa thuận của bên kia thì việc bỏ quá số vốn không phải lỗi tại bên kia mà viện có đó xin hưởng bỏ hợp đồng được.

Việc viết thư đòi người kết ước của mình ra khỏi công ty và muốn người khác thế chân coi như vậy là tự ý đơn độc phụ ước vì vậy việc hủy hợp đồng là do lỗi của kẻ phụ ước, thì kẻ này phải bồi thường sự thiệt hại cho người công ước.

(*TT Hà Nội 2-2-1950 PLTS 1950 I. 27*)

### 376.— DẪN CHỨNG BẰNG NHÂN CHỨNG.

Có thể xin dẫn chứng bằng nhân chứng để chứng minh rằng một trái vụ chỉ căn cứ trên một nguyên nhân bất hợp pháp mặc dầu trong chứng thư có ghi một nguyên nhân hợp pháp.

(HGRQ CẦN THƠ 14-5-1957 PLTS. 1957. IV. 41)

### DẪN CHỨNG. LUẬT LỆ DẪN CHỨNG. KHƯỚC TỪ QUYỀN LỢI.

Điều 1341 Dân Luật chỉ ngăn cản việc dẫn chứng những sự kiện pháp lý (faits juridiques) trái ngược với khế ước ; nhưng các sự kiện thực tế (faits matériels) vẫn có thể được dẫn chứng ; điều luật ấy không áp dụng cho việc thương mại.

Sự khước từ không thể ước đoán, nhưng có thể suy luận theo những sự kiện đã phát biểu ý định khước từ một cách rõ rệt.

(ST Saigon 30-3-1955 PLTS. 1955. III. 55)

### 377.— ĐIỀU KHOẢN BÃI TRỪ TRÁCH NHIỆM TRONG KHẾ ƯỚC. HIỆU LỰC ĐIỀU KHOẢN ẤY. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI BÁN TRONG TRƯỜNG HỢP CÓ ĐIỀU KHOẢN BÃI TRỪ TRÁCH NHIỆM VÀ TRONG TRƯỜNG HỢP TRÁI LẠI. TRÁCH VỤ DẪN CHỨNG TRONG TRƯỜNG HỢP TRÊN.

Trong một khế ước mua hàng hai bên có thể giao ước rằng vì tình thể hiện thời, kỳ hạn giao hàng và cả đến sự thi hành khế ước đều không được bảo đảm.

Điều khoản ấy là một điều khoản bãi trừ trách nhiệm người bán và hoãn hữu hiệu.

⊙ Nhưng hiệu lực điều khoản ấy không phải là tuyệt đối xóa bỏ trách nhiệm cho người bán : người bán không phải trách nhiệm vì khế ước nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm nếu đã nhằm lỗi điều gì làm cho khế ước không thi hành được.

Do đấy, với điều khoản bãi trừ trách nhiệm vụ dẫn chứng bị đảo ngược lại trong sự giao dịch giữa hai bên :

Không có điều khoản bãi trừ trách nhiệm, nếu kẻ ước không được thi hành, người mua chỉ việc chiếu kẻ ước bắt người bán phải chịu trách nhiệm, không cần chứng tỏ điều gì khác.

Trái lại với điều khoản bãi trừ trách nhiệm, người mua phải chứng tỏ một sự lầm lỗi của người bán, mới có thể bắt người này chịu trách nhiệm.

(*TT Hà Nội 20-7-1951 PLTS. 1951. III. 59*)

### 378.— ĐIỀU KHOẢN DƯ PHẠT. TRONG TRƯỜNG NÀO VIỆC TỐNC CƯ PHẢI LÀM THEO THẺ LỆ CỦA DU SỐ 17153

Về điều khoản dự phạt, án lệ Pháp không công nhận cho Tòa chính vị sửa đổi; tuy nhiên, án lệ ấy quá khắt khe, không nên áp dụng một cách tuyệt đối, nhất là đối với người Á Đông, thường không ý thức được trọn vẹn sự quan trọng của giấy tờ. Trong sự áp dụng điều khoản dự phạt, phải chú trọng đến tầm quan trọng của sự thiệt hại mà người cộng ước phải chịu vì kẻ ước không được bên kia thi hành đúng mực.

Việc tổng cư chỉ phải làm theo thẻ lệ Dự số 17153 khi nào kẻ ước thuê mượn được thi hành đầy đủ cho đến khi hết hạn đó không phải là trường hợp người chủ nhà kiện người thuê nhà nhằm mục tiêu hủy kẻ ước với lý do người thuê khiếm khuyết nghĩa vụ.

(*TT Saigon 27-11-1962 PLTS 1964 I. 143*)

### 379.— ĐỊNH DANH MỘT KHẺ ƯỚC.

Tòa án xử về tình lý có quyền định danh một kẻ ước nhưng phải viện dẫn đầy đủ các sự kiện do đó tòa ấy đã định như thế, để Tòa phá án có thể kiểm soát xem tòa xử về tình lý đã định danh đúng hay không.

Khẻ ước lập hội phải có các kẻ ước cần thiết là việc góp phần, quản lý công việc của một hội và chia lời lỗ.

Một khế ước thuê đất để cất trường tư thực, tiền thuê hàng tháng phải trả mười phần trăm số học phí thu được với điều kiện này người chủ đất phải trích trong số tiền thuê này sáu phần mười để trả dẫn lại cho người thuê đất, tiền mua trường ấy, không phải là một khế ước lập hội giữa chủ đất và các người thuê đất, tiền mua trường ấy không phải là một khế ước lập hội giữa chủ đất và các người thuê đất vì không có việc chia lời lỗ, góp phần hữu và quản lý công việc của hội.

(PA 27-6-1962) (PLTS 1963 I. 47)

380.— ĐẤU THẦU HOA CHI. TÁNH CHẤT. TRANH TỤNG VỀ THI HÀNH KHẾ ƯỚC TÒA ÁN CÓ THẨM QUYỀN. PHÂN PHỐI THẨM QUYỀN GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÁNH VÀ TƯ PHÁP. TÁNH CHẤT TRẬT TỰ CÔNG CỘNG.

Khế ước đấu thầu hoa chi, thành lập theo thủ tục đấu thầu và quy chế vào một điều kiện sách, với mục tiêu thụ thuế tức là thi hành một công vụ, là một khế ước hành chánh; mọi sự tranh chấp liên hệ đến khế ước không thuộc thẩm quyền của cơ quan tài phán tư pháp.

Sự phân phối thẩm quyền giữa các cơ quan tài phán có tánh cách trật tự công cộng: do đó, sự thỏa thuận ghi trong điều kiện sách, để phó dữ thẩm quyền cho Tòa án tư pháp xét xử mọi tranh tụng liên hệ đến khế ước là hoàn toàn vô hiệu.

(TT Saigon 7-12-1961 PLTS. 1962 IV. 67)

ĐỐC THỨC (X. ĐỐC THỨC)

381.— ĐOẠN MÃI NHÀ (ĐỘNG SẢN). BỊ SAI ÁP. KHÔNG ĐĂNG KÝ. NGAY TÌNH KÈ MUA. GIÁ TRỊ.

Sự đoạn mãi căn nhà trên, tuy có bị sai áp chỉ vô giá trị nếu khi khế ước, kẻ mua đã có gian tình. Gian tình ấy phải được

chúng tỏ. Và sự gian tình ở đây là sự hiểu biết rằng nhà đã bị sai áp mà vẫn cứ mua. Đã đành là trong pháp chế hiện hành không có phương cách gì để tuyên bố việc sai áp những căn nhà làm bằng vật liệu nhẹ trên đất của người khác, nhưng chủ nợ có thể được bảo đảm theo Phổ thông luật pháp và trong trường hợp gặp phải người con nợ liều lĩnh, biến thủ những tài sản đã bị sai áp, không sợ bị truy tố theo hình luật thì đầu người chủ nợ bị thiệt hại những người đệ tam ngay tình đã mua, những tài sản nói trên phải được che chở.

(*TT Saigon 27-4-1961 PLTS 1961 III. 59*)

### 382. — GIẢI THÍCH MỘT KHẾ ƯỚC.

Mỗi khi một tờ khế ước giữa hai đương sự mà ý nghĩa không được rõ rệt, tòa án cần phải giải nghĩa khế ước ấy. Bản phận tòa án là tìm hiểu ý định thật sự của các đương sự khi ký kết hơn là xem ý nghĩa của mỗi danh từ trong khế ước.

Mỗi khi hai hoặc nhiều người ký kết một cách hợp pháp, khế ước lập nên là luật pháp giữa các đương sự mà có bản phận phải thi hành đúng theo đó.

(*TT Saigon 30-7-1953*) (*PL số 17 trang 6*)

### GIẢI THÍCH. KHẾ ƯỚC. TÒA ÁN. TOÀN QUYỀN THẨM ĐỊNH.

Trong một khế ước song phương, nếu ý chí chung của đôi bên kết ước không được minh bạch thể hiện trong văn tự, Tòa án có toàn quyền giải thích và xác nhận tánh chất thật sự của khế ước chiếu theo các sự kiện thật tế trong hồ sơ; Tòa án không bị bó buộc do các danh từ mà đôi bên đã dùng để mệnh danh khế ước.

(*TT Saigon 21-12-1961 PLTS 1961. I. 89*)

GIẢI THÍCH KHẾ ƯỚC.

Thẩm phán xử về tình lý có toàn quyền thẩm định đề giải thích các sự kiện nêu lên, ngõ hầu xét xem các sự kiện ấy có cấu tạo thành sự giả tạo không, cũng như đề giải thích các giao ước, các văn thư, miễn sao không làm biến đổi tánh chất của các sự kiện, các văn thư hay các giao ước ấy.

Những quy tắc về cách giải thích nêu ra bởi các điều 1162 và 1156 Bộ Dân Luật Pháp chỉ là những lời khuyên mà sự vi phạm không phải là lý do xin phá án.

(PA 26-6-1963 PLTS 1963. IV. 13)

383.— THƯƠNG CẢNG SAIGON.

Sự báo thôi không bắt buộc phải làm theo hình thức nào cả.

Sự báo thôi chỉ là một hành vi quản trị, thuộc thẩm quyền của các người có quản trị tài sản của Thương cảng.

Theo quy chế của Thương cảng Saigon - Chợ Lớn, Giám Đốc Thương cảng đại diện pháp nhân này trước Tòa án (Đ. 11 S.L. số 35-CCIGT ngày 14-3-1956) còn một phần hành vi quản trị thuộc nhiệm vụ của phân cuộc công tác. (Đ. 35)

Trở ngại phân cuộc công tác đã hợp lệ ký giấy báo thôi vì là một hành vi quản trị.

(PA 27-11-1963 PLTS 1964. II. 54)

HỨA BÁN (X. HỨA BÁN)

384.— HÙN VỐN MỞ NHÀ THUỐC. CHỨNG MINH SỰ GIẢ TẠO CỦA KHẾ ƯỚC.

Luật pháp cấm được sĩ hùn vốn với người không phải là được sĩ để mở nhà thuốc, nhưng luật pháp không cấm được sĩ vay nợ.

Đối với đệ tam nhân, sự giả tạo của kẻ ước có thể chứng minh bằng mọi phương pháp, nhưng giữa các đương sự với nhau bên nào muốn nêu vấn đề kẻ ước trá hình phải xuất trình phản chứng thư.

(*TT Saigon 31-10-1957 PLTS. 1958. I. 18*)

### 385.— HỒI TIÊU VÀ HIỆU LỰC.

Sự hồi tiêu và vô hiệu của kẻ ước : sự phân biệt này chỉ cần ích cho những kẻ ước mà sự thi hành gồm nhiều giai đoạn và mỗi giai đoạn đã thi hành rồi là dứt khoát những kẻ ước này không thể bị hồi tiêu, vì sự thi hành cho mỗi giai đoạn đã tận phát hiệu lực của kẻ ước, không thể còn lấy lại được.

Trong việc mua bán, người bán đã giao sở vật của việc đoạn mại cho người mua là hết nghĩa vụ hiện thời.

Trừ phi có sự giao ước trái lại rõ ràng, người mua không thể nại được rằng người bán không giao giấy tờ về quyền sở hữu để đòi tiêu hủy việc mua bán ; vì rằng người bán, tuy có nghĩa vụ bảo đảm cho người mua, nhưng nghĩa vụ này chỉ xuất hiện khi nào người mua bị quấy rối trong sự hưởng thụ.

(*TT Saigon 28-12-1962 PLTS. 1963. II. 72*)

### 386.— HIỆU LỰC CỦA KHẾ ƯỚC. THỦ TIÊU KHẾ ƯỚC.

Khế ước lập theo pháp luật có đủ hiệu lực đối với người lập ước, các đương sự không thể đơn phương hủy bỏ khế ước được mà phải chiếu theo điều 848 T.K.H.L. đưa đơn xin thủ tiêu khế ước.

(*HGRQ. PHAN-RANG 19-6-1956 PLTS. 1956. IV. 69*)

### 387.— KẾT ƯỚC VỚI VỊ THÀNH NIÊN. VÔ HIỆU TƯƠNG ĐỐI.

Theo điều 1125 Dân luật Pháp được áp dụng như thành văn lý tính, người nào đã trưởng thành mà kết ước với vị thành niên thì không có quyền khiếu nại sự vô khả năng của vị thành niên ấy.



Sự vô hiệu căn cứ vào sự vô khả năng của vị thành niên là những sự vô hiệu tương đối và chỉ đề che chở vị thành niên mà thôi. Thủ hộ vị thành niên được miễn nại về khoản này.

(*TT Saigon 6-6-1957 PLTS. 1958. I. 37*)

388.— KHẾ ƯỚC. ĐẶT ĐỒNG HỒ ĐIỆN.

Trong phạm vi Đô Thành Công Ty thủy điện phải thỏa mãn đơn xin đặt hồ điện cho một tư nhân, trừ khi có lý do chính đáng, Công Ty được từ khước.

Công Ty thủy điện đã lập bảng giá kê và thu tiền đặt đồng hồ điện cùng đường giây của một tư nhân, đã cam kết thực hiện trong những công tác ấy, nên bị buộc phải thi hành với sự cưỡng thúc.

(*TT Saigon 18-4-1959 PLTS 1960. II. 36*)

389.— KHẾ ƯỚC SONG PHƯƠNG. BÃI ƯỚC.

Theo điều 1184 Dân luật, trong mọi song vụ khế ước, một bên đương sự không thể tự hủy bỏ khế ước.

Vì trái vụ có tính cách liên hệ hỗ tương nên án lệ vẫn công nhận rằng nếu một bên đương sự không thi hành trái vụ của mình thì bên đối phương có quyền không thi hành trái vụ của người ấy.

(*HGRQ. KIẾN-HÒA 4-8-1961 PLTS 1962. I. 95*)

KHẾ ƯỚC SONG VỤ.

Trong khế ước song vụ, nếu một bên không thi hành nghĩa vụ, bên kia đương nhiên có quyền đòi tiêu hủy khế ước theo những nguyên tắc phổ thông về luật nghĩa vụ, khỏi cần phải giao ước; sự tiêu hủy này phải do Tòa tuyên xử, không thể do một bên tự ý quyết định.

(*TT Saigon 17-8-1961 PLTS 1962. III. 48*)

390.— HỢP ĐỒNG GIẢ ĐỊNH. GIAN LẬN THUẾ. SỰ VÔ HIỆP  
THỜI THUẾ MUỐN.

Hợp đồng giả định có mục đích gian lận thuế phải bị hủy bỏ

Hợp đồng không phản ảnh trung thực ý định của các đương  
sự không thể dùng làm căn cứ về những điều khoản ước định giữa  
hai bên.

(TT Saigon 15-10-1964 PLTS 1966. I. 116)

391.— KHẾ ƯỚC LÃNH THẦU : QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ  
CỦA HAI BÊN CỘNG ƯỚC.

Trong khế ước lãnh thầu, người lãnh có nghĩa vụ hoàn thành  
công tác trong thời gian và theo những điều kiện mà hai bên đã  
thỏa thuận ; phải chịu trách nhiệm về những hành vi của mình, nhất  
là về những tai nạn đối với người đệ tam trong thời gian công tác.

Ngược lại, người lãnh thầu có quyền được tiếp tục công việc  
cho đến khi công tác được hoàn thành.

Do đấy, trong khi công tác đang làm dở, và khế ước chưa bị  
tiêu hủy bởi một quyết định tư pháp hay một điều khoản do hai bên  
đã chấp nhận trong khế ước, người chủ không có quyền đòi tòa cấp  
thẩm truyền người lãnh thầu giao cho mình công tác đang làm dở, để  
giao cho người khác hoàn tất.

(TT Saigon 30-8-1962 PTTS 1963 .IV. 102)

392.— KHẾ ƯỚC MUA BÁN HÀNG HÓA. ĐIỀU KHOẢN BÃI  
TRỪ TRÁCH NHIỆM TRONG KHẾ ƯỚC.

Trong một khế ước mua hàng, hai bên có thể giao ước rằng  
vì tình thế hiện thời, kỳ hạn giao hàng và cả đến sự thi hành khế  
ước đều không được bảo đảm.

Điều khoản ấy là một điều khoản bãi trừ trách nhiệm (clause  
d'irresponsabilité) cho người bán và hoàn toàn hữu hiệu.

Nhưng hiệu lực điều khoản ấy không phải là tuyệt đối xóa bỏ trách nhiệm cho người bán : người bán không phải chịu trách nhiệm về khế ước, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm nếu đã làm lỗi điều gì làm cho khế ước không thi hành được.

Do đấy với điều khoản bãi trừ trách nhiệm, nhiệm vụ dẫn chứng bị đảo ngược lại, trong sự giao dịch giữa hai bên. Không có điều khoản bãi trừ trách nhiệm, nếu khế ước không được thi hành, người mua chỉ việc chiếu khế ước mà bắt người bán phải chịu trách nhiệm ; không cần chứng tỏ điều gì khác.

Trái lại, với điều khoản bãi trừ trách nhiệm, người mua phải chứng tỏ một sự nhầm lẫn của người bán, mới có thể bắt được người này chịu trách nhiệm.

(*TT HÀ NỘI 20-7-1951 PLTS 1951. III. 59*)

393.— KHẾ ƯỚC MUA BÁN. VIỆC MUA BÁN ĐỒ CŨ ĐÃ ĐỨT KHOÁT..

Việc mua bán các đồ cũ đã đứt khoát, về sau nếu người mua nhận thấy các đồ mua có tì tích thì phải được coi như đã ưng thuận và không thể mang trả lại đồ vật và buộc người bán hoàn lại tiền được.

(*TT Saigon 3-12-1955 PLTS. 1956. 1. 22*)

394.— MUA BÁN NHÀ MÀ CHƯA TRẢ ĐỦ TIỀN. SỰ THAY ĐỔI TÍNH CHẤT SỐ TIỀN MUA BÁN NHÀ CÒN THIẾU RA SỐ NỢ THƯỜNG. NGHĨA VỤ NGƯỜI THỤ THÁC.

Trong một việc bán nhà, nển 2 bên làm giấy tờ không nói rằng người bán chưa nhận tiền lại, nói rằng người bán đã giao cho người mua một số tiền để giữ hộ thì mặc dầu tất cả các trường hợp, các điều kiện khác, người mua phải trả số tiền ấy cho người bán.

Là vì sự giao kết như trên và mặc dầu 5 bên công nhận rằng số tiền nợ, tuy nói trong giấy tờ là tiền đem giữ, nhưng thật ra

là tiền bán nhà, món nợ giữa 2 bên cũng thay đổi tính chất theo điều 824I D.L.B.

Sự thay đổi tính chất ấy đã làm tiêu diệt nhiệm vụ cũ để thay thế bằng một nhiệm vụ khác, nhiệm vụ giả tiền - obligatoir de payer (prix) đã được thay thế bằng một nhiệm vụ hoàn lại một đồ vật ký thác (obligan de).

Đã nhận ký thác thì phải hoàn lại theo điều 1145.

(ST Hà Nội 7-9-1951 PLTS. 1951 IV. 41)

### 395.— MUA BÁN.

Dụng cụ mua lại của chính phủ đã xuất tiền ra mua và với điều kiện là dụng cụ ấy thuộc quyền sở hữu của chính phủ cho đến khi người mua trả đủ số tiền, thì dụng cụ ấy còn là của sở hữu chính phủ cho đến khi nào số tiền được hoàn lại đủ cho chính phủ. Dầu trong thời gian ấy; dụng cụ vẫn thuộc quyền sở hữu của chính phủ.

Trong khi số tiền do chính phủ xuất ra chưa được hoàn lại đủ cho chính phủ thì sự tịch biên của một người đệ tam trên các dụng cụ đó, vô giá trị và vô hiệu lực đối với chính phủ.

(TT Saigon 13-8-1959 PLTS. 1960. I. 35)

### 396.— NGUYÊN NHÂN CỦA KHẾ ƯỚC.

Nếu không có nguyên nhân thì khế ước không có hiệu lực. Do đấy lời cam kết của một cá nhân xin trả lại cho một cá nhân khác một số đồ vật, nếu không có gì làm «nguyên nhân» thì lời cam kết không có hiệu lực và người đã cam kết có thể từ chối không trả lại.

(ST Hà Nội 20-7-1951 PLTS. 1951. III. 55)

### 397.— NUÔI RỄ TRẦU. CHO THUÊ QUÁ 3 NĂM. KHẾ ƯỚC LÃNH CANH RUỘNG CÓ KÈM THEO SÚC VẬT Ở THÔN QUÊ. KHẾ ƯỚC MIỆNG. BẰNG CHỨNG. CHIA TRẦU CON SINH THÊM RA.

Theo các Điều 1138 và 1129 Hộ Luật Trung Việt, khế ước cho thuê dưới 3 năm có thể làm ra giấy hoặc làm bằng miệng trên 3 năm thì phải làm bằng giấy tờ, Nếu thế quá 3 năm mà làm khế ước bằng miệng thì chỉ thế có chứng tỏ sự thuê mượn cho thời hạn 3 năm mà thôi.

Nguyên tắc trên chi phối cho các khế ước lãnh canh ruộng có súc vật kèm theo, ở thôn quê. Vì vậy nếu khế ước nuôi rē trâu (như trong vụ dưới đây) làm bằng miệng quá thời hạn 3 năm thì chỉ có thế chứng tỏ việc nuôi rē trâu cho thời hạn 3 năm mà thôi. Theo điều 1201 Hộ Luật Trung Việt, người nuôi rē trâu cho người khác được chia một phần nửa số các trâu con sinh thêm ra.

(TT HUẾ 6-6-1956 PLTS. 1956. IV 43)

### 398.— THỦ TIÊU GIAO KÈO. TRÁCH NHIỆM VỀ NHỮNG KHOẢN BỒI THƯỜNG.

Nếu sự thủ tiêu giao kèo và việc đòi bồi thường thiệt hại do sự thủ tiêu giao kèo phát sinh ra do hai bên đứng kiện cùng nhằm một mục đích là yêu cầu Tòa xét xem việc thủ tiêu do lỗi ai và nếu hai bên việc đó thuộc về một ngôi nhà thì Tòa có thể đem xử hai việc cùng một lúc.

Người nào đã thuận tình đứng ký kết giao kèo rồi không thể nêu khiếm khuyết gì đối với thể thức pháp luật mà xin hủy bỏ sự ký kết được. Chỉ có người ngoại cuộc vì sự ký kết đó làm thiệt hại đến quyền lợi của mình mới có thể nại những lý lẽ kể trên mà xin hủy bỏ sự ký kết đó.

Người nào về phương diện pháp lý mà không có tư cách hay năng lực để ký kết một khế ước thời phải chịu trách nhiệm về những khoản bồi thường thiệt hại do khuyết điểm này gây ra một khi khế ước bị hủy bỏ.

Nếu trong khế ước thuê nhà chỉ nói cho thuê để ở thôi, chứ không nói đến một khoản nào khác như việc mở công nghệ hay kỹ

nghệ v.v... thì việc người thuê nhà khi giao nhà lại đòi bồi thường về sự thiệt thòi không tiến hành được nghề nghiệp của mình là không có căn bản pháp lý.

Nếu người thuê nhà chỉ vì sự ăn ở thêm chút tiện nghi sạch sẽ và hợp vệ sinh mà tự ý sửa chữa nhà chứ để không phải là một điều kiện do người cho thuê bắt buộc thì các khoản xin bồi thường thiệt hại về sự sửa chữa ấy sẽ bị bác bỏ.

Người nào không đủ tư cách mà ký hợp đồng cho thuê nhà thì phải chịu bồi khoản thiệt hại về sự dọn nhà trước khi mãn hạn của chủ thuê một khi mà hợp đồng thuê nhà đã bị Tòa hủy bỏ vì không đúng theo thể thức pháp luật.

(TT HÀ NỘI 22-12-1949 PLTS 1950. I. 20)

399.— TIỀN CỌC. (arrhes) VÀ TIỀN ĐƯA TRƯỚC ĐỀ TRỪ VÀO GIÁ MUA (ACOMPTE) TÍNH CHẤT VÀ HIỆU LỰC PHÁP LÝ CỦA HAI THỂ THỨC ẤY. TRƯỜNG HỢP PHẢI HOÀN LẠI TIỀN ĐẶT NHẤT BỘI NHỊ.

Trong việc mua bán người mua thường đưa trước cho người bán một số tiền : nếu việc mua bán đã thành tựu đủ điều kiện thì tiền ấy là tiền đưa trước đã trừ vào giá mua (acompte) ; nếu chỉ là một việc hứa hẹn mua bán tiền ấy là tiền cọc (arrhes). Phải ước đoán là tiền acompte, nếu không có lời giao ước rõ ràng hay tục lệ rõ ràng hay trái lại.

Trong cả hai trường hợp (arrhes hay acompte) Điều 882 D.L.B.V. đều cho phép người bán cũng như người mua được giao bằng cách hoàn lại nhất bội nhị số tiền ấy. Tuy nhiên phải nhận định rằng một đảng người giải ước chỉ bó buộc phải hoàn nhất bội nhị nếu đã thuận tiện tự ý giải ước. Trong trường hợp không đủ quyền hạn để thi hành lời cam kết, người ấy không phải hoàn lại nhất bội nhị.

Một đảng khác nếu trái ước của bên này làm thiệt hại bên kia, thì đó là vấn đề khác ra ngoài phạm vi Đ. 882, vấn đề trách nhiệm về khế ước.

(*ST Hà-Nội 29-2-1952 PLTS 1952. III và IV. 58*)

Khế ước : Dân chúng — Khước từ quyền lợi — Truyền phiếu bách hện. (X. 401)

(*ST Saigon 30-3-1955 PLTS. 1955. III. 53*)

400.— TIỀN CỌC. GIAO ƯỚC CHỊU TIỀN THIẾT HẠI.

Bán có thầu tiền cọc, nhưng hai bên giao ước rằng đúng ngày đã định, nếu người mua không chõng tiền mua, phải chịu tiền thiệt hại ; trong trường hợp này Tòa án không được áp dụng điều 1590 Dân Luật Pháp kể như thành văn lý tính để bắt người mua phải mất tiền cọc, nếu đúng ngày hện người mua không có chõng tiền.

Hai bên có ký kết, như đã nói trên, đúng ngày hện người mua không có trả tiền, sự mua bán bất thành, người mua chỉ phải trả tiền thiệt hại, do tòa án ấn định số tiền thiệt hại này, chiếu nguyên tắc pháp lý sự giao kết là luật lệ chung cho hai bên đồng ước.

(*TT Saigon 6-6-1957 PLTS. 1958. IV 19*)

401.— TRUYỀN PHÂN BÁCH HỆN.

Không có khoản nào trong dân luật, dù về luật pháp khế ước phổ thông, dù về luật pháp đặc biệt việc đoan mại, bó buộc truyền phiếu bách hện phải giao tận tay cho đương sự, mới phát động được hiệu lực của lời giao ước tiêu hủy khế ước (clause résolutoire) ;

Trái lại, về việc mua bán thương mại, các đương sự có thể bách hện cho nhau bằng thư tín, hoặc bằng khẩu thiệt (N.R. Dallog V<sup>o</sup> Obligations N<sup>o</sup> 109).

(*ST Saigon 30-3-1955 PLTS. 1955. III. 55*)

## 402.— TIỀN THÂM TRUYỀN ĐIỀU TRA.

Về giá trị hiệp ước, nếu có bằng chứng rằng 1 bên đã lập mưu đánh lừa bên kia, đến nỗi nếu không có mưu đó bên kia không giao ước, thời sự đánh lừa đó là một duyên cớ làm cho hiệp ước vô hiệu (điều 695 Hộ Luật Trung Việt).

« Lập mưu đánh lừa » là dùng « mưu mô » là dùng « mưu chước » « quyết kế » khéo léo hay thô bỉ nhưng luôn luôn gồm những hành vi sắp đặt để đánh lừa (theo luật học Droit Civil Planid).

Hai người có hợp đồng buôn chung, 1 bên giữ tiền vốn tiền lời nhưng không chịu chia tiền lời theo hợp đồng. Bên kia kiện, bên này đề nghị sẽ chia hai vạn tiền lời nếu bên kia chịu ký thuận hủy hợp đồng làm lùi ngày và xin hưu nại tại Tòa. Ký xong tờ thuận hủy, bên này lờ đi không giao 20.000đ.00 ; Đó là một trường hợp « lập mưu đánh lừa » làm cho tờ thuận hủy thành vô hiệu.

Theo điều 157 Hộ Luật Tố tụng Trung Việt thì « Thâm phán có thể tự mình hay là do người đương sự xin mà truyền xét hỏi » Điều luật tố tụng ấy hợp với lẽ phải, vì để có đủ tài liệu xét xử, Thâm phán thường khi cần ra án tiên thâm truyền điều tra mặc dầu các đương sự không thỉnh cầu.

(TT Huế 18-1-1956 PTTS. 1956. I. 45)

## 403.— TRƯỚC BẠ. VĂN KIỆN MÃI MẠI. ĐƠN PHẢN TỐ.

Một văn kiện mãi mại đầy đủ nội dung, vẫn có giá trị đối với hai bên đương sự mặc dù chỉ làm thành một bản, không trước bạ và cước đăng vào bộ điền thổ, hoặc không được nhà chức trách thị thực đúng theo kiểu mẫu của bộ luật. Đơn phản tố, không được chấp thuận.

(ST Nha trang 5-7-1955 PLTS. 1956. I. 89)



404.— THI HÀNH KHẾ ƯỚC. TÍNH CÁCH CỦA MỘT CUỘC NỘI CHIẾN.

Sự thi hành khế ước bảo kê cũng như về mọi khế ước khác, phải ngay tình và theo đúng ý định thỏa thuận giữa hai bên khi giao ước.

Nội chiến phải có sự tham gia của một phần dân chúng sự điều khiển của một chánh quyền lâm thời, sự chiếm cứ một phần lãnh thổ để làm căn cứ hoạt động và phải kéo dài được một thời gian để ngoại quốc có thể suy định sự nhìn nhận tính cách đối chiếu của hai bên.

Cuộc bạo động của Bình Xuyên trong tháng năm 1955 không có tánh cách nội chiến.

(*TT Saigon 17-11-1956 PLTS. 1957. I. 27*)

404.— KHẾ ƯỚC BÁN CÂY DO TỈNH ĐƯỜNG KÝ KẾT VỚI TƯ NHÂN. TÍNH CHẤT. TRANH TỤNG VỀ THI HÀNH KHẾ ƯỚC. TÒA ÁN CÓ THẨM QUYỀN.

KHÔNG THI HÀNH KHẾ ƯỚC. THI HÀNH CƯỠNG BÁCH. BỒI THƯỜNG. TÍNH CHẤT.

Khế ước do một tỉnh đường ký kết để bán cây cho tư nhân là một khế ước dân sự, một khế ước đoạn mãi ; Tỉnh đường đã hành động như một tư nhân, và không thể dùng những quyền hành của chức dịch để hủy bỏ khế ước ; sự hủy bỏ cũng như mọi sự tranh chấp giữa hai bên vì sự thi hành khế ước, thuộc thẩm quyền Tòa tư pháp.

Theo luật nghĩa vụ, chủ nợ chỉ có thể hoặc đòi sự thi hành cưỡng bách, hoặc đòi bồi thường vì khế ước không được thi hành ; án văn vừa cho phép tiếp tục thi hành khế ước, vừa ban cho bồi thường là vi luật.

Sự bồi thường có thể xuất sinh ở trách nhiệm ước định và tách cách thay thế cho sự thi hành kế ước mà một đương sự kế ước không thể tiếp tục : cũng có thể xuất sinh ở trách nhiệm pháp pháp ; trong trường hợp đó, án văn phải nêu rõ những yếu tố của trách nhiệm này là : lỗi của đương sự, sự thiệt hại và sự liên hệ nhân quả giữa hai yếu tố ấy.

(*TT Saigon 31-3-1961 PLTS, 1962. III 56*)

406.— TRẢ TIỀN BẰNG NGOẠI TỆ : HIỆU LỰC CỦA SỰ GIAO ƯỚC THI HÀNH BẰNG NGOẠI TỆ. KẾ ƯỚC THUÊ NHÀ DO MỘT CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN. TRƯỜNG HỢP CÔNG TY THUÊ NHÀ CHO NHÂN VIÊN Ở ; TÁC DỤNG CỦA VIỆC THUÊ MUỐN. THÌNH CẦU TÂN TỐ : TRƯỜNG HỢP THÌNH CẦU ĐÃ ĐƯỢC DÀNH LẠI TRƯỚC TÒA SỞ THẨM.

Điều khoản trả tiền bằng ngoại tệ vô hiệu trong tất cả những trường hợp nào điều khoản ấy nhằm mục đích trốn tránh sự cưỡng chế lưu dụng của quốc tế.

Nói riêng về việc thuê nhà, phải coi là vô hiệu điều khoản trả tiền thuê tại Paris bằng tiền quan, không cứ giá bạc lúc trả là bao nhiêu.

Tuy nhiên, chỉ riêng điều khoản vô hiệu, chứ không làm cho kế ước vô hiệu về toàn diện, vì sự ước định giá thuê theo ngoại tệ có thể là một sự chỉ dẫn về giá thuê đề đổi ra quốc tế theo hồi xuất chính thức ; do đấy, sự thuê mượn không thiếu yếu tố về giá cả.

Công ty trách nhiệm hữu hạn là một công ty thương mại : việc thuê nhà làm chỗ ở cho nhân viên của công ty là một việc thuê nhà có tác dụng thương mại, không thuộc phạm vi áp dụng Dự số 4153 mà thuộc phạm vi áp dụng Dự số 17153.

Một tụng nhân không thể định quyền về một thỉnh cầu trước Tòa Sơ thẩm đề lại nêu ra vấn đề ấy trước Tòa Thượng Thẩm, vì như vậy thỉnh cầu có tính cách tân tổ.

(TT Saigon 23-8-1962 PLTS. 1963. III 129)

407.— UNG THUẬN HÀ TỶ. HÀNH VI LỢC ĐOẠT. DỰ NGÀY 9-6-1945. ÁP BỨC. HÀNH HUNG. TOÀN QUYỀN THẨM LƯỢNG.

Tòa án xử về tình lý có toàn quyền thẩm định đề xét xem sự mãi mại đã hoàn thành do sự bạo hành, áp bức hoặc dọa nạt hay trái lại với tính cách thông thường của một sự mua bán giữa tư nhân, tùy theo lời lộ mà không chú trọng đến quốc tịch của một bên hay tình trạng chiếm đóng.

Sau khi với toàn quyền thẩm lượng đó, tòa án xử về tình lý đã xác nhận rằng trong tình trạng giao hảo lúc bấy giờ giữa nhà cầm quyền Đông Dương và quân đội Nhật đồn trú, nguyên thượng tố đã tự do ưng thuận đoạn mại với giá lời gấp hơn bốn lần một số đất y mua ba năm về trước (1939) và xác nhận rằng trong sự mãi mại không có bạo hành, áp bức hay dọa nạt, tòa án ấy đã hợp lý từ chối áp dụng Dự ngày 9-6-1945 vì những điều kiện của Dự này không hội đủ.

(PA 26-2-1964 PLTS. 1964. III. 31)

ƯỚC ĐIỀN LƯU CHẤT (X. 299)

UNG THUẬN BỊ HÀ TỶ. VÔ HIỆU. BẰNG CHỨNG VỀ SỰ ÁP BỨC. ƯC ĐOÁN.

Sự bạo lực áp bức là một duyên cớ khiến cho sự cam kết thành vô hiệu, vì thiếu yếu tố tự do thỏa thuận của một bên đương sự kết ước.

Theo nguyên tắc và án lệ của Tòa Phá án những sự kiện bạo lực áp bức có thể chứng minh bằng tất cả mọi cách kể cả bằng những

sự ước đoán căn cứ vào những sự kiện hiển nhiên và không mâu thuẫn, xác nhận giá trị sự kiện bằng chứng này thuộc quyền phán đoán của tòa xử về nội dung.

(PA 30-11-1960 PLTS. 1961. III. 10)

## KHỞI TỐ

### 408. — CON KIẾN CHA MẸ. CON ĐI KIẾN CHA MẸ.

Điều 13 Nghị định ngày 16-3-1910 ấn định rằng người con đi kiện cha mẹ phải có trưởng tộc thay mặt, nếu không có phải xin Công tố viện đứng chánh tố. Hơn thế điều 259 nghị định 16-3-1910 còn định rằng nếu không theo đúng các sự bó buộc đã ghi, thủ tục sẽ vô hiệu và nếu sự bó buộc liên quan đến tư cách hoặc năng lực của đương sự, sự vô hiệu có thể nêu ra bất kỳ lúc nào cũng được,

Luật không cấm đoán một bị đơn xin xen vào vụ đứng về phía nguyên đơn yêu cầu Tòa chấp nhận lời thỉnh cầu của người sau này.

(TT Saigon 12-5-1956 PLTS. 1956. III. 24)

### 409. — ĐƠN KHỞI TỐ. SỬA ĐỔI.

Điều 8 Nghị định ngày 16-3-1910 cấm thay đổi những thỉnh cầu ghi trong đơn khởi tố sau ngày 2 bên nguyên, bị được đòi ra hầu trước Tòa.

Nhưng nếu những thỉnh cầu ghi trong đơn khởi tố được trình bày một cách tổng quát, nguyên đơn có thể xác định những thỉnh cầu này bằng những chi tiết mà đại cương đã được bao hàm trong những thỉnh cầu nguyên thủy.

(ST Saigon 1-4-1959 PLTS. 1960. II. 69)

ĐƠN KHỞI TỐ SỬA ĐÒI.

Theo điều 8 Nghị định ngày 16-3-1910 nguyên đơn không được phép sửa đổi yêu sách đã ghi nơi đơn khởi tố sau khi vụ tranh chấp đã được đem ra phiên tòa.

Việc xin bớt số tiền đòi không phải là sự sửa đơn khởi tố cũng không phải là một thỉnh cầu mới, vậy không có chi là trái luật.

(TT Saigon 25-7-1957 PLTS. 1958. II. 22)

410. — NẠP GIẤY TỜ. NGHỊ ĐỊNH 16-3-1910. ĐIỀU 6 VÀ 10 TÍNH CÁCH CHỈ DẪN.

Các điều 6 và 10 Nghị định 16-3-1910 chỉ có nghĩa đề chỉ bảo các tụng nhân những điều phải làm, khi đệ đơn khởi tố, chớ không hề cấm họ xuất trình các giấy tờ bổ túc lập sau đơn khởi tố.

(PA 31-3-1965 PLLS. 1965. IV. 49)

411. — HỒ SƠ XỬ ĐƯỢC. DÂN SỰ. TỐ. TỤNG. NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910. ĐIỀU 24 VÀ 25. VỤ KIỆN. TÌNH TRẠNG XỬ ĐƯỢC ; TRANH LUẬN. RÀNG BUỘC. ĐƯƠNG SỰ XUẤT ĐÌNH. ĐƯƠNG SỰ QUA ĐỜI. THỪA KẾ DỰ SỰ.

Chiếu điều 24 Nghị định ngày 16-3-1910 vụ kiện được coi là ở trong tình trạng xử được và sự tranh luận coi là đã ràng buộc hai bên đương sự, khi có trát đòi, các đương sự đã xuất đình hoặc đích thân hoặc nhờ luật sư thay mặt.

Chỉ trong trường hợp một bên đương sự qua đời trước khi sự tranh luận coi là đã ràng buộc hai bên đương sự, mới phải đòi thừa kế ra dự sự chiếu điều 25 Nghị định nói trên.

Khi các đương sự đã xuất đình vụ tranh tụng được coi là đã ràng buộc họ.

Vậy khi họ qua đời trong trường hợp này, không cần ĐƠN PHẢN TỐ, đòi thừa kế ra dự sự.

(PA 27-10-1965 PLTS. 1966. II. 37)

đơn phải khởi tố.

412.— NỘP BÚT LỤC.

Điều 10 Nghị định ngày 16-3-1910 chỉ có tính cách chỉ dẫn không bó buộc các tài liệu minh xác đơn khởi tố phải nộp cùng một lúc với đơn khởi tố. Các tài liệu này chỉ có tính cách dẫn chứng nên có thể xuất trình lúc nào cũng được ; nếu không xuất trình thì sẽ thất kiện vì thiếu bằng chứng theo nguyên tắc thông thường của luật dân sự (TT Saigon 7-6-1962 PLTS. 1963. III. 119)

414.— C  
Đ  
tri, chỉ là riêng nư

VIỆC ĐỀ NỘP BÚT LỤC LÀM CĂN CỨ CHO ĐƠN KHỞI TỐ ĐIỀU 10 NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910. Ý NGHĨA VÀ ÍCH DỤNG CỦA ĐIỀU LUẬT NÀY.

415.— T

Theo điều 10 Nghị định ngày 16-3-1910, nguyên đơn phải nộp cùng với đơn khởi tố những tài liệu làm căn cứ cho đơn này.

T  
thỉnh cần được tờ riêng bị

Nhưng nếu đương sự không nộp ngay giấy tờ cùng với đơn thì đó không phải là một lý do làm cho đơn phải bác bỏ.

Vì rằng điều 10 không đặt ra một hình thức bó buộc mà chỉ tính cách chỉ dẫn cho người đi kiện được biết phải nộp những giấy tờ gì.

416.—

Nếu không có bằng chứng, đơn kiện phải bị bác bỏ, nhưng nếu có bằng chứng, sự xuất trình sau đơn khởi tố, hay cùng một lúc không quan hệ.

đương

(TT Saigon 13-7-1961 PLTS. 1962. II. 53)

412.— ĐƠN PHẢN TỐ. TƯ CÁCH NGƯỜI ĐƯNG ĐƠN PHẢN TỐ.

những biết k đại k lời l (Đ. 8

Một tờ chức, bị đơn về chánh vụ, sau khi biện luận rằng họ không có pháp nhân và được Tòa đặt ra ngoài vụ, không thể đứng

đơn phản tố đề xin tiền bồi thường thiệt hại vì thiếu tư cách đề khởi tố.

(*ST Saigon 1-4-1959 PLTS 1960. II. 69*)

414.— **QUẢN TRỊ VIÊN KHỞI TỐ.**

Đi kiện đề đòi lại đất mà chính mình cho thuê với quyền quản trị, chỉ là một việc quản trị mà thôi nên không cần phải cho phép chủ riêng nữa mới được thừa kiện.

(*PA 22-8-1956 PLTS 1958. II. 9*)

415.— **THỈNH CẦU MỜI.**

Trong đơn khởi tố thỉnh cầu một việc, khi ra trước Tòa lại thỉnh cầu một việc khác, lời thỉnh cầu sau phải bác bỏ. Nếu muốn được tòa xét đến tố quyền sau, phải xử dụng bằng một đơn khởi tố riêng biệt khác với vụ kiện đương tiến hành.

(*TT Saigon 22-10-1955 PLTS 1958. IV. 52*)

416.— **THỈNH CẦU KHÔNG PHÂN MINH. TÒA ÁN BỎ KHUYẾT Ý ĐỊNH CỦA NGUYÊN ĐƠN THEO PHÁP LUẬT VÀ LỆ CÔNG BẰNG.**

Theo nguyên tắc Tòa án chỉ xử về lời kết luận của người đương sự mà thôi.

Nhưng Tòa án cũng có thể tùy trường hợp mà thê nhận những lời khiếu nại không phân minh vì người đương sự không biết khai trình một cách rõ ràng đề bênh vực quyền lợi của mình đại khái như là « xin Tòa xét cho » mà thôi, rồi bỏ khuyết vào lời không được phân minh ấy theo Pháp Luật và lệ công bằng (Đ. 83 Trung kỳ Hộ sự Thương sự Tố tụng Pháp).

(*TT Huế 7-6-1961 PLTS. 1962. I. 80*)

## 417.— TƯ CÁCH KHỞI TỐ CỦA ÔNG TỈNH TRƯỞNG.

Chiếu dụ số 571a, ông Tỉnh Trưởng có tư cách khởi tố nhân danh Tỉnh trưởng thay thế Hội đồng xã. Người đấu thầu được mà không xử dụng một điều khoản của kế ước đề khiếu nại trước ngày kế ước bị hủy, không còn quyền xin mở cuộc điều tra bổ túc. Người bảo lãnh phải liên đới với phụ trái, vì kế ước đã dự định rằng y phải chịu liên đới với phụ trái về trách nhiệm dân sự.

(HGRQ BIÊN HÒA 4-8-1961 PLTS. 1965. II. 127)

## 418.— VÔ HIỆU VỀ HÌNH THỨC.

Nguyên đơn kiện chung trong một đơn khởi tố nhiều bị đơn khác nhau, không cùng chung một trường hợp, đối tượng không đồng nhất, đơn khởi tố vi phạm điều 7 ngày 16-3-1910. bị bác khước về hình thức.

Trong trường hợp đơn chánh tố vô hiệu về hình thức và đã bị bác khước, đơn phản tố trở thành vô căn bản.

(PA 7-12-1963 PLTS. 1964. IV. 112)

## 419.— ĐƠN KHỞI TỐ VI PHẠM ĐIỀU 7 NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910.

Theo điều 259 Nghị định ngày 16-3-1910 sự vô hiệu phát sinh nơi sự vi phạm điều 7 Nghị định ấy chỉ có tình cách tương đối, phải được nêu lên trước khi tranh luận về nội dung và trước mọi khước biện khác, trừ khước biện vô thẩm quyền, và Tòa án không quyền đương nhiên nêu lên.

Trước Tòa sơ thẩm, các bị đơn đã tranh luận về nội dung sự vô hiệu, nếu có, đã được bao yếm, và Tòa sơ thẩm đã vi luật khi đương nhiên nêu lên khước biện ấy đề bác đơn khởi tố.



Dù sao, tuy số bị đơn có nhiều, nhưng tất cả đều chiếm ngụ trên 2 sớ đất hợp thành một đơn vị duy nhất, việc trục xuất căn cứ vào một nguyên đơn duy nhất là sự thiếu tư cách chiếm ngụ sau ngày tổng cư, vậy đơn khởi tố kiện chung các bị đơn không vi phạm điều 7 Nghị định ngày 16-2-1910.

(TT Saigon 9-9-1966) (PLTS 1967 II. 91)

## KỶ ĐIỀN

420.— KỶ ĐIỀN. HỘI ĐỒNG ĐẠI TỘC. CHIA RUỘNG CHO NGÀNH THỨ ĐỀ LÀM GIÒ. CẢI DỤNG.

Hội đồng đại tộc đã cải dụng hương hỏa ra kỷ điền khi chia cho các ngành con trai thứ một phần hương hỏa với sự thỏa thuận của ngành trưởng và buộc mỗi ngành thứ được hưởng ruộng phải làm mỗi năm hai cái giò, hội đồng đại tộc có quyền quyết định việc cải dụng và phân chia như trên.

(PA 27-1-1965) (PLTS. 1965. III. 4)

LẠM TỔ (X. TỔ QUYỀN)

LÀM LẤN (X. 69 và 70)

421.— LÀM LẤN. NGAY TÌNH NGƯỜI MUA.

Sự đoạn mãi do người sở hữu chủ biểu kiến đứng bán không thề xin xử tiêu bởi sở hữu chủ thực thụ và phải đối kháng với người này một khi đã có sự làm chung và kẻ mua đã ngay tình và tạo mãi. Thuyết ngoại biểu đề áp dụng không cần xét đến tình ý gian ngay của kẻ bán.

(TT Saigon 30-11-1961) (PLTS 1962 II. 57)

LIÊN ĐỐI TRÁCH NHIỆM (X. TRÁCH NHIỆM LIÊN ĐỐI)

LỜI THỨ NHẬN (X. BẰNG CHỨNG).

## LUẬT LỆ

### 422. — BẢN VĂN CÓ TÍNH CÁCH LẬP QUI. KHÔNG CÔNG BỐ HIỆU LỰC.

Theo luật số 5159 ngày 17-1-1959 các bản văn có tính cách lập pháp và lập quy-chỉ có hiệu lực chấp hành do sự công bố vào Công Báo Việt Nam.

Quyết định ngày 24-4-1964 của Thủ Trưởng Chính phủ không được công bố hợp lệ nên không được chấp hành, vậy không cần đặt vấn đề tiêu hủy hay xét định về nội dung của quyết định ấy.

(*TT Saigon 22-4-9165*) (PTLS. 1967. III. 76)

### 423. — HIỆP ĐỊNH VIỆT PHÁP NGÀY 16-9-1954. SỰ CHUẨN PHÊ VÀ BAN BỐ MỘT HIỆP ĐỊNH KÝ KẾT GIỮA HAI NƯỚC. HIỆP ƯỚC BERNE. HIỆP ĐỊNH LẬP PHÁP VÀ HIỆP ĐỊNH KHẾ ƯỚC.

Theo Hiệp định Việt Pháp ngày 16-9-1954, người Pháp được hưởng tại Việt Nam những dân quyền mà một công dân Việt-Nam được hưởng, cũng như người Việt Nam tại Pháp được hưởng những dân quyền mà một công dân Pháp được hưởng.

Một hiệp ước ký kết giữa hai nước chỉ có hiệu lực sau khi đã được chuẩn phê và ban bố ;

Theo nguyên tắc hỗ trợ và chiếu theo điều 11 Bộ Dân Luật Pháp Quốc, những tư nhân Pháp chỉ có thể được hưởng tại Việt Nam những năng quyền mà nước Pháp dành cho các tư nhân Việt Nam tại Pháp ;

Hiệp ước Berne tổ chức các quốc gia liên kết thành một Liên Hiệp để bảo vệ quyền tác giả về các văn nghệ phẩm đã được ban hành ở Đông Dương do Sắc lệnh ngày 21-12-1933, Sắc lệnh này được ban bố do nghị định ngày 10-4-1934 ;

Luật quốc tế công pháp phân biệt những hiệp định lập pháp và những hiệp định khế ước ;

Sự gia nhập hiệp định Berne nếu đem lại những quyền lợi cho các nước hội viên thì trái lại cũng đem lại cho các nước ấy những nghĩa vụ có thể coi như là nghĩa vụ khế ước.

(*TT Saigon 30-10-1959*) (PLTS. 1959. IV. 67)

424.— HIỆU LỰC TỨC THỜI VÀ HỒI TIỀN HIỆU LỰC CỦA LUẬT PHÁP. HIỆU LỰC CỦA ĐẠO LUẬT GIA ĐÌNH NGÀY 2-1-1959.

Một đạo luật mới, ngay sau khi ban hành, sẽ chi phối tất cả những tình trạng pháp lý hiện hữu.

Với luật ngày 2-1-1959, tất cả đàn bà có chồng đều trở nên có năng cách pháp lý mặc dầu đã thành hôn dưới chế độ pháp luật cũ : đó là hiệu lực tức thời của đạo luật.

Nhưng đạo luật không có hồi tiền hiệu luật, người đàn bà có chồng chỉ có năng cách pháp lý từ ngày đạo luật ban hành mà thôi.

Năng cách pháp lý của đương sự trong một hành vi pháp lý phải xét định vào lúc hành vi ấy thành lập.

Do đấy, nếu trước khi luật gia đình ban hành, người đàn bà có chồng tự mình cam kết vào một nghĩa vụ, không có chồng cho phép, sự cam kết vô hiệu vì đương sự không có năng cách.

(*TT Saigon 9-2-1961*) (PLTS. 1961. II. 49)

425.— MỘT NGHỊ ĐỊNH KHÔNG THỂ THAY ĐỔI MỘT SẮC LỆNH.

Sắc lệnh ngày 2-1-1931 ấn định thể lệ riêng biệt của sở Thủy Lâm, nếu Tòa án không áp dụng sắc lệnh ấy xử một tội vi phạm về thể lệ Thủy Lâm mà lại áp dụng luật hình được ban bố do một nghị định thì đã xử vi luật :

(*PA 21-12-1955*) (PLTS 1956 III. 11)

426.— TIÊU DIỆT THỜI HIỆU. LUẬT CỦA PHÁP LÝ TRÍ  
THÀNH VĂN BẮT KHẢ CHẤP. LUẬT THỰC TẠI.

Sự tiêu diệt thời hiệu là một biện pháp giải trừ nghĩa vụ có tính cách đặc biệt, muốn được viện dẫn phải đã được dự liệu trong luật thực tại Việt Nam, không thể lấy trong luật của Pháp với tính cách lý trí thành văn, những điều luật này chỉ có thể viện dẫn về những nguyên tắc thông thường mà thôi.

Người mua hàng không thể nêu khước biện thời hạn tiêu diệt của điều 2272 khoản cuối D.L.P. để được miễn trách.

(TT Saigon 18-5-1961) (PLTS 1961 III 66)

427.— LUẬT ÁP DỤNG CHO CÁC NGƯỜI PHÁP. SỰ BAN  
HÀNH, ĐIỀU 5 THƯ PHỤ ĐÍNH SỐ 1 CỦA HIỆP ƯỚC  
TU PHÁP VIỆT - PHÁP NGÀY 16-9-1954 THỦ TỤC ĐẶC  
BIỆT. PHỤ ĐÍNH SỐ I CỦA HIỆP ƯỚC TU PHÁP VIỆT  
PHÁP NGÀY 30-12-1949.

Chiếu điều 5 thư phụ đính số 1 của hiệp ước Tư Pháp Việt Pháp ngày 16-9-1954, cho đến khi các bộ luật mới của Việt-Nam được ban hành, luật lệ áp dụng cho người Pháp là luật lệ hiện hành trước Tòa án Quốc gia miền Nam Việt-Nam ngày ký hiệp ước nói trên; riêng về luật thương mại, là Bộ luật Thương Mại Pháp và những bản văn sửa đổi cùng những đạo luật và sắc lệnh riêng về thương mại; nhưng các luật lệ đó phải đã được ban hành hợp lệ tại Việt Nam.

Muốn được áp dụng trước Tòa án Việt-Nam, trong các vụ tranh tụng mà người Pháp là đương sự, luật lệ Pháp được ban hành tại Việt-Nam trong khoản thời gian từ 30-12-1949 đến 16-9-1954 phải được lập ra và ban hành theo một thủ tục đặc biệt dự liệu trong bản phụ đính số 1 của Hiệp ước Tư Pháp-Việt Pháp ngày 30-12-1949.

Theo thủ tục đặc biệt này :

Nội văn của luật lệ sẽ do nhà chức trách Việt và Pháp có thẩm quyền thỏa hiệp quy định.

Những luật lệ đó sẽ áp dụng cho người Pháp, do sự ban hành của Cao Ủy Pháp tại Đông Dương.

(PA 29-8-1962) (PLTS 1962 IV. 5)

428. — PHÂN TRANH LUẬT PHÁP. NGUYÊN QUÁN CỦA VỢ CHỒNG LÀ 2 NƠI KHÁC NHAU, DƯỚI CHẾ ĐỘ LUẬT PHÁP KHÁC NHAU. NƠI CƯ TRÚ LÀ NƠI LẬP HÔN THỨ. TÒA ÁN XÉT LẠI VÀ LUẬT LỆ ÁP DỤNG.

Trong vụ ly dị, nên 2 vợ chồng ở 2 phần khác nhau, mỗi phần ở dưới chế độ luật pháp khác nhau, một người ở Trung Việt là nơi đương thi hành Hoàng Việt Hộ luật, một người ở Nam Việt là nơi đương thi hành Sắc lệnh 3-10-1883, thì theo Điều 106 Dự số 4 ngày 18-10-1949 hai bộ luật nói trên đều coi là có giá trị và như vậy là có trường hợp luật pháp xung đột.

Nếu gặp trường hợp luật pháp xung đột nghĩa là khi luật pháp nơi xứ sở của đương sự khác nhau, tòa án có thể hoặc tham chiếu áp dụng luật pháp của cả đôi bên, hoặc áp dụng một luật pháp duy nhất là luật pháp của xứ sở người chồng hay luật pháp của xứ sở người vợ hay luật pháp nơi vợ chồng cư trú, hay luật pháp nơi Tòa án xét xử.

Nếu 2 vợ chồng, một người nguyên quán ở Trung Việt, một người ở Nam Việt nhưng đều cư trú ở Đà Lạt và hôn thú cùng lập ở Đà Lạt thì Tòa án Đà Lạt áp dụng Luật lệ Trung Việt.

(HGRQ. ĐÀ LẠT 3-7-1952) (PLTS. 1955. II. 47)

#### 429.— LUẬT LỆ BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU VĂN NGHỆ Ở NAM PHẦN VIỆT NAM

Luật lệ bảo vệ quyền sở hữu văn nghệ và nhứt là qui định sự trình diễn văn nghệ phẩm của người khác ở Nam Phần Việt Nam là các đạo luật ngày 13/19-1, ngày 19-7 và 6-8-1791 và ngày 19-7-1793 được sắc lệnh ngày 29-10-1887 nhắc lại và ban hành lần đầu tiên vào năm 1914 ; các đạo luật này bảo vệ quyền sở hữu và nhứt là qui định sự trình diễn văn nghệ phẩm của người khác trên lãnh thổ Việt Nam không phân biệt quốc tịch của tác giả miễn là văn nghệ phẩm được ấn hành hay xuất bản tại Việt Nam.

Về các văn nghệ phẩm xuất bản ngoài lãnh thổ Việt Nam chiếu theo Sắc lệnh ngày 28/30-3-1852, văn nghệ phẩm chỉ được bảo vệ do luật lệ Việt Nam, nếu đã có sự ký nạp theo đúng luật Việt Nam.

(*TT Saigon 30-10-1959*) (PLTS 1959. IV. 66)

#### 430.— LUẬT MỚI. VẤN ĐỀ HỒI HIỆU CỦA LUẬT MỚI. CHIẾM ĐẤT VÔ QUYỀN.

Luật chỉ có hiệu lực về tương lai. Di sản đã khai phát trước khi luật mới ban hành vẫn được luật cũ chi phối. Người xây cất nhà trên đất của làng hoặc của người khác mà không có kế ước và không đóng thuế là chiếm đất vô quyền. Chiếu điều 25 Sắc lệnh Điền thổ ngày 21-7-1925, phải bị trục xuất và triệt hạ các kiến trúc xây cất trên đất của kẻ khác.

(*ST Định Tường 23-7-1963*) (PLTS 1963 III 105)

#### LUẬT GIA ĐÌNH

#### 431.— ÁP DỤNG LUẬT 1159

Bộ luật gia đình ban hành ngày 2-1-1959, được áp dụng tức khắc, nhưng không thể chạm đến quyền thừa kế tư hữu của

khế ước bán đất đã hoàn tất kể từ đầu năm 1957 không thể bị điều thứ 50 của Bộ Luật Gia đình chi phối mà phải được xét xử theo chế độ cũ.

Theo tập quán áp dụng tại Nam Phần, trước ngày ban hành Bộ Luật Gia đình, thì người chồng có trọn quyền xử dụng một bất động sản thuộc khối cộng đồng, không cần sự tham dự của vợ.

(*TT Saigon 28-5-1960 PLTS 1960. III.67*)

432.— TRANH CHẤP LUẬT PHÁP TRONG THỜI GIAN. LUẬT CŨ. LUẬT MỚI. ÁP DỤNG TỨC THỜI. BIỆT LỆ.

LY HÔN. TRANH CHẤP LUẬT PHÁP TRONG THỜI GIAN. LÝ DO LY HÔN.

ĐIỀU 63 KHOẢN 3 SẮC LUẬT SỐ 15/64. ÁP DỤNG TỨC THỜI. LY HÔN, ĐƠN CHÍNH. LY THÂN. ĐƠN PHÂN TỐ CŨNG CÓ LÝ DO. ĐỀU CHẤP NHẬN.

Về sự tranh chấp luật pháp trong thời gian, nguyên tắc là, tất cả tình trạng pháp lý đều chịu sự chi phối của luật mới, kể từ khi luật này được ban hành, bất luận tình trạng pháp lý ấy đương kết thành hay đương chấm dứt, hoặc đương phát sinh hiệu lực, miễn là không được xâm hại đến quyền kỷ đặc.

Qui luật này không thể đi ngược lại nguyên tắc bất hồi hiệu của luật pháp như định trong điều 2 D.L.G.Y. cùng điều 3 D.L.B. và D.L.T. vì qui lệ ấy không xâm phạm tới những tình trạng pháp lý đã cấu thành hoặc chấm dứt trước khi ban hành luật mới. Qui lệ ấy cũng không xâm phạm vào những yếu tố đã có từ trước và cần thiết cho sự cấu thành hay sự chấm dứt một tình trạng pháp lý.

Đôi bên phối ngẫu, trước ngày khởi tụng, không có quyền kỷ đặc nào về vụ ly hôn, vẫn được luật lệ hiện hành lúc đó chi phối, và, hơn nữa, án văn ly hôn, với đối tượng tạo thành một tình trạng mới tình trạng vẫn ở trạng thái đương kết thành cho đến ngày có phán

quyết đã có uy lực quyết tụng, và cho đến ngày đó, đôi bên phối ngẫu không có quyền ký đắc nào để cản trở sự áp dụng tức thời và trong khi đương cứu luật mới.

Vì vậy đơn xin ly hôn của người phối ngẫu căn cứ vào lý do của người phối ngẫu kia đã ngược đãi, hành khắc hay mạ lỵ thậm tệ ông bà cha mẹ của mình như điều 119 khoản 1 D.L.T. dự liệu thì với điều 63 sắc luật số 15/64 lý do kể trên không thể là căn cứ cho đơn xin ly hôn.

Nhưng theo nền văn minh riêng biệt của ta cùng quan niệm gia đình là nền tảng xã hội và mặc dầu gặp hồi suy đồi của đạo đức, đồi they của tập tục, tình gia đình. — đại gia đình — còn nặng, chữ hiếu còn trọng, nên sự thê một người phối ngẫu không ngọt ngược đãi, hành khắc hay mạ lỵ thậm tệ ông bà cha mẹ của người kia khiến cho người phối ngẫu này không thể nào chu toàn đạo hiếu thì kể trên đã cấu thành sự nhục mạ có tánh cách thậm tệ và thường xuyên làm vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa như quy định nơi điều 63 khoản 3 sắc luật số 15/64 ngày 23-7-1964.

Trong trường hợp đơn chính xin ly hôn và đơn phản tố xin ly thân và nếu hai đơn đều xác đáng, thì để tránh cho người phối ngẫu bị ly hôn lỗi về mình khỏi chịu mọi di hại về quyền lợi hôn sản cùng gìn giữ con cái, tòa cần tuyên bố ly hôn lỗi về người phối ngẫu này và ly thân lỗi về người phối ngẫu kia.

(*TT Saigon 12-3-1966 PLTS. 1966. II. 108*)

#### 433.— LUẬT MỚI ÁP DỤNG NGAY. LY HÔN. TRANH CHẤP LUẬT PHÁP TRONG THỜI GIAN. VỤ ĐƯƠNG CỨU.

Trong trường hợp luật mới có bãi bỏ một vài duyên có ly hôn (hoặc ly thân) mà luật pháp trước đây đã thừa nhận thì



duyên có trên không thể được nêu lên trước tòa. vì cần phải có án văn tuyên bố ly hôn thì mới có sự ly hôn, án văn này không phải thừa. nhận một quyền lợi có sẵn, quyền lợi không hề có ; án văn ly hôn tạo thành tình trạng vợ chồng ly hôn. Tình trạng này đương ở thể iạo thành nên luật mới phải được áp dụng tức thời.

(TT Saigon 4-6-1966 PLTS. 1966. III. 76)

LUẬT 159 và 15164.

Điều 154 sắc luật ngày 23-7-1964 — bãi bỏ luật Gia đình ngày 2-1-1959 — truyền hoàn ngay các hồ sơ đã đệ nạp hành pháp chiếu điều 55 luật trên mà chưa được cứu xét, cho tòa án có thẩm quyền, đề tiến hành thủ tục ly hôn — miễn khởi tố lại.

Théo tinh thần trên phúc quyết của tòa thượng thẩm bác đơn xin ly dị lấy lý do luật Gia đình cấm chỉ ly hôn, sẽ bị phá hủy đề xét lại vì phúc quyết chưa thành nhất định ; hồ sơ đã đầy đủ sẽ chuyển giao cho tòa thượng thẩm xét xử lại theo những điều hoãn mới của Sắc luật nói trên ngày 23-7-1964.

(PA 25-II-1964) (PLTS. 1965. IV. 54)

434.— SẮC LUẬT SỐ 15164 NGÀY 23-7-1964. ĐIỀU 63. LÝ DO LY HÔN. SỰ NGOẠI TÌNH CỦA NGƯỜI CHỒNG.

Luật lệ qui định sự ly hôn có hiệu lực tức thời vậy dù hai người phối ngẫu đã kết hôn dưới chế độ cũ, điều luật phải áp dụng xét đơn xin ly hôn của đôi bên là điều 63 Sắc luật số 15164 ngày 23-7-1964.

Theo điều 63 Sắc luật trên đây, vợ hay chồng có thể xin ly hôn vì sự ngoại tình của người phối ngẫu, vì sự ngược đãi, bạo hành hay nhục mạ có tính cách thậm tử và thường xuyên làm cho vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa.

Tuy vào ngày khởi tố sự ngoại tình của người chồng, theo án lệ đang áp dụng, không được chấp nhận là một nguyên do để người vợ xin ly hôn, nhưng nay theo trào lưu tiến hóa xã hội, người đàn bà đã được đặt ngang hàng với người đàn ông do Sắc luật số 15/64 ngày 23-7-1964, sau ngày ban hành sắc luật này, sự ngoại tình của người chồng đang tiếp diễn đã trở nên bất hợp pháp và thành tựu một nguyên do để người hôn phối xin ly hôn chiếu điều 63 sắc luật nói trên.

(*TT Saigon 15-10-1964*) (*PLTS 1965 I 131*)

435.— VẤN ĐỀ HỒI HIỆU VÀ LUẬT LỆ VỀ DI SẢN. LUẬT 2-1-1959. DI SẢN KHAI PHÁT TRƯỚC NĂM 1959. BẤT KHẢ ÁP DỤNG.

Xuất phát từ nguyên tắc luật chỉ có hiệu lực về tương lai, không có hiệu lực về quá khứ, nguyên tắc được minh xác trong bộ D.L.G.Y., luật lý và cố định quan niệm luật lệ ấn định quyền thừa kế là luật lệ đương áp dụng khi di sản khai phát. Do đấy một đạo luật thay đổi chế độ di sản không có ảnh hưởng gì đến quyền lợi của thừa kế trong một di sản đã khai phát từ trước.

Vì vậy, người con nuôi không thể dựa vào điều 127 luật 2-1-1959 để đòi hưởng di sản của cha mẹ nuôi đã được khai phát trước ngày ban hành luật kể trên.

(*TT Saigon 23-12-1961*) (*PLTS 1962 III 76*)

436.— LUẬT GIA ĐÌNH. HỒI TIỀN HIỆU LỰC. SƯU TẦM NGOẠI HỆ CON NGOẠI HÔN. HÀNH VI TUYÊN NHẬN. THỜI HẠN KHỞI TỐ.

Trước ngày ban hành luật Gia đình chế độ đa thê được chấp nhận nên chỉ có con ngoại tình về đảng mẹ mà không thể có con ngoại tình về đảng cha; sự kiện người cha có vợ chánh thức không là một trở lực pháp lý cho việc truy tầm phụ hệ của con ngoại hôn.

Đạo luật Gia đình ngày 2-1-1959 không có hồi tiền hiệu lực, và sự thừa nhận con ngoại hôn, dù là tự ý hay bị cưỡng bách, là hành vi tuyên nhận, nghĩa là đưa trẻ sanh ngày nào thì coi như đã được thừa nhận từ ngày ấy, vậy con ngoại hôn sanh trước ngày ban hành luật Gia đình có thể khởi động tố quyền truy tầm phụ hệ sau ngày ban hành luật ấy.

(TT Saigon 27-7-1961) (PLTS. 1963. I. 69)

437.— LUẬT NGOẠI QUỐC. VI PHẠM. ÁP DỤNG SAI LẦM.  
TÒA ÁN TÌNH LÝ. TOÀN QUYỀN THẨM LƯỢNG.

Luật ngoại quốc mặc dầu là chi phối qui chế đối nhân văn không có một quyền lực nào trên lãnh thổ Việt-Nam, sự vi phạm, áp dụng sai lầm hay giải thích lầm lẫn luật ấy, theo nguyên tắc, không thể tạo thành một lý do phá án.

Tòa án xử về tình lý có toàn quyền thẩm lượng để xét xem các đương sự có vi phạm luật ngoại quốc, được đem áp dụng vào nội vụ không.

(PA 30-12-1964) (PLTS. 1965. II. 18)

438.— TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ CỦA SỰ PHỐI HIỆP PHU PHỤ.  
QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI VỢ.

Theo những điều 43, 41, 49 Luật ngày 2-1-1959, người đàn bà Việt-Nam được đặt vào địa vị bình đẳng với người đàn ông, trong phối hiệp phu phụ. Người vợ Việt-Nam ít ra, cũng bình quyền với người chồng về phương diện tài sản, vì cả hai cũng có quyền quản trị tài sản cộng đồng.

Tình trạng phu phụ là một tình trạng pháp định, nghĩa là có tính cách cưỡng hành, liên quan đến trật tự công cộng; không thể đổi thay do sự kết ước thỏa thuận giữa vợ chồng, cũng không thể đổi thay do một quyết định tư pháp, ngoại trừ những trường hợp đổi thay, do chính luật pháp dự liệu.

Luật ngày 2-1-1959 không có khoản nào dự liệu người vợ có thể bị tước quyền quản trị, do đây người chồng không thể được độc quyền quản trị.

Người vợ cũng như người chồng có thể xin tiêu hủy những hành vi của người phối ngẫu vượt quá quyền hạn của người ấy, hay xin tiêu hủy một hành vi gian lận, bởi tố quyền triệt bãi; nhưng không vì lẽ gì người chồng có thể đòi tước quyền quản trị của người vợ một cách tổng quát và tuyệt đối.

Sự hạn chế duy nhất của quyền quản trị của người vợ hay người chồng là mỗi người, theo điều 53 đoạn chót luật ngày 2-1-1959, có thể xin phép Tòa để ngăn cản người hôn phối lấy tiền ở ngân mục tại các ngân hàng, nếu có lý do chính đáng.

(*TT Saigon 17-1-1963*) (PLTS. 1964. II. 137)

#### 439.— TÀI SẢN CHUNG CỦA HAI VỢ CHỒNG, NỢ CỘNG ĐỒNG.

VỚI TÍNH CÁCH CỘNG ĐỒNG TÀI CHỦ, NGƯỜI CHỒNG CÓ PHẢI CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CÁC MÓN NỢ CỦA NGƯỜI VỢ TRONG THỜI KỲ HÔN THỨ KHÔNG.

ĐIỀU 54, 49 VÀ 50 CỦA LUẬT SỐ 1159 NGÀY 2-1-1959 VỀ « GIA ĐÌNH ».

Điều 54 luật ngày 2-1-1959 định rằng tài sản cộng đồng phải đài thọ những nợ của chồng trong thời kỳ hôn thú.

Trách nhiệm của người chồng trong điều luật này không phải là trách nhiệm bản thân (*en son nom personnel*) buộc người chồng phải đem cả tài sản riêng (*biens propres*) để trả nợ — mà chỉ là trách nhiệm của người cộng đồng tài chủ (*en tant que commun en biens*) làm cho chủ nợ có quyền lấy nợ trên cả tài sản chung của hai vợ chồng.

Người chồng chỉ phải chịu trách nhiệm liên đới với vợ khi nào đã ưng thuận cho người vợ vay nợ.

Với tính cách cộng đồng tài chủ, người chồng phải chịu trách nhiệm khi nào chính món nợ cũng có tính cách cộng đồng.

Điều 49 luật số 1159 định rằng vợ chồng cùng quản trị tài sản cộng đồng. Điều luật này cần hiểu theo nghĩa: vợ cũng như chồng ai nấy cũng đều có quyền quản trị; hiểu như vậy mới thích hợp với tinh thần, mục đích của đạo luật là nâng cao địa vị của người đàn bà trong gia đình, và ngoài xã hội; ngoài ra, còn điều 50 đoạn 1 và 2, theo đó chỉ sự kết trái di nhượng hoặc thủ đắc có tính cách vô thường hay hữu thường về những bất động sản, cò phần, chứng khoán — nghĩa là những tài sản mà nhà lập pháp coi là quan trọng đặc biệt — mới cần phải cả hai vợ chồng tham dự, ưng thuận, bằng không, có thể do người phối ngẫu không ưng thuận xin tiêu; như vậy món nợ của người vợ trong thời kỳ hôn thú phải coi là một món nợ cộng đồng vì không liên hệ đến tài sản nào đã được quy chiếu trong điều 50; vả lại điều 54 đoạn 1 có nói rõ rằng dù là vợ vay trước khi lập hôn thú, nợ của vợ hay chồng cũng đều do tài sản cộng đồng đài thọ, do đó nợ vay trong thời kỳ hôn thú cũng phải theo quy chế ấy.

(*TT Saigon 3-1-1963*) (*PLTS 1964 II. 143*)

440.— NGUYỄN TẮC BẮT HỒI TỐ. CON SINH TRƯỚC LUẬT GIA ĐÌNH NGÀY 2-1-1959. SẮC LỆNH NGÀY 3-10-1883. KHÔNG CÓ CON NGOẠI TÌNH VỀ ĐANG CHA.

Dưới chế độ đa thê cũ, không có con ngoại tình về đang cha, do đó sự thừa nhận của người cha đã có vợ chính thức hay sự tuyên nhận do tòa án về phụ hệ của người này đối với một trẻ sơ sinh với người đàn bà khác, không vi phạm sắc lệnh 3-10-1883.

Luật Gia đình ngày 2-1-1959 và sắc luật thay thế ngày 23-7-1964 đã bãi bỏ đa thê và cấm sự thừa nhận con ngoại tình về đang cha.

cũng như về đảng mẹ, không có hồi tiền hiệu lực, vì vậy khi tuyên nhận trẻ sơ sinh trước khi luật gia đình ra đời là con tư sinh của một người đàn ông đã có vợ chính thức; phúc quyết của tòa thượng thẩm, với hiệu lực tuyên nhân của nó, chỉ xác định một tình trạng pháp lý đã có rồi và không vi phạm sự cấm chỉ thừa nhận con ngoại hôn dự liệu trong điều 116 luật 1964.

(PA 30-12-1964) (PLTS 1966 I. 3)

#### 441.— LÝ DO TIÊU HÔN. SỰ LẦM LẤN VỀ NGƯỜI.

Sự lầm lẫn về những đặc tính của một người hôn phối như lầm lẫn về tư cách và tài đức của người này, miễn là có tánh cách quyết định cho việc hôn nhân, là một sự lầm lẫn về người, định trong điều 28 luật Gia đình.

Người hôn phối bị lầm lẫn có thể nêu sự lầm lẫn đó để xin tiêu hôn.

(TT Saigon 22-8-1960) (PLTS 1962 III. 91)

#### 442.— TÀI SẢN CỘNG ĐỒNG : CÔNG NỢ MÀ KHỐI TÀI SẢN CỘNG ĐỒNG PHẢI ĐÀI THỌ.

Theo luật ngày 2-1-1959, không phải là bất cứ trong trường hợp nào, sự kết trái đều phải do cả hai vợ chồng ưng thuận mới hữu hiệu và ràng buộc khối tài sản cộng đồng.

Án lệ và học thuyết không buộc người cho vay phải chứng tỏ rằng tiền cho vay dùng vào nhu cầu gia vụ : dầu chỉ riêng người chồng đứng tên vay tiền, việc vay mượn cũng được ước đoán, là vay cho khối cộng đồng tài sản; người phối ngẫu, muốn đánh đổ sự ước đoán này, phải có bằng chứng trái lại.

Đó là nguyên tắc thông thường được chấp nhận trong điều 54 đoạn 2 luật ngày 2-1-1959.

Trường hợp dự liệu ở điều 50 là những ngoại lệ : chỉ riêng về những tài sản được tham chiếu trong điều này, mà nhà lập pháp cho là quan trọng đặc biệt, sự kết trái mới cần phải cả vợ lẫn chồng cùng tham dự.

Người quả phụ, dụng ích, theo luật, được hưởng hoa lợi toàn thể di sản, vậy có trách nhiệm ultra-vires về mọi trái vụ mà di sản phải chịu.

(TT Saigon 13-9-1962) (PLTS 1963 I. 122)

443.— TÀI SẢN PHỤ PHỤ CỘNG ĐỒNG : CÔNG NỢ MÀ KHỐI TÀI SẢN CỘNG ĐỒNG PHẢI ĐÀI THỌ.

Khối tài sản cộng đồng giữa hai vợ chồng phải đài thọ những món nợ phát sinh ở hành vi phạm pháp của một trong hai người phối ngẫu.

Một tài sản của người vợ hay người chồng trong khối cộng đồng nếu bị tiêu thất nhưng được bồi thường, thì số tiền bồi thường sẽ cũng là một thành tố của khối cộng đồng do sự đại nhiệm đối vật.

Phải có sự liên hệ phụ phụ mới có tài sản cộng đồng theo luật định giữa hai người phối ngẫu. Sự chung sống ngoại hôn không đặt tài sản của cặp nam nữ vào chế độ ấy.

(TT Saigon 20-9-1962) (PLTS 1963. I. 125)

LUẬT SƯ

444.— LUẬT SƯ. BẮT KHẢ KIÊM NHIỆM.

Luật sư tập sự đã ký kết khế ước với Bộ Nội Vụ đề được tuyển dụng làm cộng chức, mà không quyết định từ chức chức vụ hành chánh, lại nhận việc do Bộ Nội Vụ giao cho là đã vi phạm điều 44 Luật số 1162 ngày 8-1-1962, ấn định quy chế Luật sư và quy chế Luật sư đoàn, mặc dầu sau này đã xin nghỉ việc hành chánh.

(PA 30-9-1964) (PLTS. 1964. IV. 35)

## 445.— LUẬT SƯ. ĐẠO QUYỀN ĐẶC ĐỊNH.

Trên nguyên tắc, đại tụng viên, trong pháp chế của Việt Nam, luật sư kiêm nhiệm, hoặc thừa phát lại, khi thi hành nhiệm vụ, theo lời thỉnh cầu của tụng nhân, không có tư cách đại quyền đặc định của kẻ sau này, nhưng đối với sự xác nhận liên quan đến nội vụ, các nhiệm vụ kể trên được coi như đã được thân chủ ủy thác hành động và thân chủ của nhiệm vụ phải bị ràng buộc về sự xác nhận này, trừ trường hợp xử dụng tố cầu phủ nhận nhiệm vụ.

(*TT Saigon 19-2-1966*) (PLTS. 1967. II. 105)

## 446.— LUẬT SƯ. KỶ LUẬT. HỘI ĐỒNG LUẬT SƯ. THỦ LÃNH LUẬT SƯ ĐOÀN.

Xét về việc kháng cáo một quyết định của Hội đồng Luật sư họp thành Hội đồng Kỷ luật, khi nghị án Đại Hội đồng Tòa Thượng thẩm không được gồm những vị Thẩm phán Công tố viên sẽ vừa là đương sự vừa là Thẩm phán và sẽ vi phạm quy tắc có tính cách trật tự công cộng về sự tổ chức tư pháp bởi lẽ quyết nghị của Đại hội đồng Tòa Thượng thẩm về hình thức cũng như về nội dung là một bản án trong đó công tố viên là một đương sự.

Hội đồng Luật sư hay Thủ lãnh Luật sư đoàn không được mời, hoặc tự mình, đến phát biểu ý kiến trước Đại Hội đồng Tòa Thượng thẩm xét xử về mục kỷ luật các luật sư vì đã xử cấp Sơ thẩm rồi không thể bào chữa trước Tòa Thượng thẩm án mình đã tuyên: làm khác là vi phạm quy tắc trật tự công cộng về tổ chức tư pháp, không thể vừa là thẩm phán vừa là đương sự được.

(*PA 27-11-1963*) (PLTS. 1964. III. 9)

## 447.— THỦ ĐẶC QUYỀN LỢI CỦA LUẬT SƯ.

Một khi luật sư đã không bênh vực cho nguyên đơn, hay bị đơn thì, một đảng, luật sư sẽ không có tư cách thỉnh cầu điều chi cho những người này, và đảng khác, họ phải coi như vắng mặt; chỉ



khi nào luật sư bênh vực cho một đương sự xin bãi nhiệm, sự thay mặt đương sự mới coi như thủ đắc và tụng trạng mới coi như liên kết theo điều 24, nghị định ngày 16-3-1910 đề Tòa có thể trực triệt xét xử, nếu có đủ tài liệu, không cần cho đòi lại đương sự mà luật sư bãi nhiệm ;

Nếu các nguyên kháng trước Tòa phúc án có quyền lợi khác biệt, không ở trong tình trạng liên đới hay bất khả phân, sự kháng cáo của y có thể xét định một cách biệt lập, khuyết tịch đối với những người khiếm diện, đương tịch đối với người xuất diện.

(TT Saigon 17-1-1963) (PLTS. 1964. I. 166)

## LY HÔN VÀ LY THÂN

— TÀI SẢN (X. HÔN SẢN)

— LUẬT LỆ (X. LUẬT LỆ VÀ LUẬT GIA ĐÌNH)

— ÁP DỤNG LUẬT 15/64 (X. 430 VÀ 433)

— ÁN LỆNH BẮT PHẠM GIAN (X. ÁN LỆNH)

448.— ĐƠN XIN CẢI ÁN LY THÂN THÀNH ÁN LY HÔN.  
THỜI HẠN NẠP ĐƠN. ÁN KHUYẾT TỊCH TUYÊN BỐ  
LY THÂN. THỜI HẠN KHÁNG TỐ.

Thời hạn 3 năm và 1 năm dự liệu nơi điều 99 và 153 sắc luật 15/1964, sau đó mới có thể nạp đơn xin hoán cải án ly thân thành án ly hôn chỉ khởi lưu kể từ ngày án văn tuyên bố ly thân trở thành nhưt định.

Đối với án văn tuyên bố ly hôn (hoặc ly thân) tuyên xử khuyết tịch, thời hạn kháng tố là một tháng nếu đã tổng đạt án cho đích thân người phối ngẫu bị xử khuyết tịch.

Trong trường hợp không tổng đạt được án văn cho đương sự và phải niêm yết, điều 83 của sắc luật 15/1964 không r...

rệt nên thông tư số 698-BTP/HQV ngày 18-1-1965 đã minh định rằng thời hạn kháng tố là 6 tháng kể từ ngày niêm yết án văn.

(*ST Saigon 6-11-1965*) (*PLTS 1965 IV 161*)

#### 449.— LY HÔN. BẰNG CHỨNG. THƯ TỪ CỦA ĐỐI PHƯƠNG HOẶC ĐỆ TAM. CHUẨN CHẤP. ĐIỀU KIỆN.

Trong thủ tục ly hôn và ly thân, vợ chồng có thể xuất trình thư từ của nhau đăng dẫn nại sự nhục mạ mà người phối ngẫu đã nắm giữ được thư từ phải chịu đựng và, riêng đối với thư từ vợ hoặc chồng đã trao đổi với kẻ đệ tam thì khỏi cần có sự thỏa thuận của kẻ nhận thư dù là thư riêng, miễn là sự chấp hữu loại thư sau này không vi hành vi phi pháp mà có.

Kẻ phối ngẫu nào dẫn nại sự chấp hữu phi pháp thư từ có nghĩa vụ phải dẫn chứng.

(*TT Saigon 4-6-1966*) (*PLTS 1966 III. 76*)

#### 450.— BẰNG CỐ VỀ SỰ PHẠM GIAN. LÝ DO LY HÔN.

GIÁ TRỊ CỦA NHỮNG TỜ THUẬN TÌNH LY HÔN LẬP DƯỚI CHẾ ĐỘ CỦA LUẬT GIA ĐÌNH, NGÀY 2-1-1959.

Trước tòa hình sự tội phạm gian chỉ có thể được chứng minh bằng những bằng cứ không thể bác được và thường thường tòa hình sự chỉ kết phạt những người phạm pháp bị bắt quả tang.

Trái lại đối với sự phạm gian lý do ly hôn, có thể dẫn chứng bằng mọi phương sách luôn cả bằng sự suy đoán có tính cách hệ trọng.

Vì vậy những bằng cứ xuất trình tuy không đủ để làm cho tòa hình sự có xác tín, vẫn có thể làm căn bản cho án văn tuyên xử ly hôn.

Sự hợp lệ của một hành vi pháp lý phải xét theo luật áp dụng vào ngày ký kết do đó một tờ thuận tình ly hôn (đề ngày 7-11-1963)

lập trong thời gian áp dụng luật Gia đình ngày 2-1-1959 sẽ vô hiệu và kê như không có ; hậu quả là những sự giàn xếp về ngân tài trong tờ thuận tình ly hôn cũng vô hiệu, người hôn phối nào cũng có thể xin tòa truyền giải tán cộng đồng tài sản theo những nguyên tắc thông thường.

Một hành động tự thể đã cấu thành một lý do ly hôn theo luật sẽ mất tính cách phạm pháp nếu hành vi ấy bắt nguồn từ một sự khiêu khích một lỗi lầm của người phối ngẫu đối phương, và người này không thể căn cứ vào đó để xin ly hôn.

(*ST Saigon 26-2-1966*) (PLTS. 1966. III. 99)

451.— ĐỊNH NGHĨA CHỮ « INJURES GRAVES » TRONG MỤC LY DỊ.

Chữ « injures graves » dịch là « chửi rủa thậm tệ » thì không đúng, vì theo pháp lý, 2 tiếng ấy gồm chẳng những là lời chửi rủa mà bất cứ giấy tờ (écrits) hoặc hành động cụ thể (actes matériels) nào có thể làm tổn thương đến danh dự của vợ hay chồng.

Chỉ vì nghi ngờ vu vợ mà kiện chồng hay vợ là thông gian lấy có đề xin ly dị hay biệt cư, thì sự kiện tụng ấy là hành động làm tổn thương đến danh giá của chồng hay của vợ cũng là một sự « chửi rủa thậm tệ » (sĩ nhục).

Những lỗi về ly dị là một sự trạng thuộc về tình lý, không thuộc quyền xử của tối cao pháp viện.

Về mặt pháp lý, tòa án sau khi đã xác nhận những lý do (motifs) một vụ ly dị là hợp lý thì phải tuyên án ly dị mặc dầu một đương sự không xin ly dị phản tố.

(*PA 20-8-1953*) (PLTS 1955 I. 7)

CHỬI RỦA THẬM TỆ (injures graves) (VÔ HẠNH LÀM CHO ĐIỂM NHỤC ĐẾN NỖI Ở CHUNG VỚI NHAU KHÔNG THỂ CHỊU ĐƯỢC).

« Chửi rủa » (injures) gồm có những lời nói, những việc làm trái với nhiệm vụ của vợ chồng và trái với danh dự của đời sống chung giữa vợ chồng. Nói một cách khác, những sự xúc phạm và những làm nhục bằng lời nói, điệu bộ hay giấy tờ thì gọi là chửi rủa (toute offense et outrage par parole ou par geste ou par écrit constitue une injure).

Theo cách định nghĩa trên hành vi của một người vợ kiện chồng nhiều lần trước nhà chức trách là một sự xúc phạm và làm nhục thậm tệ đối với chồng và cấu thành một duyên cớ để chồng xin ly dị (chiếu theo điều 119 đoạn 1) nói trên.

Nhưng hành vi ấy không thể xem như là một sự « vô hạnh » (inconduite) làm cho điềm nhục đến ở chung với nhau không thể chịu được, như dự liệu trong điều 119 đoạn 3).

(*TT Huế 8-8-1956*) (*PLTS. 1956. IV. 48*)

#### 452. — LY DỊ GIỮA CHỒNG VIỆT VỢ PHÁP. LUẬT PHÁP ÁP DỤNG. NGUYÊN NHÂN LY DỊ.

Tại Việt Nam trong các vụ ly dị giữa vợ chồng có quốc tịch khác nhau, chồng có quốc tịch Việt Nam và vợ có quốc tịch Pháp, thì luật pháp phải áp dụng là luật Việt Nam.

Việc người vợ không thân thiết với cha mẹ họ hàng bề bạn làm mọi người xa lánh, không biết coi sóc gia đình, tề gia nội trợ, không phải là một nguyên nhân ly dị, theo các điều khoản của sắc lệnh ngày 3-10-1883.

(*ST Saigon 11-8-1958*) (*PLTS IV. 59*)

#### 453. — CỘNG ĐỒNG TÀI SẢN. LY DỊ.

Mặc dầu có án tuyên bố ly dị và truyền thanh toán cộng đồng tài sản, vợ ly dị không thụ nhận sự cộng đồng tài sản trong thời gian 3 tháng 40 ngày từ khi có án nhất định tuyên ly dị như đã

định ở điều 1463 Bộ Dân Luật Pháp, phải coi như khước từ sự cộng đồng tài sản.

(PA 31-7-1963) (PLTS. 1963. IV. 20)

454.— ĐÒI ÁN BIỆT CƯ RA ÁN LY DỊ.

Trong án biệt cư không nêu rõ lỗi của nguyên đơn hay của bị đơn mà chỉ có mục đích giúp ích cho hai vợ chồng khỏi phải sống trong cảnh bất hòa, thì không thể đòi án biệt cư ấy ra án ly dị được dù là sau khi đã biệt cư được ba năm.

(ST Mỹ Tho 5-4-1955) (PLTS. 1956. II. 65)

455.— LY THÂN. LY HÔN. CẢI HOÁN ĐƠN XIN LY THÂN RA ĐƠN XIN LY HÔN. ĐIỀU 153 KHOẢN 2 SẮC LUẬT SỐ 15164. TRƯỚC TÒA THƯỢNG THẨM, CHẤP NHẬN.

HÔN THỨ. NGHĨA VỤ CHUNG THỦY CỦA VỢ CHỒNG. NGÀY KHỞI THÔNG CỦA NGHĨA VỤ NÀY.

LY HÔN. LÝ DO. THẤT TRINH TRƯỚC NGÀY HÔN THỨ. BẤT KHẢ CHẤP. NGƯỜI CHỒNG CÓ LỖI. RIỀC MỐC VỢ MỚI CƯỚI THẤT TRINH, ĐÃ THỎA LÃNG LỖ. NHỤC MẠ CÓ TÍNH CÁCH THẬM TỬ VÀ THƯỜNG XUYÊN.

Theo điều 153 khoản 2 sắc luật số 15164 trong thời kỳ chuyển tiếp, những đơn ly thân được đệ nạp sau ngày 2-1-1959 chưa được phán xử có thể hoán cải ra đơn ly hôn trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày sắc luật này có hiệu lực thi hành.

Đề định chế điều 153 khoản 2 trên đây được phù hợp với tính chất nhất thời của nó, cũng không phản lại tinh thần dẫn hướng của toàn bộ bản văn sắc luật, danh từ « phán xử » kể trên phải hiểu là phán xử chung quyết.

Vì vậy trong thời kỳ chuyển tiếp đơn xin ly thân có thể cải hoán ra đơn xin ly hôn ngay trước tòa thượng thẩm trong cương lãnh đơn chánh cũng như đơn phản tố.

Đành rằng vợ chồng phải có bốn phận chung thủy với nhau và sự vi phạm nghĩa vụ cơ bản này cấu thành nguyên nhân quyết xác để người phối ngẫu bị phụ bạc khởi tố xin ly thân hoặc ly hôn lỗi về bên người phối ngẫu kia.

Nhưng bốn phận chung thủy chỉ ràng buộc đôi lứa vợ chồng sau khi gia đình được thành lập trên căn bản giá thú. Và trước đó, một khi đã thuận tình kết hôn thì, dĩ vãng về đức hạnh — xưa kia người vợ có lẳng lơ, thuở nào người chồng còn đào hoa — không xâm hại gì đến nghĩa vụ kể trên, vì yếu tố dĩ vãng loại này vốn không phải là lý do pháp định để xin vô hiệu hôn thú hoặc để xin ly thân hay ly hôn.

Với đà tiến hóa của đời sống, với sự suy đồi của nền văn hóa Á Đông cùng đổi thay của tập quán, yếu tố trình tiết của tân nưong, tuy còn đáng giá nhưng không còn được quá trọng như xưa vì y học hiện đại đã phủ nhận giá trị tuyệt đối và hơn nữa cũng không được luật thực tại thừa nhận là lý do để tân lang xin tiêu hôn và định chế cắt tai lợn - heo) ngày nhị hi để gián tiếp chê bai cô dâu đã thất trinh chỉ còn là « vang bóng một thời » một sử liệu về hôn thú trong cở luật.

Vì vậy người chồng, ngay tuần trăng mật, vừa vui xum hợp, đã công khai chê vợ thất trinh cùng luôn mồm riếc móc nào dĩ thõã, nào lẳng lơ thì quả đã nhục mạ có tính cách thậm từ và thường xuyên người vợ để thị này có duyên có xin ly hôn lỗi về phần người chồng.

(*TT Saigon 11-12-1965*) (PLTS. 1965. IV. 104)

#### 456. — LY HÔN. SỰ THƯỢNG TỐ XIN PHÁ ÁN TUYÊN XỬ LY HÔN CÓ HIỆU LỰC ĐÌNH CHỈ.

Trên nguyên tắc, sự thượng tố xin phá án là một phương cách tố cầu bất thường, không có hiệu lực đình chỉ thi hành, tuy nhiên, trong vài trường hợp đặc biệt, luật thực tại chấp nhận hiệu lực đình

chỉ, như về việc ly hôn và ly thân (điều 248 D.L.P. và điều 85 sắc luật 15/64).

Về giới hạn của hiệu lực đình chỉ, học thuyết và án lệ gần đây tại Pháp quan niệm rằng hiệu lực đình chỉ giới hạn vào phần án văn tuyên cáo ly hôn, tức vấn đề thân trạng, còn việc thay đổi các biện pháp tạm thời không bị biệt lệ chi phối, tức là được đương nhiên thi hành tạm.

Một khi đã được đương nhiên thi hành tạm thì sự viện dẫn lý do để cho thi hành tạm và ghi nhận điều khoản cho thi hành tạm trong án văn không cần thiết, đương sự cũng không cần phải minh thị thỉnh cầu về khoản này.

(*TT Saigon 8-4-1965*) (PLTS. 1967. III. 64)

457.— TÁI LẬP HÔN THỨ SAU KHI LY DỊ.

Theo luật của Pháp, án ly dị không thể được thuận tuân vì Dân luật Pháp không cho phép thuận tình ly dị.

Theo Luật Việt-Nam, dưới chế độ pháp chế cũ, vợ chồng có thể thỏa thuận xin ly dị, vậy không có lý do gì về pháp lý cản trở sự thuận tuân án ly dị.

Án văn ly dị đã thành nhất định, sự liên hệ phu phụ không còn tồn tại, cặp chồng cũ có quyền lập hôn thú khác, không cần phải đăng ký án ly dị vì sự đăng ký chỉ cần cho những hậu quả khác của việc ly dị.

(*TT Saigon 31-10-1963*) (PLTS. 1966. IV. 93)

458.— HOÁN CẢI LY THÂN RA LY HÔN: ĐIỀU 153 ĐOẠN 2 SẮC LUẬT 15/64.

Theo điều 62 sắc luật 15/64 ngày 23-7-1964, các người phối ngẫu chỉ có thể xin ly hôn hay ly thân hai năm sau khi đã có hôn thú.

Theo điều 153 đoạn 2 sắc luật 15164, thì những đơn xin ly thân được đệ nạp sau ngày 2-1-1959 mà chưa được xét xử có thể hoán cải : ra đơn ly hôn trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày sắc luật này có hiệu lực thi hành, và vụ tranh tụng sẽ được tiếp tục mà không phải làm tại các thê thức đã làm rồi.

(*TT Saigon 5-5-1966*) (*PLTS 1967. I. 90*)

#### HÒA GIẢI (X. 1,2 và 236)

#### 459.— KHÁNG CÁO VỀ LY DỊ. TRANH BIỆN NƠI PHÒNG THẨM NGHỊ. TUYÊN ÁN TẠI PHIÊN TÒA CÔNG KHAI.

Khi có sự kháng cáo về ly dị, theo điều 248, số 3 bộ Dân luật Pháp, cuộc tranh biện phải đem ra nơi phòng thẩm nghị, chỉ có bản phúc quyết mới tuyên tại phiên xử công khai.

«A l'audience publique de ce jour, vendredi 27 novembre 1953, le Ministère Public a été entendu en ses conclusions écrites) không có nghĩa là trong phiên xử có cuộc tranh biện công khai. Câu này biểu minh rằng trước phiên xử công khai Tòa Thượng Thẩm đã xem lý đoán của công tố viên.

Câu « Ainsi fait, jugé et Prononcé par la chambre civile de la Cour d'Appel Mixte de Hanoi en son audience publique » có nghĩa là Tòa Thượng Thẩm tuyên phúc nghị tại phiên tòa công khai chứ không nghĩa rằng vụ ly dị đã đem ra tranh luận trong phiên tòa công khai.

(*PA 31-10-1956*) (*PLTS 1958. II. 11*)

#### 460.— ĐIỀM KHỞI THÔNG THỜI HẠN LUẬT ĐỊNH. HOÁN CẢI ÁN LY THÂN RA ÁN LY HÔN.

Thời hạn luật định sau khi có án ly thân đề xin hoán cải thành án ly hôn chỉ khởi thông từ ngày án văn tuyên bố ly thân đã trở thành nhất định.



Dữ kiện tòa thụ lý đơn cải hoán án ly thân thành án ly hôn chỉ có thể là dữ kiện đã được tòa án xử vụ ly thân xác nhận. Lý do xin cải hoán phải là lý do xin ly thân. Nói một cách khác, sự cải hoán chỉ có tác dụng cải biến ra án ly hôn, án ly thân sau một khoảng thời gian luật định kể từ ngày có sự ly thân, mọi yếu khoản của án văn ly thân đều được giữ lại mà án văn cải hoán không thể sửa đổi trừ những yếu khoản bất khả tương dung với sự ly hôn.

Với thẩm quyền toàn thẩm mà sắc luật ngày 23-7-1964 đã dành cho tòa dân sự về mọi vụ kiện ly hôn và ly thân, thì tòa này, lâm thời thụ lý đơn xin cải hoán án ly thân thành án ly hôn cũng có nghĩa vụ phải thanh quyết mọi tố quyền về cấp dưỡng hoặc bồi thường phụ tùy với đơn xin hoán cải.

Người phối ngẫu ly thân có lỗi ví dù trong thủ tục xin ly hôn có được án ly hôn lỗi về người phối ngẫu kia, thì, với sự cải hoán án ly thân thành án ly hôn cùng đúc kế hai án văn xử tiêu hôn thứ, một, theo đơn chính của người phối ngẫu kia thì kết quả cũng thành án văn ly hôn lỗi về phần cả đôi bên.

(*TT Saigon 2-7-1966*) (PLTS 1967. I. 134)

#### 461.— LY HÔN TÒA ÁN CÓ THẨM QUYỀN. DI GIAO. LIÊN NHẬP.

Trong trường hợp người chồng là quân nhân, chỉ có cơ sở thực tế tại nơi đang phục vụ, người vợ có thể khởi tố trước Tòa án nơi trú sở của thị đề xin ly hôn.

Tuy nhiên trong vụ ly hôn có hai thủ tục song hành tại hai Tòa khác nhau, nhưng hai thủ chánh chưa được hợp nhứt bằng cách di giao thủ tục từ Tòa án này qua Tòa án khác, thì lời thỉnh cầu liên nhập hai vụ chỉ liên quan đến biện pháp tạm thời bất khả chuẩn chấp.

(*TT Saigon 2-9-1965*) (PLTS. 1967. II. 83)

462.— LY DỊ. HAI ĐƯƠNG SỰ ĐỀU LÀ DÂN PHÁP. LUẬT  
LỆ ÁP DỤNG. CHUYỂN ĐỔI ÁN BIỆT CƯ ĐÃ ĐƯỢC  
3 NĂM RA ÁN LY DỊ.

Trong một vụ xin ly dị mà cả hai đương sự đều là người Pháp thì Tòa áp dụng Hộ luật Pháp.

Chiếu điều 310 của Bộ Dân Luật Pháp, thì nếu từ ngày bản án cho hai vợ chồng biệt cư đã trở nên nhứt định cho đến ngày nào đã được 3 năm hoặc trên 3 năm, thì chuyển đổi án ấy ra thành án ly dị là một việc có tính cách bắt buộc, một khi có lời nài xin của một trong hai đương sự. Tòa không thể hoãn lại việc ấy mà chẳng vi phạm luật pháp.

(*ST CĂN THƠ 12-7-1955*) (*PLTS 1955. IV. 51*)

LY HÔN GIỮA NGOẠI KIỀU.

Sắc luật số 15/64 ngày 23-7-1964 đã bãi bỏ luật số 159 ngày 2-1-1959 mệnh danh là Bộ Luật Gia đình và không cấm chỉ sự ly hôn, do đó thẩm quyền của Tòa án Việt Nam để xét xử đơn xin ly hôn giữa ngoại kiều không còn là vấn đề phải giải quyết nữa.

Tuy người vợ đã được Tòa tiêu hình tha bổng về tội ngoại tình, nhưng nếu y thị cư xử trái với bổn phận làm vợ, tỏ ra vô hạnh, không chung thủy, như giao du thân mật với một người bạn trai thì người chồng vẫn có thể căn cứ vào những hành động phóng túng có tánh cách nhục mạ thậm tệ ấy để xin ly hôn, chiếu điều 232 D.L.P.

Mặc dầu người vợ có nêu lỗi lầm của người chồng nhưng thị không đứng đơn phản tố xin ly hôn thì Tòa không thể xét đến lỗi người chồng để, nếu cần, tuyên bố ly hôn lỗi lầm và cáo trách tương đồng, mà chỉ cần xác định lỗi của bị đơn để tuyên bố ly hôn theo như đơn xin của nguyên đơn.

(*TT Saigon 10-9-1964*) (*PLTS 1965. I. 115*)

463.— LY DỊ. ÁN TIÊN THÂM KHUYẾT TỊCH. TỔNG ĐẠT ĐƯỢC COI NHƯ VÔ HIỆU.

Án tiên thâm tổng đạt cho đương sự khuyết tịch đã không ghi rõ ràng thời hạn kháng án quy định trong điều 118 dụ Bộ Hộ luật Tố tụng Pháp thời sự tổng đạt đó được coi như vô hiệu (điều 156 Bộ Hộ luật tố tụng Pháp).

Án vẫn không tổng đạt trong hạn một năm mất hết hiệu lực (điều 156 và 158 dụ Bộ Hộ luật tố tụng Pháp sửa đổi do sắc luật ngày 31-10-35 áp dụng cho Đông dương do Sắc lệnh ngày 4-9-37 công bố ngày 11-10-37).

(HGRQ ĐÀ LAT 3-2-1955) (PLTS. 1955. III. 65)

464.— GIÁ TRỊ CỦA NHỮNG TỜ THUẬN TÌNH LY HÔN LẬP DƯỚI CHẾ ĐỘ CỦA LUẬT GIA ĐÌNH NGÀY 2-1-1959.

Sự hợp lệ của một hành vi pháp lý phải xét theo luật áp dụng vào ngày ký kết do đó một tờ thuận tình ly hôn (đề ngày 7-11-1963) lập trong thời gian áp dụng luật gia đình ngày 2-11-1959 sẽ vô hiệu và kê như không có; hậu quả là những sự giàn xếp về ngân tài trong tờ thuận tình ly hôn cũng vô hiệu người hôn phối nào cũng có thể xin tòa truyền giải tán cộng đồng tài sản theo những nguyên tắc thông thường.

(ST Saigon 26-2-1966) (PLTS. 1966. III 99)

465.— ĐIỀU 55 LUẬT GIA ĐÌNH NGÀY 2-1-1959 CHẤP NHẬN CHO LY HÔN TRONG TRƯỜNG HỢP TỐI ĐẶC BIỆT DO TỔNG THỐNG QUYẾT ĐỊNH. TÍNH CÁCH TRẬT TỰ CÔNG CỘNG. ĐIỀU 70 LUẬT GIA ĐÌNH. HIỆP ĐỊNH TƯ PHÁP KÝ KẾT NGÀY 16-9-1954 GIỮA PHÁP VÀ VIỆT NAM.

Chiếu điều 55 luật Gia đình, sự ly hôn bị cấm chỉ ở Việt-Nam, chỉ được chấp nhận trong trường hợp tối đặc biệt do thẩm quyền hành pháp thuộc Tổng Thống quyết định.

Điều 70 « Luật gia đình ấn định » những hôn thú giữa người Việt-Nam và người ngoại quốc đều theo những điều khoản của luật này, trừ khi có hiệp ước quốc tế định khác.

Căn cứ vào điều này, trật tự công cộng quốc nội Việt-Nam không cản trở người Việt xin ly dị ở Việt-Nam, nếu người ấy đã thành hôn với người ngoại quốc, và nếu giữa quốc gia Việt-Nam và quốc gia ngoại quốc có một hiệp ước gạt bỏ, sự áp dụng đạo luật Việt-Nam cấm ly dị.

Điều 70 luật gia đình được áp dụng cho cả trường hợp hai vợ chồng đều là người ngoại quốc.

Warryn và Maldan đều là người Pháp, quốc luật của họ không cấm ly dị.

Giữa Pháp quốc và Việt-Nam, có hiệp ước tư pháp ngày 16-9-1954 công nhận cho người Pháp được hưởng quyền xét xử ở Việt-Nam, được hưởng Quốc luật của họ về quy chế thân nhân, ngoại trừ những điều khoản nào trái với trật tự công cộng.

Luật gia đình ngày 2-1-1959 dành một ngoại lệ, là khi nào có một hiệp ước quốc tế định khác, đạo luật sẽ không áp dụng đối với những hôn thú liên quan đến một người ngoại quốc, do đấy, đơn xin ly dị của Warryn không trái với luật ngày 2-1-1959 phải được chấp thuận.

(TT Saigon 12-10-1961) (PLTS. 1963. T. 146)

466.— ĐƠN XIN LY DỊ CỦA NGƯỜI PHÁP Ở VIỆT-NAM.  
 ĐIỀU 55 LUẬT GIA ĐÌNH NGÀY 2-1-1959. ĐIỀU 70 LUẬT  
 GIA ĐÌNH. HIỆP ƯỚC TƯ PHÁP NGÀY 19-9-1954  
 GIỮA PHÁP VÀ VIỆT NAM.

Luật gia đình Việt-Nam về điểm qui định sự ly dị không chi phối những hôn thú thành lập giữa những người ngoại quốc, và dù sao trong mọi trường hợp nếu có một hiệp định giữa Việt-Nam

và quốc gia mà những người ngoại quốc ấy là thuộc dân thì văn kiện quốc tế đó phải được áp dụng.

Theo điều 1 hiệp định tư pháp ngày 16-9-1954 giữa Pháp và Việt-Nam về sự tương trợ tư pháp. Pháp kiều Goutard có quyền đệ đơn xin ly dị trước tòa án Việt-Nam.

Theo điều 2 phụ thư số 1 liên quan đến Pháp chế áp dụng về quy chế nhân thân, đơn xin ly dị của Goutard được xét định theo Dân Luật Pháp.

Theo điều 3 phụ thư nói trên, quốc Pháp của mỗi bên sẽ không được áp dụng nếu trái với trật tự công cộng quốc gia bên kia, nhưng đó không phải là trường hợp hiện vụ.

(*TT Saigon 28-6-1962*) (*PLTS. 1963. I. 150*)

## LÝ TÍNH THÀNH VĂN

LÝ TÍNH THÀNH VĂN (X. 24 ; 268 ; 426)

467.— SỰ ÁP DỤNG DÂN LUẬT PHÁP VỚI TÍNH CÁCH LÝ TRÍ THÀNH VĂN. VẤN ĐỀ. « TÌM CĂN CƯỚC » NHỮNG RUỘNG ĐẤT TRANH TỤNG.

Chỉ có thể áp dụng được Dân Luật pháp với tính cách lý trí thành văn khi nào những điều luật áp dụng chỉ có tính cách chỉ dẫn. Không áp dụng được với tính cách ấy, những điều luật công nhận những quyền lợi đặc biệt ở ngoài phạm vi phổ thông luật pháp : thí dụ sự thủ đắc thời hiệu.

Trong những việc tranh chấp quyền sở hữu về ruộng đất, cần thiết là phải « tìm căn cước » những ruộng đất ấy, tức là phải minh định đối tượng của việc tranh chấp. Trước nhất vì rằng sở địa nhiều khi thay đổi, hoặc vì địa bộ đã thất lạc chỉ còn đồ

sở họa đồ, hoặc vì sở địa bộ đã được thay bằng sở bằng khoán theo chế độ điền thổ.

(*TT Saigon 15-8-1961*) (PLTS. 1961. IV. 47)

468. — VIỆN LỄ. QUY CHIẾU LUẬT PHÁP KHÁC HƠN LUẬT PHÁP HIỆN HÀNH. LÝ TÍNH THÀNH VĂN. PHẠM VI ÁP DỤNG. ĐIỀU KIỆN QUY CHIẾU. CƯƠNG HÀNH PHÁP. GIẢI THÍCH PHÁP. PHÙ HỢP TRẬT TỰ CÔNG CỘNG VÀ TẬP QUÁN VIỆT-NAM. DÂN LUẬT NƯỚC PHÁP. D. L. B. — D. L. T. — ĐIỀU 730 D. L. P. KHÔNG THỂ COI LÀ LÝ TÍNH THÀNH VĂN. ĐIỀU 315 D. L. B. — ĐIỀU 307 D. L. T.

Về sự Dân sự và thương mại, trước sự thiếu sót luật pháp về một vấn đề mà phải quy chiếu, như lý tính thành văn luật pháp khác hơn là luật pháp hiện hành thì bản văn được chiếu cố thì không thể là cương hành pháp hay đặc biệt pháp mà phải là giải thích pháp hay thông thường pháp cũng phải phù hợp với nền văn minh, trật tự công cộng và tập quán của Việt-Nam.

Trong hiện tình thiếu một bộ dân luật đầy đủ tại miền Nam nước Việt, tòa án chỉ có thể lấy các quy điều dân luật nước Pháp, quy điều thuộc giải thích pháp hay thông thường pháp, cốt nhiên, như lý tính thành văn khi nào hai bộ dân luật Bắc và Trung Việt không đề cập đến vấn đề tương tranh vì hai bản văn sau này thẩm nhuần màu sắc dân tộc, phản ảnh trung thành nền văn minh cổ truyền của ta cũng thể hiện xác đáng tập tục của Việt-Nam.

Thực làm khi quy chiếu điều 730 dân luật Pháp về hiệu lực tuyên cáo bất xứng, như lý tính thành văn, vì điều luật trên có tính cách cương hành, riêng biệt cho thể chế di sản nước Pháp, không liên hệ đến vấn đề tương tranh là hiệu lực truất quyền chớ không thể bất xứng, vì 2 dân luật Bắc, Trung Việt có thể ứng đáp thích nghi sự đòi hỏi này.

(*TT Saigon 15-4-1961*) (PLTS. 1961. II. 80)

MÃI LAI THỰC

469.— Đ. 959 D.L.B.V. HẠN MÃI LAI THỰC DO LUẬT ĐỊNH. KHÔNG XUẤT TRÌNH KHẾ ƯỚC.

Đ. 959 DLBV định rằng quyền chuộc lại ruộng điền mại không được ước định đến quá hạn 10 năm nếu khế ước định một hạn quá 10 năm. Nếu khế ước không định lại hạn chuộc thì coi như 2 bên y theo hạn luật định (10 năm).

Tuy người điền mãi không xuất trình khế ước được, nhưng người điền mãi công nhận đã lập văn tự hơn 10 năm nay tính đến ngày vào đơn xin chuộc, thời Tòa có thể căn cứ vào lời công nhận ấy mà phán rằng quyền lai thực đã bị tiêu vì quá hạn.

(HGRQ HẢI DƯƠNG 10-11-1950) (PLTS 1951. I. 20)

470.— ĐẤT THUỘC CHẾ ĐỘ ĐỊA BỘ. THỜI HẠN CHUỘC ĐẤT.

Đối với ruộng đất thuộc chế độ địa bộ, thời hạn chuộc đất mãi lai thực là 30 năm, nhưng thời hạn này không thể áp dụng cho mọi trường hợp, mà chỉ khi nào hai bên không ấn định một thời gian nào khác.

Nếu người bán và người mua đã giao ước rằng quyền chuộc ruộng chỉ có thể thi hành trong thời hạn 4 năm, thì quá thời hạn người bán mất quyền chuộc đất.

(TT Saigon 11-12-1958) (PLTS 1959. I. 28)

471.— MÃI LAI THỰC. CHỈ DỤ MINH MẠNG NĂM THỨ HAI MƯƠI (1839).

Theo chỉ dụ năm Minh Mạng năm thứ hai mươi (1839) nếu thời hạn ấn định để chuộc bất động sản đã trôi qua mà người bán không mua lại bất động sản, người hiện chủ hành sở hữu chủ vĩnh viễn và không bị bắt buộc không chuộc lại nữa. Thời hạn tối đa 30 năm chỉ áp dụng khi hai bên không định một thời hạn ngắn hơn.

(PA 31-1-1962) (PLTS 1963. I. 6)

472.— KHÔNG ÁP DỤNG CHỈ DỤ MINH MẠNG. ÁP DỤNG THỜI HẠN 10 NĂM.

Theo một chỉ dụ năm Minh Mạng thứ 20, thì trong việc bán thực, hai bên phải nói rõ là bán thực và ghi rõ thời hạn chuộc ruộng là bao nhiêu ; trong mọi trường hợp thời hạn này không được quá 30 năm.

Chỉ dụ này chỉ cấm hai bên ấn định thời hạn chuộc ruộng trên 30 năm nhưng không hề nói rằng hai bên không ấn định thời hạn, người bán được thời hạn 30 năm để chuộc ruộng.

Ngày nay không còn lý do gì để áp dụng chỉ dụ Minh Mạng, trong khi - DLB - DLT và Sắc lệnh Điền thổ đều ấn định thời hạn tối đa cho việc mãi lai thực là 10 năm.

Sắc lệnh điền thổ về khoản này được áp dụng cho cả những bất động sản chưa thuộc chế độ điền thổ vì đó là một điều khoản phổ thông, không liên hệ gì đến những nghề thức chuyên môn, trong sự tổ chức chế độ điền thổ.

(*TT Saigon 19-10-1961*) (PLTS 1963. II. 65)

473.— THỜI HẠN CHUỘC ĐẤT BÁN THỰC LÀ 10 NĂM HAY 30 NĂM. CHỈ DỤ MINH MẠNG THỨ 20. ĐIỀU 959. DÂN LUẬT BẮC. ĐIỀU 1091 DÂN LUẬT TRUNG VÀ ĐIỀU 209 SẮC LỆNH NGÀY 21-7-1925.

Án Lệ cũ chấp nhận thời hạn chuộc ruộng đất bán thực là 30 năm đã căn cứ vào một chỉ Dụ năm Minh Mạng thứ 20 (1839) nhưng sự hiện hữu của bản văn này không lấy gì làm bằng chắc ; không có bản nguyên cáo chánh thức nào bảo lưu khả dĩ coi được là một bản văn của Luật thực tại : Chỉ Dụ này cũng không thấy có trong Luật Minh Mạng in lần thứ hai (Code Annamite Philastre) ;

Trái lại về luật hiện hành, Bắc, Trung, Nam, theo đà tiến triển của kinh tế, đều có những bản văn ấn định thời hạn tối đa



cho việc mãi lai thực là 10 năm; ở Bắc phần điều 959 Dân Luật; ở Trung là điều 1091 Dân Luật, ở Nam là điều 259 Sắc lệnh ngày 21-7-1925.

Sắc lệnh ngày tuy về nguyên tắc chỉ áp dụng cho những bất động sản đã được đặt dưới chế độ cải tiến do Sắc lệnh thiết lập song những điều khoản tổng quát không lệ thuộc vào sự tổ chức kỹ thuật của tân chế độ, không có lý do gì không áp dụng được cho những bất động sản còn thuộc chế độ địa bộ cũ. Đó chính là trường hợp điều 209 vừa nói.

(TT Saigon 20-12-1962) (PLTS 1963. IV. 144)

474.— THỜI HẠN CHUỘC 30 NĂM.

Mãi lai thực (Vente à réméré) hay cầm cố ruộng đất (nantissement) thời hạn tối đa chuộc lại là 30 năm. Kể từ ngày ký kết giấy tờ chiếu theo SL năm thứ 20 vua Minh Mạng.

(TT Saigon 15-10-1952) (PL. số III. trang 6)

474.— MÃI LAI THỰC. CHẾ ĐỘ ĐỊA BỘ. LUẬT ÁP DỤNG. DỰ MINH MẠNG NĂM THỨ 20. SẮC LỆNH ĐIỀN THỒ 21-7-1925 KHÔNG ÁP DỤNG.

Khi bất động sản còn thuộc chế độ địa bộ cũ và chưa đặt dưới tân chế độ điền thồ, quy định bởi Sắc lệnh ngày 21-7-1925 việc xin thực một bất động sản đã đem mãi lai thực, bị chỉ phối bởi dự Minh Mạng năm thứ 20, Dự này vẫn được coi là luật viết hiện hành tại Nam Phần Việt Nam mà tòa án phải áp dụng.

(PA 28-10-1964) (PLTS 1965 II. 6)

475.— ĐIỀN MÃI VÀ CẦM CỐ. HIỆU LỰC CỦA VIỆC BÁN THỰC. VIỆC CHUỘC LẠI RUỘNG BÁN THỰC.

Mãi lại thực là một việc đoan mãi có điều kiện tiêu trừ: quyền sở hữu được di chuyển ngay sang người mua, nhưng nếu người bán chuộc lại thì điều kiện tiêu trừ thực hiện và quyền sở hữu của người mua bị tiêu hủy.

Do đấy, các thừa kế của người bán, không thể nại sự thuận phân giữa họ để đòi chuộc riêng kỹ phần của mỗi người theo sự thuận phân ấy.

Theo điều 211 sắc lệnh điền thổ, điều 1096 Dân Luật Trung và 961 Dân Luật Bắc, ruộng đất bán thực phải chuộc cả làm một lần; nếu có nhiều thừa kế, tất cả các thừa kế phải xin chuộc. Mỗi thừa kế xin chuộc như vậy chỉ là chuộc phần trừu tượng trong bất động sản vị phân, không phải là chuộc một kỹ phần cụ thể đã chỉ định và giới hạn trong bất động sản ấy.

Chứng thư thị thực là chứng thư trong đó chức dịch xác nhận hai bên đã thỏa thuận và ký kết trước mặt chức dịch về những điều cam kết: phải như vậy, chứng thư mới là chứng thư thị thực, có giá trị một công chính chứng thư.

(*TT Saigon 14-9-1961*) (*PLTS. 1962. IV. 47*)

#### 476.— ĐIỀN MÃI LẬP TRƯỚC NGÀY THI HÀNH BỘ LUẬT HỘ TRUNG KỲ. THỜI HẠN CHUỘC.

Nếu việc bán điền mãi một bất động sản xảy ra từ trước ngày thi hành Bộ Luật Hộ Trung kỳ mà tính từ ngày bán đến ngày khởi tố đề xin chuộc lại bất động sản đó đã quá hạn 30 năm rồi, thời chủ bán mất hẳn quyền chuộc lại bất động sản đem bán điền mãi đó.

(*TT Huế 10-5-1949*) (*PLTS. 1949. II. 31*)

#### 477.— ĐỊNH NGHĨA CẦM CỐ ĐẤT. MÃI LAI THỰC.

Cố đất và bán mãi lai thực thuộc hai định chế pháp lý khác nhau.

Về sự cố đất, nếu nợ đáo hạn mà người thiếu nợ không trả, đương nhiên chủ nợ không thể trở thành sở hữu chủ, bởi lẽ luật pháp cấm hẳn sự lưu chất khế ước giữa chủ nợ và người thiếu nợ.

Người vay nợ cố đất được quyền chuộc đất cố trong hạn 30 năm kể từ ngày lập tờ cố, nếu nợ đã đáo hạn mà chủ nợ không kiện đòi nợ và xin phát mãi đất cố để trừ nợ.

Sự mãi lại thực không phải là cầm cố, sự mãi lại thực là một sự mua bán đất với điều kiện là chủ mua thành sở hữu chủ vĩnh viễn, nếu chủ bán không chuộc đất lại trong thời hạn đã giao kết. Người mua chỉ cần phải kiện người bán để xin Tòa tuyên dấy cước bộ sang tên cho người mua.

Theo án lệ vững chắc, nếu hai bên không giao kết về thời hạn chuộc đất, thì thời hạn này là ba mươi năm kể từ ngày lập tờ mãi lại thực.

(*TT Saigon 19-12-1957*) (PLTS 1958- III. 16)

478.— MÃI LAI THỰC. NGƯỜI CÓ QUYỀN CHUỘC. ĐIỀU 1089 VÀ 1096 DÂN LUẬT TRUNG. THỜI HIỆU. ĐIỀU KIỆN CỦA SỰ CHẤP HỮU. ĐIỀU 596 DÂN LUẬT TRUNG.

Theo các điều 1089 và kế tiếp Luật Hộ Trung Việt chỉ có người bán mới có quyền chuộc bất động sản đã bán lại thực. Nếu người này mệnh một mà để lại nhiều thừa kế, thì một người trong các thừa kế có thể đứng chuộc, và như vậy, người đứng thuộc chỉ là người thế chân vào quyền lợi của người mua mà thôi. Một người đệ tam không có quyền chuộc.

Theo điều 569 Luật Hộ Trung Việt sự chấp hữu, ngoài các điều kiện khác, phải có điều kiện là không hàm hôn và phải ngay thẳng thì mới được hưởng thời hiệu 15 năm.

(*TT Huế 17-1-1962*) (PLTS 1964. IV. 139)

- 479.— MÃI LAI THỰC. THỜI HẠN ĐỀ MUA LẠI. ĐỀ QUÁ HẠN. NGƯỜI MUA ĐƯƠNG NHIÊN TRỞ THÀNH SỞ HỮU CHỦ VĨNH VIỄN. CƯỚC BỘ.

Mãi lai thực là một sự mua bán với điều kiện chủ mua thành sở hữu chủ vĩnh viễn nếu chủ bán không chuộc đất trong thời hạn đã giao kết.

Người bán đề quá hạn định mà không chuộc thời sẽ mất quyền chuộc đất, người mua sẽ đương nhiên trở thành sở hữu chủ vĩnh viễn và chỉ cần kiện người bán đề xin Tòa buộc cước bộ đất mãi lai thực, sang tên mình là đủ.

(PA 27-2-1963) (PLTS 1963. II. 22)

- 480.— MÃI LAI THỰC. QUYỀN CỦA NGƯỜI THỪA KẾ CHUỘC ĐẤT ĐÃ BÁN THỰC, THUỘC DI SẢN. Đ. 1096 HỘ LUẬT TRUNG VIỆT.

Người thừa kế chuộc đất thuộc di sản đã bán thực, không trở thành nghiệp chủ (sở hữu chủ) đất má chỉ thế chân và quyền lợi của người mua (lai thực) (đ. 1096 Hộ Luật Trung Việt). Các đồng thừa kế khác có quyền chuộc lại đất đó trong tay y.

(TT HUẾ 9-11-1960) PLTS 1962. IV. 87)

- 481.— MÃI LAI THỰC. THỜI HẠN CHUỘC RUỘNG. 10 NĂM. THỜI HẠN CHUỘC RUỘNG. TÍNH CHẤT.

Thời hạn tối đa đề chuộc ruộng đất mãi lai thực không cứ ruộng đất ấy thuộc chế độ điền thổ hay không, là thời hạn là 10 năm đã ấn định trong điều 209 Sắc lệnh điền thổ, vì những điều khoản tổng quát về luật nghĩa vụ trong sắc lệnh này, chính vì tính cách tổng quát ấy, chi phối tất cả nghĩa vụ liên quan đến mọi bất động sản, chứ không riêng gì bất động sản đã đặt dưới chế độ điền thổ mới của sắc lệnh.

Thời hạn chuộc ruộng đất mãi lai thực không phải là một kỳ hạn của thời tiêu mà là một kỳ hạn tiên định cho sự giải trừ khế ước thực mãi; cứ hết hạn ấy kể từ ngày mua bán, người mua sẽ đương nhiên thành sở hữu chủ không một nguyên nhân nào có thể kéo dài thêm kỳ hạn đã định.

Chính vì bản chất của thời hạn thực mại không phải là một kỳ hạn thời tiêu cho nên điều 1663 D.L.P. đối chiếu với điều 963 D.L.B. 1093 D.L.T. và 201 Sắc lệnh điền thổ đã minh thị định rằng thời hạn thực mãi lưu thông với tất cả mọi người, ngay cả với vị thành niên cũng vậy.

(*TT Saigon 29-6-1961*) (PLTS. 1962. I. 41)

THỜI HẠN 10 NĂM (X 80, 82, 471, 472, 473).

481. — THỜI HẠN CHUỘC 10 NĂM. BÁN ĐỢ VÀ THỂ CHẤP.  
LẬP HƯỞNG HÒA SAU NGÀY BÁN ĐỢ.

Về hạn tối đa để cho chuộc lại các bất động sản mãi lai thực, bán đợ, điều 1091 H.L.T.V. ấn định là 10 năm; các đương sự không có quyền thuận định quá 10 năm và « quan Tòa cũng không gia thêm đợc ».

Với một điều luật rõ rệt và nghiêm khắc như vậy Tòa án cũng như các đương sự không có thể viện một án lệ nào khác để thay đổi đợc.

Trong vài trường hợp khế ước không nói rõ là bán đợ, nên điều 1090 Hộ L.T.V ấn định tiêu chuẩn (un criterium) chắc chắn để các tòa án phân tách tính cách mãi lai thực thay thế chấp bất động sản: ai trả thuế? có định tiền lời không? Nếu người bán vẫn trả thuế và trong khế ước có định tiền lời thì đích là một thể chấp bất động sản (un nantissement - immobilier) trái lại nếu không có định tiền lời và nếu chủ mua nạp thuế thì là đã bán đợ, mãi lai thực (un vente à réméré).

(*TT HUẾ 29-5-1957*) (PLTS 1957. IV. 30)

## 482.— THỜI HẠN 30 NĂM. RUỘNG ĐẤT BÁN MÃI LAI THỰC.

Thời hạn phải chuộc đất là ba mươi năm kể từ ngày ký kết giấy tờ.

Án lệ định rằng kể từ sau ba mươi năm ngày cầm cố đất, hoặc bán đất mãi mãi thực, người đã bán mãi lai thực hoặc đã cầm cố đất mất quyền chuộc đất lại.

Án lệ lo cho trật tự công cộng vì nếu cho phép chuộc đất đã bán mãi lai thực hoặc đã cầm cố, sau ba mươi năm, chính là vô tình làm xáo trộn trật tự ấy và gián tiếp giúp kẻ đầy gian ý có dịp lợi dụng kẻ khác.

(TT Saigon 4-3-1954) (PLTS số 13 trang 6)

THỜI HẠN 30 NĂM (X. 471, 477)

MẬT ƯỚC (X. KHẾ ƯỚC)

MUA BÁN (X. HỨA BÁN ; X. KHẾ ƯỚC)

(X. ĐOẠN MÃI BẤT ĐỘNG SẢN)

## NĂNG LỰC TỔ TỤNG

## 483.— CƠ QUAN CÔNG GIÁO.

Tuy Giáo hội Việt Nam đã tự trị và tách rời các hội Tuyên Giáo từ năm 1960, nhưng các bản văn liên hệ đến sự tổ chức các Hội Truyền Giáo cũ vẫn còn áp dụng. Vì thế theo Sắc lệnh ngày 16-1-1939 ấn định sự tổ chức các Hội Đồng Quản Trị các Hội Truyền Giáo nhất là điều 2 của Sắc lệnh ấy thì chỉ có các Giáo khu và địa phận là có tư cách pháp nhân mà thôi, Các Gito khu và các địa phận ấy do những Hội đồng Quản Trị Đại diện trong các hành động dân sự.

Đối với các Giáo khu thì Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị là Tổng Giám Mục và đối với các Địa Phận thì Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị là Giám mục.

Như vậy các xứ cũng như các họ đạo không có pháp nhân tư cách.

(*ST BIÊN HÒA 18-9-1964*) (*PLTS 1965. III 90*)

484.— TƯ CÁCH PHÁP NHÂN CỦA HỘI TRUYỀN GIÁO, ĐỊA PHẬN CÔNG GIÁO VÀ HỌ ĐẠO.

Một đoàn thể phải có tư cách pháp nhân mới có năng lực tố tụng.

Những Hội Truyền Giáo, Địa Phận Công Giáo đều có tư cách pháp nhân theo điều 1 Sắc lệnh ngày 16-1-1939 ban hành do nghị định ngày 21-12-1939.

Những họ đạo cũng có tư cách pháp nhân vì có đời sống riêng, tài sản riêng và vì nguyên là những làng mạc Phật giáo cải theo đạo Thiên chúa.

(*TT Saigon 6-7-1961*) (*PLTS 1962. I 53*)

CHÙA (X. CHÙA)

485.— CON CHỒNG KIỆN VỢ LỄ CHỒNG.

Vợ lễ không có nghĩa vụ và quyền lợi của vợ chính, không được coi như người mẹ của con chồng vậy không phải là tôn thuộc của chúng, vì vậy con chồng kiện vợ thứ của cha không phải theo thủ tục định ở điều 13 Nghị định ngày 16-3-1910 buộc đơn kiện phải Trưởng Tộc hay Công tố viên đứng chính tố.

(*PA 25-8-1965*) (*PLTS. 1966. II. 9*)

486.— NÀNG DẦU KIỆN MẸ CHỒNG. ĐIỀU 17 LUẬT DÂN SỰ TỔ TỤNG TRUNG PHẦN.

Điều 17 Luật Hộ Sự Tố Tụng Trung Phần định rằng con cháu muốn kiện tôn trưởng trực hệ phải do tộc trưởng đứng đầu đơn.

Tôn trưởng trực hệ gồm cả cha mẹ, ông bà của chồng. Người đàn bà có chồng là con cháu trong gia đình như chồng vì gia nhập vào gia đình ấy và ông bà cha mẹ chồng trở thành tôn trưởng trực hệ của vợ.

Nàng dâu đứng kiện mẹ chồng và không do tộc trưởng đầu đơn vậy chiếu các điều 17 và 347 Hộ sự Tố tụng Trung phần, thủ tục vô hiệu khi mẹ chồng đã nêu lên sự vô hiệu ấy.

(PA 29-9-1965) (PLTS. 1966. II. 22)

487.— NÀNG DÂU KIỆN CHA CHỒNG. ĐIỀU 13 NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910.

Theo tục lệ và pháp lý « dâu là con » được gia nhập vào gia đình nhà chồng, do đó có đủ bổn phận một người con về phương diện luân lý cũng như pháp lý đối với cha mẹ chồng, vậy phải theo thủ tục định ở điều 13 Nghị định ngày 16-3-1910 khi kiện cha chồng.

(PA 29-9-1965) (PLTS. 1966. II 36)

488.— CON CHÁU KIỆN ÔNG BÀ CHA MẸ.

SẮC LỆNH NGÀY 3-10-1883. ĐIỀU 13 NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910.

TRƯỜNG HỢP CON RÈ KIỆN CHA MẸ VỢ.

Theo nguyên tắc ấn định trong thiên V đoạn chót Sắc lệnh ngày 3-10-1883, được lập lại bởi điều 13 Nghị định ngày 16-3-1910 thì con cháu muốn kiện ông bà, cha mẹ, phải do trưởng tộc đứng đơn, và trong trường hợp Trưởng tộc từ chối hay không có Trưởng tộc, Công tố viên phải đứng đơn chánh tố.

Theo quan niệm « tứ thân phụ mẫu » án lệ cố định áp dụng qui điều trên cả với vụ kiện con rề khởi tố cha mẹ vợ.

(TT Saigon 25-3-1965) (PLTS. 1967. III 48)



489.— NĂNG LỰC TỔ TỤNG ĐÀN BÀ CÓ CHỒNG.

Theo điều 43 Luật ngày 2-1-1959 người đàn bà có chồng có đủ năng lực về pháp lý. Người vợ có quyền khởi tố truy tầm phụ hệ cho con sinh ra trước khi kết hôn, không cần phải được người chồng hộ trợ hay cho phép.

(TT Saigon 12-9-1963) (PLTS 1966. IV. 72)

LUẬT MỚI VỀ NĂNG LỰC PHÁP LÝ CỦA NGƯỜI ĐÀN BÀ CÓ CHỒNG. LUẬT GIA ĐÌNH NGÀY. 2-1-1959.

Luật lệ mới về năng lực pháp lý của người đàn bà có chồng phải được thi hành ngay. Theo điều 113 Bộ Luật Gia đình ngày 2-1-59 người vợ cũng như người chồng có đủ năng lực về pháp lý. Đã áp dụng hợp lý điều 43 này và tuyên bố thủ tục hợp lệ, bản phúc quyết của Tòa Thượng Thẩm xử rằng người vợ đã đứng kiện hợp lệ. tuy không được chồng cho phép đi kiện một cách công nhiên.

Dưới chế độ Sắc lệnh ngày 3-10-1883 việc chồng cho phép vợ đi kiện có thể mặc nhiên và có thể suy luận do những tình tiết khác hơn là việc dự sự của người chồng đã ủng hộ và giúp đỡ vợ qua các giai đoạn thừa kiện tại xã, tại Quận và tại Tòa Sơ Thẩm.

(PA. 26-6-9163) (PLTS 1963. IV 7)

490.— ĐỆ TAM KHÁNG TỐ. TRƯỜNG HỢP NGƯỜI CHỒNG XIN ĐỆ TAM KHÁNG TỐ MỘT ÁN VĂN TUYÊN XỬ VỚI NGƯỜI VỢ.

Trước khi ban hành luật ngày 2-1-1959 người đàn bà có chồng không có năng cách pháp lý : nếu người đàn bà bị kết án về một hành vi pháp lý do người ấy tự làm không được chồng cho phép, người chồng có quyền xin đệ tam kháng tố bản án.

Nguyên tắc là hành vi pháp lý kể trên vô hiệu, chủ nợ không chấp hành được trên tài sản của người vợ, cũng như trên tài sản cộng đồng.

Nhưng nếu kẻ ước đã tận phát hiệu lực, người vợ đã thủ đắc mọi đặc lợi của kẻ ước thì kẻ ước hữu hiệu.

(TT Saigon 8-II-1962) (PLTS 1964. I. 101)

491.— LÀNG XÃ. -SỰ CHO PHÉP LÀNG XÃ ĐI KIẾN.

Thề thức cho phép các làng xã thừa kiện đặt ra đề bênh vực quyền lợi của các làng xã, chứ không phải đề bênh vực quyền lợi của những đối phương của làng xã, vì vậy sự khiếm khuyết trong việc cho phép làng xã thừa kiện chỉ là một sự vô hiệu tương đối không thể nêu lên lần thứ nhất trước Tòa Phá Án.

Phương chức mới nêu lên lần thứ nhất trước tòa Phá Án nại sự khiếm khuyết trong việc cho phép các làng xã thừa kiện không thể chấp nhận được, vì sự khiếm khuyết này chỉ là một sự vô hiệu tương đối chứ không có tính cách trật tự công cộng.

(PA 28-6-1961) (PLTS 1962. I. 3)

492.— LÝ SỰ HỘI QUÁN TRUNG HOA. SẮC LỆNH NGÀY 10-6 1960. GIẢI TÁN. THANH TOÁN. THỦ TỤC TÁI TỤNG. KHÔNG CẦN.

Sau khi một pháp nhân bị giải tán, không cần phải làm thủ tục tái tụng (tái tụng tố tụng) vì mặc dầu bị giải tán, pháp nhân vẫn coi như tồn tại để cho sự thanh toán được dễ dàng hơn.

Vì vậy tuy sắc lệnh số 133 ngày 10-6-1960, giải tán lý sự Hội Quán Trung Hoa và các bang ấn kiều khác, được tuyên bố trong khi thủ tục kháng cáo đang tiến hành, Tòa Thượng Thẩm vẫn có thể tuyên phúc quyết y án văn sơ thẩm xử về một vụ tranh chấp giữa người thuê đất và Hội Quán Phước Kiến (Chợ-Lớn) chủ đất, hội này tuy đã bị giải tán nhưng vẫn được coi là còn tồn tại để thanh toán nốt vụ kiện.

Sự chấm dứt nhiệm vụ của cơ quan đại diện (người đại diện) cho pháp nhân không ảnh hưởng tới thủ tục vụ kiện vì khi một

cơ quan đại diện của một pháp nhân thay đổi, không phải áp dụng thủ tục tái tụng (điều 345 D.S.T.T.. Pháp coi như lý tính thành văn.

Vì vậy mặc dầu nhiệm vụ của cơ quan đại diện cho Hội Quán Phước Kiến là lý sự trưởng của Hội quán ấy chấm dứt, cũng không cần phải áp dụng thủ tục tái tụng, nhất là hồ sơ ở trong tình trạng có thể xử được (điều 55 nghị định ngày 16-3-1910).

(PA 24-4-1963) (PLTS 1963. III. 12)

493.— TỐ QUYỀN XỬ HÀNH DO VỊ THÀNH LIÊN. KHÔNG TÔN TRỌNG THẺ THỨC VỀ VIỆC GIẢM HỘ. KHƯỞC BIỆN DIỄN TRƯỜNG, TÒA KHÔNG ĐƯỢC TỰ Ý VIỆN DẪN.

Khi một người vô năng cách đứng đơn khởi tố, không được thay mặt hay cho phép hợp pháp, đối phương chỉ có thể nêu ra khước biện diễn trường: không tranh luận về nội dung, cho đến khi tình trạng của người vô năng cách được hợp thức hóa; nói một cách khác, đối phương không nại được sự vô hiệu của thủ tục, chỉ có quyền thụ động, đợi chờ, không tranh luận.

Thí dụ một đương sự khởi tố khi còn vị thành niên và đã trưởng thành trong khi thủ tục tiến hành: Nếu đối phương không nại ra sự vô năng cách của nguyên đơn về việc kháng cáo và đã tranh luận về nội dung vụ kiện thì theo điều 259 đoạn 2 N.Đ. ngày 16-3-1910, Tòa không có quyền tự ý viện dẫn sự vô hiệu vì thiếu năng cách của nguyên đơn, vậy sự kháng cáo phải được chấp nhận buộc tòa phải thẩm định về nội dung.

(TT Saigon 29-6-1961) (PLTS 1963 I. 41)

494.— VÔ NĂNG CÁCH CỦA VỊ THÀNH NIÊN. NGƯỜI VÔ NĂNG CÁCH. MƯỢN ĐỒ ĐỀ DÙNG. CÓ NGHĨA VỤ GÌ?

Dân Luật Việt-Nam không ấn định tuổi hiểu biết của người vị thành niên khi ký văn tự, sự hiểu biết này thuộc quyền thẩm lượng tối thượng của Tòa chính vụ.

Người vị thành niên, đến tuổi hiểu biết, phải chứng tỏ sự thiệt hại nếu muốn viện dẫn sự vô năng cách để xin tiêu hủy một hành vi pháp lý; có như vậy mới tránh được việc dong tủng vị thành niên lừa người bằng những hành vi gian trá.

Việc mượn đồ để dùng là một hành vi pháp lý vô thường vị thành niên không bị buộc vào nghĩa vụ nào khác ngoài nghĩa vụ hoàn lại đồ vật đã mượn, vậy không có sự thiệt hại do sự kết ước có thể gây ra cho vị thành niên; do đó, không có lý do gì làm cho hành vi vô hiệu.

Trong mọi trường hợp, người vô năng cách mượn đồ vật để dùng, có nghĩa vụ, mặc dầu vô năng cách, phải hoàn lại đồ vật ấy; nếu đồ vật đã được trị giá, người mượn phải chịu trách nhiệm và hoàn lại giá tiền, dầu rằng đồ vật bị tiêu thất vì một lý do bất khả kháng, trừ khi có sự giao ước trái lại (điều 1883 D.L.P. đối chiếu với điều 1102 D.L.B. và 1286 D.L.T.).

(*TT Saigon 13-12-1962*) (*PLTS. 1963. IV. 139*)

## NGOẠI HÔN

495.— NGOẠI HÔN. CHẤM DỨT SỰ NGOẠI HÔN. BỒI THƯỜNG CHO NGƯỜI ĐÀN BÀ. CẤP DƯỠNG CHO CON CHUNG.

Hai người bạn ngoại hôn, đã tự do kết hợp với nhau, lúc nào cũng có quyền chấm dứt tình trạng bất hợp pháp đó.

Nếu người đàn bà không chứng minh được sự sống chung với người bạn ngoại hôn cùng sự thôi ăn ở với nhau đã gây thiệt hại cho

y thị thiếu sính kế cần được đền bồi, vì không được ăn với ở người kia, thì đơn xin bồi thường của y thị không được chấp nhận.

Sau khi chấm dứt sự ngoại hôn, người đàn ông có phận sự phải cấp dưỡng cho các con chung.

(TT Saigon 9-7-1959) (PLTS. 1960. I. 29)

BỒI THƯỜNG (X. 113)

496.— NGOẠI HÔN. CHẤM DỨT. BỒI THƯỜNG. ĐIỀU 79. LUẬT GIA ĐÌNH. ĐIỀU KIỆN.

Nghĩa vụ bồi thường của điều 79 Luật Gia đình chỉ thể hiện khi một trong hai người đã làm một quá thất gây tổn thiệt cho người bạn ngoại hôn theo nguyên tắc thông thường về trách nhiệm dân sự phạm.

(TT Saigon 15-12-1962) (PLTS. 1963. I. 142)

497.— TÌNH TRẠNG NGOẠI HÔN. CHẤM DỨT. BỒI THƯỜNG. PHẠM LỖI.

Tình trạng ngoại hôn là một tình trạng bất hợp pháp ; cả hai người đàn ông và đàn bà đều có thể chấm dứt tình trạng ấy mà không vì đó phạm một lỗi nào.

Khi chấm dứt cuộc sống chung, người chủ động chỉ có trách nhiệm bồi thường nếu đã phạm lỗi như đã dụ dỗ hay dùng cách gì đáng trách để đưa người bạn tình vào đường tội lỗi sống chung với mình.

(PA 16-10-1966) (PLTS 1967 II 17)

CON NGOẠI HÔN (X. 114, 489)

498.— TỬ HỆ TƯ SINH TRƯỚC LUẬT GIA ĐÌNH NGÀY 2-7-1959. BẮT HỒI TỔ. SẮC LỆNH 3-10-1883. KHÔNG CÓ CON NGOẠI TÌNH VỀ ĐÀNG CHA.

Dưới chế độ đa thê cũ không có con ngoại tình về đàng cha, do đó sự thừa nhận của người cha đã có vợ chính thức hay sự tuyên nhận về Tòa án phụ hệ của người này đối với một trẻ sinh với người đàn bà khác, không vi phạm Sắc lệnh 3-10-1883.

Luật gia đình ngày 2-1-1959 và sắc luật thay thế ngày 23-7-1964 đã bãi bỏ đa thê và cấm chỉ sự thừa nhận con ngoại tình về đàng cha cũng như đàng mẹ, không có hồi tiền hiệu lực, vì vậy khi tuyên nhận một trẻ sinh trước khi luật Gia đình ra đời là con tự sinh của một người đàn ông đã có vợ chính thức; phúc quyết của Tòa Thượng Thẩm, với hiệu lực tuyên nhận của nó, chỉ xác định một tình trạng pháp lý đã có rồi và không vi phạm cấm chỉ thừa nhận con ngoại tình dự liệu trong điều 116 luật 1964.

(PA 30-12-1964) (PLTS 1965 II 19)

499.— NHẬN CON. ƯC ĐOÁN VỀ ĐỨA CON SANH TRONG THỜI KỲ CHUNG SỐNG CỦA 2 VỢ CHỒNG KHÔNG CÓ HÔN THỨ CHÍNH THỨC. NUÔI DƯỠNG ĐỨA TRẺ.

Tuy không có hôn thú chính thức, nhưng khi có bằng chứng về sự chung sống giữa hai người sống như vợ chồng thì đứa con thành thai trong thời kỳ chung sống ấy được ước đoán là con của 2 người này.

Tòa án có toàn quyền định đoạt việc giao đứa trẻ cho người cha hay người mẹ đứa trẻ khi Tòa xét có ích cho đứa trẻ.

(ST QUẢNG NAM 22-11-1956) (PLTS 1957. I 37)

CẤP DƯỠNG (X. 113. 495)

CHẤM DỨT NGOẠI HÔN (X. 495, 496, 497)

500.— HIỆU LỰC CỦA SỰ THỪA NHẬN CON NGOẠI HÔN.

Theo điều 119 Sắc luật số 15164 ngày 23-7-1964 qui định giá trị, tư hệ và tài sản cộng đồng, thì thừa nhận con ngoại hôn đã

người cha hay người mẹ chỉ có hiệu lực riêng đối với người ấy. Tuy nhiên nếu, khi người cha thừa nhận có khai tên người mẹ mà sau này đã mặc nhiên hay công nhiên thú nhận đứa trẻ là con mình chứng thư thừa nhận sẽ có hiệu lực với cả người mẹ.

(*TT Saigon 5-II-1964*) (PLTS 1965. III. 66)

NGHĨA VỤ CẤP DƯỠNG (X. 112, 119)

NHÌN NHẬN CON TƯ SINH (X. 114)

501.— SỰ NHÌN NHẬN CON. BẢNG CỜ VỀ SỰ NHÌN NHẬN NÀY.

Người cha ngoại hôn đứng khai sanh trong sổ hộ tịch, nhưng Ủy Viên Hộ tịch, các nhân chứng và người cha không ký tên.

Sắc lệnh 1883 không qui định sự thiếu chữ ký của đương sự như một trường hợp vô hiệu. Án lệ rất rộng rãi về điểm này, sự thiếu sót chữ ký nói trên, không làm cho giấy khai sanh vô hiệu như là khi có sự chấp hữu thân trạng con tư sinh được cha nhìn nhận.

Người cha ngoại hôn khai sanh cho con, sự đi khai như thế phải được coi như một sự nhìn nhận con tư sinh đối với người cha.

(Các sự kiện trong vụ tranh tụng đã xảy ra trước khi luật về gia đình được ban hành.

(*TT Saigon 19-II-1959*) (PLTS 1960. III. 72)

CON BIỆT TÌNH. SỰ NHÌN NHẬN CON BIỆT TÌNH.

Một đứa con được cả bố mẹ đứng khai sanh, nhưng bố và mẹ ăn ở với nhau không hôn thú thời đứa con đó được coi như con biệt tình.

Cả hai bố mẹ đứng khai sanh cho đứa con thời coi như đã nhìn nhận nó như con biệt tình không cần phải nói thành điều khoản

rõ rệt trực tiếp, sự nhìn nhận này chỉ cần phát biểu ra mà thôi, miễn là ý chí của người bố hay người mẹ đã xác thực (Daloz N.R. Filiation naturelle số 17).

(HGRQ ĐÀ LẠT 17-2-1955) (PLTS 1955. IV. 54)

502.— TÌNH TRẠNG NGOẠI HÔN. TÍNH CÁCH BẤT HỢP PHÁP. QUYỀN LỢI. NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỆ TAM. CĂN BẢN CỦA NGHĨA VỤ.

Sự trạng một cặp nam nữ sống ngoại hôn một cách công tri là một tình trạng xưa nay vẫn bất hợp pháp, chớ không phải đợi đến lúc đạo luật ngày 2-1-1959 được ban hành mới thành bất hợp pháp ; tình trạng này không thể tạo cho họ một quyền lợi gì, nhưng có thể tạo ra nghĩa vụ đối với người đệ tam khi nào người đệ tam đã giao dịch với họ trên căn bản coi họ như vợ chồng chánh thức.

Nghĩa vụ bồi thường của người đàn ông ngoại hôn, về một tai nạn lưu thông, nghĩa là một sự kiện pháp lý, không liên quan gì đến sự trạng y công khai sống chung với người đàn bà, do đấy không thể làm căn bản cho chủ nợ sai áp một chiếc xe thuộc tài sản riêng của người này.

(TT Saigon 9-II-1961) (PLTS. 1962. III 60)

503.— SỐNG CHUNG NHƯ VỢ CHỒNG. SỐNG CHUNG VỚI TÍNH CÁCH VỢ CHỒNG NHƯNG KHÔNG CÓ CHỨNG THƯ GIÁ THỦ.

Nhìn nhận một người đàn bà làm vợ kể trước Tòa án, sống chung với người ấy cùng một nhà, và người đàn bà trong việc giao thiệp vẫn lấy danh tính là vợ, thì hai người đã có tình trạng bề ngoài (situation apparente) của một cặp vợ chồng chánh thức.

(TT Saigon 27-10-1955) (PLTS. 1956. II. 30)



504.— TỬ HỆ NGOẠI HÔN. QUYỀN GIỮ CON NGOẠI HÔN.  
TRÁCH NHIỆM NUÔI DƯỠNG ĐỨA CON NGOẠI HÔN.

Đứa con ngoại hôn đã được cha và mẹ của nó nhìn nhận và do mẹ nó nuôi giữ từ khi mới sanh, thì vì quyền lợi của nó, chiếu điều 383 khoản 2 Bộ Dân Luật Pháp áp dụng như lý tính thành văn không thể buộc mẹ nó phải giao nó lại cho cha nó.

Chiếu điều 80 khoản 2 Luật số 1159 ngày 2-1-1959 về gia đình, người cha ngoại hôn phải chung cùng với người mẹ chịu trách nhiệm nuôi dưỡng đứa con chung.

(TT Saigon 20-8-1959) (PLTS. 1960 I. 32)

505.— LUẬT GIA ĐÌNH. HỒI TIỀN HIỆU LỰC. SƯU TẦM PHỤ  
HỆ CON NGOẠI HÔN HÀNH VI TUYÊN NHẬN. THỜI  
HẠN KHỞI TỐ.

Trước ngày ban hành Luật Gia đình chế độ đa thê được chấp nhận nên chỉ có con ngoại tình về đảng mẹ mà không thể có con ngoại tình về đảng cha : sự kiện người cha có vợ chánh thức không là một trở lực pháp lý cho sự truy tầm phụ hệ của con ngoại hôn.

Đạo luật gia đình ngày 2-1-1959 không có hồi tiền hiệu lực và sự thừa nhận con ngoại hôn, dù là tự ý hay bị cưỡng bách, là hành vi tuyên nhận, nghĩa là đứa trẻ sinh ngày nào thì coi như được thừa nhận từ ngày ấy, vậy con ngoại hôn sanh trước ngày ban hành Luật Gia đình có thể khởi động tố quyền truy tầm phụ hệ sau ngày ban hành luật ấy.

(TT Saigon 27-7-1961) (PLTS. 1963. I. 69)

506.— NGOẠI HÔN. TRUY TẦM PHỤ HỆ. BỒI THƯỜNG.

Đứa trẻ do một người đàn bà có chồng sinh ra được coi là con của người chồng cho đến lúc bị người này khước từ phụ hệ.

Người đàn bà không thể viện lẽ chồng đã « bỏ rơi » để truy tầm phụ hệ cho đứa con, cũng không thể đòi cấp dưỡng.

Cũng không viện lẽ người đàn ông đã dụ dỗ hứa hôn với mình để đòi bồi thường.

(*TT Saigon 30-8-1962*) (*PLTS 1963. I. 119*)

## NGHĨA VỤ

### 507.— NGHĨA VỤ LIÊN ĐỐI. TRÁCH NHIỆM VÌ TÁC ĐỘNG CỦA ĐỒ VẬT VÔ TRI.

Nghĩa vụ chỉ có tính cách liên đới trong những trường hợp luật định hay nếu đã có sự cam kết liên đới.

Do đấy, người chủ một chiếc xe hơi đã bán xe đi rồi, không phải chịu trách nhiệm liên đới với người chủ mới về tai nạn do chiếc xe gây ra.

Về trách nhiệm vì tác động của đồ vật vô tri, Dân luật buộc trách nhiệm vào người canh thủ.

Người chủ một chiếc xe, sau khi bán xe và đã giao xe, không còn là người canh thủ, do đấy không phải chịu trách nhiệm về tai nạn do chiếc xe gây ra.

(*TT Saigon 2-3-1961*) (*PLTS 1961. I. 50*)

### 508.— NGHĨA VỤ LIÊN ĐỐI. KHÔNG THỀ KHÔNG ĐOÁN TIỀN THUÊ NHÀ. NGƯỜI THUÊ LẠI MỘT PHẦN NHÀ.

Teo nguyên tắc, những người mắc nợ có nghĩa vụ liên đới với nhau là khi nào phải chịu trách nhiệm chung về một sự vật gì, mỗi người có thể bị bắt buộc trả tất cả sự vật ấy được, sự liên đới không thể phỏng đoán được phải có ghi trong kế ước hay được luật pháp dự liệu.

Một người thuê lại một căn phòng không thể bị xử phải liên đới cùng với người thuê chính và các người thuê lại những căn phòng

khác, trả tiền thuê chung căn nhà cho chủ nhà khi họ không có liên lạc pháp lý nào với chủ nhà không hề can kết chịu trách nhiệm liên đới như vậy cũng như không có điều luật nào buộc họ phải trả liên đới như vậy.

(PA 25-8-1965) (PLTS 1966 III 4)

### 509.— NGHĨA VỤ TỰ NHIÊN.

Bổn phận cấp dưỡng này trước hết là một nghĩa vụ tự nhiên (obligation naturelle), nghĩa là nếu người cha tự xét lương tâm mà cấp dưỡng thì hành vi ấy hữu hiệu ; nhưng nếu gặp phải người cha vô lương thì người mẹ và đứa trẻ đều không có tố quyền gì để buộc người cha phải cấp dưỡng. Nghĩa vụ tự nhiên này sẽ biến cải thành một nghĩa vụ dân sự (obligation civile) với sự chế tài của một tố quyền dân sự, khi nào người cha có cam kết minh thị sẽ chu cấp cho đứa trẻ ; học lý và án lệ, tuy rộng rãi và nhân đạo, cũng không chấp nhận một sự cam kết mặc nhiên ; thí dụ : nhận là cha đứa trẻ không phải là đã chịu cấp dưỡng ; hay, trong thực tế đã cấp dưỡng trong một thời gian cũng không phải là đã cam kết cấp dưỡng ;

(TT Saigon 3-1-1963) (PLTS. 1964. I. 148)

### NGHĨA VỤ TỰ NHIÊN.

I.— TẶNG DỮ BẤT ĐỘNG SẢN : ĐIỀU KIỆN HOÀN THÀNH.

II.— HỨA HẸN TẶNG DỮ : TÍNH CHẤT.

I.— Sự tặng dữ bất động sản phải được người thụ tặng chấp nhận mới hoàn thành (theo điều 219, 221, sắc lệnh ngày 21-7-1925) và nguyên tắc việc tặng dữ là cho đến khi có sự chấp nhận của người thụ tặng, người chủ tặng có quyền hủy bỏ sự tặng dữ.

II.— Sự hứa hẹn tặng dữ không có tính chất pháp lý như một nghĩa vụ tự nhiên « sự cam kết thì hành một nghĩa vụ tự nhiên biến

cải nghĩa vụ này thành một nghĩa vụ dân sự và phát huy một tổ quyền cho người thụ hưởng để cưỡng hành người đã cam kết phải thi hành nghĩa vụ. Trái lại, sự hứa hẹn tặng dữ không mang lại cho người thụ hưởng tổ quyền ấy vì sự tặng dữ là một khế ước vô thường chỉ có thể thành tựu do sự ưng thuận nhất định của người thụ tặng. Trước khi ấy, người này không có quyền gì có thể đối kháng với người chủ tặng.

(*TT Saigon 1-6-1961*) (PLTS. 1962. I. 37)

510. — THỤ THÁC. THỤ THÁC HỮU THƯỜNG. NGHĨA VỤ PHẠM VI. ĐIỀU 1928 D. L. P. ĐIỀU 1141 KHOẢN 2 B. L. B. ĐIỀU 1334 KHOẢN 2 D. L. T. BẢO TỒN VẬT SẢN KỸ THÁC. LƯƠNG PHỤ HAY NGƯỜI QUẢN LÝ CHU ĐÁO.

Theo điều 1928 D.L.P. đối chiếu với điều 1141 khoản 2, D.L. B. và điều 1334 khoản 2 D.L.T. coi như lý trí thành văn, nghĩa vụ của kẻ thụ thác hữu thường chỉ là nghĩa vụ săn sóc, bảo tồn vật sản kỹ thác như một lương phụ hay người quản lý chu đáo.

Thực vậy, về phạm vi nghĩa vụ kẻ thụ thác hữu thường, điều 1928 D.L.P. không qui định rõ ràng mà chỉ nói rằng điều 1927, liên quan đến phạm vi nghĩa vụ kẻ thụ thác vô thường, phải được áp dụng khắt khe hơn. Vì qui điều mơ hồ này, nên có án lệ cho rằng kẻ thụ thác hữu thường chỉ được miễn trách nếu gặp trường hợp bất khả kháng hay bất khả tiên liệu. Chiều hướng án lệnh này sai lầm. Vì theo luật thông thường, phạm vi nghĩa vụ coi giữ của trái hộ một vật xác thực là điều 1137 s 1. D.L.P. theo đó, người trái hộ phải săn sóc, bảo tồn vật sản ấy cho cẩn thận như một lương phụ. Và điều 1137 khoản 2 D.L.P. đã đề ra cho vài loại khế ước biệt lệ. Một trong các biệt lệ được dự liệu nơi điều 1927 D.L.P. là buộc người thụ thác vô thường nghĩa vụ coi sóc nhẹ hơn là nghĩa vụ coi sóc của trái hộ thông thường của điều 1137 S 1. D.L.P. và như vậy, khi buộc kẻ thụ thác hữu thường có nghĩa vụ nặng hơn kẻ thụ thác

vô thường, nhà lập pháp điều 1928 D.L.P. chỉ muốn qui chiếu đến luật thông thường tức là điều 1137 S 1 DLP Quan điểm sau này được minh thị xác định trong điều 1141 S 2 D.L.B. và điều 1334 S 2 D.L.T.

(TT Saigon 2-9-1961) (PLTS 1962. I. 63)

NGHĨA VỤ CỦA VỢ CHỒNG (X. VỢ CHỒNG)

NHẠC

511.— BẢN QUYỀN TÁC PHẨM. DỤ SỐ 9 NGÀY 24-2-1941 VÀ SẮC LỆNH NGÀY 19 VÀ 24-7-1793. TÔN TRỌNG TÁC PHẨM KHI ĐƯỢC NHƯỢNG QUYỀN XUẤT BẢN. ĐƠN KHỞI TỐ.

Dụ số 9 ngày 24 tháng 2 năm 1941 (hiện hành ở Trung Việt) cũng như sắc lệnh ngày 19 và 24 tháng 7 năm 1793 (hiện hành ở Nam Việt) qui định quyền sở hữu văn chương, mỹ thuật và kỹ nghệ, bắt buộc phải ký nạp tác phẩm tại Bộ Quốc Gia Giáo Dục. Điều khoản bắt buộc ký nạp tác phẩm phải giải thích rằng : nếu không có việc ký nạp tác phẩm thì việc xâm phạm quyền trước tác không thể xem như một việc vi phạm luật hình để tố cáo trước Tòa án hình sự; nhưng tác giả hoặc người kế quyền vẫn có thể thưa kiện trước Tòa án dân sự để đòi bồi thường tổn hại.

Người nào được chủ sở hữu một tác phẩm văn chương hoặc mỹ thuật nhượng lại cho quyền xuất bản tác phẩm ấy, sẽ bắt buộc phải tôn trọng hoàn toàn tác phẩm. Nếu người xuất bản tự ý thêm bớt hay sửa đổi tác phẩm, tức là hành động có thể làm cho chủ sở hữu bị thiệt hại cả về tinh thần lẫn vật chất và đáng phải bồi thường thiệt hại.

Đơn khởi tố (hoặc truyền phiếu tổng đạt cho bị cáo theo thủ tục trước Tòa án hôn hợp cũ) phải đủ lẽ và nhất định, đã trình trực tiếp liên hệ ngay với việc kiện trong đơn (hoặc trong truyền phiếu)

thời không kể. Như vậy khoản gì mới nêu ra sau khi khởi tố đề thêm vào việc kiện, sẽ phải bác đi và dành quyền cho nguyên đơn khởi tố kiện bằng một đơn khác.

(*ST Huế 12-4-1955 (PLTS 1956 II. 55)*)

512.— VI PHẠM QUYỀN TRƯỚC TÁC VÀ TRÌNH DIỄN. SỰ KÝ NẠP TÁC PHẨM, ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT CHO SỰ TRUY TỐ VỀ MẶT HÌNH.

Đối với các tác phẩm ấn hành tại ngoại quốc, sắc lệnh ngày 28-3-1952 lệ thuộc sự truy tố, sự vi phạm quyền trước tác vào sự ký nạp tác phẩm xuất bản, sắc lệnh này phải coi là áp dụng cho cả sự trình diễn các nhạc phẩm, vì là văn kiện duy nhất bảo vệ các tác phẩm xuất bản nơi nước ngoài.

Về quyền trình diễn các nhạc phẩm thâu vào phim, có thể quan niệm rằng khi nhạc sĩ nhường cho các nhà sản xuất phim quyền thâu thanh các bản nhạc của họ, họ không còn giữ nguyên tác quyền đối với sự trình diễn theo phim và phải coi là đã nhường quyền này cho nhà sản xuất phim ảnh, trừ phi có điều khoản minh ước trái lại.

(*PA 31-1-1961 (PLTS 1961. III. 24)*)

NHÃN HIỆU

513.— NHÃN HIỆU. QUYỀN SỞ HỮU. KÝ NẠP. HIỆU LỰC TUYÊN NHẬN.

Điều 2 đoạn 1 luật số 13 ngày 1-8-57 (cũng như điều 2 Dự số 5 ngày 1-4-1952 đã bị thay thế bởi điều trên) đều có nghĩa là phải đã ký nạp một nhãn hiệu mới được quyền sở hữu về nhãn hiệu ấy.

Theo án lệ cố định, sự ký nạp chỉ hậu quả tuyên nhận, mà không có hậu quả kiến tạo, và, như vậy, không thể lợi dụng sự kiện

một nhãn hiệu chưa được ký nạp, đề đem trình Tòa nhãn hiệu ấy và nhận làm của mình.

(TT Saigon 12-4-1962) (PLTS 1963. III. 94)

513.— PHẤ AN. BẰNG SÁNG CHẾ. ĐIỀU KIỆN CỐT YẾU :  
PHÁT MINH MỚI LẠ. ĐỊNH NGHĨA CỦA ĐIỀU 22  
LUẬT SỐ 12157. SỰ TỔNG ĐẠT BẢN MÔ TẢ SỰ SÁNG  
CHẾ.

Nhận xét rằng bị can không chứng minh được nón xếp mà y xuất trình và nại là đã bắt chước có mang nhãn hiệu ngoại quốc và đã có trước ngày Bộ Kinh Tế cấp bằng sáng chế cho dân sự nguyên cáo, nón ấy cũng không được công bố tại Việt-Nam hay được mô tả trong một bằng sáng chế do Chính phủ Việt-Nam cấp phát, Tòa Thượng Thẩm có thể xác nhận hợp pháp nón xếp « Cần Thiết » của dân sự nguyên cáo là một phát minh mới lạ đúng theo định nghĩa của điều 22 luật số 12157.

Sự tổng đạt bản mô tả sự sáng chế chỉ cần thiết khi những sự kiện đã có trước khi bằng sáng chế được cấp phát.

(PA 26-6-1963) (PLTS 1964. IV. 38)

513.— NHÃN HIỆU. SỰ KÝ NẠP TẠI PHÒNG LỤC SỰ TÒA  
ÁN. THƯƠNG MẠI. TÍNH CÁCH TUYÊN NHẬN,

Sự ký nạp nhãn hiệu, chiếu điều 2 Luật số 13157 ngày 1-8-1957 cấp dữ cho người ký nạp quyền sở hữu chứ không có tính cách tuyên nhận quyền sở hữu nhãn hiệu ký nạp chứ không có tính cách kiến tạo quyền sở hữu.

Sự cấp dữ quyền sở hữu nhãn hiệu cho người ký nạp chỉ là một danh nghĩa làm cho người ký nạp không chứng tỏ quyền hạn của mình khi sử dụng nhãn hiệu, sự cấp dữ này chỉ là để xác nhận việc sử dụng nhãn hiệu mà thôi, vì vậy, giữa hai người cùng

ký nạp một nhãn hiệu, người đã xử dụng nhãn hiệu trước người kia phải coi là có quyền sở hữu nhãn hiệu ấy.

(PL 29-9-1965) (PLTS 1966 III. 11)

## NỢ

514.— AN HẠN. TRẢ PHÂN KỲ. ĐIỀU 41 NGHỊ ĐỊNH 16-3-1910.

Luật pháp chỉ cho phép người chủ nợ hưởng tiền lời tới một lợi xuất do luật định, tiền này là tiền bồi thường về sự chậm trễ trong việc trả nợ, do đó chủ nợ không được kiếm nhận một số tiền nào khác ngoài vốn và lãi do luật định; nhận tiền khác đâu là do một ước khoản dự phạt là một hình thức đề tăng tiền lời quá mức luật định hành vi bị cấm đoán và trừng phạt.

Theo điều 41 Nghị định 16-3-1910 tòa án có quyền tự cho con nợ cùng quẫn và ngay tình được hưởng ân hạn bằng cách trả bằng nhiều phân kỳ.

(PA 31-6-1965) (PLTS 1965 IV. 25)

515.— AN HẠN. NGHỊ ĐỊNH 16-3-1910. ĐIỀU 41. TRUẤT BÃI, UY LỰC QUYẾT TỤNG. QUÁ THỈNH.

Theo điều 41 Nghị định ngày 16-3-1910, ân hạn lúc nào cũng có thể bãi bỏ.

Người hưởng ân hạn có thể bị truất bãi ân hạn nếu có những sự kiện mới tỏ rõ y không còn xứng đáng được hưởng ân hạn như người thuê không trả tiền bồi thường chiếm ngụ lại còn lợi dụng ân huệ để cho người khác thuê lại.

Do đó không có sự vi phạm quyết tụng.

Sự truất bãi ân hạn có hậu quả trực tiếp làm cho án vẫn được chấp hành ngay tức khắc, do đó khi truyền thi hành án sơ thẩm được



chuẩn y, Tòa Thượng thẩm xét xử về chính đối tượng của đơn khởi tố và không có sự xét xử quá trình.

(PA 27-7-1966) (PLTS 1966 IV. 37)

516.— BẢNG CỐ TRẢ NỢ

Văn tự còn ở trong tay chủ nợ thì tòa ước đoán là nợ chưa trả, dù rằng người đi vay có kháng biện là đã trả rồi và chưa lấy văn tự về.

Trong trường hợp ấy Tòa không cần hỏi nhân chứng mà người vay nợ nại ra.

(Tòa Hải Phòng 19-5-1949) (PLTS 1949 II. 27)

TỊCH BIÊN BẢO THỦ. ÁN LỆNH CỦA ÔNG CHÁNH ÁN CHIẾU THEO ĐƠN XIN. ÁN LỆNH KHẢN CẤP Đ. 167 NĐ 16-3-1910.

Chiếu điều 167 Nghị định 16-3-1910 chủ nợ chỉ được phép vô đơn xin ông Chánh án một án lệnh đề tịch biên bảo thủ tạm là khi nào số nợ đã thanh xác và đáo hạn. Nếu món nợ không thanh xác thì đương sự chỉ có thể xin phép ông Chánh án gọi người thiếu nợ ra trước Tòa khản cấp thẩm sát đề xin cung thác của cải của người thiếu nợ, hay, vật đang tranh tụng.

(TT Saigon 15-7-1950) (PLTS 1950 II. 33)

517.— BẢO ĐẢM NỢ. TRẢ PHÂN KỶ.

Một chủ hiệu buôn mua chịu hàng khi bị kiện đề trả số nợ thiếu, không thể vịn có đã có hợp đồng cho người khác mượn hiệu buôn của mình đề xin tòa đem người này vào vụ kiện đề bảo đảm cho mình, Tờ hợp đồng này không có hiệu lực gì đối với người chủ nợ, là một người ngoại vụ, một đệ tam nhân, Nhất là khi người chủ nợ không biết có tờ cho mượn hiệu buôn lúc y bán hàng chịu.

Bên bị có quyền xin đem vào vụ kiện người bảo đảm, nhưng quyền này phải được xử dụng từ ban đầu vụ kiện trong lý do nạp lần đầu tiên.

Nợ không thể trả phân kỳ, nếu người thiếu nợ đủ trả tất cả một lần, và mưu mô với ác ý để tránh nợ.

(*TT Saigon 7-12-1950*) (*PLTS 1951 I. 51*)

518.— NỢ. TRÁCH NHIỆM LIÊN ĐỐI TRẢ NỢ. LỜI CAM KẾT TRẢ NỢ. TUYÊN CÁO PHÁ SẢN.

Lời cam kết trước tòa để trả nợ thay thế cho một người khác cũng đủ để buộc người cam kết phải thi hành lời hứa trên như là một nghĩa vụ dân sự.

Khi nào có sự ngưng trả món nợ đã được xác nhận hợp pháp thì mới có thể tuyên cáo phá sản.

(*TT Saigon 20-8-1955*) (*PLTS 1956 I. 26*)

519.— CANH CẢI MỘT MÓN NỢ.

Sự canh cải một món nợ không phải do sự suy đoán mà ra.

Vấn kiện do viên chức làng lập ra sau khi nguyên đơn đi thừa, trong đó chỉ có ghi lời khai của bị đơn, không có nguyên đơn ký vào, không thể được coi là một bằng chứng là nguyên đơn đã chấp nhận lời khai đó.

(*PA 18-7-1956*) (*PLTS 1957. III. 5*)

520.— TRÁI CHỦ THƯỜNG. ĐĂNG KÝ ĐỊA BỘ. ĐỆ TAM NHÂN.

Trái chủ thường (créancier chirographaire) theo nguyên tắc, không thể được coi là một đệ tam nhân đối với việc chuyển mại bất động sản của trái nhân (con nợ) cho người khác, vì thế trái chủ thường không thể viện dẫn khiếm khuyết đăng ký chứng thư chuyển

mại bất động sản trong địa bộ (défaut de transcription) để phủ nhận hiệu lực của sự chuyển mại ấy.

Nhưng một trái chủ thường đã xin tiên chủ cấm chuyển mại bất động sản của trái nhân, tức là đã thực hiện sự sai áp bất động sản ấy phải được coi là một đệ tam nhân, và như vậy có thể viện dẫn sự khiếm khuyết đăng ký chứng thư, chuyển mại bất động sản trong địa bộ, để phủ nhận hiệu lực của sự chuyển mại. Sự kiện trên là một biệt lệ cho nguyên tắc « chủ nợ thường không phải là đệ tam nhân ». Biệt lệ ấy có mục đích ngăn cản trái nhân tẩu tán tài sản để trốn nợ.

(HGRQ. KIẾN-HÒA 12-5-1962) (PLTS 1962. IV. 91)

TRÁI CHỦ THƯỜNG (X. 105, 189, 191, 192, 193)

521.— TRẢ NỢ KẾ VỊ (PAIEMENT SUBROGATOIRE) : KHÁC BIỆT THỂ NÀO VỚI DI NHƯỢNG TRÁI QUYỀN ; HẬU QUẢ.

Sự trả nợ kế vị không cần phải được con nợ ưng thuận cũng không cần phải tổng đạt cho người này.

Người trả, đương nhiên được đặt vào địa vị chủ nợ, được hưởng tất cả quyền lợi của người này.

Do đấy, nếu là nợ lúa, người ấy có quyền đòi lúa ; con nợ không thể trả tiền thay lúa, trừ phi có sự hoán cải được chứng tỏ về sở vật của món nợ.

(TT Saigon 22-6-1961) (PLTS 1962. IV. 38)

522.— TRÁI QUYỀN CỦA NGƯỜI ĐẤU THẦU CUNG CẤP THỰC VẬT CHO CƠ QUAN CÔNG QUYỀN. QUYỀN ƯU TIÊN CỦA NGƯỜI BÁN ĐỒ VẬT. ỦY THÁC TRẢ NỢ VÀ DI NHƯỢNG TRÁI QUYỀN.

Người đầu thầu cung cấp thực vật cho những cơ quan công quyền là chủ nợ Quốc Gia Việt-Nam ; với tư cách là chủ nợ người ấy có toàn quyền xử dụng trái quyền của y, trừ phi sự xử dụng đã bị ngăn cản bởi các chủ nợ khác của chính y trong những trường hợp quy định trong Dân luật cho đầu y có cam kết trong điều kiện không xử dụng trái quyền trong một thời gian nào đó, sự bất đắc xử dụng này chỉ có thể do Quốc gia Việt Nam viện dẫn một điều kiện sách không thể có tính cách lập pháp, tạo ra một sự vô hiệu để ai nấy đều có quyền viện dẫn.

Những quyền ưu tiên và đặc quyền trong dân luật là những quyền đặc biệt, cho chủ nợ được ưu đãi một cách đặc biệt, phá cách thường luật, bởi vậy, chỉ có thể được viện dẫn nếu luật Việt Nam có dự liệu; không thể đương nhiên đem áp dụng Dân luật Pháp với tính cách lý trí thành văn.

Luật Việt Nam không có dự liệu quyền ưu tiên cho người bán đồ vật.

Ủy thác trả nợ (délégation) và di nhượng trái quyền (cession de créance) là hai hành vi pháp lý khác nhau.

Trong sự ủy thác trả nợ, những trái quyền cũ hoàn toàn tiêu diệt, và một trái quyền mới được phát sinh giữa người được ủy nhiệm trả nợ (délégué) và chủ nợ cũ (délégataire)

Trong sự di nhượng trái quyền, người thụ hưởng (le cessionnaire) trở thành người chủ nợ, thay thế cho người chủ nhượng (le cédant) nếu sự di nhượng được tổng đạt cho con nợ, hay nếu con nợ đã chấp thuận việc di nhượng trong một công chứng thư : nhưng giữa người thụ hưởng và con nợ cũ, trái quyền cũ vẫn còn tồn tại,

(TT Saigon 21-2-1963) (PLTS 1964 III. 98)

523.— NGƯỜI CHỒNG ĐỪNG KIỆN ĐÒI NỢ CHO VỢ. SAI  
ÁP CHẾ CHỈ.

Người chồng đứng kiện một người đệ tam để đòi một số nợ thiếu của người vợ, thì trong đơn kiện phải viện lý do và viện chứng cứ rằng mình là chồng người chủ nợ và có quyền lợi thế nào để đòi hỏi người đệ tam phải trả số tiền mắc nợ.

Việc sai áp chế chỉ đã chấp hành rồi, nếu xét ra không chính đáng, sẽ phải giải trừ. Và mệnh lệnh của Tòa cho phép sai áp chế chỉ sẽ phải thu hồi,

(ST Huế 19-7-1955) (PLTS 1956 II. 63)

524.— ĐỀ CUNG TRẢ NỢ.

Theo điều 175 nghị định ngày 16-3-1910, Tòa cấp thẩm có thẩm quyền xét định về mọi sự khó khăn thì hành.

Nhưng, trong trường hợp con nợ đề cung trả nợ để tránh sự sai áp bất động sản, án lệ và học lý đều công nhận rằng chỉ có Tòa phát mại (Tribunal des criées) có thẩm quyền quyết định.

Mặt khác điều 175 dẫn chiếu nằm trong khuôn khổ phổ thông luật pháp, chỉ có thể áp dụng nếu không bị khai trừ bởi một bản văn đặc biệt.

Bản văn đặc biệt ấy là điều 304 và 305 sắc lệnh điền thổ ngày 21-7-1925.

Điều 304 chỉ nói đến những kháng biện vô hiệu về hình thức và về nội dung (moyen de nullité); nhưng theo án lệ, tất cả những kháng biện nào nhằm mục tiêu đình chỉ hay tiêu hủy thủ tục sai áp, đều thuộc phạm vi áp dụng điều này và thuộc thẩm quyền xét định của Tòa phát mại với tính cách một sự tranh tụng phụ đới (incident de la saisie).

Hơn nữa, án lệ, chuyển hướng từ năm 1954 và đi ngược với văn tự và văn ý của điều 728, luật D.S.T.T. Pháp (mà điều 304 sắc lệnh điền thổ đã được phỏng tác theo), đã định rằng những sự

tranh tụng về nội dung quyền lợi của chủ nợ có thể được kháng cáo, không bị xử chung thẩm như điều 730 luật D.S.T.T Pháp nay là điều 731 và là điều khoản xuất xứ cho điều 306 sắc lệnh điền thổ) đã hạn chế.

Do đây thỉnh cầu của con nợ, đề cung trả nợ đề xin đình chỉ sai áp, là một thủ tục phụ vào thủ tục sai áp, không thuộc thẩm quyền tòa cấp thẩm.

(TT Saigon 29-II-1962) (PLTS 1963 IV 134)

525.— HƯN HỢP HƯ KHÔNG. TIỀN CÔNG HƯ KHÔNG. TIỀN CÔNG HƯ KHÔNG. HIỆU LỰC CỦA GIẤY NỢ. ĐƠN XIN DỰ SỰ, TIÊU DIỆT THỜI HIỆU. SỞ HỮU CHỦ XE HƠI. THẺ CẢI.

Án lệnh cho sai áp bảo tồn bị hủy vì số nợ được bảo đảm là số nợ hư không. Tờ giấy nợ nhan đề là ngày 1-6-1959 nội dung lại ghi rằng tờ này lập tại gia đình ngày 1-6-1956 là vô giá trị mặc dầu có đóng trước bạ. Đơn xin dự sự của con gái bị đơn là chánh đáng vì phán quyết của tòa án có ảnh hưởng đến tài sản của đương sự. Số nợ tiền công lái xe bị tiêu diệt thời hiệu. Chiếc xe bị sai áp bảo tồn là của bị đơn vì y thị bỏ tiền ra mua, đứng tên làm chủ và thẻ xanh (carte verte) cũng đứng tên y thị chớ không phải đưa con gái y thị. Số nợ không có thể cải (novation) vì chủ nợ phủ nhận số nợ, hưởng hồ số nợ này là nợ hư không.

(HGRQ. BIÊN HÒA 14-7-1961) (PLTS 1965 II. 116)

526.— NỢ CỦA NGƯỜI VỢ THỨ TRONG LÚC LÀM THỦ HỘ CHO CÁC CON VỊ THÀNH NIÊN.

Người thủ hộ, chiếu theo sắc lệnh ngày 30-5-1932, không thể mua bán cầm cố, nói tóm lại làm những hành vi gì có di hại đến tài sản của trẻ vị thành niên, nếu không được Hội đồng gia tộc cho phép, và sau khi được Tòa án châu phê.

Học thuyết và án lệ định rằng người vợ thứ chỉ có quyền hưởng tiền cấp dưỡng mà thôi : và theo điều 102 Dân Luật Bắc Kỳ, hành vi quản trị và hành vi xử dụng điều phải có chồng dự hành hay cho phép mới có giá trị.

Người vợ thứ thủ hộ phải tự bản thân chịu lý trách nhiệm về các sự ký kết mà không tuân theo nghị thức bắt buộc định trên.

(*TT Saigon 6-9-1951*) (*PLTS 1952 I và II. 65*)

527.— NỢ. VAY MƯỢN CÓ TÍNH CÁCH THƯƠNG MẠI.  
TIỀN LÃI ƯỚC ĐỊNH.

Trong một việc doanh thương, nếu người xuất vốn không cộng sự tích cực hay kiểm soát rộng rãi công việc doanh thương chỉ giao ước với người quản lý đảm bảo một số tiền lãi nhất định, đây không cấu thành một hội hợp tư mà chỉ là một sự cho vay mượn vốn.

Tiền lãi của số tiền xuất vốn như trên đây được tự do ước định giữa hai bên và phải được tôn trọng như luật của đôi bên.

(*TT Saigon 8-10 1955*) (*PLTS 1956. II. 20*)

528.— NỢ CỜ BẠC.

Một món nợ phát nguyên do một cuộc thua cờ bạc không có căn nguyên đích thực và hợp pháp do điều 687 Dân Luật Trung Việt định như vậy giấy nợ không có giá trị về Pháp lý và phải được tiêu hủy vì thiếu 1 trong 3 yếu tố căn bản để hiệp ước được thành và có giá trị.

Một món nợ cờ bạc cố nhiên là không chánh đáng và bất hợp pháp, vì Luật Hình Việt-Nam luôn luôn trừng phạt cờ bạc và hiện nay Chính phủ đang tích cực bài trừ tứ đồ trường, sự bài trừ ấy cần được thi hành một cách tuyệt đối và cương quyết về mọi hình thức ; vì vậy nếu hợp lý hóa một món nợ cờ bạc tức là mặc nhiên dung túng nạn cờ bạc trái với chủ tâm của nhà làm luật và chủ trương của chánh phủ.

Luật tương đương của các nước tự do, như Dân luật Pháp cũng không cho phép đòi nợ cờ bạc (Dân luật Pháp điều 1131 qui định rằng: « nghĩa vụ không có căn nguyên, hay căn nguyên sai sự thật, hay có căn nguyên bất hợp pháp, thì là vô hiệu » Điều 1965 : Luật không chuẩn chấp việc khởi tố để đòi nợ cờ bạc.

(*TT Huế 18-1-1956*) (PLTS. 1956. I. 51)

529. — NỢ QUỐC GIA. SỰ CẦM THỂ TRÁI KHOẢN CỦA NHÀ THẦU CHO MỘT NGÂN HÀNG VỀ CÁC CÔNG TÁC LÀM CHO MỘT CƠ QUAN CHÍNH PHỦ. THỜI HIỆU TƯ NIÊN. VIỆC KÝ NHẬN BẢN TRIẾT TÍNH CÔNG TÁC.

Những đơn gửi đến Chánh quyền đề xin thanh toán một trái khoản làm gián đoạn thời hiệu.

Điều 237 Sắc lệnh ngày 30-12-1912 ấn định thời hiệu tư niên cho các món nợ của quốc gia phải khởi điếm từ ngày bắt đầu niên khóa, mà trong đó món nợ được phát sanh, không áp dụng đối các trái khoản mà việc ra lệnh chi phó và thanh toán không thực hiện được hạn định vì hành vi của chánh quyền.

Ngân hàng, với tư cách là trái chủ điền áp, được đại nhiệm vào quyền lợi của nhà thầu lẽ dĩ nhiên được quyền thi hành thủ tục đề lãnh tiền của nhà thầu, trong đó có việc ký nhận bản triết tính công tác. Sự nhà thầu phải đến ký nhận bản triết tính công tác không phải là một điều kiện cần thiết cho việc thanh toán trái khoản theo điều 41 nghị định ngày 14-10-1937.

(*TÒA ÁN HÀNH CHÍNH 25-8-1962*) (PLTS. 1963. III. 165)

NỢ CỦA VỢ (X. HÔN SÀN)

530. — BẢO LÃNH. BẢO LÃNH BAO QUÁT VÀ KHÔNG GIỚI HẠN. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI BẢO LÃNH.

Người bảo lãnh phải chịu trách nhiệm đối với chủ nợ đề thi hành nghĩa vụ nếu con nợ khiếm khuyết nghĩa vụ.



Khi sự bảo lãnh có tính cách bao quát và không giới hạn, người bảo lãnh phải coi như đã cam kết chịu nhận mọi nghĩa vụ chính và phụ thuộc, hậu quả của khế ước mà người bảo lãnh tham dự, kể cả tiền bồi thường thiệt hại gây ra bởi sự không thi hành khế ước.

(PA 25-8-1965) *PLTS. 1966. III. 3*)

## NGHĨA VỤ LIÊN ĐỐI (X. NGHĨA VỤ)

### PHÁT MÃI (X. PHÁT MÃI)

#### 531.— PHÁT THỆ QUYẾT TỤNG.

Theo án lệ vững chắc thủ tục phát thệ quyết tụng không được nhìn nhận là một phương pháp trưng bằng có về nghĩa vụ, đó chỉ là một khế ước tài phán do hai bên đương sự tự do thỏa thuận để giải quyết việc tranh tụng. Do đó nếu một bên được đối phương thách phát thệ, vẫn có quyền không chịu phát thệ và sự từ chối đó, lẽ dĩ nhiên là không thể xem là một bằng cứ luật định rằng ta đã thừa nhận phần phải về bên đối phương ; kể từ chối phát thệ không thể vì đó mà phải thất kiện (C.A. Indochine 6 Juillet 1916 ; J. J. 1918 P. 27-3 Aout 1917 : JJ. 1920. P. 266 — CA Saigon 25 Février 1927 : J.J. 1927 P. 83).

(*HGRQ BIÊN HÒA 26-1-1956*) (*PLTS. 1956. III. 78*)

#### 532.— QUYỀN SỞ HỮU VỀ ĐỒ ĐẶC TRONG NHÀ.

Đối với động sản, chiếm hữu tức sản hữu, thời về phương diện pháp lý, người chủ nhà là sở hữu chủ những đồ đặc trong nhà.

Người chủ nợ muốn sai áp bảo toàn các đồ đặc ấy vì cho rằng đồ đặc của con nợ mình hiện ở chung nhà với chủ nhà thì phải trưng đủ bằng cứ.

(*ST Saigon 4-6-1951*) (*PLTS 1951. III. 38*)

#### 533.— QUYỀN CHẶN GIỮ (DROIT DE RÉTENTION) CỦA CHỦ NỢ ĐỐI VỚI ĐỘNG SẢN VÀ BẤT ĐỘNG SẢN CỦA NGƯỜI MẮC NỢ.

Muốn xử dụng quyền chận giữ, điều kiện cần thiết là người chủ nợ phải chấp hữu đồ vật của người mắc nợ do một duyên cớ pháp lý hợp lệ (le droit de rétention suppose que le créancier se trouve avoir la possession ou la détention pour une cause juridique régulière, car il n'aurait pas le droit de s'emparer de sa propre autorité de la chose de son débiteur—Droit civil planiol quyền II số 3270).

Nói một cách khác đề sáng tỏ hơn, quyền chận giữ là kết quả của ý niệm «giao đề bảo đảm»: Nếu người mắc nợ đã giao vật của mình cho người chủ nợ cố nhiên có quyền chận giữ.

Đối với các bất động sản, muốn chủ nợ có quyền chận giữ, người chủ nợ phải làm khế ước thế chấp bất động sản (contrat de nantissement immobilier) bằng giấy có viên chức thị thực, nếu không thời vô hiệu. Điều 1529 Hộ L.T.V. đã nói rõ như vậy.

Căn cứ như trên, nếu người chủ nợ đã tự tiện đến chiếm cứ bất hợp pháp một ngôi nhà của người mắc nợ, người chủ không có thể xử dụng quyền chận giữ đối với ngôi nhà ấy.

Nhà làm luật Việt Nam rất nghiêm khắc đối với ai chận giữ trái luật, nên do điều 357 Hình L.T.V. dự định phạt giam từ 3 tháng đến 2 năm và phạt bạc các người chủ nợ ức hiếp mà bắt lấy tài sản người mắc nợ.

(*TT Huế 7-II-1956*) (*PLTS 1957. II. 53*)

### 534.— QUYỀN ƯU TIÊN CỦA CHỦ NỢ.

Quyền ưu tiên của chủ nợ : chủ nợ chỉ có thể được hưởng một ưu tiên, nếu quyền ấy được công nhận trong luật thực tại, không thể viện dẫn Dân luật với tính cách lý trí thành văn đề đòi một quyền ưu tiên.

Trong Dân luật Pháp, quyền ưu tiên ở điều 2102 số 3 là quyền ưu tiên của người đã xuất của hay xuất công đề duy trì một đồ vật

của người khác khỏi bị hủy hoại : phải nhằm mục đích ấy và phải đã đạt kết quả, đương nhân mới có thể được quyền ưu tiên.

Một bản án không thể công nhận cho chủ nợ được một quyền ưu tiên không có ở trong luật thực tại Việt Nam.

Do đấy chủ nợ chỉ là chủ nợ thường không có quyền chấp hành cá biệt đối với con nợ đã bị tuyên xử khánh tận.

Do đấy nữa, quản tài viên vụ khánh tận có thể xin tiêu hủy bản án.

Nhưng phải xin tiêu hủy bằng phương pháp đệ tam kháng tố theo điều 137 nghị định ngày 16-3-1910, những điều 446, 447 luật thương mại không làm căn cứ được cho sự tiêu hủy, vì những điều luật này chỉ nhằm những hành vi tự ý của con nợ đã làm trong thời kỳ khả nghi, không nhằm những án văn là những hành vi bố buộc.

(*TT Saigon 12-1-1961*) (*PLTS 1961 I. 40*)

QUYỀN ƯU TIÊN CỦA NGƯỜI BÁN (X. 522)

QUYỀN BẢO ĐẢM TỔNG QUÁT (X. 143)

SAI ÁP CHẾ CHỈ (X. SAI ÁP)

SAI ÁP BẢO TOÀN (X. SAI ÁP)

TRẢ NỢ PHÂN KỲ (X. 517 ; 514 ; 515)

TỊCH BIÊN (X. TỊCH BIÊN)

TUYÊN CÁO PHÁ SẢN (X. 518)

535. — LỜI THEO LUẬT ĐỊNH. ĐỐI KHOẢN.

Về việc vay nợ, tiền lời của số bạc cho vay không được vượt quá số lời luật định là tám phần trăm mỗi năm.

Ngoài tiền lời theo luật định, người cho vay không được đòi hỏi người vay một đối khoản (contre - partie) nào khác nữa.

(*ST Mỹ-Tho 17-4-1956*) (*PLTS 1957 II. 77*)

## TRẢ TIỀN LỜI LUẬT ĐỊNH (X. 514)

## 536.— TRẢ NỢ KẾ VỊ (PAIEMENT SUBROGATOIRE) : KHÁC BIỆT THỂ NÀO VỚI DI NHƯỢNG TRÁI QUYỀN ; HẬU QUẢ.

Sự trả nợ kế vị không cần phải được con nợ ưng thuận, cũng không cần phải tổng đạt cho người này.

Do đấy, nếu là nợ lúa, người ấy có quyền đòi lúa ; con nợ không thể trả tiền thay lúa, trừ phi có sự hoán cải được chứng tỏ về sở vật của món nợ.

(*TT Saigon 22-6-1961*) (*PLTS 1962 IV. 38*)

## 537.— SỰ TRẢ NỢ CHO NGƯỜI ĐỆ TAM.

Về luật nghĩa vụ, theo học lý và án lệ giải thích và áp dụng các điều 1236 D.L. Pháp đối chiếu với các điều 850, 851 D.L. Trung và 789, 790 D.L. Bắc, người đệ tam dù không liên quan đến món nợ cũng có quyền trả nợ, ngoại trừ trường hợp nghĩa vụ có tính cách cá nhân phải do chính con nợ thi hành và trường hợp cả chủ nợ lẫn con nợ không ưng thuận đề người đệ tam trả nợ.

(*TT Saigon 3-5-1962*) (*PLTS 1963. III. 106*)

## 538.— THỂ CẢI (novation) ĐIỀU KIỆN. ĐIỀU 1271 VÀ 1273 D.L.P. (Đ. 824, 826 D.L.B. Đ. 896 D.L.T).

## Ý CHÍ THỂ CẢI. GHI RÕ RÀNG TRONG CHỨNG THƯ.

Sự thể cải không thể phỏng định được, ý chí thể cải phải ghi rõ ràng trong văn tự.

Đã vi phạm điều 1273 Dân luật Pháp và các điều 826 Dân luật Bắc, 898 Dân luật Trung, và phải bị hủy bỏ, phúc quyết cho rằng, có sự thể cải, mặc dầu không có điều khoản nào của văn tự hứa bán bằng lòng cho thể cải nghĩa vụ ; việc người đệ tam giao

thăng tiền cho người chủ nhà để đóng thuế nhà không đủ để chứng tỏ rằng đã có sự thế cải mặc dầu người đệ tam được người thuê nhà, là người đã được chủ nhà làm giấy hứa bán - nhà cho, ký văn tự hứa bán lại cho ngôi nhà ấy.

(PA 24-4-1963) (PLTS 1963. III. 16)

539.— ƯỚC ĐIỀU LƯU CHẤT. ĐIỀU 2078 DÂN LUẬT PHÁP.

Trong một văn tự vay nợ có cầm thế đồ đạc, sự giao kết rằng nếu đáo hạn món nợ không được trả, người chủ nợ trở thành sở hữu chủ đồ vật cầm cố, là một « ước điều lưu chất » bị cấm đoán do điều 2078 Dân luật Pháp nếu chấp nhận cho điều này được áp dụng như lý trí thành văn; ngược lại, nếu chỉ sau khi vay nợ, con nợ mới ưng thuận như thế sự thỏa hiệp vẫn có giá trị, vì con nợ không còn dưới sự cưỡng ép của chủ nợ nữa.

(TT Saigon 4-1-1962) (PLTS 1963. II. 86)

**ỚP BỘ**

540.— MỆNH LỆNH « ỚP BỘ » ; HẬU QUẢ CỦA SỰ ỚP BỘ.  
SAI ÁP BẢO THỦ : HẬU QUẢ CỦA SỰ SAI ÁP.

Sự « ớp bộ » (ngăn cản việc sang tên xe hơi tại sở Công Chánh) không có được hậu quả pháp lý gì, vì sự sang tên không cần thiết cho sự di chuyển quyền sở hữu về xe hơi là một động sản.

Do đấy, nếu người chủ xe bị « ớp độ » đem bán xe, việc đoạn mại hoàn toàn đối kháng không được với chủ nợ đã ớp bộ.

Để ngăn cản con nợ tâu tán tài sản, phương tiện pháp lý là sai áp bảo thủ những tài sản ấy. Nếu con nợ cứ bán, mặc dầu bị sai áp sẽ có thể bị khép vào tội biến thủ những đồ vật sai áp; còn việc đoạn mại sẽ đối kháng được hay không đối kháng được với chủ nợ, tùy theo sự gian tình hay ngay tình của người tạo mại.

Vì chỉ có sự sai áp có được hậu quả như trên, cho nên nếu mệnh lệnh sai áp còn tồn tại thì mệnh lệnh «ốp bốp» không thể được thu hồi.

(TT Saigon 6-7-1961) (PLTS 1962. I. 50)

## PHÁP NHÂN (X. NĂNG LỰC TỔ TỤNG)

### PHÁ ÁN CAN THIỆP TRƯỚC TÒA PHÁ ÁN. QUYỀN TÒA XÉT VỀ TÌNH LÝ.

#### 541.— CAN THIỆP TRƯỚC TÒA PHÁ ÁN.

PHÁ ÁN. QUYỀN CỦA TÒA XÉT VỀ TÌNH LÝ. QUYỀN XÁC NHẬN CÁC SỰ KIỆN. BIẾN ĐỔI TÍNH CHẤT CỦA CÁC SỰ KIỆN.

Muốn sự can thiệp trước Tòa Phá Án được chấp nhận, người đứng ra can thiệp phải có quyền lợi bất khả phân với quyền lợi của nguyên thượng tố hay của bị thượng tố.

Nếu quyền lợi đã riêng biệt mà người đứng ra can thiệp lại không hề thượng tố trong thời hạn do luật định, sự can thiệp không thể được chấp nhận.

Tòa án xử về tình lý có trọn quyền xác nhận các sự kiện của vụ tranh chấp để phán đoán, nhưng không được biến đổi tính chất của các sự kiện ấy.

(PA 26-7-1961) (PLTS 1962. I. 8)

#### 542.— LÝ DO THỪA. KHÔNG CHẤP NHẬN ĐƯỢC.

Phương chức phá án căn cứ trên những lý do thừa của án vẫn bị thượng tố không được chấp nhận.

Nếu một trong hai lý do của một bản án đã đủ để chứng minh quyết định của Tòa án là làm cho Tòa án đứng vững được, thì lý do thứ hai kia phải coi là một lý do thừa, và phương chức phá án căn cứ trên lý do thừa ấy, dù là một lý do sai lầm, cũng không được chấp nhận.

(PA 27-2-1963) (PLTS 1964. III. 3)

MAU THUẬN GIỮA PHẦN LÝ DO VÀ KHOẢN PHÁN QUYẾT.  
ÁN THIẾU LÝ DO.

Được coi như thiếu lý do sự mâu thuẫn giữa phần lý do và khoản phán quyết.

Bị phá vì khiếm khuyết lý do, một bản án của Tòa thượng thẩm sau khi nhận xét trong phần lý do rằng dân sự nguyên cáo không chứng minh được sự thiệt hại và dành cho y quyền đòi bồi thường trước Tòa dân sự hữu quyền, lại phán trong phần chủ văn bị can phải trả cho dân sự nguyên cáo 1 đ.00 bồi thường thiệt hại.

(PA 31-3-1965) (PLTS 1966. III 52)

542.— LÝ DO XIN THU HỒI NGUYÊN ÁN.

Lý do Tòa án xử về những điều không thỉnh cầu, cấp cho đương sự một khoản mà y không xin, như khi nguyên đơn không đòi mà án vẫn lại truyền cho bị đơn, không phải là một lý do xin phá án mà là một lý do xin thu hồi nguyên án, chiếu điều 139 số 3 Nghị định ngày 16-3-1910.

(PA 31-10-1962) (PLTS. 1963. II. 26)

KHÔNG VIỆN LÝ DO ĐỀ XIN PHÁ ÁN.

Người bị kết án hay người đứng dân sự nguyên cáo hoặc trong lúc đệ đơn xin phá án, hoặc trong thời hạn 15 ngày sau, có thể đệ nộp tại Phòng Lục sự Tòa Phá án hay phòng lục sự tòa án đã tuyên xử bản án bị phá, một bản đơn trình rõ những lý do xin phá án.

(PA 22-2-1956) (PLTS. 1956. IV 12)

HIỆU LỰC PHÁ ÁN (X. 456)

LUẬT SƯ TRƯỚC TÒA PHÁ ÁN (X. 88)

542.— LÝ DO KHÔNG THỤ HÌNH.

Đơn xin thượng cáo bị bác bỏ vì đương sự không bày tỏ lý do xin phá án.

Nếu người xin phá án là người đã bị khép vào một hình phạt bác đoạt tự do trên 6 tháng mà lại không thụ hình hay không được Tòa cho tạm tha dù có bảo đảm hay không, thì đơn xin phá án cũng bị bác (điều 35 Dự số 5 ngày 18-10-1949).

(TỐI CAO PHÁP VIỆN 28-4-1952) (PLTS. 1952. II. 21)

543.— THƯỢNG TỐ THEO LỆNH CỦA ÔNG BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP. HIỆU LỰC.

Theo nguyên tắc sự tiêu hủy một bản án do sự thượng tố vì công ích theo lệnh của ông Bộ Trưởng Tư pháp tuy có thể ảnh hưởng thực sự đến tình trạng của đương sự, song chỉ trong trường hợp có lợi cho bị can bị kết phát trái luật và không bao giờ có thể làm tổn thương đến quyền lợi của một đương sự được miễn nghị đã thủ đắc sự miễn nghị ấy như một đặc quyền, một khi không có sự thượng tố thông thường của Công tố viện bên Tòa tuyên xử.

Bị phá và tiêu hủy vì vi phạm nguyên tắc kể trên án của Tòa Thượng thẩm được giao xử lại sau sự phá án do sự thượng tố vì công ích nói trên, đã tuyên phạt các bị can, mặc dầu các y đã được tòa nguyên thẩm miễn nghị và đã thủ đắc sự miễn nghị này.

(PA 26-7-1961) (PLTS. 1962. IV. 17)

544.— PHÁ ÁN VỀ NHÀ PHỐ. QUYỀN LƯU CƯ.

PHÁ ÁN. PHƯƠNG CHỨC MỚI LẦN CẢ PHÁP LÝ VÀ TÌNH LÝ. BẤT KHẢ CHUẨN CHẤP. QUYỀN LƯU CƯ. DỰ SỐ NGÀY 2-4-1953 VỀ NHÀ PHỐ (ĐIỀU 1). ƯU THẾ VỀ VIỆC DỪNG ĐỀ Ở. VẤN ĐỀ TÌNH LÝ VÀ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ.

Việc xét xem căn phố cho thuê có ưu thế dừng đề ở hay không là một vấn đề tình lý nhiều hơn pháp lý, chỉ có Tòa án xử về nội dung mới có thẩm quyền phán định.



Phương chức nêu ra vấn đề căn phố cho thuê có tru thể dùng đề ở lần đầu tiên trước Tòa phá án đề xin hưởng quyền lưu cư, định ở điều 1 Dự số 4 ngày 2-4-1953, là một phương chức mới, lẫn lộn cả tình lý và pháp lý, không thể chấp nhận được trước Tòa phá án.

(PA 28-II-1961)(PLTS. 1963. II. 5)

545.— PHÁ ÁN. PHƯƠNG CHỨC MỚI. PHƯƠNG CHỨC NÊU TRƯỚC TÒA SƠ THẨM. KHÔNG NÊU LẠI TRƯỚC TÒA THƯỢNG THẨM.

Trước Tòa phá án phải coi là phương chức mới, Phương chức nêu lên trước Tòa Sơ thẩm nhưng không nêu lại trước Tòa Thượng thẩm.

(PA 30-3-1966)( PLTS 1967. I. 15)

NHỮNG PHƯƠNG TIỆN MỚI (LES FAITS NOUVEAUX). NHỮNG PHƯƠNG TIỆN MỚI CÓ TÍNH CÁCH TRẬT TỰ CHUNG. QUYỀN TRIỂN HẠN.

Những phương sách mới (les moyens nouveaux) nghĩa là những phương tiện không nại trước Thẩm phán xử về nội dung vụ kiện thì không được chấp nhận trước Tối Cao Pháp Viện.

Tuy nhiên; trái với nguyên tắc trên, những phương sách nào có tính cách trật tự công cộng thì được Viện ra lần đầu tiên trước Tối Cao Pháp Viện.

Quyền triển hạn, theo án lệ, có tính cách trật tự chung.

(TỐI CAO PHÁP VIỆN 20-8-1953)(PLTS 1955. I. 14)

546.— THƯỢNG TỔ. HIỆU LỰC PHÓ GIỮ THẨM QUYỀN.

Theo hiệu lực phó giữ thẩm quyền của sự thượng tố, Tòa Phá án, không thụ hợp lệ về những điểm đã được giải quyết trong án tiên thẩm không bị thượng tố, không thể xét xử về những phương chức nêu lên liên quan đến những điểm ấy.

Những phương chức nêu lên về những sự kiện không thể được chấp nhận trước Tòa Phá Án, Tòa này, không trong trường hợp nào, được xử về tình lý, mà chỉ được xét về pháp lý.

(PA 27-II-1963)(PLTS 1965. I. 58)

#### 547.— QUÁ THÌNH.

Theo nguyên tắc, nếu có xử quá thình thì phải xin thu hồi nguyên án chứ không được xin phá án. Nhưng trong trường hợp việc xử quá thình đã được nêu lên chống một bản án Sơ thẩm, nếu Tòa Thượng Thẩm đã xét không có xử quá thình và chuẩn y án sơ thẩm thì phải xin phá án của Tòa Thượng thẩm chứ không xin thu hồi nguyên án được.

(PA 27-12-1961) (PLTS. 1962. II. 6)

#### 548.— THẨM QUYỀN TÒA PHÁ ÁN.

Tòa phá án chỉ xét về hình thức các bản án xem coi có xử đúng luật không, chứ không xét về những điểm thuộc về sự kiện thực tế.

(PA 3-4-1956) (PLTS. 1956. II. 17)

#### 549.— TIỀN DỰ PHẠT. BIÊN LAI ĐÍNH VÀO GIẤY XIN PHÁ ÁN.

Người xin phá án phải nộp tiền dự phạt khi xin thượng tố và biên lai thu tiền sẽ đính vào giấy xin phá án, nếu không sự xin phá án sẽ không được chuẩn chấp.

(PA 3-4-1956) (PLTS. 1956. II. 16)

#### 550.— KÝ TỒN TIỀN DỰ PHẠT.

Người đứng đơn xin phá án phải ký tồn một số tiền dự phạt là 200đ. hay một nửa số tiền ấy, nếu là một bản án xử trong trường hợp bị cáo tại đảo hay một bản án xử khuyết tịch. Nếu không làm đúng như thế việc xin phá án sẽ vô hiệu quả.

(PA 3-4-1956) (PLTS. 1956. IV. 11)

551.— THỜI HẠN CHUYỂN HỒ SƠ LÊN TÒA PHÁ ÁN. KHÔNG PHẢI THỜI HẠN ĐỀ NỘP BIỆN MINH TRẠNG. ĐIỀU 13 DỰ NÓI TRÊN.

Thời hạn 3 tháng định ở điều 10 Dự số 5 ngày 18-10-1949 tổ chức Tối Cao Pháp viện là thời hạn đề phòng Lục sự Tòa án nguyên thẩm chuyển hồ sơ lên Tòa Phá Án chứ không phải thời hạn đề nộp biện minh trạng vì chiếu điều 13 Dự nói trên các đương sự có thể nộp biện minh trạng tới ngày vị Hội thẩm gọi bản thuyết trình đến Phòng Lục Sự Tòa Phá Án.

(PA 28-3-1962) (PLTS. 1963. I. 11)

552.— I. PHÁ ÁN. TỔ TỤNG. ĐIỀU 8 DỰ SỐ 5 NGÀY 18-10-1949 TỔ CHỨC TỐI CAO PHÁP VIỆN. THỜI HẠN ĐỀ THƯỢNG TỔ. KHÔNG PHẢI THỜI HẠN ĐỀ NẠP BIỆN MINH TRẠNG. ĐIỀU 13 DỰ NÓI TRÊN.

II.— PHÁ ÁN. LÝ DO XIN PHÁ ÁN. ĐIỀU 7 DỰ SỐ 5 NGÀY 18-10-1949 TỔ CHỨC TỐI CAO PHÁP VIỆN. SỰ TƯƠNG PHẢN GIỮA HAI BẢN ÁN. ĐIỀU KIỆN. HAI BẢN ÁN TƯƠNG PHẢN CỦA HAI TÒA ÁN KHÁC NHAU. XỬ CÙNG VỀ MỘT VỤ: CÙNG ĐƯƠNG SỰ (PARTIES), CÙNG NGUYÊN NHÂN (CAUSE) CÙNG ĐỀ MỤC (OBJET). ÁN CHUNG THẨM.

I. Thời hạn 15 ngày định ở điều 8 Dự số 5 ngày 18-10-1949 tổ chức Tối Cao Pháp Viện là thời hạn đề thượng tố chứ không phải là thời hạn đề nộp biện minh trạng vì chiếu điều 13 của Dự nói trên các đương sự có thể xuất trình biện minh trạng tới khi bản thuyết trình của vị Hội thẩm thuyết trình gọi đến Phòng Lục sự Tòa Phá Án.

II. Muốn cho sự thượng tố vì có sự tương phản giữa hai bản án cùng xử về một việc của hai Tòa án khác nhau, chiếu điều 7 Dự số 5 ngày 18-10-1949 tổ chức Tối Cao Pháp Viện, được

chấp nhận, hai bản án nói trên phải cùng xử về một việc tức là phải có cùng đương sự cùng nguyên nhân và cùng đề mục chưa kể rằng hai bản án đó phải là án chung thẩm.

(PA 28-3-1962) (PLTS 1963. I. 12)

553.— SỰ TƯƠNG PHẢN GIỮA HAI BẢN ÁN CÙNG XỬ MỘT VIỆC. ÁN CHUNG THẨM. THẨM QUYỀN. HAI BẢN ÁN CỦA HAI TÒA ÁN KHÁC NHAU. PHÁ ÁN. HAI BẢN ÁN CỦA CÙNG MỘT TÒA ÁN. THU HỒI NGUYÊN ÁN.

Chiếu điều 7 Dự số 5 ngày 18-10-1949, Tòa phá án chỉ có thẩm quyền nếu có sự tương phản giữa hai bản án xử chung thẩm về một việc của hai Tòa án khác nhau.

Sự tương phản xảy ra giữa hai bản án chung thẩm của cùng một tòa án là một lý do xin thu hồi nguyên án (điều 139-60 nghị định ngày 16-3-1910).

PA (29-9-1965) (PLTS 1966. II. 33)

554.— PHÁ ÁN. KHÁNG BIỆN VÔ THẨM QUYỀN. THỈNH CẦU PHỤ LÝ TRONG LÝ NGHỊ.

Nguyên tắc kháng biện vô thẩm quyền về mặt hình có thể nài ra được trong mọi giai đoạn của thủ tục vụ tranh tụng kể cả trước Tòa Phá án, vì tính cách trật tự công cộng của luật lệ về thẩm quyền, không thể được áp dụng một khi phán quyết tư pháp đã thành nhất định.

Thỉnh cầu trình bày phụ lý trong một bản lý nghị nạp sau ngày vụ án đã được nghị xử không thụ lý hợp lệ tòa xét xử, Tòa Thượng thẩm không buộc phải chấp nhận hoặc giải thích trong án văn về sự không chấp nhận những thỉnh cầu ấy.

(PA 31-7-1963) (PLTS 1964. II. 91)

PHÁT MẠI

555.— ĐỐI TRANH SAI ÁP BẤT ĐỘNG SẢN. SỬA ĐỔI ÁN LỆNH ÁN ĐỊNH ĐIỀU LỆ PHÁT MẠI. KHÔNG CÓ CHỦ NGÔN (DIRES) TRONG THỦ TỤC PHÁT MẠI. ÁP DỤNG CÁC ĐIỀU 304 VÀ 305 SẮC LỆNH TÂN ĐIỀN THỎ 21-7-1925 NÓI VỀ SỰ VÔ HIỆU TRONG VIỆC SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ PHÁT MẠI. MỤC ĐÍCH CUỘC ĐẤU GIÁ KHÔNG PHẢI LÀ ĐỀ TRÁI (DATION EN PAIEMENT) CHO CHỦ NỢ.

Trong thủ tục sai áp bất động sản theo Bộ Dân sự tổ tụng cũ có thể làm chủ ngôn (dires) đề xin sửa đổi điều lệ sách ; thể thức này đã bị bãi bỏ trong Sắc lệnh Tân Điền thổ 21-7-1925.

Nhà lập pháp 1925 chỉ còn nói đến thủ tục phân xử các điều vô hiệu phát mại (nullités de vente) trong các điều 304 và 305 sắc lệnh trên.

Với mục đích giản dị hóa, án lệ phê đơn ấn định điều kiện phát mại lập theo điều 290 Sắc lệnh Tân điền thổ, dùng làm điều lệ sách.

Án lệnh nói trên chỉ do trái chủ truy tố đơn phương xin ông chánh án ấn định, nếu có các điều khoản thiệt hại đến các đương sự khác, phải được sửa đổi và xét xử theo hình thức các điều 304 và 305.

Mục đích chánh của cuộc đấu giá là thanh toán tài sản chứ không phải là đề cho một chủ nợ đề trái (dation en paiement)

(*ST Saigon 11-5-1959*) (*PLTS 1960. I. 81*)

556.— ĐỐI TRANH SAI ÁP BẤT ĐỘNG SẢN. TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG ĐIỀU 289 SẮC LỆNH TÂN ĐIỀN THỎ 21-7-1925 THAY ĐỔI ĐIỀU KIỆN PHÁT MẠI ÁN ĐỊNH TRONG ÁN LỆNH. ÁP DỤNG ĐIỀU 304 VÀ 305 SẮC LỆNH NÓI

TRÊN. KHÔNG ÁP DỤNG CÁC ĐIỀU 250, 251 HOẶC ĐIỀU 211, 212 NGHỊ ĐỊNH 16-3-1910 TRONG VIỆC THAY ĐỔI ÁN LỆNH ĐÓ. THỜI HẠN NÊU LÊN SỰ VÔ HIỆU.

Việc áp dụng điều 289 sắc lệnh Tân Điền thổ 21-7-1925 buộc phải có một án lệnh riêng cho phép bán nhiều bất động sản không cần thiết khi đã có một bản đại tự trái khoán làm trước chương khế do đó sở hữu chủ đã minh thị cá biệt đề đương những bất động sản cho chủ nợ rồi.

Điều 289 chỉ cần ích khi một trái chủ xin được một án văn rồi đem thi hành, ý định nhà lập pháp là để cho Thẩm phán kiểm soát việc xử dụng quyền thi hành các bất động sản dùng làm đảm bảo chung, đặng ngăn ngừa những sự lạm dụng của trái chủ trong việc sai áp; nếu trái chủ đã có một bản đại tự trái khoán chấp hành còn xin án lệnh theo điều 289 thì thể thức này chỉ là quá thừa (superfétatoire).

Việc thay đổi điều kiện phát mại phải theo thể thức ấn định trong các điều 304 và 305 Sắc lệnh Tân Điền thổ.

Chớ không áp dụng các điều 250 và 251 Nghị định 16-3-1910 chỉ liên quan đến việc kháng cáo các án lệnh (phê đơn) theo thường luật (ordonnance sur requête) đề Tòa Thượng thẩm phúc xử lại.

Và cũng không áp dụng các điều 211 và 212 Nghị định nói trên chỉ liên quan đến các sự vô hiệu truy tố bất động sản thuộc chế độ cũ, giới định trong điều 196 Nghị định 1910, do các thừa phát lại và hương chức thi hành.

Theo điều 304, Sắc lệnh 1925 thì những lý lẽ về sự vô hiệu phát mại phải được nêu nên chậm nhất ba ngày trước khi bán.

(ST Saigon 8-6-1959) (PLTS 1960 I 87)

557.— PHÁT MÃI BẤT ĐỘNG SẢN BỊ SAI ÁP. ÁN LỆNH CHIỀU ĐƠN. PHƯƠNG PHÁP TỔ CẦU. NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910. SẮC LỆNH TÂN ĐIỀN THỔ NGÀY 21-7-1925.

Sau khi qui định việc sai áp bất động sản, nghị định ngày 16-3-1910 đã đề cập đến quyền của vị thẩm phán ra án lệnh chiếu đơn trong các trường hợp khác dự liệu nơi điều 249: trong những trường hợp cần một quyết định tức khắc và không tiện đưa ra trước tòa cấp, thẩm thi vị thẩm phán cũng có quyền ra án lệnh chiếu đơn xin và như vậy không thể quan niệm rằng phương pháp tố cầu dự liệu bởi điều 220 có thể áp dụng án lệnh được tuyên trong khuôn khổ một việc sai áp bất động sản.

Trong trường hợp một vụ sai áp bất động sản dưới chế độ tân điền thổ và thủ tục dự liệu bởi điều 304 và kế tiếp của sắc lệnh ngày 21-7-1925 đã được áp dụng trước tòa chánh vụ đã thụ lý, thì việc tiếp tục thi hành phát mãi do tòa này tùy nghị quyết định,

(TT Saigon 28-I-1965) (PLTS 1965 III 76)

558.— SAI ÁP VÀ PHÁT MẠI BẤT ĐỘNG SẢN. TÀI SẢN CỘNG ĐỒNG. QUYỀN SAI ÁP CỦA CHỦ NỢ. KHÔNG BỊ TƯỚC BỎ. SAI ÁP VÀ PHÁT MẠI HỢP PHÁP.

Quyền chấp hành án vẫn là quyền tuyệt đối của chủ nợ, chỉ có thể hạn chế do một điều luật minh thị chiếu điều 261 Luật Tố tụng Trung phần tất cả tài sản con nợ đều là vật bảo đảm của chủ nợ, người này có quyền sai áp bất kể tài sản nào của người mắc nợ

Luật Việt Nam không có khoản nào tước bỏ quyền sai áp của chủ nợ đối với tài sản có tính cách cộng đồng giữa người mắc nợ với người đệ tam.

Vậy chủ nợ có quyền sai áp và chấp hành kỷ phần của con nợ trong bất động sản cộng đồng giữa con nợ và một người đệ tam.

(PA 25-5-1966) (PLTS 1966 IV 10)

559.— CƯỠNG CHẾ PHÁT MẠI. ĐIỀU KIỆN SÁCH, ÁN LỆNH CHỈ ĐỊNH CÁC ĐIỀU KIỆN PHÁT MẠI. SỰ THAY ĐỔI HAY BỎ SỰNG CÁC ĐIỀU KIỆN KHÔNHN ĐƯỢC ÁN LỆNH CHO PHÉP. VÔ GIÁ TRỊ.

Các đương sự không thể tự ý thay đổi hay bỏ sung các điều kiện của sự cưỡng chế phát mãi do án lệnh của Chánh án qui định, chiếu điều 290 của Sắc lệnh ngày 21-7-1925.

Những sự thay đổi và bỏ sung ấy vô hiệu, chiếu điều 303 của sắc lệnh nói trên và chiếu tính cách trật tự công cộng của các điều khoản của sắc lệnh ấy.

(*ST Saigon 12-10-1957*) (PLTS. 1958. III. 66)

CƯỠNG CHẾ PHÁT MÃI (X. 203, 204, 265)

ĐIỀU KIỆN SÁCH THAY ĐỔI (X. 555, 556)

560.— KHÁNG TỔ PHÁT MÃI. ĐÌNH CHỈ PHÁT MÃI. ĐIỀU 190 NGHỊ ĐỊNH 16-3-1910. THẨM QUYỀN TÒA KHẢN CẤP.

Tuy điều 190 nghị định 16-3-1910 về sự kháng tổ phát mãi dự định Tòa có thẩm quyền là tòa dân sự nhưng điều này không minh thị khai trừ thẩm quyền tòa cấp thẩm.

Theo án lệ, trong các thủ tục chấp hành, Tòa cấp thẩm có thẩm quyền xét xử nếu có yếu tố khẩn cấp và quyết định của tòa cấp thẩm không tiên phán về nội dung.

Theo điều 190 nghị định 16-3-1910 khi có sự kháng tổ của con nợ, cuộc phát mãi phải bị đương nhiên đình chỉ,

Chủ nợ đã hay biết thủ tục kháng tổ sự chấp hành án văn của con nợ, và mặc dù vậy, đã ra lệnh cho thừa phát lại và hộ giá viên tiếp tục cuộc phát mãi, hành động này là một sự tri tình vi phạm điều 190 nghị định 16-3-1910, tạo nên tình trạng khẩn cấp khiến tòa cấp thẩm có thẩm quyền để xét đơn khởi tố của con nợ xin đình chỉ sự phát mãi.

(*TT Saigon 10-9-1964*) (PLTS. 1965. I. 108)

561.— HIỆU LỰC ÁN VĂN PHÁT MÃI.



Án phát mại là một án văn phi tụng đúng ra chỉ là một biên bản, không thể bị kháng án ; người mua đấu giá trở thành sở hữu chủ bất động sản đem phát mại ngay khi cuộc đấu giá làm xong, sự cưóc bộ chỉ có mục đích làm cho sự chuyển quyền sở hữu đối kháng với đệ tam nhân.

(PA 26-8-1964) (PLTS. 1964. IV. 33)

NGỪNG CUỘC PHÁT MẠI (X. 334)

562.— PHÂN KHÁNG PHÂN CHIA TIỀN PHÁT MẠI. QUYỀN ƯU TIÊN TRẢ NỢ.

Chiều điều 216 nghị định ngày 16-3-1910, về thủ tục sai áp bất động sản, mọi sự phản kháng nhằm phân chia số tiền do phát mại chỉ được chấp nhận đến ngày phát mại bất động sản.

Như vậy mọi quyền đề đương làm cho chủ nợ được quyền ưu tiên trả nợ, phải xuất hiện chậm lắm là ngày phát mại.

(PA 26-10-1966) (PLTS. 1967. II. 15)

PHIÊN ÁN

563.— ĐƠN XIN PHIÊN ÁN. KÝ NẠP TIỀN DỰ PHẠT VÀ TIỀN BỒI THƯỜNG.

Đơn xin hủy bỏ án trước và xử lại vì tòa án đã xử trái ngược với đơn khởi tố và phán xử về một việc mà nguyên đơn không hề xin, là đơn xin phiên án, chiều điều 139 và tiếp theo nghị định ngày 16-3-1910.

Muốn xin phiên án, nguyên đơn phải ký nạp tiền dự phạt và tiền đền bồi thiệt hại, qui định nơi điều 131 nghị định ngày 16-3-1910, bằng không, thì đơn xin phiên án sẽ bị bác.

(TT Saigon 13-8-1959) (PLTS. 1959. IV. 46)

564.— PHIÊN ÁN (REQUÊTE CIVILE). ĐIỀU 139 VÀ KẾ TIẾP  
NGHỊ ĐỊNH 16-3-1910. BẢN Ý KIẾN CỦA 3 LUẬT SƯ  
THÂM NIÊN. LÝ DO PHIÊN ÁN. MAN TRÁ.

Điều 152 Nghị định ngày 16-3-1910 qui định sự tham khảo ý kiến của 3 vị Luật sư trước khi nộp đơn xin phiên án không có dự định sự vô hiệu của quyết định này không có nại dẫn lý do.

Tuy điều 139 S 1 Nghị định 16-3-1910 có dự định sự phiên án trong trường hợp đương sự đã man trá và Tòa án đã xử sai về sự man trá ấy, nhưng nguyên đơn xin phiên án có trong trách dẫn chứng về sự man trá của đối phương, nếu không đơn sẽ bị bác.

(TT Saigon 4-6-1964) (PLTS. 1965. I. 94)

## PHONG TỤC

565.— DÂN TỘC THIỂU SỐ. PHONG TỤC VÀ TẬP QUÁN  
RIÊNG. KHẾ ƯỚC VIỆT-CHÀM.

Chiếu điều 1707 Hoàng Việt Hộ Luật phong tục và tập quán của các dân tộc thiểu số vẫn thi hành đối với các khế ước của các người dân ấy lập ra với nhau.

Nhưng khi khế ước lập ra giữa một người Việt-Nam và một người Chăm điều kiện dự liệu ở điều 1707 H. V. H. L. không hội đủ và Bộ Hoàng Việt Hộ Luật phải được áp dụng,

(PA 29-1-1964) (PLTS. 1964. III. 21)

566.— PHONG TỤC CHÀM. HỘ LUẬT TRUNG VIỆT KHÔNG  
ÁP DỤNG CHO NGƯỜI CHÀM, MƯỜNG, MỌI V.V...

Theo phong tục người Chăm ; di nam vi ngoại di nữ vi nội (con trai về họ ngoại, con gái về họ nội) nên tên họ và tài sản chỉ do mẹ truyền con gái thôi. Không những người trong họ nà người ngoài (người đưng cũng có thể lập làm con nuôi thừa tự và được hưởng tất cả của di sản của cha mẹ nuôi và cả của tổ tiên.

Mặc dầu sống bên cạnh người Việt-Nam, người Chăm vẫn giữ nhiều đặc tính : Người Chăm vì dị đoan nên không dám làm nhà gạch để ở và làng mạc trơ trọi không hề có cây cao mát. Người Chăm phần đông theo đạo « Bà La Môn » (Brahmanisme) còn thì theo Hồi giáo (Mahométisme). Một số có học chữ nho và biết đọc biết tiếng Việt nhưng một số người Chăm thượng lưu hay tu sĩ vẫn dùng một thứ chữ riêng giống như phạn ngữ (sanskrit). Đặc tính quan hệ nhất là người Chăm vẫn còn theo chế độ mẫu quyền (régime matrilé) về đôi phương diện. Mặc dầu dần ông thay thế gia đình làm việc làng mạc, con gái vẫn còn giữ quyền, tự kén lấy chồng và khi có chồng con thì đàn bà giữ tài sản rồi để truyền lại tên họ và tài sản cho con gái thôi. Con trai theo họ cha và chỉ đặc biệt mới có một phần ít tài sản.

Vì các đặc tính dân tộc trên, nên các đạo Dự (1936, 1938, 1939) ban bố các quyền I, II, III, IV, và V của Hộ Luật Trung Việt không áp dụng cho các người Chăm, Mường, Mọi v.v... và các việc tranh tụng giữa các thổ dân sẽ xét xử theo tục lệ của họ.

Người Chăm muốn lập con nuôi thì có thể chọn một đứa trẻ bà con trong họ hay người dưng (người ngoài) để lập con nuôi, làm lễ tế tổ tiên để trình diện đứa bé với ông bà để nhận nó làm con chánh thức. Đứa con gái nuôi được thừa nhận như thế có thể được lập làm thừa tự cho cha mẹ nuôi và được thờ cúng cha mẹ nuôi và cả tổ tiên của cha mẹ nuôi nữa. Vì vậy nó có quyền được hưởng tất cả di sản của cha mẹ nuôi và cả của tổ tiên để lại.

Về điểm này phong tục Chăm hơi giống sự chánh thức hóa con nuôi (légitimation adoptive) của Dân Luật Pháp.

(*TT HUẾ 30-10-1956*) (*PLTS. 1957. I. 70*)

#### 567.— RUỘNG NGƯỜI CHĂM.

Theo phong tục người Chăm, mỗi gia đình có một vại mô đất (đất đắp thành gò cao) trong đó họ vùi xương người chết đời này

qua đời khác. Người Chăm gọi các mô đất ấy là « cút » vì thế những thửa ruộng nào bao bọc chung quanh các mô đất ấy gọi là ruộng « cút » nhưng không phải vì thế mà tất cả thửa ruộng ấy bắt buộc phải đều là ruộng hương hỏa.

(*TT HUẾ 12-6-1957*) (*PLTS. 1958. I. 57*)

## PHỤ HỆ

568.— TRUY TÂM PHỤ HỆ TỬ SINH. THỜI HẠN. ĐIỀU 106, 107 LUẬT GIA ĐÌNH. ĐIỀU 172, 173, D.L.T. HAI NĂM KHỞI ĐIỀM. CHẤM DỨT : TÌNH TRẠNG NGOẠI HÔN. NUÔI DƯỞNG. GIÁO DỤC CON. LẠC HẠN KHÔNG CHẤP THẨM.

Theo những điều 106, 107, Luật ngày 2-1-1959 cũng như điều 172, 173 D.L.T. thời hạn xử hành tố quyền truy tâm phụ hệ là 2 năm. Tuy nhiên, trong những trường hợp đã dự liệu ở khoản 4 và 5 của điều 106 luật 1959 kể trên, thì có thể khởi tố trong hạn 2 năm, kể từ khi tình trạng ngoại hôn chấm dứt hoặc kể từ khi người cha đã ngưng dự vào việc nuôi dưỡng và giáo dục người con.

Sự kiện không đầy 2 năm kể từ ngày khởi tố người gọi là cha lại thăm mẹ con đương sự và gọi đứa trẻ là con không chứng tỏ là, vào thời gian đó, người gọi là cha còn chu chấp cho đứa trẻ, hoặc còn sống chung với người mẹ một cách công khai, liên tục, theo đúng nghĩa, sự sống chung như án lệ đã ấn định. Trong khi, trái lại theo lẽ của chính người mẹ ngoại hôn, trong đơn khởi tố thì người cha đã bỏ nhà đi mất từ một năm sau khi đứa trẻ chào đời : đến ba năm sau nữa thì gặp người cha ở một địa phương có yêu cầu y lập gia thú hoặc thừa nhận đứa con nhưng người cha từ khước cũng không cấp dưỡng gì cho mẹ con thì. Vì vậy đơn xin truy tâm phụ hệ ngày 16-11-1956 của người mẹ ngoại hôn đứng xin cho đứa con tử sinh đẻ ngày 3018-1949 không còn có thể được chấp thẩm vì lạc hạn.

(*TT Saigon 18-5-1961*) (*PTTS 1961 III. 68*)

569.— TỐ QUYỀN TRUY TẦM PHỤ HỆ : TRƯỜNG HỢP PHÁP ĐỊNH CHO NHỮNG TỐ QUYỀN NÀY.

Sắc lệnh ngày 3-10-1883 dự liệu ba trường hợp cho tố quyền truy tầm phụ hệ.

— Trường hợp thời kỳ thụ thai trùng nhập với thời kỳ dự dỗ bắt cóc vị thành niên.

— Trường hợp chung sống công tri:

— Trường hợp đứa trẻ có thân trạng chắc chắn là con của người bị hồ nghi là cha.

Luật ngày 2-1-1959 dự liệu 5 trường hợp:

— Có thư từ của người bị hồ nghi là cha thú nhận rành rẽ sự liên lạc phụ tử.

— Người bị hồ nghi là cha đã cung cấp cho đứa trẻ với tư cách là cha.

— Thời kỳ thụ thai đúng vào thời kỳ người mẹ bị bắt đem đi hay hãm hiếp.

— Người mẹ bị quyền rũ bằng cách đánh lừa, lạm dụng uy quyền, hứa hôn hay đính hôn.

— Người đàn ông và người đàn bà đã sống trong tình trạng ngoại hôn trong thời kỳ thụ thai.

Luật ngày 2-1-1959 là một đạo luật về thân trạng, có hiệu lực tức thời cả với những tình trạng pháp lý đã phát sinh từ trước khi đạo luật ban hành.

Người mẹ muốn truy tầm phụ hệ cho con phải ở vào một trong năm trường hợp đã dự liệu ở luật ấy.

## 570.— TỔ QUYỀN TRUY TẦM PHỤ HỆ.

Sự truy tầm phụ hệ là một vấn đề thân trạng thuộc phạm vi chi phối quốc luật của trung non, ngoại trừ trường hợp trật tự công cộng không cho phép áp dụng quốc luật ấy.

(*TT Saigon 12-9-1963*) (PLTS 1966. IV. 72)

## 571.— TỔ QUYỀN TÌM CHA CHO CON NGOẠI HÔN.

Luật lệ áp dụng tìm cha cho con ngoại hôn là luật lệ quốc gia của đứa trẻ.

Sắc lệnh 1883 không hạn chế tổ quyền đề tìm mối liên hệ cha con, trong một thời gian nào.

(*TT Saigon 3-II-1956*) (PLTS 1957. II. 37)

## TỔ QUYỀN TRUY TẦM PHỤ HỆ. (X. 506)

## QUẢN LÝ

## 572.— QUẢN LÝ. TÍNH CHẤT. XE GÂY TAI NẠN. TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG.

Người quản lý đại diện cho người chỉ úy, mọi hành vi của người quản lý hành động với tư cách quản lý phát sinh hậu quả không phải với người quản lý mà chính với người chủ úy.

Do đấy, người chủ xe, có xe gây tai nạn làm ngộ thương người khác, không thể nói được rằng không có sự liên hệ pháp lý gì giữa đương sự với nạn nhân » ; trái lại, án văn cho bồi thường chỉ có thể chấp hành trên tài sản của người chủ úy mà không thể chấp hành trên tài sản của người quản lý.

Án lệ cố định đã xác nhận rằng giữa người gây ra tai nạn và người đảm nhiệm hộ trách, hai người ấy bị ràng buộc bởi một nghĩa vụ « bán liên đới » (in solidum).

Do đấy, khi có nhiều người gây ra một tai nạn, trách nhiệm liên đới giữa họ với nhau phản ảnh về trách nhiệm của người chủ, làm cho giữa những người này, trách nhiệm cũng thành ra có tính cách liên đới.

(*TT Saigon 4-5-1961*) (PLTS. 1961. III. 62)

## QUỐC TỊCH

### 573.— QUỐC TỊCH CỦA CON SINH NGOÀI GIÁ THỨ.

Theo nguyên tắc định ở điều 2, đoạn 3 SL ngày 24-8-1933 cũng như theo luật Quốc tế Tư Pháp thì con sinh ngoài giá thú sẽ lấy quốc tịch của cha hay mẹ nào nhìn nó trước.

(*TT Saigon 28-6-1951*) (PLTS. 1952. II. 51)

### 574.— QUỐC TỊCH, PHÁP TỊCH, DẪN CHỨNG, SỰ GIA NHẬP QUỐC TỊCH KHÔNG CÓ HIỆU LỰC TUYÊN NHẬN. KHÔNG CÓ HỒI TỔ TÍNH. NGUYÊN TẮC BẤT KHẢ KHẢI HOÀN CỦA HỢP ƯỚC HÔN NHÂN. QUYỀN DỤNG CHÍ (USUFRUIT) CỦA NGƯỜI VỢ GÓA VIỆT-NAM.

Nếu ai muốn chứng tỏ có Pháp tịch thì y phải dẫn chứng, chiếu 138 Bộ Luật Quốc tịch Pháp (*Traité élémentaire de Droit International privé, Batiffol, tr. 153*).

Bằng chứng sự nhập Pháp tịch là Sắc lệnh cho nhập tịch, hay giấy chứng minh quốc tịch cấp bởi viên Thẩm phán Hòa Giải Pháp quốc (*Batiffol tr. 157*)

Sự gia nhập quốc tịch (*accession à la nationalité*) không có hiệu lực tuyên nhận (*effet déclaratif*), không có hồi tố tính (*non réactivité de l' accession*) việc gia nhập Pháp tịch không thể thay đổi tình trạng và quyền đã sở đắc (*acquis*) dưới thời luật trước. Cho nên một cặp vợ chồng Việt-Nam gia nhập Pháp tịch sau khi cưới nhau,

vẫn phải chịu theo chế độ phu phụ tài sản theo luật Việt-Nam (Camerlynck. Cours de Droit Civil Anamite, tome I, tr. 49).

Trong hiện vụ, khi Nguyễn phước Hậu cưới Nguyễn thị Trà, 2 người chưa nhập Pháp tịch, hôn thú làm theo luật Việt-Nam, vậy chế độ phu phụ tài sản phải theo luật Việt-Nam chiếu theo nguyên tắc bất hồi tố của sự gia nhập quốc tịch và nguyên tắc bất khả khải hoàn của hợp ước hôn nhân (immutabilité des conventions matrimoniales).

Theo luật Việt-Nam, người góa phụ chỉ có quyền dụng ích tất cả tài sản của chồng để lại, động sản cũng như bất động sản đến ngày mãn phần, chứ không có quyền chia đôi di sản của chồng để lại hoặc xử dụng.

(HGRQ KHÁNH HƯNG<sup>8</sup> 24-12-1957) (PLTS 1958. I. 81)

#### 575.— CHỨNG CHỈ QUỐC TỊCH. CHỨNG CHỈ QUỐC TỊCH PHÁP DO LÃNH SỰ PHÁP CẤP.

Trước Tòa án Việt Nam, chứng chỉ Việt Nam do lãnh sự Pháp quốc cấp có giá trị để chứng tỏ quốc tịch Pháp của đấng sự khi chứng chỉ này phù hợp với các giấy tờ khác.

(PA 29-3-1961) (PLTS 1961. IV 21)

#### 576.— CHỨNG CHỈ QUỐC TỊCH. HÌNH THỨC. HIỆU LỰC. ĐIỀU KIỆN CẤP DỮ VIỆT TỊCH CHO NGƯỜI TRUNG HOA.

Theo điều 123 Bộ Luật quốc tịch trong chứng chỉ Việt tịch, thẩm phán phải ghi rõ chiếu điều luật nào, người thỉnh nguyện được coi là có Việt tịch.

Chứng chỉ Việt tịch không có tánh cách cấp dữ quốc tịch hay tuyên nhận quốc tịch, chỉ là một chứng chỉ có tín lực cho đến khi có bằng chứng tương phản : ai nấy đều có quyền phủ nhận hiệu lực của chứng chỉ bằng cách xuất trình bằng chứng tương phản ấy.



Theo điều 16 Bộ luật quốc tịch sửa đổi bởi dụ số 48 năm 1956, trẻ nào sinh tại Việt Nam, có cha mẹ gốc người Trung Hoa, được hưởng quốc tịch Việt Nam.

Theo điều 17 trẻ nào sinh tại Việt Nam, không rõ cha mẹ là ai cũng có quốc tịch Việt Nam.

Muốn viện dẫn được hai điều luật này, phải có bằng chứng chắc là sinh đẻ tại Việt Nam : nếu những tài liệu về lý lịch, căn cước của đương sự mâu thuẫn thì không được chấp nhận là có Việt tịch.

(TT Saigon 4-10-1962) (PLTS 1963. I. 134)

577.— HIỆU LỰC CỦA GIẤY CHỨNG CHỈ VIỆT TỊCH CẤP PHÁT THEO ĐIỀU 122 VÀ 123 DỤ NGÀY 7 THÁNG 12 NĂM 1955.

Giấy chứng chỉ Việt tịch cấp phát theo điều 122 và 123 bộ luật quốc tịch năm 1955 chỉ là chứng cứ về Việt tịch của người được cấp chứng chỉ, chứ không phải là khởi đầu cho thời gian để những người ấy được hưởng Việt tịch (giải pháp mặc nhiên).

Theo điều 16 mới Dụ ngày 21-8-56 và 18 bộ luật quốc tịch, những người sinh ở Việt-Nam mà cha mẹ là gốc Trung-Hoa đều có Việt tịch ngay từ khi sanh đẻ.

Theo điều 4 luật quốc tịch, hiệu lực hồi tố của Việt tịch không làm thương tổn được đến những quyền lợi đã thủ đắc của người đệ tam : quyền đòi nhà của chủ nhà, đối với người thuê là một bình diện của quyền tư hữu, không phải là một quyền thủ đắc do khế ước thuê mướn.

Do đấy, người Trung Hoa, thành người Việt do hiệu lực của điều 16 và 18 nói trên, có quyền lưu cư đối kháng với chủ nhà.

Nhưng muốn được hưởng quyền lưu cư phải là người thuê hay người chiếm ngụ ngay tình. Người thuê nhà khiếm khuyết nghĩa vụ

trả tiền, không còn là người thuê ngay tinh và không còn viện dẫn được quyền lưu cư.

(*TT Saigon 3-8-1961*) (*PLTS 1962 II 93*)

### 578.— QUỐC TỊCH, NHÀ PHỐ, QUYỀN LƯU CƯ.

Nguyên tắc hồi tố của đạo luật quốc tịch ngày 1-12-55 và của sắc lệnh ngày 12-8-56 QUYỀN LƯU CƯ THEO DỰ NGÀY 2-4-53.

Luật quốc tịch ngày 1-12-1955 và dự ngày 21-8-56 ban bố quốc tịch Việt nam cho người Trung Hoa sanh tại Việt Nam có hiệu lực hồi tố; nhưng theo điều 4 luật trên sự thay đổi quốc tịch theo luật định không thể làm tổn thương đến sự hữu hiệu của những khế ước của đương sự hoặc đến quyền của người đệ tam đã ký đạc. Như vậy một người Trung Hoa có con đã thủ đắc quốc tịch Việt Nam từ ngày sinh hạ, mà đã bị kiện trục xuất ra khỏi nhà thuê, không thể viện dẫn quốc tịch của con để viện quyền lưu cư theo dự ngày 2-4-1953 chống lại đơn xin trục xuất của chủ phố đã thủ đạc và xử dụng quyền trục xuất theo luật thông thường về việc thuê mượn nhà phố từ trước thì dự ban quốc tịch Việt Nam cho con y được ban hành.

(*TT Saigon 19-1-1957*) (*PL số 26 trang 6*)

### 179.— QUỐC TỊCH CỦA NGƯỜI MINH HƯƠNG. SẮC LỆNH NGÀY 24-8-1933. HIỆU LỰC HỒI TỐ. LUẬT NHÀ PHỐ, QUYỀN LƯU CƯ. THẨM QUYỀN TÒA ÁN DÂN SỰ.

Theo sắc lệnh ngày 24-8-1933, trẻ nào sinh tại Việt-Nam mà mẹ là người Việt-Nam và cha là người Trung Hoa thì được kể là người Việt-Nam, và do theo án lệ sau cùng của Tòa Thượng Thẩm Saigon trước ngày ban hành Bộ luật Quốc Tịch Việt-Nam, thì Sắc lệnh 4-8-1933 có hiệu lực hồi tố đối với những người sanh trước năm đó.

Mặc dầu thẩm quyền của tòa nhà phố có tánh cách tuyệt đối nhưng tòa án dân sự vẫn có thẩm quyền xét xử vụ kiện đòi nhà, nếu chủ nhà có nạp đủ bằng chứng rằng sự triển hạn của người mượn phố đương nhiên hư chỉ.

(*TT Saigon 13-2-1958*) (*PLTS. 1959. IV. 22*)

580.— QUYỀN LỢI THỦ ĐẮC CỦA THỪA KẾ.

Sự thay đổi quốc tịch không có hậu quả trước quyền của người thừa kế trong sự hưởng thụ di sản đã khai phát từ trước vì sự thay đổi quốc tịch chỉ nhằm vào quốc tịch mà không ảnh hưởng đến những quyền lợi thủ đắc dưới quốc tịch cũ.

(PA 29-9-1965) (PLTS 1966 III 7)

581.— QUỐC TỊCH. THAY ĐỔI QUỐC TỊCH.

Theo điều 4 của Bộ Luật Quốc Tịch ngày 2-12-1955 sự thay đổi quốc tịch theo luật định không thể làm tổn thương đến sự hiện hữu của những kết ước của đương sự hoặc đến quyền mà các người đệ tam đã thủ đắc.

(TT Saigon 12-10-1957) (PLTS 1958 III 55)

582.— QUỐC TỊCH. CHỨNG MINH QUỐC TỊCH, THAY ĐỔI QUỐC TỊCH, QUYỀN CỦA NGƯỜI ĐỆ TAM ĐÃ KÝ ĐẮC.

Tờ khai căn cước không thể thay giấy khai sanh và cũng không thể chứng minh quốc tịch theo luật định phải do tòa Hộ cấp.

Theo điều 4 Bộ Luật Quốc Tịch Việt-Nam ngày 7-12-1955 sự thay đổi quốc tịch theo luật định không thể làm tổn thương đến sự hữu hiệu của những kết ước của đương sự, hoặc đến quyền của người đệ tam đã ký đắc.

(TT Saigon 19-9-1957) (PLTS 1958 II. 35)

TÒA KHẢN CẤP VÔ THÂM QUYỀN (X. 342)

QUỐC TẾ CÔNG PHÁP

583.— QUYỀN ĐẶC MIỄN TÀI PHÁN CỦA MỘT QUỐC GIA.

Theo một nguyên tắc của quốc tế công pháp đã được mọi quốc gia hội viên của khối cộng đồng các quốc gia nhìn nhận, các quốc gia trọn chủ quyền được hưởng một quyền đặc miễn tài phán đã được

ghi rõ ràng trong hiệp định Việt-Pháp, ngày 16-9-1954, Hiệp định này đã được nước Pháp chuẩn phê và đã được nước Việt-Nam thi hành mặc dầu chưa phê chuẩn ;

Không thể nại ra một quyền lợi thủ đắc nào đối với quyền đặc miễn tài phán, vì lẽ đó một quyền cao hơn đã được quốc tế công pháp công nhận.

(*TT Saigon 18-6-1960*) (PLTS. 1960. IV. 64)

## QUỐC TẾ TƯ PHÁP

ĐOẠN MÃI BẤT ĐỘNG SẢN (X. 74)

584.— HÔN THỨ. HÌNH THỨC. BẰNG CHỨNG.

Hôn thú thành lập ở nơi nào phải theo hình thức ở nơi ấy ;

Việc chứng tỏ hôn thú phải tuân theo luật pháp ở nơi Tòa án thụ lý, nhưng cũng có thể làm theo luật pháp ở nơi hôn thú đã thành lập.

Ở Việt-Nam, người ngoại quốc có thể thành hôn trước mặt lãnh sự của họ, nhưng hôn thú chỉ được coi là hữu hiệu (trước tòa án Việt-Nam) nếu lãnh sự có thẩm quyền theo quốc pháp đề cử hành hôn lễ và có hiệp ước công nhận thẩm quyền ấy cho lãnh sự.

(*ST Saigon 1-2-1956*) (PLTS. 1956. I. 69)

585.— HÔN THỨ. HÔN THỨ GIỮA NGƯỜI NGOẠI QUỐC VỚI NGƯỜI BẢN XỨ. TÀI SẢN GIỮA HAI VỢ CHỒNG.

Theo học thuyết thì trong các xứ văn minh người ngoại quốc có thể cưới xin được miễn là theo thủ tục địa phương là đủ (La doctrine estime que le mariage doit être accessible aux étrangers dans tous les pays civilisés et que les formes locales doivent suffire — PARIS 24 — 26 DP 1927. 2. 9).

Theo quốc tế tư pháp, thì về hình thức sự giá thú phải theo nguyên tắc « locus régit actum ».

Khi nào không có khế ước về tài sản trong khi lập tờ hôn thú, thì theo điều 104 và 105 Luật Hộ Trung Việt tài sản của chồng và của vợ phải theo lệ « hợp nhất tài sản » không thể phân tách về sự tạo mãi hay công trình của người nào.

(TT HUẾ 4-12-1957) (PLTS. 1958. I. 63)

HÔN SẢN (X. 269)

586.— LY DỊ. VỢ CHỒNG CÓ QUỐC TỊCH KHÁC NHAU.

Trong việc ly dị, khi nào có việc tương tranh luật pháp vì hai bên vợ chồng thuộc quốc tịch khác nhau thì phải áp dụng phân phối những luật pháp tương tranh ấy (Application distributive des lois en conflit).

Hôn thú thành lập ở nơi nào phải tuân theo hình thức ở nơi ấy, và có thể chứng tỏ theo những thể thức được luật pháp ở nơi ấy chấp nhận.

(ST Saigon 1-2-1956) (PLTS. 1956. II. 51)

LY THÂN (X. 263)

587.— LY HÔN. LUẬT ÁP DỤNG CHO PHÁP KIỀU. LUẬT VỀ HÌNH THỨC. LUẬT VỀ NỘI DUNG. KHƯỞC BIỆN VỀ SỰ HÒA GIẢI. ĐIỀU 244 S-II. D.L.P. LỖI LẦM MỚI LÀM CHO NGƯỜI HÔN PHỐI CÓ QUYỀN VIỆN DẪN NHỮNG LỖI LẦM ĐÃ ĐƯỢC XÓA BỎ. SỰ DẪN CHỨNG VỀ VIỆC PHẠM GIAN.

Theo quốc tư pháp luật phải áp dụng cho các vấn đề hình thức của sự ly hôn là luật pháp đình sở tại (lex fori).

Đối với Pháp kiều, hiệp định tư pháp ngày 16-9-1954 dự định họ có quyền viện dẫn qui chế đời nhận, vì nguyên tắc quốc tế tư pháp trên đây, qui chế đời nhận của Pháp kiều chỉ áp dụng cho các vấn đề về nội dung sự ly hôn.

Dẫu sau điều 64 sắc luật 15164 dự liệu : việc ly hôn và ly thân của ngoại kiều ở Việt-Nam hoặc giữa ngoại kiều và công dân Việt-Nam sẽ giải quyết theo nguyên tắc tư pháp được tòa Việt-Nam chấp nhận, trên bình-diện này Pháp kiều cũng được viện dẫn qui chế đối nhân.

Điều 244 S 1 DLP dự định sự hòa giải sẽ xóa bỏ các lỗi lầm cũ và làm tiêu diệt tố quyền xin ly hôn. Việc xét định có hòa giải hay không thuộc quyền tối thượng của tòa chánh vụ.

Sau khi có sự hòa giải, nếu người hôn phối phạm lỗi iằm khác, những lỗi lầm này, dù tự thể không đủ hệ trọng để thành tựu một lý do ly hôn, sẽ cho những lỗi lầm cũ sống dậy.

Các sự kiện làm căn bản cho sự ly hôn, như sự phạm gian của người hôn phối có thể được dẫn chứng bằng mọi phương sách, luôn cả sự suy đoán, miễn là sự suy đoán có tính cách hệ trọng rõ rệt và phù hợp.

(*ST Saigon 17-7-1965*) (PLTS. 1965. III. 80)

588.— NGOẠI KIỀU KHÔNG HỖ TƯƠNG NGOẠI GIAO HAY PHÁP ĐỊNH. KHÔNG CHẤP NHẬN.

TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ PHẠM TỐ QUYỀN CỦA NGOẠI KIỀU. CHẤP NHẬN.

THÀNH TỐ. VI PHẠM MỘT LỢI ÍCH CHÍNH ĐÁNG ĐƯỢC LUẬT PHÁP BẢO VỆ.

Theo luật lý và án lệ cố định, nếu ngoại kiều vì không có hồ tương ngoại giao hay pháp định, không được ân hưởng của luật lệ bảo vệ thương hiệu thì cũng không quyền khởi tố kẻ tiếm quyền vì cạnh tranh bất chánh.

Tuy nhiên, đương sự có thể nêu nguyên tắc trách nhiệm dân sự phạm để bảo toàn quyền lợi bị tổn thương. Thực vậy điều 1382 D. L. P. coi như lý trí thành văn đối chiếu với điều 712 D. L. B. và điều 761 D. L. T. xuất phát từ lẽ công bằng cùng nguyên tắc của

quốc tế công pháp phải được dùng làm căn bản cho tố quyền đòi bồi thường ; người ngoại quốc có thể khởi tố người Việt-Nam trước Tòa án Việt-Nam về mọi nghĩa vụ khế định cũng như bán khế định, dân sự phạm hay bán dân sự phạm ; và nguyên tính chất thương mại của sự cạnh tranh bất chính cũng đủ để dành cho người ngoại quốc đòi bồi tổn vì sự phạm pháp này ; Tòa án thụ lý « mọi vụ tranh chấp về hành vi thương mại giữa mọi người » (điều 631 luật thương mại) và đã có quyền buôn bán tại Việt-Nam, người ngoại quốc phải được bảo đảm cần thiết trong thương vụ của họ.

Sự tổn thất mà nạn nhân nại ra để đòi bồi thường là hậu quả của một sự vi phạm của lợi ích chính đáng được luật pháp bảo vệ.

Không thể coi là một lợi ích chính đáng được luật pháp bảo vệ, tham vọng lừa gạt khán giả của một nhà phát hành phim tại một địa phương, muốn bảo mật sự kiện một cuốn phim mang khai thác hai lần dưới hai nhan đề khác biệt, tham vọng không cho kẻ khác phổ biến sự kiện bản thiù này.

(*TT Saigon 15-7-1961*) (*PLTS 1962 II 37*)

### 589.— QUY PHÁP CÁ NHÂN. NGƯỜI TRUNG HOA LẤY VỢ LỄ Ở VIỆT NAM

Về quy pháp cá nhân (statut personnel) thì luật Trung Hoa được áp dụng cho người Trung Hoa.

Theo luật Trung Hoa thì không có chế độ vợ lẽ.

Khi người Trung Hoa lấy vợ lễ ở Việt Nam và người vợ lễ cũng là người Trung Hoa là họ theo phong tục Trung Hoa và Việt Nam. Hai phong tục này giống nhau và giống luật Việt Nam, vậy luật Việt Nam được áp dụng như lý tính thành văn về vấn đề quyền gia trưởng (puissance paternelle) của người vợ hóa chính thất đối với con vị thành niên của người vợ lễ này.

(*TT Huế 4-7-1956*) (*PLTS 1957 II. 61*)

## QUYỀN CHẤP HỮU

### 590. — QUYỀN CHẤP HỮU

Sự gián đoạn tạm thời (như cho thuê) trong việc chấp hữu một bất động sản không làm mất quyền chấp hữu của đương sự điều 546 H.L.T.V. đã ấn định rõ ràng như vậy.

(TT Huế 23-5-1956) (PLTS 1956 IV 52)

### TỔ QUYỀN CHẤP HỮU (X. TỔ QUYỀN)

## QUYỀN DI THẨM

### CỬ GIÁM ĐỊNH VIÊN (X. 164)

### 590. — QUYỀN DI THẨM. ĐIỀU 129 T.K.H.S.T.S.T.T.P. HỒ SƠ SƠ THẨM BẤT HỢP LỆ VÀ THIẾU SÓT. BẤT KHẢ XỬ DỤNG.

Chiếu điều 129 T. K. H. S. T. S. T. T. P. khi một bản án đã bị tuyên và vô hiệu vì làm không hợp thức, Tòa phúc thẩm có thể giữ vụ kiện lại để xét xử, nếu hồ sơ sơ thẩm hợp lệ và đầy đủ bằng không tòa ấy phải giao hoàn nội vụ cho Tòa nguyên thẩm xét xử lại.

Nếu Tòa Phúc thẩm đã phán rằng án lệnh vô hiệu cần phải hủy vì làm sai thủ tục mà Tòa ấy lại còn xử dụng quyền di thẩm để xét xử, căn cứ vào cuộc điều tra sơ thẩm, mặc dầu hồ sơ sơ thẩm bất hợp lệ và thiếu sót, vì chưa có cuộc thử hòa giải, bị ơn chưa được tranh luận, điều tra không do án dự tiên ra lệnh (đ. 49 và k. t T. K. H. S. T. S. T. T. P.) làm như vậy, Tòa Phúc thẩm, ã vì khạm điều 129 ghi ở trên.

(PT 29-8-1962) (PLTS 1962 IV 9)

### 91. — DI THẨM. ĐIỀU 129 ĐOẠN 2 T. K. H. S. T. S. T. T. P. ÁN TUYÊN BỐ VÔ THẨM QUYỀN. ÁN NHẤT ĐỊNH VỀ CÁC ĐỐI TRANH KHÁC. KHUỚC BIỆN TRÌ HOẢN. VIỆC RÕ RÀNG.



Chiếu điều 129 đoạn 2 T. N. K. H. S. T. S. T. T. P. trong trường hợp Tòa Thượng thẩm hủy một bản án tuyên bố vô thẩm quyền, Tòa ấy có thể di thẩm giữ nội vụ lại mà xử nếu việc ấy xét được rõ ràng.

Ngoài những bản án tuyên bố vô thẩm quyền, Tòa thượng thẩm cũng có thể di thẩm khi Tòa ấy hủy những bản án nhất định xét xử về các đối tranh khác như các khước biện trì hoãn và giữ lại việc kiện và xử nếu việc ấy xét được rõ ràng.

(PA 30-5-1962) (PLTS 1963 I. 22)

### QUYỀN DI THẨM (X. 10)

#### 592.— DI THẨM. TRONG TRƯỜNG HỢP NÀO TÒA PHỨC ÁN CÓ QUYỀN DI THẨM.

Về quyền di thẩm, điều 130 Nghị định ngày 16-3-1910 chỉ dự liệu hai trường hợp; vô thẩm quyền và bất hợp thức. Nhưng đó là những trường hợp mà Tòa phúc án bó buộc phải di thẩm. Vậy ngoài những trường hợp ấy, Tòa phúc án có thể di thẩm để trực triệt xét về nội dung, nếu hai điều kiện sau này hội đủ :

— Án sơ thẩm bị bác khước.

— Hồ sơ ở vào tình trạng xung mãn để xét xử :

(TT Saigon 29-II-1962) (PLTS 1964 I. 105)

#### 593.— DI THẨM. TRƯỜNG HỢP BÓ BUỘC. ĐIỀU 130 NGHỊ ĐỊNH 16-3-1910. TRƯỜNG HỢP NHIỆM Ý. ĐIỀU 473 BỘ DSTIT PHÁP QUỐC.

Theo tinh thần của điều 7 Nghị định ngày 16-3-1910, cùng trong một đơn khởi tố, một nguyên đơn có thể kiện nhiều bị đơn, với điều các thỉnh cầu cũng một nguyên nhân và đối tượng.

Vì vậy một sở hữu chủ một bất động sản có thể cùng trong một đơn khởi tố kiện trực xuất nhiều người đồng chiếm cứ về quyền tài vật duy nhất kể trên.

Khước biện vô hiệu theo điều 259 nghị định ngày 16-3-1910. Bất cứ trong trường hợp nào, bất cứ về loại nào, không thể do tòa án tự ý tuyên phán và sẽ bị bao yếm nếu không được đương sự nêu lên trước mọi kháng biện khác trừ ra khước biện về sự vô thẩm quyền đối vật, về sự thiếu tư cách, thiếu năng lực, thiếu lợi ích.

Bị bác khước và xử tiêu, án tòa sơ thẩm tự ý dẫn nại điều 7 nghị định kê trên đề bác đơn khởi tố của chủ đất nguyên đơn kiện trực xuất nhiều người chiếm cứ vô quyền, bị đơn cùng một thửa đất của nguyên đơn.

Trong trường hợp án văn sơ thẩm xử chung cuộc vụ kiện bị bác khước hoặc vì vô thẩm quyền hoặc vì bất hợp lệ về hình thức và nếu vụ kiện đã hoàn bị, tòa thượng thẩm phải đi thẩm nội vụ để xét xử luôn về đối tranh và về nội dung do một phúc quyết duy nhất (đ 130 nghị định ngày 16-3-1910).

Ngoài hai trường hợp đi thẩm bổ buộc kê trên sự đi thẩm có tánh cách nhiệm ý trong những trường hợp án văn chung cuộc bị bác khước vì lý do khác như dự liệu trong điều 473, bộ Dân sự tổng tụng Pháp quốc, miễn là quyền lợi xuất phát từ nguyên tắc lưỡng quyền tài phán của tụng nhân không bị hy sinh một cách quá đáng.

(*TT Saigon 26-5-1966*) (*PLTS 1966 III. 58*)

## QUYỀN ĐỐI VẬT

594.— VẬT QUYỀN. QUYỀN CƯ NGỤ TẠI MỘT NGÔI NHÀ ĐẾN TRỌN ĐỜI. ĐIỀU 610 H.V.H.L. QUYỀN CƯ DỤNG. ĐĂNG KÝ. ĐIỀU 520 H.V.H.L. BỐ BUỘC. ĐỐI KHÁNG VỚI ĐỆ TAM NHÂN.

Quyền mà một người con đẻ cho người mẹ ở đến mãn đời tại một ngôi nhà của người con ấy, nhưng không được đem cho thuê là một vật quyền « quyền ở nhà người khác » dự định bỏ các điều 610 và nối theo của bộ Hoàng Việt Hộ Luật một thứ quyền hưởng dụng thu lợi thu hẹp, gọi là quyền cư dụng.

Không phải chỉ có quyền nghiệp chủ mới phải đăng ký, các vật quyền khác cũng phải đăng ký vào sổ điền trạch chiếu điều 520 H.V.H.L.

Muốn đem đối kháng với người đệ tam, quyền cư dụng phải đã được đăng ký vào sổ điền trạch.

(PA 24-12-1963) (PLTS 1964. III. 12)

## QUYỀN SỞ HỮU

### 595.— BẰNG SÁNG CHẾ. KHAI TRÌNH. ĐỘC QUYỀN SỞ HỮU. PHÁT MINH. KHƯỞC BIẾN QUYỀN TIỀN CHẤP HỮU.

Theo án lệ cố định, người nào khai trình xin cấp bằng sáng chế trước nhất, người ấy được độc quyền sở hữu bằng sáng chế đó.

Nhưng người phát minh thực sự ra máy móc đã được cấp bằng sáng chế mà không khai trình đề xin bằng sáng chế có thể nại « khước biến quyền tiền chấp hữu » để đối kháng một cách hữu hiệu với kẻ tuy không phát minh ra máy móc, mà đã xin được cấp bằng sáng chế về máy móc ấy, rồi lại thừa kiện y về tội ngụy tạo.

(TT Saigon 24-7-1964) (PLTS 1965. II. 101)

### 596.— BẰNG SÁNG CHẾ. HIỆU LỰC. KHÁNG CHƯỞC VÔ HIỆU. KHÁNG CƯỞC TIỀN CHẤP HỮU.

Theo nguyên tắc người khai trình xin cấp bằng sáng chế trước nhất được độc quyền sở hữu bằng sáng chế ấy tuy nhiên theo điều 21 luật 12157 ngày 1-8-1957 bằng sáng chế sẽ vô hiệu tuyệt đối nếu sự phát minh, sáng tác, áp dụng không mới lạ.

Nguyên tắc độc quyền sở hữu sáng chế không thể đem đối kháng với người đã phát minh và tiên dụng mà không cầu chứng đã viện dẫn kháng chước vô hiệu của bằng sáng chế vì không mới lạ hoặc kháng biến tiền chấp hữu sự sáng chế.

(PA 24-2-1965) (PLTS 1966. I. 113)

97.— QUYỀN SỞ HỮU. ĐÒI LẠI ĐỒ VẬT BỊ MẤT. CÁC ĐIỀU 2.279 VÀ 2.280 DÂN LUẬT PHÁP.

Những sở hữu chủ các vật đã bị mất hoặc bị cắp trong hạn năm có thể đòi lại nơi người chiếm giữ, tuy những người chiếm giữ vì ngay tình nên không bị truy tố về tội oa trử.

(*TT Saigon 3-9-1955*) (*PLTS 1956. I. 33*)

- ĐẤT BỒI ĐẤT CÒN (X. 77)

- ĐỒ ĐẠC TRONG NHÀ (X. 532)

98.— QUYỀN HƯ HỮU (HƯ HỮU). QUYỀN HƯỞNG DỤNG THỤ LỢI.

Người mẹ có quyền hưởng dụng thụ lợi trên những tài sản hoặc quyền hư chủ (hư hữu) của các con, không được quyền đem tài sản cho người khác.

Phân thư chia một số tài sản, trong đó một phần ba (1/3) hoặc quyền nghiệp chủ (sở hữu) của người đứng chia, còn hai phần a (2/3) thuộc quyền hư chủ (hư hữu) của người khác, người đứng chia chỉ có quyền hưởng dụng thụ lợi, thì phải bị tiêu hủy về hai phần ba 2/3 tài sản đã chia trái phép và chỉ có giá trị về một phần a 1/3 còn lại.

Tổ quyền xin thủ tiêu phân thư chia tài sản thuộc quyền hư chủ (hư hữu) của người khác không bị chi phối bởi điều 392 Hộ luật Trung Việt.

(*TT HUẾ 3-1-1962*) (*PLTS 1964. IV. 130*)

QUYỀN TRƯỚC TÁC (X. 512)

9.— QUYỀN XUẤT BẢN. NHẬT KÝ XÁC ĐỊNH.

Sự cho phép của Nha Thông Tin hay sự ký thác tại Viện Lưu trữ đều không mang lại cho kẻ trước sự ghi ngày chắc chắn theo luật 1328 Dân Luật Pháp, kể như thành văn lý tính.

Người được nhượng quyền sau phải có văn thư có ghi ngày chắc chắn mới phủ nhận được quyền lợi của người được nhượng quyền trước.

(*TT Saigon 31-5-1956*) (*PLTS 1957 II. 23*)

— TÁC PHẨM (X. NHẠC)

600.— TỐ QUYỀN. CHẤP HỮU. TỐ QUYỀN SỞ HỮU.  
 ĐIỀU 28, 29 NGHỊ ĐỊNH 7-3-1924, 86 DỤ SỐ 4 NGÀY  
 18-10-1949 TỜ CHỨC TƯ PHÁP VIỆT-NAM.

Những điều 3 và 23 đến 27 Luật Dân Sự Tố Tụng Pháp về thẩm quyền của Tòa Hòa Giải được áp dụng ở Việt-Nam do điều 101 Sắc lệnh 16-2-1921 và những điều 28, 29 nghị định ngày 7-3-1924, 86 chỉ dụ số 4 ngày 18-10-1949 về tờ chức Tư Pháp Việt-Nam.

Theo điều 3 số 2 thượng dân, các tố quyền chấp hữu thuộc thẩm quyền Tòa Hòa giải, nhưng người sở hữu chủ bị vi phạm quyền lợi, có quyền lựa chọn trong hai tố quyền một là khiếu tố trước Tòa Hòa giải bằng một tố quyền chấp hữu hay là khiếu tố trước Tòa thường tụng bằng một tố quyền sở hữu, vì rằng chỉ với tư cách chấp hữu đương sự cũng đủ được che chở không cần chứng tỏ quyền sở hữu; vậy tất nhiên, khi đương sự hành động với tư cách sở hữu chủ, có quyền lợi chắc chắn hơn, sự che chở này không thể bị Tòa thường tụng từ khước không chấp nhận.

Tuyên bố vô thẩm quyền trước một tố quyền sở hữu, khi sở hữu chủ có quyền lựa chọn tố quyền này, phúc quyết bị thượng tố đã vi phạm điều 3 thượng dân vì tòa hòa giải chỉ có thẩm quyền khi đương sự đứng vào cương vị một người chấp hữu để xử hành tố quyền chấp hữu.

(*PA 31-3-1965*) (*PLTS 1965 IV. 42*)

601.— TỘI VI PHẠM QUYỀN SỞ HỮU VĂN NGHỆ. SỰ KỶ  
 NẠP VĂN NGHỆ PHẠM NGOẠI QUỐC TẠI VIỆT NAM.

Theo điều 9 SL ngày 7-7-1946 (ban hành tại Việt Nam do nghị định ngày 12-10-1947) các văn nghệ phẩm ngoại quốc phải được ký nạp trước khi đem tác phẩm ra lưu hành hoặc nhường quyền tác phẩm hay dịch thuật.

Theo điều 4 SL ngày 28-3-1952, muốn truy tố sự ngụy tạo một văn nghệ phẩm ngoại quốc, phải ký nạp bản đúng theo điều 6 của đạo luật ngày 19, 24-7-1893 trước khi mở cuộc truy tố

Sự ký nạp này là một thể thức chủ yếu, tiên quyết cho việc truy tố.

(*ST Saigon 5-8-1960*) (*PLTS 1961 IV. 113*)

— QUYỀN SỞ HỮU VĂN NGHỆ (X. 429)

RUỘNG (X. BẤT ĐỘNG SẢN)

(X. ĐIỀN ĐỊA)

## SAI ÁP

602.— SAI ÁP CHẾ CHỈ. TRÁI QUYỀN THANH XÁC VÀ KHẢ XÁCH. QUYỀN ƯU TIÊN CỦA CHỦ NỢ SAI ÁP TRÊN SỐ TIỀN HẠN ĐỊNH CHO VIỆC SAI ÁP.

Theo điều 167 nghị định ngày 16-3-1910, người chủ nợ có trái quyền thanh xác và khả sách, nhưng chưa có chứng thư chấp hành, có thể xin thẩm phán cho phép thi hành những biện pháp bảo toàn món nợ.

Điều luật này có thể làm căn cứ cho sai áp chế chỉ vì sự sai áp này, trong giai đoạn đầu là một biện pháp bảo toàn.

« Thanh xác » không có nghĩa là món nợ, tuyệt đối, phải được kết toán một cách nhất định.

Đầu món nợ không có giấy tờ chắc chắn và chưa rõ là bao nhiêu, thẩm phán cũng có quyền xem xét, nếu món nợ xem ra

nếu có thể có về nguyên tắc thì thẩm phán có quyền tạm thời ước lượng để cho phép sai áp.

« Khả sách » không có nghĩa là món nợ phải có giấy tờ chứng tỏ rằng đã đến hạn phải trả, chỉ cần một điều kiện tiêu cực là không có nguyên nhân gì đình chỉ việc trả nợ, vì rằng nếu có một nguyên nhân đình chỉ thì tuy về nguyên tắc con nợ tuy có nợ thật nhưng chưa phải trả nợ.

Theo những nguyên tắc trên thì một nạn nhân một tai nạn, nếu xét ra có quyền đòi bồi thường, có thể làm sai áp, vì rằng không có nguyên nhân nào đình chỉ việc thi hành trái vụ bồi thường, và đảng khác, thẩm phán có quyền tạm thời ước lượng trái quyền bồi thường của nạn nhân.

Theo điều 567 Luật dân sự Tố tụng Pháp, sửa đổi do Luật ngày 17-7-1907 ban hành tại Việt Nam do sắc lệnh ngày 20-3-1910, số tiền hạn định cho việc sai áp được dành riêng cho chủ nợ mà việc sai áp được hạn định ; chủ nợ này sẽ khai trừ mọi chủ nợ khác về số tiền ấy.

(TT Saigon 28-II-1963) (PLTS 1966 IV. 103)

ĐOẠN MÃI NHÀ BỊ SAI ÁP (X. 221 và 381)

ĐÌNH CHỈ SAI ÁP (X. 336, 337)

ĐIỀU KIỆN SAI ÁP CHẾ CHỈ (X. 602)

GIẢI TRỪ SAI ÁP CHẾ CHỈ (X. 523)

603.— SAI ÁP CHẾ CHỈ. GIỚI HẠN. CHỦ NỢ. QUYỀN ƯU TIÊN. LUẬT NGÀY 17-7-1907.

Theo thủ tục giới hạn sai áp chế chỉ dự liệu do luật ngày 17-7-1907, áp dụng ở Việt Nam theo Sắc lệnh ngày 20-3-1910, ban hành bởi nghị định ngày 12-5-1910, số tiền được giới hạn cho sự sai áp sẽ dành riêng cho chủ nợ đã làm sai áp.

(PA 21-7-1965) (PLTS 1965 III. 8)

604. — SAI ÁP. SAI ÁP QUÁ MỨC CỦA SỐ NỢ. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI.

Khi xin sai áp quá mức của số nợ, người chủ nợ đã lạm dụng quyền sai áp. Sự lạm dụng này gây thiệt hại cho người mắc nợ bị sai áp và người này có quyền xin bồi thường thiệt hại.

(*TT Saigon 23-2-1957*) (PLTS 1957 IV. 25)

SAI ÁP BẤT ĐỘNG SẢN (X. 555, 556)

605. — ÁN LỆNH PHÊ ĐƠN. NGĂN CẤM MỌI DI CHUYỂN. ĐỊNH NGHĨA SAI ÁP MỘT CHIẾC GHE. SỰ KHÁC BIỆT VỚI SAI ÁP BẢO LƯU MỖI CHIẾC TÀU ĐẶC QUYỀN CỦA NGƯỜI BÁN TRÊN TÀI SẢN ĐOẠN MẠI QUYỀN TRUY ĐOẠT KHẾ ƯỚC SONG VỤ. TIÊU HỦY GIAO ƯỚC. TIÊU HỦY DO TÒA ÁN.

Một án lệnh phê đơn cho phép « ngăn cản mọi sự di chuyển » đối với một chiếc đồ máy chỉ có nghĩa là cho phép ngăn cản di chuyển quyền sở hữu bằng một hành vi pháp lý, chứ không phải ngăn cả sự xê dịch của chiếc đồ, biện pháp này không thể quyết định bằng một án lệnh phê đơn; dù sao, sự sai áp một chiếc ghe không có hiệu lực giữ chiếc ghe tại bến, như một sự sai áp bảo lưu một chiếc tàu theo luật hàng hải.

Luật Việt Nam không có khoản nào công nhận cho người bán được một đặc quyền trên tài sản đoạn mãi; (*privilege du vendeur de meuble*) do đây nguyên chủ của một chiếc đồ máy, chưa được trả hết số tiền bán, không có quyền truy đoạt tài sản đã đoạn mãi trong tay người đệ tam.

Trong khế ước song vụ, nếu một bên không thi hành nghĩa vụ, bên kia đương nhiên có quyền đòi tiêu hủy khế ước theo những nguyên tắc phổ thông về luật nghĩa vụ, hỏi cần phải giao ước; sự tiêu hủy này phải do Tòa tuyên xử, không thể do một bên tự ý quyết định.

(*TT Saigon 17-8-1961*) (PLTS. 1962. III. 48)



606.— SAI ÁP BẢO THỦ VÀ SAI ÁP CHẤP HÀNH. QUYỀN HẠN CỦA CHỦ NỢ.

Chủ nợ có quyền sai áp bảo lưu để giữ lại tài sản của con nợ, dầu chưa có văn thư chấp hành, vì mỗi tài sản của con nợ đều là bảo đảm của chủ nợ.

Nhưng không thể sai áp chấp hành trước khi có một văn thư chấp hành, vì do sự chấp hành, con nợ bị mất quyền sở hữu.

Sự cưỡng chế phát mãi là một phương pháp chấp hành, do đấy, Tòa cấp thẩm không có quyền cho phép chủ nợ phát mãi tài sản đã bị sai áp bảo lưu của con nợ, nếu chủ nợ không có văn thư chấp hành.

(*TT Saigon 11-10-1962*) (PLTS. 1962. III. 48)

607.— SAI ÁP CHẾ CHỈ : BẢN CHẤT VÀ HIỆU LỰC.

Sai áp chế chỉ là sự sai áp vừa có tính cách bảo lưu, vừa có tính cách chấp hành.

Người đệ tam bị sai áp, (tiers saisi) cần được thôi xuất ra Tòa trừ khi người ấy là thủ ngân công quỹ, để khai trình và tranh luận nếu cần, về số tiền có thiếu hay không thiếu chủ nợ của chính mình (tức là con nợ bị sai áp : débiteur saisi).

Khi nào có án văn truyền người đệ tam rũ tay trả nợ (jugement de main-vidange : vider les mains) trong tay người chủ nợ sai áp (créancier saisissant), chừng đó, việc sai áp mới chuyển sang giai đoạn chấp hành và người sai áp mới có quyền đòi tiền ở người đệ tam.

(*TT Saigon 18-10-1962*) (PLTS. 1963. IV. 107)

608.— SAI ÁP BẢO LƯU : HIỆU LỰC CỦA SỰ SAI ÁP TRONG TRƯỜNG HỢP MỘT CHỦ NỢ. KHÁC CÓ QUYỀN ƯU TIÊN TRÊN ĐỒ VẬT BỊ SAI ÁP.

Sự sai áp bảo lưu, do một chủ nợ thường sự, không vì một chủ nợ khác đã có quyền ưu tiên trên đồ vật bị sai áp mà vô hiệu. Vì rằng quyền ưu tiên của chủ nợ này không khai trừ quyền bảo đảm của chủ nợ khác ; chỉ khi nào phân chia giá bán đồ vật, mới cần đề cập đến quyền ưu tiên để giải quyết sự phân tranh giữa các chủ nợ.

(*TT Saigon 22-II-1962*) (*PLTS. 1963. IV. 129*)

609.— SAI ÁP KHẢN CẤP. KHÁNG NGHỊ TRƯỚC TÒA CẤP THẨM XIN THẦU HỒI MẠNG LỆNH CỦA ÔNG CHÁNH ÁN TÒA SỞ THẨM SAIGON CHO PHÉP SAI ÁP CHI PHỐ VÀ SAI ÁP BẢO THỦ.

Theo điều 167 nghị định 16-3-1910, món nợ được thanh xác (liquide) và đáo kỳ (échu) vị thẩm phán có thể chiếu đơn của chủ nợ cho phép sai áp bảo thủ. Luật không buộc vị thẩm phán khi số nợ đáo kỳ và thanh xác, phải ban lệnh sai áp nếu có đơn của chủ nợ. Tuy trường hợp, vị thẩm phán ban hay không ban lệnh ấy.

Trong vài trường hợp mặc dầu không có giấy nợ, người xin sai áp vẫn được ban lệnh sai áp, chẳng hạn như trong một tai nạn lưu thông, nạn nhân xin sai áp bảo thủ động sản của chủ xe gây ra tai nạn để bảo đảm đơn xin bồi thường thiệt hại sau này.

Việc tranh chấp về hiện hữu và ngạch số các món nợ, cùng giá trị của sự sai áp chỉ phó trước tòa án Dân sự, tòa khản cấp không thẩm quyền xét xử đơn xin thu hồi mạng lệnh cho phép sai áp.

(*Saigon 28-2-1957*) (*PL số 25 trang 6*)

610.— SAI ÁP CHẾ CHỈ. THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN KHẢN CẤP VỀ ĐƠN XIN THẦU HỒI CHO PHÉP SAI ÁP.

Tòa án Việt Nam không thể áp dụng thủ tục của Pháp về sự sai áp chế chỉ là một thủ tục rất phức tạp gồm nhiều giai đoạn khó khăn.

Mặc dầu Nghị định 16-3-1910 khuyến khích trong việc qui định thủ tục riêng biệt cho việc sai áp chế chỉ nhưng dựa vào các điều 165 và 167 của Nghị định ấy, án lệ đã cho phép xử dụng việc sai áp chế chỉ như một trong những phương pháp bảo tồn thông thường.

Theo nguyên tắc và án lệ vững chắc, trong trường hợp người được sai áp đã kiện ra trước Tòa án dân sự để xin xác hiệu sự sai áp, thì tòa án cấp thẩm không có thẩm quyền định đoạt về sự thảo hồi án lệnh cho phép sai áp.

(TT Saigon 13-2-1958) (PLTS 1959 IV. 26)

611.— SAI ÁP TOÀN THỀ TÀI SẢN VỊ PHÂN. HIỆU LỰC.  
ĐIỀU 2.205 DÂN LUẬT PHÁP.

Một đệ tam, khi giao dịch với một hội viên một hội dự phần, chỉ giao dịch với cá nhân hội viên ấy, thì quyền bảo đảm của y nếu y thành chủ nợ hơn sự giao dịch, chỉ bao gồm có tài sản riêng của người hội viên mà thôi.

Sự sai áp toàn thề tài sản vị phân không vô hiệu bởi lẽ đã thực hiện trên toàn thề tài sản; một người công sản (communiste) có thề đòi truy sách hay trích xuất kỷ phần của y trong bất động sản chớ không thề viện dẫn điều 2.205 Dân Luật Pháp. để cho rằng sự sai áp vô hiệu, vì điều luật này không bao gồm tất cả những trường hợp những người cộng sản, chỉ nhằm riêng trường hợp vị phân về di sản.

(TT Saigon 31-8-1961) (PLTS 1961 IV 43)

SAI ÁP TÀI SẢN CỘNG ĐỒNG. (X. 558)

SANG BỘ XE HƠI

612.— MUA BÁN XE TỰ ĐỘNG.

Nếu mua bán xe tự động với điều kiện là chủ bán phải sang tên cho chủ mua, nhưng sang tên không được, thì sự mua bán đó không còn lý do tồn tại, tờ bán phải bị hủy bỏ và chủ bán phải trả số tiền đã thu cho chủ mua.

(*TT Saigon 6-II-1958*) (PLTS 1959. I 24)

## ỐP BỘ (X. ỐP BỘ)

TÍNH CÁCH HÀNH CHÁNH (X. 220)

## TÀI SẢN

### SINH THỜI PHÂN SẢN (X. 171)

613.— VIỆC TỊCH THU TÀI SẢN THEO NHỮNG DỤ 30, 31, NGÀY 4-5-1955, VÀ SỐ 42 NGÀY 10-6-1955.

### CƠ QUAN NÀO CÓ QUYỀN TỊCH THU.

Theo điều 1 Dụ số 30 ngày 4-5-55, Quốc Trưởng có quyền khi có biến loạn, mưu phản công khai hay nội chiến, ra chỉ dụ đặc ra ngoài vòng pháp luật những người có hành động làm nguy hại đến tương lai quốc gia.

Theo điều 2, Quốc Trưởng có quyền ra chỉ dụ tịch thu tài sản của can phạm mặc dầu là tài sản được đăng ký dưới tên của người khác.

Theo điều 1 Dụ số 42 năm 1945, Thủ Tướng có quyền ra nghị định cung thác tài sản của những người hợp tác với phần tử phiến loạn.

Những bản văn trên này là những bản văn đặc biệt, vậy chỉ cơ quan hành pháp có quyền cung thác và tịch thu.

(*TT Saigon 12-10-1961*) (PLTS. 1962. IV. 54)

614.— TƯƠNG PHÂN. TIỀN NHÂN PHÂN SẢN. TỜ PHÂN CHIA DO NGƯỜI QUẢ PHỤ LẬP TRONG LÚC SINH THỜI. QUYỀN HỦY BỎ TỜ PHÂN CHIA.

Việc phân chia tài sản của cha mẹ cho các con trong lúc sinh thời là một lập chế đặc biệt Việt Nam, thoát thai ở chế độ lập chúc thư mà ra, không giống như việc tiên nhân phân sản của Dân Luật Pháp.

— Tinh cách bất khả công kích.

— Tinh cách truất bãi bất cứ lúc nào và tùy tâm người để của cho con.

Theo án lệ, thì người quả phụ có quyền lập tờ phân chia trong lúc sinh thời, và có quyền tuyệt đối truất bãi tờ phân chia bất cứ lúc nào, không cần phải viện dẫn lý do chi cả để hủy bỏ tờ phân sản.

(*TT Saigon 12-3-1957*) (*PLTS 1958. III. 64*)

## TẶNG DƯ

### 615.— TẶNG DƯ. TỜ TẶNG DƯ BẤT ĐỘNG SẢN.

Theo án lệ vững chắc, cũng như theo Dân Luật Bắc phần và Trung Phần Việt Nam được kê như thành văn lý tính, thì điều kiện duy nhất để sự tặng dư bất động sản có giá trị và hiệu lực là chứng thư về việc tặng dư phải được lập theo hình thức công chánh chứng thư.

Tờ tặng dư đã được làng sở tại thị thực, là một công chánh chứng thư, có hiệu lực đầy đủ cho đến khi bị hủy bỏ do thủ tục đăng cáo giả mạo.

(*TT Saigon 7-8-1958*) (*PLTS 1959. I. 32*)

### 616.— TẶNG DƯ BẤT ĐỘNG SẢN. ĐIỀU KIỆN HOÀN THÀNH. HỨA HẸN TẶNG DƯ : TÍNH CHẤT.

Sự tặng dư bất động sản phải được người thụ tặng chấp nhận mới hoàn thành (theo điều 219, 221, sắc lệnh ngày 21-7-1925) và

nguyên tắc về việc : tặng dữ là cho đến khi có sự chấp nhận của người thụ tặng, người chủ tặng có quyền hủy bỏ sự tặng dữ.

Sự hứa hẹn tặng dữ không có tính chất pháp lý như một nghĩa vụ tự nhiên ; sự cam kết thi hành một nghĩa vụ tự nhiên biến cải nghĩa vụ này thành một nghĩa vụ dân sự và phát huy một tổ quyền cho người thụ hưởng đề cương hành người đã cam kết phải thi hành nghĩa vụ. Trái lại, sự hứa hẹn tặng dữ không mang lại cho người thụ hưởng tổ quyền ấy vì sự tặng dữ là một khế ước vô thường chỉ có thể thành tựu do sự ưng thuận nhất định của người chủ tặng được thuận bởi người thụ tặng. Trước khi ấy, người này không có quyền gì có thể đối kháng với người chủ tặng.

(*TT Saigon 1-6-1961*) (*PLTS 1962. 1. 36*)

617.— DI TẶNG TOÀN SẢN. DI TẶNG ĐẶC ĐỊNH. QUYỀN CỦA THỪA KẾ XIN TIÊU HỦY CHÚC THƯ DI TẶNG VÀ TỜ THUẬN NHẬN THỤ DI.

Sự di tặng toàn sản, khác với sự di tặng đặc định không có chỉ định riêng biệt tài sản nào hết, vì tất cả tài sản của người chủ tặng sẽ di truyền cho người thụ tặng.

Khi người thụ tặng, với tư cách ấy, chiếm cứ một tài sản nào thì là vì tài sản ấy thuộc di sản của người chủ tặng đã mệnh một.

Tờ chúc thư và tờ thuận nhận thụ tặng chỉ có bị chỉ trích do những người thừa kế của người chủ tặng, bị thiệt hại trong quyền thừa kế của họ do sự di tặng và thuận nhận.

(*TT Saigon 28-11-1963*) (*PLTS 1966. IV. 118*)

618.— TẶNG DỮ. HÌNH THỨC. CÔNG CHÍNH CHỨNG THƯ. SẮC LỆNH ĐIỀN THỎ NGÀY 21-7-1925. ĐIỀU 187, 439. DÂN LUẬT PHÁP ĐIỀU 931.

Sự tặng dữ các bất động sản chi phối bởi Sắc lệnh điền thổ ngày 21-7-1925 phải làm bằng công chính chứng thư chiếu điều 931 Bộ Dân Luật Pháp.

Điều 430 đoạn 2 của Sắc lệnh trên đã hủy bỏ một cách minh thị những điều khoản của Bộ Dân Luật Pháp ghi đích danh trong điều đó, nhưng điều 931 không gồm trong các điều khoản bị hủy bỏ ;

Còn điều 187 của Sắc lệnh chỉ có tính cách tổng quát về sự thỏa thuận của đôi bên cộng ước. Điều 931 qui định một trong những hình thức để phát biểu sự thỏa thuận ấy về vấn đề tặng dử cũng không trái ngược với điều 187, phải được áp dụng để thi hành về vấn đề tặng dử nguyên tắc chung nêu ở điều 187 ấy.

Điều 931 không bị minh thị hủy bỏ cũng như không thể coi là bị hủy bỏ một cách mặc nhiên bởi điều 430 đoạn I vì không trái ngược với Sắc lệnh điển thờ, vậy vẫn được tồn tại để được áp dụng bên cạnh những điều khoản khác của Sắc lệnh ấy.

(PA 29-5-1963) (PLTS 1963. III. 27)

619.— TẶNG DỬ SANH THỜI. ĐIỀU KIỆN HÌNH THỨC. CÔNG CHÁNH CHỨNG THƯ. CHẾ TÀI. KHI SANH THỜI. LÚC NGƯỜI TẶNG DỬ MẤT ĐI.

Nguyên tắc định rằng sự tặng dử phải làm theo thể thức công chánh chứng thư chỉ có mục đích che chở người tặng dử, tránh cho người ấy đứng vì ảnh hưởng bên ngoài mà tước hết quyền lợi của gia đình mình. Vì vậy sự vô hiệu, vì lý do nguyên tắc trên, khi sanh thời người tặng dử là tuyệt đối, thì khi kẻ này mất đi, sẽ thành tương đối và thừa kế của người ấy có thể xác nhận sự tặng dử khiến, sự tặng dử không lập bằng công chánh chứng thư, vẫn có giá trị.

(TT Saigon 9-10-1965) (PLTS. 1965. IV. 75)

620.— TẶNG DỬ : SINH THỜI TẶNG DỬ VÀ DI TẶNG NHÂN TỬ KHÁC BIỆT NHƯ THẾ NÀO.

TRƯỜNG HỢP VIỆC DI TẶNG NHÂN TỬ VÔ HIỆU QUẢ ; HẬU QUẢ TRƯỜNG HỢP ẤY.

Sinh thời tặng dữ và di tặng nhân tử đều là cho tặng.

Nhưng sự sinh thời tặng dữ được thực hiện ngay khi người chủ tặng còn sống do sự thuận nhận của người thụ tặng : sự thuận nhận này hoàn tất việc tặng dữ, làm cho việc tặng dữ thành nhất định.

Trái lại, sự di tặng nhân tử chỉ có thể thực hiện sau khi người chủ tặng đã chết. Và thực hiện do sự đoãn chấp của người thụ tặng, nghĩa là sau khi người này đã được lãnh nhận, được chấp hữu đồ vật được tặng.

Do đấy, điều kiện cần thiết do sự hoàn tất việc di tặng nhân tử là người thụ tặng phải còn sống, khi người chủ tặng chết, đề xin đoãn chấp tài sản được tặng.

Nếu người thụ tặng chết trước, tài sản không được đoãn chấp, sẽ không truyền sang được sản nghiệp của người này, dầu rằng người này có để lại thừa kế, vì việc di tặng có tính cách cá nhân, chỉ người nào đã được chỉ định đích danh được hưởng.

Do đấy, tài sản di tặng vẫn còn trong sản nghiệp của người chủ tặng, và nếu không di chúc khác ngoài sự di tặng, sẽ hợp thành một di sản vô di chúc phải phân cấp cho các thừa kế theo thứ bậc luật định.

(*TT Saigon 7-9-1961*) (PLTS. 1962. II. 79)

621.— TỐ QUYỀN GIAO HOÀN TẶNG VẬT. SẮC LỆNH NGÀY 28-1-1855. CHỈ DỤ NGÀY 24-11-1781 KHÔNG ÁP DỤNG.

Sắc lệnh ngày 28-1-1855 về việc quản tài di sản vô chủ không có khoản nào qui định về sự giao hoàn tặng vật cho người được tặng không có khoản nào buộc phải ký quỹ và phải đợi 5 năm mới được nhận lãnh tặng vật một cách vĩnh cửu.

Chỉ dụ ngày 24-11-1781 không liên quan gì đến trường hợp giao hoàn tặng vật. Và lại chỉ dụ này không hề được ban hành tại Việt Nam mà là một chỉ dụ áp dụng riêng ở quần đảo « Antilles ».



Người thụ tặng đặc định có quyền đòi tặng vật trong tay quản tài viên bằng một tố quyền giao hoàn tặng vật (action en délivrance de legs).

(TT Saigon 2-1-1964) (PLTS. 1964. IV. 115)

## THẨM QUYỀN

### 622.— ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC. CÁC VỤ PHÂN TRANH GIỮA NHÂN VIÊN CÔNG NHẬT VÀ CÁC CÔNG SỞ.

Tòa án Tư Pháp có thẩm quyền đề xét xử vụ tranh chấp giữa các công sở và nhân viên công nhật giúp việc cho các công sở ấy.

(TÒA ÁN HÀNH CHÍNH 20-1-1956) (PLTS 1956 III. 98)

### 623.— THẨM QUYỀN TÒA ÁN DÂN SỰ. KHƯỚC BIỆN. NHÀ VỪA DỪNG ĐỀ Ở. VỪA DỪNG VỀ THƯƠNG MẠI.

Trong một vụ kiện xin trục xuất trước Tòa dân sự, nếu bị đơn nêu lên vấn đề lưu cư, khước biện ấy phải được Tòa Nha phố tiên quyết. Tòa dân sự thụ lý vụ tranh tụng sẽ đình chỉ phán quyết nếu xét bị đơn có lý do quan trọng đề nêu vấn đề tiên quyết. Nếu khước biện xét ra vô căn cứ xác đáng, mà là một phương pháp đề kéo dài vụ kiện, Tòa dân sự sẽ trực triệt tiến hành tranh nghị.

Một căn phố lâu, từng trên dùng đề ở, từng dưới làm tiệm cơm, ở giữa phố xá dùng làm thương mãi, tiền mượn phố cao là phố có dụng đích hỗn hợp với phần tru thê dùng về thương mãi.

Tòa án có thẩm quyền xét xử các vụ tranh chấp liên hệ tới sự thi hành khế ước mượn nhà dùng về thương mãi là Tòa án dân sự nơi tọa lạc bất động sản đó.

(HGRQ PHONG DINH 16-9-1958) (PLTS 1958 IV. 176)

### 624.— HỦY BỎ GIAO KÈO. QUYỀN TRỤC XUẤT.

Cùng trong một đơn khởi tố, nguyên đơn xin hủy bỏ giao kèo cho thuê nhà và trục xuất người thuê thì Tòa án thường luật chỉ có thẩm quyền phán định về việc xin hủy bỏ giao kèo còn việc trục xuất thuộc thẩm tòa án nhà cửa.

(HGRQ BIÊN HÒA 26-I-1956) (PLTS 1956 I. 76)

THẨM QUYỀN TÒA DÂN SỰ XỬ NHÀ PHỐ (X. 579)

TÒA DÂN SỰ XỬ VỀ LY HÔN (X. 279)

625.— KHẾ ƯỚC LAO ĐỘNG. ĐỊNH NGHĨA. TÍNH CHẤT.

THẨM QUYỀN. ĐỊA PHƯƠNG CHƯA CÓ TÒA ÁN LAO ĐỘNG.  
TÒA ÁN DÂN SỰ XÉT XỬ VỤ LAO ĐỘNG. VỤ KIỆN KHÔNG  
CÓ TÍNH CHẤT LAO ĐỘNG. TÒA THƯỢNG THẨM DI LÝ.

Khế ước lao động là bản văn qui định những mối quan hệ cần lao giữa một đảng là chủ nhân, một đảng là thợ thuyền, thuộc viên hay kẻ học nghề theo đó các người sau này cho mượn sức cần lao của mình để lấy tiền công, dưới quyền giám đốc của chủ và làm việc cho chủ.

Không hội đủ tính chất lao động, một khế ước theo đó một đương sự nhận lãnh khai phá một khu rừng với những nhân công mà y tự tuyên mộ và điều khiển. Với tính cách này, khế ước trên là một khế ước lãnh thầu, không phải là một khế ước lao động, và không thuộc thẩm quyền Tòa án lao động.

Tuy nhiên, tại địa phương chưa có Tòa án lao động, vụ kiện đã được tòa sơ thẩm hay tòa hòa giải rộng quyền xét xử với thành phần thường lệ, sau khi thẩm phán đã hòa giải hai bên và trong án văn có ghi là Tòa xử về việc lao động thì chỉ cần tuyên nhận vụ tranh tụng không có tính cách một vụ tranh chấp lao động còn sự tuyên bố vô thẩm quyền không cần thiết vì không có hậu quả làm cho Tòa trên phải di lý để một Tòa đặc biệt khác thụ lý.

Nếu vụ kiện đã đủ tài liệu để xét thì chiếu theo điều 130 Nghị định 16-3-1910, Tòa Thượng thẩm có thể di thẩm đề xét về nội dung.

(*TT Saigon 29-6-1961*) (*PLTS 1962. I. 45*)

TÒA DÂN SỰ VỀ KHẾ ƯỚC HÀNH CHÍNH (X. 405)

TÒA DÂN SỰ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC (X. 145)

626. — THẨM QUYỀN TÒA ÁN DÂN SỰ. NƠI CƯ NGỰ CỦA BỊ ĐƠN VÀ NGUYÊN ĐƠN. NƠI KÝ KHẾ ƯỚC. NƠI THI HÀNH KHẾ ƯỚC. NƠI XẢY RA SỰ THIẾT HẠI. NƠI GIAO HÀNG HÓA.

Nguyên đơn cư ngụ tại tỉnh Gia Định, bị đơn tại Saigon Tòa dân sự Biên Hòa vô thẩm quyền (điều 9 N.Đ ngày 16-3-1910. Khế ước không ghi rõ nơi ký khế ước, không ghi rõ nơi thi hành khế ước. Tòa dân sự Biên Hòa vẫn vô thẩm quyền. Hiện vụ không phải một vụ đòi tiền bồi thường thiệt hại bởi một khinh tội, một tội vì cảnh hoặc một tội chuẩn phạm (un délit, une contravention ou un quasi-délit) Tòa dân sự Biên Hòa vẫn vô thẩm quyền (điều 9 đoạn 8 nói trên). Bị đơn không mặc nhìn nhận thẩm quyền của Tòa dân sự Biên Hòa, vì bị đơn đã khước biện vô thẩm quyền trước khi tranh luận về nội dung. (in limine litis).

(*HGRQ BIÊN HÒA 23-3-1962*) (*PLTS. 1965. I. 147*)

627. — THẨM QUYỀN TƯ PHÁP. PHÂN TRANH GIỮA HAI PHÁP NHÂN HÀNH CHÍNH (personnes morales administratives) VỀ RANH GIỚI THỦY PHẬN. THẨM QUYỀN.

Theo luật học và án lệ thì tiêu chuẩn thẩm quyền của tòa án Tư Pháp là có sự xâm chiếm một tư sản, vì vậy Tòa án Tư pháp không có quyền can thiệp trong những vụ tranh chấp giữa hai pháp nhân hành chính.

(*TT Huế 20-8-1958*) (*PLTS. 1958. IV. 63*)

## THẨM QUYỀN VỀ ĐẤT BỒI (X. 77)

## 628.— PHÁ ÁN. NGUYÊN TẮC PHÂN QUYỀN GIỮA TÒA ÁN TƯ PHÁP VÀ TÒA ÁN HÀNH CHÍNH. ĐẢM NHIỆM HỘ TRÁCH ĐỒ PHÁP NHÂN HÀNH CHÍNH.

Theo điều 2 khoản I Dự số 35 ngày 8-11-1954 Tòa án hành chính sơ thẩm các vụ kiện đòi bồi thường liên quan đến các pháp nhân hành chính.

Bị thủ tiêu vì vi phạm nguyên tắc phân quyền của điều ghi trên án tòa án tư pháp phán vị Chỉ Huy Trưởng Sở Tài Chánh số 5 (trước là sở quân nhu quản trị) một pháp nhân hành chính với tư cách ấy, phải chịu trách nhiệm về hộ cho binh nhất Bùi thi Hậu bị xử phạt 400đ. tiền vạ về tội ngộ thương.

Án nói trên còn đáng bị thủ tiêu vì trái với các nguyên tắc về sự đảm nhiệm hộ trách không thể bao trùm khoản tiền phạt vạ trái với «tính cách cá nhân của hình phạt».

(PA 24-2-1960) (PLTS 1960. II. 17)

## 629.— THẨM QUYỀN TÒA TƯ PHÁP.

Việc cung cấp vật liệu như bản đá cho một cơ quan hành chính không do một hợp đồng hành chính ấn định các điều kiện, là một sự giao dịch thường như giữa tư nhân và tư nhân, chỉ phối bởi dân luật và thuộc thẩm quyền của tòa án tư pháp, chứ không thuộc thẩm quyền tòa án hành chính.

(TÒA ÁN HÀNH CHÍNH 27-7-1960)

(PLTS' 1961. I. trang III)

## THẨM QUYỀN TÒA TƯ PHÁP.

Trong những trường hợp một tư nhân cho một cơ quan hành chính thuê nhà đất, các vụ tranh tụng và đòi tiền bồi thường thiệt hại của những bất động sản ấy đều thuộc thẩm quyền tòa án tư pháp.

Tuy rằng tòa án hành chánh có thẩm quyền cơ thẩm về các vụ kiện đòi tiền bồi thường liên quan đến các pháp nhân hành chánh, theo điều 2 (đoạn A) của Dự số 2 ngày 5-1-1950 sửa đổi bởi dự số 36 ngày 8-11-1954, nhưng điều 2 này không thể được áp dụng cho các vụ tranh tụng về những thiệt hại đến quyền sở hữu bất động sản tự trên vì trái với nguyên tắc căn bản phân quyền giữa tòa án hành chánh và tòa án dân sự tư pháp.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 27-7-1960)

(PLTS 1961 I. 127)

### 630.— THUẾ GIÁN THU. THUẾ CHỢ. THẨM QUYỀN.

Xét về bản chất, giao kèo thầu thuế chợ vừa là một điều lệ.

Trong mọi trường hợp, việc tranh tụng về giao kèo này chỉ thuộc thẩm quyền tòa án hành chánh khi nào một bên đương sự là một pháp nhân công pháp.

Nghị định 1-5-1940 đặt ra các thứ thuế mà thị xã được thầu. Điều 202 Nghị định ấy không hề nói rằng những thuế đó là thuế trực thu. Theo điều này chỉ những thứ thuế nào kê trong nghị định mà có lập danh sách thuế bạ thì mới gọi là thuế trực thu.

Thuế chỗ tại chợ, do người bán hàng trực tiếp trả cho chủ thầu thuế chợ, không có lập danh sách những người phải nộp thuế, vậy không phải thuế trực thu mà là thuế gián thu.

Các vụ tranh tụng về thuế gián thu thuộc thẩm quyền Tòa án tư pháp.

Theo điều 2 khoản cuối Nghị định 14-2-1933 của Thống Đốc Nam Kỳ, trong trường hợp có đấu thầu thu thuế chợ, nghĩa vụ của nhà thầu do điều kiện sách quy định nhưng không được trái với điều khoản của nghị định này.

Điều 36 Nghị định 1933 kê trên định rằng những cửa hàng có đóng thuế môn bài chỉ riêng phải đóng thuế chiếm cứ tạm thời bờ hè nếu có sự chiếm cứ bờ hè, và thuế này khác biệt hẳn với thuế hoa chỉ, như vậy cửa hàng có đóng thuế môn bài được miễn đóng thuế chợ.

Bất khả chấp, đơn kiện đòi tiền thuế chợ của chủ thầu chống một đương sự khai thác quán lều chung quanh chợ có môn bài, mặc dù, điều kiện sách có minh thị cho phép nhà thầu góp thuế chợ loại người này. Quy điều trên của điều kiện là vô hiệu vì trái với nghị định 14-2-1933.

(*TT Saigon. 19-8-1961*) (*PLTS 1962. III. 52*)

### 631.— THUẾ HOA CHỈ. THUẾ GIÁN THẦU. THẨM QUYỀN TÒA ÁN TƯ PHÁP.

Giao kèo thầu thuế hoa chỉ vừa là một khế ước, vừa là một điều lệ.

Trong mọi trường hợp, việc tranh tụng về giao kèo này chỉ thuộc thẩm quyền tòa án hành chánh khi nào một bên đương sự là một pháp nhân công pháp.

Thuế chỗ tại chợ, do người bán hàng trực tiếp trả cho chủ thầu không có lập danh sách những người phải nộp thuế, không phải là thuế thực thầu mà là thuế gián thầu.

Các vụ tranh tụng về thuế gián thầu thuộc thẩm quyền tòa án tư pháp xét xử.

Những qui tắc về thẩm quyền đối vật, về qui giải tòa án có tánh cách trật tự công cộng, và những vi phạm đến các qui tắc đều vô hiệu tuyệt đối.

(*TT Saigon 14-10-1965*) (*PLTS. 1967. II. 98*)

### 632.— THẨM QUYỀN TÒA ÁN LAO ĐỘNG. LẠM QUYỀN. ĐIỀU 27 DỰ SỐ 5 NGÀY 18-10-1949 TỒ CHỨC TỐI CAO PHÁP VIỆN. SỰ VỤ LỆNH. GIÁ TRỊ.

Khi tòa án Lao động phán rằng một sự vụ lệnh của một cơ quan hành chính có giá trị, mặc dầu sự vụ lệnh này không được chiếu hội và duyệt ký như định ở Thông tư ngày 31-5-1955 của Thủ Tướng Chính phủ, Tòa án ấy đã vượt ra ngoài quyền hạn của mình và lấn vào quyền hạn của các cơ quan hành chính vì thẩm phán tư pháp không có thẩm quyền để xét giá trị một quyết nghị của cơ quan hành chính mà chức vụ độc lập đối với cơ quan tư pháp.

Làm như vậy tòa án ấy đã phạm một sự lạm quyền như định ở điều 27 Dự số 5 ngày 18-10-1949 tờ chức Tối Cao Pháp Viện.

(PA 29-8-1962) (PLTS. 1962. IV. 12)

THẨM QUYỀN LEX REI SITAE (X. 41)

633.— TÁNH CÁCH TRẬT TỰ CÔNG CỘNG.

Sự phân phối thẩm quyền giữa các cơ quan tài phán có tánh cách trật tự công cộng : do đó, sự thỏa thuận ghi trong điều kiện sách, để phó giữ thẩm quyền cho tòa án tư pháp xét xử mọi tranh tụng liên hệ đến khế ước là hoàn toàn vô hiệu.

(TT Saigon 7-12-1961) (PLTS. 1962. IV. 67)

ĐẤT THỜ CƯ (X. 78)

THÂN TRẠNG (X. CON NGOẠI HÔN)

(X. HỘ TỊCH)

(X. PHỤ HỆ)

(X. QUỐC TẾ TƯ PHÁP)

(X. TỬ HỆ).

THẤT HIỆU

634.— THẤT HIỆU (péremption d' instance). ĐIỀU 29 NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910. HÀNH VI THỦ TỤC.

Chiếu điều 29 Nghị định ngày 16-3-1910, sự thất hiệu sẽ thủ đắc do sự thụ động của nguyên đơn trong vòng 6 tháng kể từ ngày hành động thủ tục sau này.

Trong trường hợp một vụ kiện đã kết thúc trước Tòa sơ thẩm và một bên đương sự kháng cáo, nếu hồ sơ chưa chuyển đến tòa thượng thẩm vì lẽ án văn bị kháng cáo chưa được trước bạ, đối phương không thể nại sự thất hiệu, vì lẽ sự trước bạ án văn chỉ là một sự kiện vật chất, thủ tục trước Tòa Thượng Thẩm chưa liên kết và chưa có hành vi thủ tục nào để khởi lưu thời hạn 6 tháng dự định nơi điều 29 nghị định 16-3-1910.

(TT Saigon 30-4-1964) (PLTS 1964 IV. 120)

## THẤT TUNG

635.— THẤT TUNG. SỰ THAY MẶT CHO NGƯỜI THẤT TUNG. LUẬT SƯ. NGƯỜI ĐOẢN CHẤP TẠM THỜI.

Luật sư không thể thay mặt cho người thất tung, chỉ có người đoản chấp tạm thời mới có quyền thay mặt cho người thất tung.

(PA 27-6-1962) (PLTS 1963 I. 46)

## THÈ

636.— BỊ ĐƠN KHÔNG THÈ.

Không thè buộc bị đơn thè đề xóa bỏ số nợ mà nguyên đơn nói bị đơn thiếu không giấy tờ cũng không ai chứng biết.

Không thè căn cứ vào sự từ khước không chịu đi thè mà xác định rằng bị đơn có thiếu số bạc tranh tụng.

Lời thỉnh cầu của nguyên đơn xin đi thè một mình đề chứng minh món nợ không chấp nhận được.

(ST Saigon 6-12-1954) (PLTS 1955. IV. 41)



637.— PHÁT THỆ QUYẾT TỤNG.

Theo án lệ vững chắc thủ tục phát thệ quyết tụng không được nhìn nhận là một phương pháp trưng bằng có về nghĩa vụ, đó chỉ là một khế ước tài phán do hai bên đương sự tự do thỏa thuận để giải quyết việc tranh tụng.

(HGRQ BIÊN HÒA 26-1-1956) (PLTS 1956 III. 78)

638.— THỀ THỨC VIỆC PHÁT THỆ TRONG MỘT VỤ TRANH TỤNG VỀ HỘ.

Mục đích sự tuyên thệ là gây một ảnh hưởng mạnh mẽ trong tinh thần của người phát thệ để có cái giá trị quyết đoán của một lời thề thời lễ tuyên thệ phải cử hành trong tại một ngôi đền hay một chùa miếu nào đó có tiếng là linh thiêng, trước một bàn thờ oai nghiêm lộng lẫy theo đúng nghi lễ.

(TT Hà-Nội 21-12-1950) (PLTS 1951. II. 14)

639.— ĐI THỀ. THÁCH THỀ (SERMENT DÉCISOIRE) VÀ TÒA ÁN TỰ Ý TRUYỀN THỀ (SERMENT SUPPLÉTOIRE).

Theo luật học, thề vì việc án là một hành vi dân sự lẫn sùng giáo do đó một người muốn tỏ sự thật về một việc, xin thánh thần làm chứng và trừng phạt ai đã thề gian (le serment est un acte à la fois civil et religieux par lequel une personne prend Dieu (ou Boudha ou un génie) à témoin de la vérité d'un fait ou de la sincérité d'une promesse et l'invoque comme vengeur du parjure).

Theo dân luật Trung Việt (điều 166g) có hai thứ thề về việc án :

— Bên nọ thách bên kia thề để tòa án bằng cứ vào đấy mà xử (serment décisoire).

Ông Thẩm phán tự bắt buộc bên nào phải thề (serment supplétoire).

Khi một bên nọ thách một bên kia thề, nếu bên này nhận thề thì phải thề, không thề thì thua kiện. Điều 1673 Dân Luật Trung Việt nói rõ như vậy. Thách thề để giải quyết vụ kiện vì vậy mới gọi là «*décisoire*» Sở dĩ nhà làm luật dự định như vậy là vì khi một bên bị thách thề và đã nhận để thề rồi rốt cuộc không chịu thề, thái độ ấy chứng tỏ gian tâm của đương nên bị thua kiện. Nếu người ấy chịu thề thì dầu có gian tâm đi nữa cũng hơn kiện, còn sự trừng phạt về gian là nhiệm vụ của thánh thần.

Trái lại, nếu không bên nào thách thề nhưng ông Thẩm phán muốn tự ý mình truyền thề để thêm tài liệu xét xử vụ kiện, sự thề này không giải quyết vụ kiện mà chỉ thêm tài liệu, vì vậy gọi là «*supplétoire*».

(*TT Saigon 8-8-1956*) (*PLTS 1956. IV. 39*)

## THI HÀNH ÁN

(X. ĐỆ TAM KHÁNG CÁO)

(X. ÁN VĂN)

### 640.— ÁN HẠN THI HÀNH ÁN.

Án hạn nói trong điều 41 Nghị định ngày 16-3-1910 là án hạn mà tòa chính vụ có thể cho con nợ được hưởng đồng thời và ngay khi quyết định về đơn khởi tố.

Tòa chính vụ, một khi đã tham quyết một vụ kiện, không còn quyền thụ lý vụ kiện ấy để xét định lại một lần thứ hai, để sửa đổi thêm bớt vào bản án.

Muốn được ân hạn khi bị chấp hành, con nợ phải theo thủ tục nhanh chóng dự liệu ở luật ngày 25-3-1936 ban hành ngày 5-5-1936 và khiếu tố trước tòa cấp thẩm.

(*TT Saigon 17-1-1963*) (*PLTS 1964. I. 165*)

ÁN HẠN (X. 12, 325)

CHẤP HÀNH I BẢN ÁN (X. 197)

ĐÌNH CHỈ (X. ÁN VĂN)

GIẢI THÍCH ÁN VĂN (X. ÁN VĂN)

641.— THI HÀNH TẠM. TRÁCH NHIỆM CỦA TỤNG NHÂN CHẤP HÀNH NHỮNG QUYẾT ĐỊNH NÀY.

Những quyết định được đương nhiên thi hành tạm (như án lệnh cấp thẩm) hay được tòa đặc biệt cho thi hành tạm đều có hiệu lực chấp hành.

Đương sự thắng kiện có quyền chấp hành những quyết định ấy, nhưng là chấp hành dưới trách nhiệm của mình ; nếu sau khi chấp hành, quyết định bị hủy bỏ, sẽ phải bồi thường.

(*TT Saigon 16-8-1962*) (*PLTS. 1963. III. 90*)

642.— TỔNG ĐẠT BẢN ÁN. TỔNG ĐẠT BẢN ÁN VỚI TRUYỀN LỆNH THI HÀNH CHO NGƯỜI THẤT KIẾN. TỜ THÔNG CÁO CỦA PHÒNG LỤC SỰ.

Điều 169, Nghị định ngày 16-3-1910 định rằng người thất kiện chỉ bắt buộc phải thi hành bản án khi nào chứng thư ấy có tổng đạt với truyền lệnh thi hành hợp thức cho đương sự biết kết quả vụ kiện.

Tờ thông báo của phòng Lục sự không thể xem như một sự truyền rao bản án, vì chứng thư ấy không có mục tiêu nào khác hơn là cho các đương sự biết kết quả vụ kiện.

(*HGRQ SÓC TRĂNG II-I-1955*) (*PLTS 1956. III. 84*)

643.— TỔNG ĐẠT BẢN ÁN. TỔNG ĐẠT BẢN ÁN PHẢI THI HÀNH. TRÁT TRUYỀN RAO BẢN ÁN CỦA PHÒNG LỤC SỰ.

Điều 169, Nghị định ngày 16-3-1910 liên quan đến sự chấp hành án văn, buộc thừa phát lại hay hương chức phải tổng đạt cho người bị thi hành bản sao án văn phải thi hành.

Tờ truyền rao bản án của Phòng Lục Sự không có mục tiêu nào khác hơn là để cho các đương sự biết vụ kiện đã xử xong, và chỉ liên quan đến vấn đề thủ tục tố tụng mà thôi.

(*TT Saigon 3-5-1956*) (*PLTS 1956. IV. 32*)

## THỈNH CẦU

(X. KHỞI TỐ)

### 644.— BỎ QUYỀN VÔ TÌNH KHÔNG XÉT. LÝ DO THU HỒI NGUYÊN ÁN.

Khi quyết tụng trong phần dân lý nhìn nhận một bên đã khiếm khuyết nghĩa vụ làm cho bên kia bị thiệt hại và kết luận rằng đơn đòi bồi thường rất xác đáng, nhưng trong phần phán quyết lại không quyết định, gì về đơn ấy, như vậy tòa thượng thẩm đã bỏ quên một cách vô tình một khoản thỉnh cầu mà không quyết định vậy sự thiếu sót này là một lý do xin thu hồi nguyên án chứ không phải là thiếu lý do coi như không có lý do.

(*PA 30-6-1964*) (*PLTS. 1964. IV. 9*)

### 645.— THỈNH CẦU TÂN TỐ : TÍNH CÁCH. LÝ DO VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA ĐƠN THỈNH CẦU. SỐ PHẬN CỦA MỘT THỈNH CẦU NGUYÊN THỦY KHI THỈNH CẦU NÀY VẤP PHẢI UY LỰC QUYẾT TỤNG CỦA MỘT VIỆC ĐÃ XỬ RỒI.

Thỉnh cầu tân tố là thỉnh cầu được nêu ra lần đầu không có liên hệ gì với thỉnh cầu nguyên thủy.

Theo điều 123 Nghị định ngày 16-3-1930 bổ túc do Nghị định ngày 1-12-1937 một thỉnh cầu xuất sinh trực tiếp ở đơn khởi tố, hay chỉ căn cứ vào những lý do mới, nguyên nhân mới, không phải là thỉnh cầu tân tố.

Đơn xin tái chiếm một diện tích tương đương với diện tích cũ trong ngôi nhà được xây cất lại trong khi thủ tục tiến hành về đơn xin trở lại chỗ thuê cũ vì sở hữu chủ không khởi công xây cất lại trong hạn luật định, không phải là một đơn tân tố.

Tuy nhiên, nếu thỉnh cầu nguyên thủy vấp phải uy lực quyết tụng của một việc đã xử rồi thì thỉnh cầu sửa đổi cũng không thể được chấp thẩm.

(*TT Saigon 15-II-1962*) (*PLTS. 1963. IV. 126*)

## PHẢN TỐ

### 546.— THỈNH CẦU PHẢN TỐ.

Theo án lệ đã nhất định, mỗi khi tòa án tuyên bố vô thẩm quyền để xét xử một vụ tranh chấp, tòa án không thể xét đến đơn phản tố vì nếu không xét được giá trị đơn khởi tố mà chấp nhận đơn phản tố chính là mặc nhiên xét đoán nội dung vụ kiện.

(*TT Saigon 11-II-1952*) (*PL. số 9 tr. 5*)

### ĐƠN PHẢN TỐ. TRƯỜNG HỢP CHẤP THUẬN.

Đơn xin phản tố chỉ được chấp thuận trong 4 trường hợp kể sau đây :

- Đơn xin sự thừa trừ luật định.
- Đơn cốt yếu đề kháng biện ngay mục đích của đơn khởi tố.
- Đơn liên hệ với đơn đề tố nghĩa là bắt nguồn cùng một lý do.

— Đơn xin bồi thường thiệt hại gây ra bởi đơn khởi tố (*Nouveau répertoire de Droit Dalloz, Edition 1948. T. II, page 20. N. 2*).

Đơn phản tố nào, không nhằm mục đích phản kích đơn khởi tố mà lại nhằm mục đích duy nhất làm cho người đứng phản tố

được hưởng một điều lợi ích tách biệt hẳn với sự phản đối là đơn khởi tố thì theo án lệ phải bác đi (Án văn Tòa Hộ Aubusson ngày 3-3-1910 và Tòa Phúc án Limoges ngày 5-7-1919. DP 1912. 2 92 -Répertoire Pratique Dalloz -Supplément 1929 T. J. p. 491, N. 17-2).

(HGRQ TRÀ VINH 18-6-1954) (PLTS 1955. I. 60)

### QUYỀN LƯU CƯ. ĐƠN PHẢN TỐ.

Đơn phản tố xin trục xuất người thuê không phải là phương tiện chống đối lại lời thỉnh cầu chánh là được hưởng quyền lưu cư, vả lại người thuê chưa bị tống cư, do đó đơn phản tố không thể được chấp nhận.

(TT Saigon 22-7-1965) (PLTS 1967. II. 76)

### ĐƠN PHẢN TỐ. ĐIỀU KIỆN ĐỀ ĐƯỢC CHẤP NHẬN.

Theo nguyên tắc, đề được chấp nhận, đơn phản tố phải là một biện pháp chống lại đơn khởi hay có liên quan mật thiết với đơn khởi tố.

Thỉnh cầu bị đơn xin trục xuất người thuê đã khởi tố xin ấn định lại tiền thuê không thể được chấp thuận dưới hình thức một đơn phản tố.

(TT Saigon 1-4-1965) (PLTS 1967. III. 60)

### 647.— LỆNH THI HÀNH TẠM. ĐIỀU 40 NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910. HẢI RÕ LÝ DO.

Giữa người Việt Nam chỉ được áp dụng điều 40 Nghị định 16-3-1910 về lệnh thi hành tạm, nhưng phải hải rõ lý do trong một khoản riêng nơi bản án.

(TT Saigon 21-2-1957) (PLTS 1958. I. 23)

### 648.— PHÁ ÁN. XỬ NGOÀI LỜI YÊU CẦU CỦA NGUYÊN ĐƠN. THẨM QUYỀN TÒA ÁN XỬ VỀ HỘ.

Nguyên đơn lấy tư cách là con độc nhất và thừa kế của mẹ đề xin trục xuất người thuê nhà, mà Tòa án lại xét đến quyền sở hữu của người đã mua căn nhà ấy là xét ngoài lời yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án xử về hộ không có quyền xét một việc giả mạo là một việc hình.

(PA 21-12-1955) (PLTS 1956 III. 6)

649.— XỬ QUÁ THỈNH. TRƯỜNG HỢP. VẤN ĐỀ MẶC NHIÊN NÊU LÊN. TỬ HỆ. CON TƯ SINH. NHÌN NHẬN. SỬA HỌ ĐƯA TRẺ.

TỬ HỆ. CON TƯ SINH. NHÌN NHẬN. TRƯỚC KHI LẬP GIÁ THỨ. CÓ GIÁ TRỊ TỬ HỆ. CON TƯ SINH. NHÌN NHẬN BÀO THAI. CÓ GIÁ TRỊ.

Xử quá thỉnh (phán xử những điều phong thỉnh cầu hay quá lời thỉnh cầu) là một lý do đề xin thu hồi nguyên án, chứ không phải là lý do đề xin phá án: chỉ khi nào sự quá thỉnh bao gồm cả một sự vi luật mới là một trường hợp xin phá án.

Không có sự xử quá thỉnh khi tòa chỉ giải quyết những vấn đề mà lý đoán của đương sự đã mặc nhiên nêu lên hay những vấn đề mà tòa tự nêu ra vì trật tự công cộng.

Căn cứ vào một công chứng thư trong đó người tình thú nhận là cha của bào thai, người mẹ kiện tình nhân xin tòa xác nhận người này cha ngoại hôn của đứa trẻ và buộc y phải cấp dưỡng cho nó, tòa không xử quá thỉnh khi xác nhận đứa trẻ là con nhìn nhận của bị đơn, truyền sửa họ nó theo họ cha và ghi chú án văn vào lề tờ khai sanh.

(PA 27-1-1965) (PLTS 1965, III. 9)

## THU HỒI NGUYÊN ÁN

(X. KHỞI TỐ)

## 650.— BỎ SÓT. LÝ DO THU HỒI NGUYÊN ÁN.

Khi phúc quyết trong phần dẫn lý nhìn nhận một bên đã kiểm khuyết nghĩa vụ làm cho bên kia bị thiệt hại và kết luận rằng đơn đòi bồi thường tất xác đáng, nhưng trong phần phán quyết lại không quyết định gì về đơn ấy, như vậy Tòa Thượng thẩm đã bỏ quên một cách vô tình một khoản thỉnh cầu mà không quyết định, vậy sự thiếu sót này là một lý do xin thu hồi nguyên án chứ không phải là thiếu lý do coi như không có lý do.

(PA 30-6-1964) (PLTS 1964. IV. 9)

## 651.— XIN THU HỒI NGUYÊN ÁN. DUYÊN CỐ.

Thea điều 350 Bộ Luật Hộ vụ Tố tụng Trung Việt, nếu trong luật này mà bản chữ Pháp, chữ «Quốc ngữ» hay chữ Hán có sự ngộ nhận, thì chỉ bản chữ Pháp làm chuyền đích.

Về điều 212, đoạn 8, Bộ Luật nói trên có sự mâu thuẫn giữa hai bên Pháp văn và Quốc văn.

Theo bản Pháp văn, điều 212, đoạn 8 thì đúng ra, chỉ có duyên cớ xin thu hồi nguyên án khi nào, từ ngày kết án, có tìm được giấy má quan hệ về việc giải quyết vụ kiện và đã bị đối phương giữ lại.

Một vụ kiện đòi nợ, trong đó con nợ đã trả nợ rồi, cô nhận biên lai, nhưng biên lai bị chủ nợ dùng mưu gian lấy về để đòi nợ một lần nữa. Vì con nợ mất biên lai nên bị tòa án nguyên xử kết án bắt trả nợ. Sau đó, con nợ tìm cách lấy lại được biên lai ấy và xuất trình để xin thu hồi nguyên án. Đơn xin thu hồi nguyên án của con nợ có duyên cớ luật định để được chấp nhận.

Trong các vụ kiện xin thu hồi nguyên án, tòa án nguyên xử cần xét trước tiên để xác nhận là nguyên đơn có hay không có một trong những nguyên cớ ấn định trong điều 212 Bộ Luật Hộ Vụ Tố tụng Trung Việt để xin thu hồi nguyên án.



Nếu có duyên cớ, thì tòa nguyên xử sẽ xét xem đơn xin thu hồi nguyên án đã nộp trong thời hạn một tháng định trong điều 213 hay là ngoại hạng.

Nếu đơn xin thu hồi nguyên án có duyên cớ và làm trong thời hạn, thì tòa án nguyên xử mới chuẩn chấp đề sẽ xử thu hồi nguyên án.

(TT HUẾ 19-10-1960) (PLTS 1961. I. 65)

652.— THU HỒI NGUYÊN ÁN. LÝ DO. KHI TRẢ DO KÊ ĐỀ TAM TẠO RA. BẤT KHẢ CẤP. CHỈ QUYỀN ĐÒI BỒI THƯỜNG KÊ ĐỀ TAM.

Đề xử dụng tố cầu xin thu hồi nguyên án vì lý do khi sự trả này phải có tính chất cá nhân tức xuất phát chính từ đương sự đã thắng kiện.

Cũng được coi có tính chất cá nhân, khi trả do kê đại quyền của đương sự như nhiệm lại, luật sư hoặc của các người mà đương sự thắng kiện đứng đảm nhiệm hộ trách trong mối tương quan giữa cha mẹ với con cái hoặc thợ cả với thợ bạn hoặc người ủy phái với kẻ thụ phái hoặc người chủ với gia nhân như dự liệu trong các điều 714 D.L.T. 764 D.L.T. đối chiếu với điều 1384 D.L.P. coi như lý trí thành văn.

Dữ kiện có sự khi trả của người con gái của đương sự đã thành gia thất mà không đại quyền cho y thì kẻ thua kiện không thể lấy đó làm lý do đề xin thu hồi nguyên án. chiếu điều 139 khoản I nghị định ngày 16-3-1910. Vì người con gái trên không phải là kẻ đại quyền của người cha, y thị dù sao cũng là gái có chồng, vậy dầu chưa trưởng thành thì cũng đã thoát quyền nên thân phụ y thị không phải chịu trách nhiệm.

Tham chiếu về luật lệ tố cầu xin thu hồi nguyên án, người con gái kê trên chỉ là kẻ đệ tam đối với đương sự được kiện.

Trong mọi thủ tục, vì thủ đoạn khi trá, không phải của đối phương mà của kẻ đệ tam, khiến một tụng nhân phải thất kiện thì, kẻ sau này không thể xử dụng tố cầu xin thu hồi nguyên án, mà chỉ có thể kiện kẻ đệ tam có hành vi phi lý pháp đề đòi bồi thường.

(*TT Saigon 11-12-1965*) (*PLTS 1966. II. 94*)

653.— VI PHẠM UY LỰC QUYẾT TỤNG. TRƯỜNG HỢP PHÁ ÁN VÀ THU HỒI NGUYÊN ÁN. HIỆU LỰC CỦA KHÁNG CHẤP.

Sự vi phạm uy lực quyết tụng là một lý do phá án nếu có sự tương phản giữa hai bản án của hai Tòa khác nhau cùng xử về một việc, nếu hai phán quyết đều do cùng một tòa tuyên xử, đó là một trường hợp thu hồi nguyên án dự liệu ở điều 139 Nghị định ngày 16-3-1910.

Kháng điện uy lực quyết tụng là một kháng chấp nhằm chặn đứng đơn kiện, phải được thẩm xét trước khi đề cập nội dung.

(*PA 30-9-1964*) (*PLTS 1965 I. 16*)

654.— THU HỒI NGUYÊN ÁN.

Sự gian trá, nguyên nhân cho sự tái thẩm thu hồi nguyên án dự liệu ở điều 139 Nghị định ngày 16-3-1910 phải là một hành vi của chính người thắng kiện nhờ đó mà người này được kiện.

(*PA 30-6-1964*) (*PLTS 1964 IV. 27*)

THỦ TỤC TỐ TỤNG

(X. NĂNG LỰC)

(X. THẨM QUYỀN)

(X. THỈNH CẦU)

(X. KHỞI TỐ)

(X. ÁN VĂN)

(X. THI HÀNH ÁN)

(X. THU HỒI NGUYÊN ÁN).

**THUÊ MƯỜN**

(X. KHẼ ƯỚC)

(X. BẤT ĐỘNG SẢN)

(X. CÀM CỐ).

**655.— NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI NHẬN THUÊ. HAI NGHĨA VỤ CHÁNH. KÊ KHAI VẬT LIỆU.**

Người nhận thuê một vật gì phải trả lại vật đó cho người thuê y nguyên như khi nhận thuê.

Theo điều 1728 Dân Luật Pháp thì người nhận thuê phải tuân hành hai nghĩa vụ chánh :

Dùng cẩn thận vật mượn theo mục đích đã tự rõ trong khế ước hoặc nếu không giao ước trước thì theo mục đích phỏng đoán tùy trường hợp :

Trả tiền thuê theo kỳ hạn đã định.

Theo điều 1730 thì ở giữa người cho thuê và nhận thuê có bảng kê khai tình trạng vật thuê thì người nhận thuê phải trả lại người cho thuê y nguyên trạng vật thuê chiếu theo bảng kê khai tình trạng trừ ra cái gì đã mất hay hỏng vì lâu ngày hay vì có bất khả kháng.

Theo điều 1731 thì nếu không có bảng kê khai tình trạng các vật thuê thì phỏng đoán người nhận thuê đã nhận những vật ấy trong tình trạng hoàn hảo và phải trả như thế, ngoại trừ bằng chứng trái lại.

(TỐI CAO PHÁP VIỆN 22-8-1953) (PLTS 1955. I. 20)

**656.— THUÊ MƯỜN BẤT ĐỘNG SẢN. CHI PHÍ SỬA CHỮA QUAN TRỌNG.**

Chiếu điều 1756 Bộ Dân Luật Pháp áp dụng như thành văn lý tính, thì các khoản chi phí về vét giếng và vét hầm tiêu do chủ nhà phải gánh chịu, trừ khi có sự giao kết khác giữa chủ nhà và người mượn nhà.

Theo điều 1755 Dân Luật Pháp áp dụng như thành văn lý tính, người mượn nhà chỉ phải gánh chịu số phí sửa chữa quan trọng là khi nào do lỗi của y.

(TT Saigon 17-9-2959) (PLTS 1959. IV. 54)

657.— KHẾ ƯỚC THUÊ MƯỢN GIỮA PHU XE VÀ CHỦ XE. TÍNH CÁCH. KHẾ ƯỚC THUÊ MƯỢN ĐỒ VẬT VÀ KHẾ ƯỚC THUÊ MƯỢN DỊCH VỤ, ĐIỀU 1384 DÂN LUẬT.

Khế ước thuê mượn giữa phu xe và chủ xe không nhất thiết là một khế ước thuê mượn đồ vật, và có thể, tùy sự cam kết giữa hai bên hoặc sự kiện thực tế, là một khế ước thuê mượn dịch vụ theo đó chủ xe phải đảm nhiệm hộ trách cho phu xe là người thụ ủy của y về những hành động phạm pháp của người này gây thiệt hại cho đệ tam nhân trong khi hoặc nhân vì thi hành sự ủy thác, theo điều 1384 Dân Luật.

(PA 25-9-1963) (PLTS 1965 I. 56)

658.— KHẾ ƯỚC. CHO THUÊ BẤT ĐỘNG SẢN DÀI HẠN TỪ 18 ĐẾN 99 NĂM (BALLEMPHYTÉOTIQUE). ĐIỀU KIỆN NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC. NGƯỜI QUẢ PHỤ KHÔNG CÓ QUYỀN CHO THUÊ DÀI HẠN.

Khế ước cho thuê dài hạn từ 18 đến 99 năm một bất động sản (ballemphytéotique) là một khế ước quan trọng và đặt biệt nên được Hộ Luật ấn định nhiều bảo đảm về nội dung cũng như về quyền hạn về lập khế ước. Vậy điều 617 Hộ Luật Trung Việt quy định rằng người nào có quyền xử dụng (aliéner - bán hoặc tạm nhường quyền ở hữu) bất động sản mới có quyền cho thuê dài hạn, và về hình thức, khế ước cho thuê dài hạn, phải do nhà chức trách thị thực và hải được đăng ký vào sổ bảo tồn điền trạch.

Việc lập khế ước dài hạn quá quyền hạn của một người quản lý và cả quyền hạn của một người hưởng dụng thu lợi.

(usufruitier), vì, dầu hưởng dụng thu lợi có vô hạn định đi nữa (usufruit à durée indéterminée) người hưởng dụng thu lợi cũng chỉ có quyền cho thuê đến 9 năm mà thôi (điều 587 Hộ Luật Trung-Việt) Như vậy, người chánh thất quả phụ, theo hộ luật Trung Việt không có quyền cho thuê dài hạn một bất động sản của di sản.

(TT Huế 6-6-1956) (PLTS. 1956. IV. 45)

### VÔ HIỆU LỰC CỦA KHẾ ƯỚC CHO THUÊ DÀI HẠN VÀ THỂ CHẤP BẤT ĐỘNG SẢN.

Sở quản lý tài sản vắng chủ sau khi theo lệnh Tòa án, trao nhà cho thừa kế chủ nhà, được xem như vô can hệ đối với người đệ tam.

Người mẹ giám hộ đã vượt quyền hạn mình, khi ký khế ước cho thuê dài hạn đến 20 năm.

Khế ước cho thuê nhà dài hạn phải thị thực và khế ước vay tiền do người giám hộ ký phải được Hội đồng Gia tộc cho phép.

Kẻ đệ tam nào vịn vào các khế ước vô hiệu lực nói trên mà kiện người thừa kế, sẽ xem như không có tư cách để khởi tố.

(ST QUẢNG NAM 1-12-1955) (PLTS. 1956. II. 69)

### KHẾ ƯỚC MƯƠN ĐẤT DÀI HẠN.

Theo phong tục Việt-Nam, khi có sự mướn dài hạn, luôn luôn có khế ước ký kết giữa chủ đất và người mướn.

Chiếu điều 991 Bộ Dân Luật Bắc Phần được áp dụng như thành văn lý tính, phạm việc thuê vườn, ruộng quá 3 năm thì phải có khế ước.

(TT Saigon 24-4-1658) (PLTS. 1958. III. 21)

659. — THUÊ ĐẤT. THUÊ ĐẤT LÀM NHÀ Ở TẠM THỜI KHÔNG ĐƯỢC HƯỞNG QUYỀN LƯU CƯ. THUÊ ĐẤT KHÔNG CÓ SỰ THỎA THUẬN LÀ MỘT VIỆC CHIẾM HỮU ĐẤT VÔ LÝ.

Thuê đất tạm thời và làm nhà tranh để ở tạm thời không thuộc phạm vi Dự số 4 ngày 2-4-1953 và không nại được quyền lưu cư.

Thuê đất đã dọn đi rồi, cho người khác thuê lại không có sự thỏa thuận của chủ đất và 10 tháng không trả tiền đất, là một việc chiếm hữu đất vô lý cần chấm dứt gấp và nên cho thi hành tạm bản án.

(*ST Hải Phòng 23-7-1953*) (*PLTS. 1955. I. 69*)

660.— THUÊ MƯỜN. THUÊ ĐẤT. GIÁ BIỂU. GIÁ BIỂU THUÊ ĐẤT CỦA ĐÔ THÀNH. GIÁ THUÊ THỎA THUẬN.

Nghị định ngày 25-8-1952 định một giá biểu thuê đất riêng cho tư thổ của Đô thành Saigon, không bó buộc tư nhân có đất cho mướn. Tòa án đã hợp lý không áp dụng Nghị định ấy mà áp dụng giá biểu thỏa thuận giữa chủ đất và người thuê đất vì sự thỏa hiệp này là luật của hai bên.

(*PA 25-8-1965*) (*PLTS 1967. III. 9*)

ĐUÔI ĐẤT (X. 79)

661.— ĐĂNG KÝ KHẾ ƯỚC THUÊ MƯỜN BẤT ĐỘNG SẢN.

Chiếu điều 316 Sắc lệnh điền thổ ngày 21-7-1925, khế ước thuê mướn bất động sản, hễ có thời hạn trên 3 năm là phải đăng ký, mới đối kháng được với người đệ tam kể từ ngày và y trong giới hạn của sự đăng ký.

Không bó buộc phải có điều kiện là đã trả trước tiền thuê một năm.

(*PA 31-8-1966*) (*PLTS 1967. II. 7*)

662.— HIỆU LỰC LUẬT CỦA PHÁP ĐỐI VỚI TÒA ÁN VIỆT NAM.

Luật của Pháp cũng như luật ngoại quốc không có hiệu lực bó buộc tòa Việt Nam.

Trong việc thuê lại (sous-location) hay nhượng quyền thuê (cession de bail), người thuê chính vẫn phải chịu trách nhiệm bản thân trực tiếp với người chủ bất động sản.

Mặc khác, chủ bất động sản cũng có một tổ quyền trực tiếp đòi người thuê lại cũng như người thụ nhượng quyền thuê phải thi hành các nghĩa vụ phát sinh ở khế ước của những người ấy, nhưng những người này chỉ phải chịu trách nhiệm tới giới hạn ngân số mà các y còn thiếu của người thuê chính.

(PA 30-9-1964) (PLTS 1965. I. 33)

## THUẾ

663.— THUẾ CHỢ. GIAO KÈO THẦU THUẾ CHỢ. TÍNH CHẤT. TRANH TỤNG. ĐƯƠNG SỰ PHÁP NHÂN CÔNG PHÁP. TÒA ÁN HÀNH CHÍNH. ĐIỀU KIỆN SÁCH.

Xét về bản chất, giao kèo thầu thuế chợ vừa là một khế ước, vừa là một điều lệ.

Trong mọi trường hợp, việc tranh tụng về giao kèo này thuộc thẩm quyền Tòa án Hành chính khi nào một bên đương sự là một pháp nhân công pháp.

Nghị định 1-5-1940 đặt ra các thứ thuế mà thị xã được thầu. Điều 202 Nghị định ấy không hề nói rằng những thuế đó là thuế trực thụ. Theo điều này chỉ những thứ thuế nào kê trong nghị định mà có lập danh sách thuế bạ thì mới gọi là thuế trực thu.

Thuế chỗ tại chợ, do người bán hàng trực tiếp trả cho chủ thầu thuế chợ, không có lập danh sách cho ngừng người phải nộp thuế, vậy không phải thuế trực thu mà là thuế gián thu.

Các vụ tranh tụng về thuế gián thu thuộc thẩm quyền Tòa án tư pháp.

Theo điều 2 khoản cuối Nghị định 15-2-1933 của Thống Đốc Nam Kỳ, trong trường hợp có đấu thầu thu thuế chợ nghĩa vụ của nhà thầu do điều kiện sách qui định nhưng không được trái điều khoản của nghị định này.

Điều 36 Nghị định 1933 kê trên định rằng những cửa hàng có đóng thuế môn bài chỉ riêng phải đóng thuế chiếm cứ tạm thời bờ hè nếu có sự chiếm cứ bờ hè, và thuế này khác biệt hẳn với thuế hoa chi, như vậy cửa hàng có đóng thuế môn bài được miễn đóng thuế chợ.

Bất khả chấp, đơn kiện bồi tiền thuế chợ của chủ thầu chống một đương sự khai thác quán lều chung quanh chợ có môn bài, mặc dù, điều kiện sách có minh thị cho phép nhà thầu góp thuế chợ loại người này. Quy điều trên của điều kiện là vô hiệu vì trái với Nghị định 14-2-1933.

(TT Saigon 19-8-1961) (PLTS 1962 III. 52)

664.— ĐẤU THẦU LÃNH TRUNG THẦU THUẾ CHỢ. ĐIỀU KIỆN SÁCH. QUYỀN CỦA ÔNG BỘ TRƯỞNG TẠI PHỦ TÒNG THỐNG CHẤP THUẬN MỘT ĐIỀU KIỆN SÁCH.

Điều kiện sách do một pháp nhân công pháp lập ra, là quy chế ấn định quyền lợi và nghĩa vụ giữa pháp nhân ấy với một hay nhiều tư nhân được lãnh trung cung cấp vật liệu hay thi hành một dịch vụ cần thiết cho sự điều hành một công sở ; như vậy, một điều kiện sách được lập ra cho hành vi pháp lý nào chỉ áp dụng riêng cho hành vi ấy ; thí dụ điều kiện sách về việc bán đấu giá ngừng căn quán tại một thị xã, không thể đem áp dụng cho việc đấu thầu thuế chợ tại thị xã ấy.

Điều kiện sách là một hành vi hỗn tạp (acte complexe) vừa có tính cách lập ước, vừa có tính cách lập quy, mà về phần lập quy công quyền có thể đơn phương sửa đổi trong giới hạn do án lệ đã hoạch định.



Về nguyên tắc, một điều kiện sách phải được phổ biến công bố lâu ngày trước khi hành vi dự định ở điều kiện sách ấy thực hiện. Tuy nhiên sự thay đổi điều kiện một cách đột ngột trước khi đấu giá, chỉ có thể do những người đã tham dự cuộc đấu thầu khiếu nại trước tòa án có thẩm quyền, nếu họ không được biết trước.

Dưới thời Pháp thuộc, các Thống Đốc, Thống Sứ và Toàn quyền không có quyền lập pháp mà chỉ có quyền lập quy (pouvoir réglementaire). Quyền lập quy này, ngày nay, mặc dầu Hiến Pháp Việt-Nam không nói rõ, thuộc Tổng Thống hay các vị Bộ Trưởng, tùy trường hợp và tùy bộ môn. Do đó, các bản văn lập quy cũ đều có thể do cơ quan hành chánh bãi bỏ hay sửa đổi. Ông Bộ Trưởng tại Phủ Tổng Thống rất có quyền chấp thuận một điều kiện sách về việc khai thác chợ của thị xã, trái ngược với nghị định ngày 14-2-1933 của cựu Thống Đốc Nam Kỳ.

(*TT Saigon 30-5-1963*) (PLTS. 1964. III. 130)

665.— ĐÒI TIỀN THUẾ HOA CHI CHỢ MÀ NGƯỜI ĐẤU THẦU TRẢ CHƯA ĐỦ CÒN KHẮT LẠI SAU KHI GIAO KÈO ĐÃ MÃN. TRANH TỤNG. TÒA ÁN TƯ PHÁP.

Việc tranh tụng về giao kèo thuế hoa chi chợ thuộc thẩm quyền tòa án hành chánh khi nào một bên đương sự là một pháp nhân công pháp.

Khi giao kèo thuế hoa chi chợ kể trên đã mãn, người đấu thầu còn thiếu một số tiền và xin hạn kỳ để trả, nếu đến hạn kỳ mà không trả thì việc đòi tiền thuế này thuộc thẩm quyền tòa án tư pháp vì mối tương quan giữa chủ nợ và con nợ là mối tương quan giữa chủ nợ và con nợ là mối tương quan thông thường về dân sự.

(*HGRQ BÌNH DƯƠNG 23-12-1964*) (PLTS. 1965. III. 101)

THUẾ HOA CHI. THUẾ GIÁN THẦU. THẨM QUYỀN TÒA ÁN TƯ PHÁP.

Giao kèo thầu thuế hoa chi vừa là một khế ước, vừa là một điều lệ.

Trong mọi trường hợp, việc tranh tụng về giao kèo này chỉ thuộc thẩm quyền tòa án hành chính khi nào một bên đương sự là một pháp nhân công pháp.

Thuế chỗ tại chợ, do người bán hàng trực tiếp trả cho chủ thầu, không có lập danh sách những người phải nộp thuế, không phải là thuế trực thu mà là thuế gián thu.

Các vụ tranh tụng về thuế gián thu thuộc thẩm quyền tòa án tư pháp xét xử.

Những qui tắc về thẩm quyền đối vật, về qui giai tòa án có tánh cách trật tự công cộng, và những vi phạm đến các qui tắc ấy đều vô hiệu tuyệt đối.

(*TT Saigon 24-10-1965*) (*PLTS. 1967. II. 98*)

665.— KHẾ ƯỚC ĐẤU THẦU HOA CHI. TÍNH CHẤT. TRANH TỤNG VỀ THI HÀNH KHẾ ƯỚC. TÒA ÁN CÓ THẨM QUYỀN. PHÂN PHỐI THẨM QUYỀN GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH VÀ TƯ PHÁP. TÍNH CÁCH TRẬT TỰ CÔNG CỘNG.

Khế ước đấu thầu hoa chi, thành lập theo thủ tục đấu thầu giữa nhà thầu và hội đồng xã và quy chiếu vào một điều kiện sách với mục tiêu thụ thuế tức là thi hành một công vụ, là một khế ước hành chính ; mọi sự tranh chấp liên hệ đến khế ước không thuộc thẩm quyền của cơ quan tài phán tư pháp.

Sự phân phối thẩm quyền giữa các cơ quan tài phán có tánh cách trật tự công cộng ; do đó, sự thỏa thuận ghi trong điều kiện sách, để phó dữ thẩm quyền cho tòa án tư pháp xét xử mọi tranh tụng liên hệ đến khế ước là hoàn toàn vô hiệu.

(*TT Saigon 7-12-1961*) (*PLTS 1962. IV. 67*)

667.— THUẾ. THUẾ ĐẤT CÓ CÁT NHÀ.

Theo luật lệ hiện hành về thuế điền thổ, Dự số 7 ngày 13-4-1953, có một sắc thuế đánh vào những đất có xây cất (gia ốc địa tô) và một sắc thuế về đất trống (thổ trạch địa tô).

Mặc dầu trong giao kèo mướn đất chỉ nói đến thuế đất nhưng không thể phân tách thuế nhà ra khỏi phạm vi thuế điền thổ, vì nhà và đất là hai khoản để căn cứ đánh một thứ thuế loại thuế đất có cát nhà,

(*TT Saigon 29-I-1959*) (*PLTS 1959. II. 29*)

THUẾ GIÁN THU (X. 665)

668.— THUẾ TRỰC THU. THUẾ GIÁN THU. TRANH TỤNG VỀ THUẾ GIÁN THU.

Theo điều 202 Nghị định ngày 1-5-1940 chỉ những thứ thuế nào kê trong nghị định mà có lập danh sách thuế bạ (rôle d'impôts) thì mới được gọi là thuế trực thu.

Thuế chỗ tại chợ, do người bán hàng trực tiếp trả cho chủ thầu thuế chợ không có lập danh sách những người phải nộp thuế, là thuế gián thu.

Các vụ tranh tụng về thuế gián thu thuộc thẩm quyền tòa án tư pháp.

(*TT Saigon 29-II-1956*) (*PLTS 1957. I. 48*)

THUYẾT RỦI RO (X. TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ)

THỪA KẾ (X. DI SẢN)

THUYẾT BIỂU KIẾN

669.— BIỂU KIẾN. CHẾ ĐỘ TÂN ĐIỀN THỔ. TƯƠNG DUNG BIỂU KIẾN. THÀNH TỔ.

Thuyết ngoại biểu không thể không tương dung được với chế độ tân điền thổ của Sắc lệnh ngày 21-7-1925 vì chính điều 401 của bản văn này minh xác thừa nhận thuyết trên.

Muốn được hợp lệ một tác vụ, kết thành trên căn bản thuyết ngoại biểu, cần phải hội đủ 3 thành tố, một là kẻ thực hiện biểu kiến hay quyền lợi hay thân trạng trên thực tế phải thi hành mọi quyền hạn của người thực thụ quyền lợi một cách công khai, liên tục và không mâu thuẫn, hay là tình trạng biểu kiến đã đề ra hai sự lầm lẫn : một sự lầm lẫn chung cho mọi người và hai, lầm lẫn riêng cho kẻ đệ tam đã kết ước với người thực thụ biểu kiến; ba là theo điều 102 1 D L T coi như lý tính thành văn, khi kết ước kẻ thực thụ biểu kiến có xuất trình chứng thư chứng minh quyền mình trên tài vật làm đối tượng cho kẻ ước khiến cho mọi người đều có thể làm chung như vậy.

(TT Saigon 28-7-1962) (PLTS 1963. III. 125)

BIỂU KIẾN (X. 421)

THUYẾT RỦI RO (X. TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ)

THỪA KẾ (X. DI SẢN)

### THỪA PHÁT LẠI

670.— BỒN PHẬN CỦA THỪA PHÁT LẠI.

Chiếu điều 21 Nghị định ngày 16-3-1910, trát cáo trị phải giao đích thân hay nơi cư trú của đương sự ; nếu không gặp đương sự, hay bà còn hay gia nhân của đương sự, thừa phát lại phải hỏi thăm về duyên cớ của sự vắng mặt của đương sự để giao trát cho chu tất ; nếu sự tìm kiếm không đem lại kết quả, thừa phát lại mới niêm yết trát, sự thi hành tất cả các qui thức trên phải được ghi vào bản chính của trát.

Những qui thức chặt chẽ trên nhằm mục đích buộc thừa phát lại phải tận lực tìm kiếm địa chỉ mới của đương sự.

Vì thừa phát lại không ghi trên bản chính của trát cáo tri là đã tìm kiếm địa chỉ mới của đương sự và khi đến quận Hành Chánh đề niêm yết cũng không hỏi xem giấy tờ khai gia đình của đương sự đề biết địa chỉ mới của họ, như vậy sự tổng đạt không làm một cách chu đáo và do đó vô hiệu theo điều 259 Nghị định ngày 16-3-1910 và sự kháng cáo phải coi như làm trong thời hạn.

(PA 30-6-1965) (PLTS. 1966. I. 31)

671.— GIÁ TRỊ CỦA VI BẰNG ĐỐC XUẤT THỪA PHÁT LẠI.

Tờ đốc xuất vấn đáp không có bị đơn ký tên không ràng buộc được y.

Đốc xuất thừa phát lại không có tính cách một công chánh chứng thư mà chỉ là một vi bằng thường.

(ST Saigon 6-12-1954) (PLTS. 1965. IV. 41)

672.— GIÁ TRỊ VI BẰNG THỪA PHÁT LẠI TRONG TRƯỜNG HỢP NGƯỜI BỊ ĐỐC THỨC KHÔNG KÝ NHẬN. Ý ĐỊNH MUỐN TIẾP TỤC THUÊ NHÀ.

Thừa phát lại gặp bị đơn báo cho y biết ý định của nguyên đơn muốn đòi lại nhà. Mặc dầu bị đơn không ký nhận, nhưng vi bằng đã làm hợp lệ trước mặt hai nhân chứng, dù không có giá trị như một công chánh chứng thư nhưng cũng là một bằng chứng, mà bị đơn muốn tranh cãi phải đem bằng chứng ngược lại.

Tòa án có thể căn cứ vào vi bằng đó nếu xét thấy cần.

(HGRQ PLEIKU 17-4-1962) (PLTS. 1965. I. 153)

673.— THỪA PHÁT LẠI. VI BẰNG NHẬN XÉT. GIÁ TRỊ LẬP NGOÀI TRƯỜNG HỢP LUẬT ĐỊNH. ĐƯƠNG SỰ KHÔNG KÝ TÊN.

Vi bằng nhận xét của thừa phát lại, lập ngoài trường hợp luật định và không có đủ bảo đảm về thủ tục đối tụng (lời thại ghi

trong vi bằng bị chối cãi, đương sự không ký tên) chỉ có tin lực cho đến khi có bằng chứng trái lại, lời khai trong vi bằng, may là một vấn đề thực tế thuộc toàn quyền thẩm định của Tòa án xét xử về tình lý.

(PA 30-6-1962) (PLTS 1966. I. 29)

#### 674.— THỪA PHÁT LẠI. VI BẰNG CÔNG CHỨNG THƯ CỦA THỪA PHÁT LẠI. THI HÀNH NGOÀI GIỜ LÀM VIỆC.

Theo điều 18 Nghị định III/BTP-NĐ ngày 4-2-1950 ấn định pháp quy thừa phát lại, thì các thừa phát lại Việt Nam không thể làm công việc gì trước 5 giờ sáng và sau 7 giờ chiều.

Vi bằng của thừa phát lại thi hành vào 5 giờ 35 phút buổi sáng, tức là trong thời gian luật định, không có trái luật và không gây cho đương sự một sự thiệt hại nào, dù sao thì thừa phát lại cũng đã được chánh án cho phép vì có khẩn cấp.

(TT Saigon 12-8-1965) (PLTS 1967 II. 84)

### TỊCH BIÊN TÀI SẢN

#### 675.— CHỦ NỢ CỦA VỢ TỊCH BIÊN TÀI SẢN CỦA NGƯỜI VỢ HIỆN Ở CHUNG VỚI CHỒNG KHÔNG HÔN THỨ NGƯỜI CHỒNG HAY NGƯỜI CHO THUÊ NHÀ ĐÒI LẠI ĐỒ ĐẶC CỦA MÌNH TRONG NHÀ HAI VỢ CHỒNG THUÊ Ở.

Chủ nợ của vợ có quyền xin tịch biên tạm những động sản trong nhà chung của đôi vợ chồng, mặc dù vợ chồng không hôn thú.

Người chồng hay người cho thuê nhà muốn đòi lại những đồ đạc trong một vụ tịch biên như thế thì phải trưng bằng có những đồ đạc ấy là của mình.

(TT Saigon 24-5-1951) (PLTS 1951 IV. 26)

#### 675.— TÍNH TIỀN LỢI. CỦA CÁI RIÊNG CỦA NGƯỜI VỢ CHÁNH THỨC.

Tiền lời pháp định của một số nợ không quy định tiền lời chỉ có thể tính từ ngày vào đơn khởi tố đòi nợ.

Không thể tịch biên phát mại những tài sản riêng của người vợ để trả vào số nợ của chồng.

(HGRQ TRÀ VINH 6-4-1956) (PLTS 1956 IV. 78)

CỦA RIÊNG CỦA VỢ (X. 260)

TỊCH BIÊN CỦA CHÍNH PHỦ (X. 395)

TỊCH BIÊN CỦA PHIẾN LOẠN (X. 613)

## TIỀN CHỨ

BẤT ĐỘNG SẢN (X. BẤT ĐỘNG SẢN)

ĐOẠN MÃI TRƯỚC TIỀN CHỨ (X. 191)

676.— GIẢI TRỪ TIỀN CHỨ.

Sự tiền chú đơn khởi tố vào bằng khoán điền thổ.

Theo điều 398 sắc lệnh điền thổ của chủ nợ chưa có văn thư có hiệu lực chấp hành có thể xin tiền chú đơn khởi tố vào bằng khoán một bất động sản của con nợ.

Nhưng những sự tiền chú không có tính cách đương nhiên : thẩm phán có quyền xét định, tuy món nợ không cần phải có bằng có chắc chắn nhưng ít ra, cũng phải có hiện trạng bề ngoài là hữu thực.

Do đó, nếu không có hiện trạng bề ngoài ấy, Tòa cấp thẩm có quyền giải trừ sự tiền chú, vì Tòa cấp thẩm là tòa xét xử theo hiện trạng bề ngoài (le juge des référés est le juge des apparences).

Bất động sản bị tiền chú phải là bất động sản còn thuộc quyền sở hữu của con nợ.

Nếu bất động sản đã bị đoạn mại chủ nợ không còn xin tiền chú được đơn khởi tố. Chỉ cần văn tự, nhật ký chắc chắn không cần phải đăng ký, việc đoạn mại mới đối kháng được với chủ nợ, vì người này không có tư cách là người đệ tam theo nghĩa luật điền thổ.

(TT Saigon 2-2-1961) (PLTS 1961 I. 48)

## GIẢI TRỪ (X. 4)

HẬU QUẢ TIÊN CHỦ (X. 41 VÀ 52) 105, 189, 191kt)

677.— HẬU QUẢ CỦA SỰ TIÊN CHỦ. AI CÓ QUYỀN VIÊN DẪN SỰ TIÊN CHỦ. THỂ NÀO LÀ NGƯỜI ĐỆ TAM THEO LUẬT ĐIỀN THỒ. QUYỀN XỬ DỤNG CỦA NGƯỜI CỘNG ĐỒNG SỞ HỮU CHỦ.

Sự tiên chủ đơn khởi tố vào sổ sách điền thổ thiết lập theo sắc lệnh ngày 21-7-1925 có hậu quả ngăn cản việc đoan mại.

Nếu bất động sản còn thuộc chế độ địa bộ, sự ghi chú một mệnh lệnh cấm đoan mại của ông chánh án cũng có hậu quả như trên.

Chỉ chủ nợ đã xin tiên chủ (hay ghi chú) có quyền nại hậu quả này, vậy các cộng sự không nại được sự tiên chủ để phản kháng đơn xin phân chia của người đã mua kỳ phần của người cộng chủ bị tiên chủ.

Việc đoan mại này đối kháng được với họ mặc dầu chưa đăng ký vì họ không phải là người đã đắc mãi một vật quyền gì trên kỳ phần của người cộng chủ nói trên: họ không phải là những người đệ tam.

Một người cộng chủ chưa có một phần cụ thể trên tài sản cộng đồng nhưng có một phần trừu tượng trên tất cả. Đắc mãi kỳ phần ấy, người mua có quyền xin chia cụ thể hóa kỳ phần ấy.

(*TT Saigon 2-2-1961*) (PLTS 1961. IV. 34)

HIỆU LỰC TIÊN CHỦ (X. 12, 203, 204)

678.— SỰ TIÊN CHỦ (NGĂN BỘ)

Không thể cho phép tiên chủ đơn của dân sự nguyên cáo đòi bồi thường thiệt hại trước tòa hình, mặc dầu đơn ấy đã được nộp trước tòa hình, vì lẽ tiền bồi thường thiệt hại không phải là một món nợ chắc chắn và đáo hạn.



Theo tinh thần điều 287 và 398 sắc lệnh điện thờ ngày 21-7-1925 thì sự tiên chú chỉ có thể cho phép với điều kiện là người xin tiên chú phải là chủ nợ và món nợ đã đáo hạn, hoặc ít nhất có đủ bằng chứng là một món nợ có phần chắc chắn.

(*TT Saigon 10-3-1960*) (*PLTS 1960 II. 33*)

## TIÊN THẨM

ÁN DỰ PHÁN VÀ TƯỞNG PHÁN (X. 10)

KHÁNG CÁO (X. 321)

ĐIỀU TRA TIÊN THẨM (X. 402)

679.— ÁN TIÊN THẨM CÓ PHẦN CHUNG QUYẾT. VỊ PHẠM HIỆU LỰC CỦA VIỆC ĐÃ XỬ RỒI.

Sự chứng minh mỗi gia hệ không bó buộc phải theo những qui tắc chặt chẽ như sự chứng minh mỗi liên hệ phụ tử chính thức.

Trong các vụ kiện mà nguyên đơn chỉ cần chứng minh mỗi gia hệ giữa họ và những bà con mấy đời trước, như ông tở, bà tở ông tăng, bà tăng, của họ đề xin hưởng di sản của mấy người này để lại, nguyên đơn có thể chứng minh mỗi gia hệ ấy bằng mọi cách như bằng tờ tông chi hay bằng một cuộc điều tra.

Sau một án tiên thẩm, Tòa không thể tuyên một án khác phán xử trái ngược lại với những điểm có tính cách chung quyết của án tiên thẩm. Nếu phán trái ngược lại với những điểm ấy, án sau đã vi phạm nguyên tắc hiệu lực của việc đã xử rồi.

(*PA 28-21-1962*) (*PLTS 1963 I. 35*)

680.— ÁN TIÊN THẨM: CÓ HIỆU LỰC QUYẾT TỤNG HAY KHÔNG? SAU KHI LÊN ÁN ĐIỀU TRA. TÒA CÓ THỂ DÙNG MỘT PHƯƠNG PHÁP THẨM CỨU KHÁC HAY KHÔNG ?

Án tiên thẩm, dù là án dự quyết, không có uy lực quyết tụng vì lẽ những án văn này không quyết định gì về sự tranh tụng (l'interlocutoire ne lie pas le juge).

Án dự quyết chỉ có một hậu quả là Tòa nguyên xử đã chấp nhận một phương pháp dẫn chứng nào thì không thể loại bỏ phương pháp ấy đề cập đến nội dung.

Nhưng một khi phương pháp ấy đã thi hành rồi, Tòa chánh vụ có toàn quyền thẩm lượng về kết quả của sự thi hành, và lâm thời dùng đến phương pháp dẫn chứng khác. Thí dụ : sau khi lên án cho điều tra rồi về sự liên hệ huyết tộc, Tòa vẫn có thể lên án truyền sự xuất trình chứng thư hộ tịch để chứng tỏ sự liên hệ ấy.

Có thể là sự xuất trình này không thể thực hiện được, nhưng đó là vấn đề khác : không phải vì án điều tra có uy lực quyết tụng mà Tòa nguyên xử không có quyền đòi đương sự phải xuất trình chứng thư hộ tịch.

Cũng không thể nói được rằng với án điều tra, Tòa nguyên xử đã « mặc nhiên miễn cho đương sự » khỏi xuất trình chứng thư hộ tịch. Là vì dân luật đã tổ chức cả một hệ thống dẫn chứng: thân trạng, nghĩa vụ, vật quyền v.v... Mỗi vấn đề có một phương pháp dẫn chứng riêng, ở trường hợp nào phải dẫn chứng theo trường hợp ấy, Tòa không có quyền « miễn » cho đương sự dẫn chứng theo cách này để cho y dẫn chứng theo cách khác. Nhưng vì mỗi phương pháp đã được dự liệu riêng cho từng trường hợp nên Tòa có thể bác khước hay chấp nhận một phương pháp tùy theo phương pháp ấy theo luật định, không thích hay thích ứng với trường hợp tranh tụng; chỉ khi nào một phương pháp đã bị minh thị bác khước, Tòa nguyên xử mới không còn dùng đến.

## TIỀN

## 681.— GIÁ NGẠCH TIỀN LỜI PHÁP ĐỊNH VỀ VIỆC THƯƠNG MẠI.

Sự giải thích án văn về điểm giá ngạch tiền lời pháp định không sửa đổi tầm quan trọng của bản án bằng cách thêm vào đó một khoản nào mới chưa được xét xử, mà chỉ làm sáng tỏ một khoản chủ văn không được rõ ràng.

Nghị định ngày 25-4-1868 ấn định phân xuất tiền lời pháp định về việc dân sự cũng như về thương mại là 120/0 một năm.

Sắc lệnh ngày 15-5-1914 cũng như sắc lệnh ngày 17-5-1934 chỉ sửa đổi phân xuất tiền lời về việc dân sự, như tiêu đề của hai bản văn, cũng như nội dung của điều I, có nói rõ (en matière civile).

Do đó phân xuất tiền lời pháp định về việc thương mại là 120/0 một năm.

(*TT Saigon 21-7-1966*) (*PLTS 1966. III. 134*)

## 682.— SỰ PHÁ GIÁ ĐỒNG BẠC.

Sự phá giá đồng bạc có ảnh hưởng đến các tờ khế ước. Thí dụ: 1 tờ vay bạc 10.000đ. sau này người thiếu nợ chỉ trả 10.000đ. mặc dầu đồng bạc bị phá giá hoặc tăng giá.

(*TT Saigon 14-4-1963*) (*PL số 18 trang 6*)

## 683.— SỰ KHƯỚC TỪ NHỮNG QUYỀN LỢI NGÂN TÀI.

Nguyên tắc là mọi khế ước phải được thi hành nghiêm chỉnh và thành thực; sự khiếm khuyết tri tình và cố ý của người thuê là một nguyên nhân chánh đáng cho chủ nhà xin trục xuất.

Những quyền lợi nhân tài, dù có tính cách trật tự công cộng cũng có thể được khước từ. Sự khước từ chỉ vô hiệu khi nào đương nhân (người có quyền) khước từ ngay trong khế ước phát sinh ra

quyền lợi ấy. Trái lại, khi quyền lợi đã thực hiện, án lệ và học lý đều công nhận là sự khước từ hữu hiệu.

(*TT Saigon 13-12-1962*) (*PLTS 1964. I. 132*)

#### 684.— SỰ KHƯỚC TỪ NHỮNG QUYỀN LỢI NHÂN TÀI.

Trong mọi trường hợp, những quyền lợi ngân tài, dù có tính cách trật tự công cộng, cũng có thể được khước từ; sự khước từ chỉ vô hiệu khi nào đương nhân (người có quyền) khước từ ngay trong khế ước phát sinh ra quyền lợi ấy; trái lại, khi quyền lợi đã thực hiện án lệ và học lý đều công nhận là sự khước từ hữu hiệu.

Người thuê nhà đã thuận nhận sự tăng tiền thuê trong mấy năm liền, trong khi có quyền từ chối, là y đã khước từ giá biểu của Dụ ngày 2-4-1953 và không thể viện dẫn áp dụng giá biểu này để đòi lại số tiền lạm thu, dầu là có sự lạm thu.

(*TT Saigon 13-12-1962*) (*PLTS. 1964. I. 136*)

#### TÍNH CÁCH TRẬT TỰ CÔNG CỘNG (X. 102)

### TỔ QUYỀN

#### 685.— TỔ QUYỀN CHẤP HỮU. KHÔNG CÓ QUY ĐỊNH TRONG LUẬT VIỆT-NAM. TỔ QUYỀN BẤT ĐỘNG SẢN. CHỨNG THƯ.

Theo luật Việt-Nam không có sự phân biệt giữa tổ quyền chấp hữu (action possessoire) và tổ quyền sở hữu (action pétitoire) các quy định của luật dân sự nước Pháp về thẩm quyền cũng như tổ tụng liên can đến sự chấp hữu đều không thể áp dụng được.

Tất cả tổ quyền bất động sản đều do một luật lệ chi phối là điều 7 sắc lệnh ngày 17-5-1895 và điều 1 nghị định ngày 16-3-1910 theo đó tòa án xử về vụ Việt-Nam có thẩm quyền sơ và chung thẩm tổ quyền bất động sản đến 100 quan hay 40đ. huê lợi hằng niên, huê

lợi do kẻ ước quy định, do văn kiện xuất trình hay do lời khai của đôi bên đương sự hoặc gặp trường hợp tranh tụng do viên chánh tổng nơi tọa lạc bất động sản tương tranh xác định.

Mặc dầu cá tính của tố quyền bất động sản được nêu nơi đơn phản tố, tòa án dựa vào bút lục xuất trình hay kết quả sự giám định thăm xét xem bị đơn quả có chấp hữu bất động sản tương tranh và sự chấp hữu này có xuất phát từ quyền sở hữu có chứng khoán chắc chắn.

THẨM QUYỀN TÒA ÁN HÀNH CHÁNH VÀ TÒA ÁN TƯ PHÁP.  
CÔNG THỎ. TỐ QUYỀN TRỰC XUẤT. TRANH TỤNG GIỮA  
CÁC TƯ NHÂN. THẨM QUYỀN TÒA ÁN.

Tòa án Tư Pháp có thẩm quyền đề thăm xét vụ đuổi đất công thổ khi không có sự khiếu nại về quyền chấp hữu hay sự giải thích cùng xác định giá trị một văn kiện hành chánh thì chiếu nguyên tắc phân quyền tư pháp và hành pháp, tòa án tư pháp phải tuyên bố vô thẩm quyền khi nội vụ tham tụng đòi hỏi phải thăm xét một hành vi công quyền như văn thư đặc nhượng lâm thời.

(HGRQ AN GIANG 8-5-1959) (PLTS 1959 I. 85)

686.— TỐ QUYỀN CHẤP HỮU. SỰ KHUẤY RỐI. CHẤP HỮU  
CÁO TỐ.

TỐ QUYỀN CHẤP HỮU. CÔNG SẢN. ĐỐI VỚI CƠ QUAN  
HÀNH PHÁP. ĐỐI VỚI ĐỆ TAM NHÂN.

TỐ QUYỀN CHẤP HỮU. THẨM QUYỀN TÒA HÒA GIẢI. TÒA  
SỞ THẨM HAY TÒA HÒA GIẢI RỘNG QUYỀN THỤ LÝ. ĐIỀU  
90 SẮC LỆNH 16-2-1921. ÁN VĂN CHUNG THẨM.

Mọi hành vi vật chất hay pháp lý mà trực tiếp hay gián tiếp cản trở sự chấp hữu yên ổn của kẻ khác là sự khuấy rối và người thụ hưởng có quyền chấp hữu cáo tố.

Sự chiếm đoạt và sự xây cất trên đất thuộc thẩm quyền chấp hữu của người khác, dù công tác này đang khởi sự hay đã hoàn tất là đã có sự khuấy rối hiện tại và cấu thành.

Quyền lợi mà tư nhân được cơ quan hành pháp nhượng lại, cho thuê trên công sản thì bao giờ cũng có thể được thu hồi tùy trường hợp, quyền chấp hữu này chỉ có tính cách bất cố và kể hưởng thụ không quyền chấp hữu cáo tố cơ quan hành chánh vì đã có hành vi khuấy rối sự chấp hữu của y.

Nhưng tính chất bất cố trên chỉ là tương đối người thụ hưởng có quyền xử hành tố quyền chấp hữu đối với kẻ đệ tam.

Theo điều 101 sắc lệnh ngày 16-2-1921 về tổ chức tư pháp tại Đông Dương và điều 29 khoản 2 nghị định ngày 7-3-1924 về tổ chức hòa giải địa phương cùng điều 82 khoản 2 Dự số 4 ngày 18-10-1949 về tổ chức tư pháp tại Việt-Nam, tố quyền chấp hữu thuộc thẩm quyền chuyên độc của Tòa hòa giải.

Chiếu điều 90 khoản 2 sắc lệnh ngày 16-2-1921 sửa đổi bởi sắc lệnh ngày 31-8-1927 tại nơi đặt trụ sở tòa sơ thẩm hay Tòa Hòa Giải Rộng quyền, Chánh án, Thẩm phán Hòa giải Rộng quyền kiêm nhiệm chức vụ Thẩm phán hòa giải sẽ xét xử sơ và chung thẩm các vụ thuộc thẩm quyền tòa hòa giải.

(*TT Saigon 3-2-1961*) (*PLTS 1963. III. 67*)

(*X. TT Saigon 5-3-1966 PLTS 1967. II. 122*)

## TỐ QUYỀN CHẤP HỮU (X. 600)

### 687.— ĐỘNG SẢN. TỐ QUYỀN CÓ TÍNH CÁCH ĐỘNG SẢN. THẨM QUYỀN TÒA ÁN XÉT XỬ.

Kiện đòi một số bạc, dù có liên quan đến huê lợi của một khoảnh ruộng đi nữa, thì sự tranh chấp đó thuộc về loại tố quyền có tính cách động sản, và về loại tố quyền này, thì tòa án nơi cư sở của bị can mới có thẩm quyền (Điều 9 S<sub>2</sub> nghị định ngày 16-3-1910 qui định Dân sự Tố tụng).

(*HGRQ TRẢ VINH 10-9-1954*) (*PLTS 1655. I. 45*)

688.— TỐ QUYỀN ĐỘNG SẢN. THỦ TỤC.

Tố quyền kiện người thuê để đòi lại một động sản (sạp bán hàng ngoài chợ) có tính cách đối nhân và động sản ; khi nộp đơn khởi tố đòi sạp người sở hữu chủ của chiếc sạp không phải đính kèm với đơn khởi tố của văn tự mua sạp. Điều 10 S 2 Nghị định 16-3-1910 không áp dụng trong các vụ tranh tụng có tính cách đối nhân và động sản.

(PA 28-3-1962) (PLTS 1963. I. 10)

TỐ QUYỀN ĐÒI DI SẢN (X. DI SẢN)

TỐ QUYỀN GIAO HOÀN TANG VẬT (X. 179)

HỤI VIÊN (X. HỤI)

689.— QUAN NIỆM VỀ LẠM TỐ.

Có hành động lạm tố, những kẻ nào, không phải để bênh vực những quyền lợi chánh đáng, đã ranh mãnh hoặc có ác ý khởi tố với mục đích hai đối phương và gây tổn thất cho người này.

Trái lại những kẻ nào đã ngay tình khởi tố để bênh vực những quyền lợi chánh đáng của mình, không thể xem là có hành động lạm tố và không thể bị bắt vì bồi thường vì hành động lạm tố.

(ST Saigon 13-8-1958) (PLTS 1958. IV. 72)

690.— TỐ QUYỀN PHẢN HOÀN LỢI ÍCH. TÍNH CHẤT PHỤ ĐỐI. ĐIỀU KIỆN XỬ HÀNH.

Tố quyền phản hoàn lợi ích chỉ có tính chất phụ đối và không thể chuẩn chấp tố quyền này một khi nguyên đơn đã có sẵn tố cầu luật định để bảo tồn quyền lợi của mình. Và tố quyền phản hoàn lợi ích bất khả chấp nếu có tác dụng thay thế cho tố quyền luật định đã trở thành vô hiệu dụng vì một duyên cớ ngăn cản pháp lý nào, và cốt nhiên, nếu tố quyền sau này vô hiệu dụng vì lỗi của chính đương sự.

(TT Saigon 5-1-1963) (PLTS 1964. II. 133)

691.— TỐ QUYỀN TRIỆT BÃI : CHỦ NỢ NÀO ĐƯỢC HƯỞNG TỐ QUYỀN TRIỆT BÃI. HẬU QUẢ CỦA TỐ QUYỀN TRIỆT BÃI. ĐIỀU KIỆN KHÁNG CÁO.

Muốn kháng cáo, tụng nhân phải có bị thiệt hại bởi án sơ thẩm.

Do đây một con nợ, có hai chủ nợ tranh nhau một số tiền phát mại tài sản của mình; không có quyền kháng cáo phụ đới để bênh vực chủ nợ này chống lại chủ nợ kia.

Sự kháng cáo của một chủ nợ trong sự tranh chấp kể trên chỉ có hiệu lực di thẩm (effet dévolutif) về sự tranh tụng giữa hai chủ nợ; chỉ hai người này là chủ động trong thủ tục kháng cáo, vậy chủ nợ nào không «kháng cáo chính» có quyền kháng cáo phụ đới, còn con nợ không có quyền này.

Sự can thiệp của một chủ nợ vào thủ tục đòi nợ giữa con nợ của mình và một chủ nợ khác để xin tòa xác nhận văn tự giữa hai người này là giả tạo, cùng một mục đích và một tinh cách với tố quyền triệt bãi (action paulienne) vậy phải xét định theo những nguyên tắc về tố quyền này.

Chỉ được hưởng tố quyền triệt bãi chủ nợ nào mà quyền lợi đã xuất sinh từ trước khi xảy ra hành vi gian trá, ngoại trừ trường hợp hành vi này nhằm chính những chủ nợ trọng lai để làm hại quyền lợi của những người này.

Dưới bình diện ấy, sự gian trá phải xét định theo những sự kiện bao bọc hành vi bị chỉ trích, nhật kỳ chắc chắn của hành vi không phải là yếu tố quyết định.

(TT Saigon 12-7-1962) (PLTS 1963 IV. 78)

692.— HIỆU LỰC TỜ TÔNG CHI.

Chiếu điều 259 Nghị định 16-3-1910 khước biện vô tư cách có thể nại ra bất cứ trong giai đoạn nào của thủ tục.



Đối với đệ tam nhân từ tông chi đủ chứng thực tư cách thừa kế.

(TT Saigon 29-3-1962) (PLTS 1963 III. 84)

693.— VẤN KIẾN. TÔNG CHI. KHAI SINH. QUYỀN XÉT ĐỊNH  
CỦA THẨM PHÁN.

Theo điều 10 Nghị định ngày 16-3-1910 trong mọi tranh chấp giữa thân tộc, phải nộp với đơn khởi tố một tờ tông chi; nếu có sự bất đồng ý kiến thẩm phán xét nếu cần có thể buộc phải xuất trình một trích lục hộ tịch.

Điều này dành cho thẩm phán quyền xét định có cần thiết phải xuất nộp giấy tờ hộ tịch hay không khi có tranh chấp về tờ tông chi.

Khi bị đơn chỉ phủ nhận tờ tông chi mà không nêu ra được sự kiện hay tài liệu trái ngược nào, thẩm phán hợp lý quyết định không cần thiết buộc nguyên đơn phải xuất trình giấy tờ hộ tịch.

(PA 29-12-1965) (PLTS 1966 III. 21)

BẰNG CHỨNG TÔNG CHI (X. 36)

694.— TỜ TÔNG CHI. ĐIỀU 10 NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910  
ÁN TIÊN THẨM XÉT VỀ TỜ TÔNG CHI. PHÁ ÁN. THỦ  
TỤC. THỦ ĐẮC THỜI HIỆU.

Khi một tờ tông chi bị chỉ trích là làm không đúng thể thức định trong điều 10 Nghị định ngày 16-3-1910, tòa án có thể lên án tiên thẩm cho mở cuộc điều tra để kiểm soát lại và xét xem tờ tông chi đó có đúng hay không.

Phương chức xin phá án nêu lên lần đầu trước Tòa Phá án căn cứ vào thủ đắc thời hiệu không thể chấp nhận được vì lẫn lộn cả sự kiện lẫn pháp lý.

(PA 31-1-1962) (PLTS 1963 I. 4)

## TỬ HỆ

695.— BẰNG CHỨNG TỬ HỆ. CHẤP HỮU THÂN TRẠNG.  
VĂN KIỆN ĐỀ- TRÌNH LẦN ĐẦU TIÊN TRƯỚC TÒA  
PHÁ ÁN.

Chiếu theo Sắc lệnh ngày 3-10-1883, tử hệ các con chính thức được chứng minh bằng giấy khai sanh hợp lệ trong sổ hộ tịch, và trong trường hợp không thể trình được giấy khai sanh, đương sự có thể chứng tỏ tử hệ bằng sự chấp hữu thân trạng liên tiếp là con chính thức.

Giấy khai tử trong có ghi tên người cha của người mệnh một không đủ để chứng minh tử hệ của người này, cũng như lời khai của chứng nhân và sự kiện đám ma của đương sự đã làm tại nhà của dân sự nguyên cáo cũng không đủ để cấu thành sự chấp hữu thân trạng liên tiếp là con chính thức của người ấy đối với dân sự nguyên cáo.

Một văn kiện xuất trình đầu tiên trước Tòa Phá án không thể được tòa này xét đến, vì là một văn kiện mới chưa được xét trước các tòa xử về tình lý.

(PA 28-2-1961) (PLTS 1961. IV. 17)

696.— BẰNG CHỨNG TỬ HỆ THEO ĐIỀU 93 VÀ 94 LUẬT  
GIA ĐÌNH.

Theo nguyên tắc của điều 93 và 94 Luật Gia đình ngày 2-1-1959 tử hệ chánh thức được chứng minh bằng chứng thư khai sanh đăng ký hợp lệ trong sổ hộ tịch, và chỉ khi nào vì duyên cớ gì không thể xuất trình được chứng thư khai sanh mới có thể dùng các phương chước luật định chứng minh sự chấp hữu thân trạng con chính thức để thay giấy khai sanh.

Bị phá và tiêu hủy vì vi phạm các điều luật ghi trên án của Tòa Thượng thẩm đề chấp nhận sự đứng dân sự nguyên cáo của

Nguyễn thị Tranh với tư cách là mẹ của nạn nhân Nguyễn văn Nghi, tư cách bị tranh nại trước Tòa, đã không bó buộc đương sự phải xuất giấy khai sinh hợp lệ con của thị để chứng minh tư hệ giữa hai bên, trong khi đương sự không nại là ở trong trường hợp không thể xuất trình được giấy này và giấy tờ căn cước và chứng nhận khác xuất nạp đều mâu thuẫn.

(PA 25-4-1962) (PLTS 1963. II. 47)

697.— TỬ HỆ. SẮC LỆNH 3-10-1883 THIÊN VII. KHAI SINH THIỂU SÓT. CHẤP HỮU THÂN TRẠNG.

Khi hai vợ chồng lấy nhau có giá thú, sinh được ba con, trong khai sinh người con thứ nhất, về khoản giá thú của Cha Mẹ, chỉ có gạch dài, trong khai sinh của hai người con sau thì ghi rõ là hai vợ chồng có giá thú, phúc quyết bị thượng tố không nêu đủ lý do khi cho rằng người con thứ nhất là con tư sinh, vì chỉ có một gạch dài, nơi khoản giá thú của cha mẹ.

Phúc quyết phải bị phá hủy, vì giấy giá thú không được xuất trình, vậy không thể đo sánh ngày lập giá thú với ngày sinh con, để có thể quả quyết được rằng người con đầu lòng là con tư sinh, nhất là theo các sự kiện trong hồ sơ, đã nhiều lần người con ấy được các con kia là đương sự đối phương mặc nhiên nhìn nhận là con chính thức và người con thứ nhất đã có chấp hữu thân trạng là con chính thức, Sắc lệnh ngày 3-10-1883 thiên VII định rằng nếu không xuất trình được giấy khai sanh, có thể chứng minh sự chấp hữu thân trạng con chính thức để thay thế giấy khai sanh.

(PA 27-3-1963) (PLTS 1963 III. 5)

698.— TỬ HỆ. SẮC LỆNH 3-10-1883 THIÊN VII. GIẤY KHAI SINH. THIỂU HỦY VÌ LOẠN LẠC. CHẤP HỮU THÂN TRẠNG CON CHÍNH THỨC. TRƯỜNG HỢP.

Chiếu sắc lệnh ngày 3-10-1883 thiên VII, tử hệ chính thức chứng minh bằng giấy khai sanh, nếu vì lý do gì, không xuất trình

được giấy khai sanh, có thể thay thế bằng cách chứng tỏ sự chấp hữu thân trạng con chính thức.

Đương sự mà giấy khai sanh đã bị thiêu hủy vì loạn lạc, được coi như có chấp hữu thân trạng là con chính thức khi mang tên họ của người cha, khi được đối phương nhìn nhận trước tòa sơ thẩm là con chính thức và có tên là con chính thức trong một tờ lược khảo bằng khoán của bất động sản tương tranh cùng trong nhiều giấy tờ khác  
(PA 24-4-1963) (PLTS 1963 III. 14)

699.— TỬ HỆ TƯ SINH. CON SINH TRƯỚC LUẬT GIA ĐÌNH NGÀY 2-1-1959. BẤT HỒI TỐ. SẮC LỆNH NGÀY 3-10-1883. KHÔNG CÓ CON NGOẠI TÌNH VỀ ĐÀNG CHA.

Dưới chế độ đa thê cũ không có con ngoại tình về đảng cha, do đó sự thừa nhận của người cha đã có vợ chính thức hay sự tuyên nhận do tòa án về phụ hệ của người này đối với một trẻ sinh với người đàn bà khác, không vi phạm sắc lệnh 2-10-1883.

Luật Gia đình ngày 2-1-1959 và sắc luật thay thế ngày 23-7-1964 đã bãi bỏ đa thê và cấm chỉ sự thừa nhận con ngoại tình về đảng cha cũng như về đảng mẹ, không có hồi tiền hiệu lực, vì vậy khi tuyên một trẻ sinh trước khi Luật gia Đình ra đời là con tư sinh của một người đàn ông đã có vợ chính thức; phúc quyết của tòa Thượng thẩm, với hiệu lực tuyên nhận của nó, chỉ xác định một tình trạng pháp lý đã có rồi và không vi phạm sự cấm chỉ thừa nhận con ngoại tình dự liệu trong điều 116 luật 1964.

(PA 30-12-1964) (PLTS 1965 I. 3)

700.— TỬ HỆ. CON TƯ SINH. NHÌN NHẬN BÀO THAI. CÓ GIÁ TRỊ.

Đưa trẻ được cha nhìn nhận khi cha nó còn độc thân, sự nhìn nhận có giá trị, mặc dầu sau này cha nó lập giá thú với một người đàn bà khác hơn là mẹ nó.

Sự nhìn nhận con khi đưa trẻ còn là bào thai có giá trị.

(PA 27-1-1965) (PLTS 1965. III. 9)

701.— TỬ HỆ. DỊ NGHỊ. TỐ CẦU. ĐIỀU KIỆN.

QUYỀN ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI MẸ ĐƯA TRẺ BỊ DỊ NGHỊ  
VỀ TỬ HỆ. ĐIỀU KIỆN ĐỀ ĐẠI DIỆN.

TỬ HỆ TƯ SINH. PHẠM VILIÊN HỆ.

THỦ TỤC. ĐƠN PHẢN TỐ. ĐƠN CHÍNH BỊ BÁC VÌ VÔ HIỆU.  
BÁC KHUỚC ĐƠN PHẢN TỐ.

Tổ quyền dị nghị phải chống lại người đã nhìn nhận và đưa trẻ được nhìn nhận trừ trường hợp tố quyền do một trong những người này hành xử. Nếu đưa trẻ còn vị thành niên, thì sẽ được người đại diện pháp đình thay mặt, nếu người này có quyền lợi trái nghịch với quyền lợi của đưa trẻ, thì sẽ cử một người giám hộ đặc định.

Nhân sự kiện một người tự nhận là cha đưa trẻ đứng thừa nhận phụ hệ tư sinh và nếu có kẻ đệ tam khởi động tố quyền dị nghị sự nhìn nhận thì, người mẹ đã hợp lệ đại diện đưa trẻ kể trên, nếu y thị là người đầu tiên thừa nhận đưa trẻ. Vì trong trường hợp này, theo luật định y thị xử hành phụ quyền và quyền giám hộ pháp định, vì trong bối cảnh đó, trên nguyên tắc, người mẹ không có quyền lợi tương phản với quyền lợi của đưa trẻ.

Phạm vi gia đình của các trẻ tư sinh có thể hoạch định trên hai phương diện: phương diện của đưa trẻ và phương diện của cha mẹ nó.

Riêng về phương diện đưa trẻ, các mối giây thân thuộc chỉ ràng buộc đưa trẻ tư sinh với cha mẹ đã nhìn nhận nó nói khác đi, đối với người khác trong gia đình chính trực của cha mẹ nó, đưa trẻ vẫn là người xa lạ, không dây thân thuộc nào. Vì vậy nó không

có quyền thừa kế hay quyền xin cấp dưỡng đối với ông bà đã sinh ra cha mẹ nó, hay đối với anh em trong gia đình chính thức của cha mẹ nó.

Khi đơn chính bị bác vì vô hiệu về hình thức hoặc vì vô thẩm quyền của tòa thụ lý nội vụ, thì đơn chính không còn là điểm tựa cho đơn phản tố nên loại tố cầu sau này cũng đương nhiên bị bác khước.

(*TT Saigon 6-II-1965*) (*PLTS 1965. IV. 98*)

### TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ

702.— CON MỒ CÔI CHA MẸ. QUYỀN GIÁM HỘ, ANH RUỘT. ĐẢM NHIỆM HỘ TRÁCH.

Ahh ruột phải đảm nhiệm hộ trách (tránh nhiệm dân sự) về các hành động của em ruột mồ côi cha mẹ và hiện ở với mình. (có tranh luận).

(*TT Saigon 25-II-1955*) (*PLTS 1956. I. 10*)

BỊ CÁO VỊ THÀNH NIÊN. THỈNH CẦU BỒI THƯỜNG DÂN SỰ TRƯỚC TÒA HÌNH. SỰ ĐÒI THỦ HỘ RA THAY MẶT BỊ CAN KHÔNG CẦN THIẾT.

Nguyên tắc ấn định trong sắc lệnh ngày 3-10-1883 canh cải bồi luật ngày 30-5-1932 là các vị thành niên trong các vụ tố tụng phải do thủ hộ thay mặt chỉ áp dụng trong các vụ kiện hộ trước tòa Hộ.

Trước tòa hình xử về quyền lợi dân sự phụ thuộc theo sự truy tố của Công Tố Quyền, dân sự nguyên cáo có thể xử dụng tố quyền dân sự của mình để xin buộc bị can vị thành niên hoặc vô năng quyền bồi thường thiệt hại gây nên bởi sự phạm pháp, mà khỏi cần phải gọi người thủ hộ ra thay mặt.

Chiếu chi như vậy án bị thượng tố đã làm hợp lệ, những sự kiện được xác nhận đủ chứng minh tội danh, hình phạt và sự bồi thường dân sự.

(PA 26-4-1960) (PLTS 1960 III. 13)

703.— CÔNG SỞ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC.

Khi có một lỗi về chức nghiệp (faute de service) của một công chức thì chỉ có một công sở của công chức ấy có thể bị kiện trước Tòa án Hành chánh, trái lại khi có một lỗi cá nhân (faute personnelle) thì công chức phạm lỗi ấy có thể bị kiện trước tòa án Dân sự bề đòi tiền thiệt hại.

(ST Saigon 9-7-1955) (PLTS 1955 III. 51)

704.— ĐI CHUNG XE HƠI ĐI CHƠI BỊ TAI NẠN LÀM THIẾT MẠNG NGƯỜI. TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA NGƯỜI CHỦ XE VÀ NGƯỜI LÁI XE.

Bạn bè bằng lòng rủ nhau cùng đi chơi bằng xe hơi của một trong các bạn ấy, rủ ao xe gây tai nạn làm thiệt mạng người trong đám. thì áp dụng nguyên tắc « vui cùng chia, rủi cùng chịu » chủ xe và người lái xe không phải chịu trách nhiệm về hộ, nghĩa là không phải bồi thường nhân mạng.

(TT Saigon 22-4-1960) (PLTS 1960 II. 57)

TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TRƯỚC TÒA HÌNH. TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CHIẾU THEO 1382 VÀ 1384 DÂN LUẬT. THẨM QUYỀN CỦA TÒA HÌNH.

Chiếu theo nguyên tắc của điều 1382 Dân Luật « Bất cứ việc gì của người làm ra mà thiệt hại đến ai thì người có lỗi làm ra việc ấy buộc phải đền sự thiệt hại.

Bị phá và thủ tiêu vì phạm nguyên tắc pháp lý ghi trên án của Tòa Thượng thẩm bác đơn xin bồi thường của dân sự nguyên cáo,

viện dân thuyết «vui cùng hưởng, rủi cùng chịu» mặc dầu đã xác nhận lỗi của bị can và kết phạt y về tội vô ý, bất cẩn gây thương tích và thiệt mạng, thuyết «rủi ro» không thể chấp nhận được vì không thể cho rằng khi đi nhờ xe bị can lái các nạn nhân đã thuận nhận trước tất cả mọi rủi ro, lầm lỗi của bị can, kể cả sự nguy hại đến tính mệnh.

Trách nhiệm dân sự về sự bồi thường tổn hại gây nên bởi vật mà người ta phải trông coi chiếu điều 1384 đoạn cuối dân luật là một trách nhiệm dân sự thuần túy không liên quan đến lỗi về hình sự của bị can nên không thuộc thẩm quyền Tòa Hình xét xử phụ đới với sự phạm pháp của người này về mặt hình.

Người đi nhờ xe do bạn lái, tin vào tư cách cá nhân của bạn mình chớ không phải vào tư cách thụ ủy của người này đối với chủ xe, không thể buộc người chủ xe phải bồi thường thiệt hại về tai nạn gây nên bởi người lái xe.

(PA 31-I-1961) (PLTS 1961 III. 20)

705.— TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TRƯỚC TÒA HÌNH. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ XE BỊ MẮT TRỘM VỀ TAI NẠN GÂY RA BỞI XE BỊ LẤY TRỘM.

Chủ xe bị mất trộm không phải đảm nhiệm hộ trách cho kẻ trộm đã gây tai nạn bằng xe lấy trộm, vì người này không phải là thụ ủy của y khi phạm lỗi chiếu điều 1384 S 5 Dân Luật.

Trách nhiệm dân sự của chủ xe bị mất trộm về sự thiệt hại gây nên bởi vật mình phải canh giữ chiếu theo điều luật ghi trên, nếu có, chỉ là một trách nhiệm thuần túy dân sự thuộc thẩm quyền tòa hộ, không liên quan đến hành động vô ý gây thiệt mạng hay thương tích của bị can, lái xe lấy trộm để dân sự nguyên cáo có thể xử dụng tố quyền dân sự đòi bồi thường đối với y phụ đới với sự truy tố bị can về Hình sự trước Tòa Hình.

(PA 31-II-1961) (PLTS 1961 IV. 9)



706.— TRÁCH NHIỆM. TRÁCH NHIỆM KHÔNG VÌ QUÁ THẤT. BIỆT LỆ. CHUYÊN CHỖ VỚI HẢO Ý HOẶC TRƯỜNG HỢP LUẬT ĐỊNH ĐÃI CƠM MỜI UỐNG VÌ XÃ GIAO. NGỘ ĐỘC.

Vì tất cả các phần tử trong xã hội có quyền được bảo đảm về tính mạng và tài sản của mình cho nên mỗi khi các sự tổn hại xảy ra theo chiều hướng luật lý hiện đại về trách nhiệm, trừ trường hợp chuyên chỗ với hảo ý hoặc luật định khác, đối với sự tổn hại xâm phạm đến thân thể và tài vật thì người gây ra sự tổn hại phải đương nhiên bồi thường nạn nhân không cần phải dẫn chứng một quá thất nào.

Đành rằng hành vi đãi ăn mời uống không cùng đối tượng với sự chuyên chỗ do hảo ý nhưng hai hành vi này, vốn cùng nhằm một mục đích và đều thúc đẩy do một động việc giao tế ở đời nên, phải được đãi ngộ như nhau để cùng chung một chế tài.

Vậy nhân mọi bữa giỗ, thân bằng quyến thuộc và láng giềng có tham dự và nếu có người bị ngộ độc và nếu không dẫn chứng một quá thất nào, về phần gia chủ cũng như người thụ quyền hoặc thụ ủy trong cộng tác bếp nước thì, người gia chủ phải được miễn trách.

(*TT Saigon 6-11-1965*) (*PLTS 1965. IV. 90*)

707.— TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ. TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ VỀ MỘT VẬT PHẢI TRÔNG COI, TRÔNG COI MỘT VẬT KHÔNG TỰ ĐỘNG.

Về trách nhiệm dân sự, theo điều 763 Hộ Luật Trung Việt thì « Ai trông coi vật vô tri giác thì phải chịu trách nhiệm về tổn hại gây nên bởi vật ấy » nhưng điều luật ấy cũng như điều 1384 của Dân Luật Pháp không giải thích rõ ràng thế nào là trông coi.

Theo án lệ mới đây của Tòa Pháp Án Pháp (1941, 1942, 1944, 1947) thường được Tòa án Việt-Nam áp dụng, thì « người trông coi một vật không tự động (như chiếc xe hơi) là người đã dùng vật ấy, đã kiểm soát và điều khiển nó ». (*Le gardien est celui qui a l'usage,*

le contrôle et la direction de la chose inanimée). Trong trường hợp người đệ tam lái một chiếc xe hơi trong khi có chủ xe cùng ngồi trong xe, gây ra tai nạn vật chất, áp dụng án lệ nói trên, trách nhiệm về việc sửa chữa xe bị hư hỏng phải do người lái xe và người chủ xe gánh chịu ngang nhau, nghĩa là chia đôi.

(*TT Huế 7-12-1955*) (PLTS 1955. IV. 32)

708.— NGHĨA VỤ LIÊN ĐỐI. TRÁCH NHIỆM VÌ TÁC ĐỘNG CỦA ĐỒ VẬT VÔ TRI.

Nghĩa vụ chỉ có tính cách liên đới trong những trường hợp luật định hay nếu đã có sự cam kết liên đới.

Do đấy, người chủ một chiếc xe hơi đã bán xe đi rồi, không phải chịu trách nhiệm liên đới với người chủ mới về tai nạn do chiếc xe gây ra.

Về trách nhiệm vì tác động của đồ vật vô tri, Dân luật buộc trách nhiệm vào người canh thú.

Người chủ một chiếc xe, sau khi bán xe và đã giao xe, không còn là người canh thú, do đấy không phải chịu trách nhiệm về tai nạn do chiếc xe gây ra.

(*TT Saigon 2-3-1961*) (PLTS 1961. I. 51)

709.— TRÁCH NHIỆM DO VẬT VÔ TRI VÀ TRÁCH NHIỆM DO NGƯỜI THỤ ỦY. TỔ QUYỀN DÂN SỰ XỬ DỤNG PHỤ ĐỐI VỚI CÔNG TỔ QUYỀN.

Theo nguyên tắc của điều 1384 Dân Luật người ta phải chịu trách nhiệm dân sự về sự thiệt hại gây nên bởi những kẻ thụ ủy mà người ta phải đảm nhiệm hoặc bởi những vật vô tri mà người ta phải khấn thú.

Trách nhiệm về vật vô tri là một trách nhiệm dân sự thuần túy thuộc thẩm quyền Tòa hộ và người khấn thú không phạm pháp về

việc kháng thủ không thể bị xét xử bởi Tòa Hình bằng tố quyền dân sự sử dụng phụ thuộc với quyền công tố, sự thiệt gây nên do lỗi lầm dân sự không bắt nguồn trực tiếp trong tội phạm bị truy tố trước tòa hình.

Bị phá và tiêu hủy về phần quyền lợi dân sự một bản án hình đề buộc chủ xe phải đảm nhiệm hộ trách cho người lái xe vì bất cẩn đã gây nên tai nạn và thương tích cho kẻ khác, chỉ xác nhận y còn là chủ chiếc xe, mà không xác nhận rõ ràng trách nhiệm của đương sự là do người thụ ủy của y hay do vật mà y phải kháng thủ gây nên cùng viện dẫn lý, lẽ, tư đủ sự kiện để chứng minh trách nhiệm nào trong hai loại trách nhiệm có thể có được của đương sự, khiến Tòa Phá Án không thể kiểm soát, Tòa xử về nội dung có xét xử trong phạm vi thẩm quyền và xác nhận lỗi phạm đúng theo luật pháp không.

(PA 29-II-1961) (PLTS 1962. II. 29)

710.— TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ. THỤ PHÁI. ỦY THÁC. KHẢN THỦ VẬT CHẤT. KHẢN THỦ PHÁP LÝ.

Giữa bị can và sở hữu chủ chiếc xe, không có mối liên hệ thụ phái và ủy thác, không thể coi bị can là người làm công dẫu rằng chỉ nhất thời do sở hữu chủ chiếc xe đã gây ra tai nạn ;

Cũng không thể nại rằng sở hữu chủ chiếc xe đã gây ra tai nạn là người có sự kháng thủ pháp lý chiếc xe để áp dụng nguyên tắc trách nhiệm do các vật vô tri mà người ta phải gìn giữ đã gây ra để tuyên bố sở hữu chủ chiếc xe phải chịu trách nhiệm dân sự cho bị can.

Trách nhiệm về vật vô tri là một trách nhiệm dân sự thuần túy thuộc thẩm quyền tòa án hộ phán định, và người kháng thủ phải trực tiếp trả lời trước tòa này, y không thể bị xét xử bởi tòa hình bằng tố quyền dân sự vụ thuộc với công tố quyền, vì lẽ sự thiệt hại gây nên trong trường hợp ấy do lỗi lầm dân sự của người

gìn giữ vật vô tri, chứ không bắt nguồn trực tiếp trong tội phạm bị truy tố trước tòa hình.

(*TT Saigon 3-4-1962*) (*PLTS 1963. II. 121*)

#### 711.— TRÁCH NHIỆM ĐỒN ĐIỀN ĐỐI VỚI NHÂN CÔNG.

Bị can đã bắn chết nạn nhân tại lô cao su mà y có nhiệm vụ gác cửa, việc y nhìn thấy một cặp mắt tưởng là mắt nai, rồi bắn chết người chỉ là một trường hợp lạm dụng nhiệm vụ, và trong trường hợp ấy, theo học thuyết và án lệ vững chắc, chủ nhân của bị can phải chịu trách nhiệm về họ chiếu theo điều 1384 đoạn 3 bộ Dân luật.

(*TT Saigon 8-8-1961*) (*PLTS 1962. I. 58*)

#### 712.— TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA HỘI VIÊN HỘI THỰC TẾ.

Xe gây ra tai nạn thuộc quyền sở hữu của một người, nhưng việc trông nom xe và tuyến tải xẽ để chở hành khách để khai thác xe đó lại thuộc phần người khác, người này không phải là thụ phái của chủ xe nhưng giữa người này và chủ xe có một sự hôn hiệp một hội thực tế, người góp của kẻ góp công để khai thác, tiền chuyên chở thâu được do chủ xe giữ để thanh toán sau, như vậy khi tai nạn xảy ra cả 2 hội viên của một Hội Thực Tế đó phải liên đới bồi thường thiệt hại.

(*TT Huế 27-5-1960*) (*PLTS 1961. I. 58*)

#### 713.— TRÁCH NHIỆM CỦA GIA ĐÌNH VỀ HỤI CỦA VỢ.

Hai người ăn ở không có hôn thú, nhưng họ đã tạo thành tình trạng bề ngoài là một vợ chồng chánh thức, thì người đàn ông phải chịu trách nhiệm về hành động của người đàn bà như của người vợ chánh thức.

Theo tục lệ Việt-Nam, người vợ chơi hụi nhằm mục đích gây lợi chung cho gia đình, gia đình cùng hưởng, thì gia đình phải cùng gánh vác trách nhiệm trả tiền hụi.

(*TT Saigon 28-8-1956*) (*PLTS 1958. IV. 15*)

714.— TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA NGƯỜI KHẢN THỦ, VÀ CỦA NGƯỜI ỦY THÁC. TỔ QUYỀN DÂN SỰ PHỤ ĐỐI VỚI CÔNG TỔ QUYỀN. ĐIỀU KIỆN XỬ DỤNG.

Theo nguyên tắc của điều 1384 S 1 Dân Luật, người ta chỉ có thể bị buộc đảm nhiệm hộ trách về hành vi phạm pháp cho người khác nếu người này là thụ ủy của mình. Nhận xét đương sự không phải là người ủy thác bị can, Tòa Thượng thẩm đã có thể miễn trách hợp pháp cho y.

Chỉ có thể xử dụng tổ quyền dân sự phụ đối với công tố quyền đề đòi bồi thường thiệt hại nếu sự thiệt hại bắt nguồn trực tiếp trong hành vi phạm pháp của bị can.

Trách nhiệm khản thủ của người cho thuê máy bay không phải là nguyên nhân trực tiếp của sự thiệt hại gây nên do sự phạm pháp gian tình của người thuê máy nên không thể xét bởi Tòa Hình theo tổ quyền dân sự phụ đối với công tố quyền nhân dịp xét xử nhiều người thuê vi phạm luật lệ xuất cảnh phi cơ không khai báo.

(PA 24-12-1963) (PLTS 1965. I. 89)

715.— TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TRƯỚC TÒA HÌNH. TRƯỜNG HỢP LẠM DỤNG QUYỀN ỦY THÁC DO NGƯỜI THỤ ỦY. TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA NGƯỜI ĐẢM NHIỆM HỘ TRÁCH.

Theo nguyên tắc của điều 1384 Dân Luật, người ta phải chịu trách nhiệm dân sự về những sự thiệt hại gây nên bởi lỗi lầm của người thụ ủy, và theo học thuyết và án lệ người chủ ủy thác còn phải đảm nhiệm hộ trách cho người thụ ủy lạm quyền ủy thác, nếu lỗi lầm của người này chỉ có thể xảy ra hoặc đã được làm dễ dãi vì có quyền ủy thác của chủ.

Không vi luật một bản án của Tòa Thượng thẩm phán xử chủ tiếm sửa xe phải chịu trách nhiệm dân sự cho thợ học nghề của mình

đã lên lãnh sửa xe của khách hàng đem lại sửa tại tiệm và gây tai nạn làm thiệt hại cho người đệ tam khi cho xe này chạy thử.

(PA 28-3-1962) (PLTS 1963. III. 38)

716.— TAI NẠN LƯU THÔNG. ÁN HÌNH PHẠT TÀI XẾ ĐÃ GÂY TAI NẠN. UY LỰC QUYẾT TỤNG TRƯỚC TÒA HỘ. TRÁCH NHIỆM CỦA TÀI XẾ VÀ CHỦ XE ĐỐI VỚI NẠN NHÂN.

Án hình có hiệu lực đối kháng với mọi người về khoản xác định tội trạng của hai tài xế đã gây tai nạn, và có uy lực quyết tụng trước Tòa Hộ về khoản phán xử có sự tham gia của những đồng phạm trong tai nạn lưu thông; Tòa Hộ không thể phủ nhận hậu quả về mặt dân sự của án hình đã tuyên phạt các bị can.

Một mặt, chiếu điều thứ 55 Bộ HLCC, những đồng phạm một lỗi hình phải liên đới chịu trách nhiệm (solidairement responsables) bởi thường thiệt hại về những thương tích của nạn nhân. Mặt khác. Mỗi chủ xe có trách vụ toàn đối (obligation in solidum) với tài xế của mình. Như vậy, nạn nhân có thể đòi trọn số bồi thường thiệt hại nơi một trong hai chủ xe đã gây tai nạn; sự phân định tỷ lệ trách nhiệm trong tai nạn chỉ hữu ích về việc phân chia bồi tổn giữa hai chủ xe, chứ không can hệ đến nạn nhân.

(ST Saigon 20-10-1991) (PLTS 1964. I. 172)

LIÊN ĐỐI TRÁCH NHIỆM. QUẢN LÝ (X. 572)

717.— TRÁCH NHIỆM VỀ HỘ. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI PHÁI ỦY VÀ CỦA NGƯỜI THỌ PHÁI.

Theo điều 764 H.V.T.K.H.L. thì người phái ủy chỉ phải chịu trách nhiệm về sự tổn hại do người thọ phái của mình làm ra trong khi làm công việc cho mình. Một khi người làm công đi vay tiền mà tỏ ra là do người chủ nhà sai đi để làm lợi cho chủ tức là người ấy đã làm công việc cho chủ, thì người chủ phải chịu trách nhiệm về các số tiền vay ấy.

(TT Huế 31-8-1955) (PLTS 1955. III. 41)

718.— TAI NẠN LAO ĐỘNG. TAI NẠN MỘT XE HƠI CHỞ ĐÁ LÀM CHẾT MỘT NHÂN CÔNG LAO ĐỘNG. TRÁCH NHIỆM VỀ DÂN SỰ CỦA CHỦ XE TRONG VỤ PHẠM PHÁP. VÔ TÂM LÀM CHẾT NGƯỜI. TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA CHỦ NHÂN MUỐN NHÂN CÔNG ĐỐI VỚI LUẬT LAO ĐỘNG.

Trong vụ sau đây, Phạm phú Cần thuê 1 nữ nhân công đi làm đá, nữ nhân công bị tai nạn xe hơi làm chết. Việc chết này đặt ra hai vấn đề trách nhiệm khác nhau :

Trách nhiệm của chủ nhân Phạm phú Cần phải bồi thường cho công nhân đã tử thương, theo luật lao động hiện hành; 1 năm lương và 2.000đ. ma chay.

Trách nhiệm dân sự của chủ xe hơi đã gây ra tai nạn nếu người lái xe xét ra có lỗi, vì sơ xuất, vụng dại, bất cẩn đã vô tâm làm chết người. Trách nhiệm dân sự này thuộc thẩm quyền tòa tiêu hình xét định.

(*TT Huế 4-4-1956*) (*PLTS 1956. III. 53*)

719.— PHÁ ÁN. TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ VÀ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ. UYLỰC TÀI PHÁN CỦA CÁC ÁN TÒA HÌNH ĐỐI VỚI TÒA HỘ. ÁN THIẾU LÝ DO CĂN BẢN PHÁP LÝ

Lỗi của bị can về hình sự cấu thành tội vô ý gây thương tích không loại trừ phần lỗi có thể có được của nạn nhân về mặt dân sự làm duyên cớ cho một sự phân chia trách nhiệm bồi thường giữa các đương sự, và Tòa Hộ xét lại về khoản này có thể phán xử mà không phạm đến nguyên tắc uy lực tài phán của các án tòa hình đối với Tòa Hộ.

Bị phá và thủ tiêu vì thiếu căn bản pháp lý một bản án của Tòa Hộ căn cứ duy nhất vào nguyên tắc kết phạt của bản án của

Tòa Án Quân Sự để ấn định số bồi khoản về mặt hộ, trong một địa hạt mà hai thứ trách nhiệm hình sự và dân sự có thể không cùng đồng một phạm vi rộng hẹp.

Theo nguyên tắc cách tòa xét xử phải xét và trả lời các kết luận do các đương sự nêu lên hợp lệ trước Tòa, khi các kết luận ấy nại những phương chước cấu thành những kháng biện quyết định, ảnh hưởng đến sự phán xử, nếu không án sẽ thành vô hiệu vì thiếu lý do.

(PA 29-6-1960) (PLTS 1960 IV. 41)

720.— TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TRƯỚC TÒA HÌNH. TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CHIẾU THEO ĐIỀU 1382 DÂN LUẬT.

THẨM QUYỀN CỦA TÒA HÌNH.

Chiếu theo nguyên tắc của điều 2382 Dân Luật « Bất cứ việc gì của người làm ra mà thiệt hại đến ai thì người có lỗi làm ra việc ấy buộc phải đền sự thiệt hại ;

Bị phá và thủ tiêu vì phạm nguyên tắc pháp lý ghi trên án của Tòa Thượng thẩm bác đơn xin bồi thường của dân sự nguyên cáo viện dẫn thuyết « vui cùng hưởng, rủi cùng chịu » mặc dầu đã xác nhận lỗi của bị can và kết phạt y về tội vô ý, đất cản gây thương tích và thiệt mạng, thuyết « rủi ro » không thể chấp nhận được vì không thể cho rằng khi đi nhờ xe bị can lái các nạn nhân đã thuận nhận trước tất cả mọi rủi ro, lầm lỗi của bị can, kể cả sự nguy hại đến tính mệnh.

Trách nhiệm dân sự về sự bồi thường tổn hại gây nên bởi vật mà người ta phải trọng coi chiếu điều 1384 đoạn cuối dân luật là một trách nhiệm dân sự thuần túy không liên quan đến lỗi về hình sự của bị can nên không thuộc thẩm quyền Tòa Hình xét xử phụ đới với sự phạm pháp của người này về mặt hình.



Người đi nhờ xe do bạn lái, tin vào tư cách cá nhân của bạn mình chớ không phải vào tư cách thụ ủy của người này đối với chủ xe, không thể buộc người chủ xe phải bồi thường thiệt hại về tai nạn gây nên bởi người lái xe.

(PA 31-1-1961) (PLTS 1961. III. 21)

721.— TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA NGƯỜI ĐẢM NHIỆM HỘ TRÁCH VỀ HÀNH VI LẠM QUYỀN CỦA NGƯỜI THỤ ỦY.

Trách nhiệm dân sự của người đảm nhiệm hộ trách chiếu điều 1384 Dân luật phải áp dụng rộng rãi cho cả các hành vi của người thụ ủy lạm dụng quyền ủy thác của chủ, nếu những hành động phạm pháp của những người ấy đã xảy ra khi làm việc cho chủ và đã được làm dễ dãi bởi sự ủy quyền của chủ, đã gây tai nạn và thiệt hại cho kẻ khác.

(PA 28-6-1961) (PLST 1962. II. 15)

722.— TRÁCH NHIỆM GIỮA VỢ CHỒNG. NGUYÊN TẮC CHI PHỐI TRÁCH NHIỆM GIỮA VỢ CHỒNG, TRÁCH NHIỆM CÁ NHÂN VÀ TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG CỦA VỢ CHỒNG. NHỮNG THỈNH CẦU MỚI GHI TRONG ĐƠN KHỞI TỐ.

Trong trường hợp người vợ gây tổn hại, trách nhiệm không thể áp dụng đối với người chồng và trái lại, khi chồng phạm lỗi, trách nhiệm không thể áp dụng với vợ, vì trách nhiệm giữa vợ chồng khác trách nhiệm của cha mẹ với hành động của các con cái.

Nếu không đủ bằng cứ rằng người chồng tự mình phạm lỗi thì không thể buộc ý phải chịu trách nhiệm về hành động của người vợ, trừ phi khi nào người vợ thừa lệnh chồng hay được chồng ủy thác làm một việc gì trong các điều kiện định ở 1384, khoản 3 của bộ Hộ Luật Pháp hay là khi nào có những bản văn đặc biệt buộc rõ ràng người chồng hay người vợ phải chịu trách nhiệm đối với kẻ khác.

Tòa chỉ xem xét những điều thỉnh cầu ghi rõ trong đơn khởi tố và trong lúc đang kiện, nguyên đơn không thể nạp lý do xin thêm những lời thỉnh cầu mới.

(HGRQ VINH LONG 7-8-1953) (PLTS 1956 I. 80)

723.— TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ. TAI NẠN GÂY RA DO XE HƠI ĐỨNG BỘ DƯỚI TÊN NGƯỜI KHÁC.

Theo nguyên tắc của điều 1384 Dân Luật thì người ta phải chịu trách nhiệm về sự thiệt hại gây nên do một vật mà người ta phải coi giữ hoặc do người thụ ủy mà người ta có quyền điều khiển.

Trong một tai nạn gây ra bởi xe hơi đứng bộ dưới tên người khác, người chủ sở hữu thực sự chiếc xe là chủ thuê có quyền điều khiển tài xế lái xe, phải đảm nhiệm hộ trách cho tài xế này, sự kiện một người đệ tam đã đứng tên hộ cho y trong bộ không có hiệu lực chuyển trách nhiệm về phần người ấy không xư dụng vật gây tai nạn cũng như là không quyền điều khiển tài xế không là người thụ ủy của mình.

(PA 20 Tháng giêng năm 1960) (PLTS 1960 II. 9)

TRÁT

724.— CÁO TRI ÁN VĂN. ĐIỀU 51 NGHỊ ĐỊNH 16-3-1910. THIẾU SÓT VỀ CHỦ VĂN CÁO TRI HỮU HIỆU.

Theo điều 51 Nghị định 16-3-1910 Chánh Lục sự chỉ bó buộc phải báo cho đương sự biết rằng đã án văn được tuyên xử về việc tranh tụng của họ : do đó nếu cáo tri có thiếu sót về phần chủ văn bản án thì cáo tri vẫn có hiệu lực, và thời hạn kháng cáo vẫn khởi đầu lưu thông từ ngày đương sự được cáo tri, theo điều 114.

(TT Saigon 10-5-1962) (PLTS 1963. III. 116)

725.— ÁN KHUYẾT TỊCH. TRÁT TRUYỀN RAO ÁN. TỔNG ĐẠT. NGHỊ ĐỊNH. 16-3-1910 ĐIỀU 15, 18, 21, 51, 56. NIÊM YẾT. QUI THỨC.

Sự niêm yết trát quyền rao án khuyết tịch được dự liệu trong nghị định 16-3-1910.

Theo điều 51 và 56 Nghị định trên, lục sự phải truyền rao án khuyết tịch cho nguyên đơn theo thể thức qui định nơi điều 15, 18 và 21 khi không tìm thấy đương sự hoặc thân quyến, gia nhân của đương sự tại nơi cư ngụ đề giao trát.

Viên chức thi hành việc tổng đạt trát phải tìm hỏi duyên cớ sự vắng mặt của đương sự một cách chu đáo và chỉ khi không có kết quả mới niêm yết bản sao trát tại nhà hội đồng xã, sự thi hành qui thức trên phải được ghi vào bản chánh trát.

Sự niêm yết trát truyền rao làm không chu đáo theo qui thức trên sẽ vô hiệu.

(PA 29-12-1965) (PLTS 1966 III. 18)

NIÊM YẾT (X. 318)

726.— TRÁT TRUYỀN RAO ÁN VĂN. NGƯỜI LÀM CÔNG. NHẬN BẢN SAO.

Khi truyền rao án văn đương tịch, tuyên đọc ngoài sự hiện diện của đương sự, nếu không gặp được đương sự ở nơi trú quán, thừa phát lại hay viên chức phụ trách việc truyền rao có thể giao bản sao trát truyền rao cho người làm công của đương sự, chiếu các điều 51, 15 và 21 Nghị định ngày 16-3-1910, sự truyền rao như vậy hợp lệ.

(PA 27-4-1966) (PLTS 1967 I. 21)

727.— TRIỆU HOÁN TRẠNG. VÔ HIỆU TƯƠNG ĐỐI. THIỆT HẠI QUYỀN DI THẨM.

Sự vô hiệu về một vấn đề hình thức chỉ nên coi là một sự vô hiệu tương đối, chỉ có thể chấp nhận được khi nào có sự thiệt hại rõ rệt như đương sự.

Sự vô hiệu của tờ triệu hoán trạng đã giao cho một người đệ tam mà không bỏ vào phong bì, trái với đạo luật 1899 bỏ túc điều 68 Dân sự tố tụng, chỉ là một vô hiệu tương đối.

Nếu nại một sự vô hiệu tương đối đề xin tuyên bố vô hiệu một văn kiện mà không chứng minh là có sự thiệt hại rõ rệt thì không thể được chấp nhận.

Tòa thượng thẩm y án sơ thẩm bác khước kháng biện vô hiệu và phán bị đơn phải nộp lý do đoán đề Tòa ấy xét về nội dung, không thể xử dụng quyền đi thẩm.

(TT Saigon 20-12-1958) (PLTS 1954. III. 58)

### TRIỆU HOÁN TRẠNG.

Triệu hoán trạng được xử dụng để khởi tố trước Tòa về một vụ kiện, đề tiếp tục thủ tục vụ kiện nguyên đơn dùng triệu thỉnh trạng để hối thúc bị đơn ra trước tòa hoặc kết luận. Nếu có sự lầm lộn trong việc gọi ra tòa bằng triệu hoán trạng hay bằng triệu thỉnh trạng thì chỉ đưa đến sự vô hiệu của thủ tục khi nào có hại cho đương sự.

(TT Saigon 12-5-1956) (PLTS 1956 III. 30)

728.— TRUYỀN RAO ÁN VĂN. ĐIỀU 56, 60, 15, 18 và 259 NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910. THỜI HẠN KHÁNG TỐ. ĐIỀM KHỞI THÔNG.

Điều 56 Nghị định ngày 16-3-1910 mà điều 60 đã tham chiếu định rằng trong vòng 3 ngày sau khi tòa tuyên án khuyết tịch, lục sự phải gửi trát cáo tri án văn cho đương sự khiếm diện theo thể thức ấn định nơi điều 15. Theo điều luật sau này để chứng minh sự truyền rao phải tuân theo thể thức dự liệu nơi điều 18 theo đó sự truyền rao ấy sẽ được chứng nhận bằng chữ ký vào bản chính của người đã nhận bản sao truyền phiếu cũng điều 28 kê trên còn qui định, nếu người ấy khước từ hoặc không biết ký, thừa phát lại hay

hương hào phụ trách sẽ ghi chú vào bản chánh. Tham chiếu điều 259 nghị định dân thượng, sự truyền rao sẽ vô hiệu nếu bất tuân các thể thức trên đây.

Theo điều 56 khoản 2 chính sự truyền rao như trên là điểm khởi thông thời hạn 30 ngày, trong đó đương sự khiếm diện có thể kháng tố; trát truyền rao, mà không có chữ ký của người đã nhận được bản sao truyền phiếu đó cũng chẳng ghi người này khước từ hoặc không biết ký, thì phải coi như chưa có sự truyền rao án văn khuyết tịch mà chưa thể khởi lưu thời hạn kháng tố.

(TT Saigon 4-6-1966) (PLTS 1966 III. 65)

729.— TRÚ QUẢN. NƠI CƯ NGỰ THƯỜNG XUYỀN

Nếu không có tài liệu đích xác chứng tỏ rằng đương sự có trú quán hội đủ điều kiện pháp định ở một nơi khác, nơi cư ngụ thường xuyên của một đương sự phải được coi là trú quán của đương sự ấy.

(PA 27-7-1966) (PLTS IV. 40)

730.— TRÁT QUYỀN RAO HỢP LỆ.

Tòa hộ truyền án trong vắng mặt đương sự, đương sự có quyền chống án khuyết tịch trong thời hạn 30 ngày theo điều 561a và điều 60 Nghị định 16-3-1910. Thời hạn ấy bắt đầu từ ngày đương sự vắng mặt được truyền rao tại nhà hoặc tận tay bản án đã tuyên. Không thể nào cắt nghĩa chữ trao tận tay (remise) bằng chữ niêm yết tại công sở. Chữ « remise » chỉ có một nghĩa duy nhất là trát tòa đã tới tận tay người xử khuyết tịch hoặc được giao tận tay người nhà của y.

Dù không nhận được trát quyền rao khuyết tịch, đương sự bị xử khuyết tịch cũng có thể bị bắt buộc thi hành án nếu trình được bằng có rằng đương sự bị xử khuyết tịch hay biết có án khuyết tịch đã tuyên đối với y và kể từ ngày ấy đến ngày ký án đã quá 30 ngày.

(TT Saigon 16-7-1953) (PL số 2 trang 9)

731.— TÓNG ĐẠT TRÁT. ĐƯƠNG SỰ VẮNG MẶT. BỒN PHẬN CỦA VIÊN CHỨC TÓNG ĐẠT. KHIÊM KHUYẾT. TÓNG ĐẠT VÔ HIỆU.

Chiếu điều 18 và 21 Nghị định ngày 16-3-1910 nếu không tìm thấy đương sự tại nơi cư ngụ, viên chức tống đạt trát phải hỏi duyên có sự vắng mặt này và thi hành chu tất nhiệm vụ để bản sao trát được giao tới đương sự, sự thi hành qui thức này phải ghi vào bản chính trát.

Mặc dầu đương sự đang bị câu lưu tại Cảnh sát cuộc, trên bản chính trát truyền rao cáo tri phúc quyết bị thượng tố, hội viên cảnh sát tống đạt trát chỉ ghi có giao bản sao trát cho một người thay mặt cho đương sự mà không ghi rõ người thay mặt này là ai cũng không ghi đã hỏi duyên có sự vắng mặt của đương sự; vì sự khiêm khuyết trên, trát không tống đạt được cho đương sự tại Nha Giám đốc Cảnh sát và Công an, như vậy sự tống đạt vô hiệu.

(PA 27-10-1965) (PLTS 1967 III. 12)

TRÍCH LỤC (X. BẮT ĐỘNG SẢN)

TRƯỚC BẠ

732.— VĂN KIỆN KHÔNG TRƯỚC BẠ.

Sự trước bạ chỉ cần cho văn kiện có ngày chắc chắn mà không ảnh hưởng đến tín nhiệm bằng chứng của văn kiện. Tòa chỉ buộc người xuất trình chưa đóng trước bạ phải phạt đóng gia bội để được chấp nhận.

(PA 11-4-1956) (PLTS 1956 IV. 7)

733.— ĐĂNG KÝ VÀ TRƯỚC BẠ. SỞ ĐỊA CHÁNH VÀ BẢO TỒN ĐIỀN TRẠCH. HÀNH ĐỘNG BẤT LƯƠNG.

Các văn tự mãi mại bất động sản chỉ được viện dẫn trước Tòa án sau khi đã trước bạ. Văn tự nào trước bạ trước, có hiệu lực trước hơn văn tự trước bạ sau, trừ khi có gian tình thời khốn kè.

Chỉ khi nào đăng ký khế mãi mại vào Sở Bảo tồn Điền trạch ở các nơi đã có sổ ấy rồi thì sự mãi mại mới được viện ra để chống cãi với người đệ tam (đ. 998 Luật Hộ Trung Việt) Hiện nay ở Trung Việt chưa có Sở Bảo tồn Điền trạch riêng biệt, Sở Địa chánh kiêm cả công việc Bảo tồn Điền trạch (nên gọi là Service du Cadastre et de la Conservation foncière).

Sự gian ngoan của nghiệp chủ đem thế chấp rồi đem đoạn mãi bất động sản của y cho tài chủ khác là một hành động bất lương vi phạm điều 365 LHTV.

(TT Huế 30-8-1961) (PLTS 1962 II. 108)

## UY LỰC QUYẾT TỤNG

### 734.— ÁN VĂN MIỄN TỔ. YẾU TỔ TỘI TRẠNG VỀ MỘT KHẢ NĂNG. UY LỰC QUYẾT TỤNG.

Án văn miễn tố vì nghi vấn của Tòa Hình có tin lực đối với tất cả mọi người. Nhưng khi yếu tố của tội trạng là một khả năng được luật pháp quy định — thí dụ tội lái xe hơi không có bằng— thì vấn đề can phạm ấy có khả năng hay không (theo thí dụ trên thì là có bằng hay không) vẫn có thể đem tra nghị trước Tòa án Hộ, mặc dầu can phạm bị truy tố về tội lái xe không có bằng, đã được miễn tố « vì nghi vấn ».

Trong khế ước bảo hiểm thường có điều khoản bắt buộc chiếc xe phải do người có bằng cầm lái, theo một án lệ giải thích rộng rãi điều khoản này, khế ước vẫn được thi hành nếu bên cạnh người lái xe không có bằng, có một người khác có bằng và sẵn sàng can thiệp, trong trường hợp xảy ra tai nạn.

(TT Saigon 4-1-1962) (PLTS 1963 II. 80)

ÁN TIÊN THÂM (X. 679 và 680)

ÁN VĂN HỘ TỊCH (X. II)

735.— UY LỰC QUYẾT TỤNG CỦA ÁN VĂN HÌNH SỰ.

Khi can phạm đã được miễn tố (tha bổng) vì nghi vấn trước tòa án hình về tội bội tín lhi dân sự nguyên cáo không còn nại được sự kiện mà tòa Hình đã cho là có nghi vấn (trong hiện vụ là sự đánh tráo đồ vàng thật bằng đồ vàng giả) đề đòi hoàn lại đồ vàng thật trước tòa án hộ.

Vì nếu tòa án hộ chuẩn chấp đơn xin tức là chấp nhận trái với nghi vấn của tòa án hình, rằng những đồ vật đem giữ là những đồ bằng vàng thật.

(*TT Saigon 30-II--1961*) (*PLTS 1962 III. 65*)

736.— UY LỰC QUYẾT TỤNG HÌNH SỰ. ĐỐI VỚI DÂN SỰ. UY LỰC CỦA PHẦN PHÁN QUYẾT TRONG BẢN ÁN. TRÁCH NHIỆM VỀ DÂN SỰ CỦA NGƯỜI LÀM CÔNG CÓ LỖ GÂY THIỆT HẠI CHO NGƯỜI ĐỆ TAM. TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ NHÂN

Uy lực của việc đã thành án dựa trên ba điều kiện: đồng nhất đương sự, đồng nhất mục đích, đồng nhất nguyên nhân.

Ba điều kiện đó, về mặt hình và về mặt hộ đều khác nhau.

Do đó, uy lực quyết tụng hình sự đối với dân sự thành ra tuyệt đối.

Nhưng uy lực của một bản án hình chỉ nằm trong phần phán quyết, mà không nằm trong phần chiếu chỉ.

Người tài xế khi tranh quyền ưu tiên của một chiếc xe từ bên phải của mình tiến tới, đã vi phạm luật đi đường, và phải chịu trách nhiệm dân sự theo điều 761 Hình luật Trung Việt.



Người chủ xe chịu trách nhiệm theo điều 764.

(*ST QUẢNG NAM 10-II-1955*) (*PLTS 1956 II. 71*)

737.— UY LỰC QUYẾT TỤNG. ÁN HÌNH ĐỐI VỚI ÁN HỘ.  
 UY LỰC TUYỆT ĐỐI. MỤC ĐÍCH. TRÁNH MÀU THUẦN.  
 ĐIỀU KIỆN. QUYẾT ĐỊNH HÌNH SỰ ĐÃ CÓ QUY LỰC  
 QUYẾT TỤNG. CĂN BẢN CHUNG.

Về uy lực quyết tụng tuyệt đối, của án hình đối với án hộ, với mục đích tránh mọi mâu thuẫn giữa tòa án hình sự và tòa án dân sự, chỉ có ảnh hưởng đến quyết định dân sự, nhưng quyết định của bản án hình một mặt đã có uy lực quyết tụng, mặt khác lại là căn bản chung cả cho hai bản án hình và hộ.

Khi tòa án hình quyết định rằng nếu in dấu tay trong văn tự bán ruộng là nguyên đơn, mà tha bổng cho các bị can, đơn khởi tố mà nguyên trình nộp sau này trước tòa án dân sự xin hủy văn tự bán ruộng ấy vì lý do phức trình của giám định viên hồ nghi về dấu in tay, không thể được tòa dân sự chấp nhận vì quyết định của án hình đã có uy lực quyết tụng tuyệt đối về vấn đề giả mạo dấu in tay và lại sự giả mạo dấu in tay cũng là căn bản chung cho cả hai bản án hình và hộ.

(*PA 29-I-1964*) (*PLTS 1964 III. 19*)

UY LỰC QUYẾT TỤNG CỦA ÁN VĂN HÌNH SỰ (X. 716 và 719)  
 ÁN VĂN HÌNH SỰ ĐỐI VỚI HÀNH CHÁNH. (X. HÀNH CHÁNH)

737.— UY LỰC QUYẾT TỤNG. CHỦ VĂN. LÝ DO CĂN BẢN.

Không những phần chủ văn bản án mà luôn cả các lý do làm căn bản cần thiết cho phần chủ văn đều có thể có uy lực quyết tụng.

Khi tòa Nhà Phố bác đơn phản tố xin hoàn số tiền lạm thu vì lý do tòa đã xác nhận căn phố tương tranh có tác dụng thương mại,

như vậy lý do này là lý do căn bản cần thiết cho phán quyết bác đơn phản tố, do đó có uy lực quyết tụng.

(PA 28-7-1965) (PLTS 1967. III. 3)

## ỦY THÁC

### 738.— HIỆU LỰC CỦA SỰ ỦY THÁC.

Hiệu lực của sự ủy thác : Người chủ ủy phải chịu hậu quả những cam kết của người thụ ủy, nếu người này hành động trong phạm vi sự ủy thác.

Nếu người thụ ủy hành động nhân danh mình và ngoài phạm vi sự ủy thác thì chỉ riêng người thụ ủy phải chịu trách nhiệm.

Quyền dụng ích của người quả phụ : Người dụng ích với tư cách quả phụ được hưởng huê lợi, nhưng không được hưởng hoa lợi về tài sản nào đã lập thành hương hỏa.

(TT Saigon 15-3-1962) (PLTS 1963. III. 76)

### LẠM DỤNG ỦY THÁC (X. 715)

## VỊ THÀNH NIÊN

ĐOẠN MÃI BẤT ĐỘNG SẢN (X. BẤT ĐỘNG SẢN)

GIÁM HỘ (X. GIÁM HỘ)

HÀNH XỬ TỔ QUYỀN (X. NĂNG LỰC TỔ TỤNG)

## VÔ HIỆU

739.— DÂN SỰ TỔ TỤNG. VÔ HIỆU VỀ THỦ TỤC. BAO YỂM. NÊU RA LẦN ĐẦU TRƯỚC TÒA PHÁ ÁN. KHÔNG THỀ CHẤP NHẬN. ĐIỀU 347 TRUNG KỲ HỘ SỰ THƯƠNG.

SỰ TỔ TỤNG PHÁP. DÂN SỰ TỔ TỤNG. ĐÒI RA DỰ SỰ. ĐIỀU 72, 73 VÀ 76 TRUNG KỲ HỘ SỰ THƯƠNG SỰ TỔ TỤNG PHÁP. TRƯỜNG HỢP KHÔNG BỐ BUỘC.

Trước Tòa Thượng thẩm, nếu đương sự không nêu những vô hiệu về thủ tục mà lại tranh luận ngay về nội dung, các sự vô hiệu ấy đã bị bao yểm chiếu điều 347 Trung kỳ hộ sự thương sự tổ tụng pháp và không thể nêu ra lần đầu tiên trước Tòa Phá án.

Chiếu điều 72 Trung kỳ hộ sự thương sự tổ tụng pháp, Thẩm Phán truyền đòi ra dự kiện các đương sự có liên hệ trực tiếp đến vụ kiện : nhưng không, phải trong trường hợp nào Thẩm phán cũng bắt buộc phải đòi mọi người liên quan đến vụ kiện ra dự sự, mặc dầu không có lời thỉnh cầu của hai bên đương sự.

Đối với những người có thể đứng nguyên đơn, buộc họ đứng ra kiện khi lương tâm họ không chấp thuận là làm một hành vi độc đoán vì vậy điều 73 bộ luật trên đề cho các thừa kế của nguyên đơn thất lộc trong khi vụ kiện đang tiến hành, tùy quyền tiếp tục vụ kiện mà không buộc họ phải dự sự.

Còn buộc người có thể đứng nguyên đơn mà tiền nhân của họ không hề đứng nguyên đơn bao giờ, phải dự sự là quá đáng, Thẩm phán không bố buộc phải đòi những người ấy ra dự sự.

(PA 31-7-1963) (PLTS 1964. I. 3)

VÔ HIỆU VỀ THỦ TỤC (X. 727)

740.— KHƯỚC BIỆN VÔ HIỆU.

Khước biện vô hiệu theo điều 259 nghị định ngày 16-3-1910 bất cứ trong trường hợp nào, bất cứ về loại nào, không thể do tòa án tự ý tuyên phán sẽ bị bao yểm nếu không được đương sự nêu lên trước mọi kháng biện hay khước biện khác trừ ra khước biện về sự vô thẩm quyền đối vật, về sự thiếu tư cách, thiếu năng lực, thiếu lợi ích.

(TT Saigon 26-5-1966) (PLTS 1966. III. 59)

## VỢ CHỒNG

### BỒN PHẬN SỐNG CHUNG (X. 115 ; 455)

741.— HIỆU LỰC CỦA HÔN THỮ. BỒN PHẬN GIÚP ĐỠ VÀ TƯƠNG TRỢ GIỮA VỢ CHỒNG. NGHĨA VỤ CẤP DƯỠNG. TRƯỜNG HỢP LY THÂN VÀ LY HÔN.

Một khi đã kết hôn, vợ chồng có bổn phận phải giúp đỡ và bảo trợ nhau, tùy theo khả năng tình trạng của mình, chồng phải cung cấp cho vợ tất cả những gì cần thiết cho sự sinh sống (điều 41 và 44 sắc luật 15/64 ngày 23-7-1964).

Nghĩa vụ cấp dưỡng phát xuất nơi bổn phận giúp đỡ và tương trợ vẫn tồn tại sau ngày vợ chồng ly thân, trừ trường hợp ly hôn (điều 89) thì người phối ngẫu có lỗi mới phải cấp dưỡng cho người kia với tính cách bồi thường.

Giá thú giữa hai vợ chồng chưa đoạn chung, hiệu lực của hôn thú chưa chấm dứt, bổn phận giúp đỡ và tương trợ còn tồn tại, người vợ có quyền đòi chồng phải cấp dưỡng.

Người chồng không viển lẽ tự đặt mình vào tình trạng trái với đạo lý khi mà người vợ về ở nơi nhà cha mẹ ruột là do sự ưng thuận của chồng và người chồng không hề đốc thúc vợ trở về cư sở hôn nhân, nơi mà y đã sống chung với một người đàn bà khác và có con với người này.

(TT Saigon 3-12-1964)(PLTS 1966. I. 124)

## VỢ GÓA

742.— QUẢ PHỤ BÀN BẤT ĐỘNG SẢN CỦA CHỒNG ĐỀ LẠI (Ở TRUNG VIỆT).

Tìm phương pháp đề chứng minh tại Tòa Thượng thẩm tư cách đề kết luận trong vụ kiện không phải là một thỉnh cầu mới.

Chánh thất quả phụ muốn bán một bất động sản trong số các di sản của chồng khi các con còn vị thành niên thì phải được Hội đồng gia tộc cho phép, nếu không thì khế ước vô hiệu.

Trong vụ dưới đây tại Tòa sơ thẩm đơn của nguyên kháng bị bác là vì lẽ không có tư cách.

Tại Tòa Thượng thẩm nguyên kháng cãi rằng y có tư cách, như vậy lời kết luận này chỉ là một phương pháp để chứng minh tư cách của nguyên kháng, chứ không phải là một lời thỉnh cầu mới nên đáng được chấp nhận.

Theo điều 344 Hộ Luật Trung Việt, khi nào một chánh thất quả phụ, đã bán một bất động sản trong các di sản của chồng không có sự cho phép của Hội đồng gia tộc trong khi các con đến vị thành niên, như định trong các điều 342 và 252 thì người thân thuộc gần nhất của người chồng quá cố có tư cách để đứng tên kiện xin tiêu hủy khế ước đoạn mãi bất hợp pháp ấy.

(TT Huế 18-12-1937) - (PLTS 1938. II. 32)

743.— BẤT ĐỘNG SẢN ĐỪNG TẶNG VỢ NHƯNG TẬU MÃI TRONG THỜI KỲ HÔN THỨ. VÔ HIỆU CỦA SỰ ĐOẠN MÃI DO NGƯỜI GÓA PHỤ MỘT MÌNH KÝ BẢN THUYẾT NGOẠI BIỂU. SỰ CẦN THIẾT CÓ SỰ NGAY TÌNH CẢ CỦA HAI BÊN MUA VÀ BÁN.

Theo tục lệ và luật pháp hiện hành, bất động sản tậu mãi trong thời kỳ hôn thú dù là của riêng của vợ hay của chồng đứng mua với tiền mình cũng là của chung của đoàn thể phu phụ.

Bị phá và thủ tiêu vì vi phạm nguyên tắc về sự vô hiệu của sự mãi mại vật của người khác, án của Tòa Thượng thẩm bác toàn thể đơn khởi tố của các con xin hủy sự đoạn mãi do một mình mẹ các y ký bán một bất động sản tậu mãi khi chồng còn sống thuộc cộng đồng tài sản của vợ chồng mà phân nửa là của sở hữu của người này do các con được thừa kế.

Thuyết ngoại biểu để đảm bảo sự an ninh trong việc thương mại chỉ có thể viện dẫn nếu sự ngay tình là chung cho cả người mua và người bán, cấu thành một pháp quyền theo câu tục dao « Sự làm chung tạc thành pháp quyền : Error communis facit jus ».

(PA 26-4-1960) (PLTS 1960 III. 9)

#### 744.— QUẢ PHỤ ĐỪNG BÁN BẤT ĐỘNG SẢN CỦA TRẺ VỊ THÀNH NIÊN.

Dưới chế độ địa bộ, theo sắc lệnh ngày 30-5-1932 người góa phụ thủ hộ muốn bán bất động sản của trẻ vị thành niên phải được Tòa án chuẩn phê.

(TT Saigon 28-4-1960) (PLTS 1960 III. 49)

#### 745.— QUYỀN DỤNG ÍCH CỦA NGƯỜI QUẢ PHỤ. THỈNH CẦU TÁN TÔ.

Quyền dụng ích khi xử hành trên những đồ vật tiêu như tiền bạc, thì người dụng ích chỉ có quyền xử dụng hẳn hoi đồ vật ấy ; và nếu người dụng ích là một quả phụ thì có toàn quyền, không phải chịu trách nhiệm gì với con cháu, lý do là vì một đàng người quả phụ, kế tiếp chồng, có tư cách là gia trưởng (đ. 344 Dân luật Bắc ; 339 Dân Luật Trung) ; đàng khác, nếu di sản của chồng có quá nhiều công nợ, chính người ấy sẽ phải đem tài sản riêng ra trả nợ (344 D. L.B. 352 D.L.T.) và người quả phụ chỉ có thể mất quyền dụng ích trong những trường hợp bất xứng hạn định theo điều 357-DLB, 352 DLT).

Quyền dụng ích của một người quả phụ là một quyền đặc biệt được qui định trong Dân Luật Bắc và dân Luật Trung bởi những điều khoản đặc biệt ; người quả phụ được quyền dụng ích hết đời mình ; khi mệnh một con cháu mới được hưởng như vậy không có trách nhiệm đối với con cháu vì tình trạng xấu tốt của bất động sản.

Còn những điều 57 sắc lệnh điền thổ ngày 21-7-1925, 572-DLB, và 593-DLT không áp dụng cho trường hợp người quả phụ

chỉ nhằm trường hợp sự dụng ích phổ thông, trong đó người dụng ích khi hết hạn, có trách nhiệm về tình trạng xấu tốt của bất động sản, và vì thế cần phải mô tả tình trạng xấu tốt ấy thì quyền dụng ích bắt đầu để phân định trách nhiệm về sau.

Luật pháp đã đặt ra những trường hợp truat quyền dụng ích của người quả phụ : người này chưa bị truat quyền thì các con riêng của chồng mà luật pháp coi như con chung của y thị-không có quyền ngăn cản, dù rằng chúng e ngại thì sẽ tẩu tán tài sản của chồng làm của riêng.

(TT Saigon 17-1-1963) (PLTS 1964 I. 158)

746.— CHÍNH THẮT QUẢ PHỤ. DÂN LUẬT TRUNG. ĐIỀU 342 VÀ 344. ĐOẠN MẠI BẤT ĐỘNG SẢN. CON THÀNH NIÊN KHÔNG THAM DỰ. HỘI ĐỒNG GIA TỘC KHÔNG CHOPHÉP. ÍCH LỢI CHO GIA ĐÌNH. KHÔNG VÔ HIỆU.

Khi chính thất quả phụ đem một bất động sản riêng của chồng hay của chung của hai vợ chồng đoạn mại mà không có sự tham dự của con thành niên, cũng không có Hội đồng gia tộc cho phép, việc đoạn mại chỉ vô hiệu nếu không có ích lợi cho gia đình theo chế tài những thẻ thức dự liệu ở điều 342 được quy định ở điều 344 Dân Luật Trung.

Sự thẩm xét về sự ích lợi cho gia đình thuộc quyền tối thượng của tòa án xét về nội vụ.

Tòa này đã áp dụng song hành hợp lực những điều 342 và 344 DLT, khi nhận xét rằng chính thất quả phụ đã bán bất động sản trong thời kỳ chiến tranh, sau khi chồng chết để nuôi con.

(PA 28-4-1965) (PLTS 1966. I. 11)

QUẢ PHỤ BÁN BẤT ĐỘNG SẢN (X. 159, 260)

847.— QUYỀN DỤNG ÍCH CỦA VỢ GOÁ. CĂN NGUYÊN. TRUẤT QUYỀN. NGƯỜI CHỒNG VÔ QUYỀN. CHÚC THƯ VÔ HIỆU.

Quyền dụng ích của người vợ góa trên toàn thể di sản của gia đình sau khi chồng chết là một quyền đặc biệt được tực lệ và án lệ công nhận ở Nam phần, và được thể hiện ở điều 320 D.L. Bắc và 312 D.Đ. Trưng.

Dưới chế độ hôn sản cổ truyền, quyền dụng ích của người vợ góa nhằm thay thế quyền thừa kế mà người vợ không được hưởng nếu vợ chồng có con và đền bù cho người vợ về sự thiệt thòi không được hưởng quyền tư hữu trên tài sản nào vì tất cả đều coi là tài sản của gia đình sau khi chồng chết.

Do đó người vợ chỉ có thể bị truất quyền sau khi chồng chết trong những trường hợp hạn định, người chồng không được phép truất quyền của người vợ bằng chúc thư.

(PA 30-3-1966) (PLTS 1967. I. 17)

#### 748.— QUYỀN LỢI NGƯỜI VỢ CHÍNH.

Theo chỉ dụ năm 1883 và chỉ dụ ngày 30-5-1932 theo các án lệ đã rõ rệt và không thay đổi thì người quả phụ, vợ chánh thức sẽ mất quyền thừa hưởng huê lợi tài sản của chồng chết để lại nếu tái giá (La Veuve ne peut être déchue de son droit d'usufruit qu'en cas d'indignité ou de remariage).

Người đàn bà đã có hôn thú bậc nhì.

Theo án lệ không thay đổi thì người vợ đương nhiên (épouse de fait) hơn nữa các người vợ có hôn thú bậc nhì (femme de rang) không khi nào được quyền thừa hưởng huê lợi tài sản của chồng chết để lại (usufruit viager) quyền lợi ấy chỉ để dành cho người vợ chánh thức (épouse légitime ou la femme de 1er rang) quả phụ mà thôi.

(Saigon 8-1-1953) (PL. số 7 trang 5)

#### 749.— GÓA PHỤ DỤNG ÍCH. XỬ DỤNG DI SẢN. ĐIỀU KIỆN SỰ THAM DỰ CỦA TRƯỞNG NAM THÀNH NIÊN. SỰ



**THAM DỰ CỦA TẤT CẢ CON TRAI THÀNH NIÊN. SỰ ĐOẠN MÃI CẦN THIẾT. ĐAU YẾU. THIẾU THỐN TIỀN TÀI. KHÔNG ĐƯỢC CÁC CON TRỢ CẤP.**

Theo luật lý và án lệ Nam, người quả phụ có quyền bán của trong di sản với điều kiện là phải có con trai trưởng hoặc tất cả con trai đã trưởng thành tham dự vào việc bán và miễn là việc bán này phải cần thiết.

Hiện nay đã 90 tuổi, gần đất xa trời, đau yếu luôn, thiếu thốn tiền tài, không được các con trợ cấp, người góa phụ có lý do cần thiết để đoạn mãi của di sản, với mục đích cao cả không vụ lợi là phần nào để dung dưỡng tuổi già thuộc thang còn thì quân phân đồng đều cho tất cả các con cháu.

*(TT Saigon 15-4-1961) (PLTS 1961. II. 80)*

**750. — NĂNG LỰC TỔ TỤNG CỦA NGƯỜI QUẢ PHỤ, ỨNG DỤNG THU LỢI. QUYỀN HẠN QUẢN LÝ VÀ HƯỞNG DỤNG DI SẢN. TƯ CÁCH NGƯỜI QUẢ PHỤ KIẾN ĐÒI NỢ KÊ THIẾU TIỀN CỦA CHỒNG MÌNH.**

Khi người quả phụ hưởng lợi đã xử dụng tài sản của chồng bằng cách bán đi hay thiết lập một vật quyền trên tài sản đó, mà không có trưởng tộc hộ trợ và tất cả thừa kế của chồng tham dự thì những hành vi xử dụng đó — ngoài các trường hợp luật định — đều vô hiệu về mặt pháp lý bởi vì người quả phụ có phạm sự giữ nguyên vẹn của cải cho nhà chồng.

Người quả phụ hưởng lợi có tư cách để kiện đòi nợ kẻ thiếu tiền chồng mình với danh nghĩa người kẻ tục nhân cách dân sự và pháp lý của chồng (*continuateur de la personnalité civil et juridique du mari défunt*).

Người quả phụ không thể nhân danh riêng mà khởi tố và phải hành động với danh nghĩa đại diện các người thừa kế của chồng.

*(HGRQ VINH-LONG 14-5-1954) (PLTS 1955. I. 54)*

751.— QUYỀN CỦA CHÁNH THẮT QUẢ PHỤ. ĐỐI VỚI VIỆC QUẢN TRỊ DI SẢN CỦA CHỒNG VÀ QUYỀN NGĂN CẢN VIỆC CHIA DI SẢN VÀ NHIỆM VỤ NUÔI DƯỠNG CÁC CON VÀ CÁC VỢ THỨ.

Theo các điều 340 và 346 Hộ luật Trung Việt sau khi chồng chết, chánh thất quả phụ có quyền quản trị di sản của chồng, có quyền ngăn cản việc chia di sản ấy, nhưng trong trường hợp này chánh thất quả phụ có nhiệm vụ tùy theo khả năng của di sản nuôi dưỡng giáo dục các con chồng, con của chính mình cũng như con của các vợ thứ sinh ra, ngoài ra chánh thất quả phụ, còn có nhiệm vụ cấp dưỡng cho các vợ thứ của chồng nữa.

(TT HUẾ 2-4-1958) (PLTS 1959 II. 50)

752.— QUYỀN GIÁM HỘ CỦA NGƯỜI QUẢ PHỤ. XIN TRUẤT QUYỀN GIÁM HỘ CỦA NGƯỜI QUẢ PHỤ VÌ VÔ HẠNH. LỢI ÍCH CỦA ĐỨA TRẺ (ĐIỀU 224 HỘ LUẬT TRUNG VIỆT VÀ ÁN LỆ DALLOZ. TUTELLA, N° 102 P. 651). TÌNH MẪU TỬ.

Trong vụ dưới đây, không có bằng chứng chắc chắn là quả phụ Nguyễn-thị-Phẩm đã vô hạnh, chỉ có nghi vấn. Vì vậy nếu Tòa án áp dụng một cách cứng rắn và máy móc điều 224 Hộ Luật Trung Việt thì có thể truất quyền 2 con của Nguyễn-thị-Phẩm. Tuy nhiên theo Hộ luật Trung Việt (Điều 224) cũng như theo luật học và án lệ nhất định, Tòa án cần căn cứ vào sự bổ ích của đứa trẻ.

Điều 224 Hộ luật Trung Việt: « . . . . .  
cần giữ quyền lợi cho con cái ấy . . . ».

Jurisprudence Dalloz. Tutelle. P- 651, N° 102 : « Les faits d'inconduite notoire invoqués sont souverainement appréciés par le Tribunal . . . . .  
Le Tribunal doit prendre en considération l'intérêt du mineur ».

Sở dĩ nhà làm luật cũng như các Tòa án đề trọng tâm như vậy là vì tình mẫu tử là một tình thiêng liêng không có thể thay thế được. Nếu giao hai cháu cho ông nội nuôi, sự giáo dục của ông nội, nếu có thành tâm đi nữa cũng chỉ sẽ là khô khan, vì thiếu sự nâng niu che chở thiên nhiên của người mẹ rất cần thiết cho đứa trẻ.

(TT HUẾ 29-4-1959) (PLTS. 1959. II.69)

VỢ GÓA BẠN BẮT ĐỘNG SẢN (X. 260. 159)

oOo

## ĐOẠN THỨ HAI

# ÁN LỆ ĐIỀN ĐỊA

573.— TÒA ÁN ĐIỀN ĐỊA. THẨM QUYỀN. TRANH CHẤP GIỮA CÁC ĐỒNG THỪA KẾ. HƯƠNG HỎA. TÍNH CHẤT PHÁP LÝ.

Chiếu theo điều 26 Dự số 57 ngày 22-10-1956 và điều 1 Sắc lệnh ngày 22-11-1957 tòa điền địa có thẩm quyền xét xử những « vi phạm và tranh tụng xảy ra trong khi thi hành dự » ấy; những tranh tụng này thuộc về sự thực hiện chính sách điền địa mà đối tượng là truất hữu những địa chủ có quá nhiều ruộng đất, để hữu sản hóa một số người ấn định ở điều 12 chỉ dụ, mà luật pháp cho là đặc biệt đáng nâng đỡ.

Sự tranh chấp xảy ra giữa những đồng thừa kế về sự phân chia ruộng hương hỏa bị cải dụng vì quá 15 mẫu và sự phân chia đất hương hỏa, thuộc về tính chất pháp lý của các ruộng ấy, không thuộc thẩm quyền của tòa đặc biệt điền địa vì không thuộc phạm vi đối tượng của sự cải cách điền địa.

Chiếu điều 5 Dự số 57 ngày 22-10-1957 diện tích phần đất hương hỏa không được quá 15 mẫu tây, ruộng hương hỏa thặng dự quá 15 mẫu đã mất tính cách hương hỏa, vì luật đã truất quyền thừa hưởng của những người thừa tự chính thức, vậy sự phân chia những ruộng này không vi luật.

(PA 27-1-1965) (PLTS 1965. III. 3)

LAM TỐ (X. TỐ QUYỀN)

754.— LUẬT CẢI CÁCH ĐIỀN ĐỊA. SỰ THUÊ LẠI RUỘNG HAY NHƯỢNG KHẾ ƯỚC TÁ ĐIỀN CHO NGƯỜI ĐỆ TAM.

Điều 8 Dự số 20 ngày 4-6-1953 cấm tá điền cho thuê ruộng lại hay nhượng khế ước cho một người đệ tam, nếu không có sự ưng thuận của chủ điền.

Trong trường hợp thuê ruộng lại mà không có sự ưng thuận của chủ điền, thì sau khi người tá điền chánh đã trả ruộng, nếu người thuê lại còn choán đất, thì y chỉ là người chiếm cứ vô quyền, y không được quyền ngăn cản chủ điền trong việc canh tác sở ruộng đó.

(TT Saigon 20-11-1958) (PLTS 1959. II. 30)

755.— DỰ SỐ 57 NGÀY 22-10-1956. ĐIỀU 9 VÀ 10. DI SẢN CỦA NGƯỜI MỆNH MỘT TRƯỚC NGÀY BAN HÀNH DỰ. KHÔNG ÁP DỤNG THÔNG TƯ CƠ QUAN HÀNH PHÁP. THÔNG TƯ SỐ 22/DTCC/TT NGÀY 28-5-1957 CỦA BỘ CẢI CÁCH ĐIỀN ĐỊA. KHÔNG HIỆU LỰC BÓ BUỘC TÒA. CHỨNG THƯ TƯƠNG PHẢN CÓ NHẬT KÝ CHẮC CHẴN. KHÔNG CẦN.

Điều 9 và 10 Dự số 57 ngày 22-10-1956 về cải cách điền địa không áp dụng đối với di sản của những người mệnh một trước ngày Dự này được ban hành mặc dầu có quan điểm khác của Bộ Cải cách Điền địa nơi thông tư số 22/DTCC/TT ngày 28-5-1957. Một Thông tư không có hiệu lực bó buộc được tòa án.

Về phần những người mệnh một trước ngày Dự 57 được ban hành, tài sản phải, được phân chia cho các thừa kế và chỉ khi nào kỹ phần của họ quá số 100 mẫu chừng ấy họ mới phải bị trừất hữu theo luật cải cách điền địa là vì quyền lợi của họ đã xuất sinh ngay từ khi di sản khai phát theo những nguyên tắc sơ thường về luật di sản xuất sinh từ trước khi đạo luật mới được ban hành mà luật này tại không có hồi tiền hiệu lực. Không thể nói được rằng di sản này là một khối duy nhất theo nghĩa luật cải cách điền địa vì rằng chủ thể không còn và do sự mệnh một ấy, và ngay từ ngày mệnh một, di sản thuộc quyền cộng hữu của các thừa kế nghĩa là có nhiều chủ thể duy nhất.

Do đấy, không có lý do gì bắt buộc các thừa kế phải có giấy tờ tương phân có nhật ký chắc chắn, vì rằng sự tương phân chỉ xác nhận những quyền lợi thủ đắc bất khả trách nại của người thừa kế.

(*TT Saigon 21-6-1961*) (PLTS 1961 IV. 72)

756.— ỦY BAN NÔNG VỤ. HÒA GIẢI TRƯỚC ỦY BAN NÔNG VỤ. THÀNH PHẦN ỦY BAN NÔNG VỤ.

Các vụ xung đột hay tranh chấp về khế ước tá điền bắt buộc phải ra Ủy Ban Nông Vụ hòa giải trước, nếu không thành sẽ do Tòa án dân sự xét xử sau. Việc kiện cáo nào trực tiếp ngay với Tòa án Dân sự, chứ không đưa ra Ủy ban nông vụ hòa giải trước sẽ bị bác đơn.

Việc hòa giải trước Ông Quận trưởng kiêm thẩm phán hòa giải không thể thay thế việc hòa giải trước Ủy Ban Nông Vụ Quận được vì lẽ rằng Ủy Ban Nông Vụ Quận tổ chức theo thành phần mới ở dụ số 2 ngày 8-1-1955, ngoài quận trưởng làm chủ tịch còn có thêm 5 chủ điền và 2 tá điền làm ủy viên.

(*ST HUẾ 8-II-1955*) (PLTS 1955 IV. 48)

TRANH CHẤP VỀ ĐIỀN ĐỊA. HÒA GIẢI TRƯỚC ỦY BAN NÔNG VỤ TỈNH.

Theo điều 24 và 25 Dụ số 2 ngày 8-1-1955 sửa đổi dụ số 20 ngày 4-6-1653 về quy chế tá điền, thì trước khi khởi tố, việc xung đột hay tranh chấp phải được Ủy Ban Nông Vụ tỉnh hòa giải trước, và tòa án không thể chấp đơn những vụ tranh chấp về điền địa, nếu những vụ ấy chưa được hòa giải trước ủy Ban Nông Vụ Tỉnh.

(*TT Saigon 29-1-1959*) (PLTS 1959 I. 41)

HƯƠNG HỎA CẢI DỤNG (X. 298)

757.— KHẾ ƯỚC TÁ ĐIỀN. QUYỀN TIÊN MÃI.

Khi người chủ điền muốn bán một sớ ruộng, người tá điền được quyền ưu tiên mua sớ ruộng ấy nếu nhận điều kiện của người đệ tam đưa ra với người chủ điền.

Chủ điền có thể báo trước ý định bán ruộng cho tá điền và luôn cả cho người đệ tam.

Nhưng việc quan trọng mà người chủ điền phải thi hành là phải truyền rao cho người tá điền giá mà người đệ tam đã nhận mua để cho người tá điền, nếu trả đồng giá với người đệ tam thì có quyền được mua thửa ruộng mà mình đang canh tác.

(TÒA ÁN ĐẶC BIỆT ĐIỀN ĐÌA SAIGON 26.2-1959)

(PLTS 1959. I. 79)

758.— THỦ TỤC. QUYỀN LƯU CANH. NGƯỜI CHIẾM RUỘNG VÔ QUYỀN.

Theo điều 129 Nghị định 16-3-1910, chỉ được can thiệp vào vụ kháng cáo những người có quyền đứng đệ tam kháng tố mà thôi.

Chỉ có những tá điền hợp lệ mới được hưởng quyền lưu canh. Những người chiếm ruộng vô quyền không được hưởng quyền đó, nên không thể viện cớ chủ ruộng lấy ruộng lại để cho mượn chớ không phải để tự canh tác, để không chịu trả ruộng.

(TT Saigon 25-7-1957) (PLTS 1958. II. 17)

759.— QUYỀN TIÊN MÃI. ĐIỀU 24 DỰ SỐ 2 NGÀY 8-1-1955 SỬA ĐỔI DỰ SỐ 20 NGÀY 4-6-1953. TRANH CHẤP GIỮA CHỦ ĐIỀN VÀ TÁ ĐIỀN VỀ QUYỀN TIÊN MÃI. ỦY BAN NÔNG VỤ. HÒA GIẢI.

Các vụ tranh chấp giữa chủ điền và tá điền về quyền tiên mãi của tá điền, cần phải đưa ra hòa giải trước Ủy Ban Nông Vụ. các ủy ban này có nhiệm vụ hòa giải không những là các vụ tranh chấp về kế ước tá điền mà thôi, mà tất cả các việc xung đột giữa chủ điền và tá điền trong khi thi hành kế ước tá điền.

Các điều khoản của Dự về cải cách điền địa liên quan đến trật tự công cộng, Tòa án không thể chấp nhận đơn khởi tố trước khi Ủy Ban Nông Vụ hòa giải.

(TT 24-7-1958) (PLTS 1958. III. 26)

760.— THỜI HẠN KHẾ ƯỚC TÁ ĐIỀN.

Nheo điều 6 dự số 20 ngày 4-6-1953 : thời hạn khế ước tá điền tối thiểu là 5 năm và điều khoản này có tính cách trật tự công cộng hai bên chủ điền và tá điền không thể tự ý kết ước trái với những điều khoản ấy.

Một khế ước ấn định một thời hạn cho thuê ruộng ít hơn thời hạn 2 năm không thể làm căn bản cho một đơn khởi tố xin giải trừ hoặc không tái hạn khế ước.

Nhưng các khế ước không phải là hoàn toàn vô hiệu lực vì có thể điều chỉnh để được hợp thức theo tinh thần điều 28 Dự 20 ngày Dự số 2 ngày 8-1-1955.

(TÒA ÁN ĐẶC BIỆT ĐIỀN ĐỊA SAIGON 17-7-1958)

(PLTS 1958. III. 82)

761.— KHÁNG CÁO. DỰ SỐ 57 NGÀY 20-10-1956. TƯỞNG PHÂN.

Về hộ sự, thời hạn kháng cáo của Viện Chương lý chỉ khởi thủy từ ngày phán quyết bị kháng cáo được tổng đạt cho ông Chương lý.

Theo điều 9 Dự số 57 ngày 22-10-1956 các vụ tương phân ruộng đất làm sau ngày ban hành Dự này đều vô giá trị và vô hiệu.

(TT Saigon 22-5-1958) (PLTS 1958. IV. II)

762.— DỰ SỐ 57 NGÀY 22-10-1956 VỀ CẢI CÁCH ĐIỀN ĐỊA. DIỆN TÍCH TỐI ĐA MÀ CHỦ ĐIỀN ĐƯỢC GIỮ. TRUẤT HỮU. TƯỞNG PHÂN DI SẢN.

Theo điều 3 Dự số 57 ngày 22-10-1956, diện tích tối đa mà các chủ điền được giữ là 100 mẫu, còn dư bao nhiêu điều bị truất hữu.



Theo điều 9 và 10 thì trong trường hợp tương phân điền sản của người quá cố trước ngày ban hành dụ số 57, muốn cho tài đoàn kế sản khỏi bị chi phối bởi điều 3, các thừa kế phải làm tờ thuận phân trước ngày ban hành Dụ số 57, nếu thuận phân lập sau ngày ấy, thì tài đoàn kế sản không được hưởng sự miễn trừ dự liệu ở điều 19 và bị chi phối bởi điều 3.

Trong hiện vụ, không có một chứng thư nào được lập trước ngày ban hành Dụ Số 57, mặc dầu chủ di sản từ trần trước ngày ấy. Tòa án không thể dạy tương phân tài sản trước khi việc truất hữu được thực hiện.

(TT Saigon 13-8-1959) (PLTS 1959. IV. 43)

763.— THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN ĐIỀN ĐỊA.

Tòa điền địa là một tòa đặc biệt, chỉ có thẩm quyền riêng về những vụ tranh tụng do luật pháp đã định cho tòa ấy một cách minh thị.

Định chế căn bản cho chính sách điền địa là sự truất hữu : về hộ sự, chỉ có những sự tranh tụng về tính cách xác đáng của sự truất hữu hay về tiền bồi thường là thuộc thẩm quyền Tòa điền địa.

Theo điều 5 Dụ số 57/1956 sự triết khấu hương hỏa quá 15 mẫu sẽ do một ủy ban đặc biệt ấn định về diện tích.

Ủy ban này chưa được thành lập : trong thực tế, Hội đồng gia tộc được chỉ định phần hương hỏa muốn giữ lại (do thông cáo ngày 10-3-1960 của Bộ Cải Cách Điền Địa).

(TT Saigon 15-2-1962) (PLTS 1963. II. III)

764.— TÒA ÁN ĐIỀN ĐỊA THẨM QUYỀN XÉT XỬ CÁC VỤ TRANH TỤNG VỀ ĐỊA TÔ TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP (CÓ KHẾ ƯỚC VÀ KHÔNG KHẾ ƯỚC).

Chủ điền đòi địa tô quá mức tối đa 25% huê lợi vụ mùa trong năm. Tá điền khiếm khuyết nghĩa vụ đóng địa tô (điều 9 mới Dụ số 20 ngày 4-6-1953 ấn định quy chế tá điền). Tòa có quyền cho giải trừ khế ước tá điền và cho chủ điền lấy lại ruộng.

(TÒA ÁN ĐẶC BIỆT ĐIỀN ĐỊA ĐỊNH TƯỜNG 9-II-1962)

(PLTS 1965 II. 140)

## ÁN LỆ LAO ĐỘNG

### LAO ĐỘNG

#### 765.— ÁN LƯƠNG GIỜ VÀ LỆ NGHỈ HÀNG NĂM.

Nếu chỉ làm khoán ăn lương giờ thì không thể được hưởng lệ nghỉ hàng năm. Theo án lệ thời hạn tối thiểu làm việc thật sự chỉ có thể tính bằng ngày, tháng hay tuần.

(PT Saigon 27-9-1955) (PLTS 1956. III. 59)

#### 766.— BỒI THƯỜNG PHẠM PHÁP VỀ LAO ĐỘNG (ĐIỀU 36c LUẬT LAO ĐỘNG).

Việc xử cho bồi thường vì phạm pháp lao động (điều 36c luật lao động) thuộc quyền Tòa án tiểu hình. Nếu Tòa tiểu hình chưa xử vụ phạm pháp, thì tòa án dân sự chỉ có nhiệm vụ xử về mặt hộ và áp dụng luật lao động về yáp lý dân sự. Vì vậy Tòa án dân sự phải áp dụng điều 131 luật lao động và điều 2721 Dân luật về thời hạn tiêu diệt về sự tố tụng đòi lương. Không áp dụng là xử trái với nguyên tắc trên.

(TT HUẾ 4-1-1956) (PLTS 1956. I. 65)

#### 767.— BÃI ƯỚC VÌ LỖI NẶNG. BÃI ƯỚC QUÁ LẠM. LUẬT LAO ĐỘNG. ĐIỀU 32, 38, 40. LẠM THẢI. LẠM QUYỀN THIẾT HẠI CHO CÔNG NHÂN BỊ SA THẢI. SƠ SÓT ĐÁNG TRÁCH. THẨM PHÁN XỬ VỀ TÌNH LÝ. TOÀN QUYỀN THẨM LƯỢNG ĐỊNH TIỀN BỒI THƯỜNG.

Khế ước lao công không hạn định có thể hủy bãi do ý muốn của một bên đương sự, nhưng phải tôn trọng thời hạn bãi ước (điều 32) có thể hủy bãi lập tức khế ước, khi một bên đương sự phạm lỗi nặng (điều 38).

Trái lại sự bãi ước quá lạm, căn cứ vào thuyết lạm quyền, xảy ra khi người chủ động bãi ước đã lạm dụng quyền hạn của mình để làm thiệt hại cho đối phương.

Phải coi là có sự lạm thái khi chủ nhân cố ý làm thiệt hại cho công nhân mà đem sa thải, hoặc làm sai chiều quyền hạn của mình như sa thải một công nhân vì người này hoạt động cho nghiệp đoàn hoặc có sự sơ soa đáng trách trong việc bãi ước.

Thẩm phán xử về tình lý có toàn quyền thẩm lượng về sự thiệt hại của công nhân bị lạm thái và định liệu một số tiền bồi thường.

(PA 27-7-1966) (PLTS 1966 IV. 26)

#### 768.— CAI THẦU. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CHỦ.

Cai thầu là người trung gian giữa thợ và chủ nhân được mượn nhân công, cung cấp vật liệu hay làm các công việc nhất định.

Dẫu chủ nhân trả lương trực tiếp cho thợ, hoặc cai thầu trả thay thế cho chủ, người chủ vẫn phải chịu trách nhiệm đối với thợ về các khoản tiền lương, bồi thường tai nạn v.v...

Theo điều 66 Bộ Luật Lao động, trong trường hợp cai thầu không trả nổi hay trốn tránh, thì chủ nhân phải thay thế họ mà trả lương, tiền bồi thường tai nạn v.v... cho các công nhân.

(TT Saigon 13-2-1958) (PLTS 1959. II. 27)

#### 769.— CỘNG ĐỒNG HIỆP ƯỚC. ĐIỀU 70, 73 LUẬT LAO ĐỘNG. QUI ƯỚC NHÂN VIÊN HÒA XÁ. ĐIỀU 116, 117, 121 VÀ 122. HỘI ĐỒNG KÝ LUẬT. Ý KIẾN BÓ BUỘC. SA THẢI QUÁ LẠM.

Sa thái công nhân mà không hỏi ý kiến của Hội đồng kỷ luật như cộng đồng hiệp ước đã bó buộc, là sa thái quá lạm vì chủ nhân bị coi là đã hành động nông nổi đáng trách.

Trong trường hợp này, công nhân chỉ cần chứng minh tính cách bất hợp thức của sự sa thải mà không phải dẫn chứng các lý do bất chính hay ác ý của chủ nhân.

(PA 26-10-1966) (PLTS 1967. II. 20)

770.— TẠM GIAM. KHÔNG CHẤM DỨT KHẾ ƯỚC. XÍ NGHIỆP THAY CHỦ NHÂN. KHẾ ƯỚC TIẾP TỤC.

Sự tạm giam để điều tra vì tình nghi phạm pháp mặc dầu kéo dài quá một năm, rồi được trả tự do không chấm dứt khế ước lao động vì không phải bị giam cầm bởi phạm một trọng tội hay khinh tội (điều 41 Bộ Luật Lao Động).

Vì vậy, không bị chấm dứt, khế ước lao động giữa công nhân bị tạm giam được tính để ấn định trợ cấp thôi việc của công nhân chiếu điều 48-2 và 48-3 của Bộ Luật Lao Động (tức là Dự số 9 ngày 8-2-1955).

(PA 26-10-1966) (PLTS 1967. II. 31)

771.— KHẾ ƯỚC LAO ĐỘNG. ĐỊNH NGHĨA. TÍNH CHẤT.

THẨM QUYỀN. ĐỊA PHƯƠNG CHƯA CÓ TÒA ÁN LAO ĐỘNG. TÒA ÁN DÂN SỰ XÉT XỬ VỤ LAO ĐỘNG. VỤ KIẾN KHÔNG CÓ TÍNH CHẤT LAO ĐỘNG. TÒA THƯỢNG THẨM DI LÝ.

Khế ước lao động là bản văn qui định những mối quan hệ cần lao giữa một đảng là chủ nhân, một đảng là thợ thuyền, thuộc viên hay kẻ học nghề theo đó các người sau này cho mượn sức cần lao của mình để lấy tiền công, dưới quyền giám đốc của chủ và làm việc cho chủ.

Không hội đủ tính chất lao động, một khế ước theo đó một đương sự nhận lãnh khai phá một khu rừng với những nhân công mà tự ý tuyển mộ và điều khiển. Với tính cách này, khế ước trên là một khế ước lãnh thầu không phải là một khế ước lao động và không thuộc thẩm quyền Tòa án lao động.

Tuy, nhiên, tại địa phương chưa có tòa án lao động, vụ kiện đã được Tòa sơ thẩm hay tòa hòa giải rộng quyền xét xử với thành phần thường lệ. sau khi thẩm phán đã hòa giải hai bên và trong án văn có ghi là Tòa xử về việc lao động thì chỉ cần vụ tuyên nhận tranh tụng không có tính cách một vụ tranh chấp lao động, còn sự tuyên bố vô thẩm quyền không cần thiết vì không có hậu quả làm cho tòa trên phải di lý để một Tòa đặc biệt khác thụ lý.

(*TT Saigon 29-6-1961*) (*PLTS 1962 I.44*)

**TÒA DÂN SỰ VỀ KHẾ ƯỚC HÀNH CHÍNH (X. 405)**

**TÒA DÂN SỰ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC (X. 145)**

**772.— TRANH CHẤP CÁ NHÂN. TỜ BIÊN NHẬN ĐỀ THANH TOÁN MỌI KHOẢN. TÍNH CHẤT. ĐIỀU ĐỊNH ĐẶC LOẠI.**

Bản chất của một biên nhận đề thanh toán mọi khoản là một sự điều đình nhưng thuộc một định chế đặc biệt. Là một sự điều đình, tờ biên nhận đề thanh toán mọi khoản có hiệu lực giải trái đối với những quyền lợi đã được thanh toán trong biên nhận. Nhưng sự điều đình này vì đặc loại nên tuy biểu hiệu song vẫn có thể bị cáo bãi theo thủ tục luật định.

Vì vậy ký biên nhận đề thanh toán, mọi khoản mà không cáo bãi chứng thư trên trong thời hạn và theo thủ tục luật định người công nhân đã thất quyền đòi hỏi chủ nhân về mọi khoản làm đối tượng cho chứng thư này và đơn khởi tố của y thị bị bác chấp.

(*TT Saigon 1-9-1966*) (*PLTS 1966. III. 147*)

## 773.— BÃI NẠI.

Cao thị Vĩnh đã có lãnh của chủ nhân một số tiền bồi thường và tiền chôn cất Ngô văn Ba và có khai trong cuộc điều tra thì ưng thuận lãnh số tiền này và không kêu nại điều chi. Sự bãi nại ấy vô giá trị, chiếu điều 37-Nghị định 31-1-1944, sự ưng thuận của Cao thị Vĩnh không có hiệu lực của 1 sự bãi nại hợp pháp. Cao thị Vĩnh vẫn được quyền kiện bồi thường mặc dầu đã bãi nại.

(TT Saigon 14-3-1957) (PL. số 30 trang 6)

## 774.— ĐIỀU 1 VÀ 2 LUẬT LAO ĐỘNG. GIA NHÂN. BOY. TUYỂN DO HỘI TƯ. NƠI LÀM VIỆC. CÁCH THỨC TRẢ LƯƠNG CÔNG VIỆC LÀM.

Theo điều 1 luật lao động, bộ luật này không áp dụng cho gia nhân.

Công việc của người «boy» nhằm phục dịch riêng người chủ có tính cách công việc của gia nhân như đã định nghĩa ở điều 2 luật lao động, Tính cách gia nhân phải xét định theo công việc giao phó, còn nơi làm việc, cách trả lương và sự kiện được tuyển dụng do một hội tư không thay đổi gì tánh cách ấy.

(PA 31-3-1965) (PLTS 1965. IV. 53)

## 775.— KHẾ ƯỚC LAO ĐỘNG LÀ KHẾ ƯỚC DÂN SỰ. PHỤ THUỘC. NGUYÊN TẮC PHỤ TÙNG CHÍNH. THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN LAO ĐỘNG. GIÁ TRỊ PHÁP LÝ CỦA CÁC VĂN THƯ HÀNH CHÍNH.

Khế ước gia nhập quỹ dự phòng của một hãng thương mại lập cho công nhân hãng ấy là một khế ước dân sự phụ thuộc khế ước lao động. Sự giải thích và phân xử về những tranh chấp do khế ước nói trên thuộc thẩm quyền Tòa án Lao động theo nguyên tắc « Phụ tùng chính ».

Điều 48 S 4 Luật Lao động không ấn định trợ cấp thôi việc do luật định không thể kiêm nhiệm với các khoản tiền khác nạp quá dự phòng cho công nhân, mà trái lại đã minh thị định rằng trong mọi trường hợp những quyền lợi công nhân được hưởng do khế ước hay cam kết đang thi hành không thể vì sự đặt ra khoản trợ cấp thôi việc mà giảm đi một phần hay bị hủy bỏ, văn thư giải thích trái nghĩa của Nha Tổng lao động không thể thay thế luật pháp và không ngược hiệu lực bó buộc đối với các Tòa án để giải thích luật pháp để áp dụng trong các vụ tranh tụng diễn ra trước Tòa.

(PA 26-9-1962) (PLTS 1962. III. 46)

776.— LÀM KHOẢN. KHẾ ƯỚC LAO ĐỘNG. LÀM VIỆC DƯỚI SỰ ĐIỀU KHIỂN CHỈ HUY VÀ KIỂM SOÁT CỦA NGƯỜI CHỦ.

Sự làm khoán chỉ là một khế ước lao động, khi nào công nhân, tuy lãnh lương khoán nhưng làm việc dưới sự điều khiển, chỉ huy tại chỗ của người chủ để người này kiểm soát về năng suất của công nhân.

Khi người làm khoán muốn lãnh bao nhiêu công việc cũng được, muốn làm bao nhiêu tùy ý, không làm cũng không sao, vậy không có khế ước lao động.

(PA 31-3-1965) (PLTS 1965. IV. 52)

KHẾ ƯỚC LAO ĐỘNG (X. 771, 775)

777.— KHẾ ƯỚC LAO ĐỘNG. THỜI HẠN BÁO THÔI. ĐẶC BIỆT. KHẾ ƯỚC MẶC NHIÊN TIẾP TỤC. THỜI HẠN BÁO THÔI, GIỮ NGUYÊN.

Khi khế ước lao động có hạn định được mặc nhiên tái tục, khế ước này trở thành khế ước vô hạn định, nhưng vẫn giữ nguyên tất cả những điều kiện khác của khế ước cũ, kể cả các điều khoản ấn

định một thời hạn báo thiê khác biệt với thời hạn quy định bởi tập quán nơi thuê mướn.

Điều 33 Bộ Luật Lao động chỉ ấn định thời hạn bãi ước ít nhất, hai bên cộng ước có thể định một thời hạn dài hơn, thời hạn dài quy định phải coi là một khoản làm cho dễ dàng sự giải tiêu khế ước và nhắm vào sự quan trọng của chức vụ khó thay thế và khó kiếm ra của công nhân.

(PA. 26-10-1966) (PLTS 1967 II. 13)

778.— KHÁNG CÁO LAO ĐỘNG. BỘ LUẬT LAO ĐỘNG NGÀY 8-7-1952. ĐIỀU 276 KHÁNG CÁO BẰNG ĐƠN. NGÀY KHÁNG CÁO. NGÀY NỘP ĐƠN.

Khi đương sự nộp đơn cho Tòa án đề kháng cáo chống một bản án xử về lao động bởi Tòa án Lao động: hay Tòa án dân sự phổ thông trong địa phận nào chưa lập Tòa án Lao động, để xét xem đương sự có kháng cáo trong thời hạn tám ngày sau ngày tuyên án, định ở điều 276 Bộ Luật Lao động không, ngày nộp đơn tại Tòa án Lao động hay tại Tòa án Dân sự xử về lao động phải được coi là ngày kháng cáo.

(PA 31-5-1961) (PLTS 1961. IV. 30)

LAO ĐỘNG. KHÁNG CÁO. THỜI HẠN. NGÀY KHỞI LƯU.

Trong mọi trường hợp, không kể là đương sự có mặt hay không, khi tòa tuyên án, thời hạn kháng cáo là 8 ngày và kể từ ngày tuyên án.

(PA 23-2-1966) (PLTS 1967. I. 11)

779.— LỖI. SỰ KIỆN. NHẬN XÉT. THẨM PHÁN XÉT VỀ TÌNH LÝ. TÒA PHÁ ÁN. QUYỀN KIỂM SOÁT.

Nếu thẩm phán xét về tình lý có toàn quyền nhận xét về các sự kiện, tòa phá án có quyền kiểm soát xem các sự kiện ấy do thẩm



phán xét về nội vụ nêu ra đề kết luận rằng công nhân đã phạm lỗi nặng có thực hợp thành một lỗi nặng khiến cho công nhân phải sa thải không.

(PA 29-12-1965) (PLTS 1966. II. 46)

780.— LẠM THẢI. LỖI. ÁC Ý. HẤP TẮP.

ƯỚC LƯỢNG SỰ THIỆT HẠI. TOÀN QUYỀN THẨM LƯỢNG CỦA TÒA XỬ VỀ TÌNH LÝ. ĐIỀU 32 LUẬT LAO ĐỘNG. TÍNH CÁCH CHỈ DẪN.

ĐÒI TIỀN LƯƠNG. TIÊU DIỆT THỜI HIỆU. ĐIỀU 131 LUẬT LAO ĐỘNG. PHẢI NÊU LÊN TRƯỚC TÒA XỬ VỀ TÌNH LÝ.

Muốn có lạm thải, chủ nhân phải đã phạm vào một lỗi. Sự ác ý tự thê là một lỗi nhưng không là một yếu tố cần thiết, chỉ cần hành động hấp tấp, bông bột đáng trách trong việc sa thải là chủ nhân có lỗi

Tòa xử về tình lý có toàn quyền nhận định những sự kiện thành tựu lỗi của chủ nhân trong sự sa thải. Tòa Phá án chỉ kiểm soát sự định danh những sự kiện ấy xem những sự kiện ấy có được định danh đúng lý là một lỗi không.

Tòa xử về tình lý có toàn quyền ước lượng sự thiệt hại, điều 32 đoạn chót luật lao động chỉ có tính cách chỉ dẫn cho tòa án về sự ước lượng ấy.

Tòa án không có quyền tự ý viện dẫn sự tiêu diệt thời hiệu tố quyền đòi tiền lương, chiếu điều 131 Luật Lao động.

Đương sự phải tự nêu lên trước Tòa xử về tình lý, sự tiêu diệt thời hiệu nói trên.

(PA 27-1-1965) (PLTS. 1965. III. 6)

781.— NGHỈ HÀNG NĂM. THỜI GIAN ĐÃ LÀM VIỆC. ĐIỀU 200 BỘ LUẬT LAO ĐỘNG. MỘT NĂM LIÊN TỤC. HAY ÍT NHẤT SÁU THÁNG LIÊN TỤC TÍNH ĐẾN THỜI KỲ THƯỜNG ĐỊNH ĐI NGHỈ.

Điều 200 khoản I Bộ Luật Lao động định rằng công nhân phải làm việc liên tiếp một năm mới được hưởng những ngày nghỉ hàng năm.

Khoản 3 của điều ấy lại định một ngoại lệ rằng nếu thời kỳ thường định cho công nhân trong hăng đi nghỉ đến, thì sau khi làm việc được ít nhất sáu tháng liên tiếp, công nhân có quyền nghỉ một tuần lễ có ăn lương trong đó có ít nữa là 6 ngày có thể làm việc được.

Nếu dịp nghỉ Tết Nguyên Đán là thời kỳ thường định của một xí nghiệp để cho công nhân chỉ mới làm việc được có 11 tháng cũng có quyền được nghỉ có ăn lương.

(PA 29-1-1964) (PLTS 1964. III. 24)

### LAO ĐỘNG. NGHỈ HÀNG NĂM.

Công nhân nghỉ việc hơn hai năm qua, kiện đòi tiền các ngày nghỉ hằng năm và các ngày lễ pháp định. Tiêu diệt thời hiệu. Điều 131 luật lao động và điều 2271 Dân Luật. Nghị định số 23-LĐTNL Đ: INĐ ngày 24-2-1955 : công nhân nào làm việc được 144 ngày thực sự trong xí nghiệp tức là thời gian tương đương với 6 tháng trong một năm, thì được nghỉ 7 ngày có lương về ngày nghỉ hàng năm.

(TT Saigon 11-2-1960) (PLTS 1960. III. 41)

782.— THỦ TỤC TỔ TỤNG. QUYỀN HẠN CỦA TÒA. ĐIỀU KHIỂN THỦ TỤC. TỪ CHỐI CHO ĐÌNH. KHÔNG PHẢI NGHỊ ÁN TRƯỚC.

Theo thủ tục tố tụng định ở các điều 265 và 270 luật lao động. Tòa án lao động có toàn quyền điều khiển thủ tục trong cuộc tranh luận, do đó có quyền từ chối thỉnh cầu xin đình xử của đương sự nếu đã có kết luận của hai bên và trong hồ sơ đã có đủ tài liệu để xét xử.

Tòa án lao động cũng không bó buộc phải đình đề nghị án trước khi tuyên án.

(PA 25-5-1966) (PLTS 1966 IV. 7)

### 783.— TRỢ CẤP THÔI VIỆC.

Sự thay đổi chủ của xí nghiệp. Đ. 43 BLLĐ-48 S 3 BLLĐ (Dự số 9 ngày 8-2-1955). Người phải trả.

Chủ nhân mới phải trả trợ cấp thôi việc cho công nhân, khi có sự thay đổi trong tình trạng pháp lý của chủ nhân, như trong trường hợp chủ nhân của bán xí nghiệp cho chủ nhân mới.

(ST Saigon 27-8-1958) (PLTS 1960 III. 76)

### TRỢ CẤP THÔI VIỆC.

Phụ cấp gia đình phải được tính vào các số phụ khoản của lương bổng để tính tiền « trợ cấp thôi việc » phải trả cho các công nhân.

(TT Saigon 24-11-1956) (PLTS 1957 II. 41)

### ĐIỀU 48 BỘ LUẬT LAO ĐỘNG (DỰ SỐ 9 NGÀY 8-2-1955) TRỢ CẤP THÔI VIỆC QUỸ DỰ PHÒNG (CAISSE DE PRÉVOYANCE).

Số tiền do chủ nhân đóng góp vào một quỹ dự phòng sự thôi việc của công nhân do chủ nhân lập ra để trả cho người này khi khế ước lao động chấm dứt đã thuộc quyền sở hữu của công nhân và là một quyền thủ đắc, vậy không thể bù trừ với trợ cấp thôi việc do luật lao động đặt ra và có tính cách cưỡng bách, nhất là điều 48 và 4 bộ luật lao động đã nói rõ ràng rằng : « trong mọi trường hợp

quyền lợi của công nhân được hưởng do kế ước hay cam kết đang thi hành lúc công bố vụ này, không thể, vì sự đặt khoản trợ cấp thôi việc mà bị giảm đi một phần hay bị hủy bỏ hoàn toàn ».

(*ST Saigon 20-8-1958*) (*PLTS 1960 I. 79*)

784.— TÒA ÁN LAO ĐỘNG. PHỤ CẤP THÔI VIỆC. PHẠM VI ÁP DỤNG. TÍNH CÁCH CỦA TIỀN THƯỜNG.

Điều 383 Luật Lao động đã minh định rằng các quy định của luật ấy được áp dụng cho những kế ước hiện dụng và không thể làm duyên cớ để xin hủy bãi kế ước đó, Tòa lao động đã không vi phạm nguyên tắc hồi tố của luật pháp khi phán rằng phụ cấp thôi việc thiết lập cho công nhân bởi dự ngày 8-2-1955 bổ túc luật lao động ngày 8-7-1952 phải được tính toán theo những điều khoản của các điều luật ghi trên kể từ ngày y bắt đầu vào làm việc cho đến ngày bãi ước, kể cả thời gian trước ngày ban bố Luật Lao động.

Tiền thường được ban cấp hàng năm theo tập quán hay kế ước có tính cách thường xuyên nên được coi như thuộc số lương bổng dùng làm định xuất căn bản để tính phụ cấp thôi việc cho công nhân nghỉ việc.

(*PA 31-7-1963*) (*PLTS 1964 II. 78*)

785.— TRỢ CẤP THÔI VIỆC. HƯU BÔNG. ĐIỀU 88 S 2 L.L.Đ. NGUYÊN TẮC BẤT KHẢ KIÊM LÃNH.

Theo điều 48 S 2 Luật Lao động ngoài trường hợp tự ý xin thôi vì một duyên cớ chính đáng, chỉ những công nhân nào bị sa thải mới được hưởng món trợ cấp thôi việc.

Sa thải bị chấm dứt công việc một cách bất ngờ trong khi bình thường, nếu không có sự bất ngờ ấy người công nhân vẫn có thể được giữ chỗ làm; về hưu trí không phải là một trường hợp bất ngờ vì là tình trạng tự nhiên phải xảy đến cho công nhân đã làm việc trong một thời gian nhất định nào đó, vì vậy công nhân về hưu

không được hưởng trợ cấp thôi việc, trừ khi có sự thỏa thuận trái lại giữa hai bên chủ và người lao công, nếu không sẽ có dự mâu thuẫn với nguyên tắc « bất khả kiêm lãnh » của điều luật ghi trên.

(PA 29-7-1964) (PLTS 1965. I. 20)

786.— LƯƠNG CĂN BẢN ĐỀ TÍNH TRỢ CẤP THÔI VIỆC.  
PHỤ CẤP GIA ĐÌNH. TÍNH CÁCH LƯƠNG BỒNG.

Theo học thuyết và án lệ không trái với luật lệ hiện hành, tiền trợ cấp gia đình với tính cách thường xuyên để bảo đảm sự sanh sống cho các gia đình đông con được coi là số lương của công nhân như một phần của lương bồng để tính số tiền trợ cấp thôi việc hoặc tiền thưởng thường niên mà công nhân được hưởng theo qui chế của luật lao động, hoặc kế ước lao động ký kết giữa công nhân và chủ nhân.

(PA 29-1-1964) (PLTS 1965. II. 50)

787.— TRỢ CẤP THÔI VIỆC. THÔI VIỆC BẤT THẦN VÌ MỘT  
LÝ DO CHÍNH ĐÁNG. VỀ HƯU : THÔI VIỆC BÌNH  
THƯỜNG. BẤT KIÊM HƯỞNG.

Theo điều 48 S 2 Bộ Luật Lao động (tức dụ số 9 ngày 8-2-1955) « bất cứ công nhân nào » hội đủ điều kiện dự liệu trong điều ấy, đều được hưởng khoản trợ cấp thôi việc, như vậy nhà lập pháp không phân biệt công nhân có « kế ước hữu hạn » với công nhân có kế ước vô hạn ».

Điều luật này chỉ áp dụng cho sự thôi việc có tính cách bất thần ngoài ý muốn của đương sự, bị tình thế bắt buộc phải thôi việc vì một lý do chính đáng.

Sự về hưu không có tính cách bất thần vì chỉ là sự chấm dứt bình thường kế ước lao động, người hưu trí đã được hưởng hưu bổng, một trợ cấp vĩnh viễn, do đó không được hưởng trợ cấp thôi việc mà mục đích là để tạm thời giúp cho đương sự có sinh kế trong thời gian kiếm việc khác.

(PA 24-2-1965) (PLTS 1965. IV. 3)

88.— PHỤ CẤP THÔI VIỆC CHO CÁC CÔNG NHÂN BỊ SA THẢI. NGUYÊN TẮC ĐỀ TÍNH ĐỊNH XUẤT. TÍNH CÁCH PHÁP LÝ CỦA PHỤ CẤP GIA ĐÌNH.

Nhà lập pháp, trong dự ngày 8-2-1955 thiết lập khoản trợ cấp thôi việc cho công nhân bị sa thải đã định rằng định xuất lương bổng về tính tiền trợ cấp này là lương bổng, kể cả mọi phụ khoản về tiền và hiện vật lúc thôi việc, chắc chắn là đã có ý định gộp phụ cấp gia đình vào số các phụ khoản nói trong Dự kê trên.

Theo học thuyết và án lệ cận kim, phụ cấp gia đình không còn là một ân cấp nữa mà phải quan niệm là một phụ khoản của lương bổng để bảo đảm phương thế sanh sống cho gia đình công nhân đông con.

(TT Saigon 24-II-1956) (PL số 20 trang 6)

789.— TAI NẠN LAO ĐỘNG. BÃI NẠI VÔ HIỆU LỰC.

Trong lúc làm việc Ngô văn Ba bị máu xâm té va đầu vào tú kiến để đồ phụ tùng xe máy, bị kiếng cắt đứt nhiều chỗ, đem vào nhà thương nạn nhân bị tắt thở vì không cầm máu được. Tai nạn này được kể như một tai nạn lao động, chiếu điều 243 Bộ Luật Lao động vì tai nạn xảy ra lúc người thợ đang làm việc cho chủ tại xưởng của chủ, mặc dầu là Ngô văn Ba bị máu xâm té, chứ không phải bị máy móc trong xưởng làm y chết.

Cao thị Vinh đã lãnh của chủ nhân một số tiền bồi thường và tiền chôn cất Ngô văn Ba và có khai trong cuộc điều tra thì ưng thuận lãnh số tiền này và không kêu nại điều chi. Sự bãi nại ấy vô giá trị, chiếu điều 37 Nghị định 31-I-1944, sự ưng thuận của Cao thị Vinh không có hiệu lực của sự bãi nại hợp pháp. Cao thị Vinh vẫn được quyền kiện đòi bồi thường mặc dầu đã bãi nại.

(TT Saigon 14-3-1957) (PL số 30 trang 6)

## 790.— TƯ CÁCH ĐỆ TAM NHÂN TRONG TAI NẠN LAO ĐỘNG.

Điều 243 Luật Lao động chỉ qui định các tiêu chuẩn để ấn định tính cách lao động của một tai nạn, mà không qui định tư cách của các công nhân đối với nhau hoặc đối với chủ nhân trong tai nạn lao động xảy ra. Tài xế phụ bị thương trong tai nạn gây nên bởi tài xế chính trong khi cùng lái xe vận tải làm việc cho một chủ nhân không thể coi là đệ tam nhân đối với bị can cũng như đối với chủ nhân.

(PA 31-10-1962) (PLTS 1963. III. 57)

## 791.— TAI NẠN LAO ĐỘNG. TỔ QUYỀN TRƯỚC TÒA ÁN LAO ĐỘNG. QUYỀN XIN BỒI THƯỜNG THEO CHẾ ĐỘ THƯỜNG LUẬT.

TRÁCH NHIỆM CỦA ĐỆ TAM NHÂN. NGƯỜI THỢ HAY NGƯỜI ỦY PHÁI CỦA CHỦ NHÂN. NẠN NHÂN KHÔNG LÀM VIỆC DƯỚI QUYỀN HAY KHÔNG CÙNG LÀM MỘT CÔNG VIỆC CHUNG VỚI NGƯỜI THỢ HAY ỦY PHÁI ẤY.

Trong một vụ tai nạn lao động, nạn nhân và các thừa kế của y ngoại trừ tổ quyền trước Tòa án Lao động; còn được quyền xin bồi thường theo chế độ thường luật đối với đệ tam nhân gây ra tai nạn, khác với chủ nhân của nạn nhân, các thợ hay người ủy phái của chủ nhân (Đ. 1611 NĐ 31-1-1944).

Người thợ hay người ủy phái của chủ nhân phải được kể như là đệ tam nhân trong trường hợp lúc xảy ra tai nạn, nạn nhân không làm việc dưới quyền của người thợ hay ủy phái của chủ nhân và hơn nữa không cùng làm công việc chung với người thợ hay ủy phái ấy.

(TT Saigon 21-4-1961) (PLTS 1961 III. 56)

792.— TAI NẠN LAO ĐỘNG. ĐỆ TAM NHÂN. BỒI THƯỜNG THEO LUẬT LỆ LAO ĐỘNG. BỒI THƯỜNG THEO THƯỜNG LUẬT.

Chiếu điều 16 S I nghị định ngày 31-1-1944, nạn nhân và các thừa kế của y, ngoại trừ tố quyền trước Tòa án lao động, còn được quyền xin bồi thường theo chế độ thường luật đối với đệ tam nhân gây ra tai nạn, khác với chủ nhân của nạn nhân, các thợ hay người ủy phái của chủ nhân.

Theo án lệ, người thợ hay người ủy phái của chủ nhân phải được coi như là đệ tam nhân trong trường hợp lúc xảy ra tai nạn, nạn nhân không làm việc dưới quyền của người thợ hay của chủ nhân và hơn nữa không cùng làm một công việc chung với người thợ hay ủy phái ấy.

Nghị định ngày 31-1-1964 không hề cấm đoán hẳn nạn nhân hay thừa kế kiện đòi bồi thường thiệt hại theo chế độ thường luật.

(*TT Saigon 11-8-1961*) (*PLTS 1962 II. 105*)

ĐỆ TAM NHÂN. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ NHÂN (X. 718)

793.— TAI NẠN LAO ĐỘNG. ĐIỀU 16 NGHỊ ĐỊNH NGÀY 31-1-1944. PHẠM VI ÁP DỤNG. ĐỐI VỚI CÔNG NHÂN NẠN NHÂN.

Sự miễn trừ cho chủ nhân toàn bộ hay một phần nghìn vụ bồi thường dự liệu nơi điều 16 Nghị Định ngày 31-1-1944 chỉ có hiệu quả dành cho chủ nhân tố quyền chống lại người đệ tam gây ra tai nạn, để đòi hoàn lại cho mình phần bồi khoản luật định được miễn, chứ không thể cho chủ nhân một tố quyền nào chống lại người công nhân bị tai nạn lao động.

(*TT Saigon 5-1-1963*) (*PLTS 1964 II. 132*)

794.— TAI NẠN LAO ĐỘNG. BỒI THƯỜNG. NIÊN KIM.



Tại Việt Nam, về tai nạn lao động, thì có nghị định ngày 31-1-1944 hoặc Sắc lệnh ngày 9-9-1934 sửa đổi ngày 23-8-1949 qui định việc bồi thường. Các bản văn này vẫn còn hiện hành vì chưa bị hủy bỏ một cách chính thức, trái lại, điều 246 Luật Lao động Việt Nam vẫn còn đề cập đến những qui định riêng biệt này, chứng tỏ theo ý định nhà làm luật qui định ấy vẫn được thi hành nếu lợi hơn cho các công nhân.

Theo điều 4 Sắc lệnh ngày 9-9-1934, các con của nạn nhân tử nạn chỉ được hưởng niên kim cho đến 16 tuổi.

(*TT Saigon 20-9-1958*) (*PLTS 1959. III. 63*)

795.— TAI NẠN LAO ĐỘNG. LỖI KHÔNG DUNG THỨ ĐƯỢC CỦA CHỦ NHÂN. BỒI THƯỜNG GIA TĂNG.

Khi giao cho một công nhân vị thành niên xử dụng một cái máy nguy hiểm mà không chỉ dẫn cách điều khiển, khiến gây ra tai nạn, chủ nhân đã phạm một lỗi không dung thứ được.

Trong trường hợp này, áp dụng điều 244 S 4 Bộ Luật Lao động Tòa án có thể gia tăng số tiền bồi thường thiệt hại.

(*TT Saigon 7-1-1961*) (*PLTS 1961. I. 53*)

796.— TAI NẠN LAO ĐỘNG. THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN TƯ PHÁP. KHẾ ƯỚC LAO ĐỘNG: THÀNH TỐ CỦA KHẾ ƯỚC.

Chỉ riêng Tòa án Tư pháp có thẩm quyền xét định về việc bồi thường nhân một tai nạn lao động.

Được hưởng qui chế về tai nạn lao động, những công nhân có một khế ước lao động.

Khế ước lao động là khế ước trong đó, một bên cung cấp sức cần lao, còn bên kia có quyền điều khiển dịch vụ và có nghĩa vụ trả tiền công.

(*TT Saigon 10-8-1961*) (*PLTS 1962. III. 44*)

TỐ QUYỀN ĐÒI BỒI THƯỜNG (X. 791, 792)

TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA CHỦ NHÂN (X. 718)

TAI NẠN LAO ĐỘNG. NẠN NHÂN LÀ NGOẠI KIỀU (ẤN KIỀU),  
ÁP DỤNG LUẬT LAO ĐỘNG.

TAI NẠN XẢY RA TRONG GIỜ LÀM VIỆC CÓ TÍNH CÁCH  
TAI NẠN LAO ĐỘNG THEO ĐỊNH NGHĨA ĐIỀU 16 NGHỊ  
ĐỊNH NGÀY 31-1-1944.

Tại án Độ có sự đối xử tương đồng giữa công nhân người  
trong nước với công nhân ngoại quốc về luật lao động, do đó một  
Ấn kiều bị tai nạn lao động tại Việt Nam được quyền hưởng bồi  
thường theo luật lao động Việt Nam.

Tai nạn xảy ra cho công nhân trong giờ làm việc phải được ức  
đoán là đã xảy ra bởi sự làm việc, trừ phi có bằng chứng trái lại rằng  
lỗi hoàn toàn ở người đệ tam theo nghĩa của điều 16 Nghị định ngày  
31-1-1944.

(*TT Saigon 21-5-1964*) (PLTS 1965. I. 103)

797.— LUẬT LAO ĐỘNG BỒI THƯỜNG TAI NẠN LAO ĐỘNG.  
TỐ QUYỀN ĐÒI BỒI THƯỜNG (THỜI HẠN TIÊU DIỆT

Tai nạn xảy ra cho người công nhân đi trúng đạn trong giờ  
làm việc và nhân dịp làm việc cho sở cao su là một tai nạn lao động,  
số tiền bồi thường phải tính theo nghị định ngày 31-1-1944.

Theo điều 31 nghị định ngày 31-1-1944, thời hạn tiêu diệt một  
năm cho tố đòi bồi thường thiệt hại về tai nạn lao động dự liệu trong  
nghị định ấy chỉ bắt đầu từ ngày xảy ra tai nạn, hoặc từ ngày kết liễu  
cuộc điều tra về tai nạn do vị thẩm phán hòa giải.

(*TT Saigon 13-12-1953*) (PLTS 1959. I. 49)

798.— TAI NẠN LAO ĐỘNG. BỒI THƯỜNG TAI NẠN. THẨM QUYỀN CỦA TÒA HÌNH PHẠM VI ÁP DỤNG LUẬT LỆ HIỆN HÀNH VỀ TAI NẠN LAO ĐỘNG. XÍ NGHIỆP CANH NÔNG.

Chiếu điều 242 Dự ngày 8-7-1952 (Bộ Luật Lao Động) luật lệ hiện hành về tai nạn lao động tức nghị định ngày 31-1-1944, được áp dụng không những cho công nhân các xí nghiệp kỹ nghệ, thương mại, mà luôn cả công nhân các xí nghiệp canh nông hay nông lâm nữa.

Theo điều 246 S I Luật Lao động và điều 2 S 5 nghị định ngày 31-1-1944 khi bị tai nạn lao động, công nhân hay người hưởng quyền trong trường hợp công nhân bị tử nạn, không thể viện dụng quy định nào khác hơn các quy định hiện hành về tai nạn lao động để đòi bồi thường tai nạn ấy đối với chủ nhân và các công nhân của người này, và theo điều 16 nghị định kể trên nếu người gây tai nạn không phải là chủ nhân hay công nhân của người này thì công nhân bị tai nạn lao động hay người hưởng quyền có thể đòi tiền bồi thường tai nạn ấy theo thường luật đối với người đệ tam nói trên đã gây ra tai nạn. Như vậy trong trường hợp mà chủ nhân hoặc công nhân của người này bị truy tố ra trước tòa hình vì đã gây tai nạn thì công nhân bị tai nạn lao động hay người quyền khi công nhân bị tử nạn, không thể đứng dân sự nguyên cáo đòi tiền bồi thường tai nạn ấy được, vì không thể áp dụng thường luật về trách nhiệm dân sự đối với chủ nhân hoặc công nhân của người này được, tòa hình vô thẩm quyền xét xử về quyền lợi dân sự.

(PA 31-1-1962) (PLTS 1963 III. 29)

799.— TRANH TỤNG LAO ĐỘNG. TÒA ÁN CÓ THẨM QUYỀN VIỆC TRẢ LƯƠNG. KHẾ ƯỚC LAO ĐỘNG. THỜI HẠN BÃI ƯỚC.

Trong địa phận nào chưa có Tòa án lao động do Tòa án dân sự xét xử (điều 249 S 4 Bộ Luật Lao động).

Khi có tranh tụng về việc trả lương, chủ nhân phải viện bằng chứng đã trả rồi (điều 112).

Khế ước lao động có thể bằng khẩu ước hay bằng giấy tờ (điều 24).

Thời hạn bãi ước cho công nhân lãnh lương tháng và làm được dưới một năm là 8 ngày (điều 33 S 1).

(HGRQ ĐÀ LẠT 21-4-1955) (PLTS 1955. IV. 57)

THẨM QUYỀN TÒA DÂN SỰ XỬ LAO ĐỘNG (X. 771)

TRANH CHẤP CÁ NHÂN (X. 772).

800.— THỜI HẠN BÁO THÔI TRƯỚC. TIỀN LỜI VỀ KHOẢN BỒI THƯỜNG.

Chiếu theo các điều 25 và 32 S 2 bộ luật lao động, theo tập quán áp dụng trong địa phương thời hạn báo thôi trước là 3 tháng.

Theo án lệ vững chắc thì khoản tiền bồi thường không tính lời kể từ ngày khởi tố, mà chỉ tính lời kể từ ngày tổng đạt bản án chung thẩm.

(TT Saigon 18-8-1956) (PLTS 1959. IV. 15)

THỜI HẠN BÁO THÔI (X. 777)

801.— THỜI HẠN BÃI ƯỚC.

Xi nghiệp Pháp. Tập quán địa phương.

Thâm niên từ 1 năm trở lên : thời hạn bãi ước một tháng. Nghị định số 2569 ngày 14-5-1958. Biên lập Pháp điển của tập quán địa phương. Đ. 33 Bộ Luật Lao động (Dự số 15 ngày 8-7-1952) : thời hạn ít nhất.

Căn bản để tính. Thời gian bãi ước.

Theo tập quán địa phương tại Saigon, trong các xí nghiệp Pháp, đối với các công nhân ăn lương tháng, nếu họ làm việc trong xí nghiệp từ một năm trở lên, thời hạn bãi ước là 1 tháng.

Thời hạn bãi ước được kê như thời gian làm việc xác thực để hưởng quyền nghỉ có ăn lương. (Đ. 202 Bộ Luật Lao động).

(*ST Saigon 2-5-1959*) (*PLTS 1959. IV. 82*)

802. — ĐÒI TIỀN LƯƠNG VỀ CÁC NGÀY NGHỈ TRONG CÁC NĂM ĐÃ QUA. THỜI HẠN TIÊU DIỆT VỀ SỰ TỔ TỤNG ĐÒI LƯƠNG CHIẾU ĐIỀU 131 LUẬT LAO ĐỘNG VÀ ĐIỀU 2271 DÂN LUẬT. BỒI THƯỜNG PHẠM PHÁP VỀ LAO ĐỘNG (ĐIỀU 360 LUẬT LAO ĐỘNG).

Việc xử cho bồi thường vì phạm pháp lao động) thuộc quyền Tòa án tiêu hình. Nếu Tòa tiêu hình chưa xử vụ phạm pháp, thì Tòa án dân sự chỉ có nhiệm vụ xử về mặt hộ và áp dụng luật lao động về pháp lý dân sự. Vì vậy tòa án dân sự phải áp dụng điều 131 luật lao động và điều 2721 Dân luật về thời hạn tiêu diệt về sự tổ tụng đòi lương. Không áp dụng về xử trái với nguyên tắc trên.

(*TT HUẾ 4-1-1956*) (*PLTS 1956. I. 65*)

803. — BẰNG CHỨNG. BẰNG CHỨNG VIẾT. SỰ TỰ DO VIÊN CHỨNG. LUẬT PHỔ THÔNG. ĐIỀU 24 BỘ LUẬT LAO ĐỘNG.

LỜI THỨ NHẬN. BẮT KHẢ PHẢN. ĐIỀU 122 BỘ LUẬT LAO ĐỘNG.

Theo quy tắc pháp lý phổ thông, Luật Việt Nam không bố buộc dân chứng bằng văn tự, khi số tiền giao kết lên tới một mức nào và có thể dân chứng bằng nhân chứng trong mọi trường hợp.

Chiếu điều 24 Bộ Luật Lao động, kẻ ước lao động có thể thành lập bằng khẩu ước, bắt chấp số tiền lương lên tới mức nào.

Trái với luật lệ thông thường về dẫn chứng, điều 122 Bộ Luật Lao động định rằng khi có tranh tụng về việc trả lương, về phần chủ phải viện bằng chứng là đã trả rồi.

Khi chủ nhân-thứ nhận rằng có làm việc một thời gian nhưng lại quả quyết rằng công nhận đã được trả lương về thời gian ấy rồi, nếu sổ sách do chủ nhân xuất trình không chứng minh được lời quả quyết ấy, Tòa án xử về tình lý đã quyết định hợp lý rằng chủ nhân phải trả tiền công cho công nhân, mà không vi phạm nguyên tắc bất khả phân về lời thứ nhận bởi vì lời thứ nhận của chủ nhân chỉ gồm có sự xác nhận công nhân có làm việc một thời gian chứ không thể gồm cả lời khai đã trả tiền công rồi, chiếu điều 122 nói trên của Bộ luật Lao động.

(PA 26-9-1962) (PLTS 1963 I. 54)

804.— ĐÒI TIỀN LƯƠNG. THỜI HIỆU ĐỀ KIỆN ĐÒI TIỀN LƯƠNG. TRỪ LƯƠNG ĐỀ KHẤU NHỮNG TIỀN CÒN THIẾU LẠI.

Nếu có bằng cứ rằng chủ chưa trả lương thì vấn đề thời hiệu tố tụng không thể nêu ra.

Chiếu điều 132 Bộ Luật Lao động, chủ không được tự ý khấu lương của công nhân để trừ vào những số tiền mà công nhân còn thiếu lại chủ.

(ST VÀ HGRQ. Saigon 27-9-1955) (PLTS 1956. III. 55)

805.— THỜI HIỆU ĐÒI LƯƠNG.

Tòa án không có quyền tự ý viện dẫn sự tiêu diệt thời hiệu tố tụng đòi tiền lương, chiếu điều 131 Luật Lao động.

Đương sự phải tự nêu trước tòa xử về tình lý, sự tiêu diệt thời hiệu nói trên.

(PA 27-1-1965) (PLTS 1965. III. 6)

805.— TIÊU DIỆT THỜI HIỆU. LỖI NẶNG CỦA CÔNG NHÂN.  
SA THẢI QUÁ LẠM.

Ấn sơ thăm lao động không viện dẫn lý do và không phân tách những điểm về thời hạn bãi ước, phụ cấp thôi việc và bồi thường sa thải quá lạm là có nhiều khiếm khuyết, phải được hủy bỏ đề xử lại.

Lương tháng, lương ngày và các phụ cấp liên quan đến lương đều bị tiêu diệt thời hiệu 6 tháng trước ngày đơn khởi tố (điều 131 B.L.L.Đ. và 2271 B.D.L.) Sự tiêu diệt thời hiệu thuộc trật tự công cộng, nếu đương sự không nêu ra thì tòa đương nhiên có quyền viện dẫn.

Chủ nhân đã trả tiền cơm nước và thuốc men cho một nhân công ầu đã với nhân công khác là mặc nhiên nhìn nhận rằng y không phạm lỗi nặng. Nếu sa thải y về lỗi ấy là sa thải quá lạm.

(HGRQ. BIÊN HÒA 24-2-1961) (PLTS 1962. III. 94)

806.— THỜI HIỆU TIÊU TRỪ. CÔNG NHÂN. TIỀN CÔNG.  
THỜI HIỆU 6 THÁNG. ĐIỀU 131 LUẬT LAO ĐỘNG.  
ĐIỀU 2271 KHOẢN 3 DÂN LUẬT PHÁP. ƯC ĐOÁN ĐÃ  
TRẢ ĐỦ.

Điều 131 Luật Lao động về thời hiệu tiêu diệt tố tụng, đòi tiền lương bổng, quy chiếu những điều 2271, 2272, 2274, và 2275 Dân Luật Pháp, quy định về thời hiệu ngắn hạn.

Tố quyền của nhân công đòi tiền công, tiền cung cấp vật liệu chiếu điều 2271 khoản 3 bị thời tiêu sau hạn 6 tháng. Thời tiêu này căn cứ ào sự ước đoán là các số tiền lương, tiền cung cấp vật liệu đã trả đủ, chỉ khi nào chủ nhân thú nhận chưa trả hay chối cãi món nợ về nguyên tắc hay viện dẫn một nguyên nhân trừ nợ nào khác thì thời hiệu tiêu trừ mới không áp dụng.

Ấn văn đã chấp nhận, hợp luật, khước biện thời hiệu tiêu trừ mà chủ nhân nại vì chủ nhân lúc nào cũng quả quyết là trả đủ

Trong ngày chứa nhật cho công nhân, lại xuất trình sổ sách trong đó các công nhân có ký nhận phụ cấp chủ nhật

(PA 28-4-1965) (PLTS 1966. I. 7)

### 807.— THUYỀN CHUYỀN CÔNG NHÂN.

Chồng không phạm lỗi nặng mà bị thuyền chuyễn và vợ cũng bị thuyền chuyễn theo chồng. Hành vi tổ chức nội bộ đồn điền.

Ty công an không có khuyên giám đốc đồn điền thuyền chuyễn người chồng, đương nhiên chủ nhân không có quyền thuyền chuyễn người vợ. Công nhân, lẽ dĩ nhiên có quyền xin bồi thường vì hành vi độc phương của chủ nhân. Hành vi tổ chức nội bộ đồn điền, do điều 43 Bộ Luật Lao động và điều 218 cộng đồng hiệp ước không có dự định sự thuyền chuyễn công nhân. Chủ nhân dù vì lòng nhân đạo mà thuyền chuyễn công nhân cũng phải có sự ưng thuận của công nhân chiếu điều 221 cộng đồng khế ước.

(HGRQ. BIÊN HÒA 13-10-1961) (PLTS 1961 I. 137)

### 808.— THỢ HỚT TÓC. NGÀY GIỜ LÀM VIỆC. KHÔNG NHẤT ĐỊNH. KIỂM SOÁT. CHỈ HUY. KHÔNG CÓ. TIỀN CHIA HAI.

KHẾ ƯỚC LAO ĐỘNG đặt người thợ dưới sự chỉ huy và kiểm soát của người chủ về phương diện kỷ luật cũng như về phương diện kỹ thuật.

Làm việc không theo thời biểu nhất định, không bị chỉ huy và kiểm soát bởi người chủ tiệm, tiền thù được chia hai mỗi bên một nửa, làm nhiều ăn nhiều làm ít ăn ít, người thợ hớt tóc chỉ là người cộng lực với chủ tiệm, một bên có công lao, một bên có dụng cụ cửa hàng, như vậy giữa hai bên không có khế ước lao động vì thiếu yếu tố cần thiết là sự phục tòng của người làm công và sự chỉ huy của người chủ.

(PA 31-3-1965) (PLTS 1965. IV. 50)



TIỀN THƯỞNG (X. 784)

809.— TÒA ÁN LAO ĐỘNG. LAM QUYỀN. ĐIỀU 27 DỰ SỐ 5 NGÀY 18-10-1949 TỔ CHỨC TỐI CAO PHÁP VIỆN. SỰ VỤ LỆNH. GIÁ TRỊ.

Khi tòa án lao động phán rằng một sự vụ lệnh của một cơ quan hành chính có giá trị mặc dầu sự vụ lệnh này không được hiểu hội và duyệt ký như định ở thông tư ngày 31-5-1955 của Thủ Tướng Chính phủ, Tòa án ấy đã vượt ra ngoài quyền hạn của mình và lẫn vào quyền hạn của các cơ quan hành chính vì thẩm phán tư pháp không có thẩm quyền để xét giá trị của một quyết nghị của cơ quan Hành chính mà chức vụ độc lập đối với cơ quan tư pháp.

Làm như vậy Tòa án đã phạm một sự lạm quyền như định ở điều 27 Dự số 5 ngày 18-10-1949 tổ chức Tối Cao Pháp Viện.

(PA 29-8-1962) (PLTS 1962 IV. 12)

810.— TƯ PHÁP BẢO TRỢ. TIÊU DIỆT THỜI HIỆU. PHỤ CẤP THÔI VIỆC.

Theo điều 278 Luật Lao động « thợ thuyền đương nhiên được hưởng Tư Pháp Bảo Trợ tại sơ thẩm còn tại thượng thẩm thì khi nào thợ thuyền là bị kháng. Mặc dầu vậy, nếu Tòa thượng thẩm, đã cho công nhân nguyên kháng được hưởng tư pháp bảo trợ, biện pháp ấy chỉ có lợi ích cho việc ban hành công lý.

Điều 131 Luật Lao động đã hạn việc đòi lương không quá 6 tháng. Nhưng thời hạn tiêu diệt 6 tháng ấy chỉ áp dụng cho lương chính và cho tiền công các ngày nghỉ và ngày lễ mà thôi, chớ không thể đem áp dụng cho các thứ tiền khác như tiền công phụ trội Điều 48/2 Luật Lao động không bắt buộc thời hạn 2 năm làm việc trong một xí nghiệp phải liên tục và không gián đoạn.

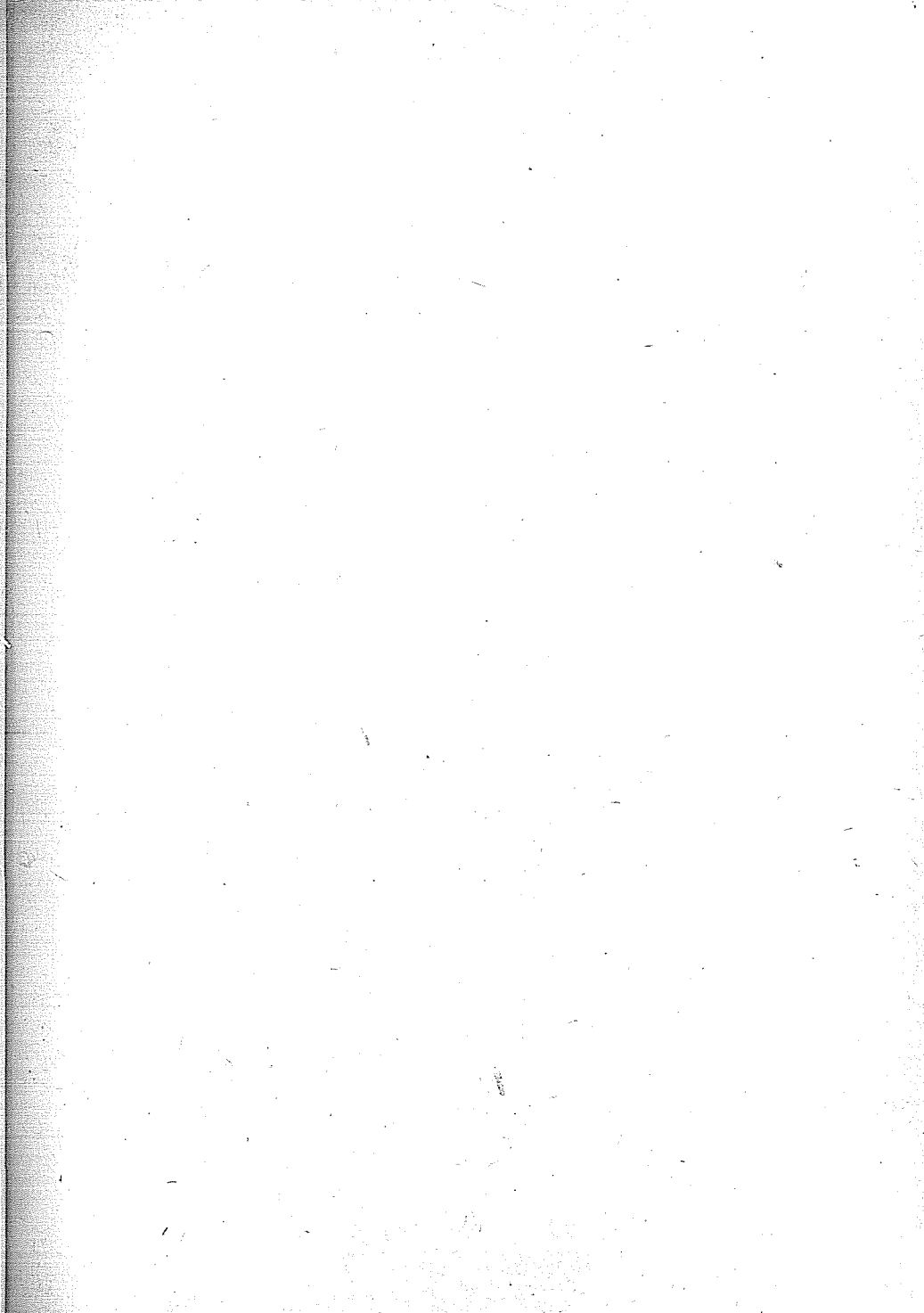
(TT HUẾ 17-12-1960) (PLTS 1961 III. 98)

811.— XÍ NGHIỆP HOẠT ĐỘNG THEO MÙA. KHẾ ƯỚC TẠM NGUNG TRONG THỜI KỲ NGUNG HOẠT ĐỘNG.

Chiếu theo điều 34 Luật Lao động, trong các xí nghiệp hiền nhiên có tính- cách hoạt động theo mùa, sự cho tạm nghỉ việc không kể như sa thải công nhân và không thể làm có cho họ đòi hỏi một số tiền tồn hại nào.

Hợp pháp và không vi phạm nguyên tắc tự do tuyển dụng, án của Tòa Lao động phán rằng « đối với các xí nghiệp hoạt động theo mùa, việc cho công nhân tạm nghỉ sau khi hết việc không có nghĩa là khế ước lao động bị hủy bỏ, mà chỉ ngưng trong một thời gian nhất định thôi » vì nếu khế ước vẫn ràng buộc hãng chủ nhân trong mùa nghỉ, thì cũng ràng buộc các công nhân trong thời gian ấy, và dù sao hai bên vẫn có quyền hủy bỏ khế ước theo thể thức và điều kiện do luật định hoặc được dự liệu trong khế ước, mà không trái với Luật lao động.

(PA 30-II-1960) (PLTS 1961 III. 12)



ĐOẠN THỨ TƯ

ÁN LỆ NHÀ PHỐ

NHÀ PHỐ

ÁN HẠN LƯU CƯ (X. 325)

812.— BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI CỦA CHỦ PHỐ CHO NGƯỜI THUÊ KHI LẤY LẠI NHÀ.

Theo nguyên tắc pháp lý thông thường, khi lấy lại phố chủ phố chỉ phải bồi thường cho người thuê những tất yếu phí (Impenses nécessaires) nghĩa là các phí tồn cần thiết để bảo toàn căn phố, mà không có tánh cách sửa chữa do người thuê phố cang đáng (Reparations) (locatives). Kẻ thuê phố không bó buộc tranh chịu phải bồi thường những hữu ích phí (impenses utilitaires và lưu phù phí (Impenses voluptaires nhưng có thể được người thuê có quyền dỏ và mang những tu bổ trang hoàn do y đã thực hiện.

(TÒA HGRQ. VĨNH LONG 22-9-1954)(PLTS 1955. II. 51)

813.— KHẼ ƯỚC THUÊ MƯƠN. BẰNG CHỨNG.

Chiếu điều 4 của Dự số ngày 2-4-1953 sự thuê nhà có thể là «thuê có giấy tờ hay thuê miệng» nghĩa là người thuê nhà không bó buộc phải xuất trình bằng chứng sự thuê nhà bằng giấy tờ.

Khâu ước cho thuê nhà có giá trị.

(PA 26-4-1961) (PLTS 1961. IV. 24)

BẠO HÀNH

(X. 328)

814. — NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI CÓ NHÀ CHO THUÊ.

Người chủ nhà trước khi ký kế ước cho thuê nhà, có bổn phận phải kiểm soát kỹ lưỡng để biết có thể giao nhà cho người thuê sử dụng hay không.

Nếu sau khi ký mà không giao nhà được, tức là không thi hành tròn nghĩa vụ của mình mà do đó phải chịu trách nhiệm đối với người thuê.

(*ST Saigon 6-10-1956*)(*PLTS 1957. I. 78*)

815. — CHỦ PHỐ LẠM QUYỀN.

Theo học thuyết và án lệ, Tòa nhà phố có thẩm quyền suy đoán để phá tan những mưu mô, yêu sách quá đáng của chủ phố và bác đơn khởi tố, nếu đơn xin trục xuất căn cứ trên những lý do bất nhất chứng tỏ sự lạm quyền của chủ phố.

(*TT Saigon 4-2-1960 PLTS 1960. I. 55*)

816. — CHIẾM NGỤ VÔ QUYỀN.

Sau khi người thuê chánh đã trả căn phố, thì người thụ quyền của người thuê chánh còn ở trong nhà không thể là cho y có quyền lưu cư, vì chủ căn phố không hề có cho y thuê, y chỉ là người chiếm ngụ vô quyền.

(*TT Saigon 5-6-1958 PLTS 1958 IV. 29*)

817. — CHIẾM NGỤ NGAY TÌNH. ĐIỀU 4 DỤ NGÀY 2-4-1953.

Theo điều 4 Dụ ngày 2-4-1953, quyền lưu cư chỉ dành cho những người chiếm ngụ ngay tình có giao kèo thuê mượn hay thuê lại hợp lệ.

Người chủ cũ đã bán nhà mà không có thuê lại hợp lệ căn nhà đã bán cho chủ mới, nhưng được chủ mới cho tạm trú một thời

gian trước khi dọn đi, không phải là người chiếm ngụ ngay tình, nên không được hưởng quyền lưu cư.

(*TT Saigon 9-7-1959 PLTS 1959 IV. 39*)

**818.— CHIẾM NGỰ NGAY TÌNH. Ở ĐẬU TỪ LÂU. KHÔNG CÓ QUYỀN LƯU CƯ.**

Người được chớ ở đậu, mặc dầu đã chiếm ngụ lâu năm và chỉ có người ấy và gia đình y chiếm trọn căn nhà từ lâu, cũng không được quyền lưu cư.

Người ở đậu, ở nhờ, không phải là người chiếm ngụ ngay tình theo tinh thần điều 9 Dự số 4 ngày 2-4-1953, vậy không được hưởng quyền lưu cư.

(*TT Saigon 3-3-1960 PLTS 1960 II. 29*)

**819.— CẤM KINH DOANH NGHỀ THƯƠNG MẠI TƯƠNG TỰ. GIẢI THÍCH.**

Điều 16 Dự số 17 ngày 3-6-1953 định rằng : « khi người chủ nhà lấy lại nhà thời không thể trong hạn năm năm, bất luận trường hợp nào hoặc tự mình, hoặc do người trung gian kinh doanh tại nhà đã đòi lại một nghề thương mại hay kỹ nghệ tương tự như của người thuê nhà, trừ trường hợp mà người này đã nhường lại cửa hàng cho người chủ nhà thời không kể ».

Cách hành văn trên cho thấy điều 16 có tính cách bó buộc rõ rệt và bao hàm có một ngoại lệ mà thôi là trường hợp người thuê nhượng lại cửa hàng chủ nhà như vậy không thể thêm một ngoại lệ nào nữa như trường hợp của chủ nhà đã cố sáng kiến tạo lập ra một nhà chỉ dùng về việc chớp bóng.

(*PA 25-9-1963 PLTS 1965 III. 16*)

**820.— SỰ CAM KẾT TRẢ PHỐ LẠI CHO NGƯỜI THUÊ.**

**TRƯỜNG HỢP CHỦ NHÀ BỊ ĐÒI NHÀ ĐỀ Ở.**

Nếu trong khế ước thuê nhà, người thuê cam kết sẽ trả lại nơi thuê, thì sự cam kết trái với Dự số 4 ngày 2-4-1953 nên kể như không có ghi và không có hiệu lực ràng buộc người cam kết.

Dự số 4/1953 với mục đích an toàn xã hội đã biệt đãi người thuê nhà để ở và giới hạn một cách trầm trọng quyền sở hữu.

Đề dung hòa phần nào quyền lợi của chủ phố có quyền đòi lại phố và người thuê không thể đối kháng quyền lưu cư.

Thì dụ như trường hợp của điều 10 khi chủ nhà muốn đòi lại nhà để ở và chứng minh rằng hiện thời y không được xử dựng một ngôi nhà thích hợp với nhu cầu thông thường của y và của các thân nhân trong gia đình thường ở với y.

Trong sự áp dụng điều khoản trên đây, việc xét định về nhu cầu thông thường của chủ phố và của thân nhân, nhưng vấn đề về tình lý, thuộc quyền tối thượng của Tòa Chánh vụ.

(*TT Saigon 22-4-1965 PLTS 1967 III. 81*)

**DỰ SỐ 17 NGÀY 2-7-1954. PHẠM VI ÁP DỤNG (X. 23)**

821.— DỤ SỐ 4 NGÀY 2-4-1953. QUYỀN LƯU CƯ. DỤ SỐ 17 NGÀY 12-7-1954. HOẢN THI HÀNH TRỰC XUẤT CÁC KIẾN TRÚC BẰNG VẬT LIỆU NHẸ.

Dự số 4 chỉ định quyền lưu cư cho người mướn nhà để ở hoặc làm thủ công nghệ hay nghề nghiệp, chứ không đề cập đến người mướn đất trồng để cất nhà ở.

Theo nguyên tắc, các luật lệ đặc biệt phải được giải thích theo nghĩa hẹp. Vì vậy, không thể áp dụng các điều khoản của Dự số 4 quyền lưu cư, cho người mướn đất trồng để cất nhà.

Dự ngày 12-7-1954 chỉ đề cập đến sự hoãn thi hành trực xuất những kiến trúc cất bằng vật liệu nhẹ trước tháng 7 năm 1954. Dự ấy không cấm đoán Tòa án ra lệnh trực xuất theo đúng luật lệ thi hành.

(*TT Saigon 14-8-1958 PLTS 1958 III. 34*)

822.— DỤ SỐ 17 NGÀY 3-6-1953 VỀ THUÊ MƯỐN BẤT ĐỘNG SẢN DÙNG VỀ THƯƠNG MẠI HAY KỸ NGHỆ. TÒA ÁN CÓ THẨM QUYỀN. ĐIỀU 20 DỤ TRÊN.

Điều 10 Dụ số 17 ngày 3-6-1953 dành cho người thuê nhà dùng về thương mại hay kỹ nghệ quyền ưu tiên mua nhà, đang thuê theo các điều kiện định trong điều luật ấy và trong các điều luật khác của Dụ nói trên.

Quyền ưu tiên này là một quyền đặc biệt đặt ra bởi Dụ nói trên và không có trong luật thông thường. Chỉ có tòa án xử về nhà phố quy định ở điều 20 Dụ ấy mới có thẩm quyền xét định về quyền ưu tiên nói trên vì chỉ có tòa án này mới có thẩm quyền để xét xử chiếu điều 20 ghi trên, «về các vụ tranh chấp thuộc về việc áp dụng hay thi hành những điều khoản của Dụ này...»

(PA 25-9-1963 PLTS 1964 II. 25)

823.— DỤ SỐ 17 NGÀY 3-6-1953. LUẬT ĐẶC BIỆT. GIẢI THÍCH CHẶT CHẼ.

Dụ số 17 ngày 3-6-1953 về việc thuê mượn nhà dùng về việc thương mại hay kỹ nghệ là một đạo luật đặc biệt, vậy phải được giải thích chặt chẽ. Dụ ấy không buộc chủ nhà phải chứng tỏ ý định lấy lại nhà thật sự để kinh doanh về thương nghiệp hay kỹ nghệ, không cấm chủ nhà đã có nơi kinh doanh rồi đòi lại nhà để khước trương thương mại hoặc cấm chủ nhà lựa chọn trong các nhà của họ, ngôi nhà mà họ định đòi lại. Như vậy không thể thêm vào Dụ ấy mà bó buộc hay cấm đoán chủ nhà như ghi ở trên, điều 18 của Dụ ấy đã dự định những trừng phạt đối với chủ nhà sau này xét ra không thành thật.

(PA 30-8-1961 PLTS 1962 I. 12)

824.— DỤ SỐ 17 NGÀY 3-6-1953 VỀ PHỐ THƯƠNG MẠI. TỔNG CƯ LẤY LẠI PHỐ ĐỂ TỰ MÌNH HAY VỢ HOẶC TÔN THUỘC KINH DOANH THƯƠNG MẠI HAY KỸ NGHỆ.



TÍNH CHẤT CỦA TÒA NHÀ PHỐ. QUYỀN LƯU CƯ DỰ SỐ 17/53. LÝ DO MỜI VIỆN DẪN TRƯỚC TÒA PHỤC ÁN ĐIỀU 123 NGHỊ ĐỊNH 16-3-1910. TỔNG CƯ KHÔNG VIỆN DẪN LÝ DO VÔ HIỆU.

Tòa nhà phố là một bộ phận của Tòa thường tụng vì Dự số 4 cũng như Dự số 17 chỉ dự định một thủ tục đặc biệt không thành lập một tòa án đặc biệt chuyên xử về nhà phố.

Dự số 17/53 tuy không minh thị dự định «quyền lưu cư» như trong Dự số 4, nhưng, một mặt Dự số 17 dự định quyền tái tục khế ước, thuê quyền này là bình diện tích cực của quyền được tiếp tục thuê phố, tức là quyền lưu cư, nếu dùng danh từ Hán Việt, mặt khác Dự số 17 hạn chế quyền sở hữu chỉ cho chủ phố lấy lại phố hoặc từ khước tái tục khế ước trong những trường hợp và theo những hình thức tiền định, hậu quả cũng là người thuê phố thương mãi được hưởng quyền lưu cư.

Sự viện dẫn, Dự số 17 lần đầu tiên trước Tòa Phúc án là một lý do mới, có thể chấp nhận chiếu điều 123 nghị định 16-3-1910 bỏ tước do nghị định ngày 1-12-1937.

Theo điều 7, Dự số 17, chủ phố thương mãi đòi lại phố phải nêu lý do luật định trong tờ tổng cư không viện dẫn lý trở thành vô hiệu, đơn khởi tố xin chuẩn phê phải bị bác.

(TT Saigon 13-9-1922 PLTS 1963 III. 141)

325.— PHỐ CÓ TÁC DỤNG THƯƠNG MÃI. DỰ SỐ 17 NGÀY 3-6-1953. ĐÒI PHỐ LẠI ĐỀ TỰ KINH DOANH THƯƠNG MÃI. ĐIỀU 8 S 5 DỰ SỐ 17/53. TRƯỜNG HỢP PHẢI BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI BẰNG 24 THÁNG TIỀN THUÊ : ĐIỀU 15 DỰ NÓI TRÊN.

Mối tương quan giữa chủ phố và người thuê căn phố có tác dụng thương mãi thuộc phạm vi áp dụng của Dự số 17 ngày 3-6-1953.

Chủ phố có thể đòi phố lại để tự kinh doanh thương mại, theo điều 8 đoạn 5 Dự nói trên.

Sự ngay tình hay gian tình của chủ phố lại để tự kinh doanh chỉ có thể kiểm soát sau khi chủ phố lấy lại phố để sử dụng.

Theo điều 15 Dự số 17/1953, nếu chủ phố tạo mãi chưa đầy ba năm đã khởi tố đòi phố thì phải bồi thường cho người thuê một số tiền thiệt hại bằng 24 tháng tiền thuê.

(*TT Saigon 8-4-1965 PLTS 1967 II. 66*)

#### 826.— ÁP DỤNG DỰ SỐ 17 NGÀY 12-7-1954.

Theo chân ý và văn từ Dự số 17 ngày 12-7-1954 và theo án lệ thì Dự này chỉ được áp dụng cho những người thuê lại hay chiếm ngụ các nhà cất bằng vật liệu nhẹ trước ngày ban hành Dự đó.

Những người chiếm đất của người khác sau khi Dự đó được ban hành, thì không thể viện dẫn Dự này.

(*TT Saigon 13-2-1958 PLTS 1959 II. 20*)

#### DỰ SỐ 17 NGÀY 12-7-1954.

Dự số 17 ngày 12-7-1954 chỉ tạm hoãn thi hành các quyết nghị tư pháp xử trục xuất các chủ, người thuê hay chiếm ngụ các kiến trúc bằng vật liệu nhẹ làm trên đất người khác chớ không hề ngăn cấm tòa án tuyên xử trục xuất các chủ, người thuê hay chiếm ngụ các kiến trúc làm bằng vật liệu nhẹ trên đất người khác.

Theo điều 40 nghị định ngày 16-3-1910 thì án truyền cho thi hành tạm phải có viện dân lý do trong một khoản riêng biệt.

Nếu xét cần, Tòa án có thể tự ý ban cho ân hạn, mặc dầu không có lời thỉnh cầu của đương sự về điểm đó.

(*TT Saigon 29-2-1959 PLTS 1959 I. 15*)

DỰ SỐ 17 NGÀY 12-7-1954. NHÀ CẮT BẰNG VẬT LIỆU NHE.

Những căn nhà cắt trong đô thành, tuy cắt bằng vách tường, lợp ngói, lót gạch bông, nhưng không có đồ án được đô thành phê chuẩn và cho phép, và không có bằng chứng rằng những căn nhà đó có nền móng vững chắc, thì theo án lệ, chỉ được coi như cắt bằng vật liệu nhẹ, thuộc phạm vi áp dụng của Dự số 17 ngày 12-7-1954.

(TT Saigon 17-10-1957 PLTS 1958. I. 33)

827.— DỰ SỐ 4 NGÀY 2-4-1953. ĐIỀU 11. DIỆN TÍCH Ở ĐƯỢC. ĐỊNH NGHĨA. SÂN VƯỜN. BỎ NGOÀI.

Điều 11 Dự số 4 ngày 2-4-1953 không định nghĩa thế nào là diện tích ở được, nhưng danh từ này chỉ một diện tích có xây cất ở trên và công trình xây cất có tính cách một kiến trúc khả dĩ dùng được làm nơi trú ngụ.

Sân vườn là những nơi lộ thiên, không phải là diện tích có xây cất diện tích ở được.

(PA 28-9-1966 PLTS 1967 II. 9)

828.— QUYỀN THẦU HỒI NHÀ CHO THUÊ.

Nếu chủ phố chứng minh được rằng y cần dùng căn phố cho thuê để phù hợp với nhu cầu thương thức của y và các người trong gia đình sống chung với y, thì y có năng quyền thầu hồi căn phố chiếu theo điều 10 Dự số 4 ngày 2 tháng 4 năm 1953.

(TT Saigon 10-11-1955 PLTS 1956 II. 25)

829.— ĐÒI LẠI NHÀ. ĐIỀU 3 VÀ 29 DỰ SỐ 17 NGÀY 3-6-1953.

Điều 29 Dự 17 ngày 3-6-1953, không ấn định một thời hạn nào về việc thông báo duyên cớ đòi lại nhà.

Điều 3 Dự trên quy định thủ tục và thời hạn phải theo, nếu chủ phố muốn chấm dứt khế ước cho thuê thì phải báo thị ba tháng trước khi khế ước mãn hạn.

(*TT Saigon 1-3-1956 PLTS. T. 957 I. 39*)

829.— ĐÒI NHÀ ĐỀ THỎA MÃN NHU CẦU GIA ĐÌNH.

ĐIỀU 10 DỰ SỐ 4 NGÀY 2-4-1953.

Tờ mua nhà phải được nhật ký xác định là đủ, khỏi phải cần sang bộ nhà mới được khởi tố đòi nhà.

Nhưng người mua nhà phải chứng minh mua nhà đề ở hay đề thỏa mãn nhu cầu gia-đình chánh đáng chứ không đề trục lợi.

(*TT Saigon 21-1-1960 PLTS 1960 I. 51*)

829.— ĐÒI LẠI NHÀ ĐỀ Ở.

Nguyên đơn căn cứ vào điều 10 Dự số 4 ngày 2-4-53 đòi lại căn phố y cho mượn đề cho gia đình con trai y ở, nhưng theo điều luật này người chủ nhà chỉ có thể đòi nhà cho chính mình ở, chứ không thể đòi nhà cho gia đình con trai của y ở, và y bắt buộc phải đề cho người thuê nhà hay người chiếm ngụ nhà bị đòi lại được sử dụng chỗ ở mà lâm thời, vì thi hành quyền đòi nhà, có thể rảnh được. Như vậy, chủ căn phố không thể viện dẫn điều luật trên, lấy cớ rằng nhà y đang ở quá chật hẹp, không thể đem gia đình của con trai y về ở chung, nên phải đòi lại căn phố mà y đã mượn từ trước đến nay.

(*TT Saigon 2-5-1960 PLTS 1960 IV. 52*)

ĐÒI NHÀ ĐỀ XÂY CÁT LẠI VỚI DIỆN TÍCH GẤP ĐÔI. ĐIỀU 11 DỰ SỐ IV NGÀY 2-4-1953.

Tuy chủ phố đã kiện xin trục xuất người thuê với lý do y không được sử dụng với một ngôi nhà thích hợp với nhu cầu thông thường và y đã bị bác đơn, nhưng sự kiện này không phải là một trở lực

pháp lý đề y khởi tố trong một vụ khác, với một lý do khác là lấy nhà lại đề xây cất lại với diện tích gấp đôi, chiếu điều 11 Dự số 4 ngày 2-4-1953.

Lý do đòi lại nhà đề xây cất với diện tích gấp đôi chỉ có thể kiểm soát 3 tháng sau khi chủ phố đã đòi lại, chiếu điều 11, và sự tổng cư sẽ được chuẩn phê nếu làm đúng theo thể thức luật định.

(TT Saigon 7-1-1965 PLTS 1965 III. 70)

830.— ĐÒI NHÀ KHÁC. THÍCH ỨNG VỚI NHU CẦU NGHỀ NGHIỆP. NHẬN XÉT VỀ THỰC TẾ. TOÀN QUYỀN THẨM ĐỊNH

Điều 9 Dự số 4 ngày 2-4-1953 về nhà phố, minh định rằng căn phố do chủ phố đề nghị đòi cho người thuê, ngoài nhiều điều kiện khác, phải thích ứng với nhu cầu về nghề nghiệp của người thuê.

Những nhận xét về thực tế đề chứng tỏ rằng căn phố đề nghị đòi không hợp với nhu cầu về nghề nghiệp người thuê thuộc toàn quyền thẩm định của Tòa án xử về tình lý miễn không làm biến chất các sự kiện nêu trên.

(PA 30-6-1965 PLTS 1966 I. 27)

ĐÒI PHỐ. ĐIỀU 9 DỰ SỐ 4 NGÀY 2-4-1953. SỰ THỎA THUẬN CỦA CHỦ PHỐ.

Theo điều 9 Dự số 4 ngày 2-4-1953 căn, nhà do chủ nhà đề nghị đòi cho người thuê, ngoài nhiều điều kiện khác, phải thích ứng với các nhu cầu về nghề nghiệp của người thuê.

Điều luật nói trên không có đề cập đến sự thỏa thuận của chủ nhà sẽ trao đổi như là một yếu tố cần thiết để thực hiện sự trao đổi, như là một yếu tố cần thiết để thực hiện sự trao đổi. Nhưng theo nguyên tắc phổ thông luật pháp, khế ước cho thuê là một khế ước đối nhân, yếu tố cá nhân của người thuê như hạnh kiểm,

tình trạng tài sản địa vị xã hội là những nguyên do quan trọng của sự cam kết của người chủ cho thuê và như vậy không thể quan niệm rằng người thuê được quyền tự do chọn lựa người thay thế không cần phải có sự thỏa thuận của chủ phố.

Án lệ và sau đó nhà làm luật Pháp quốc đã chấp nhận rằng chủ phố sẽ thay đổi có quyền phản kháng nếu có lý do chánh đáng, quan điểm này đáng được chấp nhận trước sự im lặng của nhà làm luật Việt Nam.

(*TT Saigon 30-4-1964 PLTS 1964 IV. 123*)

831.— ĐỆ TAM KHÁNG TỔ. NGƯỜI THUÊ LẠI.

Người thuê lại không được quyền đệ tam kháng tố bản án dạy trực xuất người thuê đất cát nhà đã bị đình chỉ. Việc đã xử rồi, chủ phố muốn xin trực xuất người thuê lấy cớ rằng người này cho thuê lại thì phải khởi tố, nêu các sự kiện xảy ra sau khi phúc quyết dạy ngưng thi hành được tuyên, chớ không thể thi hành phúc quyết đã bị đình chỉ.

(*TT Saigon 25-2-1960 PLTS 1960 II. 22*)

832.— GIAO KÈO LẬP KHÔNG CÓ NGÀY THÁNG ĐÍCH XÁC.  
CHO MƯỜN NHÀ VĨNH VIỄN.

Một giao kèo lập giữa người mướn nhà và chủ nhà không có ngày tháng đích xác (sans date certaine) thì không thể đem đối kháng với người mua nhà được.

Khế ước cho mướn nhà vĩnh viễn sẽ bị coi như vô hiệu.

(*HGRQ CẦN THƠ 14-6-1955 PLPS 1966 IV. 75*)

833.— GIẢI THÍCH. DỰ SỐ 4 NGÀY 2-4-1953, ĐIỀU 6.  
TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG.

Dự số 4 ngày 2-4-1953 về nhà phố đề ở là một đạo luật đặc biệt phải giải thích chặt chẽ.

Dự ấy có chỉ rõ những người nào ở trong trường hợp nào được hưởng quyền lưu cư hay quyền triển hạn, vậy không thể theo những qui tắc của thường luật về quyền thuê nhà đề ở mà nói rộng số người về trường hợp nói trên.

Điều 6 qui định trong trường hợp người thuê nhà bỏ đi không ở hoặc người thuê nhà mệnh một, đã minh thị rằng quyền triển hạn chỉ dành cho thân quyến trực hệ, vợ hay chồng không ly dị của người này.

Sự kê khai trên đây có tính cách hạn chế vì lý do Dự số 4/1953 là một đặc chế thành lập những quyền lợi trái với phổ thông luật pháp.

Anh, chị em của người thuê nhà không phải là thân quyến trực hệ nói ở điều 6 Dự số 4/53 không được hưởng quyền lưu cư.

(TT Saigon 15-10-1964 PLTS 1965 I. 122)

**DỰ SỐ 4 NGÀY 2-4-1953. ĐIỀU 7 KHOẢN 5. CHO THUÊ LẠI KHÔNG CÓ THỎA THUẬN BẰNG GIẤY TỜ CỦA CHỦ NHÀ. THUÊ LẠI CHẤM DỨT.**

Điều 7 đoạn 5 Dự số 4 ngày 2-4-1953 định rằng người thuê nhà mất quyền lưu cư nếu cho thuê lại cả hay một phần nhà mà không có sự thỏa thuận bằng giấy tờ của chủ nhà.

Điều luật này không hề định rằng khi sự cho thuê chấm dứt trong khi vụ kiện tiến hành, người thuê vẫn được hưởng quyền lưu cư.

Như vậy đã vi phạm điều luật trên phúc quyết nhìn nhận có sự cho thuê lại đã chấm dứt từ lâu do đó không còn là một lý do xin trực xuất.

(PA 24-11-1965 PLTS 1966 III. 19)

834.— **GIÁM ĐỊNH ĐƠN PHẢN TỐ. ĐIỀU KIỆN ĐỀ ĐƯỢC CHẤP NHẬN.**

Tuy giám định viên được Tòa đề cử không có tuyên thệ nhưng điều 21 Dự số 17 ngày 3-6-1953 đã cho phép các Tòa án xử về việc nhà phố áp dụng những cuộc điều tra hay giám định của thường luật, dù vậy giám định viên không có tuyên thệ vì bằng giám định vẫn có giá trị.

Theo nguyên tắc, đề được chấp nhận, đơn phản tố phải là một biện pháp chống lại tiền thuê không thể được chấp nhận dưới hình thức một đơn phản tố.

(*TT Saigon 1-4-1965 PLTS 1967 III. 59*)

### 835.— GIẤY PHÉP XÂY CẮT. ĐÒI LẠI NHÀ.

Điều 11 Dự số 4 ngày 2-4-1953 không buộc phải có giấy phép xây cất hữu hiệu rồi mới được tổng cư, giấy phép và họa đồ kèm theo chỉ cần thực hiện trước khi Tòa tuyên xử.

(*PA 27 4-1966 PLTS 1967 I. 19*)

### 836.— GIÁM ĐỊNH. DỰ SỐ 17 NGÀY 3-6-1953.

Tuy giám định viên được Tòa đề cử không có tuyên thệ nhưng điều 21 Dự số 17 ngày 3-6-1953 đã được cho phép các Tòa án xử về việc nhà phố áp dụng những cuộc điều tra sơ lược khỏi phải áp dụng những thủ tục điều tra hay giám định của thường luật, vì vậy dù giám định viên không có quyền tuyên thệ, vì bằng giám định vẫn có giá trị.

(*TT Saigon 1-4-1965 PLTS 1967 III. 59*)

837.— KHẾ ƯỚC CHO THUÊ Mướn. ĐIỀU KHOẢN CHE ĐẬY YÊU SÁCH CỦA NGƯỜI CHO THUÊ. ĐIỀU 20 VÀ 32 DỰ SỐ 4 NGÀY 2-4-1953 VỀ THUÊ Mướn NHÀ ĐỂ Ở, ĐỂ DÙNG VÀO THỦ CÔNG NGHỆ HAY NGHỀ NGHIỆP. ĐIỀU 22 DỰ SỐ 17 NGÀY 3-6-1953 VỀ THUÊ NHÀ DÙNG VỀ THƯƠNG MẠI HAY KỸ NGHỆ. ĐIỀU 1134 D.L.P.



Điều 1134 D.L.P. đặt nguyên tắc rằng hiệp ước do các người kết ước lập ra một cách hợp pháp, có hiệu lực đối với họ như pháp luật.

Nguyên tắc trên chi phối các hiệp ước nói chung, khi các đương sự đều ngay tình.

Nhưng riêng về việc thuê mướn, nguyên tắc ấy bị giới hạn bởi các điều 20 và 32 Dự số 4 ngày 2-4-1953 và điều 22 Dự số 17 ngày 3-6-1953, Tòa án có thể áp dụng các điều luật trên và tuyên bố khế ước thuê mướn vô giá trị, khi xét ra rằng có những ước khoản che đậy những yêu sách của người cho thuê làm mất những quyền lợi mà các Dự trên ban cho người thuê.

(PA 30-10-1963 PLTS 1964 II. 51)

838.— NGƯỜI THUÊ VÀ NGƯỜI MUA PHỐ. PHỐ BỊ BÁN CHO CHỦ MỚI. ĐỊA VỊ CỦA NGƯỜI MướN PHỐ VỚI CHỦ CŨ.

Hợp đồng thuê phố là công chính chứng thư và có nhật ký xác định nhưng chủ mới mua phố không được hay biết gì và khi được nộp vào hồ sơ tranh tụng thì nhật ký cho mướn đã mãn hạn hạn rồi, như vậy đối với chủ đã mua phố người mướn chỉ được coi là người mua phố vô thời hạn là cùng.

(TT Saigon 5-3-1959 PLTS 1959 II. 43)

839.— NGƯỜI THUÊ VÀ NGƯỜI MUA PHỐ.

Khế ước thuê nhà phải được công bố hoặc đăng ký hợp lệ hay có trước bạ và nhật ký xác thực chiếu theo điều 234 sắc lệnh ngày 21-7-1925 mới được tôn trọng đối với chủ mua căn phố.

(TT Saigon 1-3-1956 PLTS 1957 I. 36)

840.— NHÀ BỊ CẤM Ở. ĐÒI NHÀ DÙNG ĐỀ Ở. TẶNG TIỀN NHÀ QUÁ.

Chủ nhà tặng tiền nhà quá đáng và không theo giá biểu đạo dụ 2-4-1953 cũng không do Tòa Nhà phố phân giải. Vì đó, người

thuê không thỏa thuận nên trả chậm tiền nhà. Trong trường hợp này sự trả chậm có duyên cớ chánh đáng và chủ nhà không thể vì thế mà xin trục xuất người thuê được.

Theo điều 7 đoạn 8 Dự 2-4-1953 người thuê không được quyền lưu cư nếu nhà tương trang đã bị lệnh cấm ở (interdiction d'habiter) hay bị một nghị định tuyên bố hiểm nghèo bắt buộc phải phá hủy vì sợ sập đổ (arrêté de péril).

Trong trường hợp có lệnh tỉnh trưởng ra nghị định đề thi hành một chương trình kiến thiết chung, và truyền một số nhà phố cũ kỹ phải làm lại hay sửa chữa, nghị định ấy không được xem là một lệnh cấm ở và như một nghị định tuyên bố hiểm nghèo nói trong điều 7 đoạn 8 Dự số 2-5-1953. Như thế người thuê nhà không mất quyền lưu cư.

Sắc lệnh ngày 12-12-1919 ấn định thủ tục giám định đề tuyên bố hiểm nghèo và cấm ở một nhà mục nát, không trái điều 7 đoạn 8 Dự 2-4-1953, trái lại Sắc lệnh ấy cần áp dụng làm chi tiết thủ tục đề thi hành điều 7 đoạn 8 ấy, vì lẽ có giám định mới biết nhà tương tranh cần phải cấm ở vì có sự hiểm nghèo, hay không.

(*TT Huế 21-12-1955 PLTS 1956 I. 61*)

#### 841.— NGƯỜI THUÊ LẠI.

Người thuê lại, tuy không có dự sự trong vụ kiện, nhưng không có tư cách để chỉ trích bản án tuyên xử giữa người thuê chánh và người đại diện chủ phố, vì trong vụ kiện người thuê chánh đã thay mặt người thuê lại.

— Theo nguyên tắc, người thuê lại không có quyền trực tiếp đối kháng với chủ phố hoặc người đại diện, vì giữa hai bên không có liên lạc pháp lý nào được thiết lập.

(*TT Saigon 12-9-1957 PLTS 1958 III. 49*)

#### 842.— NGƯỜI THỤ QUYỀN.

Chủ phố không có quyền đuổi thẳng người thụ quyền của người thuê phố, vì giữa người thụ quyền này và chủ phố không có một liên quan pháp lý nào cả, cũng như về mặt luật pháp.

Trong khi quyền thuê nhà của người thuê chánh chưa chấm dứt thì chủ phố không thể kiện đuổi người chiếm ngụ căn nhà do sự thụ quyền của người thuê chánh.

(TT Saigon 12-12-1957 PLTS 1958 III. 28)

743.— NGƯỜI TÙY THUỘC CỦA NGƯỜI BỊ TRỤC XUẤT.

Về phương diện pháp lý những kẻ tùy thuộc của người bị trục xuất khỏi một bất động sản gồm cả những người tùy tùng và tất cả những người thụ quyền, quyền thuộc của y, gọi tắt là kẻ tùy thuộc ; vậy không thể nho rằng kẻ tùy thuộc chỉ là tôi tớ, người ở làm công trong nhà của người bị trục xuất mà thôi.

(TT Saigon 3-3-1960 PLTS 1960 II. 25)

844.— NGHĨA VỤ NGƯỜI THUÊ.

Khi người thuê khiếm khuyết nghĩa vụ, như không trả tiền thuê chủ nhà có quyền xin trục xuất mà không cần phải báo trước ba tháng theo điều 3 Dự số 17 ngày 3-6-1953, hoặc chờ cho khế ước gần mãn hạn mới làm thủ tục từ chối tái lập khế ước, như định ở điều 8 đoạn 7 Dự nói trên.

(PA 27-2-1963 PLTS 1963 II. 20)

845.— NGƯỜI Ở ĐẠU LÂU NĂM. QUYỀN LƯU CƯ CỦA CÁC NGƯỜI CHIẾM NGỰ ĐỐI VỚI CHỦ MỚI CĂN PHỐ.

Viện dẫn quyền lưu cư đối với người chủ sau, mới mua căn phố, và nại rằng y là người thuê chánh thức, bị đơn xuất trình biên lai trả tiền thuê phố để chứng minh sự thuê mượn hợp lệ. Tờ chứng nhận của người thuê tiền phố, thay mặt chủ cũ căn phố, cấp cho bị đơn rằng bị đơn có trả từ lâu tiền mượn phố sòng phẳng, không thể thay thế cho biên lai trả tiền nhà.

(TT Saigon 24-9-1959 PLTS 1960 I. 46)

### 846.— PHỐ THƯƠNG MẠI. SỰ TĂNG TIỀN PHỐ 6 THÁNG MỘT KỲ.

Hợp đồng thuê mướn ký kết giữa hai bên trước ngày ban hành Dự số 17 ngày 3-6-1953, tiền phố chỉ được tăng lên 3 năm một lần và theo giá tăng trung bình của các vé bán trong rạp chớp bóng thời kỳ ấy, không trái với thời kỳ tối thiểu sáu tháng ấn định nơi dự dẫn thương, hai bên đương sự phải thi hành cam kết về khoản này và chủ phố không được đòi tăng sáu tháng một kỳ, vi phạm giao ước hợp ước đã ký kết.

(*TT Saigon 18-4-1959 PLTS 1960 III. 48*)

### 847.— PHỐ THƯƠNG MẠI. TÍNH CÁCH CỦA CĂN PHỐ DÙNG ĐỀ BUÔN BÁN.

Tuy tại căn phố tương tranh không có trữ hàng hóa, nhưng nghề của người mướn phố là nghề buôn bán, tại căn phố có treo bảng hiệu buôn bán, công việc giao dịch, thương lượng với khách hàng, đều làm tại căn phố tương tranh, và lại căn phố ấy tọa lạc tại một nơi buôn bán sầm uất như vậy căn phố ấy có tính cách một căn phố buôn bán.

(*TT Saigon 31-5-1956 PLTS 1956 III. 41*)

### 848.— PHỐ THUỘC DI SẢN VỊ PHÂN.

Người quản trị cho mướn hợp lệ, có cấp biên lai tiền phố mỗi tháng, khẩu ước thuê mướn hợp lệ có hiệu lực đối với người thừa kế chủ căn phố, có ký giấy hẹn trả phố, người này đã trở thành người thuê chánh thức, với sự thỏa thuận của quản trị viên căn phố tương tranh thuộc di sản vị phân. Sau này người thừa kế chủ căn phố không được viện lẽ rằng người thuê là kẻ chiếm ngụ vô quyền để xin trục xuất.

(*TT Saigon 4-2-1960 PLTS 1960 I. 59*)

849.— QUYỀN LƯU CƯ. NHÀ PHỐ CÓ TÍNH CÁCH HỖN HỢP VỪA DÙNG ĐỀ BUÔN BÁN VỪA ĐỀ Ở.

Khi căn phố bị kiện trục xuất vừa dùng đề buôn bán vừa dùng đề ở thì Tòa án phải xác định phần nào chiếm ưu thế.

Theo Dự số 4 ngày 2-4-1953, các căn nhà sử dụng hỗn hợp mà phần đề ở chiếm ưu thế được coi như nhà dùng đề ở và người thuê được hưởng quyền lưu cư.

(*TT Saigon 23-6-1953 PLTS 1955 III. 35*)

850.— QUYỀN LƯU CƯ. ĐÒI NHÀ LẠI. TIỀN THUÊ NHÀ.

Chủ nhà cho một người thuê, người này cho thuê lại. Mặc dầu không có kế ước, nếu chủ nhà đích thân nhận tiền nhà và tự tay xuất biên lai, chủ nhà đã mặc nhiên nhận người thuê lại, nên chiếu điều 8 Dự 2-4-1953, người thuê lại có quyền lưu cư.

Chủ nhà muốn lấy lại nhà đề ở chiếu điều 10 Dự 2-4-1953, phải chứng minh rằng không có nhà khác đủ phương tiện đề ở hay đã mua nhà tương tranh hơn 4 năm đề ở và phải có giấy báo trước 6 tháng ghi đủ các tài liệu và thẻ thức đã làm, định trong điều 10 ấy.

Chiếu điều 19 Dự 2-4-1953, nếu chủ nhà và người thuê không thỏa thuận về số tiền thuê nhà thì vụ tranh chấp sẽ đưa ra trước Tòa án xử việc nhà phố để giải quyết theo giá biểu các hạng mà nhà phố ấn định trong vụ.

(*TT HUẾ 22-11-1955 PLTS 1956 I. 56*)

851.— QUYỀN LƯU CƯ CỦA PHÁP NHÂN CÔNG. THẨM QUYỀN CỦA TÒA KHẢN CẤP.

Dự số 4 ngày 2-4-1953 không có khoản nào xác nhận cho những công nhân Pháp quyền lưu cư. Tòa khản cấp có thẩm quyền trục xuất một người chiếm ngụ vô quyền, miễn là không có sự tranh chấp quan trọng về nội dung.

(*TT Saigon 15-10-1955 PLTS 1956 II. 33*)

822.— QUYỀN LƯU CƯ. DỰ NGÀY 3-6-1953 ĐỐI VỚI NGƯỜI  
CÓ QUỐC TỊCH TRUNG HOA. SẮC LỆNH NGÀY 24-8-1953.

Những người không có quốc tịch Việt Nam không được hưởng luật lệ và nhà phố.

(*TT Saigon 31-5-1956 PLTS 1956.III. 38*)

823.— QUYỀN LƯU CƯ CỦA NGƯỜI THUÊ : TRƯỜNG HỢP  
NGƯỜI THUÊ CHÍNH CHO THUÊ LẠI.

QUYỀN ĐÒI NHÀ CỦA NGƯỜI CHỦ : TRƯỜNG HỢP NGƯỜI  
CHỦ ĐÃ BIẾT VIỆC CHO THUÊ LẠI. ĐÃ TẶNG TIỀN NHÀ  
VÀ TỔNG CƯ NGƯỜI THUÊ SAU KHI ĐÒI TĂNG THÊM CAO  
HƠN NỮA MÀ KHÔNG ĐƯỢC TOẠI NGUYỆN.

Theo điều 5, đoạn 7 Dự số 4 ngày 2-4-1953, người thuê chính bị mất quyền lưu cư nếu không có sự ưng thuận viết của chủ nhân.

Tuy nhiên, nếu người chủ nhà đã biết rõ việc cho thuê lại đã nhân cơ hội ấy tặng tiền thuê trái với dự nói trên, và sau đó, vì đòi tăng thêm nữa không được, mới nại điều 7 để xin trục xuất người thuê để xin thỉnh cầu phải bác bỏ.

(*TT Saigon 1-6-1961 PLTS 1962 I. 48*)

854.— QUYỀN LƯU CƯ CỦA NGƯỜI TRUNG HOA. HIỆU LỰC  
HỘI TỔ LUẬT VIỆT TỊCH MỚI.

Theo điều 16 mới Dự ngày 21-8-56 và 18 bộ luật quốc tịch, những người sinh ở Việt Nam là gốc Trung Hoa đều có Việt tịch ngay từ khi sinh đẻ.

Theo điều 4 luật quốc tịch, hiệu lực hội tổ của Việt tịch không làm thương tổn đến những quyền lợi đã thủ đắc của người đệ tam quyền đòi nhà của chủ nhà đối với người thuê là một bình diện của quyền tư hữu, không phải là một quyền tnu đặc do khế ước thuê mượn.

Do đây người Trung Hoa thành người Việt do hiệu lực của điều 16 và 18 nói trên, có quyền lưu cư đối kháng với chủ nhà.

Nhưng muốn được hưởng quyền lưu cư phải là người thuê hay người chiếm ngụ ngay tình, người thuê nhà khiếm khuyết nghĩa vụ trả tiền, không còn người thuê ngay tình và không còn viện dẫn được quyền lưu cư.

(*TT Saigon 3-8-1961 PLTS 1962 II. 93*)

### 855.— QUYỀN LƯU CƯ CỦA NGƯỜI TRUNG HOA.

Nguyên tắc hồi tố của đạo luật quốc tịch ngày 1-12-55 và của Sắc lệnh ngày 21-8-56. Quyền lưu cư theo dụ ngày 2-4-1953.

Luật quốc tịch ngày 1-12-55 và dụ ngày 21-8-56 ban bố quốc tịch Việt Nam cho người Trung Hoa sanh tại Việt Nam có hiệu lực hồi tố, nhưng theo điều 4 luật trên sự thay đổi quốc tịch theo luật định không thể làm tổn thương đến sự hữu hiệu của những kết ước của đương sự hoặc quyền của người đệ tam đã ký đặc. Như vậy một người Trung Hoa có con đã thủ đắc quốc tịch Việt Nam từ ngày sanh hạ, mà đã bị kiện trục xuất ra khỏi nhà thuê, không thể viện dẫn quốc tịch của con để viện quyền lưu cư theo dụ ngày 2-4-1953, chống lại đơn xin trục xuất của chủ phố đã thủ đắc và xử dụng quyền trục xuất theo luật thông thường, về việc thuê mượn nhà phố từ trước khi dụ ban quốc tịch cho con y được ban hành.

(*TT Saigon 19-1-1937 PL Số 28 trang 6*)

### 856.— QUYỀN LƯU CƯ ĐƯỢC MỘT CÔNG VĂN HÀNH CHÁNH CÔNG NHẬN. QUYỀN LƯU CƯ TRONG TRƯỜNG HỢP NHÀ CŨ BỊ HỎA HOẠN VÀ SỞ HỮU CHỦ ĐƯỢC CHÁNH PHỦ BÒI THƯỜNG ĐƯỢC MỘT CĂN NHÀ MỚI

Quyền lưu cư không thể được công nhận do một công văn hành chánh, mà phải được xét định dưới diện mục pháp lý, theo sự

trương quan pháp lý giữa đôi bên. Vấn đề quyền lưu cư có thể được chuyển sang căn nhà mới làm để thay thế căn nhà cũ đã bị thiêu hủy hay không, là một vấn đề liên hệ đến nội trạng quyền lợi của đôi bên, vượt ngoài quyền thẩm định của Tòa cấp thẩm.

(TT Saigon 15-2-1962 PLTS 1963 II. 108)

### 857.— NGƯỜI ĐỪNG THUÊ. NGƯỜI HÔN PHỐI. CHẾ ĐỘ HÔN SẢN. CỘNG ĐỒNG TÀI SẢN.

Dự số 4 ngày 2-4-1953 về nhà phố là một luật đặc biệt, phải giải thích chặt chẽ. Dự số ấy đã chỉ rõ những người nào ở trong trường hợp nào được hưởng quyền lưu cư: vậy không thể theo những qui tắc của thường luật về quyền thuê nhà để ở mà nói rộng số người và trường hợp nói trên, nhất là sự nói rộng ấy lại đưa đến những hậu quả trái ngược với các qui định của Dự ấy.

Dự ấy chỉ dành quyền triển hạn cho người hôn phối nào đứng ra thuê nhà mà không phân biệt trường hợp vợ chồng lập hôn thú dưới chế độ cộng đồng tài sản hay dưới chế độ khác.

So sánh trường hợp của điều 5 đoạn 2, Dự số 4 không dự liệu quyền triển hạn cho thân quyết trực hệ, vợ hay chồng (ly dị hay không ly dị) của người thuê nhà, tức là những người này không được hưởng quyền ấy.

Thật vậy nếu người thuê bỏ nhà đi khỏi hẳn địa vực mà không phải trường hợp bị bắt buộc chỉ đi một mình để tiếp tục nghề nghiệp và để lại vợ hoặc chồng và các con tại nhà thuê (trường hợp điều 5 đoạn 1) hay người thuê đi nghỉ phép hoặc đi lưu trú ở một nơi khác ngoài nước Việt Nam, sau thời hạn 18 tháng mà không trở về nơi cũ (trường hợp của điều 5 đoạn 2) thì quyền triển hạn của người thuê sẽ đương nhiên hưu chỉ và vợ hay chồng người thuê không được hưởng quyền triển hạn: chỉ trong trường hợp người thuê nhà bỏ đi không ở hoặc người ấy mệnh một, (trường hợp của điều 6) thì vợ



hay chồng người thuê mới được hưởng quyền triển hạn, nhưng phải là vợ hay chồng không ly dị và phải đã ở nhà thuê ít nhất được sáu tháng,

(PA 31-7-1963 PLTS 1963 IV. 20)

858.— QUYỀN LƯU CƯ. DỰ SỐ 4 NGÀY 2-4-1953, ĐIỀU 6, TRƯỜNG HỢP ÁP DỤNG.

Dự số 5 ngày 2-4-1953 về nhà phố đề ở là một đạo luật đặc biệt phải giải thích chặt chẽ.

Dự ấy có chỉ rõ những người nào, ở trong trường hợp nào được hưởng quyền lưu cư hay quyền triển hạn, vậy không thể theo những qui tắc của thường luật về quyền thuê nhà đề ở mà nói rộng số người và trường hợp nói trên.

Điều 6 qui định trong trường hợp người thuê nhà bỏ đi không ở hoặc người thuê nhà mệnh một, đã minh thị rằng quyền triển hạn chỉ dành cho thân quyến trực hệ, vợ hay chồng không ly dị của người này.

Sự kê khai trên đây có tính cách hạn chế vì lý do Dự số 4/53 là một đặc chế thành lập những quyền lợi trái với phổ thông luật pháp.

Anh, chị em của người thuê nhà không phải là thân quyến trực hệ nói ở điều 6 Dự số 4/53 không được hưởng quyền lưu cư.

(PA 15-10-1964 PLTS 1966 IV. 30)

859.— QUYỀN LƯU CƯ. KHÔNG DI TRUYỀN THỪA KẾ. SL 1925.

Quyền lưu cư dự liệu ở điều 4 Dự số 4 ngày 2-4-1953 về nhà phố, nhằm trường hợp quyền thuê phát sinh ở một khế ước; đảng khác quyền ấy lệ thuộc vào thân nhân của người thuê không di truyền được cho thừa kế, trừ trường hợp định ở điều 6; do đó người thuê đi toàn sản được tiếp tục hưởng quyền thuê nhà do người thuê đề

lại chiếu điều 231. Sắc lệnh điền thổ 21-7-1925, nhưng chỉ được hưởng quyền lưu cư, một quyền pháp định, nếu chính mình hội đủ điều kiện pháp định

Em gái người thuê mệnh một mặc dầu là thụ di toàn sản không được hưởng quyền lưu cư vì không gồm trong số các người thừa kế được ghi ở điều 6 dân thượng, Dự số 4 ngày 2-4-1953.

(PA 27-7-1966 PLTS 1966 IV. 30)

### 860.— QUYỀN LƯU CƯ CỦA NGOẠI KIỀU NHẬP VIỆT TỊCH.

Người gốc ngoại kiều viện lẽ đã nhập Việt tịch để nại dân quyền lưu cư do dự số 4 ngày 2-4-1953 về Nhà phố có trách vụ dẫn chứng về sự thủ đắc quốc tịch này, chiếu điều III Dự số 10 ngày 7-12-1955.

Tờ căn cước không có hiệu lực làm bằng về Quốc tịch Việt Nam, theo điều 122 Dự số 10/1955, chỉ có Chánh án Tòa sơ thẩm hay thẩm phán Tòa Hòa Giải rộng Quyền mới có tư cách cấp phát chứng thư Quốc tịch Việt Nam.

Điều 7 S 10 Dự số 4/1953 dự định quyền lưu cư của người ngoại quốc có con thuộc quốc tịch Việt Nam buộc phải có đủ ba điều kiện: Người con thuộc quốc tịch Việt Nam, phải là con chánh thức, và thực hiện đồng cư với đương sự.

(TT Saigon 17-6-1965 PLTS 1967 III. 88)

### 861.— QUYỀN LƯU CƯ CỦA NGƯỜI THUÊ SAU THỜI HẠN 18 THÁNG LƯU TRÚ TẠI 1 NƠI NGOÀI NƯỚC VIỆT NAM.

Đối với người thuê lạm dụng quyền hưởng dụng cũng như đối với kẻ chiếm cứ vô quyền, chủ phố có quyền xin trục xuất theo thủ tục khẩn cấp, khỏi phải tổng đạt giấy báo thối trước.

Theo điều 5 khoản 2 Dự ngày 2-4-1953, quyền lưu cư hay triển hạn của người thuê phố sẽ đương nhiên hưu chỉ — sau thời

hạn 18 tháng lưu trú tại một nơi ngoài nước Việt Nam, dù là vì lẽ gì người được hưởng quyền ấy không trở về ở nơi cũ trong thời hạn trên.

(*TT Saigon vụ số 1029 năm 1957 PL số 36 trang 6*)

862.— QUYỀN ĐÒI NHÀ. DỤ NGÀY 2-4-1953.

Theo điều 10 Dụ ngày 2-4-1953, chủ nhà muốn hưởng quyền đòi nhà lại phải báo trước sáu tháng bằng văn thư ngoại tư pháp, muốn có hiệu lực văn thư ấy phải :

Tự rõ ràng việc thi hành quyền đòi nhà là chiếu theo điều luật này.

Kê rõ nhật ký và tạo mãi bất động sản.

Ghi tên và địa chỉ ngôi nhà mà hiện người hưởng quyền đòi nhà lại đang ở, nơi nhà ấy và số phòng mà người này đang chiếm ngụ.

Nếu có sự chậm trễ trong việc trả tiền phố là vì có sự tranh chấp về giá gạch, chủ phố không thể viện lẽ rằng người mượn khiếm khuyết nhiệm vụ đề xin trục xuất y được.

(*TT Saigon 17-10-1957 PLTS 1958 III. 24*)

QUYỀN ĐÒI NHÀ. XIN PHÉP TỔNG ĐẠT.

Theo đoạn mãi điều 10 dụ ngày 2-4-1953, thì chủ nhà đã mua nhà trên 4 năm, có quyền đòi nhà nếu được Tòa cho phép, nhưng theo án lệ, việc xin phép không phải làm riêng trước khi khởi tố, mà có thể làm chung với đơn xin trục xuất.

Người được hưởng quyền đòi nhà chỉ bắt buộc phải tổng đạt cho chủ ngôi nhà mà y đang ở được biết vụ kiện của y bằng văn thư ngoại tư pháp, chiếu điều 10 đoạn 6 Dụ ngày 2-4-1953, là khi nào nhà ấy được coi là rảnh và có thể giao cho người bị trục xuất mà thôi.

(*TT Saigon 26-9-1957 PLTS 1958 III. 52*)

863.— QUYỀN TÁI CHIẾM NƠI THUÊ SAU KHI ĐÃ DỌN ĐI.  
ĐIỀU 11 VÀ ĐIỀU 6 DỰ SỐ 4 NGÀY 2-4-1953.

Người thuê nhà đã tự ý trả lại nhà cho chủ nhà để có điều kiện xin cấp phát nhà khác của gia cư liêm giá cuộc không thể xin tái chiếm nơi thuê sau khi đã dọn đi.

Người thuê không bị trục xuất để chủ nhà xây cất lại chiếu điều 11 Dự số 4 ngày 2-4-1953 không thể viện dẫn điều này để xin tái chiếm căn nhà đã trả lại cho chủ.

Người thuê cũng không thể viện dẫn quyền lưu cư vì đã dời khỏi căn nhà mà không ở vào trường hợp của điều 6 Dự số 4. 1953 là trường hợp của người bỏ nhà đi không ở hoặc đã mệnh một còn để lại thân quyến trực hệ hay vợ chồng không ly dị tại nơi thuê.

*TT Saigon 10-9-1964 PLTS 1965 I. 112)*

QUYỀN TÁI CHIẾM CỦA NGƯỜI THUÊ CŨ. BỒN PHẠM CỦA CHỦ NHÀ. CÔNG TÁC HOÀN THÀNH. CÁO TRI. BÁN NHÀ KHÔNG CÁO TRI.

Điều 11 Dự số 4 ngày 2-4-1953 dự định trong trường hợp chủ nhà đòi lại nhà để xây dựng lại, người thuê cũ có quyền ưu tiên thuê lại trong bất động sản mới cải trúc tức là quyền « được vào ở lại » căn nhà cải trúc.

Chủ nhà có nghĩa vụ sau khi hoàn thành công tác, phải cáo tri cho người thuê cũ, để buộc người này cho biết có muốn sử dụng quyền ở lại không.

Nếu đem bán nhà trước khi cáo tri, người chủ nhà đã khiếm khuyết nghĩa vụ và phải chịu bồi thường.

*(PA 29-6-1966 PLTS 1966 IV. 17)*

864.— QUYỀN TIỀN MÃI CỦA NGƯỜI THUÊ. ĐIỀU 10 DỰ SỐ 17 NGÀY 3-6-1953.

Điều 10 Dự số 17 ngày 3-6-1953 hạn chế rõ rệt quyền tiên mãi của người thuê phố thương mãi vào trường hợp duy nhất là khi nào có nhận được giấy báo thôi cho thuê căn phố của chủ phố cho biết việc hứa bán hay mua bất động sản cho thuê.

Dự số 17/53 là một đặc chế, phải được giải thích chặt chẽ.

Nếu chủ phố không tổng đạt giấy báo thôi cho thuê và chỉ bán nhà trong tình trạng chiếm cứ hiện hữu, người thuê không thể viện dẫn quyền tiên mãi.

(TT Saigon 28-7-1966 PLTS 1956 IV. 137)

864.— QUYỀN TIÊN MÃI. ĐIỀU 10 DỰ SỐ 17 NGÀY 3-6-1953. TỔNG CƯ. BÁN NHÀ TRỐNG. BÁN NHÀ KHÔNG TỔNG CƯ. QUYỀN TIÊN MÃI KHÔNG ÁP DỤNG.

Người thuê nhà dùng về thương mại hay kỹ nghệ chỉ được hưởng quyền tiên mãi, theo điều 10 Dự số 17 ngày 3-6-1953 trong trường hợp chủ nhà tổng cư lấy lại nhà, để bán nhà trống cho người đệ tam.

Không điều luật nào cấm chủ nhà bán nhà có người thuê dùng về thương mãi hay kỹ nghệ, để mặc người mua muốn trực xuất người thuê hay tiếp tục cho thuê tùy ý, như vậy trong trường hợp này người thuê nhà không thể nại sự vô hiệu của sự mua bán mà đòi quyền tiên mãi được.

(PA 30-6-1964 PLTS 1964 IV. 25)

864.— QUYỀN TIÊN MÃI. ĐƠN XIN THI HÀNH BẢN ÁN QUYẾT THẨM.

Quyền tiên mãi không thể nêu lên lần đầu tiên trước tòa Thượng thẩm. Phúc quyết tòa Thượng thẩm không xét xử về quyền tiên mãi, mà đương sự không được thượng tố lên tòa phá án, thì phúc nghị đã thành quyết thẩm. Đương sự đã đề quá ân hạn, mới

khởi tố một lần nữa xin lưu cư thêm 1 năm đáng lý đơn phải được bác bỏ, mà tòa sơ thẩm lại ban thêm ân hạn là vi luật. Đương sự chỉ có quyền trong thời kỳ ân hạn, khởi tố trước tòa khẩn cấp đề xin ân hạn, hoặc xin đình chấp hành trong một thời hạn ngắn đề dọn nhà. Người thuê đất đề ở, không có quyền tiên mãi ấn định bởi Dự số 20 ngày 4-6-1953 và Dự số 2 ngày 8-1-1955 về quy chế tá điền.

(HGRQ BIÊN HÒA 2-6-1961 PLTS 1965 II. 113)

QUYỀN TIÊN MÃI. DỰ SỐ 17 NGÀY 3-6-1953. ĐIỀU 10. GIẢI THÍCH CHẶT CHẼ. TRƯỜNG HỢP TIÊN MÃI. NGƯỜI THUÊ. GIẤY BÁO THÔI. CHỦ PHỐ. BẢO VIỆC HỨA BÁN ĐỘNG SẢN CHO THUÊ.

Dự số 17 ngày 3-6-1953 về việc thuê mượn nhà dùng về thương mại hay kỹ nghệ là một đạo luật ngoại lệ, phải được giải thích chặt chẽ.

Điều 10 của Dự ấy về quyền tiên mãi của người thuê hạn chế rõ rệt quyền này vào trường hợp duy nhất là khi nào người thuê có nhận được giấy báo thôi cho thuê của chủ phố cho biết việc hứa bán hay hứa mua bất động sản cho thuê.

(PA 29-9-1965 PLTS 1966 III. 9)

QUYỀN TIÊN MÃI CỦA NGƯỜI THUÊ NHÀ (LÀM THƯƠNG MẠI).

Điều 10 Dự số 17/53 định rằng : người thuê nhà (làm thương mại) nếu bị tổng cư vì lẽ chủ nhà muốn bán nhà cho người đệ tam, có thể ưu tiên đòi chủ nhà phải bán cho mình với những điều kiện đã được người đệ tam ưng thuận.

Trước điều luật ấy, án lệ của Tòa Thượng thẩm chủ quyết rằng chỉ trong trường hợp chủ nhà tổng cư đề lấy nhà trống đem

đoạn mại người thuê mới xử hành được quyền tiền mãi ; ngoài ra, chủ nhà có toàn quyền đoạn mại cho ai tùy ý, để mặc người mua xử trí với người thuê.

(TT Saigon 13-12-1962 PLTS 1964 I. 122)

### 865.— QUYỀN CỦA NGƯỜI CỘNG CHỦ TRONG BẤT ĐỘNG SẢN CỘNG ĐỒNG.

Trong bất động sản cộng đồng, người cộng chủ chỉ có một phần trừu tượng chưa chia, có thể trích ở toàn thể bất động sản (une part indivise abstraite sur le tout) mà không có một phần cụ thể nhất định nào hết (une part divise déterminée).

Ngay với những bất động sản chia thành lô để bán, người nào mua một lô nhất định của một cộng chủ trước khi có sự phân chia rõ rệt, cũng chỉ có một quyền sở hữu dưới điều kiện tiêu trừ; điều kiện ấy là lô mua phải được phân cấp cho người bán; nếu điều kiện không thực hiện, việc đoạn mại sẽ bị tiêu trừ.

Việc phân chia phải do các cộng chủ thỏa thuận; đối với một bất động sản không thể phân chia được (chẳng hạn như một ngôi nhà) một cộng chủ không thể tự ý lựa chọn một phần để đem bán.

Sự hứa mại của người cộng chủ về một ngôi nhà cộng đồng chưa được phân chia chỉ mang lại cho người thuê nhà, đã nhận mua, một viễn tượng quyền lợi (une perspective de droit) về phần nhà y thuê, chứ y không có quyền gì chắc chắn, vậy y không thể nại được sự hứa hẹn trên để khai trừ một người mua khác, tranh quyền ưu tiên tạo mãi.

(TT Saigon 13-12-1962 PLTS 1964 I. 122)

### 866.— SỬA CHỮA ĐẠI QUY MÔ. NHÀ PHỐ. DỰ SỐ 4 NGÀY 2-4-1953.

Theo điều 17 Dự số 4 ngày 2-4-1953, những sự sửa sang lớn không làm cho bất động sản cất trước năm 1947 được đặt ra khỏi phạm vi áp dụng của Dự.

Theo án lệ, điều trên đây không áp dụng cho một sự sửa chữa nói rộng đại qui mô diện tích ở được với số phí lớn.

(*TT Saigon 18-3-1965 PLTS 1967 III. 43*)

867.— TÍNH CÁCH THƯƠNG MẠI CỦA MỘT CĂN PHỐ.  
NGƯỜI THẦU KHOẢN LÀ THƯƠNG GIA. ĐIỀU 15  
KHOẢN 2 DỰ NGÀY 3-6-1953.

Lúc muốn phố người muốn nhìn nhận căn phố dùng vào việc thương mại thời không thể tự ý thay đổi tính cách của căn phố mà không có sự ưng thuận của chủ phố.

Theo luật thương mại thì những người thầu khoán đều là thương gia và hoạt động của họ có tánh cách thương mại.

Nếu mua căn phố chưa được 3 năm và muốn lấy lại căn phố để kinh doanh tại đó về thương mại thì phải bồi thường cho người muốn một số tiền bằng 24 tháng tiền muốn phố chiếu theo điều 15 khoản 2 dự ngày 3-6-1953.

(*TT Saigon 8-12-1955 PLTS 1957 I. 33*)

868.— TÍNH CÁCH CĂN PHỐ CHO THUÊ. Ý ĐỊNH HAI BÊN.

Tánh cách của một căn phố cho thuê là ý định chung giữa hai bên đương sự lúc lập tờ khế ước. Nếu ý định chung là nhà buôn bán, mà thực tế dùng là nhà cư trú, thì tánh cách nhà ấy vẫn là nhà thương mại. Nếu chỉ có khế ước mà thôi, thì tánh cách căn phố đó là do sự sử dụng thực tế. Quốc tịch của vợ và con của người Trung Hoa : vợ Việt Nam, con Minh Hương. Vợ có quyền lưu cư do Dự số 4 ngày 2-4-1953, con ở Dự số 10 ngày 7-12-55 và Dự số 48 ngày 21-8-56.

(*HGRQ SỐC TRẮNG 5-2-1957 PLTS II. 52*)

TÍNH CÁCH CĂN PHỐ CHO THUÊ.

Sửa đổi sự sử dụng căn phố cho muốn để ở, thành một tiệm hút á phiện lậu và cho thuê lại, người muốn phố mất quyền lưu cư.



Khâu ước mượn phố tự bị giải tiêu, chiếu điều 1741 Dân Luật Pháp, áp dụng như thành văn lý tính; không cần tổng đặt tờ thôi cho mượn phố, đơn kiện đuổi ra khỏi phố có hiệu lực của một tờ thôi cho thuê.

Các điều nhận thấy của thừa phát lại trong khi khám nghiệm tại chỗ có giá trị tương đối của một lời chứng.

Không có sự vô hiệu, nếu không có một bản văn định về sự vô hiệu ấy.

(*TT Saigon 21-2-1957 PLTS 1958 IV. 23*)

869.— TÍNH CÁCH CĂN PHỐ CHO THUÊ. TIỆM ĂN UỐNG.

Theo án lệ vững chắc, thì chủ tiệm bán đồ ăn và giải khát, hành nghề-thương mại, như vậy, căn phố dùng làm tiệm bán đồ ăn và giải khát phải kể như dùng về việc buôn bán.

Sự tranh chấp về giá ngạch tiền mượn phố thuộc thẩm quyền Tòa Nhà Phố.

(*TT Saigon 29-1-1959 PLTS 1959 I. 20*)

870.— TÍNH CÁCH CĂN PHỐ CHO THUÊ. DỰ SỐ 4 NGÀY 2-4-1953. SỰ THAY ĐỔI TÁC DỤNG CỦA MỘT CHỖ Ở : CÁC PHÒNG NGỦ. KHÁCH SẠN.

Chiếu theo luật lệ đặc biệt về nhà phố, cũng như áp dụng những nguyên tắc tổng quát về sự phân quyền giữa tư pháp và hành chính thì người ta không thể đương nhiên sửa đổi tác dụng của một chỗ ở.

Điều 24 Dự số 4 ngày 2-4-1953 qui định rằng « sự cải biến nhà cửa để làm sai đổi thích dụng thông thường của nó phải được nhà chức trách hữu quyền cho phép ».

Các phòng tranh tranh đã do một quyết định hành chính qui định là phòng ngủ. Cho đến ngày nào quyết định này chưa thay

hồi, thì tòa án không thể thụ lý đề án định lại giá ngạch cho thuê mà chẳng vượt khỏi quyền hạn tài phán của mình để xâm phạm đến quyền hành chánh.

Luật lệ đặc biệt về nhà phố trong dụ số 4 ngày 2-4-1953 không thể áp dụng được cho các phòng khách sạn.

(*ST Saigon 7-5-1958 PLTS 1959 I. 74*)

**871. — TÍNH CÁCH CĂN PHỐ CHO THUÊ. NHÀ PHỐ. NHÀ CỬA VÀ BẤT ĐỘNG SẢN DÙNG VỀ THƯƠNG MẠI HAY KỸ NGHỆ. TỜ TỔNG CƯ.**

Điều 2 khoản 1, Dụ số 17 ngày 3-6-1953 về việc thuê mượn bất động sản hoặc nhà cửa dùng về thương mại hay kỹ nghệ có ghi rõ «chỉ có thể viện dẫn đề hưởng quyền về Dụ này, những người Việt Nam hay kiều dân thuộc Liên Hiệp Pháp, hữu hình nhân, hay pháp nhân, có trả tiền thuê hàng tháng về nhà cửa hoặc bất động sản ấy, có đóng môn bài, có đăng tên vào sổ kinh doanh về một nghề nhất định thuộc ngành thương mại hay kỹ nghệ... »

Các điều khoản do điều 2 khoản 1 Dụ số 17 qui định có tánh cách bó buộc chứ không phải chỉ dẫn.

Nếu đương sự không có đủ các điều kiện dự liệu trong điều 2 khoản 1 đó, thì không thể viện dẫn Dụ số 17 ngày 3-6-1953.

Tờ tổng cư không ghi đúng thời hạn tổng khứ luật định không bị vô hiệu, theo án lệ vững chắc, thì Tòa án có quyền gia thời hạn cho đúng hạn kỳ theo lệ.

(*ST Saigon 17-8-1958 PLTS 1959 III. 39*)

**872. — TÍNH CÁCH CĂN PHỐ CHO THUÊ. NHÀ CHO THUÊ ĐỀ Ở. DỤ SỐ 4 NGÀY 2-4-1953. TRẬT TỰ CÔNG CỘNG (Đ. 22). CÁC ĐIỀU GIAO ƯỚC TRÁI VỚI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG. VÔ HIỆU. PHÁ ÁN. KHIẾM KHUYẾT LÝ DO.**

Các điều khoản của Dự số 4 ngày 2-4-1953 ấn định sự tương quan giữa người cho thuê và người thuê nhà để ở hoặc dùng về thể công nghệ hay nghề nghiệp thuộc về trật tự công cộng (Đ. 32) các điều giao ước của các đương sự trái ngược với các điều khoản của Dự thường dân đều vô hiệu. Vì vậy Tòa án có thể, theo các sự kiện của vụ tranh tụng, phán rằng một căn nhà có tánh cách nhà dùng để ở, mặc dầu trong khế ước căn nhà này được ghi là cho thuê để dùng làm thương mại, sự gian dối của khế ước thuê nhà có thể chứng minh bằng mọi cách gồm cả các dự đoán. Coi như khiếm khuyết lý do, và phải bị phá hủy bản án căn cứ vào khế ước cho thuê để xử rằng nhà dùng để buôn bán mà không trả lời kháng chước do người thuê nhà nêu lên nói rằng căn nhà cho thuê trước nay chỉ dùng để ở, nhưng chủ phố đã dùng thủ đoạn gian dối cải dạng trong khế ước cho thuê tính cách nhà dùng để ở thành nhà dùng để buôn bán, ngõ hầu để bề kiện trục xuất người thuê.

(PA 25-10-1961 PLTS 1962 I. 16)

873.— TÍNH CÁCH CĂN PHỐ CHO THUÊ. NHÀ PHỐ. DỰ SỐ 4 NGÀY 2-4-1953. ĐIỀU 1 ĐOẠN 2. ƯU THẾ VỀ VIỆC DÙNG ĐỂ Ở. TOÀN QUYỀN THẨM ĐỊNH CỦA TÒA ÁN XÉT VỀ TÌNH LÝ.

Việc xét xem nhà cửa vừa dùng để ở vừa dùng về thương mại hay kỹ nghệ có ưu thế hay không có ưu thế về việc dùng để ở là một vấn đề sự kiện thuộc toàn quyền thẩm lượng của Tòa án xét về tình lý miễn là tòa này không làm biến chất các sự kiện đó.

Tòa xử về tình lý có toàn quyền thẩm lượng để quyết định rằng không có ưu thế về việc dùng để ở, một ngôi nhà gồm có ba căn phố lầu thuê để dùng làm phòng ngủ cho mười, người thuê chỉ dành lại để ở có từng dưới một căn thôi.

(PA 26-9-1962 PLTS 1963 I. 57)

874.— TÍNH CÁCH CĂN PHỐ CHO THUÊ. DỰ SỐ 4 NGÀY 2-4-1953 VỀ NHÀ PHỐ. PHỐ CÓ ĐỒ ĐẶC TRANG TRÍ. NGƯỜI THUÊ CÓ QUYỀN LƯU CƯ. GIÁ NGẠCH TIỀN THUÊ ĐƯỢC HAI ĐÀNG TỰ DO ÁN ĐỊNH.

Theo án lệ cố định, chỉ những gian phòng ngủ, (garni) tính tiền thuê hằng ngày hay ngắn hạn, có công nhân của chủ cho thuê phục dịch, chủ cho thuê cung cấp vật dụng mới ở ngoài phạm vi áp dụng Dự số 4 ngày 2-4-1953, những nhà phố cho thuê có đồ đặc trang trí (meublé) thuộc phạm vi áp dụng Dự này. và người thuê được quyền lưu cư.

Tuy nhiên giá ngạch ghi nơi điều 13 và tiếp Dự số 4, dự định trường hợp phố trống, không thể áp dụng cho phố có trang trí đồ đạc (meublé).

Một là vì Dự số 4 tạo nên một ngoại lệ phải được giải thích một cách chặt chẽ.

Hai là vì nhà làm luật Dự số 4, đã dựa vào Đạo luật ngày 1-9-1948 của Pháp, không giữ điều 43 của luật này về giá ngạch nhà phố có trang trí đồ đạc, tức là có ý định để hai đàng tự do định giá ngạch tiền thuê.

Do đó Tòa Nhà phố vô thẩm quyền đề xét đơn xin ấn định lại tiền thuê.

(TT Saigon 14-12-1961 PLTS 1963 I. 83)

875.— TÁC DỤNG NƠI THUÊ. Ý ĐỊNH CỦA ĐÔI BÊN KẾT ƯỚC. KHẾ ƯỚC. SỰ KIẾN. TÒA ÁN XỬ VỀ TÌNH LÝ. TOÀN QUYỀN THẨM ĐỊNH.

Khi tác dụng của nhà cho thuê có ghi trong khế ước thuê nhà, và bảy năm sau lại được người thuê xác nhận lại một lần nữa trong một bức thư gửi cho chủ nhà, khi ý định đôi bên lại phù hợp với các sự kiện thực tế, người thuê là một thương gian nhà cho

thuê lại ở một con đường phồn thịnh về thương mại. Tòa án xử về tình lý có toàn quyền thẩm định để quyết định về tác dụng của ngôi nhà, đã xác định hợp lý rằng phổ tương tranh có tác dụng thương mại mà không hề làm biến chất các văn kiện và sự kiện nại ra.

(PA 28-8-1963 PLTS 1964 I. 25)

876.— TÁC DỤNG. NƠI THUÊ. Ý ĐỊNH CỦA ĐÔI BÊN KẾT ƯỚC. KHẾ ƯỚC IM LẶNG VỀ TÁC DỤNG. TÌM HIỂU TÁC DỤNG ẤY. CĂN CỨ VÀO SỰ KIỆN. TÒA ÁN XỬ VỀ TÌNH LÝ. TOÀN QUYỀN THẨM ĐỊNH.

Khi khế ước cho thuê nhà im lặng về tác dụng của nơi thuê, để tìm hiểu ý định của đôi bên kết ước, Tòa án xử về tình lý sẽ căn cứ vào các sự kiện và có toàn quyền thẩm định để giải thích các sự kiện ấy mà tìm ra tác dụng của ngôi nhà, miễn là không làm biến chất các sự kiện ấy.

Tòa án xử về tình lý không làm biến chất các sự kiện, khi xét rằng nhà xây cất với mục đích để ở chớ không phải nhằm tác dụng thương mại, người thuê nhà lại một kỹ sư giúp tại sở công chánh không có hoạt động thương mại, và kết luận hợp lý rằng nhà thuê để ở chứ không phải thuê để buôn bán.

(PA 28-8-1963 PLTS 1964 I. 32)

877.— TÍNH CÁCH CĂN PHỔ CHO THUÊ. TRƯỜNG TƯ THỰC.

Việc dạy học chỉ có tính cách chuyên nghiệp khiến việc thuê mướn nơi dạy học thuộc phạm vi áp dụng Dự số 4 ngày 2-4-1953 là khi nào chính đương sự tự mình dạy lấy và chỉ có một số ít học trò.

Có tác dụng thương mại nơi thuê do người mướn để mở một trường tư thực có nhiều lớp học, có người cai quản, có văn phòng quản trị, có nhiều giáo sư phụ trách việc diễn giảng còn người thuê không hành nghề giáo sư, cũng không bao giờ đến trường, chỉ đứng ra thu tiền mà thôi.

(PA 29-9-1965 PLTS 1966 I. 31)

## 878.— NHÀ PHỐ Ở.

Nhà phố được coi là thuê để ở khi nào người thuê nhà chỉ có ý định duy nhất là thuê nhà ấy để ở. Nhà phố thương mại. Mặc dầu nhà phố thuê để ở nhưng khi nào người thuê nhà có ý định rõ rệt là làm việc thương mại nơi đó và việc thương mại lại chiếm phần quan trọng, thì nhà phố ấy được tòa án xem là có tính cách sử dụng về thương mại và luật pháp về nhà phố thương mại được áp dụng.

(TT Saigon 8-10-1953 số 150 PL số 5 trang 5)

## 879.— TRẬT TỰ CÔNG CỘNG. VÔ HIỆU. BAO YỂM. QUYỀN BÀO CHỮA. VI PHẠM. KHÔNG PHƯƠNG HẠI.

Mặc dầu theo điều 32 Dự số 4 ngày 2-4-1953 về nhà phố, các điều khoản của Dự ấy có tính cách trật tự công cộng, những sự vô hiệu có thể được bao yểm khi các điều khoản ấy chỉ liên hệ đến thủ tục mà sự vi phạm không phương hại cho quyền bào chữa của đương sự.

Khi một đương sự được gọi ra Tòa Nhà Phố bằng trát không đủ 15 ngày báo trước, nhưng y đã thực sự kịp thời xuất đình kiện, việc tranh tụng đã kéo dài 1 năm trước Tòa Sơ thẩm, đủ cho y tận dụng quyền bào chữa, như vậy sự vô hiệu đã được bao yểm do sự xuất diện của đương sự ; sự vi phạm thủ tục không phương hại đến quyền bào chữa của y.

(PA 28-4-1965 PLTS 1966 I. 8)

## 880.— TRẬT TỰ CÔNG CỘNG. GIÁ BIỂU TIỀN THUÊ NHÀ. NGƯỜI CÓ QUYỀN LƯU CƯ. NGƯỜI NGOẠI QUỐC. KHÔNG ÁP DỤNG.

Dự số 4 ngày 2-4-1953 là một luật đặc biệt, lập ra để bênh vực quyền lợi của người thuê nhà có lưu cư tại nhà đương ở và cho phép họ chỉ phải trả tiền thuê theo giá biểu định ở Dự ấy.

Những điều khoản của Dự trên chỉ có tính cách trật tự công cộng, khi nào người thuê nhà được hưởng quyền lưu cư mà thôi.

Trái lại, khi người thuê nhà không được hưởng quyền lưu cư, như trường hợp họ là người ngoại quốc, họ không thể đòi áp dụng cho họ giá biểu tiền thuê nhà lập ra bởi Dự ghi trên mà phải bị chỉ phối bởi luật thông thường về thuê mướn, luật này không hề bị Dự số 4 hủy bỏ.

(PA 24-12-1963 PLTS 1964 III. 15)

881.— THẨM QUYỀN TÒA NHÀ PHỐ. LUẬT LỆ NHÀ PHỐ CÓ TÍNH CÁCH TRẬT TỰ CÔNG CỘNG. NGHỀ BUÔN NHỎ ĐỒNG HÓA VỚI NGHỀ THỦ CÔNG.

Trước sự quả quyết của chủ phố rằng phố tranh tụng là phố dùng về thương mại và mặc dầu người mướn phố không có vẻ chối cãi việc ấy. Tòa vẫn phải xem xét coi thuyết của chủ phố có đúng hay không, vì những điều luật về Nhà Phố có tánh cách « trật tự công cộng ».

Án lệ hiện tại có khuynh hướng đồng hóa nghề buôn nhỏ với nghề thủ công để cho người buôn nhỏ được hưởng qui chế « nhà dùng về thủ công nghệ » ; khuynh hướng ấy thích hợp với tinh thần của chỉ Dự số 4 ngày 2-4-1953 vì Dự này được ban bố để thay thế Sắc lệnh 13-5-1942, với mục đích bảo vệ quyền lợi của người mướn hà một cách rộng rãi hơn.

Tòa Nhà Phố là một Tòa án đặc biệt, chỉ có thẩm quyền xét xử những vụ tranh chấp do chỉ Dự số 4 ngày 2-4-1953 và chỉ Dự số 17 ngày 3-6-1953 qui định mà thôi. Còn những vụ tranh chấp khác như : 1) Đơn xin giải trừ hợp đồng mướn phố vì người mướn phố phạm lỗi (sửa đổi căn phố mà không có sự ưng thuận của chủ). 2) Đơn xin dạy trả tiền thiệt hại choán đất v.v... vẫn thuộc thẩm quyền của Tòa án dân sự thường.

(ST CĂN THỜ 9-8-1955 PLTS 1955 III. 57)

### 882.— THẨM QUYỀN TÒA NHÀ PHỐ. TIÊU HỦY KHẾ ƯỚC MUA BÁN.

Tòa Nhà Phố là một cơ quan tài phán đặc biệt, không có thẩm quyền tiêu hủy một khế ước mua bán, và giải thích khế ước đó như một tờ bán phố, nhất là khi nguyên đơn đã nhìn nhận không có sự thuê mướn.

(*TT Saigon 13-II-1958 PLTS 1959 I. 37*)

### 883.— TÒA NHÀ PHỐ : THỦ TỤC VÀ THẨM QUYỀN.

Những điều 29 và kế tiếp Dự ngày 2-4-1953 đã đặt ra những phép tắc đặc biệt về thủ tục cho các việc tranh tụng về việc thuê nhà nhưng không có điều khoản nào trao thẩm quyền chuyên đọc cho một cơ quan tài phán đặc biệt.

Đặc chế thuê nhà của Việt Nam đều chép theo đặc chế của Pháp, danh từ «thẩm phán» có nghĩa và đủ chỉ một cơ quan tài phán đặc biệt, vì rằng trong tổ chức tư pháp của Pháp, cơ quan tài phán thường tụng là một Tòa án hội đoàn, còn Tòa án thường tụng của Việt Nam (ở cấp sơ thẩm) chỉ có một thẩm phán.

Theo đặc chế của Pháp, Tòa Nhà Phố có thẩm quyền tổng quát về việc thuê nhà để ở và thuê nhà làm thương mại, vì có điều 46 luật ngày 1-9-1954 định rõ ràng như vậy.

Đặc chế Việt Nam không có khoản nào như vậy, do đấy, dù chấp nhận là có Tòa Nhà phố đặc biệt, việc tranh tụng về nhà thương mại cũng thuộc thẩm quyền dân sự, vì khế ước thuê nhà dù để làm thương mại, cũng là một khế ước dân sự.

Vấn đề thẩm quyền, mỗi khi là thẩm quyền đối vật, đều có liên quan mật thiết về nội dung, do đấy nếu vấn đề thẩm quyền nêu lên trước Tòa đã được thụ lý, Tòa này phải xét về nội dung xem sự



khước biên có chính đáng hay không, không thể đương nhiên chấp nhận sự khước biện đề phó hoàn đương sự khiếu tố trước một Tòa đặc biệt

(*TT Saigon 14-12-1961 PLTS 1962 III. 70*)

Thẩm quyền Đ. 2 Dự số 4 về quyền lưu cư kiều dân Liên Hiệp Pháp.

Khởi Liên Hiệp Pháp không còn, nên thuộc dân Liên Hiệp Pháp xem như ngoại kiều và không được hưởng quyền lưu cư trong Dự số 4 này.

(*TT Saigon 26-7-1962*)

Công ty Bùi-hôn-Hoa K/ Nguyễn-văn-Trần.

THẨM QUYỀN TÒA NHÀ PHỐ (X. 579)

384.— NHÀ PHỐ. THẨM QUYỀN TÒA ÁN DÂN SỰ VÀ TÒA ÁN NHÀ PHỐ. GIẤY TỔNG KHỨ ĐÒI NHÀ. LÝ DO.

Trong một vụ kiện xin đòi phố, Tòa Nhà Phố có thẩm quyền trong trường hợp người thuê phố nại được dự số 17 ngày 3-9-53 (đương sự là người Việt Nam hoặc kiều dân Liên Hiệp Pháp có trả tiền thuê hàng tháng về nhà phố hoặc bất động sản, có đóng thuế môn bài, có đăng tên vào sổ thương mại, kinh doanh về một nghề nhất định thuộc ngành thương mại hay kỹ nghệ đã trên 3 năm tính đến ngày mãn hạn khế ước tự mình kinh doanh lấy hoặc do những người trước mà nay mình kế chân nhưng với điều kiện là những người trước cũng là dân Việt Nam hay kiều dân Liên Hiệp Pháp...) bằng không viện dẫn được dự số 17 ngày 3-6-1953 thì Tòa án dân sự có thẩm quyền xét xử theo nguyên tắc dân luật tố tụng thông thường.

Luật lệ thông thường về việc thuê mượn nhà phố không buộc phải ghi lý do trong tờ tổng khứ, nhưng phải định rõ thời hạn 3 tháng

(*TT Saigon 10-9-1955 PLTS 1955 IV. 21*)

## 885.— TỜ TỐNG CƯ. VĂN THƯ NGOẠI TƯ PHÁP.

Văn thư ngoại tư pháp được đề cập đến trong dụ số 4 ngày 2-4-1953 về Nhà Phố là truyền phiếu do thừa phát lại tổng đạt, và một bức thư, dù là thư-bảo đảm, cũng có thể có giá trị một văn thư ngoại tư pháp.

Chính nhà làm luật đã phân biệt văn thư ngoại tư pháp và thư bảo đảm trong điều 11 đoạn 8 Dụ số 4/53.

Tuy điều 11 về thủ tục trực xuất người thuê để xây cất lại nhà với diện tích gấp đôi, không có dự định hình thức của sự báo thôi, nhưng án lệ sự báo thôi trong trường hợp này cũng như sự báo thôi dự định trong điều 9 và 10, phải làm dưới hình thức một văn thư ngoại tư pháp và phải ghi đủ các chi tiết luật định; chế tài của một sự bất hợp lệ về hình thức hay nội dung là sự vô hiệu của sự báo thôi làm cho đơn khởi tố, căn cứ vào đó, phải bị bác khước.

(*TT Saigon 9-7-1964 PLTS 1965 I. 105*)

## 886.— TỐNG CƯ. THỜI HẠN. KHỞI TỐ TRONG THỜI HẠN TỐNG CƯ. CÓ GIÁ TRỊ.

Không có trở ngại gì về pháp lý ngăn cản chủ nhà khởi tố và tòa án xét xử trước khi hết hạn tống cư.

Chủ nhà có quyền khởi tố trong thời hạn tống cư, để có một văn thư chấp hành khi thời hạn ấy sẽ mãn, duy chỉ phải chịu án phí nếu người thuê không phản kháng.

(*PA 23-2-1966 PLTS I. 13*)

## 887.— TẶNG TIỀN PHỐ, TRỰC XUẤT.

Quán dùng về việc thương mãi, chủ phố tặng tiền mượn bất hợp pháp, người thuê không trả, chủ phố không thể xin trực xuất. Muốn tặng tiền phố mượn để buôn bán, chủ phố phải tuân theo thức qui định nơi điều 12 Dụ số 17 ngày 3-6-1953.

(*TT Saigon 28-4-1960 PLTS 1960 III 46*)

888. — TIỀN THUÊ NHÀ. ÁN ĐỊNH GIÁ THUÊ NHÀ ĐỀ Ở HAY DỪNG VỀ THỦ CÔNG NGHỆ HOẶC NGHỀ NGHIỆP.

Đề án định giá thuê nhà, Dự ngày 2-4-1953 đã đặt ra một thể lệ chung ở điều 13 là tiền thuê sẽ tính theo giá biểu khác nhau được định ở những điều kế tiếp cho mỗi thước vuông của tòa nhà chính, của những căn phụ thuộc và sân vườn ; giá định như thế là giá tối đa ; nhưng có thể rút xuống trong một trường hợp ngoại lệ ; đó là trường hợp dự liệu ở điều 16, tức là nếu giá thuê tính theo cách thức trên vượt quá 3 lần giá thuê định ở điều 2 sắc lệnh ngày 13-5-1942 sửa đổi do điều 2 Dự Liên Bang ngày 6-4-1946 thì người thuê chỉ phải theo giá sau.

Theo sắc lệnh ngày 13-5-1942 giá thuê này là giá thuê vào ngày 1-1-1938 của căn nhà tranh tụng (nếu không có tài liệu thì căn cứ vào giá thuê vào thời gian ấy của những căn nhà tương tự đồng loại) cộng thêm 200% ; Dự Liên Bang cho tăng lên 500% nữa trên tổng số đã tăng rồi.

Ngoài ra, điều 16 đoạn 2 Dự ngày 2-4-53 ấn định rằng Thủ Hiến Nam phần (sau này là Bộ Trưởng Nội vụ) có thể ra nghị định vào tháng chạp để sửa lại giá biểu thuê nhà cho năm sau ; áp dụng điều luật này, Bộ Nội vụ đã ban hành một số nghị định, như nghị định ngày 20-1-1958, 24-12-1959, 13-1-1961 ; tất cả những qui định kể trên đều lấy giá thuê tính theo Dự ngày 2-4-1953 làm giá biểu căn bản để thêm 200% nữa, vậy giá thuê chỉ được tăng có 200% có một lần mà thôi.

Trong mọi trường hợp, những quyền lợi ngân tài, dù có tính cách trật tự công cộng, cũng có thể được khước từ ; sự khước từ chỉ vô hiệu khi nào đương nhân (người có quyền) khước từ ngay trong khế ước phát sinh ra quyền lợi ấy ; trái lại, khi quyền lợi đã thực hiện, án lệ và học phí đều công nhận là sự khước từ hữu hiệu.

Người thuê nhà đã thuận nhận sự tăng tiền trong mấy năm liền, trong khi y có quyền từ chối là y đã khước từ giá biểu của Dự ngày

2-4-1953 và không thể còn viện dẫn áp dụng giá biểu này để đòi lại số tiền lạm thu.

(*TT Saigon 13-12-1962 PLTS 1964 I. 136*)

889.— TRẢ TIỀN PHỔ BẰNG BƯU PHIẾU. TỪ CHỐI MINH THỊ CỦA CHỦ PHỐ. NGƯỜI THUÊ BẤT TUÂN. TRỰC XUẤT.

Tham chiếu điều 673 khoản 3 D.L.B. và điều 713 khoản 3 D.L.T. đối chiếu với điều 1134 khoản 3 D.L.P. coi như lý trí thành văn, các hợp ước phải được thi hành với thành ý, thì quả người thuê nhà lạm quyền, một khi đã được chủ phố minh thị nhắc đi nhắc lại nhiều lần và sau cùng còn nhờ đến cả luật sư thông báo xin được trả tiền phổ bằng tiền mặt thay vì bằng bưu phiếu mà vẫn vô hiệu.

Vì vậy trước hành vi lạm quyền này, chủ phố đã có lý do xác đáng đề xin giải trừ hợp ước thuê mướn phố cũng xin tống khứ người thuê.

(*TT Saigon 5-3-1960 PLTS 1967 II. 108*)

TIỀN THUÊ NHÀ (X. 356 ; 850 ; 880)

890.— TRỰC XUẤT VÌ CHO THUÊ LẠI. DỰ SỐ 4 NGÀY 2-4-1953. QUYỀN LƯU CƯ.

Người chủ nhà đã cho mướn nhà lại mà không có sự thỏa thuận của chủ nhà, thì đã phạm lỗi và mất quyền lưu cư mặc dầu người mướn lại đã trả lại nhà cho y và dời đi nơi khác sau khi sự cho thuê lại đã cấu thành.

(*TT Saigon 11-9-1958 PLTS 1959 II. 34*)

TRỰC XUẤT (X. 256, 834, 860)

891.— TRỰC XUẤT VỚI CAM KẾT. VẤN ĐỀ TIỀN QUYẾT THUỘC CHÁNH VỤ, VƯỢT NGOÀI THẨM QUYỀN TÒA KHẢN CẤP.

Thuê nhà ở. Có giao kèo, mãn hạn người thuê không dọn đi.

Vấn đề tiền quyết ; nếu căn nhà tương tranh xây cất trước ngày 1-7-1947, người thuê được quyền lưu cư, lời cam kết dọn đi vô giá trị, chiếu luật nhà phố. Nếu căn nhà xây cất sau ngày ấy, lời cam kết của người thuê có hiệu lực.

Điều quan trọng trên, chi phối đơn xin trục xuất thuộc thẩm quyền Tòa Nhà phố, cần được Tòa án hữu thẩm quyền xét xử.

(TT Saigon 4-2-1960 PLTS 1960 I. 62)

892.— TRANH TỤNG QUAN TRỌNG. NHÀ PHỐ. DỤ SỐ 4 NGÀY 2-4-1953. QUYỀN LƯU CƯ. CẤP THẨM. TRANH. TỤNG QUAN TRỌNG. VÔ THẨM QUYỀN.

ÁN VẤN. UY LỰC QUYẾT TỤNG. TÙY THUỘC CỦA NGƯỜI THUÊ CHÍNH. NGƯỜI THUÊ LẠI CÓ QUYỀN LỢI CÁ NHÂN RIÊNG BIỆT.

Quyền lưu cư là một quyền lợi cá nhân riêng biệt có thể do người thuê lại đem đối kháng với chủ nhà.

Khi người thuê lại nêu lên một sự tranh tụng quan trọng, xin vào quyền lưu cư của họ, Thẩm phán cấp thẩm không có thẩm quyền để xử trục xuất họ như người tùy thuộc của người thuê chính, khi người này thiếu tiền mướn phố mà không có đồ đạc bảo đảm, nếu người thuê lại đã làm đầy đủ bổn phận của họ.

☺ Khi người thuê lại có quyền lợi cá nhân riêng biệt, không thể coi họ là người tùy thuộc của người thuê chính.

Thẩm phán cấp thẩm không hề vi phạm uy lực quyết tụng của phúc quyết xử trục xuất người thuê chính cùng các người tùy thuộc khi tuyên bố phúc quyết ấy không có hiệu lực đối với người thuê lại vì người này có quyền lợi cá nhân riêng biệt, không phải tùy thuộc của người thuê chính và không phải là đương sự trong vụ xử trục xuất do người thuê chính thay mặt.

(PA 31-10 1962 PLTS 1963 II. 31)

893.— TRIỆT HẠ NHÀ XÂY CẮT BẤT HỢP PHÁP. THẨM QUYỀN CỦA TÒA CẤP THẨM. SẮC LỆNH NGÀY 12-7-28 VỀ VIỆC XÂY CẮT NHÀ CỬA KHÔNG CÓ GIẤY PHÉP.

Tòa cấp thẩm chỉ có thẩm quyền trong những trường hợp khẩn cấp : riêng sự trạng một tư nhân đã xây cắt không có giấy phép không đủ là duyên cớ cho Đô thành xin triệt hạ công tác đã xây cắt.

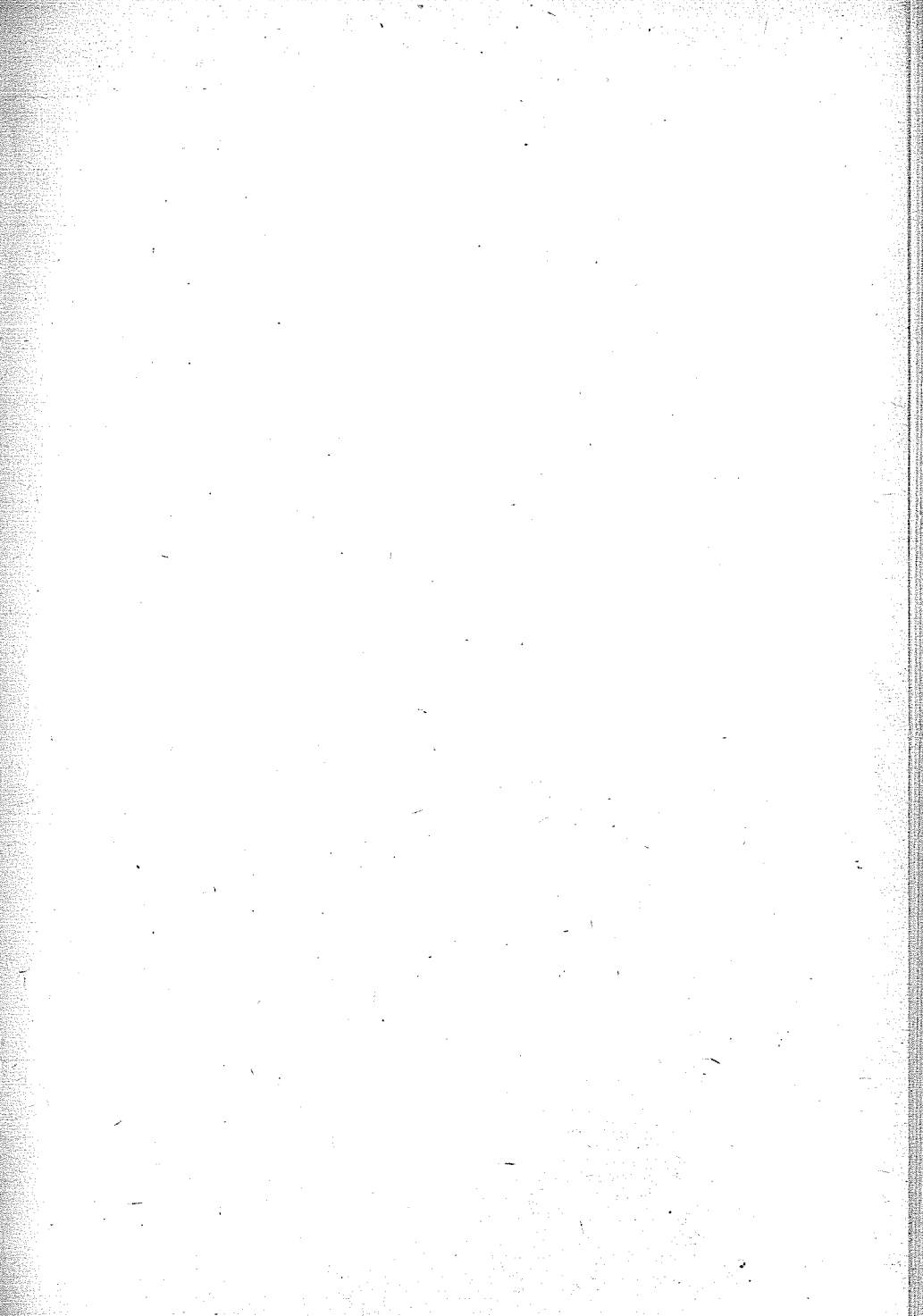
Khi Đô thành viện dẫn lý do giải tỏa một khu vực nào đó đề xin triệt hạ gia cư của tư nhân, Tòa tư pháp có bổn phận thẩm xét lý do ấy có xác thực hay không : đó chỉ là xét định về một sự kiện thực tế, không phải xét định về một hành vi pháp lý của cơ quan hành pháp, do đây không trái với nguyên tắc phân quyền.

Đô thành muốn xin triệt hạ trong trường hợp trên phải chứng tỏ là có chương trình giải tỏa đã được thiết lập theo sắc lệnh thiết kế đô thị ngày 4-5-57.

Sự áp dụng điều 10 Sắc lệnh ngày 14-7-58 (cho phép triệt hạ những kiến trúc xây cắt không xin phép) cũng lệ thuộc vào một chương trình kiến thiết đã hoạch định rõ ràng và đã được công nhận là có ích lợi công cộng.

(*TT Saigon 14-12-1961 PLTS 1962 IV. 69*)

**UY LỰC QUYẾT TỤNG (X. 892)**



ĐOẠN THỨ NĂM

ÁN LỆ THƯƠNG MẠI

ÁN LỆ THƯƠNG MẠI

894.— BÃI NẠI VỀ THỦ TỤC HẬU QUẢ CỦA SỰ KHÁNH TẬN CỦA CON NỢ ĐỐI VỚI TỔ QUYỀN CỦA CHỦ NỢ. SỰ THỂ VẬT ĐỀ TRỪ NỢ : CẦN PHẢI ĐƯỢC CHỦ NỢ ƯNG THUẬN.

Khi một chủ nợ vừa kiện con nợ về hình sự, vừa kiện về thương sự, sau lại bãi nại về hình sự, thì sự bãi nại là một sự bãi nại về thủ tục, vì chủ nợ vẫn theo đuổi việc kiện trước Tòa Thương mại.

Nếu con nợ bị tuyên bố phá sản, tổ quyền cá nhân của chủ nợ bị đình chỉ; nhưng khi thủ tục phá sản chấm dứt, chủ nợ lại xử hành được tổ quyền ấy.

Sự thể vật đề trừ nợ chỉ tiêu trừ nghĩa vụ cho con nợ, nếu chủ nợ đã ưng thuận rõ ràng là nhận đồ vật đề trừ món nợ.

(TT Saigon 23-3-1961 PLTS 1961 III. 52)

896.— BẢO ĐẢM. TÍNH CÁCH THƯƠNG MẠI. NGƯỜI BẢO ĐẢM. QUYỀN LỢI CÁ NHÂN. SỰ XÉT ĐỊNH TÍNH CÁCH THƯƠNG MẠI. TÒA NỘI VỤ. TOÀN QUYỀN THẨM LƯỢNG.

Khi người bảo chứng có quyền lợi cá nhân trong công việc buôn bán của người được bảo đảm, sự bảo chứng có tính cách thương mại.



Tòa án xử về tình lý có toàn quyền thẩm lượng khi xét định tính cách dân sự hay thương mại của sự bảo chứng căn cứ vào ý định của các đương sự và vào các sự kiện của nội vụ.

(PA 29-9-1965 PLTS 1966 III. 13)

896.— BẢO HIỂM PHẢN KHÁNG.

Theo điều 435 Bộ Luật Thương Mãi, thì khi nhận được hàng, người nhận hàng phải phản kháng ngay với hãng bảo hiểm trong 24 giờ, nếu không thì sự phản kháng vô hiệu, và trong hạn 1 tháng kể từ ngày phản kháng, phải nộp đơn kiện, nếu không thì sự phản kháng cũng vô hiệu.

Luật ngày 2-4-1936 hủy bỏ sự mất tố quyền do sự không khởi tố trong thời hạn định trong điều 435 Bộ Luật Thương Mãi, nhưng luật này chỉ thi hành trong địa hạt tương quan giữa chủ hàng hóa và người chuyên chở hàng hải chứ không liên hệ đến sự tương quan giữa chủ hàng hóa và người bảo kê.

(TT Saigon 12-7-1958 PLTS 1959 I. 44)

897.— BẢO HIỂM. TÀU BỊ CƯỚP.

Trong một vụ đánh cướp xảy ra tại Vàm Ban Tàn, gần bờ biển Trung Phần, do một bọn cướp chỉ vũ trang bằng súng, trường và bắn hai phát súng không làm ai bị thương, đoạt các tài vật như chén đĩa, đồ làm bếp, chứng tỏ các thủ phạm chỉ là một bọn cướp thường chớ không phải hải khấu áp dụng chiến thuật trên mặt biển, hành động một cách quyết liệt có thể bắt người và đoạt tàu.

Nếu khế ước bảo hiểm gồm mọi sự rủi ro về cướp bóc cùng tai nạn xảy ra trên mặt biển, công ty bảo hiểm phải bồi thường đầy đủ, gồm cả sự mất huê lợi do sự bất động của tàu ngộ nạn, không thể viện dẫn việc hải khấu hoặc rủi ro chiến tranh để xin giải trừ trách nhiệm được.

(TT Saigon 7-3-1959 PLTS 1960 III. 57)

898.— BẢO HIỂM. TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA HÃNG BẢO HIỂM. QUYỀN ƯU TIÊN CỦA CÁC NẠN NHÂN TRÊN SỐ TIỀN BẢO HIỂM. TRƯỜNG HỢP CỦA MỘT NGƯỜI VỪA CÓ TƯ CÁCH LÀ NGƯỜI GÂY TAI NẠN PHẢI BỒI THƯỜNG, VỪA CÓ TƯ CÁCH LÀ NẠN NHÂN ĐƯỢC BỒI THƯỜNG.

Khi một công ty bảo hiểm nhận bảo hiểm trách nhiệm cho người chủ một chiếc xe đến một mức nhất định, nếu sau đó xảy ra trường hợp tai nạn gây thiệt hại cho nhiều người mà tổng số bồi thường quá mức vừa kể, công ty bảo hiểm có quyền trả bồi thường lần lượt cho những nạn nhân nào xuất diện cho đến khi xung dụng hết số tiền bảo hiểm, vì rằng các nạn nhân đều có quyền lợi đồng đẳng và mỗi người có bổn phận phải tự bênh vực quyền lợi của mình. Tuy nhiên, công ty bảo hiểm cũng có thể, để tránh mọi sự khó khăn, hay nếu tất cả nạn nhân chủ nợ đều xuất diện đòi hỏi, phân chia số tiền bảo hiểm cho các nạn nhân theo tỷ lệ quyền lợi của họ, và nếu các nạn nhân không thỏa thuận, công ty có quyền xin ký thác để tùy tòa án quyết định hay tùy nạn nhân cư xử với nhau.

Quyền ưu tiên công nhận cho các nạn nhân trên số tiền bảo hiểm, được dự liệu do luật ngày 28-5-1913, luật này áp dụng ở Việt Nam do sắc lệnh ngày 24-7-1931 ban hành do nghị định ngày 10-9-1931. Quyền ưu tiên này chỉ dùng cho các nạn nhân đối kháng với các chủ nợ khác của người được bảo hiểm gây tai nạn, còn giữa nạn nhân, đó là một quyền ưu tiên ngang hàng, đồng đẳng, không người nào khai trừ người kia.

Điều 53 luật bảo hiểm định rằng người nào bảo hiểm không được trả tiền bảo hiểm cho người nào khác, trước khi trả cho những nạn nhân bị thiệt hại : án lệ và học lý đồng ý rằng điều luật này có tính cách tổng quát và áp dụng cho tất cả nạn nhân, không phân biệt là thiệt hại về thể xác hay thiệt hại về vật chất.

Trong trường hợp một người vừa có tư cách là nạn nhân được tòa án xử bồi thường một số tiền, vừa có tư cách là người có

trách nhiệm phải bồi thường vì xe của y đã gây tai nạn cùng với chiếc xe kia, trách nhiệm của y là trách nhiệm liên đới với chủ chiếc xe kia; theo điều 55 hình luật; do đó, tuy với tư cách nạn nhân, y được lấy số tiền bồi thường do hãng bảo hiểm trả theo phán quyết của tòa án, y lại phải góp luôn số tiền ấy vào số tiền bảo hiểm còn lại, để trả bồi thường cho các nạn nhân khác vì y là con nợ liên đới với chủ chiếc xe kia.

(*TT Saigon 25-4-1963 PLTS 1964 III. 109*)

899.— BẢO HIỂM. KHẾ ƯỚC BẢO HIỂM. ĐIỀU KHOẢN TÙY THUỘC SỰ KHỞI ĐẦU ÁP DỤNG KHẾ ƯỚC VÀO VIỆC TRẢ BẢO PHÍ. HẬU QUẢ.

Khế ước bảo hiểm là một khế ước thành tựu do sự đồng ý của hai đảng, nếu trong khế ước không có ghi điều khoản nào trái lại.

Điều khoản tùy thuộc sự khởi đầu áp dụng khế ước vào việc trả bảo phí không phải là một ước khoản hư văn mà là một điều khoản cốt yếu của khế ước bảo hiểm.

Hậu quả của điều khoản này là khế ước chỉ hữu hiệu khi nào tiền sở phí đã được trả; trách vụ của hai đảng có một khởi điểm chung là ngày trả bảo phí, và cho đến ngày ấy công ty bảo hiểm không có trách vụ bồi thường về những rủi ro xảy ra cho người bảo hiểm, và ngược lại người được bảo hiểm có quyền tự do không giữ lời hứa, không thể bị cưỡng hành đóng tiền sở phí.

(*TT Saigon 24-10-1963 PLTS 1964 IV. 101*)

900.— BẢO HIỂM. MẪU KHẾ ƯỚC. TỔ QUYỀN ĐÒI BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI.

Mẫu khế ước bảo hiểm chuyên chở hàng hóa được luật qui định (Imprimé du 17 Aout 1944 modifié le 1er Janvier 1947); nếu trong khế ước bảo hiểm có qui chiếu vào khế ước mẫu này thì người được bảo hiểm không thể viện dẫn không được biết các điều kiện của khế ước mẫu.

Điều 19 của khế ước qui định rằng nếu người được bảo hiểm không xin xác nhận sự hư hao trong vòng 30 ngày sau khi hàng cất lên bến, sự « khiếu nại » sẽ bất khả chấp thẩm, tuy nhiên chế tài này sẽ không áp dụng nếu người được bảo hiểm ở vào trường hợp bất khả kháng nên không khai báo được, hoặc nếu hãng bảo hiểm khước từ, không nại dẫn chế tài ấy.

Điều 435 Bộ Luật Thương mại dự định thời tiêu tố quyền đòi bồi thường thiệt hại đối với thuyền trưởng, hãng bảo hiểm, là một tháng kể từ ngày phản kháng, không có tánh cách trật tự công cộng, các đương sự có thể kết ước tái lại, đó là trường hợp của điều 26 của khế ước mẫu dự định thời hạn một năm.

Khi sự rủi ro đã thực hiện, người được bảo hiểm có 2 tố quyền đề đòi hãng bảo hiểm bồi thường : tố quyền về sự hư hao (action d'avarie) và tố quyền phao khí (action en délaissement).

(*ST Saigon 14-8-1965 PLTS 1965 III. 86*)

#### 901.— ĐỤNG TÀU. SẮC LỆNH NGÀY. 1-6-1953

Theo án lệ, thì khi hai tàu đi gặp nhau có thể bị đụng được, tàu nào thấy tàu kia ở bên phải mình, thì phải tránh khỏi đường đi của tàu ấy, vào tàu nào khi thay đổi đường đi mà đi ngang trước mặt trên đường đi của tàu khác thì phạm lỗi.

Các điều 21 và 27 Sắc lệnh ngày 1-6-1953 cho quyền rộng rãi các thuyền trưởng để điều khiển tàu trong phút cuối cùng để tránh tai nạn, không cho phép họ phạm những lỗi nặng, vô ý thức trái với quy tắc và lẽ phải.

(*TT Saigon 23-8-1958 PLTS 1959 III. 52*)

#### 902.— CHUYÊN CHỞ HÀNG HẢI. SỰ QUI CHIẾU MỘT LUẬT NGOẠI QUỐC VÀO KHẾ ƯỚC CHUYÊN CHỞ. HIỆU LỰC CỦA LUẬT NGOẠI QUỐC. THỤ THÁC TÀU. SỰ ĐẠI DIỆN HÃNG TÀU DO NGƯỜI THỤ THÁC. TẢI HÓA ĐƠN SUỐT (THROUGH BILL OF LADING).

Khế ước chuyên chở hàng hải có thể qui chiếu vào một đạo luật ngoại quốc, sự qui chiếu này không phải chỉ là một sự kết ước nhằm giải quyết một sự phân tranh luật pháp.

Sự quy chiếu sẽ có hiệu lực sát nhập vào khế ước các điều khoản của luật ngoại quốc với sự hạn chế là luật ngoại quốc không trái với một đạo luật quốc nội có tánh cách trật tự công cộng.

Trong hiện vụ tải hóa đơn đã minh thị qui chiếu, đề chi phối sự chuyên chở, về đạo luật chuyên chở hàng hải của Hoa Kỳ ngày 16-4-1936 (Sea act of the United of America approved April 16-3-1936). đạo luật này cũng như đạo luật ngày 2-4-1936 áp dụng tại Việt Nam (ban hành tại Đông Dương ngày 18-5-1936 - C.B. Đông Dương 1936 tr. 1506) đều là những đạo luật chấp nhận Hiệp định Bruxelles ngày 22-8-1924 làm luật quốc nội, do đó không có trở lực nào đề tòa án Việt Nam áp dụng, đề giải quyết vụ tranh chấp, đạo luật 16-4-1936 của Hoa Kỳ.

Người thụ thác hăng tàu (Consignataire du navire ou Consignataire à la coqué) có tư cách đại diện hăng tàu tại bến nhận hàng, và có thể bị khởi tố với tư cách là đại diện của hăng tàu.

Khi hàng được lãnh chuyên chở theo chế độ tải hóa đơn và không có khi giá trị, trách nhiệm của hăng tàu được giới hạn đến 500 Mỹ kim (Luật 16-4-1936 của Hoa Kỳ)<sup>b</sup> và 10.000đ. (Luật 2-4-1936 áp dụng tại Việt Nam) về mỗi kiện hàng bị mất.

Trong sự chuyên chở hàng hải ít khi thực hiện được một sự chuyên chở trực tiếp, trên một chiếc tàu, từ bến gửi hàng đến bến nhận hàng, trường hợp thường lệ là hàng đến nhận nơi trả qua một hoặc nhiều lần sang tàu (transbordement) hăng tàu thứ nhất nhận hàng bằng một tải hóa đơn suốt (Connaissance direct hay Through bill of lading) và có trách vụ lo liệu các sự sang tàu cần thiết.

Vậy đặc điểm của chế độ tải hóa đơn suốt là hàng hải sang tàu.

Sự ghi chú trong các tải hóa đơn « clean on board » chỉ có nghĩa là hàng được thuyền trưởng (hoặc đại diện) nhận không có dự phòng.

(*ST Saigon 15-4-1967 PLTS. 1967 II. 123*)

903.— CHUYÊN CHỖ HÀNG HẢI. TẢI HÓA ĐƠN. TRÁCH NHIỆM CỦA HÃNG CHUYÊN CHỖ HÀNG HẢI VÀ HÃNG THỤ THÁC TÀU ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC GỞI HÀNG. TRÁCH NHIỆM CỦA HÃNG THẦU CHUYÊN VẬN ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC GỞI HÀNG. THỜI HẠN KHIẾU NẠI. ĐIỀU THỨ 189- BIS BỘ LUẬT THƯƠNG MẠI.

Hàng hóa chở trên tàu theo tải hóa đơn (Connaissement) trách nhiệm của tàu chỉ khởi sự khi tàu nhận hàng trên (palan) và được chấm dứt khi tàu giao hàng dưới « palan ».

Tàu cập bến và dỡ hàng xuống. Hãng thụ thác tàu (consignataire du navire) giao hàng dưới « palan », nhân danh thuyền chủ — nhưng khi chỉ định hãng thầu chuyên vận (aconier) để nhận hàng dưới « palan » và tồn trữ tại kho Thương khẩu, hãng thụ thác tàu đã hành động thay thế người được gửi hàng (destinataire de la marchandise) và vì lợi ích cho người này; hãng thầu chuyên vận có tư cách thụ thác hàng hóa (consignataire de la marchandise), đại diện cho người được gửi hàng; như vậy, hãng thụ thác tàu không thể chịu trách nhiệm về sự gìn giữ hàng tại kho Thương khẩu.

Đối với hãng thầu chuyên vận, người được gửi hàng có tổ quyền trực tiếp, căn cứ vào khế ước ủy quyền (mandat).

Tuy nhiên, hãng thầu, chuyên vận không phải chịu trách nhiệm như người chuyên chở hàng hải (transporteur maritime) hay người vận tải trên bờ (transporteur terrestre); hãng thầu chuyên vận chỉ đảm nhiệm công việc thủ vận (manutention) và công việc gìn giữ hàng tại bến, không dính líu đến khế ước chuyên chở,

không thể áp dụng thời hạn dự liệu trong tài hóa đơn, trong điều 8 của đạo luật ngày 4-4-1936, trong điều 435 hoặc điều thứ 105, 108 của Bộ Luật Thương mại.

Ngoại trừ trường hợp người được gửi hàng về hãng tàu chuyên vận ước định khác, sự khiếu nại về hàng bị hư hại tại kho Thương khâu, tùy thuộc nguyên tắc thông thường và tổ quyền của người được gửi hàng chỉ bị thất hiệu trong hạn 10 năm như đã dự liệu trong điều thứ 189 (kép) Bộ Luật Thương mại.

(*ST Saigon 24-3-1962 PLTS 1961 IV 93*)

905.— CHUYÊN CHỖ HÀNG HẢI. THỜI HIỆU TỔ QUYỀN ĐỐI VỚI HÃNG TÀU CHUYÊN CHỖ. ĐẠO LUẬT NGÀY 2-4-1936. TÍNH CÁCH TRẬT TỰ CÔNG CỘNG. GIÁN ĐOẠN THỜI TIÊU. VI PHẠM ĐIỀU 7 VÀ 8 NGHỊ ĐỊNH 16-3-1910 VỀ ĐƠN KHỞI TỐ.

Theo điều 8 in fine của đạo luật ngày 2-4-1936 về việc chuyên chỗ hàng hải (ban hành tại Đông Dương — Công Báo ngày 23-5-1936 trang 1506) thời tiêu tổ quyền đòi người chuyên chỗ bồi thường về sự mất hàng là thời tiêu ngắn hạn một năm kể từ ngày giao hàng hay ngày mà đáng lý hàng phải được giao.

Thời tiêu trên đây có tánh cách trật tự công cộng mọi kết ước từ khước thời tiêu trước khi thời tiêu đã thủ đắc đều vô hiệu.

Tuy nhiên thời tiêu có thể bị gián đoạn :

Trong những trường hợp dự định nơi điều 434 Bộ Luật Thương mại.

Hoặc khi có sự nhìn nhận trách nhiệm, mặc thị hay minh thị, của người chuyên chỗ chẳng hạn như qua một cuộc điều đình nghiêm chỉnh.

Thời tiêu ngắn hạn một năm nếu bị gián đoạn, thời tiêu mới, sẽ khởi lưu, là thời tiêu theo thường luật 30 năm.

Sau khi nộp đơn khởi tố, sự thỉnh cầu phụ lý xin tòa kết án bị đơn dưới một tư cách khác và căn cứ trên một nguyên do khởi tố khác sẽ bất khả chấp thẩm vì trái với điều 7 và điều 8 Nghị định 16-4-1910.

(ST Saigon 28-8-1965)

905.— CHUYÊN CHỖ HÀNG HÓA. TRÁCH NHIỆM VỀ SỰ HƯ HAO HÀNG HÓA TRONG VIỆC CHUYÊN CHỖ HÀNG HẢI. ĐIỀU KHOẢN MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM CHO HÃNG BẢO HIỂM TRONG CÁC KHẾ ƯỚC BẢO HIỂM « TẤT CẢ RỦI RO ». TRÁCH VỤ CỦA NGƯỜI GỬI HÀNG TRONG VIỆC GÓI HÀNG.

Đơn khởi tố của người nhận hàng xin buộc người gửi hàng và hãng bảo hiểm phải liên đới bồi thường về sự hư hao hàng hóa bất khả chấp nhận vì luật không có dự định trách nhiệm liên đới giữa người gửi hàng và hãng bảo hiểm.

Trong khế ước bảo hiểm, điều khoản bảo hiểm tất cả rủi ro « clause tous risques » không khai trừ sự áp dụng những điều khoản dự định những trường hợp hãng bảo hiểm được miễn trách.

Trong các khế ước bảo hiểm chuyên chở hàng hóa thường thường có điều khoản dự định hãng bảo hiểm được miễn trách nếu sự hư hao bắt nguồn từ hà tỉ bản chất (vice propre) của hàng hóa ; từ một hành động, một sự lỗi lầm của người được bảo hiểm (và đại diện của người này) hoặc của người gửi hàng ; từ một sự gói hàng thiếu sót.

Sự kiện một loạt bình đựng hàng (nước) bị sút nút thành tựu một sự thiếu sót trong việc gói hàng làm cho hãng bảo hiểm được miễn trách ; và một sự thiếu sót trong việc gói hàng cũng được đồng hóa với một hà tỉ bản chất của hàng hóa, trên bình diện này hãng bảo hiểm cũng được miễn trách.



Người gửi hàng, dù hàng bán dưới chế độ CAF — nghĩa là sự chuyên chở thực hiện rủi ro do người mua gánh chịu — cũng có trách vụ chăm non chu đáo sự gói hàng nếu hàng bị hư hao vì sự thiếu sót trong việc gói hàng; người gửi hàng có trách vụ bồi thường cho người nhận hàng.

(*ST Saigon 8-1-1966 PLTS 1966 I. 161*)

906.— CHUYÊN CHỖ HÀNG HÓA. KHẾ ƯỚC THƯƠNG MẠI. PHƯƠNG PHÁP DẪN CHỨNG. ĐIỀU 109 LUẬT THƯƠNG MẠI. CHUYÊN CHỖ HÀNG HÓA. SỰ VẬN TỐNG. TÍNH CÁCH BAO QUẢN (DUROIRE). ĐIỀU 97, 98, 99, LUẬT THƯƠNG MẠI. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI VẬN TỐNG.

Điều 109 Luật thương mại cho phép dẫn chứng bằng cách suy đoán, tuy chỉ nói về sự mại mại nhưng đã được một án lệ cố định áp dụng cho tất cả các khế ước thương mại.

Đạo luật ngày 18-7-1937 ấn định qui chế đại diện thương mại không được ban hành tại Việt Nam, do đó không thể viện dẫn đạo luật này làm căn bản cho trách nhiệm bồi thường trong việc chuyển vận hàng hóa do một người được coi là đại diện cho nhà chuyên chở đảm nhiệm; vả chăng «người đại diện thương mại» không phải là người thụ ủy theo nghĩa dân luật.

Theo điều 97, 98, 99 Luật Thương mại, nha viên vận tống bị đương nhiên coi là có tính cách bao quản (ducroire) nghĩa là nhận trách nhiệm bảo đảm rằng sự chuyên chở sẽ thi hành hoàn bị. Nhưng người vận tống chỉ phải chịu trách nhiệm như vậy khi nào người ấy được tự do hành động, nếu không trách nhiệm của người ấy được chấm dứt khi nào đã giao hàng cho người chuyên chở thứ hai.

(*TT Saigon 1-2-1962 PLTS 1963 II. 104*)

907.— CHUYÊN CHỖ HÀNG HÓA. HÀNG BỊ MẤT SAU KHI ĐƯỢC BỐC LÊN BẾN. THỜI TIÊU NGẮN HẠN ĐỐI

VỚI TỔ QUYỀN CỦA NGƯỜI NHẬN HÀNG DỰ LIỆU NƠI ĐIỀU 435 LUẬT THƯƠNG MẠI. PHẠM VI ÁP DỤNG.

LIÊN HỆ PHÁP GIỮA NGƯỜI DỠ HÀNG (ACCONIER) VÀ NGƯỜI NHẬN HÀNG. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI DỠ HÀNG KHI HÀNG BỊ MẤT.

Thời tiêu ngân hạn dự liệu nơi điều 435 Luật Thương mại chỉ áp dụng đối với các tổ quyền chổng thuyền trưởng và người bảo hiểm đề đòi bồi thường về sự thiệt hại hàng hóa. Do đó, người dỡ hàng (acconier) không có quyền viện dẫn điều luật này.

Theo quán lệ ở Saigon người dỡ hàng được lựa chọn do người chuyên chở. Do đó liên hệ pháp lý giữa người dỡ hàng và người nhận lãnh phát sinh chính ở sự ủy nhiệm này là ủy nhiệm cho người nhận hàng được hưởng. Người dỡ hàng đã lãnh hàng và không phản kháng có sự thiếu mất về một nguyên nhận không quy lỗi được cho y thì y phải bồi thường về sự thiệt mất.

(*ST Saigon II-6-1966 PLTS 1966 III. III*)

908.— CHUYÊN CHỖ HÀNG HẢI. THỜI TIÊU TỔ QUYỀN. GIÁN ĐOẠN THỜI TIÊU. TRƯỜNG HỢP MIỄN TRÁCH. HÀ TỈ ẦN MẶT CỦA CHIẾC TÀU. LỖI HÀNG HẢI CỦA THUYỀN TRƯỞNG. THẤT THOÁN.

Tổ quyền đòi hăng tàu phải bồi thường về sự hư hao hay mất hàng sẽ bị thời tiêu nếu không nạp đơn khởi tố trong vòng một năm kể từ ngày nhận hàng hay là ngày mà đúng lý hàng phải được giao.

Tuy nhiều thời tiêu ấy có thể bị gián đoạn do một sự điều đình nghiêm chỉnh hay một sự nhìn nhận trách nhiệm của hăng tàu.

Hăng tàu được miễn trách nếu sự hư hao hay mất hàng hóa bắt nguồn từ một hà tỉ ần mặt của chiếc tàu, hay một lỗi hàng hải của thuyền trưởng.

Có những hàng hóa như gạo, bột lúc chở như thế nào cũng bị thất thoát (tiếng Pháp gọi là Freinte de route) ; tại mỗi thương thông lệ có ấn định một tỷ lệ thất thoát mà thuyền trưởng được miễn trách.

Tuy nhiên sự thất thoát được chấp nhận chỉ là một suy đoán không có mặt, nếu hàng hóa bị mất vì một duyên có xác định thì suy đoán trên đây không áp dụng được nữa, thuyền trưởng phải bồi thường về tất cả giá hàng bị mất.

(*ST Saigon 5-II-1966 PLTS 1966 IV. 151*)

909.— CHUYÊN CHỖ HÀNG HÓA. THẨM QUYỀN TÒA ÁN DÂN SỰ XỬ VỀ VIỆC THƯƠNG MẠI. THỜI HẠN TỔ QUYỀN ĐÒI BỒI THƯỜNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHUYÊN CHỖ HÀNG HÓA TRÊN MẶT BIỂN. ĐIỀU 108 LUẬT THƯƠNG MẠI VÀ ĐIỀU 8 LUẬT NGÀY 2-4-1936 PHẠM VI ÁP DỤNG.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN. LUẬT NGÀY 7-3-1925. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI VIÊN.

Theo tổ chức tư pháp hiện hành tại Việt-Nam, không có tòa án thương mại biệt lập, mà các tòa án dân sự thường tụng có quyền toàn thẩm xét xử luôn việc thương mại,

Điều 108 Luật Thương mại cũng như điều 8 Luật ngày 2-4-1936 về chuyên chở hàng hóa trên mặt biển định rằng tổ quyền có mục đích đòi người chủ tải phải bồi thường vì hàng hóa thất lạc, hư hại hay giao chậm, bị thời tiêu sau một năm, nhưng hai điều luật nói trên không áp dụng cho trường hợp tổ quyền căn cứ trên trách nhiệm dân sự của người chủ tàu đối với người làm công, chiếu điều 1382 và 1384 Bộ Dân luật và Sắc lệnh ngày 15-8-1928 về việc chuyên chở hàng hóa trên sông ngòi.

Theo luật ngày 7-3-1925 thì các hội viên công ty trách nhiệm hữu hạn chỉ phải chịu trách nhiệm đến mức phan tư xuất của họ mà thôi.

(*TT Saigon 25-3-1965 PLTS 1967 III. 52*)

910.— CHI PHIẾU. HOÀNH TUYẾN CHI PHIẾU (Chèque barré); SẮC LỆNH NGÀY 30-10-1935. TRẢ TIỀN CHI PHIẾU. TRÁCH NHIỆM CỦA NGÂN HÀNG.

Điều 35 Sắc lệnh ngày 30-10-1935 chỉ liên quan đến chi phiếu thường, không thể áp dụng cho hoành tuyến chi phiếu (chi phiếu có gạch); ngân hàng nhận chi phiếu này tuy có thể trả tiền cho một khách hàng của mình, nhưng không phải là bất cứ người khách hàng nào, mà phải là một người khách hàng đáng tin cậy; do đó, ngân hàng phải kiểm soát cả giá trị của sự bồi thự.

(TT Saigon 8-7-1965 PLTS 1967 II. 171)

911.— CHI PHIẾU (CHÈQUE). SẮC LỆNH NGÀY 30-10-1935; BỒ TÚC DO SẮC LỆNH NGÀY 24-5-1938. THỜI TIÊU 3 NĂM.

Tổ quyền của người chủ nợ kiện con nợ đòi số tiền thiếu không bị thời tiêu 3 năm dự liệu ở điều 52 Sắc lệnh ngày 30-10-1935 bỏ túc do sắc lệnh ngày 24-5-1938 vì sự con nợ giao cho chủ nợ một chi phiếu không có dự kim không có hiệu lực trả nợ, chỉ khi nào người cầm phiếu lãnh được tiền nghĩa vụ mới bị tiêu trừ, người lập chi phiếu mới được coi là giải trách.

Thời tiêu 3 năm ghi trên chỉ áp dụng cho tổ quyền của người cầm phiếu đối với người thụ tạo.

(PA 23-2-1966 PLTS 1967 I. 9)

912.— HỘI DỰ PHẦN. SỰ TỬ THIÊN ƯỚC (CLAUSE LÉONINE). SỰ VÔ HIỆU CỦA KHẾ ƯỚC LẬP HỘI. HỘI THỰC TẾ. SỰ THANH TOÁN HỘI THỰC TẾ.

Một hội thành lập với mục đích giữ xe cho tư nhân để chia lời, và sự lập hội không được công bố, là một hội dự phần (hay hợp tư) được qui định do các điều 1832 và kế tiếp của DLP, 1200 D.L.B., 1425 D.L.T. và điều 48 cũ (nay là điều 44) của Bộ Luật Thương mại Pháp.

Hai nguyên tắc căn bản, bắt buộc phải tôn trọng, qui định sự lập hội là nguyên tắc phân chia lời và nguyên tắc phân chia lỗ lỗ giữa các hội viên.

Điều 1855 D.L.P. mà án lệ đã áp dụng cho hội dự phần, đã dự liệu sự vô hiệu của điều khoản dành cho một hội viên tất cả số lời thu hoạch được cũng như sự vô hiệu của điều khoản dự định một hội viên khỏi phải gánh chịu sự lỗ lỗ (những điều này được mệnh danh là sự tử thiên ước, clause léonine).

Về phạm vi của sự vô hiệu, một chiều hướng án lệ giải thích theo văn tự của điều 1855 D.L.P. cho rằng chỉ có điều khoản «sự tử thiên ước» là vô hiệu, phần còn lại của khế ước hữu hiệu và ràng buộc các đương sự.

Nhưng theo một chiều hướng án lệ khác, sau này đã trở thành cố định, điều khoản sự tử thiên ước sẽ làm cho toàn thể khế ước lập hội trở thành vô hiệu, sự vô hiệu này có tánh cách tuyệt đối không thể được xác nhận cũng như không thể bị thời tiêu.

Trong việc thanh toán hội bị tuyên xử vô hiệu, ban đầu án lệ không cho áp dụng các sự qui định của khế ước tuyên xử vô hiệu nhưng về sau dưới áp lực của học thuyết và vì sự bất công của giải pháp trái lại nên án lệ đã chấp nhận rằng ngoại trừ trường hợp sự vô hiệu có tánh cách trật tự công cộng (chẳng hạn như hội có mục tiêu trái luật, but illicite). Sự thanh toán sẽ thực hiện trên căn bản của khế ước vô hiệu.

Dù khế ước lập hội đã vô hiệu vì có khoản sự tử thiên ước thì sự tiêu hủy hội cũng khả thực hiện do sự đồng ý của các hội viên, nếu không có sự đồng ý, việc tuyên bố khế ước vô hiệu và thanh toán phải thực hiện bằng quyết định của tòa án. Mọi hành vi bạo hành giải tán hội sẽ làm cho tác giả của hành động ấy có trách vụ bồi thường những thiệt hại gây nên cho đồng hội viên.

913.— HỘI DỰ PHẦN. ĐỊNH NGHĨA. GIAO DỊCH VỚI MỘT HỘI VIÊN. TÀI SẢN BẢO ĐẢM MÓN NỢ. SAI ÁP TOÀN THỂ VỊ PHẦN. HIỆU LỰC. ĐIỀU 2205 DÂN LUẬT PHÁP.

Sự liên hiệp giữa hai người đã góp công, góp của để cùng hoạt động với mục đích kiếm lời mà không có chánh thức công bố sự liên hiệp ấy, là một hội dự phần.

Một đệ tam, khi giao dịch với hội viên một hội dự phần, chỉ giao dịch với cá nhân ấy, thì quyền bảo đảm của y nếu y thành chủ nợ hơn sự giao dịch, chỉ bao gồm có tài sản riêng của người hội viên mà thôi.

Sự sai áp toàn thể vị phần không vô hiệu bởi lẽ đã thực hiện trên toàn thể tài sản ; một người cộng sản (communiste) có thể đòi truy sách hay trích xuất kỹ phần của y trong bất động sản, chớ không thể viện dẫn điều 2205 Dân Luật Pháp, để cho rằng sự sai áp vô hiệu, vì điều luật này không bao gồm tất cả những trường hợp những người cộng sản, chỉ nhằm riêng trường hợp vị phần về tài sản.

(TT Saigon 31-8-1961 PLTS 1962 IV. 43)

914.— HỘI DỰ PHẦN (HAY HỘI HỢP TU)

Hội dự phần chỉ là một sự liên hiệp thực tế, không có pháp nhân, do đấy, không có sản nghiệp và không có trụ sở.

Vì hội không có pháp nhân nên mỗi khi một hội viên kết ước với một đệ tam nhân là nhân danh mình mà kết ước.

Hội dự phần không tạo ra một tình trạng vị phần nào hết : mỗi tài sản do hội viên tạo mãi, trừ phi có sự giao ước rõ ràng, không phải là tài sản chung của các hội viên.

Do đấy mỗi hội viên có quyền lấy lại tài sản đã đem xung dụng vào hội, không cần là hội phải đã thanh toán, vì rằng sự thanh toán ở đây, không nhằm mục đích phân chia tài sản của hội cho các

hội viên (như trường hợp hội có pháp nhân) mà chỉ nêu lên quyền lợi của người này đối với người kia : quyền lợi này chỉ được che chở bằng một tổ quyền đối nhân mà thôi (un droit de créance sanctionné par une action personnelle).

(TT Saigon 8-3-1962 PLTS 1963 III. 69)

914.— HỘI. HÀNH VI PHÁP LÝ TRÁ HÌNH. TRÁ HÌNH BẰNG CÁCH ĐỀ TÊN KẸ KHÁC (PRÊTE NOM). TRÁ HÌNH BẰNG CÁCH THAY THẾ HÀNH VI THỰC SỰ BẰNG MỘT HÀNH VI BIỂU KIẾN. HIỆU LỰC CỦA HÀNH VI PHÁP LÝ BỊ TRÁ HÌNH. NGUYÊN DO CỦA SỰ KẾT ƯỚC SONG PHƯƠNG.

Đương sự có thể trá hình một hành vi pháp lý bằng cách ghi tên người khác, hay lập một hành vi biểu kiến khác tánh chất,

Theo án lệ, hành vi pháp lý thực sự sẽ xuất phát hiệu lực giữa hai đảng kết ước.

Về khế ước song phương, án lệ cũng như học thuyết đều đồng ý rằng nguyên do sự kết ước của một đảng, là cung khoản (contre prestation) của đảng kia.

Nếu một bên đã thi hành đầy đủ trách vụ của mình, thì trách vụ của đối phương có nguyên do, tức là khế ước hợp lệ phải xuất phát hiệu lực đối với người sau này.

(ST Saigon 18-9-1965 PLTS 1965 IV. 122)

915.— HỘI DỰ PHẦN. KHÔNG CÓ PHÁP NHÂN. KHÔNG CÓ SẢN NGHIỆP. KHÔNG TẠO RA TÌNH TRẠNG VỊ PHẦN GIỮA CÁC NGƯỜI ĐỒNG HỘI. KHÔNG XUẤT HIỆN CHO NGƯỜI ĐỆ TAM ĐƯỢC BIẾT. KHÔNG CÓ ĐƯỢC QUẢN TRỊ VIÊN ĐẠI DIỆN.

Trong các hội đoàn có mục đích vụ lợi, không cứ thành lập dưới hình thức gì nguyên tắc phân chia lỗ lãi là một nguyên tắc tất

yếu... Mọi điều khoản phần chia tương trưng, hay dành riêng cho người nào trong hội được hưởng lãi, hay buộc riêng một người chịu lỗ đều tuyệt đối vô hiệu.

Do đấy, trong một hội dự phần, một hội viên không thể viện có chính mình là người xuất vốn, để đòi lại nguyên số tiền vốn này trước khi hội được thanh toán, trước khi biết hội có bị lỗ hay không.

Hội dự phần không có pháp nhân vì thế không có sản nghiệp.

Hội dự phần không xuất hiện cho người đệ tam được biết, có tính cách hoàn toàn ẩn mật, vì thế không có quản lý, và Tòa án cũng không cử được một quản trị viên đại diện cho hội.

Hội dự phần không tạo ra tình trạng vị phân : trừ khi có giao ước trái lại rõ rệt, người nào trong hội, dùng vốn chung tạo mãi một tài sản, tài sản này không thuộc quyền sở hữu cộng đồng của các hội viên. Những hội viên này không có quyền đối vật trên tài sản, nhưng có một quyền đối nhân (đối với hội viên đã tạo mãi) để đánh thẳng bằng quyền lợi giữa các hội viên theo khế ước lập hội.

(TT Saigon 8-11-1962 PLTS 1963 IV. 122)

#### 916.— HỘI DỰ PHẦN. TƯ CÁCH PHÁP NHÂN. TÀI SẢN CỘNG ĐỒNG CỦA CÁC HỘI VIÊN. GIẢI TÁN HỘI. THẺ LỆ THANH TOÁN.

Hội dự phần, theo định nghĩa của điều 49 Luật Thương mại, không có tư cách pháp nhân và vì vậy không có sản nghiệp; do đấy khi giải tán, mỗi người tham dự có quyền lấy lại iải sản đã góp vào sự hùn hiệp,

Tài sản đã tạo mãi bằng tiền bạc hội của những người tham dự cùng góp, là tài sản cộng đồng nếu có giao ước như vậy, và, với tính cách ấy, có thể đem bán để phân chia, nếu không phân chia được theo bản thẻ ;



Muốn phân chia một cơ sở thương mại do các người đồng hội đã tạo ra. phải theo những điều kiện thể lệ đặc biệt qui định nơi sắc lệnh ngày 21-12-1933 bổ túc do sắc lệnh ngày 21-11-1936 và 12-6-1937 những yếu tố của cơ sở thương mại như môn bài, giấy phép buôn bán, khách hàng v.v... chỉ có thể di nhượng cùng với cơ sở thương mại mà thôi.

(TT Saigon 9-11-1961 PLTS 1962 IV. 61)

917.— HỘI VÔ DANH. LUẬT NGÀY 24-7-1867. ĐIỀU 22 ĐOẠN 2  
LUẬT 4-3-1943 KHÔNG BAN HÀNH TẠI VIỆT NAM. ỦY  
QUYỀN. NGƯỜI ĐỆ TAM ỦY QUYỀN HẠN ĐỊNH.  
KHÁNG CÁO. PHÁP NHÂN. ĐẠI DIỆN CÓ ĐỦ  
QUYỀN HÀNH.

Đạo luật ngày 4-3-1943 bãi bỏ đoạn 2 điều 22 luật ngày 24-7-1867 về hội vô danh không được ban hành tại Việt Nam. Chiếu đoạn 2 nêu trên (biên chế nguyên thủy năm 1867) quản trị viên công ty vô danh có thể ủy quyền cho một người đệ tam không phải là hội viên của công ty.

Nhưng sự ủy quyền này không có tính cách tổng quát, chỉ có thể hạn định cho một hay nhiều hàng vi được minh thị dự liệu.

Sự kháng cáo không được dự liệu trong sự ủy quyền cho người đệ tam, đảng khác một pháp nhân chỉ có thể kháng cho do những đại diện có đủ quyền hành, sự kháng cáo không thể được chấp nhận khi không được dự liệu trong sự ủy quyền.

(PA 31-8-1965 PLTS 1967 II. 3)

918.— HỒI PHIẾU. SẮC LUẬT NGÀY 30-10-1935 HIỆN HÀNH Ở  
VIỆT NAM. VỀ HỒI PHIẾU.

Theo điều 116 Sắc luật ngày 30-10-1935 hiện hành ở Việt Nam về hồi phiếu, sự chấp thuận do người thụ thác trong tờ hồi phiếu

có nghĩa là người này có nợ người đã làm tờ hối phiếu (le tireur), và đối với những người hối thụ (endosseur) về sau, sự suy đoán trên đây bất khả tranh cãi.

Nhưng trong sự tương quan giữa người làm ra tờ hối phiếu với người thụ thác, người này có quyền phản chứng lại sự suy đoán nói trên bằng đủ mọi cách, để chứng tỏ sự vô hữu của món nợ (l'existence de la provision).

Riêng trong trường hợp người thụ thác cho rằng số tiền ghi trong hối là giá tiền một chiếc động cơ y mua của công ty đã làm tờ hối phiếu mà chưa được giao và nếu sự kiện này đúng thực, thì công ty vừa kể không có quyền khi tố đòi tiền trong khi công ty chưa giao động cơ, vì nguyên tắc về khế ước song phương là sự thi hành phải nhất tề và đồng loạt, bên này thi hành đến đây thì bên kia phải thi hành đến đó (exécution trait pour trait) trừ phi hai bên có giao ước khác.

(TT Saigon 18-4-1963 PLTS 1964 III. 104)

919. — HỐI PHIẾU (Lettre de change ou traite).

Hối phiếu là một văn kiện do 1 người xuất phát nó (tireur) trao cho một người thụ hưởng (bénéficiaire) trong đó có ghi số bạc và ngày nào mà ngày nay có thể trình cho một người đệ tam khác (tiré) để được trả số bạc đã ghi trong văn kiện.

Nói một cách rõ rệt hơn thì người xuất phát hối phiếu (tireur) là người thiếu nợ của kẻ thụ hưởng hối phiếu (bénéficiaire) và kẻ phải trả hối phiếu (tiré) lại là người thiếu nợ của kẻ xuất phát hối phiếu (tireur).

(TT Saigon 14-4-1953 PLTS số 18 trang 6)

920. — HỐI PHIẾU (Lettre de change).

LỆNH PHIẾU Billet à ordre

TÁNH CÁCH THƯƠNG MẠI HAY DÂN SỰ.

Hối phiếu theo điều 110 luật thương mại, là một văn tự thương mại phải làm theo những hình thức luật định; chế tài cứu các sự khiếm khuyết là sự vô hiệu của văn tự dưới tánh cách hối phiếu.

Điều 110 S 1 luật thương mại có định rằng danh từ hối phiếu (lettre de change) phải được nêu rõ trong văn tự, nếu không, chứng thư không có tánh cách hối phiếu.

Chứng như bất hợp lệ dưới hình thức một hối phiếu có thể có giá trị như một lệnh phiếu (billet à ordre) Nếu hội đủ các điều kiện dự định nơi điều 183 luật thương mại.

Trái với hối phiếu là một chứng thư luôn luôn có tính cách thương mại, lệnh phiếu có thể có tánh cách dân sự hay thương mại của số nợ ghi trên lệnh phiếu.

Đối với số nợ thương mại, chiếu điều 182 L.T.M. Tòa án không có quyền ban ân hạn, ngoại trừ hợp bất khả kháng dự liệu nơi điều 157.

(TT Saigon 11-4-1965 PLTS 1965 I. 135)

921.— LỆNH PHIẾU (BILLET À ORDRE).

HỐI PHIẾU (LETTRE DE CHANGE).

TÍNH CÁCH THƯƠNG MẠI HAY DÂN SỰ.

THẨM QUYỀN TÒA ÁN THƯƠNG MẠI.

Khác với hối phiếu (lettre de change bao giờ cũng có tánh cách thương mại, lệnh phiếu (billet à ordre) có thể có tánh cách dân sự hay thương mại tùy theo trường hợp.

Lệnh phiếu do một thương gia ký kết được ước đoán là để dùng vào việc kinh doanh thương mại, chiếu điều 638 đoạn 2 Bộ Luật Thương mại, có tánh cách hành vi thương mại phụ thuộc.

Theo tổ chức tư pháp hiện hành tại Việt Nam không có Tòa án thương mại biệt lập mà tòa án dân sự thường tụng có quyền toàn thẩm xét xử luôn việc thương mại.

(TT Saigon 15-4-1965 PLTS 1967 III. 72)

922.— KHÁNH TẬN. ÁN LỆNH CỦA THẨM PHÁN KIỂM TRA VỤ KHÁNH TẬN. THỜI HẠN PHẢN KHÁNG. ĐIỀU 453 LUẬT THƯƠNG MẠI. XIN TRÍCH XUẤT TẠI VẬT BỊ SAI ÁP: ĐIỀU 190 NGHỊ ĐỊNH NGÀY 16-3-1910.

Điều 453 Bộ Luật Thương mại dự liệu rằng tất cả các án lệnh của thẩm phán kiểm tra vụ khánh tận có thể bị mọi đương sự phản kháng sẽ cấu thành do lời khai tại phòng Lục sự trong hạn 5 ngày kể từ ngày ký án lệnh.

Danh từ « đương sự » ở đây cần khai hạn chế vào những người trực tiếp tham dự vào thủ tục phá sản là : chính người bị phá sản, quản tài thanh toán viên hoặc các chủ nợ hay con nợ của người bị phá sản, là những người đương nhiên phải theo dõi thủ tục để có thể biết được những án lệnh của thẩm phán kiểm tra.

Đối với người đệ tam xin trích xuất tài vật bị sai áp không thể áp dụng điều 453 Luật Thương Mãi, mà phải áp dụng điều 190 nghị định ngày 16-3-1910.

(*TT Saigon 21-1-1965 PLTS 1965 III. 72*)

### 923.— KHẾ ƯỚC CHUYÊN CHỖ. PHẢN KHÁNG VÌ HÀNG BỊ HƯ HẠI.

Khế ước chuyên chỗ thuộc phạm vi áp dụng điều 420 luật Dân sự Tổ tụng qui định thẩm quyền những Tòa án có thể được thụ lý những sự tranh chấp do việc chuyên chỗ gây ra.

Theo điều 105 Luật Thương Mãi, người nhận hàng phải phản kháng trong hạn ba ngày sau khi nhận hàng, nếu có sự hư hại ; nếu không phản kháng trong thời hạn ấy, mọi tố quyền về sự hư hại đều không xử dụng được nữa.

(*ST Saigon 1-2-1956 PLTS 1956 II. 49*)

### 924.— NGÂN HÀNG. TRÁCH NHIỆM.

Ước khoản bãi miễn trách nhiệm của ngân hàng không bị án lệ coi là vô hiệu, miễn là không đưa đến kết quả là được miễn trừ tuyệt đối cả đến trách nhiệm về lỗi nặng được coi như một mưu gian.

Sự sơ suất thông thường của các ngân hàng không thể miễn trừ đến trách nhiệm bồi thường khi những lầm lẫn vi phạm đến tính cách cốt yếu và bản chất của khế ước lập giữa hai bên.

Việc ngân hàng đã trả tiền theo sự xuất trình một tải hóa đơn vô danh, không có số hiệu hợp lệ, không có chữ nhận vào khoản nhận hàng xuống tàu, trái với các điều khoản của giao kèo mở phổng khoản buộc chỉ được trả theo tải hóa đơn có lệnh khoản ghi tên người được lãnh, là một lầm lỗi nặng nề theo án lệ và luật pháp khiến ngân hàng phải chịu trách nhiệm bán dân sự cũng như theo khoản đã ước ký với khách hàng.

(*TT Saigon 23-2-1957 PLTS 1958 IV. 41*)

925.— NGÂN HÀNG. TIỀN HUÊ HỒNG. THI HÀNH KHẾ ƯỚC VAY TIỀN.

Trong trường hợp khách hàng vay tiền của một ngân hàng theo giao ước bằng công chánh chứng thư trong đó đã ấn định số lời cùng khoản huê hồng nào được và thu nhận trả thì ngân hàng chỉ được quyền thu số lời và huê hồng đã được định rõ trong giao ước mà thôi, chớ không thể đòi thêm các khoản huê hồng khác mà ngân hàng thường áp dụng theo tập quán ngân hàng cho khách hàng không có làm khế ước đặc biệt.

Việc người khách hàng không phản đối việc ngân hàng đã khấu trừ các khoản huê hồng không dự liệu trong giao ước vay tiền, không có nghĩa là y thỏa thuận chịu trả các khoản tiền đó.

(*TT Saigon 21-6-1958 PLTS 1958. IV. 47*)

926.— NỢ THƯƠNG MÃI. PHỤ CẤP THÔI VIỆC. KHÁNH TẬN.

Một chủ hãng buôn không trả phụ cấp thôi việc cho chủ sự phòng mậu dịch của y, không thể bị tuyên cáo khánh tận, vì món tiền thiếu không phải là món nợ thương mãi.

(*TT Saigon 14-3-1959 PLTS 1960 V. 74*)

927.— PHÁ SẢN HẬU QUẢ CỦA SỰ PHÁ SẢN. (HAY KHÁNH TẬN).

## TÌNH TRẠNG BẤT ĐẶC XỬ DỤNG QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI CON NỢ.

### THỜI GIAN CHO QUẢN TÀI VIÊN XIN TIẾP TỤC. VIỆC THUÊ Mướn CỦA NGƯỜI PHÁ SẢN.

Hậu quả của điều khoản tiêu hủy trong kế ước thuê mướn :  
điều 450 S 3 Luật Thương mại.

Phạm vi áp dụng của điều 15 Sắc lệnh ngày 21-12-1933 quy định về việc đoạn mại và cầm cố cửa hàng thương mại : không áp dụng cho những chủ nợ ở ngoại tổng thể của thủ tục phá sản.

Người con nợ bị tuyên bố phá sản không còn được quyền xử hành những quyền lợi của mình, vì vậy, mọi tố quyền chống đối với con nợ phải đem xử hành chống đối với quản tài viên là người đại diện pháp định cho con nợ.

Tuy nhiên, sự bất đặc xử dụng này (dessaisissement) không phải là xử vô năng cách (incapacité) và chỉ nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của tổng thể chủ nợ trong thủ tục phá sản, do đấy nếu một chủ nợ kiện thẳng một con nợ đã bị phá sản, thủ tục cũng không vô hiệu, nếu quản tài viên; là người đại diện cho tổng thể, đã kịp thời can thiệp vào thủ tục.

Theo điều 450 luật thương mại, quản tài viên sau khi lập bản kê khai công nợ của người bị phá sản, có hạn 8 ngày để xin tiếp tục việc thuê mướn với chủ nhà và người này được hạn 15 ngày để quyết định : trong hạn 8 ngày nói trên tố quyền tiêu hủy kế ước thuê mướn phải đình chỉ.

Tuy nhiên, nếu quản tài viên đã đề nghị thuê mướn không sau khi nộp bản kê khai, thời hạn 8 ngày chưa khởi đầu lưu thông và chủ nhà không cần phải đợi đến lúc quản tài viên nộp bản kê khai và chờ qua 8 ngày mới có thể xin tiêu hủy kế ước,

Nếu kế ước thuê mướn bất động sản đã định rằng sẽ đương nhiên tiêu hủy trong trường hợp người thuê không trả tiền.

nhà sau khi bị đốc thúc thì sự tiêu hủy đương nhiên thực hiện, Tòa án chỉ cần phải xác nhận sự tiêu hủy để minh định hậu quả, và sự tiêu hủy được dự liệu trước như vậy là một sự tiêu hủy thủ đắc đã nói trong điều 450, đoạn 2 Luật Thương mại.

Theo điều 15 Sắc lệnh ngày 12-21-1933 sự tiêu hủy kế ước chỉ thành viên cứu một tháng sau khi tổng đạt cho các chủ nợ đăng ký. Quản tài viên không có tư cách viên dẫn điều luật này vì quản tài viên chỉ là đại diện cho các chủ nợ trong tổng thể không đại diện cho các chủ nợ đăng ký.

(TT Saigon 3-8-1961 PLTS 1962 III. 36)

#### QUẢN TÀI VIÊN (X. 534)

928.— SẢN NGHIỆP. THƯƠNG MẠI. THÀNH TỔ CỦA SẢN NGHIỆP THƯƠNG MẠI. SỰ ĐOẠN MẠI SẢN NGHIỆP THƯƠNG MẠI. SỰ CÔNG BỐ VIỆC ĐOẠN MẠI SẢN NGHIỆP THƯƠNG MẠI.

Sản nghiệp thương mại là một sở hữu chủ vô hình (propriété incorporelle) gồm quyền được tiếp những khách hàng liên tòng vào sản nghiệp do những thành tố dùng khai thác, những thành tố này có thể hữu hình như dụng cụ hàng hóa hoặc có thể vô hình như tên hoặc bảng hiệu, quyền thuê phố, bảng sáng chế, nhãn hiệu v.v...

Một cửa hiệu uốn tóc có bản hiệu, có 11 ghế ngồi uốn tóc, 1 máy hơ kẹp tóc cùng một số dụng cụ khác và tiền thuê phố khá cao (2.908đ. mỗi tháng) chứng tỏ cửa hiệu có nhiều khách hàng, do đó cửa hiệu uốn tóc này là một sản nghiệp thương mại.

Sự gán vật để trả nợ (dation en paiement) được xem như một sự trao đổi (échange) nếu con nợ phải trả một vật xác thực (corps certain) đã trả bằng một vật xác thực khác, và được xem như một sự đoạn mãi (vente) nếu số nợ thiếu là một số tiền và người chủ nợ bằng lòng nhận một vật xác thực thay thế cho số tiền nợ.

Người mượn phổ đề mở một cửa hiệu uốn tóc đã thiếu của chủ phổ một số tiền thuê khá quan trọng (29.087đ.00) đã lập văn tự nhận nợ và cam kết trả lại căn phổ cùng giao đứt các đồ đạc dụng cụ trong cửa hiệu uốn tóc để trừ vào tiền phổ thiếu, văn tự gán nợ này là một văn tự bán sản nghiệp thương mại được công bố chiếu theo Sắc lệnh ngày 21-12-1933.

Sự thiếu công bố hay sự công bố bất hợp lệ trong việc mua bán sản nghiệp thương mại không làm cho sự đoạn mại vô hiệu mà chỉ làm cho việc trả giá bán không đối kháng được với chủ nợ, nghĩa là người mua phải trả giá một lần nữa cho chủ nợ, đến mức giá bán phải ghi trong giao kèo bán sản nghiệp thương mại, nhưng người mua không phải bị bắt buộc phải trả trên giá mua nếu số nợ của người bán cao hơn.

(ST Saigon 26-2-1966 PLTS 1966 I. 171)

929.— NGHIỆP SẢN THƯƠNG MẠI. ĐOẠN MẠI. TRẢ TIỀN. PHẢN KHÁNG. GIẢI TRỪ. SẮC LỆNH 21-12-1933. CẤP THẨM. QUYẾT ĐỊNH VÔ THẨM QUYỀN. TÍNH CÁCH.

Chiếu điều 4 Sắc lệnh ngày 21-12-1933, tuy thẩm phán cấp thẩm có quyền giải trừ sự phản kháng việc trả tiền mua nghiệp sản thương mại cho người bán, nhưng với điều kiện là vụ kiện chính chưa khởi tố.

Nếu chính vụ đã thành kết thẩm phán cấp thẩm vô thẩm quyền.

Quyết định vô thẩm quyền cũng là một quyết định, không phải là một sự từ chối xét xử.

(PA 23-7-1965 PLTS 1965 II. 3)

930.— THẨM QUYỀN TÒA ÁN DÂN SỰ XỬ VỀ VIỆC THƯƠNG MẠI. THỜI HẠN TỐ QUYỀN ĐÒI BỒI THƯƠNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CHUYÊN CHỞ HÀNG HÓA TRÊN MẶT BIỂN. ĐIỀU 108 LUẬT THƯƠNG MẠI VÀ ĐIỀU 8



LUẬT NGÀY 2-4-1936. PHẠM VI ÁP DỤNG. CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN. LUẬT NGÀY 7-3-1925.  
TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI VIÊN.

Theo tổ chức tư pháp hiện hành tại Việt Nam, không có tòa án thương mại biệt lập, mà các tòa dân sự thường tụng có quyền toàn thẩm xét xử luôn việc thương mại.

Điều 108 Luật Thương mại cũng như điều 8 Luật ngày 2-4-1936 về chuyên chở hàng hóa trên mặt biển định rằng tổ quyền có mục đích đòi người chủ tải phải bồi thường vì hàng hóa thất lạc, hư hại hay giao chậm, bị thời tiêu trong một năm, nhưng hai điều luật nói trên không áp dụng cho trường hợp tổ quyền căn cứ trên trách nhiệm dân sự của người chủ tàu đối với người làm công, chiếu điều 1382 và 1384 Bộ Dân luật và Sắc lệnh ngày 15-8-1928 về việc chuyên chở hàng hóa trên sông ngòi.

Theo luật ngày 7-3-1925 thì các hội viên công ty trách nhiệm hữu hạn chỉ phải chịu trách nhiệm đến mức phần tư xuất của họ mà thôi.

(*TT Saigon 25-3-1962 PLTS 1962 III. 52*)

931.— THỦ TỤC TỔ TỤNG ÁP DỤNG CÁC VỤ THƯƠNG  
MẠI.

Thủ tục tổ tụng áp dụng trong các vụ thương mại do điều 122 Sắc lệnh ngày 12-2-1921 qui định, và là thủ tục do Bộ Dân sự Tổ tụng và Bộ Luật Thương mại và các sắc lệnh đặc biệt được ban hành tại Việt Nam dự liệu.

SỰ VÔ HIỆU CỦA MỘT CUỘC GIÁM ĐỊNH TRONG MỘT VỤ  
THƯƠNG MẠI.

Trong Bộ Luật Dân sự Tổ tụng không có điều khoản nào dự liệu rằng một cuộc giám định khiếm khuyết về hình thức thì sẽ vô

hiệu, và vì vậy, cho nên theo án lệ, sự không thi hành thể thức cho mỗi đương sự đến dự cuộc giám định chỉ làm cho bản phúc trình vô hiệu, nếu sự không thi hành ấy làm thiệt hại đến sự tự do bào chữa của các đương sự.

(*TT Saigon 4-6-1960 PLTS 1960. IV. 71*)

932.— THUYỀN ĐỘT. SÓNG GÂY RA BỞI MỘT CHIẾC TÀU  
LÀM ĐÂM MỘT CHIẾC TÀU KHÁC.

TRÁCH NHIỆM. KHÔNG ÁP DỤNG TRÁCH NHIỆM DO TÁC ĐỘNG CỦA CÁC VẬT VÔ TRI (Đ. 1384 BỘ DÂN LUẬT).

THỜI TIỂU CỦA TỔ QUYỀN XIN BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI (Đ. 436 BỘ LUẬT THƯƠNG MẠI). ĐẠO LUẬT NGÀY 15-7-1915 SỬA ĐỔI ĐIỀU 407 VÀ 436 BỘ LUẬT THƯƠNG MẠI. ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM. LUẬT THỰC TẠI.

Trách nhiệm của một chiếc tàu biển chạy trong sông với một tốc lực quá mau làm chìm một tàu khác không phải là trách nhiệm định bởi đ. 1384 của bộ Dân luật về trách nhiệm do tác động của các vật vô tri mà là trách nhiệm định bởi điều 407 của bộ Luật Thương Mại về thuyền đột.

Tổ quyền xin bồi thường thiệt hại về thuyền đột bị tiêu diệt sau hai năm, kể từ ngày xảy ra tai nạn, chiếu điều 436 Bộ Luật Thương mại.

Đạo luật ngày 15-7-1915 sửa đổi điều 407 và điều 436 Bộ Luật Thương mại được áp dụng ở Đông Dương do sắc lệnh ngày 18-7-1916 tuyên bố bởi nghị định ngày 15-9-1916.

Các điều 407 và 436 nơi trên được áp dụng tại Việt Nam không phải như thành văn lý tính mà như một luật thực tại, công bố hợp thức.

(*ST Saigon 10-10-1959 PLTS 1959 III. 75*)

933.— TÍNH CÁCH THƯƠNG MẠI HIỆU CẦM ĐỒ.

Quý tính dụng bình dân và hiệu cầm đồ của tư nhân : tính chất pháp lý.

Theo dụ số 63 ngày 17-10-55, quý tính dụng bình dân là một cơ quan công lập không tính cách thương mại.

Nhưng dụ này chỉ áp dụng cho cơ quan công lập.

Về hoạt động của tư nhân tính cách thương mại hay dân sự phải xét định theo bản chất của sự hoạt động ấy : nghề cầm đồ là một nghề buôn bán lấy tiền bạc làm sở vật. vậy nghề ấy có tính cách thương mại.

(*TT Saigon 2-2-1961 PLTS 1961 I. 44*)

TIỀN LỜI THƯƠNG MẠI (X. 15)

934.— THƯƠNG GIA. ÁP DỤNG CHỈ DỤ SỐ 17 NGÀY 3-6-1953 VỀ VIỆC THUÊ NHÀ CÓ TÁC DỤNG THƯƠNG MẠI. ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ VÀO SỔ THƯƠNG MẠI KHÔNG CẦN THIẾT.

Về pháp lý, sự đăng ký vào sổ thương mại, tự thề, không mang lại cho người đăng ký tư cách là thương gia. Và ngược lại người nào đã có tư cách thương gia thì dù không đăng ký vào sổ thương mại cũng vẫn có tư cách ấy.

Theo điều 1 nghị định ngày 31-8-1929 áp dụng sắc lệnh ngày 8-7-1927 thiết lập sổ thương mại, những thương gia nào đóng thuế môn bài dưới 60đ. không bó buộc phải đăng ký vào sổ thương mại.

Sắc lệnh kể trên lại chỉ áp dụng (theo điều 3) cho những người nào, lúc sắc lệnh ban hành, thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án Pháp.

Hiện nay, không có bản văn lập pháp hay lập qui nào bó buộc thương gia phải đăng ký vào sổ thương mại, và một số lớn các tòa án không có sổ thương mại.

Do đấy, điều kiện phải đăng ký vào sổ thương mại dự liệu ở những điều 2 và 32 chỉ dự số 17-53 không còn tính cách bó buộc.

(*TT Saigon 16-8-1962. PLTS 1963 IV. 86*)

935.— THƯƠNG GIA. CẠNH TRANH BẤT CHÍNHH. YẾU TỐ. CĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA TỔ QUYỀN.

Sự cạnh tranh bất chính là hành động của một thương gia đã gian tình dùng những biện pháp trái luật, trái với thông lệ, trái với sự ngay thẳng về nghề nghiệp để lôi cuốn hoặc toan lôi cuốn khách hàng của một thương gia khác.

Tổ quyền đòi bồi thường về sự cạnh tranh bất chính là một tổ quyền phổ thông được căn cứ vào điều 1382 D.L.P. áp dụng như lý trí thành văn, do đó để được chấp nhận phải có đủ các yếu tố sau đây : có hành động cạnh tranh lỗi lầm (*acte de concurrence fautif*), hành động lỗi lầm có gây thiệt hại và có liên hệ nhân quả giữa sự thiệt hại và hành động lỗi lầm.

(*TT Saigon 24-3-1966 PLTS 1966 III. 105*)

936.— THƯƠNG GIA. ĐIỀU KIỆN ĐỀ CÓ THẺ COI LÀ THƯƠNG GIA. ĐIỀU 1 BỘ THƯƠNG LUẬT. THẨM QUYỀN CỦA TÒA THƯƠNG MẠI. KỶ PHIẾU.

Theo điều mục số 1 bộ Thương luật, thương gia là những người làm chuyện có tánh cách thương mại và thường vì nghề nghiệp làm như vậy.

Đến một hiệu buôn mỗi ngày và có giao thiệp với giới thương mại không phải làm chuyện có tánh cách thương mại theo những điều mục 632 và điều kể của bộ thương luật.

Tự xưng là một thương gia không đủ thành một thương gia.

Kỳ phiếu không có tánh cách thương mại : chỉ được coi có tánh cách thương mại khi nào người ký tên kỳ phiếu là thương gia.

(*TT Saigon 8-5-1950 PLTS 1950 III. 73*)

937. — THƯƠNG GIA. DỰ SỐ 17 NGÀY 3-6-1953 VỀ PHỒ THƯƠNG GIA KHÔNG ĐĂNG KÝ DANH HIỆU VÀO SỔ THƯƠNG MẠI. TỜ TỔNG CƯ KHÔNG VIỆN DẪN LÝ DO. VÔ HIỆU.

Sự đăng ký danh hiệu vào sổ thương mại, tự thề, không mang lại cho người đăng ký tư cách là thương gia, và ngược lại, người nào đã có tư cách là thương gia thì dù không đăng ký vào sổ thương mại cũng vẫn có tư cách ấy.

Điều 2 Dự số 17/53 nếu có nói đến việc đóng môn bài, ghi tên vào sổ thương mại, chỉ hàm nghĩa rằng đương sự phải là thương gia, hội đủ điều kiện theo luật thương mại để có tư cách ấy.

Theo điều 8 Dự số 17/53, chỉ có một số hạn định những trường hợp chánh đáng cho phép chủ nhà đòi lại nhà, và theo điều 7, chủ nhà phải nêu rõ lý do ấy trong tờ tổng cư không viện dẫn lý do sẽ vô hiệu lực.

(*TT Saigon 21-II-1963 PLTS 1966 IV. 97*)

938. — TÍNH CÁCH THƯƠNG MẠI CỦA MỘT HÀNH VI.

Án lệ nhất định rằng việc một người đứng tên trong bài sanh ý cũng không phải là một điều kiện làm cho người ấy được xem như là một thương gia và luật thương mại được áp dụng.

(*TT Saigon 16-7-1953 số 66 PL. số 12 trang 6*)

939. — THƯƠNG HIỆU. SỰ TIỀM THƯƠNG HIỆU. TỔ QUYỀN CẠNH TRANH BẤT CHÁNH : YẾU TỐ VÀ HẬU QUẢ.

Các thương gia, miễn là tôn trọng trật tự công cộng và quyền lợi của kẻ khác, được tự do chọn thương hiệu.

Theo thông lệ địa phương, thương hiệu thường lấy một tên viết tắt gồm chữ đầu của mỗi chữ hợp lại và tên viết tắt sẽ trở thành quan trọng hơn tên viết đầy đủ.

Tổ quyền đề bảo vệ thương hiệu là tổ quyền cạnh tranh bất chính, đơn khởi tố có thể được chấp nhận người tiếm thương hiệu ngay tình miễn là nguyên đơn hội đủ 3 điều kiện :

Nguyên đơn đã xử dụng trước tiên thương hiệu bị tranh chấp.  
Cả hai bên đều hoạt động trong ngành thương mại ;  
và cùng trong một địa hạt.

Trong trường hợp ngay tình tiếm hiệu, người tiếm hiệu không thể bị kết án bồi thường thiệt hại mà chỉ có thể bị cấm chỉ xử dụng thương hiệu mà thôi.

(*ST Saigon 20-5-1967 PLTS 1967 III. III*)

940.— TIÊU DIỆT THỜI HIỆU. ĐIỀU 108 BỘ LUẬT THƯƠNG MẠI. SỰ GIÁN ĐOẠN. ĐƠN KIẾN CẤP THẨM. ĐƠN XIN CHIA TIỀN NỘP CHO TRƯỞNG TY CÔNG SẢN, QUẢN LÝ CUNG THÁC VIÊN. VÔ HIỆU DỤNG.

Chiếu điều 108 bộ Luật Thương mại khi hàng hóa chuyên chở bị hư hại hay bị mất mát, tổ quyền đề kiện người chuyên chở đòi thiệt hại đi tiêu diệt trong thời hạn một năm.

Đơn kiện về cấp thẩm cũng như đơn xin chia tiền, nộp cho Trưởng Ty công sản, quản lý cung thác viên không có hiệu dụng để làm gián đoạn sự tiêu diệt thời hiệu định bởi điều 108 Bộ Luật Thương mại ghi ở trên.

(*ST Saigon 22-1-1960 PLTS 1960 II. 77*)

941.— TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ LÀ TRÁCH NHIỆM ƯỚC ĐỊNH TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA QUẢN LÝ VIÊN MỘT CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN. TRÁCH NHIỆM ƯỚC ĐỊNH CỦA CÔNG TY ẤY VỀ HÀNH ĐỘNG CỦA VIÊN QUẢN LÝ.

Trách nhiệm dân sự về hành động của tha nhân là trách nhiệm về những trường hợp đã được hạn định trong Dân luật.

Trách nhiệm của người quản lý một công ty thương mại, hành động với tư cách quản lý (trong hiện vụ là một công ty trách nhiệm hữu hạn) không thuộc vào những trường hợp ấy. Người quản lý không phải chịu trách nhiệm dân sự về hành động của công ty (trách nhiệm tha nhân) chỉ chịu trách nhiệm theo dân luật, về hành động của chính mình nếu người ấy phạm quy chế công ty hay điều lệ của hội, hay đã phạm lỗi trong chức vụ quản trị.

Về hành động của người quản lý với tư cách quản lý, công ty phải chịu trách nhiệm; và đó là trách nhiệm ước định xuất sinh do sự kết ước giữa người đệ tam với công ty được đại diện bởi người quản lý.

(TT Saigon 20-7-1961 PLTS 1962 II. 90)

942.— SAI ÁP BẢO LƯU : HIỆU LỰC CỦA SỰ SAI ÁP TRONG TRƯỜNG HỢP MỘT CHỦ NỢ KHÁC CÓ QUYỀN ƯU TIÊN TRÊN ĐỒ VẬT BỊ SAI ÁP. HIỆU LỰC CỦA NHỮNG TƯ THU THƯƠNG MẠI. KHÔNG CÓ VỀ NGÀY THÁNG CHẮC CHẴN ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐỆ TAM. SỰ CHẤP HỮU ĐỘNG [SẢN : TIỀN ĐOÁN VỀ QUYỀN SỞ HỮU; VẬN TẢI HÓA ĐƠN (connaissance) : SỰ CHUYỀN GIAO MỘT VẬN TẢI HÓA ĐƠN CÓ GIÁ TRỊ LÀ CHUYỀN GIAO SỰ CHẤP HỮU ĐỒ VẬT GHI TRONG HÓA ĐƠN ẤY VÀ SỰ CẦM GIỮ HÓA ĐƠN LÀ BẰNG CHỨNG VỀ QUYỀN SỞ HỮU.

Sự sai áp bảo lưu, do một chủ nợ thường sự, không vì lẽ một chủ nợ khác có quyền ưu tiên trên đồ vật bị sai áp mà vô hiệu. Vì rằng quyền ưu tiên của chủ nợ này không khai trừ quyền bảo đảm của chủ nợ khác; chỉ khi nào phân chia giá bán đồ vật, mới cần đề cập đến quyền ưu tiên để giải quyết sự phân tranh giữa các chủ nợ:

Về việc thương mại, những tư thư không cứ phải có ngày tháng chắc chắn mới đối kháng được với người đệ tam: Tòa

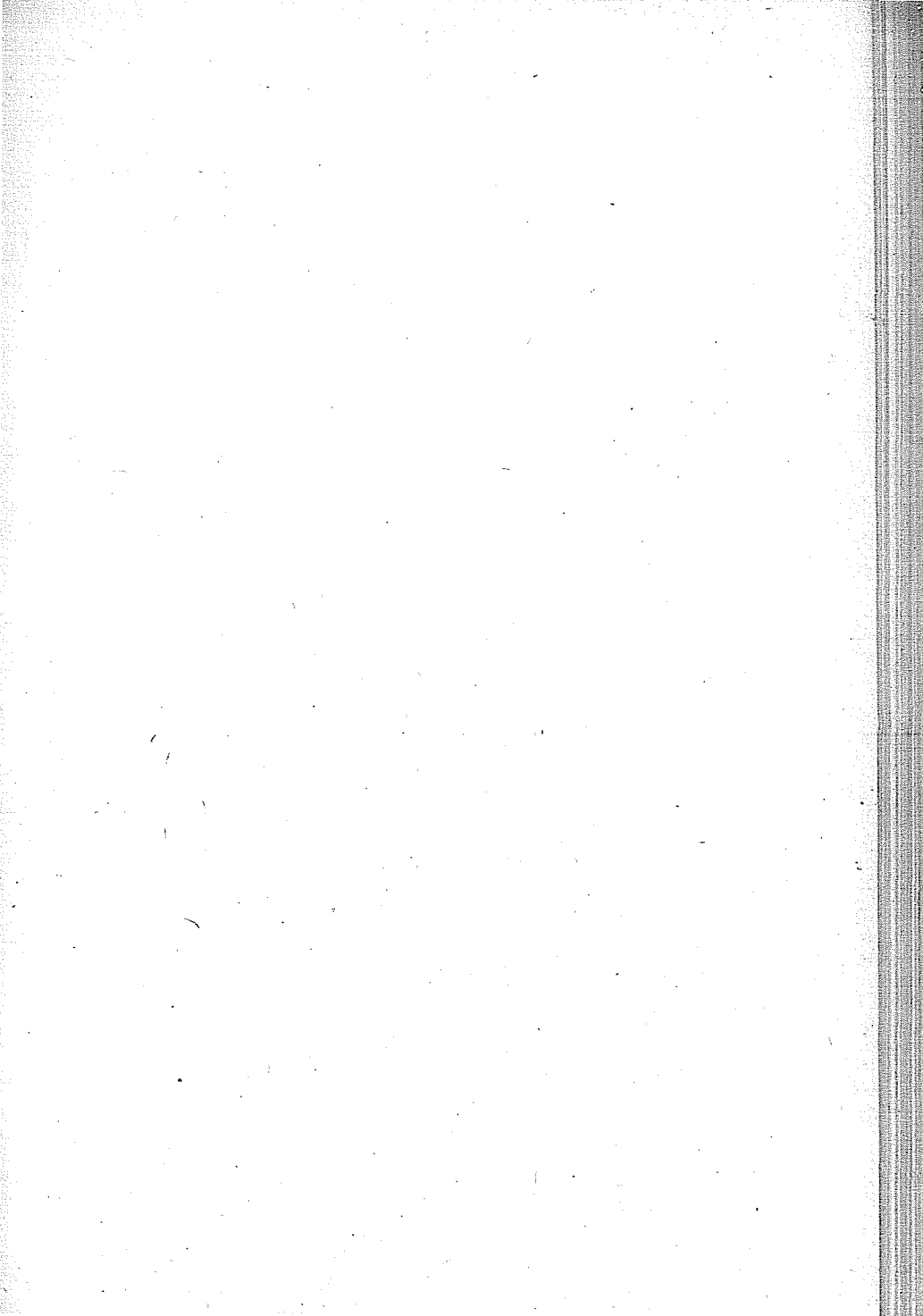
chính vụ có quyền hoạch định hiệu lực của những tư thư ấy tùy trường hợp, tùy theo phương pháp dẫn chứng, kể cả sự suy đoán.

Sự chấp hữu một động sản cho phép tuyên đoán quyền sở hữu của người chấp hữu cho đến khi có bằng cứ trái lại.

Theo luật hàng hải, vận tải hóa đơn tượng trưng cho đồ vật vận tải. Chuyển giao vận tải hóa đơn cũng như chuyển giao sự hữu, tức là chuyển giao thực sự đồ vật. Và sự cầm giữ hóa đơn ấy là bằng chứng về quyền sở hữu.

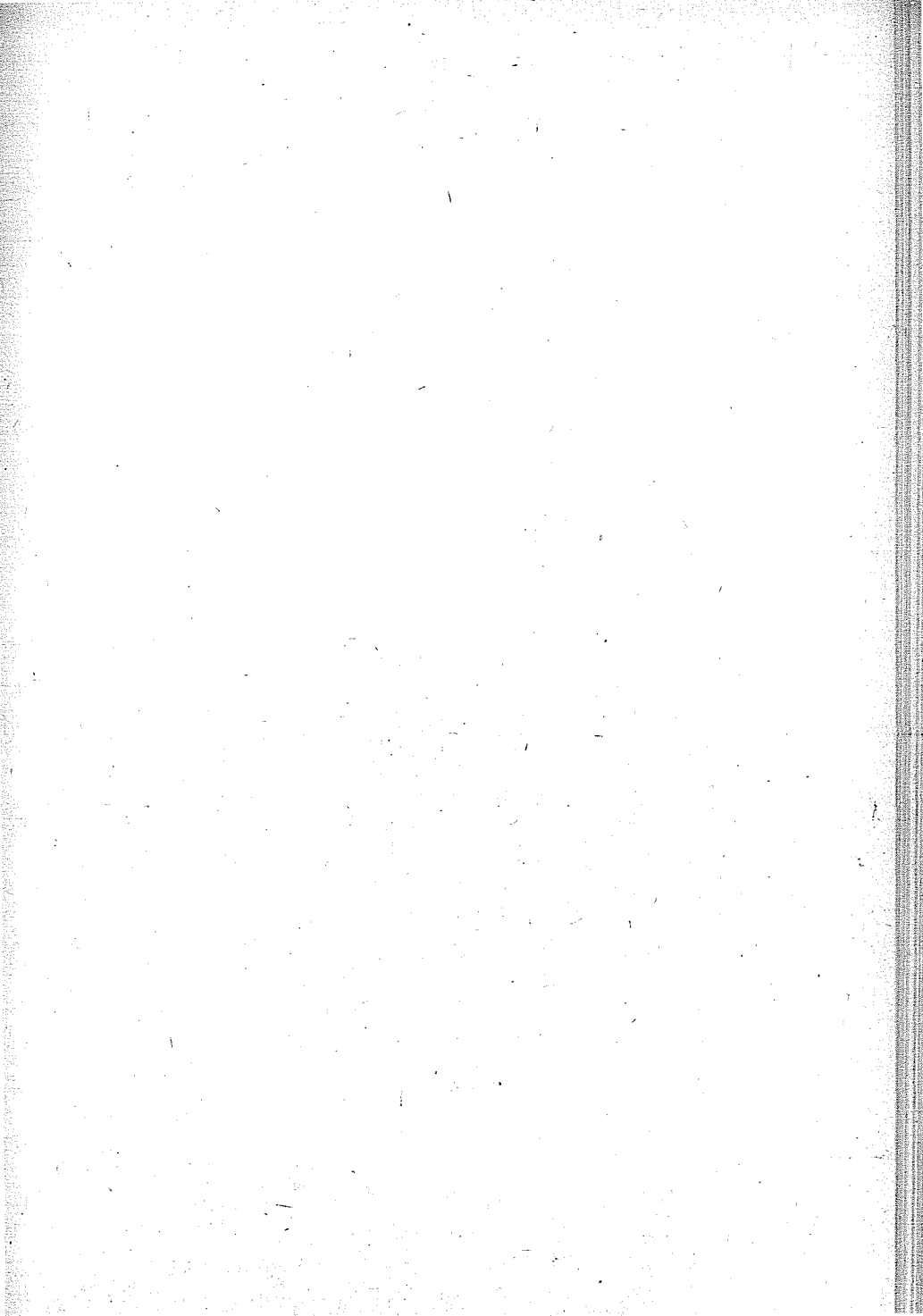
(*TT Saigon 22-II-1962 PLTS 1963 IV. 129*)





PHẦN THỨ HAI

HÌNH SỰ



## ĐOẠN THỨ NHỨT

# ÁN LỆ HÌNH SỰ

### 913.— ÁN LỆNH ĐƯA RA TÒA TIÊU HÌNH.

Phòng luận tội khi giao người bị tố ra trước Tòa tiêu hình, phải kê rõ vì sao đương sự có tội để truyền phán như vậy, còn Tòa tiêu hình thụ lý vẫn có toàn quyền định đoạt về tội trạng và hình phạt và không bắt buộc phải theo ý phòng luận tội.

Điều 57 Dự số 4 ngày 19-10-49 có ấn định các việc dân sự bắt buộc phải thông tri bút lục công tố viện.

(PA 9-II-1955 PLTS 1956 I. 8)

### 944.— ÁN LỆNH. PHÒNG LUẬN TỘI. KNÁNG TỔ ÁN LỆNH DỰ THẨM ĐƯA BỊ CAN RA TÒA. NGUYÊN TẮC PHỎ THẨM. CẢI TỘI DANH. QUYỀN HẠNG CỦA PHÒNG LUẬN TỘI. THƯỞNG TỔ ÁN CỦA PHÒNG LUẬN TỘI.

Nguyên tắc phỏ thẩm của sự kháng cáo không áp dụng tuyệt đối với sự kháng tố án lệnh dự thẩm đưa bị can ra tòa, phòng luận tội có quyền duyệt lại các án lệnh bị kháng tố về tất cả mọi khoản kê cả về thẩm quyền, đề cải tội danh và đưa bị can ra trước tòa đại hình nếu sự phạm pháp xem là một trọng tội, mặc dầu chỉ có sự kháng tố của người này.

Án của phòng luận tội được coi là đủ lý do và không thiếu căn bản pháp lý một khi đã trình bày sơ lược các sự kiện này xem có thể cấu thành một trọng tội hoặc khinh tội, và chiếu theo điều 30 Dự ngày 18-10-1949 «đối với những bản án của phòng luận tội xử giao

người bị tố ra xử trước tòa sơ thẩm xử về việc tiêu hình hay đại hình có thể xin phá được khi những bản án ấy có những điều khoản nhưt định mà tòa án thụ lý vụ đó không thể sửa đổi được nữa.

(PA 29-6-1960 PLTS 1960 II. 29)

945.— ÁN PHÒNG LUẬN TỘI. ÁN PHÁN XỬ THIỀU SÓT. TRƯỞNG HỢP PHÁ ÁN.

Bị can vừa là nguyên đơn khiếu tố, đã không giới hạn sự kháng cáo án dự thẩm truyền miễn tố đối phương về tội bị y khiếu tố và truyền đưa y ra xét xử về tội vu cáo. Phòng luận tội phải phán xử về toàn thể án lệnh bị chỉ trích, và không xét về sự miễn tố đối phương làm căn bản cho sự truy tố bị can, án bị thượng tố đã bỏ qua không xét xử về một khoản khiếu tố, sự kiện cấu thành trường hợp phá án chiếu điều 30 Dự ngày 18-10-1949.

(PA 31-10-1962 PLTS 1964 I. 170)

946.— ÁN LỆNH PHÒNG LUẬN TỘI. TÒA ÁN QUÂN SỰ. VI PHẠM THỦ TỤC THẨM CỨU. KHÁNG BIỆN NÊU LÊN TRƯỚC TÒA.

Theo nguyên tắc mọi sự vi phạm thủ tục thẩm cứu phải được nêu lên trước tòa thẩm cứu, bị can không nại sự vi phạm trước phòng Dự thẩm cũng như trước phòng luận tội sự vô hiệu nếu có cũng đã được bao yểm bởi uy lực tài phán của án lệnh hoặc phúc quyết đưa y ra trước các tòa xét xử.

Theo điều 66 Quân luật, mọi kháng biện hoặc khiếu tố phụ đới khác nêu ra trong lúc thẩm vấn phải được đề xuất ra trước tòa quân sự trước khi tòa này nghe lời khai của các nhân chứng.

(PA 26-9-1962 PLTS 1965 III. 42)

947.— ÁN KHUYẾT TỊCH VÀ ÁN KHUYẾT TỊCH. COI NHƯ ĐƯƠNG TỊCH. BỊ CAN VẮNG MẶT VÌ BỊ GIAM GIỮ. LÝ DO KHIẾM DIỆN CHÁNH ĐÁNG.

Theo điều 149 và 186-HSTT bị can nhận được trát đòi hợp lệ mà không ứng hầu sẽ bị xử khuyết tịch, trừ khi y xin vắng mặt hoặc không chứng minh không đến hầu được vì một lý do chánh đáng.

Sự kiện bị can bị giam giữ và không được dẫn giải đến tòa là một lý do chánh đáng cho sự khiếm diện của y, và trong trường hợp ấy Tòa chỉ có thể xử khuyết tịch, mà không thể tuyên xử khuyết tịch coi như đương tịch đối với y làm cho đương sự mất quyền kháng tố và xúc phạm đến quyền lợi của bên bị cáo.

(PA 28-II-1962 PLTS 1963 IV. 48)

948. — **ÁN KHUYẾT TỊCH COI NHƯ ĐƯƠNG TỊCH. VI PHẠM LUẬT CĂN BẢN. TỘI HẠ THỦ RỪNG TRÁI PHÉP. BÁN THỊT NAI KHÔNG CÓ CHỨNG CHỈ HẠ THỦ.**

Bị can đã ký nhận trát và cam kết sẽ đi hầu mà lại khiếm diện có thể bị xử khuyết tịch coi như đương tịch, nếu không chứng minh được lý do vắng mặt chánh đáng.

Điều 24 và 25 Sắc luật ngày 7-3-1959 qui định luật lệ săn bắn dự liệu và trừng phạt sự buôn bán thịt thú rừng mà không xuất trình được chứng chỉ hạ thủ do người săn bắn lập ra.

Ngoài ra có thể bị suy luận là hạ thủ rừng trái phép và bị áp dụng sự trừng phạt của điều 15 Nghị định ngày 25-5-1959 của Bộ Canh Nông, người bán thịt rừng trái phép nói trên và là chủ phòng săn bắn và một người săn bắn nổi danh.

(PA 28-II-1962 PLTS 1964 III. 76)

949. — **ÁN TREO. CÓ TIỀN ÁN KHÔNG ĐƯỢC HƯỞNG ÁN TREO,**

Theo đạo luật ngày 26-3-1891 về huyền án thì những bị can đã có tiền án phạt tù về một tội thường phạm không được hưởng án treo.

(PA 20-8-1958 PLTS 1959 I.9)

950.— ÁN THIẾU LÝ DO. VI PHẠM ĐIỀU 7 LUẬT NGÀY 20-4-1810 VÀ ĐIỀU 52 S 1 SẮC LỆNH NGÀY 16-3-1910.

Theo nguyên tắc của điều 6 ngày 20-4-1810, cũng như điều 52 S I Sắc lệnh ngày 16-3-1910, mọi phán quyết về hình cũng như về Hộ phải nêu đủ lý do, sự khiếm khuyết lý do là một duyên cớ cho sự phá án.

Bị phá và thủ tiêu vì thiếu lý do một bản án của thượng thẩm để xác nhận tội phạm của bị can, đã được tòa sơ thẩm tha bổng về tội vô ý gây thương tích, và buộc y phải bồi thường dân sự, chỉ tuyên bố do bút lục hồ sơ và cuộc tranh luận trước tòa y còn phạm một phần lỗi trong tai nạn lưu thông, mà không nêu một sự kiện hoặc lý lẽ nào khác làm căn bản cho sự phán định của tòa.

(PA 26-9-1960 PLTS 1961 II)

951.— ÁN ĐỊNH TỘI DANH SAI LẦM.

Sự viện dẫn các điều luật áp dụng hoặc ấn định sai lầm tội danh không làm cho án thành vô hiệu nếu hình phạt cùng là một hình phạt dự liệu bởi các điều luật đáng lẽ phải viện dẫn.

(PA 27-7-1960 PLST 1961 I. 10)

952.— ĐỊNH DANH SAI LẦM. TỘI TRA TẤN VÀ BẮT NGƯỜI TRÁI PHÉP. YẾU TỐ CỦA TỘI ĐỒNG LỖA. ÁN THIẾU LÝ DO.

Bị phá và thủ tiêu vì định sai lầm tội danh và mâu thuẫn trong lý do, coi như thiếu lý do, một bản án để kết phạt bị can về cả hai tội bắt giam và tra tấn người trái phép chỉ căn cứ vào lời thú nhận của y đã tra tấn theo lệnh của người khác nạn nhân do người này đã bắt và giam từ trước.

Án kết phạt bị can về tội đồng lõa phải nêu rõ sự kiện xúi biều hay tri tình giúp đỡ phạm pháp, dự liệu bởi điều 59-60 HLCC như là yếu tố cần thiết để cấu thành tội nói trên.

(PA 24-10-1960 PLTS 1961 II 25)

- 953.— TÍNH CÁCH SƠ THẨM CỦA BẢN ÁN VI CẢNH. ÁN CỦA TÒA SƠ THẨM CẢI TỘI DANH TỘI TIỂU HÌNH BỊ TRUY TỐ RA TỘI VI CẢNH. THƯỢNG TỐ BẤT KHẢ CHUẨN CHẤP.

Án của Tòa sơ thẩm cải tội danh tội tiểu hình phá hủy trường rào mà bị can truy tố chiếu điều 456-HLCC ra tội vi cảnh phá hủy động sản của người khác dự phát bởi điều 479 S 1-HLCC, có tính cách một bản án sơ thẩm mà các đương sự chỉ có thể kháng cáo, chứ không thể thượng tố trực tiếp được, sự thượng tố theo nguyên tắc của điều 7 Dự ngày 18-10-1949 chỉ dành cho các án văn chung thẩm.

(PA 29-5-1963 PLTS 1964 I. 97)

- 954.— TUYÊN ÁN. ĐỐI TỊCH. NGHỊ ÁN. ĐÌNH XỬ. LẠC HẠN.

Trong mỗi phiên tòa khi có sự đình xử, Chánh thẩm nói thẳng cho các bị can biết là tòa đình xử tới ngày nào và lệnh tòa đã được truyền thẳng như vậy cho đích thân các bị can.

Nếu một án văn đã được tuyên đọc sau khi đã có những tranh luận đối tịch, dầu có cho rằng án văn ấy đã được tuyên đọc ngoài sự hiện diện của bị can dĩ nữa, nếu bị can đã được báo cho biết trước để có mặt vào hôm tuyên án, thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày án văn ấy được tuyên, khởi cần đề ý đến những sự kiện là có những lần đình đải liên tiếp đề nghị án, nếu những lần đình đải này đã được án định vào những ngày nhất định và nếu vào lần đình xử cuối cùng, án văn đã được tuyên đọc.

(TS Saigon 9-11-1962 PLTS 1963 II. 128)

- 955.— BẠC GIẢ. TỘI LƯU HÀNH GIẤY BẠC GIẢ. SỰ TRI TÌNH, YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM.

Điều 139-HLCC dự phạt tội làm giấy bạc giả và tội lưu hành giấy bạc giả không ấn định các yếu tố của tội phạm, nhưng theo tinh thần của điều luật ghi trên, riêng về tội lưu hành giấy bạc giả một



yếu tố cần thiết của tội phạm là bị can phải biết trước giấy y đem dùng là giấy giả.

Bị phá và tiêu hủy vì khiếm khuyết lý do và thiếu căn bản pháp lý một bản án đề kết phạt bị can đã không nêu rõ y đã tri tình sử dụng giấy bạc mà y biết là giả.

(PA 29-11-1961 PLTS 1962 III. 34)

956.— BẮT NGƯỜI TRÁI PHÉP VÀ TRA TẤN. YẾU TỐ TỘI PHẠM. TRƯỜNG HỢP GIA TRỌNG. CÂU HỎI PHỨC TẠP.

Những yếu tố của tội bắt người trái phép theo điều 341-HLCC là sự kiện bắt người không có lệnh của nhà quyền chức và ngoài trường hợp luật pháp truyền phán, và sự tra tấn người bị bắt là một trường hợp gia trọng của tội nói trên, dự liệu nơi điều 344 S 2 HLCC.

Không nếu đủ yếu tố tội phạm, án của tòa quân sự đề kết phạt bị can với tội nói trên chỉ căn cứ vào câu trả lời «có» cho câu hỏi đặt ra tội trạng là : đưng sự có phạm tội bắt người trái phép và tra tấn nạn nhân hay không ?

Phải coi là phức tạp câu hỏi đặt như trên gồm trong một câu hỏi duy nhất sự bắt người là tội dự liệu nơi điều 341-HLCC và sự tra tấn là trường hợp gia trọng của tội này theo điều 344 S 2, khiến các vị thẩm phán không thể trả lời riêng biệt và phân minh về tội phạm và sự gia trọng không nhất thiết phải đi đôi với nhau.

(PA 30-9-1964 PLTS 1965 II. 66)

957.— BỊ CÁO VỊ THÀNH NIÊN. THỈNH CẦU BỒI THƯỜNG DÂN SỰ TRƯỚC TÒA HỈNH. SỰ ĐÒI THỦ HỘ RA THAY MẶT BỊ CAN KHÔNG CẦN THIẾT.

Nguyên tắc ấn định trong sắc lệnh ngày 3-10-1883 canh cải bởi luật ngày 30-5-1932 là các vị thành niên trong các vụ tố tụng phải do thủ hộ thay mặt chỉ áp dụng trong các vụ kiện hộ trước tòa hộ.

Trước các tòa hình xử về quyền lợi dân sự phụ thuộc theo sự truy tố của công tố quyền, dân sự nguyên cáo có thể xử dụng tố quyền dân sự của mình để xin buộc bị can vị thành niên hoặc vô năng quyền bồi thường thiệt hại gây nên bởi sự phạm pháp, mà khỏi cần phải cho gọi thủ hộ ra thay mặt.

(PA 26-4-1960 PLTS 1960 III- 13)

958.— BỊ CÁO. QUYỀN NÓI SAU CÙNG CỦA BỊ CÁO. PHƯƠNG CÁCH KHÔNG LIÊN HỆ ĐẾN ĐƯƠNG SỰ.

Chỉ có sự vi phạm quyền nói lời sau cùng dành cho bị cáo, nếu y bị từ khước quyền ấy mà y đã đòi hỏi trước Tòa ấy không buộc phải thẩm vấn bị cáo về sự xử dụng quyền nói trên.

Dân sự nguyên cáo không quyền nêu một phương cách thượng tố chỉ liên hệ đến quyền lợi của bị cáo.

(PA 31-10-1962 PLTS 1963 III. 57)

959.— BIÊN THỦ CÔNG QUỸ TRÊN 12.000đ.00 VÀ GIẢ MẠO SỔ SÁCH THƯƠNG MẠI GÂY THIẾT HẠI TỪ 24.000Đ.00 TRỞ LÊN : TỘI ĐẠİ HÌNH. TƯ CÁCH CÔNG CHỨC CỦA CAN PHẠM. VÔ THẨM QUYỀN CỦA TÒA TIỂU HÌNH ĐỀ XÉT XỬ.

Chiếu điều 196-HLCC sửa đổi với Dự ngày 19-4-1951 sự biên thủ một số tiền 12.000đ.00 thầu cho công quỹ do một công chức là một tội đại hình dự phạt theo hình phạt khổ sai có kỳ và chiếu điều 154-HLCC cũng sửa đổi bởi Dự ghi trên sự giả mạo sổ sách thương mại gây thiệt hại từ 24.000đ.00 trở lên cũng là một tội đại hình. Bị phá và thủ tiêu vì vi phạm nguyên tắc thẩm quyền có tính cách trật tự công cộng, một bản án của bản kháng cáo tiểu hình và kết phạt bị can theo hình phạt này.

Một tùy phái công nhật được chính thức giao phụ trách công việc đảm thầu các sắc thuế, có tư cách một công chức thu thuế, một

thụ thác viên hay kế toán viên công theo nghĩa của điều 169-HLCC và sự phạm pháp của y phải được trừng phạt theo điều ấy.

(PA 27-7-1960 PLTS 1960 IV. 21)

960.— TỘI BIẾN THỦ CÔNG QUỸ. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM.  
ÁN THIẾU LÝ DO.

Những yếu tố cần thiết của tội biến thủ tiền công do công chức là thâu ngân hoặc kế toán công của bị can và tính cách tiền công được giao giữ vì chức vụ của số tiền bị nại là biến thủ.

(PA 30-5-1962 PLTS 1964 III. 71.)

961.— TỘI BIẾN THỦ HOẶC TIÊU TÁN TIỀN TÀI THU NHẬN  
HAY GIỮ GIỮ VÌ CHỨC VỤ. YẾU TỐ TỘI PHẠM. CÔNG  
CHỨC XÃ THẦU HỘ TIỀN NỢ CHO NÔNG TÍN CUỘC.  
TƯ CÁCH PHÁP LÝ.

Một yếu tố cốt yếu của tội biến thủ và tiêu tán dự phạt bởi luật số 9159 ngày 18-4-1959 là tiền biến thủ phải là tiền thâu nhận vì chức vụ.

Theo qui chế thôn xã thì Hội viên kinh tế và tài chánh chỉ có phận sự quản lý tài chánh và tài sản thôn xã, do đó việc thu nợ do Nông tín cuộc không phải là phận sự và trách nhiệm luật định của y, và một hội viên xã biến thủ số tiền thu góp cho Nông tín cuộc không thể coi là đã biến thủ tiền thu nhận vì chức vụ để có thể bị trừng phạt theo luật số 9159, luật hình phải được áp dụng chặt chẽ.

(PA 30-12 1964 PLTS 1966 I. 103)

962.— ĐÁNH BẠC. BÀI TỨ SẮC. TÍN LỰC CỦA BIÊN BẢN  
CẢNH SÁT. TỊCH THẦU TANG VẬT. ÁN THIẾU  
LÝ DO.

Theo cách thức xếp đặt của bài tứ sắc, bài này được án lệ của Tòa Pháp án coi là một trò chơi có tánh cách may rủi hơn là cao thấp.

Biên bản cảnh sát do các sĩ quan hình cảnh lập được tin là đúng sự thật cho đến khi bị cáo giả mạo theo thủ tục luật định, và có thể làm căn bản hợp pháp cho sự truy tố và kết phạt hợp pháp cho sự truy tố và kết phạt bị can do tòa có thẩm quyền.

Chiếu điều 410 S 5 HLCC thì chỉ có thể tịch thu như tang vật những số tiền mặt đặt để đánh bạc : Bị phá và thủ tiêu vì thiếu lý do một bản án tuyên tịch thu như tang vật tất cả số tiền khám thấy trong người con bạc, mà không viện dẫn đủ bằng cứ là toàn thể số tiền ấy là tiền y đặt trên chiếu bạc và đã thu về để phi tang.

(PA 24-10-1960 PLTS 1961 II. 18)

963.— BỘI TÍN. TƯ CÁCH ĐỀ ĐỨNG DÂN SỰ NGUYÊN CÁO. ĐƠN XIN CAN THIỆP TRƯỚC TÒA THƯỢNG THẨM. ÁN MẬU THUẦN VÀ THIẾU CĂN BẢN PHÁP ĐỊNH.

Nếu bị can không bị truy tố về tội bội tín đối với y, thì một đương sự không có tư cách đề đứng dân sự nguyên cáo trong vụ kiện.

Dù không tham dự vào vụ kiện hình trước tòa sơ thẩm một đương sự đã nạp tang vật nơi tòa này vẫn có thể xin can thiệp vào nội vụ trước Tòa Thượng thẩm đề thỉnh cầu được truyền trả vật ký nạp.

Bị phá và thủ tiêu vì mâu thuẫn và thiếu căn bản pháp định, án của Tòa thượng thẩm đã kết phạt bị can về tội bội tín đã căn cứ vào một bút lục trong đó chỉ có lời khai nhận của một đồng phạm của y, riêng về phần người ấy và không liên quan gì đến hành động của bị can, là đã mượn đồ nữ trang để đi ăn tiệc rồi đem bán kiếm tiền trả nợ mà không trả lại cho chủ sở hữu.

(PA 31-8-1960 PLTS 1961 I. 15)

963.— BỘI TÍN VÀ LƯƠNG GẠT. YẾU TỐ TỘI PHẠM. ÁN THIẾU LÝ DO.

Yếu tố cần thiết của tội lường gạt theo điều 405-HLCC là sự dùng tên giả, tư cách giả hoặc mưu chước gian xảo khiến người khác tin vào quyền lực tưởng tượng của mình làm hoặc toan làm cho người ta giao tiền tài, đồ vật, giấy tờ, biên nhận và bằng cách ấy đã đoạt hoặc toan đoạt tất cả hoặc một phần tài sản của kẻ khác.

Và yếu tố của kẻ bội tín theo điều 408-HLCC là sự biến thủ hoặc phi tán tiền bạc, giấy tờ, biên nhận, hoặc đồ vật, hàng hóa được giao giữ do khế ước thuê mướn, ký thác, cầm cố, vay dùng với điều kiện hoàn lại hay xử dụng vào một việc nào nhứt định.

(PA 28-10-1964 PLTS 1965 II. 77)

### BỘI TÍN. ĐỐC THỨC. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM. CẢI THÈ. ĐIỀU KIỆN.

Sự đốc thúc (mise en deumeure) không cần thiết cho sự truy tố bị can về tội bội tín, vì không phải là một yếu tố luật định của tội này.

Theo nguyên tắc, sự cải thế không thể ước đoán được và phải được minh thị xác nhận. Sự kiện một hội đồng xã đã cho bị can một thời hạn để thanh toán số tiền đã thuê cho xã chỉ là một sự nhân nhượng khoan hồng không tính cách cải thế số tiền bội tín thành một món nợ dân sự, và tội phạm đã thành tựu, mặc dầu sau này sau khi bị truy tố can nhân mới và đã thanh toán đủ số bạc khiếm khuyết.

(24-12-1963 PLTS 1965 I. 92)

### BỘI TÍN. NGUYÊN TẮC DẪN CHỨNG TRƯỚC TÒA HÌNH. VỀ MỘT KHẾ ƯỚC DÂN SỰ.

### BẰNG CHỨNG VỀ QUYỀN SỞ HỮU ĐỘNG SẢN. VỀ SỐ KIẾN THIẾT.

Theo nguyên tắc Tòa Hình, giải quyết vấn đề về hộ luật, phải theo các quy định dẫn chứng của luật dân sự. Tòa thượng thẩm,

thụ lý vụ truy tố về tội sang đoạt (hay bội tín) mà yếu tố cốt yếu là sự bội ước một khế ước dân sự, phải áp dụng nguyên tắc dẫn chứng của Hộ luật để chứng minh sự hiện hữu của khế ước này.

Chiếu nguyên tắc của điều 2279 Dân Luật về động sản sự chấp hữu tạo thành chứng khoán chứng minh quyền sở hữu và theo điều 3 luật ngày 11-1-1959, về việc xố số thì vé số kiến thiết thuộc quyền sở hữu của người cầm giữ.

Bị phá và vi phạm những nguyên tắc và những điều luật ghi trên, án Tòa Thượng thẩm ước đoán quyền đồng sở hữu của dân sự nguyên cáo, không hề bao giờ chấp hữu vé số tranh theo sự kiện y đã ký vào vé số ấy, chống lại bị can là người chấp hữu hợp pháp xuất trình để chứng minh quyền sở hữu duy nhất của bị can ước đoán đơn giản trái với ước đoán luật định và tín lực của một bằng chứng viết không bị tuyên cáo vô hiệu.

(PA 22-11-1962 PLTS 1963 III. 60)

964.— BỒI THẨM. RÚT THẨM BỒI THẨM. ĐIỀU 18 SẮC LỆNH 16-2-1921.

Ông chánh thẩm không được bỏ qua tên một vị bồi thẩm thiết thọ vào bình rút thăm, nếu vị đó không ở trường hợp vắng mặt. Nếu có sự vắng mặt của bồi thẩm thiết thọ, ông chánh thẩm sẽ làm án lệnh cho thay thế bởi bồi thẩm dự khuyết thứ tự trong bảng danh sách phụ, theo điều 18 sắc lệnh ngày 16-2-1921.

(PA 22-2-1956 PLTS 1957 II. 5)

965.— BỎ PHỄ GIA ĐÌNH. YẾU TỐ TỘI PHẠM THEO ĐIỀU 1 LUẬT NGÀY 23-7-1942. ÁN THIỂU LÝ DO.

Một yếu tố của tội phễ bỏ gia đình dự liệu nơi điều 1 luật ngày 23-7-1942 là người cha hay người mẹ đã trốn tránh nghĩa vụ phát sinh tự phụ quyền hay giám hộ quyền.

Bị phá vì thiếu lý do phúc quyết của Tòa Thượng thẩm đề kết phạt bị can về tội kẻ trên chỉ dẫn lý rằng « y thị không phủ nhận mặc dầu có lệnh của Biện lý và sự hối thúc của chồng, thị vẫn không chịu trở lại nơi cư trú hôn nhân » mà không xác nhận can phạm với tư cách là mẹ đã trốn nghĩa vụ gì phát sinh tự những quyền nói trên đối với các con cái.

(PA 23-2-1966 PLTS 1966 IV. 55)

966.— BỎ TRỐN SAU KHI GÂY TAI NẠN. TỘI TRẠNG VÔ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH VÀ BỎ TRỐN. BẤT TINH HỢP HÌNH PHẠT. HÌNH PHẠT TỐI ĐA CỦA MỖI TỘI TRẠNG.

Theo nguyên tắc của điều 7 luật 20-4-1810 mỗi phán quyết tư pháp đều phải viện dẫn lý do và sự khiếm khuyết lý do được coi như không có lý do làm duyên cớ cho sự phá án.

Điều 11 Dự 27 ngày 26-6-1953 ấn định hình phạt về tội bỏ trốn sau khi biết xe mình vừa gây tai nạn, từ 6 ngày đến 2 tháng và định rằng hình phạt đó chưa kể những hình phạt về tội đại hình hay tiểu hình có thể đi liền với tội trên, tức đã không dự liệu sự nhập chung hình phạt.

Hình phạt tối đa của mỗi một tội vô ý gây thương tích và bỏ trốn sau khi biết xe mình vừa gây tai nạn là 2 tháng tù ở,

(PA 29-3-1961 PLTS 1962 I. 22)

966.— VÔ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH VÀ BỎ TRỐN. NGUYÊN TẮC CẤM SỰ CẦU PHÁT HÌNH PHẠT. ĐIỀU 365 H.S. T.T. ÁP DỤNG.

HÌNH PHẠT. TỘI TRẠNG VÔ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH. BỎ TRỐN. ĐIỀU 320 HLCC. HÌNH PHẠT TỐI ĐA. HÌNH PHẠT GẤP ĐÔI. ĐIỀU 11 DỰ SỐ 27 NGÀY 26-6-1953.

Theo học thuyết và án lệ vững chắc, điều 365 H.S.T.T. cấm sự cầu phát hình phạt phải được áp dụng cho mọi khinh tội nếu không có bản văn nào minh thị qui định khác.

Dụ số 27 ngày 26-6-1953 điều 11 quy định và trừng trị tội bỏ trốn sau khi gây ra tai nạn lưu thông không có minh thị phủ nhận nguyên tắc bắt cấu phát hình phạt của điều 365 H.S.T.T.

Theo điều 320 H.L.C.C sửa đổi do sắc lệnh ngày 1-7-1935 tu chính bởi sắc lệnh ngày 30-10-1935 ban hành tại Đông dương. do Nghị định ngày 26-7-1939, tu chính bởi điều 1 Dụ số 2 ngày 19-4-1951 và điều 1 Dụ số 43 ngày 24-7-1956, vô ý gây thương tích cho người khác thì phải phạt từ 10 ngày cho đến 1 năm và phạt vạ từ 100đ. cho đến 8.000đ. hoặc một trong hai hình phạt đó.

Chiếu điều 11 Dụ số 27 ngày 26-6-1953, những người lái bất kỳ xe gì, biết rằng xe mình vừa gây ra một tai nạn mà không chịu ngừng lại và cố tâm như vậy để trốn thoát trách nhiệm hình sự hay dân sự sẽ bị phạt từ 6 ngày đến 2 tháng và phạt tiền từ 400đ. đến 4.000đ. chưa kể những hình phạt về tội phạm đại hình hay tiểu hình có thể đi liền với tội trên.

Trong trường hợp mà còn phải áp dụng thêm những điều hình luật về những tội vô ý giết người hoặc vô ý đả thương những hình phạt về hai tội này phải tăng lên gấp đôi.

(TT Saigon 15-9-1961 PLTS 1962 I. 69)

### 967,— CÁI TỘI DANH. TỘI PHÁ RỐI TRỊ AN. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM. ÁN THIẾU LÝ DO.

Bị phàn vì thiếu lý do, án của Tòa dân sự cải tội danh tội phản nghịch của bị can bị truy tố ra tội phá rối trị an, căn cứ vào câu hỏi đặt ra về tội sau này là y có phạm tội ấy không, câu hỏi không nêu sự kiện, khiến Tòa Phá án không thể kiểm soát sau khi tha đi can về những sự việc đã bị truy tố như cấu thành tội phản nghịch những sự kiện nào khác đã được tòa xác nhận đối với y và những sự kiện này có cấu thành tội mới bị kết phạt với đủ yếu tố luật định hay không.

(PA 24-4-1963 PLTS 1964 I. 80)



968.— CÁI TỘI DANH. TỘI KINH TÀI BẤT HỢP PHÁP. NGUYÊN TẮC KHÔNG CÓ TỘI PHẠM NẾU KHÔNG CÓ LUẬT PHÁP MINH ĐỊNH. CÁI TỘI DANH. NGUYÊN TẮC PHỔ THÂM. HIỆU LỰC HỒI TỐ CỦA LUẬT LỆ THAY ĐỔI THÂM QUYỀN.

Tội phạm «kinh tài bất hợp pháp» đặt ra bởi sắc luật 28-2-64 và dành riêng cho sự xét xử của Tòa án Cách mạng, không còn là một tội phạm luật định nữa sau ngày tòa cách mạng đã hết nhiệm kỳ, Tòa Thượng thẩm không thể căn cứ vào một đạo luật đã thất hiệu để tuyên cáo vô thẩm quyền, mà phải xét xử về nội dung và tuyên bố tha bổng cho bị can theo nguyên tắc «không có hình phạt mà không được luật pháp minh định» nếu những sự kiện bị truy tố không còn bị dự phạt bởi một điều khoản nào của bộ luật hiện hành.

Theo nguyên tắc phổ thẩm của sự kháng cáo, cũng như theo nguyên tắc về sự cải tội danh, Tòa Thượng thẩm đại hình thụ lý về sự kiện, không bị ràng buộc bởi sự định danh tội phạm của phòng luận tội, và phúc lại nội vụ do sự kháng cáo phán quyết sơ thẩm, có nhiệm vụ thẩm xét toàn vụ cả về hình thức và nội dung mà không thể căn cứ vào tội danh tội phạm bị truy tố để tuyên cáo vô thẩm quyền. Nguyên tắc hồi tố của các luật lệ thay đổi thẩm quyền không áp dụng cho đương sự trong trường hợp dự phạt, một hình phạt nặng hơn luật cũ hoặc làm cho can nhân mất một cấp tài phán và quyền kháng cáo theo luật cũ.

(PA 27-7-1966 PLTS 1967 I. 48)

969.— CÁI TỘI DANH. PHÁ ÁN. TRỌNG TỘI. THÂM QUYỀN DUY NHẤT CỦA PHÒNG LUẬN TỘI ĐỀ THỤ LÝ TÒA ĐẠI HÌNH. ĐIỀU 193 H.S.T.T.

Điều 193-HSTT ấn định rằng: Nếu Tòa tiểu hình nhận xét nội vụ là tội đại hình thì chuyển giao bị can đến trước Dự thẩm nào có thẩm quyền.

Bị phá vì vi phạm điều luật kê trên và nguyên tắc qui định phòng luận tội là cơ quan thẩm cứu duy nhất có thẩm quyền thụ lý tòa đại hình, án của Tòa Thâm xử về việc kháng cáo tiểu hình, sau khi tuyên cáo vô thẩm quyền vì nội vụ là một vụ đại hình lại truyền đưa các bị can ra thẳng trước Tòa Sơ thâm Đại hình thay vì chuyển giao các y đến trước dự thâm có thẩm quyền để thâm cứu và thụ lý lại phòng luận tội phán định.

(PA 23-2-1966 PLTS 1967 II. 49)

970.— CƯỖNG ĐOẠT. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM. ÁN THIẾU LÝ DO VÀ CĂN BẢN PHÁP LÝ.

Theo điều 400-HLCC sự áp bức, dọa nạt hoặc bạo hành nạn nhân đã trao tiền hoặc tài vật là yếu tố cốt yếu của tội cưỡng đoạt.

Bị phá vì thiếu lý do và căn bản pháp lý, án của Tòa Thượng thâm để kết phạt về tội kê trên một bị can đã được tòa sơ thâm miễn nghị, đã không xác y đã dùng bạo hành, áp bức hay dọa nạt nào để buộc nạn nhân phải trao tiền cho y, trong khi yếu tố tội phạm nói trên cũng không được chứng tỏ qua những sự kiện được xác nhận.

(PA 31-7-1963 PLTS 1964 II. 84)

970.— CƯỖNG ĐOẠT. YẾU TỐ TỘI PHẠM. DỌA NẠT VÀ BẠO HÀNH. CƯỖNG BÁCH.

Theo điều 400 HLCC không những sự dọa nạt phanh phui đều có tính cách phỉ báng, mà chỉ một sự bạo hành hay cưỡng bách khiến người khác phải đưa tiền hay tài vật cho mình cưỡng đoạt cũng đủ cấu thành tội cưỡng đoạt.

Không vi phạm điều luật kê trên và thiếu lý do, án của tòa quân sự để kết phạt bị can đã nếu rõ y đã dọa nạt truy tố nạn nhân về tội bán vé số có đuôi để buộc phải nạp cho y 3.000đ., sự kiện dọa nạt này cấu thành sự ức bách phạm pháp của tội cưỡng đoạt nói trên.

(PA 28-10-1964 PLTS 1965 II. 71)

971.— CẦM ĐỒ BÌNH DÂN. VI PHẠM ĐIỀU 14 DỰ NGÀY 17-10-1955 CẦM CÁC TIỆM CẦM ĐỒ BÌNH DÂN MUA BÁN ĐỒ KIM KHÍ QUÍ GIÁ. ẢNH HƯỞNG CỦA SỰ CỘNG ĐỒNG TÀI SẢN VỀ SỰ PHẠM PHÁP CỦA CHỒNG HAY VỢ CỘNG ĐỒNG. ĐỒNG LỖA TRUY TỐ.

Sự vi phạm điều 14 Dự ngày 17-10-1955 cấm các quỹ Tín dụng Bình dân không được mua bán kim khí quý giá chỉ có thể can phạm chính bởi người có trách nhiệm quản lý quỹ này.

Sự cộng đồng tài sản giữa hai vợ chồng không ảnh hưởng về mặt hình đến sự phạm pháp của người vợ hay người chồng người nọ đối với người kia, trừ khi có sự đồng lõa.

Sự truy tố tội đồng lõa phải lệ thuộc vào sự xác nhận trước sự hiện hữu của sự kiện phạm pháp chánh, mặc dầu sự phạm pháp chánh này không hoặc chưa bị truy tố.

(PA 31-1-1-1962 PLTS 1964 III. 53)

972.— CHỨNG GIAN. TỘI HỐI CHỨNG. TÍNH CÁCH VÀ YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM THEO ĐIỀU 365 - HLCC.

Tội hối chứng dự liệu và trừng phạt bởi điều 365-HLCC không bị thay đổi bởi luật ngày 28-7-1949 không được ban hành tại Việt-Nam theo những hình phạt dự liệu cho tội làm chứng gian, chỉ là một hình thức đồng lõa chứng gian và chỉ có thể bị trừng phạt. Nếu sự kiện bị tố cáo như khai chứng gian có thể bị kết phạt với đủ yếu tố pháp lý.

Theo nguyên tắc sự khai chứng gian chỉ bị trừng phạt nếu có tính cách nhất định và không thể rút lại được nữa. Bị phá vì thiếu căn bản pháp lý phúc quyết của Tòa Thượng thẩm tuyên phạt bị can về tội hối chứng vì đã xúi biều trực tố gian, mặc dầu sự trực tố đã bị rút lại trước khi có án tuyên xử về nội dung và không có tính cách nhất định để có thể cấu thành tội khai chứng gian khả dĩ bị trừng phạt.

(PA 27-7-1966 PLTS 1967 I. 53)

973.— CÂU PHÁT HÌNH PHẠT. NGUYÊN TẮC HỖN NHẬP HÌNH PHẠT (VI PHẠM).

TRƯỜNG HỢP ÁN TRƯỚC LÀ MỘT ÁN TREO ĐÃ THÀNH NHỨT ĐỊNH. KHI PHÁT SINH SỰ PHẠM PHÁP TIẾP SAU.

Nguyên tắc hỗn nhập hình phạt dự liệu trong đoạn cuối điều 351. H.S.T.T. chỉ áp dụng cho sự câu phát trong trường hợp nhiều sự phạm pháp xảy ra mà chưa có sự nào đã bị kết phạt do một bản án đã thành nhứt định khi phát sinh những sự phạm pháp tiếp sau.

Bị phá và thủ tiêu vì vi phạm nguyên tắc kể trên và hiệu lực của điều 1 và 3 luật ngày 26-3-1891 về sự tuyên án một bản án của Tòa án quân sự Saigon truyền nhập án ngày 30-11-1959 của tòa án ấy kết phạt bị can 5 tháng tù ở về tội tái phạm đào ngũ với án ngày 2-2-1959 của Tòa Quân sự Nha Trang kết phạt 2 tháng tù treo đã thành nhứt định khi y tái phạm tội nói trên, và trong trường hợp này án trước phải được thi hành mà không thể được nhập với án tuyên sau.

(PA 31-8-1960 PLTS 1961 I. 23)

977.— CÂU PHÁT HÌNH PHẠT. NHẬP CHUNG HÌNH PHẠT. PHIẾN DIỆN TỘI DANH. TỘI XÚI GIỤC ĐÀO NGŨ VÀ TỘI PHẢN NGHỊCH.

Sự bỏ sót không truyền phán sự nhập chung hình phạt trong trường hợp bị can đã bị xử về tội xúi giục đào ngũ lại bị truy tố về tội phản nghịch, vì ở đây không có trường hợp phiến diện tội danh (oumul idéal d'infraction), tội phản nghịch bao quát hơn và gồm các yếu tố khác hơn là hành vi xúi giục đào ngũ đã được xử rồi.

(PA 24-4-1963 PLTS 1964 I. 86)

978.— CÂU PHÁT. ĐIỀU 62 VÀ 65-HLTV. NHẬP CHUNG HÌNH PHẠT. THIẾU SÓT SỰ TUYÊN PHÁN NHẬP CHUNG. TRƯỜNG HỢP PHÁ ÁN. KHÔNG.

Chiếu theo điều 62 và 65 HLTV trong trường hợp nhiều tội đều phát, hình phạt về tội phạm trước sẽ được khấu trừ khi thi hành hình phạt về tội sau.

Sự thiếu sót không truyền phán sự nhập chung hình phạt, không cấu thành trường hợp phá án, vì đương sự khi thi hành hình phạt về tội sau.

(*PA 30-9-1964 PLTS 1965 II. 62*)

979.— CÂU PHÁT HÌNH PHẠT. PHÁ ÁN. TỘI VI PHẠM QUAN THUẾ. CÂU PHÁT. NGUYÊN TẮC BẮT KIỂM NHIỆM HÌNH PHẠT.

Nguyên tắc bắt kiểm nhiệm hình phạt của luật hình phổ thông về sự câu phát không áp dụng trong trường hợp có luật lệ đặc biệt định khác.

Theo nguyên tắc trong trường hợp các vi phạm quan thuế câu phát với các vi phạm khác, dù là câu phát lý tưởng hay câu phát thực sự, nguyên tắc bắt khả kiểm nhiệm hình phạt cũng chỉ được áp dụng đối với hình phạt giam, mà không thi hành đối với những hình phạt ngân, được coi như có tính cách bồi thường dân sự hơn là trừng phạt hình sự.

(*PHÁ ÁN PLTS 1967 I. 45*)

980.— ĐÁNH BẠC. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM. BÀI TỒ TÔM.

Chiếu theo điều 410 HLCC các yếu tố cấu thành tội đánh bạc gồm có sự hiện hữu một sòng bạc chơi một thứ trò may rủi tại một nơi công chúng được tự do lui tới hoặc vào đánh theo sự giới thiệu của đồng bọn.

Bị phá và thủ tiêu án của tòa Thượng thẩm, để kết phạt bị can về tội đánh bạc theo điều 410 HLCC ghi trên, chỉ viện rằng y đã thú nhận có đánh bài tồ tom, mà không nêu lý lẽ để coi bài này là

một thứ chơi may rủi, cũng như nơi đánh bài là một sòng gá chứa mở cho công chúng được lui tới tự do hoặc với sự giới của đồng bọn tổ chức.

(PA 26-9-1960 PLTS 1961 II. 9)

980.— GÁ BẠC VÀ ĐÁNH BẠC. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM.  
BÀI MẠT CHƯỚC (BÀI CHIM). BIÊN BẢN VÔ HIỆU.

Chiếu theo điều 2 Sắc lệnh ngày 20-10-1924 sự khám phá nhà và bắt bạc tại một nơi không công nhiên mở cho công chúng chỉ có thể được thi hành do các vị sĩ quan tư pháp hình cảnh nếu có phúc trình của 2 nhân viên công lực hoặc sự tố cáo của người đánh bạc bị bóc lột nơi ấy, và sự vi phạm thủ tục này được dự liệu như một sự vô hiệu của tờ biên bản khám xét.

Về tội đánh bạc biên bản khám xét không phải là căn bản thiết yếu cho sự truy tố và kết phạt, nếu tòa án có thể căn cứ vào những bằng chứng khác ngoài biên bản vô hiệu, nhưng án tuyên phạt sẽ vô hiệu nếu để kết phạt đã căn cứ duy nhất hoặc chính yếu vào biên bản bị tùy tích nói trên.

Yếu tố của tội gá bạc và đánh bạc theo điều 410 HLCC gồm có sự hiện hữu một sòng bạc mở cho công chúng lui tới tự do hoặc với sự giới thiệu của đồng bọn, trong đó có tổ chức những trò chơi may rủi. Được coi như thiếu lý do và phải bị phá một bản án để tuyên phạt bị can về tội đánh bạc chỉ viện « theo án lệ tòa thượng thẩm, bài chim hay mạt chược thuộc loại bài bị cấm vì dựa theo một phần may rủi và các bị can nhìn nhận có chứa và tham dự sòng bài mà không chứng minh lý lẽ theo đó mạt chược là một bài chơi may rủi hơn là trí thức cũng như nơi đánh bạc có tính cách một sòng gá chứa theo nghĩa của điều 410 HLCC ghi trên.

(PA 26-9-1960 PLTS 1961 II. 11)

980.— CỜ BẠC. KHÁM NHÀ BẮT BẠC. VI PHẠM THỦ TỤC  
CỦA ĐIỀU. 2 SẮC LỆNH 20-10-1924. VÔ HIỆU CỦA BIÊN  
BẢN VÀ BẢN ÁN.

Chiếu theo điều 2 Sắc lệnh ngày 20-10-1924 các vị sĩ quan tư pháp hình cảnh chỉ có thể khám nhà bắt bạc, trong trường hợp nhà không phải là nơi công nhiên mở cho công chúng, nếu có phúc trình của 2 nhân viên công lực hoặc sự tố cáo của một con bạc bị bóc lột tại đó; thủ tục ghi trên được qui định để bảo vệ sự tự do của công dân và sự bất khả xâm phạm nơi cư trú của họ nếu không có lý do chính đáng, sự vi phạm được dự liệu như một sự vô hiệu của biên bản khám xét có hậu quả làm cho thành vô hiệu bản án được tuyên căn cứ vào biên bản ấy.

(PA 21-8-1960 PLTS 1961 I. 20)

981.— CỐ SÁT CỐ DỰ MƯU. ĐIỀU 283 HÌNH LUẬT TRUNG PHẦN. SỰ DỰ MƯU.

Sự dự mưu hay cố định ý trước là sự lập tâm để thi hành ý muốn trước khi hành động, để giết chết một người nhất định không cứ thời gian suy nghĩ dài hay ngắn.

Việc bị can vì tức giận nạn nhân đã cố ý giữ súng trong mình, đi uống rượu cho thêm hăng hái rồi nạp thêm đạn, đi tìm và bắn chết nạn nhân là một sự cố sát cố dự mưu, dự định trong điều 283 Hình Luật Trung Phần.

(TT HUẾ 22-12-1961 PLTS 1961 II. 1910)

982.— CÔNG TỔ VIỆN. QUYỀN CHÁNH TỔ CỦA CÔNG TỔ VIỆN : TRƯỜNG HỢP VÀ ĐIỀU KIỆN.

Theo điều 13 Nghị định ngày 16-3-1910, Công tổ viện có quyền đứng chánh tổ trong những trường hợp con cháu muốn kiện các bậc tôn thuộc.

Nhưng công tổ viện chỉ có thể đứng dân sự chánh tổ, nếu người tùy thuộc đã minh thị tỏ ý muốn kiện: tự ý, Công tổ viện không có quyền can thiệp vào công việc gia đình của tư nhân.

Sự can thiệp của Công tố viện lại chỉ có tính cách phụ thuộc theo điều 13 dẫn chiếu, chỉ khi nào người trường tọc từ chối, Công tố viện mới có thể đứng chánh tố.

(TT Saigon II-I-1962 PLTS 1963 II. 90)

983.— DÂN SỰ NGUYÊN CÁO CHÁNH TỐ. CÔNG TỐ VIỆN. DÂN SỰ NGUYÊN CÁO CHÁNH TỐ. LƯU THÔNG GỠ KHAI THÁC BẤT HỢP PHÁP VÀ THIẾU THUỐC LỆ TỐI THIỂU.

Do sự kháng tố của bị can, án khuyết tịch tuyên xử đối với y bị tiêu hủy và sự kháng tố có hiệu lực đem nội vụ trở lại trước tòa án y như tình trạng cũ.

Mối liên hệ giữa chủ nhân và người thụ phái là mối liên hệ pháp định không thể được coi như là một sự kiện đã xảy ra sau khi án vẫn khuyết tịch đã được tuyên.

Một khi công tố quyền đã được phát động do sự trực tố của dân sự nguyên cáo, công tố viện có toàn quyền truy tố tất cả những kẻ đã tham dự vào vụ phạm pháp ngay cả trong trường hợp trong đơn trực tố, dân sự nguyên cáo không có khiếu nại đối với những kẻ ấy.

(TT Saigon 27-6-1961 PLTS 1962 II. 102)

984.— CÔNG TỐ VIỆN. PHƯƠNG CHỨC. BỒI THƯỜNG DÂN SỰ. BẤT KHẢ CHẤP. KHÁNG CÁO CỦA C.T.V. VỀ MẶT HÌNH SỰ. PHẠM VI PHÁN ĐỊNH CỦA TÒA. KHÁNG CÁO CỦA CT.TV. VỀ MẶT HÌNH SỰ, CÓ SỰ GIỚI HẠN CỦA CÔNG TỐ VIỆN. HIỆU LỰC.

TỘI PHẠM. BẤT KHẢ CẦU PHÁT HÌNH PHẠT. NGUYÊN TẮC. ĐIỀU 365 H.S.T.T.

Án Tòa nội vụ nếu bỏ quên không ghi khoản bồi thường cho dân sự nguyên cáo, thì công tố viện không thể lấy đó làm phương chức thượng tố, vì chỉ liên hệ đến đương sự trên mà thôi.



Thụ lý vụ kháng cáo do công tố viện thi hành, tòa thượng thẩm có toàn quyền phúc lại toàn diện nội vụ về mặt hình, thay đổi hình phạt trong mức luật định, cho áp dụng hay không sự nhập chung hình phạt.

Trong trường hợp án văn sơ thẩm có nhiều khoản xử phạt, công tố viện cũng như các đương sự khác có thể hạn định sự kháng cáo về một trong các số yếu khoản kể trên.

Nếu đối với các đương sự khác, ngay trước tòa phúc thẩm, họ có thể kết luận đề xin giới hạn đối tượng tố cầu kháng cáo, thì riêng đối với công tố viện, phương cách duy nhất đề minh định phạm vi kháng cáo là chứng thư kháng cáo. Mọi kết luận trái lại của công tố viện, trước tòa, không thể cải sửa chứng thư kháng cáo kể trên (Điều này án văn chú thích không ghi nhưng tác giả đã đề ra).

Theo điều 365 H.S.T.T. trong trường hợp câu phát tội trạng, tội nhận chỉ phải chịu hình phạt nặng nhất. Nguyên tắc ngăn cấm sự câu phát hình phạt kể trên, phải được áp dụng cho mọi khinh tội và trọng tội, nếu không có bản văn nào minh thị quy định khác.

Điều 222 khoản 2 H.L.C.C. về tội nhục mạ thẩm phán trong khi thi hành phận sự, không hề phủ nhận nguyên tắc trên, thì hình phạt của tội trạng này không thể tính hợp với hình phạt của trọng tội hoặc khinh tội khác đã được đồng thời truy tố; trong trường hợp này, riêng hình phạt nặng nhất phải được tuyên phán.

Tuy nhiên, trong trường hợp can nhân phạm nhiều trọng tội và khinh tội và không cùng một lúc bị truy tố và xét xử, tòa thụ lý tội trạng sau, vẫn có thể không cho nhập chung hình mà khởi kiện dẫn lý do. Nhưng trong giả thuyết này, thì hình phạt tòa sau tuyên phán cộng với hình phạt tòa trước đây đã xử không hề vượt mức tối đa hình phạt nặng nhất.

(PÁ 30-3-1966 PLTS 1966 II. 80)

985.— CÔNG KHAI DÂM Ô. TÍNH CÁCH CÔNG KHAI. YẾU TỐ CẦN THIẾT CỦA TỘI PHẠM. ÁN THIỂU LÝ DO.

Tính cách công khai là một yếu tố cần thiết của tội « công khai dâm ô ».

Bị phá án vì khiếm khuyết lý do và không nêu đủ yếu tố của tội phạm án của tòa thượng thẩm tuyên phạt bị can về tội nói trên phạm tại nơi phòng của y mà không nêu rõ sự kiện cùng trường hợp nào đã khiến cho đệ tam nhân phải ngẫu nhiên chứng kiến những hành động của y, khiến hành động này xảy ra trong phòng riêng thành có tính cách công khai và phạm pháp, cũng như không kể rõ những hành động nào đã được tòa xác nhận là cấu thành sự dâm ô, khiến tòa phá án không thể kiểm soát Tòa xử về nội dung có suy luận hợp lý tội phạm của bị can với đủ yếu tố luật định hay không.

(PA 29-3-1961 PLTS 1962 II. 9)

986.— TỘI CÔNG KHAI DÂM Ô. YẾU TỐ CÔNG KHAI. SỰ VÔ LƯƠNG TRI VÀ Ý ĐỊNH PHẠM PHÁP.

Yếu tố « công khai » của tội công khai dâm ô cần phải minh thị nói rõ trong án văn và có thể được chứng tỏ qua những sự kiện được xác nhận là bị can đã dâm ô tại nơi qua lại có thể nom thấy bởi người đệ tam.

Sự vô lương tri được xác nhận không loại trừ ý định phạm pháp của bị can có thể bị xác nhận là phạm tội nhưng được miễn nghị là vị thành niên hành động không phân biệt được sự phải trái.

(PA 28-3-1962 PLTS 1963 II. 46)

987.— CHỐNG LẠI BẰNG CÁCH BẠO HÀNH SỰ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TÁC DO CHÍNH PHỦ CHO PHÉP. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM. TÍNH CÁCH HỢP LỆ CỦA VĂN KIỆN CHO PHÉP HAY SỰ TUYÊN BỐ CÔNG TÁC CÔNG ÍCH KHÔNG CẦN THIẾT.

Điều 438 HLCC ấn định sự trừng phạt chống lại bằng cách bạo hành sự thực hiện các công tác do chánh phủ cho phép có một tính cách bao quát áp dụng cho mọi hành động bạo hành đề ngăn

trở bất cứ một công tác kiến trúc nào đã do chánh phủ cho phép, miễn là bị can đã biết rõ tính cách hành chánh của công tác, y chỉ có thể xử dụng phương pháp tổ tụng hành chánh để kháng lại nếu coi sự cho phép của chánh phủ là không hợp lệ, hoặc đòi bồi tòn nếu bị thiệt hại, chớ không thể tự động dùng bạo hành để ngăn trở sự thực hiện công tác.

(PA 26-4-1961 PLTS 1961 IV. 22)

988.— DẪN CHỨNG. NGUYÊN TẮC VỀ TRÁCH VỤ DẪN CHỨNG TRƯỚC TÒA HÌNH. QUYỀN THẨM LƯỢNG GIÁ TRỊ BẰNG CHỨNG ĐỀ LẬP THẨM TÍN CỦA TÒA.

Theo nguyên tắc thông thường về trách vụ dẫn cầu chứng nguyên cáo có bốn phận dẫn chứng về những lời thỉnh trước tòa, tuy nhiên Tòa hình xử theo tâm tính không trong bị ràng buộc bởi những nguyên tắc dân sự về sự dẫn chứng việc thẩm lượng giá trị bằng chứng về sự kiện phạm pháp theo quyền chuyên quyết của tòa ấy.

(PA 26-9-1962 PLTS 1964 I. 96)

989.— DÂN SỰ NGUYÊN CÁO. THẨM QUYỀN TÒA HÌNH SỰ XÉT XỬ VỀ DÂN SỰ.

Tòa Hình sự đã xác nhận bị can có phạm tội bắt cần làm cháy nhà gây thiệt hại cho kẻ khác và phạt y về tội ấy thì phải xét đơn dân sự nguyên cáo xin bồi thường chớ không được bỏ thẩm quyền chỉ vì lẽ không đủ tài liệu đề ấn định số tiền bồi thường.

(PA 20-8-1958 LLTS 1959 I. 10)

990.— DÂN SỰ NGUYÊN CÁO. KHÁNG CÁO. ÁN LỆNH DỰ THẨM.

Điều 81 Dự ngày 18-10-1949 ấn định một cách tổng quát sự thiệt hại về dân sự như một điều kiện duy nhất cho sự chấp nhận

sự kháng cáo của dân sự nguyên cáo, đương sự có quyền kháng cáo án lệnh dự thẩm đưa bị can ra trước tòa tiểu hình, thay vì phải đưa ra trước tòa đại hình, sự bồi thường được ấn định không những theo sự thiệt hại thực tế gây nên mà cũng theo cả sự quan trọng của tội phạm gây nên sự thiệt hại.

Theo nguyên tắc dân sự nguyên cáo cũng có thể kháng cáo án lệnh dự thẩm trong trường hợp phủ nhận thẩm quyền của tòa được giao xét xử.

(PA 27-1-1965 PLTS 1966 III. 34)

### 991.— DÂN SỰ NGUYÊN CÁO. TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA ĐẢM NHIỆM HỘ TRÁCH. GIỚI HẠN.

Trách nhiệm dân sự của đảm nhiệm hộ trách chỉ giới hạn ở trong phạm vi trách nhiệm, án tòa thượng thẩm đã hữu lý và hợp pháp khi không phán, số bồi khoản được ấn định lại do sự kháng cáo của bị can không áp dụng cho người đảm nhiệm hộ trách mặc dầu y không kháng cáo, sự không kháng cáo này chỉ có ý nghĩa và hiệu lực là đương sự đã chấp nhận trách nhiệm dân sự bồi thường, còn số bồi khoản chỉ có thể là số bồi khoản mới định lại theo sự thiệt hại thực sự gây nên.

(PA 29-6-1966 PTLT 1967 III. 30)

### 992.— THÈ THỰC ĐỨNG DSNC TRƯỚC TÒA HÌNH. ÁN XỬ THIẾU SÓT. KHIẾM KHUYẾT LÝ DO.

Theo điều 66 Dự số 4 ngày 18-10-1949, người khiếu tố được coi là đứng dân sự nguyên cáo nếu khai rõ như thế trong đơn khiếu tố hoặc trong các giấy tờ về sau hoặc trong các đơn và giấy tờ ấy họ cầu đòi bồi thường, và theo điều 112-TKHTTTP án của phòng Trưng Trị Tòa Thượng thẩm phải nói đủ lý do và, hoặc do sự chủ xin, hoặc tự ý quan tòa mà xử bồi thường.

Bị phá vì vi phạm các điều luật ghi trên, án của Tòa Thượng thẩm Trung phần bỏ qua không phán định về thỉnh cầu bồi thường của một nạn nhân được ghi trong đơn gửi nơi biện lý cuộc và Viện Chương Lý trước phiên xử nội vụ tại các Tòa Sơ thẩm và Thượng thẩm liên hệ nạn nhân này có tư cách dân sự nguyên cáo theo luật định.

(PA 27-2-1963 PLTS 1965 II. 39)

993.— DÂN SỰ NGUYÊN CÁO. TƯ CÁCH ĐỀ ĐỨNG DÂN SỰ NGUYÊN CÁO. ĐƠN XIN CAN THIỆP TRƯỚC TÒA THƯỢNG THẨM. ÁN MẬU THUẬN VÌ THIẾU CĂN BẢN PHÁP ĐỊNH.

Nếu bị can không bị truy tố về tội bội tín đối với y, thì một đương sự không có tư cách đề đứng dân sự nguyên cáo trong vụ kiện.

Dù không tham dự vào vụ kiện hình trước tòa sơ thẩm một đương sự đã nộp tang vật nơi tòa này vẫn có thể xin can thiệp vào nội vụ trước tòa thượng thẩm đề thỉnh cầu được quyền trao trả vật ký nạp.

Bị phá và thủ tiêu vì mâu thuẫn và thiếu căn bản pháp định, án của tòa Thượng thẩm đã kết phạt bị can về tội bội tín đã căn cứ vào một bút lục trong đó chỉ có lời khai nhận của một đồng phạm của y, riêng về phần người ấy và không liên quan gì đến hành động của bị can, là đã mượn đồ nữ trang để đi ăn tiệc rồi đem bán kiếm tiền trả nợ mà không trả lại cho chủ sở hữu.

PA 31-8-1960 PLTS 1961 I. 15)

994.— DÂN SỰ NGUYÊN CÁO. TƯ CÁCH ĐỐI VỚI CON TƯ SINH.

Dân sự nguyên cáo xuất trình được giấy thế vì khai sanh cho con tư sanh của y thị với nạn nhân : với tư cách là thủ hộ tự nhiên của đứa con chung này, y thị có tư cách đứng dân sự nguyên cáo.

Bị can đã bán chết nạn nhân tại lô cao su mà y có nhiệm vụ gác lửa, việc y nhìn thấy một cặp mắt tưởng là mắt nai, rồi bán chết người chỉ là một trường hợp lạm dụng nhiệm vụ, và trong trường hợp ấy theo học thuyết và án lệ vững chắc, chủ nhân của bị can phải chịu trách nhiệm về họ chiếu theo điều 1384 đoạn 3 Bộ Dân Luật.

(TT Saigon 18-8-1961 PLTS 1962 I. 58)

995.— DÂN SỰ NGUYÊN CÁO. THƯƠNG TỔ CỦA DÂN SỰ NGUYÊN CÁO CHỐNG ÁN MIỄN TỔ BỊ CAN CỦA PHÒNG LUẬN TỘI. ÁN XÉT XỬ THIỂU SÓT VỀ SỰ KIẾN KHIẾU TỔ.

Chiếu điều 30 Dự ngày 18-10-1949 trong trường hợp Công tố viện không thương tổ, dân sự nguyên cáo có thể xin phá án miễn tố của phòng luận tội về khoản thẩm quyền hoặc khi bản án bỏ quyền không xét xử về một khoản khiếu tố nào đó.

Bị phá và tiêu hủy vì xét xử thiếu sót về các khoản khiếu tố một bản án của phòng Luận tội truyền miễn tố bị can về tội cố ý đã thương vì y chỉ tức giận xô đẩy dân sự nguyên cáo chứ không có đánh mà không xét sự xô đẩy được xác nhận nếu không cấu thành tội bị truy tố có thể tạo thành tội khác như tội hành hung tầm thường dự phạt bởi điều 418-HLTV hay không.

(PA 29-3-1961 PLTS 1962 I. 35)

996.— DÂN TỐ QUYỀN. TỔ QUYỀN DÂN SỰ PHỤ THUỘC CÔNG TỐ QUYỀN. ĐIỀU KIỆN XỬ DỤNG.

Theo nguyên tắc của điều 3—HSTT tố quyền dân sự có thể được xử dụng đồng thời và phụ thuộc với công tố quyền trước tòa Hình để buộc bị can phải bồi thường sự thiệt hại gây nên bởi hành động phạm pháp của y, nhưng với điều kiện là thiệt hại bắt nguồn trực tiếp trong tội phạm bị kết phạt.

Vi phạm nguyên tắc và điều luật ghi trên một bản án sau khi tuyên phạt bị can về tội vi cảnh thả rong súc vật. đã chấp nhận tố

quyền dân sự buộc y phải bồi thường thiệt hại cho dân sự nguyên cáo có con em bị sức vật thả rong cắn phải, vì sự thiệt hại gây nên không phải là hậu quả trực tiếp của tội phạm được xác nhận, như sẽ là trường hợp nếu bị can bị truy tố và kết phạt về tội vô ý gây thương tích.

(PA 27-9-1961 PLTS 1962 III. 5)

997.— DẦU HỎA. HÀNG HÓA CÓ TÍNH CÁCH ÍCH LỢI QUÂN SỰ. CHẾ ĐỘ KIỂM SOÁT. NGHỊ ĐỊNH SỐ 57-CabISG NGÀY 26-1-1952 NGHỊ ĐỊNH SỐ 1234-BNV HCINĐ NGÀY 10-9-1952.

Chế độ kiểm soát hàng hóa có tính cách ích lợi quân sự thiết lập do nghị định số 57-CabISG ngày 26-1-1952, có hiệu lực 1 năm và tái tục cho đến khi trật tự và an ninh được văn hồi, vẫn còn hiệu lực vì chưa minh thị bãi bỏ, lại được duy trì do nghị định số 1234-BNV HCINĐ ngày 10-9-1960.

Dầu hỏa thuộc loại hàng hóa có tính cách ích lợi quân sự chiếu theo hai bản văn vừa ;

Việc chuyên chở dầu hỏa từ Saigon về một vùng của tỉnh lỵ Gia Định không được miễn kiểm soát vại điều 4 khoản 6 nghị định ngày 26-1-1952 không thể áp dụng cho trường hợp ấy.

(TT Saigon 30-1-1952 PLTS 1963 II. 101)

998.— DU ĐĂNG. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM THEO ĐIỀU 270-HLCC. ÁN THIỂU LÝ DO VÀ CĂN BẢN PHÁP LÝ.

Chiếu điều 270-HLCC hai yếu tố cần thiết của tội du đăng là bị can phải vô nghề nghiệp và không kế sinh nhai.

Bị phá vì thiếu căn bản pháp lý một bản án đề tuyên phạt bị can về tội nói trên chỉ viện lẽ y vô nghề nghiệp, mà không đồng thời xác nhận là bị can cũng vô kế sinh nhai.

(PA 28-6-1961 PLTS 1962 II. 12)

**DU ĐĂNG. VI LUẬT ÁP DỤNG SAI HÌNH PHẠT. TRƯỜNG HỢP THỦ TIÊU VÀ PHÁ ÁN.**

Điều 271 HLCC chỉ dự phạt tội du đăng từ 3 đến 6 tháng tù, bị phá và thủ tiêu vì áp dụng sai hình phạt, một phúc quyết của Tòa Thượng thẩm tăng hình phạt của bị can chỉ bị can xác nhận là có phạm tội nói trên, từ 6 tháng do Tòa Sơ thẩm đã tuyên án lên 5 năm tù ở, trên mức tối đa theo luật định.

Sự vi phạm luật lệ ấn định hình phạt về mặt hình có tính cách trật tự công cộng phải được do Tòa Phúc án hay Phá án tự động nêu lên.

(PA 30-II-1960 PLTS 1961 II. 41)

**999.— DỰ ĐỒ VỊ THÀNH NIÊN VÀO ĐƯỜNG DÂM Ô. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM CHIẾU ĐIỀU 334 HLCC.**

Một yếu tố của tội dự đồ vị thành niên vào đường dâm ô chiếu điều 334 SI-HLCC là mục đích của bị can để làm thỏa mãn dục vọng của kẻ khác, và nếu để thỏa mãn chính dục vọng của mình thì phải là bị can đã dâm ô với một vị thành niên đồng giống với y (même sexe).

Vi luật vi áp dụng sai lầm điều luật ghi trên án của Tòa Thượng thẩm đã tuyên phạt về tội kẻ trên, một nam bị can đã dâm ô với một gái vị thành niên để thỏa mãn dục vọng của chính y, vì trong trường hợp này yếu tố « đồng giống » theo luật định không được hội đủ.

(PA 27-9-1961 PLTS 1962 III. 6)

**1000.— DỰ THẨM. KHÁNG CÁO ÁN LỆNH DỰ THẨM. TÍNH CÁCH PHÁP LÝ CỦA ÁN LỆNH DI LÝ CỦA DỰ THẨM.**

Án lệnh di lý vì sự tiện lợi của sự điều hành công lý của Dự thẩm chỉ là một hành vi quản trị tư pháp, mà không phải là một hành vi tài phán có uy lực quyết tụng; nên không thể bị kháng cáo được.



Bị can không có ở trường hợp luật định đề kháng cáo án lệnh, Dự thẩm cũng bất khả chuẩn chấp đề thượng tố phúc quyết của Phòng Luận tội bác bỏ sự kháng cáo của y chống án lệnh nói trên.

(PA 9-5-1962 PLTS 1964 III. 67)

1001.— DỰ THẨM, ÁN LỆNH TỪ KHƯỚC MỞ CUỘC THẨM VẤN CỦA DỰ THẨM. ĐIỀU KIỆN KHÁNG CÁO. TỘI VỤ KHỔNG. YÊU TỐ CỦA TỘI PHẠM.

Trái với án lệnh miễn tố bị can, án lệnh của dự thẩm từ khước mở cuộc thẩm vấn có thể bị kháng cáo do dân sự nguyên cáo trong mọi trường hợp.

Dự thẩm không bó buộc phải mở cuộc thẩm vấn nếu sự kiện khiếu tố không cấu thành một khinh tội hoặc trọng tội theo luật hình.

Một yếu tố cần thiết của tội vụ khống chiếu điều 373-HLCC là bị can phải đã tự ý tố cáo sự việc thật thiết, không đủ yếu tố để coi như phạm tội nói trên, một công chức chỉ phúc trình về dân sự nguyên cáo khi được ủy nhiệm đề điều tra về người này, mặc dầu có sự thật thiết trong phúc trình,

(PA 30-5-1962 PLGS 1963 III. 43)

1002.— DỰ THẨM. TẠM THA. QUYỀN ĐỊNH ĐOẠT CỦA TÒA THẨM CỨU. ĐƠN XIN DO LUẬT SƯ KÝ. HIỆU LỰC.

Sự tạm tha trong giai đoạn thẩm cứu thuộc quyền thẩm lượng của các Tòa Thẩm cứu thẩm xét về sự việc, sự chuẩn y án lệnh dự thẩm cho bị can tại ngoại bởi phòng luận tội không thuộc quyền kiểm soát về pháp lý của Tòa Phá án.

Không có một điều luật nào buộc đơn xin tạm tha phải do bị can mà không vi luật.

Đàng khác, Dự thẩm có toàn quyền thẩm lượng về sự tạm tha có thể tự mình tạm tha bị can ngoài sự thỉnh cầu của y, sự việc vi phạm này đã chấp nhận đơn xin tại ngoại, mặc dầu không có chữ ký của đương sự mà chỉ có chữ ký của luật sư, cũng không cấu thành một sự vi phạm luật hoặc lạm quyền làm duyên cớ cho sự phá án.

(PA 27-11-1963 PLTS 1965 I. 61)

1003.— DỰ THẨM. UY LỰC QUYẾT TỤNG CỦA ÁN LỆNH ĐƯA RA TÒA.

Theo nguyên tắc mọi sự vi phạm thủ tục thẩm cứu phải được nêu lên trước các Tòa thẩm cứu, bị can không nại sự vi phạm trước Phòng Dự thẩm cũng như trước phòng luật tội sự vô hiệu nếu có cũng đã được bao yểm bởi uy lực tài phán của án lệnh hoặc phúc quyết đưa y ra trước các tòa xét xử.

(PA 26-9-1962 PLTS 1965 III. 42)

DỰ THẨM. UY LỰC QUYẾT TỤNG.

Những sự vi phạm thủ tục thẩm cứu phải được nêu lên ngay trước các Tòa thẩm cứu, nếu không sự vi phạm hoặc vô hiệu nếu có, có thể được bao yểm do sự im lặng của đương sự hoặc bởi uy lực tài phán của án lệnh hay phán quyết đưa bị can ra trước các Tòa xét xử.

(PA 26-9-1962 PLTS 1963 III. 50)

1004.— DỰ THẨM. VI PHẠM THỦ TỤC THẨM CỨU DO PHÒNG DỰ THẨM. PHƯƠNG CHỨC THƯỢNG TỐ. SỰ ĐẶT CÂU HỎI VỀ TỘI TRẠNG CỦA BỊ CÁO TRƯỚC TÒA ĐẠI HÌNH QUỐC GIA.

Mọi sự vi phạm thủ tục thẩm cứu phải được nêu lên trước Tòa xử về nội dung và không thể nại ra lần đầu tiên trước Tòa Phán án vì sẽ phương cách mới trước Tòa này và vì sự vi phạm nếu có cũng đã được bao yểm bởi uy lực tài phán của án lệnh dự thẩm hoặc phán quyết của Phòng Luận tội đưa bị can ra xét xử trước Tòa Hình.

Điều 88 Dự số 4 ngày 18-10-49 tổ chức tư pháp quốc gia ấn định rằng thủ tục kháng cáo đại hình cũng là cùng một thủ tục cho sự kháng cáo tiểu hình và điều 102 dự trên chỉ dự liệu trước Tòa đại hình các vị thẩm phán và phụ thẩm phán và phụ thẩm nhân dân cùng nhau quyết định về tội phạm và hình phạt theo đa số; mà không nói rõ là các vị ấy phải biểu quyết về các câu hỏi về tội trạng, như vậy sự đặt câu hỏi về tội trạng không bị bắt buộc theo luật pháp trước các Tòa Đại hình quốc gia, các câu hỏi chỉ là một phương cách để xác nhận tội trạng bỏ tức cho lý do của bản án để kết phạt hoặc tha bổng bị can, và sự khiếm khuyết trong sự đặt câu hỏi cũng như thiếu sót không đọc câu hỏi trước tòa không cấu thành một sự vi phạm thủ tục khiến cho án văn thành vô hiệu, miễn là trong nội dung bản án đã viện dẫn đủ lý do hợp pháp để chứng minh quyết định của tòa.

(PA 28-2-1962 PLTS 1963 III. 33)

1005.— ĐẠI HÌNH. THẨM QUYỀN TOÀN THẨM. PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN. ÁN LỆNH CỦA PHÒNG LUẬN TỘI ĐƯA VỤ KIỆN RA TRƯỚC TÒA ĐẠI HÌNH. THẨM QUYỀN CỦA TÒA NÀY.

Theo điều 323I S 2 HSTT, trong mọi trường hợp, tòa đại hình phải xử về tất cả các tội trạng của bị can đưa ra trước tòa ấy.

Án lệnh của phòng Luận tội có tánh cách phó dữ thẩm quyền đối với tòa đại hình, khiến tòa này không thể tuyên cáo vô thẩm quyền vì lẽ bị can theo tư cách riêng, phải thuộc một tòa án đặc biệt, hay vì thẩm quyền đối xử (compétence ration loci) phải thuộc thẩm quyền một tòa đại hình khác.

Theo điều 416 HSTT, án lệnh của phòng luận tội chỉ có thể bị thượng tố vì vi phạm qui tắc về thẩm quyền, hoặc otheo điều 299 HSTT nếu tội trạng theo luật chỉ là một khinh tội; nếu không bị

thượng tố án lệnh thành nhứt định và có tín lực quyết tưng, do đó thẩm quyền của tòa Đại hình đã được chỉ định không thể thay đổi được.

(PA 29.7-1959 PLTS 1959 III. 16)

1006.— ĐẠI HÌNH. PHÁN ĐỊNH THẨM QUYỀN. HIỆU LỰC PHÓ DỮ THẨM QUYỀN CỦA ÁN PHÒNG LUẬN TỘI ĐƯA BỊ CÁO RA TRƯỚC TÒA ĐẠI HÌNH. THẨM QUYỀN CỦA TÒA ĐẠI HÌNH THƯỜNG SỰ ĐỀ XÉT XỬ TỘI LỪNG ĐOẠN VÀ PHÁ HOẠI KINH TẾ QUỐC GIA.

Chiếu điều 231 S 2 HSTT trong mọi trường hợp Tòa Đại hình phải phán xử tất cả các tội trạng của bị can bị đưa ra trước tòa ấy, như thế án của phòng luận tội đưa bị can ra tòa có tính cách phó dữ thẩm quyền đối với tòa đại hình và tòa này không thể tuyên cáo vô thẩm quyền vì lẽ bị can theo tư cách riêng phải thuộc của tòa án đặc biệt hay vì thẩm quyền đối xử phải thuộc thẩm quyền một tòa Đại hình khác.

Điều 11 S 3 luật ngày 6-5-59 cho Thẩm quyền Tòa án Quân sự Đặc biệt xét xử các tội lũng đoạn và phá hoại nền kinh tế và tài chánh Quốc gia dự phạt bởi Dự ngày 3-10-1955 xem có nghĩa dành quyền xét xử những tội nói trên cho Tòa này khi xét là nên hoặc cần thiết mà không rút bỏ thẩm quyền của các Tòa Đại Hình thường sự về những tội ấy trong những trường hợp các Tòa này đã được thụ lý hợp lệ trước.

(PA 25-10-1961 PLTS 1962 III. 21)

1007.— ĐẠI HÌNH. THÈ THỨC RÚT THẨM PHỤ THẨM. BỊ CÁO VẮNG MẶT. QUYỀN CÁO TRI.

Điều 97 Dự ngày 18-10-1949 ấn định sự rút thẩm các phụ thẩm tại phòng Hội đồng không dự liệu sự vô hiệu của thủ tục này

đối với bị cáo không có mặt tại buổi rút thăm, đương sự vẫn có quyền các tị phụ thẩm nơi phiên xử và như thế không có sự xúc phạm đến quyền lợi của bên bị cáo.

Bị cáo không được hỏi về việc xử dụng quyền cáo trị trước phiên tòa mà không phản đối và đòi xử dụng quyền này, phải coi là đã mặc nhiên chấp nhận những phụ thẩm nhân dân được chỉ định để tham dự vào việc xét xử y và từ khước quyền nói trên, do đó không có sự xúc phạm quyền lợi của bên bị cáo cấu thành một sự vô hiệu thủ tục.

(PA 25-4-1962 PLTS 1963 III. 40)

1008.— THÂN TRẠNG. TÒA ÁN CÓ THẨM QUYỀN XÉT XỬ NHỮNG VẤN ĐỀ THUỘC VỀ THÂN TRẠNG. TÍN LỰC VIỆC ĐÃ XỬ RỒI CỦA TÒA HÌNH ĐỐI VỚI TÒA HỘ.

Vấn đề chứng minh hộ tịch là một vấn đề thuộc về thân trạng. Theo nguyên tắc, vấn đề thân trạng chỉ thuộc thẩm quyền tòa án dân sự. Tuy nhiên án lệ cũng công nhận cho Tòa Đại hình (chỉ riêng cho Tòa Đại hình mà thôi) được quyền xét đoán những vấn đề thân trạng ngẫu nhiên phát khởi trong cuộc tranh biện trước Tòa đại hình với mục đích đề thủ tục tranh tụng trước Tòa này sớm kết liễu.

Theo nguyên tắc phán quyết của tòa hình có uy lực việc đã xử rồi chỉ ràng buộc Tòa hộ trên phương diện tội trạng, tội danh của bị cáo. Tòa Hộ vẫn có thẩm quyền xét xử về các quyền lợi dân sự. miễn là phán quyết của Tòa Hộ không mâu thuẫn với phán quyết của Tòa Hình trên phương diện hình sự.

(HGRQ CHÂU ĐỐC 5-3-1958 PLTS 1971 III. 115)

1009.— ĐẠI HÌNH. XỬ ĐỐI TỊCH VỚI MỘT BỊ CAN VẮNG MẶT.

Bị can được trái đòi đích thân gởi đến mà không hầu tòa và cũng không bày tỏ được lý do gì chánh đáng về sự khiếm diện đó, có thể bị xử đối tịch chiếu theo điều 149 Hình sự tố tụng.

(PA 21-12-1955 PLTS 1956 II. 14)

1010.— ĐẠI HÌNH. TRƯỜNG HỢP GIẢM KHINH. MỨC GIẢM HÌNH PHẠT.

Chiếu theo các điều 462-463 S 1 đến S 8 HLCC nếu hình phạt luật định là hình phạt đại hình và nếu bị can được xác nhận ở trong tình trạng giảm khinh, các Tòa án bó buộc phải giảm hình phạt xuống một cấp, và có thể hạ xuống thêm một cấp nữa, và điều 462 s 8 lại dự liệu nếu hình phạt luật định là tối đa, Tòa sẽ áp dụng hình phạt tối thiểu hoặc hình phạt cấp bậc dưới.

Điều 332 S 2 HLCC dự phạt tội hiếp dâm vị thành niên dưới 15 tuổi theo hình khổ sai hữu hạn tối đa, bị phá và tiêu hủy vì vi phạm các điều luật ghi trên một bản án của tòa Quân sự tuyên phạt bị can phạm tội hiếp dâm gái dưới 15 tuổi 8 năm khổ sai, mặc dầu đã xác nhận y được hưởng tình trạng giảm khinh và trong trường hợp này hình Phạt áp dụng bó buộc phải là hình phạt khổ sai có kỳ tối thiểu tức 5 năm, và có thể là hình phạt cấp dưới tức là hình phạt cấm cố tùy ý tòa xét xử.

(PA 25-10-1961 PLTS 1962 III. 9)

1011.— ĐẠI HÌNH. VIỆN DẪN LÝ DO. LÝ DO THIẾU SÓT.

Chiếu điều 88 Dự ngày 18-10-1949 tờ chức tư pháp Việt nam, thời hạn và thủ tục kháng cáo về đại hình cũng là thủ tục và thời hạn ấn định cho việc tiêu hình, như thế án văn của tòa Đại hình cũng phải viện dẫn lý do như các án văn tiêu hình, và biên bản thẩm nghị chỉ có thể bỏ tức cho các lý do của bản án, mà không thể thay thế hẳn các lý do ấy, nếu không xác nhận đầy đủ các sự kiện cấu thành tội phạm bị truy tố.

Bị phá và tiêu hủy vì khiếm khuyết lý do, một bản án của tòa thượng thẩm đại hình, đề xử phạt bị can đã được tòa sơ thẩm tha bổng về tội hiếp dâm, không viện lý lẽ nào khác là theo bút lục hồ sơ, cuộc tranh luận trước tòa và biên bản thẩm nghị cũng không

nêu một sự kiện bằng chứng nào chứng minh bị can đã giao cấu với nạn nhân ngoài sự thỏa thuận của thị và nhờ sự bạo động, là những yếu tố cần thiết của tội bị kết phạt.

(PA 29-8-1962 PLTS 1963 I. 67)

1012.— ĐẠI HÌNH. THÀNH PHẦN CỦA TÒA ĐẠI HÌNH ĐỀ XỬ VỀ QUYỀN LỢI DÂN SỰ. VÔ HIỆU CỦA BẢN ÁN VỀ PHẦN DÂN SỰ TUYÊN XỬ VỚI SỰ THAM DỰ CỦA CÁC VỊ PHỤ THẨM NHÂN DÂN.

Chiếu theo điều 102 khoản 3 Dự số 4 ngày 18-10-1949 tổ chức Tư pháp Việt Nam, về những khoản đòi bồi thường, chỉ các thẩm phán mới có quyền quyết định thôi, các phụ thẩm nhân dân không được tham dự vào công việc này.

Bị phá về phần quyền lợi dân sự vì vi phạm điều khoản ghi trên về thành phần Tòa xét xử có tính cách trật tự công cộng một bản án của Tòa Thượng thẩm Đại hình tuyên xử về các khoản đòi bồi thường của dân sự nguyên cáo với sự tham dự của tất cả các phụ thẩm nhân dân.

(PA 26-3-1961 PLTS 1962 IV. 15)

1013.— ĐẠI HÌNH. THẨM QUYỀN XÉT XỬ KHINH TỘI.

Trong trường hợp có sự liên hệ mật thiết giữa hai tội phạm, một khinh tội và một trọng tội, Tòa Đại hình có thẩm quyền đề xét xử cả về hai tội bị truy tố, nhưng chỉ có thể thụ lý hợp pháp do phán quyết giao người bị tố ra xét xử của Phòng Luận tội.

(PT27-1-1965 PLTS 1966 II. 64)

1014.— ĐẠI XÁ. ĐIỀU 4 SẮC LUẬT 29-1-1964. ĐẠI XÁ THEO HÌNH PHẠT. ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG.

Điều 4 Sắc luật ngày 29-1-1964 ấn định sự đại xá cho tất cả các trọng tội và khinh tội khạm và bị xử phạt không quá 3 năm tù và 10.000đ. vạ trước ngày 1-1-1963 đòi hỏi hai điều kiện là cả hai hình phạt giam và tiền bị tuyên xử điều không quá mức ấn định như trên.

Bị can bị kết phạt giam không quá 3 năm, nhưng còn bị phạt bạc quá mức 10.000đ.00 ấn định về dùng một tội phạm thiếu một điều kiện để được hưởng sự đại xá theo điều luật kể trên và không thể cho y được đại xá riêng về khoản phạt giam.

(PA 28-10-1964 PLTS 1965 II. 76)

#### 1015.— ĐẠI XÁ. QUYỀN LỢI DÂN SỰ. ÁN THIẾU LÝ DO.

Sự đại xá không ảnh hưởng đến quyền lợi dân sự, Tòa xét xử tuy tuyên bố quyền công tố tiêu diệt, công vẫn phải xét xử về lỗi phạm để phán định về sự bồi thường cho dân sự nguyên cáo.

Thiếu lý do án của tòa thượng thẩm tuyên phạt và dạy bồi thường thiệt hại về tội ngộ thương vì không tôn trọng luật lệ giao thông, mà không nêu rõ sự vi phạm luật này về điểm nào cũng như không ấn định tỷ lệ trách nhiệm trong tai nạn ảnh hưởng đến số bồi khoản, mặc dầu đã nhìn nhận nạn nhân có một phần lỗi phạm.

(PA 25-11-1964 PLTS 1966 I. 92)

#### 1016.— ĐẠI XÁ. ÁN XÁ. HIỆU LỰC. TIÊU DIỆT TỔ QUYỀN.

Theo qui lệ hình sự tố tụng, nếu luật đại xá được công bố trước khi có án xử nhất định, công tố quyền sẽ tiêu diệt đối với tội trạng được ân xá: việc truy tố nếu chưa phát khởi thì được đình chỉ, Dự thẩm hay phòng Luận tội, tòa sơ thẩm cũng như tòa kháng cáo đều phải tuyên bố miễn nghị vì luật đại xá có hiệu lực tức khắc và sự kháng cáo bất khả chấp nhận ngay khi đạo luật được công bố.

(PA 27-1-1965 PLST 1966 II. 61)

#### 1017.— ĐIỀU ĐỊNH. VI PHẠM CHẾ ĐỘ VẬT GIÁ. HIỆU LỰC ĐỐI VỚI QUAN THUẾ. VẬT GIÁ. HỐI ĐOẢI. HÀNH NGHỀ DƯỠC SĨ TRÁI PHÉP.

Theo điều 42 Dự số 55 ngày 2-10-1956 về chế độ vật giá sự ưng thuận điều đình tiền kết liễu nội vụ, nhưng đương sự sẽ bị coi như



vi phạm lần đầu tiên đề tính khi có tái phạm. Bị phá vì vi phạm điều luật kể trên án của tòa thượng thẩm xử phạt bị can về tội bán được phẩm quá giá chánh thức xảy ra tại được phòng của y mặc dầu nội vụ đã được điều xử phạt tiền và phải coi là kết liễu.

Sự kiện một nhân viên nhà thuốc tự mua lẻ các loại thuốc để bán lại không có hóa đơn kiểm lời riêng cho y cấu thành tội hành nghề được sĩ trái phép.

Có 3 lãnh vực quan thuế, hối đoái và vật giá mà luật lệ qui định rằng sự điều xử làm chò công tố quyền tiêu diệt và sự vi phạm coi như đã giải quyết xong, Riêng về chế độ vật giá Dự số 55 ngày 2-10-1956 có qui định rằng nhà hữu quyền sau khi nhận định tình trạng và xét đoán lời thay đơn biện hộ của bị can :

1.— Hoặc giải nội vụ qua Biện Lý Cuộc.

2.— Hoặc cho điều đình phạt tiền.

Khi được điều đình phạt tiền thì tình trạng nội vụ đã kết liễu, nhưng đương sự sẽ bị coi như đã vi phạm lần đầu tiên đề tính khi có tái phạm.

(PA 29-1-1964 PLTS 1965 II. 93)

## 1018.— ĐỒNG LỖA. ÁP DỤNG HÌNH PHẠT. TỘI ĐỒNG LỖA VÀ TỘI OA TRỮ. HAI TỘI RIÊNG BIỆT.

Điều 59 - HLCC ấn định « một trọng tội hay khinh tội sẽ bị phạt cùng 1 hình phạt như chánh phạm » chỉ có nghĩa là hình phạt luật định dự liệu cho chánh phạm một tội phạm được áp dụng cho kẻ đồng lõa tội phạm ấy, chứ không có nghĩa là các Tòa án đã tuyên một hình phạt đồng nhứt đối với thủ phạm và người đồng lõa. Các Tòa có quyền kết phạt mỗi bị can, không phân biệt chánh phạm hay đồng phạm, theo một hình phạt nặng hay nhẹ khác nhau tùy theo

trường hợp, trong giới hạn những mức tối đa và tối thiểu dự định miễn là hình phạt được tuyên là hình phạt luật định cho tội phạm bị truy tố và được xác nhận.

Điều 460-461 HLCC thiết lập tội oa trử thành một tội riêng biệt dự phạt từ một năm đến 5 năm tù, sự việ các điều 59-60 HLCC về tội đồng lõa trong án văn tuyên phạt bị can về tội oa trử chỉ là thừa và không ảnh hưởng đến sự ấn định hình phạt nên cấu thành trường hợp phá án.

(PA 29-5-1953 PLTS 1963 IV. 65)

1019.— GIẢ MẠO CÔNG VĂN. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM. VIỆN DẪN SAI LẦM CÁC ĐIỀU LUẬT ÁP DỤNG. HÌNH PHẠT XÁC ĐẮNG.

Chiếu theo điều 170 HLTV thì không những chỉ biến cải quan văn thư, giả mạo tên ký và tự dạng, thêm bớt vào giấy nói trên, mà đem việc giả mạo ra làm việc thực cũng là giả mạo, sự kiện này cấu thành sự giả mạo không phải về thực thể mà về tinh lý (faux intellectuel). Hợp pháp một bản án của Tòa quân sự kết phạt bị can về tội giả mạo vì y đã làm lệnh di chuyển cho bà con y đi máy bay quân sự vào Sài-gòn, ghi người này là em một Trung Úy, mà không đúng sự thật.

Sự việ dẫn sai lầm các điều luật áp dụng và ấn định lầm lộn tội danh không làm cho án thành vô hiệu theo nguyên tắc «hình phạt xác đắng» nếu hình phạt đã tuyên nhẹ hơn hay ở trong mức hình phạt dự liệu trong những điều luật phải việ dẫn hoặc nếu hình dự phạt cũng là một trong những điều luật nói trên.

(PA 19-6-1960 PLTS 1960 III. 25)

3020.— GIẢ MẠO. CÔNG CHỨC LÀM HOẶC DỪNG VĂN TỰ CÔNG GIẢ MẠO. SỰ THIỆT HẠI GÂY NÊN, YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM. TỘI BIỀN THỤ TIỀN CÔNG DO CÔNG CHỨC. TIỀN THẦU NHẬN HAY GÌN GIỮ VÌ CHỨC VỤ : YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM.

Điều 145-HLCC ấn định hình phạt cho công chức làm hoặc dùng văn tự công tự giả mạo nặng nhẹ theo thiệt hại gây nên, như thế sự thiệt hại gây nên là một yếu tố cần thiết để định hình phạt cho bị can. Bị phá và tiêu hủy một bản án của Tòa Quân sự để tuyên phạt về tội nói trên chỉ căn cứ vào sự dùng văn kiện giả mạo, mà không xác nhận về số thiệt hại gây nên,

Luật số 9159 ngày 18-4-1959 dự phạt các bị can biên thủ tiền «thâu nhận hay gìn giữ vì chức vụ» phải coi là khiếm khuyết lý do và thiếu căn bản pháp lý một bản án để tuyên phạt về tội ghi trên để căn cứ vào câu trả lời về câu hỏi về tội trạng đặt ra không nêu rõ tính cách là «tiền thâu nhận hoặc gìn giữ vì chức vụ» của số tiền biên thủ.  
(PA 29-11-1961 PLTS 1962 III. 26)

1021.— GIẢ MẠO. SỰ TRUY TỐ TÒNG PHẠM. QUYỀN XÁC NHẬN BẰNG CHỨNG CỦA TÒA QUÂN SỰ.

Theo nguyên tắc sự truy tố chính phạm, miễn là qua những sự kiện bằng chứng Tòa xét xử nhận thấy văn kiện sử dụng là giả mạo.

Tòa án Quân sự là mộ Tòa hình, có toàn quyền phán đoán về những sự kiện phạm pháp được nêu ra trước tòa, có thể xác nhận theo sự thú nhận của bị can và các lời khai của các chứng nhân rằng văn kiện giá thú xuất trình là giả mạo này để làm bằng chứng gỡ tội cho tội song hôn mà y bị điều tra và truy tố, để tuyên phạt bị can về tội giả mạo.

(PA 30-8-1961 PLTS 1962 IV. 19)

1022.— GIẢ MẠO. DÙNG GIẤY TỜ GIẢ MẠO. SỰ TRI TÌNH YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM.

Sự tri tình là một yếu tố của tội dùng giấy tờ giả mạo, bị phá và thủ tiêu vì khiếm khuyết lý do và thiếu căn bản pháp lý một bản án của Tòa Thượng thẩm tuyên phạt bị can về tội nói trên, mà

không nêu rõ sự kiện y đã biết văn kiện sử dụng là giả mạo khi dùng văn kiện ấy trước khi chữ ký trong văn kiện được cuộc giáo tự xác nhận là giả mạo.

(PA 22-2-1961 PLTS 1961 IV. 13)

1023.— GIẢ MẠO VỀ TINH THẦN. ĐIỀU 248 HÌNH LUẬT TRUNG PHẦN.

Việc làm hóa đơn để chứng nhận một việc thất thiệt để lấy tiền công quỹ là một sự giả mạo về tinh thần. Thủ phạm có thể bị truy tố và trừng phạt theo điều 248 Hình Luật Trung Phần về tội thường dân giả mạo tự chỉ.

(TT Huế 21-9-1960 PLTS 1961 II. 104)

1024.— GIẢ MẠO. TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA VIÊN CHỨC THỊ THỰC SỰ ĐOẠN MẠI. ĐIỀU 190 VÀ 192 SẮC LỆNH ĐIỀN THỒ.

Các điều 190 và 192 Sắc lệnh điền thồ cho quyền Hội đồng xã thị thực các giấy tờ đoạn mại bất động sản không dự liệu trách nhiệm hình sự đương nhiên của viên chức thị thực, các viên chức này chỉ có thể xác nhận phạm tội giả mạo theo luật hình, nếu hành vi của họ gồm đủ yếu tố tội phạm luật định chiếu bộ Hình luật hiện hành.

Xác nhận có nghi vấn về tội trạng, những sự kiện nhận xét không chứng tỏ bị can đã tri tình thị thực một chữ ký mà y biết rõ là giả mạo, Tòa Thượng thẩm đã viện đủ lẽ để miễn nghị đương sự.

(PA 28-9-1966 PLTS 1967 I. 71)

1025.— TRƯỜNG HỢP GIẢM KHINH. ÁP DỤNG HÌNH PHẠT. HÌNH PHẠT TRÊN MỨC TỐI THIỂU NHƯNG DƯỚI MỨC TỐI ĐA THEO LUẬT ĐỊNH ? HỢP LỆ.

Điều 463-HLCC trong trường hợp giảm khinh, cho phép nhưng không bó buộc các Tòa án phải tuyên giảm hình phạt dưới mức tối thiểu do luật định, Tòa vẫn có quyền ấn định hình phạt giữa mức

tối thiểu và tối đa mặc dầu xác nhận có tình trạng giảm khinh, và chỉ có sự vi luật vì mâu thuẫn nếu lại tuyên hình phạt tối đa sau khi đã tuyên bố bị can được hưởng tình trạng giảm khinh như đã nói trên

Hợp pháp án của Tòa Thượng thẩm giữ nguyên hình phạt 4 tháng tù do Tòa sơ thẩm đã tuyên mặc dầu đã xác nhận bị can phạm tội vô ý và bất cẩn gây thương tích ở trong trường hợp giảm khinh vì hình phạt này ở dưới mức tối đa dự liệu bởi điều 320-HLCC cho tội phạm bị truy tố.

(PA 30-II-1960 PLTS 1961 II. 37)

1026.— HỘ TỊCH BỊ TIẾM LÀM PHÁT SANH GHI CHÚ ÁN PHẠT VÀO TƯ PHÁP LÝ LỊCH CỦA NGƯỜI KHÁC. THỦ TỤC CẢI CHÍNH SỰ SAI LẦM.

Hành vi phạm pháp tiếm hộ tịch của kẻ khác để làm phát sinh ra sự ghi chú một án phạt trong tư pháp lý lịch của người là một tội hình dự định và trừng trị (từ 6 tháng đến 5 năm tù) do điều 30 Dự số 14 ngày 1-9-1951.

Dự số 14 ngày 1-9-1951 đã dự định một thủ tục cải chính trên án văn và tư pháp lý lịch khá phức tạp; đơn phải đệ nạp chánh án tòa hình đã tuyên xử án văn; chánh án đề cử một thẩm phán thuyết trình tòa án tuyên xử tại phòng thẩm nghị sau khi nghe thẩm phán thuyết trình và công tố viện kết luận; Tòa án có thể mở cuộc điều, tra nghe nhân chứng, đòi người bị kết án ra trước tòa, án văn sẽ được ghi chú vào lẽ án văn bị cải chính phiếu số 1 sẽ được sửa lại hoặc hủy bỏ hoàn toàn để làm lại phiếu khác; công tố viện có thể tự ý khởi tố, án văn có thể bị kháng án theo thông thường luật tố tụng.

(SA Saigon 9-12-1966 PLTS 1966 III. 136)

1027.— HỘI MUA CHUNG. LẬP HỘI BẤT HỢP PHÁP.

« Hội mua chung » (Groupement d'achat) do những Được sự có chân trong « Nghiệp đoàn Được sự Việt-Nam » thành lập,

có mục đích thương mại, không phải là một « hội » (association) theo định nghĩa của điều 1 Dự số 10 ngày 6-8-1950, nên không bị Dự này chi phối. Vì vậy, không thể truy tố ông Chủ tịch « Hội mua Chung » về tội lập hội bất hợp pháp.

Không thể cấu thành tội lường gạt, khi ông Chủ tịch thầu những số tiền mà các hội viên tự ý đóng góp, để làm chi phí đầu tiên cho hội nếu không có mưu mô lừa đảo, và không có ý định làm của mình (s'approprier) những số tiền đã thầu được.

(ÁN LỆNH MIỄN TỐ 3-8-1957 PLTS 1958 III. 77)

1028.— TỘI NHẬN HỐI LỘ VÀ TỘI ĐƯA HỐI LỘ : HAI TỘI RIÊNG BIỆT. Mâu thuẫn giữa lý do và chủ văn bản án.

Tội nhận của hối lộ và tội nhận đưa hối lộ là hai tội riêng biệt, người nhận hối lộ có thể bị xác nhận là phạm tội trong khi người đưa hối không bị truy tố hoặc được xác nhận vô can, mà không có mâu thuẫn.

Sự mâu thuẫn giữa lý do và chủ văn bản án chỉ là một phương thức phá án nếu sự mâu thuẫn là toàn diện và án văn đã căn cứ duy nhất vào lý do mâu thuẫn để quyết định.

(PA 25-5-1960 PLTS 1960 III. 23)

TỘI CÔNG CHỨC NHẬN HỐI LỘ. YẾU TỐ CỦA TỘI NHÂN.

Những yếu tố cần thiết đủ để cấu thành tội nhận hối lộ đối với công chức chiếu điều 4 Dự ngày 28-7-1954 là sự kiện y đã đòi hỏi hay chấp nhận của cho, vật biểu để làm hoặc bỏ qua không làm một việc phải trái thuộc về chức vụ đáng lý không được lấy tiền công, không có sự bó buộc là việc y ngờ đi chợ kẻ đưa tiền hoặc bị đòi tiền hoặc bị đòi hối lộ phải là một tội do luật đã dự liệu và trừng phạt.

(PA 28-3-1962 PLLS 1962 IV. 23)

1028.— TỘI NHẬN HỐI LỘ. YẾU TỐ TỘI PHẠM. TỘI ĐỒNG LỖA. YẾU TỐ TỘI PHẠM. ÁN THIẾU LÝ DO VÀ CĂN BẢN PHÁP LÝ.

Chiếu điều 4 Dự ngày 28-7-1954 các yếu tố của tội nhận hối lộ là : 1) tư cách công chức của bị can : 2) sự việc y đã đòi hỏi hay chấp thuận sự dâng lễ hay hứa hẹn : 3) với mục đích để làm hay bỏ không làm một việc phải hay trái : 4) việc này thuộc về chức vụ của mình, nhưng đáng lý không được lấy tiền công.

Bị phá vì thiếu lý do và vi phạm điều luật ghi trên án của tòa quân sự kết phạt bị can về tội hối lộ, mà không nêu những yếu tố kê trên của tội phạm.

Theo điều 60-HLCC thì chỉ bị phạt như đồng lõa kẻ nào đã xúi bêu, ra lệnh cho phạm pháp, cấp khí giới, phương tiện để phạm pháp hoặc tri tình giúp đỡ chánh phạm trong sự phạm pháp.

Bị phá hủy vì thiếu căn bản pháp lý, án xử phạt về tội đồng lõa mà không xác nhận một sự kiện nào cấu thành tội phạm như đã dự liệu điều luật kê trên.

(PA 26-8-1964 PLTS 1965 II. 59)

1029.— HỐI ĐOẠI. CHUYỀN NGÂN VỚI ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ HỒI HƯƠNG SỐ NGOẠI TỆ KHÔNG DÙNG ĐẾN. VIỆN DẪN TỔNG QUÁT VĂN KIẾN LẬP PHÁP ÁP DỤNG. NGUYÊN TẮC LIÊN ĐỐI BỒI THƯỜNG GIỮA CÁC BỊ CAN VỀ CÙNG MỘT TỘI PHẠM THEO ĐIỀU 55-HLCC.

Vi phạm điều 1 Sắc lệnh ngày 9-9-1939 qui định luật lệ hối đoái đương sự được phát chuyển ngân với điều kiện thanh toán và hồi hương số tiền này, được coi như một số vốn xuất cảng bất hợp pháp.

Sắc luật ngày 9-9-1939 chỉ qui định về sự hối đoái và sự xuất nhập cảng vàng và vốn, án văn nêu rõ sự kiện bị dự phạt và chỉ viện

đãn sắc luật một cách tổng quát phải coi là đã đãn đủ lý do, mặc dầu không chỉ rõ điều khoản nào của sắc luật đã bị vi phạm.

Mặc dầu chỉ đứng tên mỗi người một Công ty xuất cảng cho chánh phạm, sự kiện đứng tên và ủy quyền xin ngoại tệ của các đồng lõa đã giúp chánh phạm thực hành sự phạm pháp là xin tháo khoán rất nhiều ngoại tệ để không hồi hương số tiền không sử dụng, án Tòa Thượng thẩm đã hợp pháp áp dụng cho các nguyên tắc liên đới bởi thường giữa các bị can và đồng lõa bị kết phạt về cùng một tội phạm dự liệu bởi điều 55-HLCC.

(PA 29-6-1966 PLTS 1967 III. 33)

1030.— HỎA HOẠN. TỘI VÔ Ý GÂY HỎA HOẠN. SƠ XUẤT, BẤT CẦN, YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM. TRƯỜNG HỢP KHOAN MIỄN VÌ BẤT NGỜ.

Hành động của bị can đã cầu thả quệt diêm soi sáng để xem đồng hồ nước trong một tiệm sơn chứa nhiều chất dễ bắt lửa cấu thành sự sơ xuất, bất cần là thành tố của tội vô ý gây hỏa hoạn.

Sự kiện bị can đã hành động như trên từ 15 năm nay mà không xảy ra sự gì cho đến ngày hỏa hoạn, không thể vì khoan miễn vì bất ngờ cho y.

(PA 26-6-1963 PLTS 1964 II. 74)

HỎA HOẠN. TỘI VÔ Ý GÂY HỎA HOẠN. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM. LỖI PHẠM SUY LUẬN ĐƠN THUẦN. DO NƠI PHÁT HỎA. ÁN THIỂU LÝ DO.

Sự kiện hỏa hoạn đã khởi phát tại một nơi không thể đưa đến kết luận tất yếu là người ở nơi ấy đã gây hỏa hoạn bởi lỗi bất cần của y đã để lửa ở kho mà không trừ liệu biện pháp thích ứng do sự kiện duy nhất là lửa đã phát cháy tại nơi y ở, mà không căn cứ vào một sự kiện hoặc lý lẽ nào khác nữa.

(PA 27-II-1963 PLTS 1964 II. 109)



1031.— HỤI VÀ LƯƠNG GẠT. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM. HỐT HỤI VÀ KHÔNG ĐÓNG HỤI CHẾT.

Một yếu tố cần thiết của tội lương gạt chiếu điều 405-HLCC và ý định của bị can dùng ý định gian xảo khiến cho người ta tin tưởng vào sự kinh doanh thật ra không có hoặc vào quyền hay uy tín tưởng tượng của mình mà giao tiền của, tài vật hoặc giấy tờ và như thế đã chiếm đoạt tài sản của người khác.

Sự kiện bỏ lời thật cao để hốt hụi không đủ cấu thành yếu tố cố ý dùng mưu chước gian xảo, nếu bị can không có ý định từ trước xử dụng thủ đoạn ấy để cố ý chiếm đoạt tiền hụi hốt được rồi không đóng lại hụi chết.

(PA 25-4-1962 PLTS 1963 II. 51)

1032.— KHÁNG ÁN VÀ KHÁNG CÁO : TÍNH CÁCH ĐỘC LẬP CỦA NHỮNG PHƯƠNG PHÁP KHIẾU TỐ NÀY.

TRƯỜNG HỢP NGƯỜI ĐẢM NHIỆM HỘ TRÁCH BỊ XỬ ĐƯƠNG TỊCH MÀ CAN PHẠM BỊ XỬ KHUYẾT TỊCH.

Những phương pháp khiếu tố có tính cách độc lập nghĩa là đương sự nào xử hành một phương pháp ấy sẽ chỉ riêng đương sự có được hưởng hay phải chịu hậu quả của sự khiếu tố.

Do vậy, người đảm nhiệm hộ trách đã bị xét xử do một án văn nhất định phải tuân hành án văn, mặc dầu can phạm mới bị xử khuyết tịch và đã kháng án.

(TT Saigon 25-10-1962 PLTS 1963 IV. 110)

1033.— KHÁNG CÁO. TỔNG ĐẠT KHÁNG CÁO CỦA VIỆN CHƯƠNG LÝ.

Tờ tổng đạt kháng cáo của Viện Chương Lý không bó buộc phải theo một thể thức riêng biệt nào, sự cần thiết là phải cho bị can biết rõ ràng là có sự kháng cáo ấy.

(PA 17-7-1957 PLTS 1958 II. 6)

### KHÁNG CÁO. KHÁNG CÁO TỐI THIỂU BẰNG MIỆNG CỦA CHƯỞNG LÝ CUỘC.

Chưong lý cuộc tuyên bố kháng cáo tối thiểu bằng miệng trong phiên tòa không có mặt bị can, vì bị can ở xa được miễn đi hầu tòa và đã có luật sư thay mặt thì không thể kêu trước Tòa phán rằng không nhận được giấy tuyên bố kháng cáo của ông chưong lý.

(PA 9-II-1955 PLTS 1956 I. 6)

### KHÁNG CÁO. ÁN KHUYẾT TỊCH. THỜI HẠN KHÁNG CÁO. THỜI HẠN PHỤ THÊM THEO ĐIỀU 203-HSTT.

Chiều điều 203-HSTT thời hạn kháng cáo các án tiểu hình là 10 ngày kể từ ngày tuyên án, và nếu là án khuyết tịch thời hạn cũng là 10 ngày nhưng kể từ ngày tổng đạt bản án, thêm 1 ngày phụ cho mỗi 30 cây số.

Theo văn tự cũng như tinh thần của điều luật kể trên, thời hạn phụ thêm vì đường xa chỉ áp dụng cho án khuyết tịch mà thôi.

(PA 26-6-1963 PLTS 1964 IV. 41)

### KHÁNG CÁO. ÁN TUYÊN NGOÀI SỰ HIỆN DIỆN CỦA BỊ CAN. KHỞI ĐIỀM CỦA THỜI HẠN KHÁNG CÁO ĐIỀU 203-HSTT.

Trong trường hợp bị can đã được báo cho biết ngày tuyên án, theo điều 203-HSTT thời hạn kháng cáo bắt đầu từ ngày án được tuyên, dù bị can có mặt hay không, vì y đã được biết trước để có thể hiện diện tại Tòa ngày ấy.

(PA 26-6-1963 PLTS 1964 IV. 43)

### 1034. — PHÁT HÀNH NGÂN PHIẾU KHÔNG TIỀN BẢO CHỨNG. YẾU TỐ. TỘI PHẠM. NGÂN PHIẾU HỢP LỆ.

Người phát hành ngân phiếu có bốn phạm lưu trữ tại ngân hàng đủ trả số tiền ngân phiếu đã phát hành bất cứ lúc nào.

Có đủ hình thức hợp lệ một ngân phiếu đã có chữ ký của người phát hành, sự kiện y không đóng « mộc » theo tập quán của y không cần thiết cho tính cách hợp pháp của tờ ngân phiếu để làm căn bản cho sự truy tố.

(PA 30-12-1959 PLTS 1960 I. 12)

1034.— TỘI PHÁT HÀNH CHI PHIẾU KHÔNG TIỀN BẢO CHỨNG. CHI PHIẾU BẠCH CHỈ.

Theo học thuyết người phát một chi phiếu bạch chỉ biết rằng mình không có tiền bảo chứng cũng phải coi là phạm tội phát hành chi phiếu không tiền bảo chứng.

Được coi như chưa có sự phát hành cấu thành tội phạm nếu chi phiếu bạch chỉ chưa được giao cho người thụ hưởng.

(PA 28-10-1964 PLTS 1965 II. 82)

1035.— KHÔI PHỤC CÔNG QUYỀN. THỜI HẠN. ÁN PHÒNG LUẬN TỘI. VI PHẠM CÁC ĐIỀU 19 VÀ 24 NGÀY 1-9-1951.

Điều 19 Dự ngày 1-9-1951 về sự khôi phục công quyền dự liệu rằng thời hạn để xin khôi phục sẽ được rút xuống 3 năm đối với những người bị xử theo một hình phạt tiêu hình, và điều 24 ấn định Tòa Thượng thẩm để định đoạt chiếu vào đề luận của ông Chương lý cùng lời biện bạch của đương sự hay người biện hộ cho y, các người này phải được gọi đến một cách hợp pháp.

Bị phá vì vi phạm các điều luật kê trên, án Phòng Luận tội bác đơn khôi phục công quyền của một bị can viện lẽ đương sự bị kết phạt về tội đưa hối lộ đã thụ hình và được trả tự do tính đến nay chưa được 5 năm, mặc dầu truy tố về tội đại hình y chỉ bị tuyên phạt 5 năm tù theo một hình phạt tiêu hình, và cũng không ghi nhận đã nghe lời biện bạch của bị can hay người biện hộ cho y, hoặc các người này đã được gọi đến hợp cách, mà khiếm diện.

(PA 27-10-1965 PLTS 1966 IV. 47)

1036.— LẠM THỦ. ĐIỀU KIỆN TRUY TỐ. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM.

Luật pháp không lệ thuộc sự truy tố tội phạm vào sự khiêu tố của dân sự nguyên cáo. Công tố viên có toàn quyền huy động quyền công tố để truy tầm các can phạm về tội ấy, mặc dầu không có sự khiêu tố của nạn nhân bị thiệt hại.

Sự kiện bị can hoàn lại số tiền phạm thủ sau khi bị truy tố không làm mất tính cách của sự phạm pháp đã thành tựu, một khi các yếu tố của tội phạm, đã được hội đủ.

(PA 29-8-1962 PLTS 1963 I. 63)

1037.— LÂM LUẬT. ĐIỀU 33 LÂM LUẬT. TÍNH CÁCH PHÁP LÝ CỦA KHOẢN PHẠT NGÂN. ÁN XÁ.

Điều 33 Sắc lệnh ngày 2-1-1931 qui định Lâm luật tại Việt-Nam không minh định tính cách pháp lý của khoản tiền phạt ngân dự liệu nơi điều luật ấy cho sự khai thác và chuyển vận lâm sản bất hợp pháp, nhưng đã ấn định giá khoán số tiền vạ theo tỷ lệ số lượng và trị giá mỗi cây bị khai thác, ban cấp cho khoản tiền vạ nói trên tính cách hỗn hợp vừa hình sự vừa hộ sự.

Không vi phạm điều luật kể trên hoặc nguyên tắc pháp lý đại tổng nào, án của tòa Thượng thẩm phán khoản tiền phạt dự liệu nơi điều 33 Lâm luật có tính cách tô thuế và không được hưởng án xá.

(PA 31-3-1965 PLTS 1966 III. 37)

1038.— LÂM LUẬT. TỘI MUA LÂM SẢN LẬU. SỰ TRI TÌNH LÀ MỘT YẾU TỐ CỦA MỘT TỘI PHẠM.

Chiếu điều 35 S 2 sắc lệnh ngày 2-1-1931 sự tri tình mua lâm sản lậu là một yếu tố của tội mua hoặc tàng trữ khai thác lậu.

Bị phá và thủ tiêu như thiếu lý do và yếu tố tội phạm một bản án của tòa Thượng thẩm kết phạt bị can về tội kẻ trên, mà không nêu rõ lý do y đã tàng trữ gỗ lậu mà không chứng minh được là không biết là đồ lậu khi mua.

(PA 31-5-1961 PLTS 1962 II. 11)

1039.— LÂM LUẬT : GIÁ TRỊ VI BẰNG. TRÁCH NHIỆM SỞ HỮU CHỦ XE HƠI CHO MUỐN ĐỀ CHỖ GỖ LẬU. TỊCH THU XE. GIẢI THÍCH ĐIỀU 5512 2-1-1931 THẺ NÀO LÀ PHẠM PHÁP BAN ĐÊM.

Theo điều 17 Sắc lệnh 2-1-1931 về Lâm luật thì các biên bản phạm pháp làm hợp lệ có giá trị như công chính chứng thư và chỉ có thể phản đối bằng thủ tục đăng ký giả mạo.

Điều 58 Sắc lệnh trên qui định những người phải chịu trách nhiệm đối với những kẻ phạm pháp về lâm luật là nguyên văn điều 159 L.L.P. Họ chịu trách nhiệm dân sự với điều kiện họ là kẻ có quyền đối với người phạm pháp (Rep droit-crim-Forêt-No 240).

Muốn tịch thu xe hơi chở gỗ bất hợp pháp thì phải chứng minh xe đó đã tham gia trực tiếp và luật đã dự liệu tịch thu trong trường hợp trên.

Điều 5512 Sắc lệnh trên qui định rằng sẽ phạt gấp đôi, nếu phạm pháp về ban đêm về tội đốn và chặt gỗ bất hợp pháp, tội phạm thành tựu ngay từ khi đốn cây không giấy phép, từ khi chở gỗ lậu lên xe, sự kiện đốn cây ban ngày, bỏ gỗ lên xe ban ngày, nhưng bắt quả tang chở gỗ về ban đêm xem như đã toại phạm ban ngày và không thể áp dụng điều 55 đoạn 2 phạt gấp đôi.

(HGRQ. PLEIKU 18-4-1962 PLTS 1963 I. 157)

1040.— VI PHẠM LÂM LUẬT. KHAI THÁC BẤT HỢP PHÁP RỪNG TƯ. ÁP DỤNG SAI LÂM LUẬT PHÁP.

Điều 33 Sắc luật ngày 2-1-1931 qui định Lâm luật chỉ dự phạt trường hợp khai thác bất hợp pháp rừng của chánh phủ, trong khi đối với tư nhân khai phá rừng riêng của mình mà không theo thể thức bắt buộc phải khai báo trước ba tháng điều 52 Lâm luật chỉ dự Phạt từ 20 quan đến 500 quan mỗi mẫu hoặc phần mẫu khai phá bất hợp pháp.

Bị coi là thiếu lý do và căn bản Pháp lý án của Tòa Thượng thẩm xử phạt đương sự theo điều 33 Lâm luật, mà không xác nhận y có khai thác bất hợp pháp rừng công ngoài đồn điền tư của y đã được cấp.

(PA 30-12-1964 PLTS 1966 II. 48)

#### 1041.— LÂM LUẬT. QUYỀN TRUY TỐ CỦA CÔNG TỔ VIỆN.

Do sự kháng tố của bị can, án khuyết tịch xử, đối với y bị tiêu hủy và kháng tố có hiệu lực đem nội vụ trở lại trước tòa án y như tình trạng cũ.

Mối liên hệ giữa chủ nhân và người thụ phái là một mối liên hệ pháp định phỏng thể được coi như là một sự kiện đã xảy ra sau khi án văn khuyết tịch đã được tuyên.

Một khi công tố quyền đã được phát động do sự trực tố của dân sự nguyên cáo, công tố viện có toàn quyền truy tố tất cả những kẻ đã tham dự vào vụ phạm pháp ngay cả trong trường hợp trong đơn trực tố, dân sự nguyên cáo không có khiếu nại đối với những kẻ ấy.

(TT Saigon 27-6-1961 PLTS 1962 II. 102)

#### 1042.— LÃNH THỎ TÌNH HÌNH LUẬT. ÁP DỤNG ĐIỀU 106 DỤ SỐ 4 NGÀY 18-10-1949. OA TRỮ CỦA GIAN. HOÀN TRẢ. BỒI THƯỜNG. ĐẶC LỢI VÔ CỐ.

Chiếu điều 106 Dụ số 4 ngày 18-10-1949, tội oa trữ của bội ản xảy ra ở Đà Lạt (thuộc quận hạt Tòa Thượng thẩm Nam Phần)

mặc dầu xét xử trước Tòa Pleiku (quản hạt Tòa Thượng thẩm Huế) vẫn phải áp dụng điều 460, 462, 463 của Hình luật canh cải đối với bị can.

Tri tình oa trừ số tiền bán bò gian mà có được, coi như đã phạm tội oa trừ. Bị can có bốn phạm bồi hoàn số tiền trên cho chân chánh sở hữu chủ, nhưng sự bồi hoàn này chỉ có tánh cách bồi thường chứ không có tánh cách hoàn trả tang vật.

Bắt người oa trừ của gian bồi hoàn tất cả số tiền đã bán được của số nữ trang đã oa trừ, ttong lúc đã được chánh phạm biên thủ bồi thường một phần rồi, là một sự đặc lợi vô cơ.

Bị can oa trừ của gian đã được tha bổng vì thiếu yếu tố tri tình, nhưng các tang vật đều phải hoàn trả cho chân chánh sở hữu chủ. Nếu tang vật là vàng thì những vật biến chế trên cũng xem như tang vật vì chưa thay đổi tính chất và có thể buộc phải hoàn trả.

(HGRQ. PLEIKU 3-10-1962 PLTS 1964 I. 187)

1043.— LÃNH THỒ TÍNH CỦA HÌNH LUẬT. ÁP DỤNG SAI LẦM LUẬT PHÁP. HÌNH PHẠT TỐI ĐA VÀ TỐI THIỂU. HÌNH PHẠT NHẸ HƠN.

Bộ Hình luật Canh cải chỉ được ban hành tại Nam phần, bị phá vì vi luật án của Tòa Thượng thẩm áp dụng cho bị can phạm pháp tại Ban-mê-thuột thuộc địa hạt Trung Phần, bộ luật nói trên, thay vì phải áp dụng bộ Hình luật Trung Việt.

Khi hai điều luật dự liệu một hình phạt tối đa bằng nhau, điều luật dự liệu hình phạt tối thiểu nhẹ hơn phải coi là đã dự liệu một hình phạt nhẹ hơn điều luật kia.

(PA 27-1-1965 PLTS 1967 III. 24)

1044.— LỜI THỬ TỘI. LỜI KHAI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG. VỊ THÀNH NIÊN.

Trong một vụ cường gian mà Tòa án bằng cáo giấy nhận tội của bị can trước mặt viên thôn trưởng đề kết phạt bị can, nhưng liền đấy trước mặt viên Quận Trưởng, y lại khai lừa gạt nên phải viết giấy nhận tội để được trả tự do, thời riêng lời nhận tội ấy không đủ làm tin là bị can quả có phạm tội.

Lời khai của nhân chứng còn vị thành niên cũng không đáng tin, vì không giá trị pháp lý.

(TT HUẾ 22-6-1960 PLTS 1961 II. 100)

1045.— LƯU THÔNG. VI PHẠM LUẬT LỆ LƯU THÔNG. QUYỀN ƯU TIÊN BÊN MẶT CỦA NGƯỜI LÁI XE. LỖI PHẠM VỀ MẶT HÌNH VỀ TỘI VÔ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH HOẶC THIỆT MẠNG.

Quyền ưu tiên bên mặt không phải là một quyền tuyệt đối và cũng không được dự liệu như một trường hợp khoan miễn, người lái xe bên mặt vẫn phải tôn trọng nghĩa vụ cẩn thận trước tiên và vẫn có thể bị kết phạt về mặt hình về tội vô ý gây thương tích hoặc thiệt mạng. Nếu một trong những yếu tố của tội nói trên chiếu điều 319-320 H.L.C.C. là sự vụng về, cầu thả, bất cẩn, sơ xuất hoặc bất tuân luật lệ nào khác được xác nhận đối với y.

(PA 26-12-1962 PLTS 1964 III. 84)

1046.— LƯU THÔNG. TAI NẠN LƯU THÔNG. QUYỀN ƯU TIÊN. TỘI NGỘ SÁT VÀ NGỘ THƯƠNG. MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM.

Quyền ưu tiên dự liệu bởi luật lệ lưu thông không có tính cách tuyệt đối và miễn trừ trách nhiệm cho người sử dụng trong mọi trường hợp, người này vẫn có thể bị xử phạt nếu vụng về, bất cẩn đã gián tiếp hay trực tiếp một phần nào gây nên tai nạn làm cho người khác thiệt mạng hay bị thương.



Bị phá án của Tòa Thượng thẩm đề hoàn toàn miễn trách cho bị can và tha bổng y, chỉ căn cứ vào quyền ưu tiên xử dụng, mà không coi xét xem đương sự có một phần lỗi phạm nào vì vụng về, bất cẩn trong tai nạn đã xảy ra hay không.

(PA 24-12-1963 PLTS 1965 I. 73)

1047.— LƯU THÔNG VÔ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH. SỰ VI PHẠM LUẬT LỆ ĐI ĐƯỜNG. QUYỀN ÁN ĐỊNH TỶ LỆ LỖI PHẠM CỦA TÒA XỬ VỀ NỘI DUNG.

Luật đi đường ấn định người bộ hành băng qua đường phải thận trọng và băng qua do những chỗ được dành riêng, sự kiện một nạn nhân trong một vụ tai nạn lưu thông đã không làm như vậy cấu thành một lỗi phạm của người này mà sự ấn định tỷ lệ thuộc quyền chuyên quyết của các tòa xử về nội dung không buộc phải biện minh quyết định.

Sự ấn định hình phạt cho bị can về mặt hình không liên hệ đến dân sự nguyên cáo nên y không quyền nêu lên như một phương chức thượng tố, dù án văn tuyên phạt có khiếm khuyết lý do về khoản ấy.

(PA 29-8-1962 PLTS 1963 I. 65)

1048.— LƯU THÔNG. TỘI TRÙNG TRỊ NGỘ THƯƠNG VÀ TỘI VI CẢNH VI PHẠM LUẬT LỆ ĐI ĐƯỜNG. TUYÊN NHƯỢNG THẨM QUYỀN. TRƯỜNG HỢP TRÙNG TỐ. NGUYÊN TẮC TRIỂN KHOẢNG THẨM QUYỀN.

Về cùng một tai nạn lưu thông bị can chỉ bị truy tố trước tòa tiêu hình về tội ngộ thương vẫn còn có thể bị truy tố riêng biệt trước tòa vi cảnh về tội vi phạm luật lệ đi đường, và chỉ có sự trùng tố buộc tòa vi cảnh phải tuyên nhượng thẩm quyền nếu bị can đã bị truy tố trước Tòa tiêu hình song song cả về hai tội trùng trị và vi cảnh nói trên.

Theo nguyên tắc triển khoáng thẩm quyền, Tòa Tiểu hình xét xử về một khinh tội câu phát với một tội vi cảnh có thẩm quyền để xét xử về tội này, nếu đã được thụ lý hợp pháp bởi công tố viện hoặc dân sự ngyên cáo phụ tố.

(PA 27-3-1963 PLTS 1963 IV. 50)

1049.— LƯỜNG GẠT. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM. MƯU MÔ XẢO TRÁ, NGUYÊN NHÂN CỦA SỰ TRAO TIỀN.

Theo điều 405-H.L.C.C. thì sự mưu mô gian xảo chỉ có thể là một yếu tố của sự lường gạt nếu là nguyên nhân của sự trao tiền hoặc đồ vật.

Bị phá vì thiếu lý do và căn bản pháp lý, án của Tòa Thượng thẩm kết phạt bị can về tội nói trên, mà không xác nhận chánh thức là đã có sự trao tiền và sự trao tiền ấy đã xảy ra sau khi có những mưu mô gian xảo và đã là hậu quả của những mưu mô này.

(PA 26-12-1962 PLTS 1963 III. 64)

1050.— MẠO HOÁN. LỪA GẠT KHÁCH HÀNG VỀ PHẨM CHẤT HÀNG HÓA. ÁN THIỂU LÝ DO VÀ CĂN BẢN PHÁP LÝ.

Điều 1 Luật ngày 1-8-1905 chỉ dự liệu sự trừng phạt người kết ước đã lừa gạt hoặc toan lừa gạt đối phương về phẩm chất hay dung lượng hàng hóa đem bán.

Bị phá và thủ tiêu vì ích lợi của luật pháp và của bị can một bản án của Tòa tiểu hình kết phạt bị can về tội nói trên chỉ viện lẽ rằng do cuộc điều tra và tranh luận y có phạm tội, mà không ghi chép một sự kiện hay tự thêm một lý do nào khác, trong khi bị can không phải là người kết ước mà chỉ là người làm công cho chủ thầu, và giữ người này và chủ khoán xây cất đình thự chỉ có khế ước bao thầu chứ không có khế ước mãi mại dự liệu trong điều ghi trên.

(PA 29-3-1961 PLTS 1961 III. 38)

1051.— TỘI TRỘM VÀ TỘI OA TRỮ. NGUYÊN TẮC LIÊN ĐỐI THƯỜNG HOÀN CỦA ĐIỀU 55-HLCC.

Do sự liên can mật thiết giữa tội trộm và tội oa trữ đồ lấy trộm, nguyên tắc liên đới thường hoàn giữa kẻ oa trữ với kẻ trộm m theo điều 55-HLCC phải được áp dụng, mặc dầu người ta chỉ tàng trữ một phần các đồ vật lấy trộm.

(PA 31-8-1966 PLTS 1967 I. 61)

LIÊN ĐỐI GIỮA CÁC BỊ CAN THEO ĐIỀU 55-HLCC. PHẠM VI ÁP DỤNG. TRỘM VÀ OA TRỮ.

Điều 460-HLCC trừng phạt một cách tổng quát không những oa trữ vật bị mất trộm, mà sự tàng trữ tất cả mọi vật thủ đắc do một trọng tội hoặc khinh tội, sự tuyên phạt bị can về tội oa trữ bột mì lấy được do những phiếu giao hàng giả mạo là hợp pháp.

Sự phán định về sự ngay tình của bị can thuộc quyền thẩm lượng của các tòa xử về tình lý.

Nguyên tắc liên đới giữa các bị can của điều 55-HLCC ấn định rằng những kẻ bị xử phạt về cùng một trọng tội hoặc khinh tội phải liên đới với nhau về sự phạt vạ, sự bồi thường và về án phí, phải được áp dụng giữa các người phạm tội oa trữ vật gian và các thủ phạm các trọng tội hay khinh tội phát xuất ra các vật gian ấy, và sự liên đới gồm toàn thể sự thiệt hại gây nên, mặc dầu chỉ có sự oa trữ một phần các vật gian đã đoạt được, vì có sự liên hệ mật thiết giữa hai tội phạm, và về thực tế cũng như về pháp lý, không thể phân tách trách nhiệm riêng biệt của các bị can mà hành vi phạm pháp cấu thành một toàn thể chuẩn bị và bề túc cho nhau.

(PA 27-3-1963 PLTS 1963 IV. 53)

1052.— MẠO HÓA VÀ BIẾN TẠO CÁC SẢN PHẨM ĐEM BÁN. SỰ TRI TÌNH. YẾU TỐ CẦN THIẾT CỦA TỘI PHẠM.

Chiếu điều 3 Luật ngày 1-8-1905 dự liệu sự trừng phạt tội mạo hóa và biến tạo sản phẩm dưới chế độ luật ấy, cũng như chiếu điều 6 khoản 2 Luật Quốc gia ngày 11-6-1959, một yếu tố cần thiết của tội phạm « trưng bày, trưng bày để bán hay lưu hành thực phẩm để cho người hay súc vật dùng, thức uống, nông sản, sản phẩm tự nhiên hay chế tạo » là người trưng bày đã biết sự « giả mạo » biến tạo hay có chất độc » của các sản vật trưng bày.

Vi phạm các điều luật ghi trên và bị phá vì khiếm khuyết lý do và thiếu căn bản pháp lý án của Tòa Thượng thẩm tuyên phạt bị can về tội mạo hóa và biến tạo sản phẩm mà không nêu rõ yếu tố « tri tình » hoặc tư rõ các sự kiện qua đó có thể thấy rõ sự tri tình của bị can.

(PA 30-8-1961 PLTS 1962 II. 21)

1053.— MẠ LY CÔNG KHAI. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM: BỊ CAN KHÔNG BỊ KHIÊU KHÍCH. ÁN THIẾU LÝ DO VÀ CĂN BẢN PHÁP LÝ.

Chiếu điều 33 S 2 luật ngày 29-7-1881 tội mạ ly công khai chỉ bị trừng phạt nếu bị can đã không bị khiêu khích trước.

Bị phá vì khiếm khuyết lý do và thiếu căn bản pháp lý án của Tòa Thượng thẩm để kết phạt bị can về tội nói trên chỉ xác nhận y có thốt ra những lời tục tĩu bị tố cáo, mà không tư rõ trong trường hợp nào, trong khi trong đơn khởi tố cũng như trước tòa bị can đã nại bị gây chuyện và đã phân chứng sự kiện này có thể cấu thành trường hợp khoan miễn theo điều luật ghi trên.

(PA 30-5-1962 PLTS 1963 II. 54)

1054.— NGỤY TẠO. YẾU TỐ TỘI PHẠM. ÁN MIỄN NGHỊ. THIẾU LÝ DO.

Theo điều 22 luật số 12157 ngày 1-8-1957 chỉ «không được coi là mới lạ một sự phát minh, sáng tác hay áp dụng mà ở Việt-Nam hay ở ngoại quốc trước ngày đơng sự nộp đơn xin cầu chứng đã

được người khác công bố đầy đủ và có thể thi hành ngay được hay đã được mô tả trong một bằng sáng chế Việt-Nam, tuy chưa được công bố, nhưng đã được công bố, nhưng đã được ghi trước.

Bị phá vì thiếu lý do một bản án của tòa thượng thẩm để miễn nghị bị can chỉ dẫn lý rằng sáng chế của dân sự nguyên cáo mà y bị cáo là ngụy tạo cũng chỉ là một sự bất chước máy bơm của ngoại quốc và không phải là một phát minh mới lạ, để sự bất chước có thể cấu thành tội ngụy tạo, mà không minh thị xác nhận máy bơm ấy do những điểm nào chỉ là một sự bất chước y hết máy bơm ngoại quốc không thể coi là một sự áp dụng mới, cũng như không xác nhận sự sáng chế các máy bơm ngoại quốc nói trên đã được công bố đầy đủ trước ngày đương sự xin cấp bằng sáng chế của y có thể coi là không) mới lạ và vô hiệu theo các điều 21 và 22 luật ngày 1-8-1957 viện dẫn.

(PA 31-3-1965 PLTS 1966 III. 44)

1055.— NGUYÊN TẮC. VI PHẠM NGUYÊN TẮC « NHẤT SỰ  
BẤT TÁI CỨU » (NON BIS IN IDEM)

Theo nguyên tắc « Nhất sự bất tái cứu » (Non bis in idem) không thể xử phạt hai lần cùng một vụ phạm pháp.

Bị thủ tiêu án của một tòa án xử phạt lại bị can đã bị kết phạt trước đây rồi về cùng một tội phạm do một bản án nhứt định đã có uy lực tài phán.

(PA 30-12-1959 PLTS 1960 I. 7)

1056.— NGUYÊN TẮC CÁ NHÂN TÍNH CỦA HÌNH PHẠT. TỘI  
VI CẢNH KHÔNG KHAI LÝ LỊCH TÀI XẾ XE TỰ ĐỘNG.

Tội vi cảnh dự liệu cho đủ xe tự động không khai lý lịch tài xế của mình chỉ áp dụng cho tư nhân, Giám đốc công quản xe buýt không phải là chủ xe thuộc sở hữu của Quốc gia không thể bị tuyên phạt về tội này.

Theo nguyên tắc cá nhân tính của hình phạt không thể kết phạt Giám đốc công quản vì lý do tài xế của công quản đã đậu xe xa lẽ quá 25 phần và với tư cách giám đốc, mà phải tuyên phạt đích danh cá nhân can phạm, chỉ là để chỉ rõ căn cước của người bị phạt.

(PA 31-8-1966 PLTS 1967 I. 63)

1057.— NGUYÊN TẮC : KHÔNG CÓ HÌNH PHẠT NẾU KHÔNG CÓ LUẬT PHÁP DỰ LIỆU. PHỤ HÌNH QUẢN THỨC. ĐIỀU 352-HLTV.

Theo nguyên tắc, không thể có hình phạt nào, nếu không có luật pháp dự liệu trước, và theo điều 352-HLTV chỉ được dự liệu cho tội trộm cướp phụ hình quản thúc.

Bị phá vì vi phạm nguyên tắc và điều luật kể trên, án của Tòa tiểu hình Trung phần tuyên phạt phụ hình biệt xứ đối với một bị can phạm tội trộm, phụ hình này không được dự liệu bởi Hình luật Trung việt cho tội bị kết phạt.

(PA 25-9-1963 PLTS 1965 I- 54)

1058.— NHÂN THỂ BỘ. THẨM QUYỀN ĐỐI VỚI NHỮNG TRANH CHẤP VỀ NHÂN THỂ BỘ.

Điều 326 Bộ Dân luật pháp dành cho tòa án dân sự thẩm quyền tuyệt đối về các tranh chấp về nhân thể bộ.

Luật lệ hiện ở xứ ta tại Nam phần không có một điều khoản rõ rệt như thế, nhưng tòa án có thể áp dụng điều luật trên đây như thành văn lý tính.

Trong những cuộc truy tố về tội hình mà căn bản là một quyết định về nhân thể, Tòa hình phải đình chỉ phán quyết cho đến khi Tòa án dân sự giải quyết xong về vấn đề nhân thể.

(ST Saigon 30-11-1956 PLTS 1958 III. 74)

1059.— NHÂN CHỨNG QUYỀN CÁC THẨM PHÁN XÉT VỀ THỰC TẾ.

Các thẩm phán xét về thực tế có thể trong khi xét xử cân nặng nhẹ lời chứng cứ không phải đếm các lời ấy nhiều hay ít.

(PA 18-7-1956 PLTS 1957 I. 7)

1060.— SỰ NGHE CHỨNG NHÂN TRƯỚC CÁC TÒA TIỀU HÌNH. VÔ HIỆU CỦA BẢN ÁN KHÔNG GHI NHẬN SỰ THI HÀNH THỦ TỤC TUYÊN THỆ ĐÚNG THEO THỀ THỨC CỦA ĐIỀU 155-HSTT.

Chiếu theo các điều 155-HSTT và 189 HSTT các chứng nhân trước Tòa tiểu hình phải tuyên thệ « nói hết sự thật và chỉ nói sự thật » nếu không thì vô hiệu.

Bị phá và thủ tiêu vì vi phạm thủ tục kể trên của Tòa Thượng thẩm tuyên phạt bị can căn cứ vào các lời khai của các chứng nhân trước tòa, mà không ghi nhận trong án văn rằng những người này đã tuyên thệ theo thề thực ấn định trong điều 155-HSTT trước khi khai.

(PA 31-5-1961 PLTS 1961 IV. 32)

1061.— TỘI GIẢ MẠO NHÃN HIỆU. SO SÁNH HAI MÓN HÀNG THAY VÌ SO SÁNH HAI NHÃN HIỆU. ÁN THIỂU LÝ DO VÀ CĂN BẢN PHÁP LÝ.

Bị phá và thủ tiêu vì khiếm khuyết lý do và thiếu căn bản pháp lý là một bản án của tòa Thượng thẩm đề tha bổng bị can về tội giả mạo nhãn hiệu, chỉ viện lẽ rằng « sau khi so sánh bốn tòa thấy các món hàng của hai đương sự không giống nhau, và như thế người tiêu thụ không thể lầm lộn được mà không so sánh hai nhãn hiệu và nêu một chi tiết nào khác về những điểm tương đồng và dị đồng giữa những nhãn hiệu ấy đề tòa Phá án có thể kiểm soát Tòa xử về nội dung có suy luận hợp lý và hợp pháp do những sự kiện xác nhận sự vô cớ của bị can hay không.

(PA 28-2-1961 PLTS 1961 IV. 11)

## NHÃN HIỆU. GIẢ MẠO NHÃN HIỆU. XỬ DỤNG NHÃN HIỆU GIẢ MẠO. BẮT CHƯỚC NHÃN HIỆU MỘT CÁCH TRÍ TRÁ.

Theo điều 6 luật số 13157 ngày 1-8-1957, các người ngoại quốc mà doanh nghiệp không đặt trên lãnh thổ Việt-Nam chỉ được hưởng sự che chở của luật lệ về nhãn hiệu, nếu ở các xứ mà doanh nghiệp ấy tọa lạc có những hiệp ước bang giao hoặc những luật lệ định quyền hồ huệ cho các nhãn hiệu Việt-Nam.

Hiệp định Paris ngày 20-3-1883 về nhãn hiệu chưa được ban hành tại Việt-Nam, vì vậy không thể đem đối kháng với người Việt-Nam.

Trước ngày 26-10-1956 là ngày ban hành hiến pháp ở Việt-Nam các Hiệp định quốc tế vẫn được công bố.

Về sự bắt chước trí trá nhãn hiệu, có thể nói rằng một người khách tiêu thụ hàng chăm lo đến quyền lợi của mình không thể nào lầm lẫn được giữa hai thứ bao đựng kem đánh răng của Công ty Thi-baud Gi-bbs et Cie. Và những bao đựng kem đánh răng của Võ văn Hoàng.

(*TT Saigon 3-3-1961 PLTS 1961 II. 57*)

## 1062.— NHÃN HIỆU. NGỤY TẠO NHÃN HIỆU. NHÃN HIỆU DANH XƯNG. ÁN THIẾU LÝ DO.

Chiếu theo điều 1 luật số 13157 ngày 1-8-1957 được coi là «nhãn hiệu chế tạo hay thương hiệu, các danh từ có thể phân biệt rõ rệt danh hiệu» và sự ngụy tạo danh từ, có thể coi là ngụy tạo nhãn hiệu.

Bị phá và thủ tiêu vì khiếm khuyết lý một bản án đề tha bổng bị can về tội ngụy tạo thương hiệu « Santalia » đã không chú trọng đến danh từ ấy với tính cách nhãn hiệu danh xưng được cầu chứng đề làm yếu tố duy nhất cho thương hiệu, mà chỉ đề ý đến những khác biệt về hình thức giữa hai nhãn hiệu trong cách trình bày đề phân-



là không có sự bắt chước trí trá, không xét đầy đủ bị can có gian ý bắt chước tên gọi để được cầu chứng không và sự bắt chước tên gọi này có khiến cho khách hàng lầm lẫn về hai thứ sản phẩm đem bán được không.

(PA 26-4-1961 PLTS 1961 III. 45)

1063.— NHÃN HIỆU. TỘI BẮT CHƯỚC TRÍ TRÁ NHÃN HIỆU. HIỆU LỰC CỦA SỰ CẦU CHỨNG. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM. BẰNG SÁNG CHẾ. HIỆU LỰC CỦA BẰNG CẤP. TỘI NGUY TẠO SẢN PHẨM ĐƯỢC BẰNG SÁNG CHẾ.

Được coi là đã nêu đủ các yếu tố của tội bắt chước trí trá nhãn hiệu, án của Tòa Thượng thẩm bác bỏ như không đủ tin sự khai nại của bị can là dùng nhãn hiệu tranh tụng trước ngày dân sự nguyên cáo cầu chứng và nêu rõ sự bắt chước đến mức mà khách hàng nào cũng có thể bị lầm lẫn.

Theo điều 21 luật 1257 sẽ vô hiệu và vô hiệu tuyệt đối các bằng sáng chế cấp, nếu sự phát minh, sáng tác, áp dụng không mới lạ, và theo điều 22 thì không được coi là mới lạ một sự phát minh, sáng tác hay áp dụng mà Việt-Nam hay ở ngoại quốc trước ngày đương sự nộp đơn đã được người khác công bố. Không nêu đủ yếu tố của tội phạm là sự nguy tạo một sự sáng chế mới, một bản án để xác nhận tội phạm của bị can đã quả quyết là có.

Theo điều 23 luật số 1257 sẽ mất hết quyền lực, ngay cả với người đệ tam, nếu người có bằng sáng chế không nộp tiền lệ phí hàng năm trước khi bắt đầu năm trong suốt thời hạn của bằng cấp : phải coi là khiếm khuyết lý do và thiếu căn bản pháp lý, án của Tòa Thượng thẩm tuyên phạt bị can mà không phán xử về kháng biện của y nêu lên là dân sự nguyên cáo không chứng minh đã nộp tiền lệ phí nói trên là điều kiện cần thiết để bằng sáng chế của y có đủ hiệu lực đối kháng với người khác.

(PA 29-5-1963 PLTS 1963 IV. 69)

064.— NHÃN HIỆU. TỘI BẮT CHƯỚC TRÍ TRÁ NHÃN HIỆU  
YẾU TỐ TỘI PHẠM. TIÊU CHUẨN ĐỀ THẨM LƯỢNG  
VỀ TÍNH CÁCH TRÍ TRÁ CỦA SỰ BẮT CHƯỚC.

Điều 8 luật số 13157 ngày 1-8-1957 dự liệu sự trừng phạt kẻ nào đã có ý hay đem bán sản phẩm có giấ nhân hiệu có thể lừa khách hàng về tính chất hàng hóa của mình, án Tòa Thượng thẩm nhận xét nhân hiệu của bị can khác hẳn nhân hiệu được nại là đã bị bắt chước trí trá khiến khách hàng không thể lầm lẫn được đã có thể hợp pháp miễn ghị y vì không đủ yếu tố tội phạm.

Luật số 13157 không ấn định một tiêu chuẩn nhất định nào cho sự thẩm lượng về tính cách trí trá của sự bắt chước, Tòa Thượng thẩm đã có thể căn cứ vào sự khác biệt giữa hai nhân hiệu khiến cho khách hàng không thể bị lầm lẫn hơn là vào sự tương đồng để xác định tội phạm mà không vi luật.

(PA 25-5-1966 PLTS 1967 II. 63)

065.— TÍNH CÁCH PHÁP LÝ CỦA SỰ KÝ NẠP NHÃN HIỆU  
TẠI VIỆT NAM. TỘI BẮT CHƯỚC TRÍ TRÁ NHÃN  
HIỆU. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM.

Theo luật lệ hiện hành tại Việt Nam sự ký nạp một nhân hiệu về tính cách phó dữ quyền sở hữu.

Nêu đủ yếu tố của tội bắt chước trí trá nhân hiệu, án của Tòa Thượng thẩm xác nhận giữa nhân hiệu bị cáo là bắt chước và nhân hiệu bị bắt chước và đã được cầu chứng trước sự giống nhau gần như đúc niền người khách hàng tiêu thụ dầu chăm lo đến quyền lợi của mình ữa cũng phải nhầm lẫn.

(PA 29-5-1963 PLTS 1963 IV. 67)

066.— OA TRỮ TỘI TRỘM VÀ TỘI OA TRỮ. NGUYÊN TẮC  
LIÊN ĐỐI GIỮA CÁC BỊ CAN THEO ĐIỀU 55-HLCC.  
PHẠM VI ÁP DỤNG.

Điều 460-HLCC trừng phạt một cách tổng quát không những sự oa trữ vật bị mất trộm, mà sự tàng trữ tất cả mọi vật thủ đắc do một trọng tội hoặc khinh tội, sự tuyên phạt bị can về tội oa trữ bột mì lấy được do những phiếu giao hàng giả mạo là hợp pháp.

Sự phán định về sự ngay tình của bị can thuộc quyền thẩm lượng của các tòa xử về tình lý.

Nguyên tắc liên đới giữa các bị can của điều 55-HLCC ấn định rằng những kẻ bị xử phạt về cùng một trọng tội hoặc khinh tội phải liên đới với nhau về tội phạt vạ, sự bồi thường và về án phí, phải được áp dụng giữa các người phạm tội oa trữ vật gian và các thủ phạm các trọng tội hay khinh tội phát xuất ra các vật gian ấy, và sự liên đới gồm toàn thể sự thiệt hại gây nên, mặc dầu chỉ có sự oa trữ một phần các vật gian đã đoạt được, vì có sự liên hệ mật thiết giữa hai tội phạm, và về thực tế cũng như về pháp lý, không thể phân tách trách nhiệm riêng biệt của các bị can mà hành vi phạm pháp cấu thành một toàn thể chuẩn bị và bồi tức cho nhau.

(PA 27-3-1963 PLTS 1963 IV. 52)

### 1067. — OA TRỮ. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM. SỰ LỢC ĐOẠT VẬT GIAN.

Theo điều 460-HLCC tội oa trữ được cấu thành một khi bị can đã tàng trữ, dù chỉ trong một thời gian và bất cứ bằng cách nào kể cả cách gian đoạt của chánh phạm, một số tiền bạc hoặc đồ vật biết là của gian đã thủ đắc được, dù gián tiếp hay trực tiếp, do một khinh tội hay trọng tội, sự được giao giữ không phải là một yếu tố cần thiết của tội phạm nói trên.

(PA 26-6-1963 PLTS. 1965 III 65)

### 1068. — PHÁ ÁN. KHAI XIN PHÁ ÁN.

« Người bị can phải khai xin phá án » Luật sư không có ủy quyền đặc định của bị can không thể xin phá án cho bị can được.

(PA 18-7-1956 PTL. 1957. I. 9)

1069—. PHÁ ÁN. ÁN CỦA PHÒNG LUẬN TỘI ĐƯA BỊ CAN RA TRƯỚC TÒA XÉT XỬ. THƯỢNG TỐ. ÁN ĐỦ LÝ DO.

Chiếu theo điều 30 S2. Dự ngày 18-10-1949 tổ chức tối cao Pháp Viện, đối với những bản án của Phòng Luận tội xử giao người bị tố ra trước Tòa sơ thẩm xử về việc tiêu hình hay đại hình, chỉ có thể xin phá được khi những bản án ấy phán định về một vấn đề thẩm quyền hay có những điều khoản nhất định mà tòa án thụ lý vụ đó không sửa đổi được nữa.

Được coi như là đã quyết định một điều khoản nhất định và có thể được thượng tố theo điều luật nói trên, án của Phòng Luận tội, xử theo sự kháng cáo của dân sự nguyên cáo chống án lệnh dự thẩm miễn tố bị can, đã chấp nhận sự kháng tố, bác án lệnh miễn tố và truyền đưa bị can ra xét xử về tội bị truy tố trước tòa tiêu hình.

Sự thẩm lượng giá trị các sự kiện cấu thành một khinh tội hay trọng tội dự phạt bởi luật hình.

(PA 30-1-1963 PLTS. 1965 II. 26)

1070—. PHÁ ÁN. ÁN PHÒNG LUẬN TỘI. KHÁNG CÁO VÀ THƯỢNG TỐ. TRƯỜNG HỢP VÀ THỜI HẠN.

Theo điều 30 S2 Dự ngày 18-10-1949 đối với những bản án của Phòng Luận tội xử giao người bị tố ra trước Tòa sơ thẩm xử về việc tiêu hình hay đại hình, chỉ có thể xin phá được khi những bản án ấy phán định về một vấn đề thẩm quyền hay có những điều khoản nhất định mà tòa thụ lý vụ đó không sửa đổi được nữa.

Sự việc phòng Luận tội đã truyền đưa bị can ra xét xử, mặc dầu án lệnh của Phòng Dự thẩm đã tuyên cáo công tố quyền tiêu diệt đối với y là một điều khoản nhất định trong án văn khiến phòng luận tội có thể được xin phá chiếu điều luật ghi trên.

Điều 81 Dự số 4 ngày 18-10-1949 ấn định thời hạn kháng cáo đối với án lệnh Dự thẩm là hai ngày, bị phá án của Phòng Luận tội bỏ qua không thẩm xét về sự chuẩn chấp về hình thức của sự

kháng cáo chống một án lệnh ngày 3-5-1962 mà chỉ được ký kháng tố ngày 12-12-1962 khiến tòa phá án không thể kiểm soát sự kháng tố có hợp thức hay không.

(PA 24-12-1963 PLTS 1962 II. 45)

1071.— PHÁ ÁN. ÁN XUẤT TỊCH MỆNH DANH SAI LẦM LÀ ÁN KHUYẾT TỊCH. VI PHẠM ĐIỀU 115 TKHSTT. THƯƠNG TỔ VÌ LỢI ÍCH CỦA LUẬT PHÁP.

Theo điều 115 TKHSTT nếu người bị can về tội đại hình trốn sau khi đã đến hầu ở trước tòa án tỉnh rồi thời án Tòa Thượng thẩm xử đối với y là án xuất tịch.

Vi phạm điều luật kể trên và bị phá án không di giao, vì lợi ích của luật pháp, phúc quyết của tòa thượng thẩm Huế, riêng về khoản mệnh danh án đã tuyên phạt là khuyết tịch đối với bị can mặc dầu y đã được xử đương tịch ở cấp sơ thẩm và đã được báo thị đích thân và hợp lệ phải ra trước tòa Thượng thẩm để nghe xử lại, mà không ứng hầu và không nại được duyên cớ chính đáng.

(PA 24-11-1965 PLTS 1966 IV. 49)

1072.— PHÁ ÁN. BIỆN MINH TRẠNG NẠP SAU THỜI HẠN 15 NGÀY. SAI THỦ TỤC. DI GIAO ĐỀ XỬ LẠI.

Biện minh trạng đệ nạp sau thời hạn 15 ngày dự liệu trong điều 36 Dự ngày 18-10-1949 tổ chức Tối cao Pháp viện không thụ lý hợp lệ Tòa Phá án về những lý do trình nại.

Sự sai thủ tục thẩm cứu phải được nại ra trước Tòa xét xử về tình lý và không thể nêu lần đầu trước Tòa phá án vì phải coi là đã được bao yếm.

Án bị thượng tố cũng không cần di giao đề xử lại, khi bị can đã bị xử đúng luật lệ về tội thứ nhất được dự phạt nặng hơn tội thứ nhì, mặc dầu khoản tuyên phán về tội thứ nhì, bị coi là thiếu lý do và bị thủ tiêu riêng về khoản ấy.

(PA 29-7-1959 PLTS 1959 IV. 19)

1073.— PHÁ ÁN. ĐỌC TÀI LIỆU. ÁN ĐẠI HÌNH. QUYỀN CỦA  
VỊ CHÁNH THẨM.

Khi xác nhận bị can phạm tội biên thủ, với danh từ « biên thủ » Tòa đại hình đã mặc nhiên nhìn nhận yếu tố gian tình của phạm tại của bị can.

Sự kiện vị Chánh thẩm không đọc các văn kiện quan trọng tại phiên xử không cấu thành một sự khiếm khuyết làm duyên cớ cho sự phá án, vì không có điều luật nào buộc Chánh thẩm phải đọc tài liệu hồ sơ trước Tòa, vị này có toàn quyền phán định nên hay cầu đọc văn kiện nào, tự ý vị ấy hoặc theo sự yêu sách của các đương sự.

(PA 27-II-1963 PLTS 1965 II. 38)

1074.— PHÁ ÁN. THỜI HẠN XIN PHÁ ÁN.

Theo điều 8 Dự số 5 ngày 18-10-1949, muốn xin phá một bản án phải khai trình tại phòng lục sự Tòa án nguyên thẩm trong hạn 15 ngày nếu là về dân sự hay trong hạn 3 ngày nếu là về hình sự kể từ sau ngày tổng đạt bản án ấy đến đích thân hay trú sở của người đương sự. Nếu là một bản án xử khuyết tịch thì thời hạn ấy chỉ bắt đầu khi đã hết thời hạn kháng án khuyết tịch.

(PA 6-6-1956 PLTS. 1957 III. 10)

1075.— PHÁ ÁN. TÍN LỰC CỦA NHỮNG GHI CHÉP TRONG  
ÁN VĂN. GHI CHÉP BẰNG VĂN THỨC IN SẴN.  
BÚT KÝ PHIÊN TÒA.

Những sự nhận xét ghi chép trong án văn, dù bằng văn thức in sẵn hay đánh máy, cũng có tín lực cho đến khi bị tố cáo giả mạo, và sự biên chép trái ngược, dù có, của tờ bút ký phiên tòa cũng không thể đánh đổ được tín lực ấy, bút ký phiên tòa chỉ có thể bỏ tức án văn, mà không thể chứng minh trái lại.

(PA 26-9-1962 PLTS 1963 IV. 47)

1076.— PHÁ ÁN. VI PHẠM THUẾ VỤ. NGUYÊN TẮC HỒI TỐ TÍNH CỦA LUẬT HÌNH NHE NHÚT, SỰ ÁN ĐỊNH NGÀY CHỊU THUẾ KHỞI ĐIỀM CHO SỰ TIÊU DIỆT THỜI HẠN.

Theo một ngoại lệ được học thuyết và án lệ công nhân, nguyên tắc theo đó một đạo luật ấy được bãi bỏ không áp dụng đối với các vi phạm thuế vụ vì về những vi phạm này do tính cách bồi thường của hình phạt và sự tịch thu tài vật được dự liệu, ngân khố đã thủ đắc quyền thụ hưởng và xin áp dụng luật hiện hành ngày xảy ra vụ phạm pháp để được thường hoàn đầy đủ cho sự thiệt hại gây nên theo luật lệ thi hành lúc ấy.

Sự án định ngày chịu thuế khởi điềm cho sự tiêu diệt thời hạn của tố quyền đòi thuế, là một sự kiện hỗn hợp vừa về thực tế vừa về pháp lý không thể nêu lên lần đầu tiên trước Tòa Phá Án như một phương chức thượng tố.

(PA 26-9-1962 PLTS 1963 IV. 44)

1077.— TỘI PHÁ RỐI CUỘC TRỊ AN CHIẾU ĐIỀU 130-HLTV. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM.

Chiếu điều 130-H.L.T.V. sự kiện xúi người ta oán ghét Chánh phủ cũng cấu thành tội phá rối cuộc trị an.

(PA 25-7-1962 PLTS 1962 IV 34)

1078.— PHẠM GIAN. PHƯƠNG PHÁP DẪN CHỨNG THEO LUẬT ĐỊNH ĐỐI VỚI KẺ TÔNG PHẠM.

Chiếu điều 338-HLCC. không trái với điều 72 Luật Gia đình ngoài trường hợp quả tang, những bằng chứng duy nhất được chấp nhận về sự tông phạm phạm gian chỉ là những thư tín hoặc giấy tờ khác do bị can viết.

Vi phạm nguyên tắc dẫn chứng của điều luật ghi trên và bị phá và tiêu hủy án của Tòa Thượng thẩm đã tuyên phạt bị can về tội tòng phạm phạm gian mặc dầu không có yếu tố quả tang và cũng không có bằng chứng bằng giấy tờ do y viết cho phép suy định có sự phạm gian viện lẽ rằng chánh phạm đã nhận lỗi và theo những lời khai của chứng nhân tội trạng của bị can quá rõ rệt.

(PA 26-7-1961 PLTS. 1962. II. 20)

1079.— TỘI PHẠM GIAN. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM. PHÁ ÁN QUYỀN THẨM LƯỢNG GIÁ TRỊ SỰ KIỆN BẰNG CHỨNG CỦA CÁC TÒA XỬ VỀ TÌNH LÝ.

Sự thẩm tượng giá trị các sự kiện bằng chứng thuộc quyền chuyên quyết của các Tòa xử về tình lý, và Tòa Thượng thẩm không vi luật khi không phán định rằng nhân chứng của dân sự nguyên cáo không đáng tin như nhân chứng của bị can, đặt ra sự phân biệt bất hợp pháp giữa các hạng nhân chứng, mà chỉ có ý rằng trong hiện vụ những lời phai của các can nhân chứng nại ra không đủ để lập tâm tin cho Tòa về tội phạm của bị can.

Yếu tố của tội phạm gian là sự phối ngẫu bất hợp pháp giữa hai bị can, và sự kiện nhận xét trong án văn là các nhân chứng khai có thấy họ đi chơi với nhau lúc ban đêm cũng như sự hiện hữu trong hồ sơ một tấm hình cho thấy họ hôn nhau, không đủ chứng minh sự phối ngẫu, Tòa Thượng thẩm đã có thể miễn nghị các bị can vì nghi vấn mà không vi luật hoặc mâu thuẫn lý do.

(PA 26-6-1963 PLTS 1964 II. 70)

1080.— PHÁ THAI. THÀNH TỐ. ĐÀN BÀ CÓ THAI. HÌNH SỰ TỐ TỤNG. ÁN LỆNH MIỄN TỐ CỦA DỰ THẨM. HIỆU LỰC. THỦ TỤC TÁI XÉT. YẾU TỐ MỚI. PHÁ ÁN. PHÁ THAI GÂY THIẾT MẠNG. NGỘ SÁT. THẨM QUYỀN CỦA TÒA TIÊU HÌNH PHÁN ĐỊNH THẨM QUYỀN.



Theo điều 317 khoản 1 H.L.C.C. và điều 289 khoản H.L.T phạm tội phá thai người nào dùng độc chất hay cách khác đã làm trụ thai hay toan làm trụ thai người đàn bà có thai chẳng kỳ người đàn bà có bằng lòng hay không. Như vậy yếu tố căn bản của tội trạng là nạn nhân phải đã có thai (Điều này án văn không nêu nhưng tác giả đã đề ra).

Khi kết thúc công iác thẩm cứu Dự thẩm chỉ có thể ra hoặc án lệnh đưa ra tòa tiêu hình (nếu là khinh tội) hay đưa lên phòng luận tội (nếu là trọng tội) hoặc án lệnh miễn tố và không thể ra án lệnh tạm đình cứu vì bộ hình sự tố tụng không hề dự liệu loại định lệnh sau này.

Án lệnh miễn tố có hai loại, một dựa theo luật, một dựa theo sự kiện. Riêng loại án lệnh miễn tố dựa theo luật là có uy lực quyết tụng. Đối với loại án lệnh miễn tố dựa theo sự kiện, lâm thời người ta vẫn có thể mở cuộc thẩm vấn lại với điều kiện là phải có sự kiện mới và phải do công tố viên (biện lý hay chương lý tùy từng trường hợp) bằng khởi tố trạng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền theo luật định (dự thẩm hay phòng luận tội tùy từng trường hợp) tái xét. (Điều này án văn không nêu, nhưng tác giả đã đề ra).

Hành vi phá thai có thể đồng thời cấu thành tội cố ý đả thương nhân trí mang, nếu bị can vì muốn phá thai đã dùng bạo động gây thương tích cho nạn nhân đã bị thiệt mạng do những thương tích ấy.

Sự vụng về, bất cẩn vô ý, cầu thả, bất tuân luật lệ mà làm chết nạn nhân, trong khi phá thai người này cấu thành tội ngộ sát thuộc thẩm quyền tòa tiêu hình xét xử.

(PA 26-12-1962 PLTS 1965 III. 45)

1081.— PHÁ THAI HOẶC TOAN PHÁ THAI CHIẾU ĐIỀU 317 H.L.C.C. TỘI PHẠM BẤT NĂNG THÀNH (DÉLIT IMPOSSIBLE).

Trái với điều 317 Hình Luật pháp dự phạt cả sự phá thai hay toan phá thai một người đàn bà được tin là có chửa, điều 317 HLCC

chỉ dự phạt sự phá thai hay toan phá thai người đàn bà thực có chữa và như thế, theo nguyên tắc thông thường, đã loại trừ trường hợp tội phạm bất năng thành.

Bị phá vì khiếm khuyết lý do một bản án đề tuyên phạt bị can về tội nói trên, đã không phân định về kháng biện do y nêu ra là những chất thuốc y bị gán là đưa cho nạn nhân để chích không thể nào phá thai được, khiến Tòa phá án không thể kiểm soát bị can có ở trong trường hợp một tội phạm bất năng thành và điều 317-H.L.C. C. có được áp dụng đúng hay không.

(PA 28-6-1961 PLTS 1962 II. 16)

#### 1082.— PHÁN ĐỊNH THẨM QUYỀN. QUYỀN CỦA PHÒNG LUẬN TỘI.

Sự tương phản giữa án lệnh dự thẩm đưa bị can ra xử trước tòa tiểu hình và phán quyết của Tòa này tuyên bố vô thẩm quyền vì tội bị truy tố là đại hình cấu thành trường hợp tranh chấp tiêu cực về thẩm quyền.

Trong trường hợp tranh chấp thẩm quyền như trên phòng luận tội được giao xét đề quyết định về tội trạng cũng như về thẩm quyền, dựa theo cuộc thẩm vấn đã có hoặc được bổ túc thêm.

(PA 24-10-1960 PLTS 1961 II. 28)

#### 1082.— PHÁN ĐỊNH THẨM QUYỀN. CÓ ÁN LỆNH CỦA ÔNG DỰ THẨM TƯƠNG PHẢN VỚI BẢN ÁN CỦA TÒA TIỂU HÌNH.

Phòng luận tội Tòa thượng thẩm sẽ chỉ định về tội trạng của các bị can và về tòa án có thẩm quyền để xét xử vụ ấy, nếu có sự tương phản giữa án lệnh của ông Dự thẩm đã thành nhất định và bản án của Tòa tiểu hình cũng thành nhất định.

(PA 21-12-1955 PLLS 1956 III. 17)

1083.— PHÁN ĐỊNH THẨM QUYỀN. ÁN LỆNH CỦA ÔNG DỰ THẨM TƯƠNG PHẢN VỚI BẢN ÁN CỦA TÒA THƯỢNG THẨM (BAN TIÊU HÌNH).

Phòng luận tội Tòa Thượng thẩm sẽ chỉ định về tội trạng của các bị can và về tòa án có thẩm quyền để xét xử vụ ấy, nếu có sự tương phản giữa án lệnh của ông Dự thẩm đã thành nhất định và bản án của Tòa Thượng thẩm (ban Tiêu hình) cũng đã thành nhất định.

(PA II-4-1956 PLTS 1956 IV. 14)

ÁN LỆNH PHÒNG LUẬN TỘI TƯƠNG PHẢN ÁN TÒA ĐẠI HÌNH (X. 1005)

1084.— PHÁN ĐỊNH THẨM QUYỀN. TỘI PHÁ RỐI CUỘC TRỊ AN. THẨM QUYỀN TÒA QUÂN SỰ VÀ TÒA ÁN DÂN SỰ.

Tội hành động phá rối cuộc trị an dự liệu trong điều 91 S-3 HLCC thuộc loại các tội có phương hại đến an ninh quốc gia nên ở trong phạm vi thẩm quyền xét xử của Tòa án Quân sự dù can phạm là quân nhân hay thường dân, chiếu điều 2 S 3 bộ Quân luật.

Một dạng khác, tể kê trên dự phạt bởi điều 91 S 3 - HLCC cũng có thể do tòa án dân sự tiêu hình xét xử nếu can phạm không có tư cách quân nhân để thuộc thẩm quyền tòa án quân sự theo tư cách ấy.

Trong trường hợp can phạm tội hành động phá rối cuộc trị an là thường dân, tòa án quân sự hoặc tòa án dân sự đều có thẩm quyền xét xử, miễn là được thụ lý trước do cơ quan hữu trách,

(PA 26-4-1961 PLTS 1961 IV. 28)

1085.— PHÒNG LUẬN TỘI. ÁN MIỄN TỔ CỦA PHÒNG LUẬN TỘI. THƯỢNG TỔ DO DÂN SỰ NGUYÊN CÁO.

Chiều theo điều 30 S 4 Dự ngày 18-10-1949, trong trường hợp Công tố viện không xin phá án, người đứng dân sự nguyên cáo có thể xin phá án miễn tố của phòng luận tội về khoản thẩm quyền hoặc khi bản án bỏ quên không xét xử về một khoản khiếu tố nào đó.

Bị phá và thủ tiêu án của phòng Luận tội đề chuẩn y án lệnh miễn tố của dự thẩm chỉ viện rằng theo cuộc thẩm vấn không đủ tội chứng, mà không dă động gì đến diêm kháng tố của dân sự nguyên cáo mà Phòng Dự thẩm đã không xét đến và trả lời về thỉnh cầu xin khảo xét tài liệu trình trong biện minh trạng và mở cuộc giám định của y cũng như không tự thêm những sự kiện không khiếu hoặc lý lẽ nào khác khiến Tòa phá án không thể kiểm soát phòng Luận tội có phán định không thiếu sót về tất cả các khoản khiếu tố không.

(31-8-1960 PLTS 1961 I. 12)

1086. — PHÒNG LUẬN TỘI, KHÁNG TỐ ÁN LỆNH DỰ THẨM QUYỀN HẠN CỦA PHÒNG LUẬN TỘI. THƯỢNG TỐ DO DÂN SỰ NGUYÊN CÁO.

Sự kháng tố án lệnh dự thẩm là một sự kháng cáo. Theo các nguyên tắc, được áp dụng trong điều 143 T.K.H.V.T.T quyền phúc lại của Tòa kháng cáo phải giới hạn vào các khoảng bị kháng và sự kháng cáo không thể làm thiệt hại cho quyền lợi của người đứng kháng cáo.

Bị thủ tiêu phán quyết của Phòng Luận tội cải truyền miễn tố cho bị can trong trường hợp người này cũng như Công tố viện không kháng tố án lệnh dự thẩm đưa y ra xử trước Tòa và chỉ có sự kháng tố duy nhất của dân sự nguyên cáo.

Theo điều 30 Dự ngày 18-10-1949, trong trường hợp Công tố viện không xin phá án, dân sự nguyên cáo chỉ có thể thượng tố án lệnh miễn tố của phòng Luận tội về khoản thẩm quyền hoặc nếu án lệnh đã bỏ sót không phân xử về một khoản nào đã được khiếu tố.

(PA 38-3-1960 PLTS 1960 II. 19)

1087.— ÁN PHÒNG LUẬN TỘI ĐƯA BỊ CAN RA TRƯỚC TÒA XÉT XỬ. UY LỰC TÀI PHÁN. TỔ QUYỀN DÂN SỰ HÀNH XỬ THEO ĐIỀU 70 H.S.T.T. VÀ ĐIỀU 373-H.L.C.C.

Án phòng Luận tội đưa người bị tố ra trước tòa xét xử chỉ có uy lực tài phán về sự truy tố bị can, mà không bó buộc Tòa thụ lý vụ truy tố về các vấn đề khác nêu lên, kể cả về kháng biện tiêu diệt thời hạn.

Sự kiện người man cáo được miễn cứu hay miễn nghị không xử dụng tố quyền dân sự để đòi bồi thường thiệt hại trong thời hạn 3 tháng chiếu điều 70-H.S.T.T. không làm ngăn trở y xử dụng tố quyền dân sự phụ đới với công tố quyền dự theo sự truy tố người man cáo do công tố viện chiếu điều 3 H.S.T.T. và điều 373 H.L.C.C.

(PA 25-7-1962 PLTS 1962 IV. 36)

1088.— PHỈ BÁNG. TỘI PHỈ BÁNG TRÊN MẶT BÁO. TÁC GIẢ BÀI BÁO.

Tác giả bài báo có tính cách phỉ báng có thể bị thôi xuất (attraire) một mình ra trước tòa. Người bị phỉ báng có thể không kiện người quản nhiệm hoặc người xuất bản.

(PA 22-8-1953 PLTS 1955 I. 19)

1089.— TỘI PHỈ BÁNG CÔNG CHỨC. PHỈ BÁNG VỀ HÀNH VI SỰ. THẨM QUYỀN CỦA TÒA TIỀU HÌNH.

Chiếu điều 47 S 3 luật ngày 29-7-1881 về báo chí, tội phỉ báng công chức trên mặt báo thuộc thẩm quyền Tòa Đại hình. Tuy nhiên nếu sự việc bị phỉ báng không nằm trong nhiệm vụ công chức của dân sự nguyên cáo, sự phỉ báng có thể coi là một sự phỉ báng tư nhân thuộc quyền xét xử của Tòa Tiều hình.

Không vi luật án của Tòa Thượng thẩm Tiều hình để lãnh nhiệm thẩm quyền đã xác nhận là những bài báo kể trong triệu hoán

tàng thực tế của dân sự nguyên cáo chỉ có tính cách phỉ báng đời tư của ý và không nhằm nhiệm vụ công chức của đương sự.

(PA 28-II-1962 PLTS 1964 III. 80)

2000.— PHÁ ÁN. TỘI CÔNG KHAI PHỈ BÁNG. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM. ÁC Ý. QUYỀN THẨM LƯỢNG CỦA TÒA XÉT VỀ TÌNH LÝ.

Về tội công khai phỉ báng, ác ý của bị can cố ý làm hại danh dự của người khác được ước đoán theo luật pháp do những lời phỉ báng được công bố, sự ngay tình không thể chứng minh, bằng mục đích thông tin cho độc giả của một tờ báo hoặc bởi sự kiện người viết báo không thù ghét người bị phỉ báng, những sự việc này không loại trừ ý định phạm pháp của bị can.

Sự nhận xét về cá nhân người bị phỉ báng cũng như về tính cách phỉ báng của các lời lẽ bị chỉ trích bởi các Tòa xử về tình lý, đích xác và không trái với tài liệu hồ sơ, cấu thành lý do xác đáng để miễn nghị hoặc kết phạt bị can mà không có sự vi luật vì khiếm khuyết lý do, các tòa nói trên có quyền chuyên quyết thẩm lượng giá trị các sự kiện bằng chứng.

(PA 31-7-1963 PLTS 1964 II. 103)

2001.— QUAN THUẾ. ĐIỀU ĐÌNH GIỮA BỊ CAN VÀ NHA QUAN THUẾ. QUYỀN CÔNG TỔ TIÊU DIỆT.

Sự điều đình thỏa hiệp giữa bị can và Nha Quan Thuế làm tiêu diệt quyền công tố bất cứ trong giai đoạn nào của sự truy tố, miễn là án phạt chưa thành nhất định.

Trong trường hợp như trên, Tòa Phá án không phán xử về vụ thượng tố nữa, mà chỉ tuyên bố quyền công tố tiêu diệt.

(PA 24-10-1960 PLTS 1961 II. 21)

2002.— QUAN THUẾ. TỘI VI PHẠM QUAN THUẾ. CẦU PHÁT. NGUYÊN TẮC BẮT KIỂM NHIỆM HÌNH PHẠT.

Nguyên tắc bất kiêm nhiệm hình phạt của luật hình phổ thông về sự cấp phát không áp dụng trong trường hợp có luật lệ đặc biệt định khác.

Theo nguyên tắc trong trường hợp các vi phạm quan thuế câu phát với các vi phạm khác, dù là câu phát lý tưởng hay câu phát thực sự, nguyên tắc bất kiêm nhiệm hình phạt cũng chỉ được áp dụng đối với hình phạt giam, mà không thi hành đối với những hình phạt ngân, được coi như có tính cách bồi thường dân sự hơn là trừng phạt hình sự.

(PA VỤ PHAN-THỊ-MAI, PLTS 1967 I. 46)

1093.— VI PHẠM THUẾ QUAN. NGUYÊN TẮC HỒI TỐ. NGOẠI TỆ.

Trái với nguyên tắc hồi tố của luật hình bãi bỏ hình phạt hoặc dự liệu một hình phạt nhẹ hơn, các luật lệ về thuế vụ chỉ mất hiệu nghiệm từ ngày bị phế bỏ về phần dự liệu hình phạt giảm, còn phần dự phạt tiền và tịch thu tài vật quyền thụ hưởng của công quỹ đã được thủ đắc từ ngày sự phạm pháp xảy ra, chiếu theo tính cách bồi thường của những hình phạt này.

Không vi luật theo ngoại lệ kể trên, án của Tòa Thượng thẩm tuyên phạt vạ bị can về tội gian lận thuế phụ trội quân nhu và quốc phòng qui định bởi dụ ngày 13-4-53 xảy ra từ ngày Dụ này còn được thi hành, mặc dầu đến ngày tuyên án các Dụ ấy đã được hủy bỏ.

(PA 31-1-1961 PLTS 1961 IV. 6)

1094.— VI PHẠM QUAN THUẾ. TỘI PHẠM VẬT CHẤT. SỰ NGAY TÌNH CỦA BỊ CAN. LÝ DO KHOẢN MIỄN.

Theo nguyên tắc tổng quát của luật Quan thuế là những tội phạm vật chất được cấu thành một khi các sự kiện vật chất được hội đủ, sự ngay tình của bị can hoặc sự nhầm lẫn của nhân viên Quan thuế không được coi như một duyên cớ đề miễn tội cho phạm nhân.

Điều 448-449 Luật Quan thuế dự phạt sự khai man giá hàng để ăn lậu tiền thuế dưới mọi hình thức kể cả sự xuất trình tài liệu án của tòa Thượng thẩm tuyên xử tha bổng bị can viện lẽ rằng không đủ yếu tố tội phạm vì không có sự giả mạo trong những tài liệu xuất trình.

(PA 31-1-1962 PLTS 1964 III. 50)

1095.— QUAN THUẾ. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CHỦ ỦY THEO ĐIỀU 409-LQT. TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA BỊ CAN.

Theo luật ngày 25-6-1920 qui định định chế các hãng khai quan thuế, những người có hàng giao cho hãng đi lãnh hộ không bị trách nhiệm về hình sự hay hộ sự về những hành vi của Hãng và điều 409-LQT ấn định trách nhiệm của chủ hàng hóa như chủ ủy thác không áp dụng cho họ.

Một đương sự được gọi ra tòa với tư cách duy nhất là bị can và đã được miễn nghị không thể buộc phải chịu trách nhiệm dân sự cho các bị can khác, nếu không đồng thời được triệu tố cả với tư cách là đảm nhiệm hộ trách cho các người này.

(PA 25-5-1966 PLTS 1966 IV. 60)

1096.— QUAN THUẾ. VI PHẠM HỐI ĐOÁI VÀ VI PHẠM QUAN THUẾ. TRƯỜNG HỢP CẦU PHÁP. CHUYỂN NGÂN BẰNG CÁCH BÙ TRỪ TRONG TRƯỞNG MỤC.

Theo điều 1 Sắc luật ngày 9-9-1939 cấm sự xuất cảng tiền tệ bất cứ dưới hình thức nào và điều 1 Sắc lệnh ngày 20-1-1940 coi như sự xuất cảng tiền tệ sự mãi đặc tài vật, động sản hay bất động sản, tại nơi ngoài lãnh thổ quốc gia, sự mua bán đồng quan bằng cách nhận bạc Việt Nam của những người muốn mua đồng quan rồi trao lại cho những người muốn bán đồng quan có sẵn đồng quan tại Pháp, những người này lấy đồng quan của họ tại Pháp trả vào trương mục người mua tại Pháp bằng cách bù trừ, cấu thành sự vi phạm hối đoái.

Mọi vi phạm hối đoái không phải đương nhiên là một vi phạm quan thuế, mà chỉ có thể cấu thành thêm tội này nếu hội đủ yếu tố do



luật lệ riêng về quan thuế qui định, nghĩa là khi có sự di chuyển vào trong hay ra ngoài biên giới hàng hóa bị cấm chỉ hay không đóng thuế hoặc thực hiện những thể thức thích nghi, tiền tệ theo án lệnh được đồng hóa với hàng hóa.

(PA 27-II-1963 PLTS 1965 I. 70)

1097.— QUAN THUẾ. VI PHẠM LUẬT THUẾ QUAN. ĐỒNG HÓA HÀNG HÓA DO QUÂN ĐỘI PHÁP NHẬP NỘI ĐEM BÁN RA NGOÀI VỚI HÀNG HÓA LẬU THUẾ. TỔ QUYỀN ĐÒI TIỀN THUẾ. TIÊU DIỆT THỜI HẠN. ÁP DỤNG SAI HÌNH PHẠT.

Hàng hóa do quân đội Pháp (đồng minh) nhập nội để dùng vào nhu cầu của bộ đội được miễn thuế nhập nội, nhưng đem bán ra ngoài và xử dụng vào việc khác phải coi như hàng lậu thuế, vi phạm điều 417 Luật Quan thuế.

Chiếu điều 393 luật Quan Thuế sau thời hạn 1 năm Nha Thuế Quan không quyền xử dụng tổ quyền đòi thuế, nhưng sự tiêu diệt thời hạn này có tính cách dân sự phải được nêu lên trước các tòa xét về nội dung và không thể nại ra lần đầu tiên trước Tòa Phá án.

Điều 417 Luật Thuế quan ấn định một số tiền phạt tương đương với trị giá hàng lậu thuế, bị phá và thủ tiêu về phần áp dụng hình phạt một bản án tuyên phạt bị can trên mức luật định.

(PA 29-6-1960 PLTS 1960 IV. 13)

1098.— QUAN THUẾ. VI PHẠM LUẬT THUẾ QUAN. ĐIỀU ĐỊNH GIỮA BỊ CAN VÀ NHA QUAN THUẾ. QUYỀN CÔNG TỔ TIÊU DIỆT.

Sự điều đình thỏa hiệp giữa bị can và Nha Quan thuế là tiêu diệt quyền công tố bất cứ trong giai đoạn nào của sự truy tố, miễn là án phạt chưa thành nhất định.

Trong trường hợp như trên, Tòa Phán án không phán xử về vụ hưởng tố nữa, mà chỉ tuyên bố quyền công tố tiêu diệt.

(PA 24-10-1960 PLTS 1961 II. 21)

099.— QUYỀN DI THẨM CỦA TÒA PHỤC THẨM. TỘI NHÂN HỐI LỘ TRONG TRƯỜNG HỢP LẼ VẬT ĐƯA SAU. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM.

Chiếu điều 215-HSTT trong trường hợp hủy án sơ thẩm tuyên vô thẩm quyền, Tòa Thượng thẩm có quyền di thẩm và trực tiếp xét xử ngay lấy vụ kiện về nội dung.

Theo điều 7 đoạn cuối Dự ngày 28-7-1954, trong trường hợp đưa lẽ vật sau, thì phải rõ rệt bằng sự giải quyết công việc là nguyên nhân trực tiếp của sự yêu sách, sự đưa lẽ vật dứt lốt, hay lời hứa hẹn tặng, hoặc các của cho hay vật biếu. Bị phá vì thiếu lý do một bản án để kết phạt bị can về tội nhận hối lộ đã căn cứ vào câu hỏi đặt ra về tội trạng của bị can không nêu rõ sự việc như trên.

(PA 24-4-1963 PLTS 1963 IV. 61)

100.— QUẢ TANG PHẠM PHÁP VÀ ĐƯƠNG ĐƯƠNG PHẠM PHÁP. NGÀY KHỞI NGUYÊN SỰ TRUY TỐ. BẰNG CHỨNG. TRÁT ĐÒI BỊ CAN VÀ SỞ TỐ CÁO CỦA BIỆN LÝ CUỘC.

Không có sự phân biệt theo pháp luật giữa trường hợp phạm pháp quả tang và đương đương phạm pháp, hai trường hợp chỉ là một và hai danh từ chỉ có nghĩa là bị can bị bắt trong lúc đang phạm pháp hoặc bị bắt trong một thời gian ngắn sau khi phạm pháp.

Trong thủ tục truy tố trực tiếp, ngày ký trát đòi bị cáo ra trước Tòa là ngày khởi nguyên truy tố, chứ không phải ngày ghi quyết định truy tố ở sở tố cáo của Biện lý cuộc, sở này không có giá trị về thủ tục pháp lý và chỉ là một tổ chức nội bộ của văn phòng Biện lý mà sự ghi chú có thể luôn luôn được thay đổi hay bị xóa bỏ.

(PA 24-12-1963 PLTS 1965 I. 87)

1101.— SANG ĐOẠT VÀ TRỘM. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM.  
ÁP DỤNG SAI LẦM LUẬT PHÁP.

Theo điều 397 - HLCC yếu tố căn bản của tội trộm không phải là sự lấy lén nút, mà sự gian tình lược đoạt tài vật thuộc quyền sở hữu của người khác. Sự kiện xác nhận là bị can đã ra lệnh cho dân chúng gồm trâu dê y xem xét cấp phát bài chỉ rời thay vì trả lại cho chủ sở hữu, lại cho chở đi mất dạng bán cho lò thịt cấu thành không phải tội trộm, mà tội sang đoạt vật giao hữu chiếu điều 408-HLCC.

Bị phá và áp dụng sai hình phạt làm tổn hại đến quyền lợi của bên bị cáo, án của Tòa Thượng thẩm xử phạt bị can phạm tội sang đoạt theo điều 379-HLCC trừng phạt tội trộm, hình phạt ấn định. cho tội này nhẹ hơn hình phạt luật định cho tội trộm theo điều 401-HLCC.

(PA 24-12-1963 PLTS 1965 II. 41)

1101.— SANG ĐOẠT. YẾU TỐ TỘI PHẠM. KHẾ ƯỚC BỊ VI  
PHẠM ĐIỀU 408-HLCC. NHẬN THUỐC ĐỀ BÁN MÀ  
KHÔNG TRẢ LẠI.

Điều 408-HLCC, ngoài những sự nhận tài vật của người khác do một khế ước thuê mượn, ký thác, ủy nhiệm, thế chấp, cho mượn để dùng, còn trường hợp rộng rãi là nhận tài vật để làm một công việc có được trả tiền thù lao hay không, sự kiện bị can có nhận thuốc để bán, mà không trả tiền thuốc hoặc trả lại thuốc, mặc dầu đã bị đốc thúc, cấu thành tội sang đoạt chiếu điều luật kể trên với đủ yếu tố luật định.

(PA 28-9-1966 PLTS 1967 I. 74)

1102.— SẴN BẮN. VI PHẠM LUẬT LỆ SẴN BẮN. DỤNG CỤ  
CHUYÊN CHỖ VÀ DỤNG CỤ SẴN BẮN. TỊCH THẬU.

Điều 30 Sắc lệnh ngày 7.3.1959 không dự liệu sự tịch thu các dụng cụ chuyên chở, song đã dự liệu một cách tổng quát sự tịch thu những dụng cụ để sẵn bán.

Xử hợp pháp và không vi phạm điều luật ghi trên, án của tòa thượng thẩm, truyền tịch thu như dụng cụ sẵn bán chiếc xe của đảm nhiệm hộ trách của bị can mà người này đã «sửa chữa lại để tiện việc đi sẵn bằng cách gắn thêm đèn chiếu để rọi thú và làm lóa mắt nhà chức trách đuổi bắt xe» và đã xử dụng để đi sẵn trái phép.

(PA 31-I-1962 PLTS: 1963. II. 34)

1103.— SÁCH THỦ BẰNG LỜI NÓI ĐOẠ CHIẾU ĐIỀU 361 HLT.V. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM.

Chiếu điều 361 HLT.V sự dọa nạt phát giác việc kín hay hủy nhục là một yếu tố của tội sách thủ bằng «lời nói dọa người về sự phát giác việc kín hay hủy nhục».

Bị phá và thủ tiêu vì thiếu căn bản pháp lý án của Tòa án quân sự để kết phạt bị can về tội nói trên đã căn cứ vào câu trả lời câu hỏi đặt ra về tội trạng không nêu rõ y đã dùng lời dọa nạt nạt nhân về sự phát giác việc kín hay hủy nhục nào.

(PA 30-II-1960 PLTS. 1961. II. 43)

1104.— XÒ SỐ KIẾN THIẾT. TỘI TRẠNG BÁN VÉ SỐ KIẾN THIẾT QUÁ GIÁ. ĐIỀU LUẬT ÁP DỤNG. LUẬT 21-5-1836. ĐIỀU 410 HLCC. LUẬT SỐ 6159 NGÀY 17-1-1959 DỰ NGÀY 2-10-1956. KHÔNG THỀ ÁP DỤNG.

Không thề áp dụng hình phạt trong điều 410 H.L.C.C. chiếu theo luật ngày 21-5-1836 cho tội trạng bán vé số kiến thiết quá giá.

Luật ngày 21-5-1836 ban bố trước đây tại Đông Dương, phải coi là đã bị mặc nhiên hủy bỏ do luật số 6159 ngày 17-1-1959

của Quốc-Gia Việt-Nam qui định việc xổ số lạc quyền gắn huy hiệu và dự liệu sự trừng phạt sự vi phạm luật ấy.

Sự bán quá giá vé số kiến thiết mà giá đã được chánh phủ ấn định, khó có thể giải thích như một sự tổ chức xổ số hoặc bán vé số trái phép và có tính cách một sự vi phạm luật lệ qui định sự trừng phạt việc bán các hàng hóa quá giá luật định, hơn là một sự vi phạm luật lệ về sự xổ số, hàng hóa ở đây hiểu theo nghĩa kinh tế : một đồ vật để bán và dễ mua tuy nhiên luật lệ này tức dụ ngày 2-10-1956, trong hiện trạng chỉ quy định giá vật cho các hàng hóa và sản phẩm nhập cảng còn về sản phẩm nội hóa thì chỉ quy định cho hàng cần thiết.

Theo hiện tình luật pháp Việt-Nam không có bản văn nào trừng trị tội trạng bán vé số kiến thiết ngoài các điều 471 khoản 15 H.L.C.C. điều 418 khoản 6 H.L.T. điều 323 khoản 5 H.L.B. (Điểm này án văn không đề cập, do tác giả chủ trương).

(PA 31-1-1961 PLTS 1961 I. 26)

1105.— **BÁN VÉ SỐ KIẾN THIẾT QUÁ GIÁ - NHỨT ĐỊNH. ÁP DỤNG SAI LẦM LUẬT NGÀY 21-5-1836 VÀ ĐIỀU 410 HLCC.**

Luật hình phải được áp dụng chặt chẽ và không thể giải thích sự mua bán vé số do Chánh phủ phát hành quá giá ấn định như một sự xổ số trái phép để kết phạt bị can như tổ chức các trò chơi may rủi chiếu điều 410 HLCC.

Luật ngày 21-5-1836 dự liệu sự trừng phạt sự xổ số trái phép theo các hình phạt của điều 410 HLCC phải coi là không còn hiệu lực tại Việt-Nam nữa sau ngày ban hành đạo luật quốc gia số 6159 ngày 17-1-1959 quy định việc xổ số lạc quyền và gắn huy hiệu và dự liệu sự trừng phạt sự vi phạm các điều khoản của luật ấy.

(PA 26-4-1961 PLTS 1961 III. 43)

## VỀ SỐ KIẾN THIẾT (X. 224).

1106.— SÓC ĐĨA. TÁNH CÁCH MAY RỦI. ĐIỀU 410 HLCC.  
DỤNG CỤ DÙNG VÀO VIỆC TỒ CHỨC CỜ BẠC.

Trò chơi sóc đĩa, với sự tham dự của một số con bạc, vô hạn định căn cứ trên sự may rủi chớ không đòi hỏi một sự thông minh nào của người tham dự, là một môn cờ bạc được dự liệu và trừng trị do điều 410 Bộ Hình luật canh cải.

Theo điều luật này, tất cả khí cụ, đồ cuộc, được dùng về việc tổ chức cờ bạc phải được tịch thu, chớ không riêng về tiền tang mà thôi.

(*TT Saigon 5-1-1962 PLTS 1963 II. 76*)

## 1107.— SONG HÔN. VẤN ĐỀ TIÊN QUYẾT.

Sau khi đã cưới vợ chánh và làm hôn thú năm 1949, qua năm 1954 (chưa được tiêu hôn) mà người đàn ông còn cưới được một người đàn bà khác cũng làm vợ chánh thì phạm tội song hôn.

Trước Tòa Tiểu hình bị can về tội song hôn chỉ có thể nại vấn đề tiên quyết, nếu y nại ra sự vô hiệu của giá thú hư không, trong cả hai trường hợp đều phải có ngoại biểu giá thú cần phải xin thủ tiêu hiệu lực.

(*ST Saigon 9-8-1957 PLTS 1958 IV. 69*)

1108.— TỘI SONG HÔN. ÁN TÁI LẬP HÔN THỨ VÀ GIẤY  
THẺ VÌ GIÁ THỨ. GIÁ TRỊ BẰNG CHỨNG:

Yếu tố pháp lý của tội song hôn chiếu điều 340-H.L.C.C. là bị can đã giá thú bậc nhất chính thức một lần trước chưa đoạn tuyệt mà lại lập hôn thú chính thức một lần nữa cùng thứ bậc ấy với một người khác.

Giấy thế vì giá thứ không thể có một giá trị bằng chứng hơn án tái lập hôn thú, và một khi án này, có bị đệ tam kháng tố trước

Tòa và sự giá thú còn đang bị tranh cãi trước Tòa hộ, Tòa hình không thể căn cứ vào giấy thế vi lập sau để xác nhận tội song hôn của bị can, mà không vi phạm nguyên tắc về sự dân chúng.

(PA 31-1-1962 PLTS 1962. IV. 21)

1109.— TÁC GIẢ. LUẬT LỆ VỀ QUYỀN SÁNG TÁC. ĐIỀU 428 VÀ 429 HÌNH LUẬT CANH CẢI. ĐẠO LUẬT NGÀY 19-24 THÁNG 7 NĂM 1793 VÀ SẮC LỆNH NGÀY 5-2-1850.

Điều 428 và 429 Hình luật Canh Cải trừng phạt người nào đã xuất bản hay biểu diễn các tác phẩm với điều kiện là đã vi phạm luật lệ về quyền sáng tác, nhưng nếu không xét rõ luật lệ về tác quyền phải thế nào thì hai điều luật kể trên không thể đem áp dụng được.

Theo đạo luật ngày 19-24 tháng 7 năm 1793 và Sắc lệnh ngày 5-2-1850 thì luật pháp về quyền sở hữu, mỹ nghệ, và văn nghệ chỉ bảo vệ quyền lợi của các ngoại kiều xuất bản tác phẩm của mình trên lãnh thổ Pháp quốc chứ không bảo vệ quyền lợi của người Pháp hay người ngoại quốc xuất bản tác phẩm của mình ngoài lãnh thổ Pháp quốc.

Như vậy đạo luật và sắc lệnh nói trên còn được áp dụng ở Việt Nam thì chỉ có thể với nghĩa là quyền sở hữu mỹ nghệ và văn nghệ của ngoại kiều xuất bản tác phẩm của mình trên lãnh thổ Việt Nam được che chở mà thôi.

(PA 20-8-1958 PLTS 1959 I. 11)

1110.— VI PHẠM QUYỀN TRƯỚC TÁC VÀ TRÌNH DIỄN SỰ KÝ NẠP TÁC PHẨM, ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT CHO SỰ TRUY TỐ VỀ MẶT HÌNH.

Đối với các tác phẩm ấn hành tại ngoại quốc, sắc lệnh ngày 28-3-1852 lệ thuộc sự truy tố, sự vi phạm quyền trước tác vào sự ký nạp tác phẩm xuất bản, sắc lệnh này phải coi là áp dụng cho cả sự trình diễn các nhạc phẩm, vì là văn kiện duy nhất bảo vệ các tác phẩm xuất bản nước ngoài.

Về quyền trình diễn các nhạc phẩm thâu vào phim, có thể quan niệm rằng khi các nhạc sĩ nhường cho các nhà sản xuất phim quyền thâu thanh các bản nhạc của họ, họ không còn giữ nguyên tắc quyền đối với sự trình diễn theo phim và phải coi là đã nhường quyền này cho nhà sản xuất phim ảnh, trừ phi có điều khoản minh ước trái lại.

(PA 31-1-1961 PLTS 1962 III. 24)

### III.— TÁI THẨM. TRƯỜNG HỢP TÁI THẨM. TÒA TÁI THẨM.

Theo điều 158 khoản 4 Trung Kỳ Hình vụ Tố tụng Pháp, vẫn được áp dụng tại miền Trung chiếu điều 106 Dự ngày 18-10-1949, có thể xin tái thẩm trong trường hợp, sau khi án đã xử rồi ngẫu nhiên phát xuất ra một việc mới có thể tỏ rằng người bị can bị xử oan.

Theo điều 160 T.K.H.V.T.T.P. tại Trung phần, việc xin tái thẩm đem ra xử trước Tòa án tái thẩm do điều 42 Trung kỳ Pháp Viện Biên chế đặt ra, tức Tòa Thượng thẩm do tất cả các quan Tòa họp lại thành Tòa Tái Thẩm.

(PA 30-12-1959 PLTS 1960 I. 13)

### III.2.— TẦU TÁN TANG VẬT. YẾU TỐ TỘI PHẠM. TỘI PHÁ HỦY HAY BIÊN THỦ ĐỒ VẬT SAI ÁP.

Sự tầu tán tang vật không được dự liệu bởi điều 400 H.L.C.C như một hình tội, sự kiện này chỉ thành một sự phạm pháp theo luật định nếu đồ vật bị phá hủy hay biên thủ là đồ vật đã được sai áp hợp lệ để bảo đảm quyền tư hữu một đệ tam nhân hoặc quyền tịch thu của quốc gia, cấu thành tội phá hủy hoặc biên thủ đồ vật sai áp dự liệu và trừng phạt bởi điều 400 và 401 HLCC.

Bị phá và thủ tiêu vì thiếu yếu tố tội phạm, một bản án đề kết phạt bị can chiếu điều 400-HLCC chỉ viện lẽ y đã phi tang.

(PA 29-6-1960 PLTS 1960 IV. 7)



III3.— TỘI SƠ SUẤT ĐỀ SÔNG TÙ. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM.  
ÁN THIẾU LÝ DO.

Một yếu tố cốt yếu của tội sơ suất đề sông tù nhân theo điều 238 HLCC là sự sơ suất của người có trách nhiệm canh gác y.

Bị phá vì thiếu lý do, án của Tòa Thượng thẩm xử phạt bị can về tội nói trên, mà không nêu rõ tính chất của sự sơ suất của y cấu thành lỗi phạm bị truy tố.

(PA 25-7-1962 PLTS 1962 IV. 32)

III4.— TÙ NHÂN PHẠM PHÁP.

Theo điều 47 Sắc lệnh ngày 16-2-1921, ngoại trừ trường hợp bị truy tố về tội vượt ngục, các phạm nhân can án khổ sai đang thi hình mà bị truy tố về một trọng tội nào khác cùng với đồng phạm khác sẽ đều được xét xử bởi tòa Đại Hình theo thủ tục thông thường.

Phán quyết của Phòng luận tội đưa người bị tố ra xét xử trước các Tòa Đại hình có tính cách phó thác thẩm quyền, các Tòa này không thể tuyên bố vô thẩm quyền để xét xử.

(PA 27-2-1963 PLTS 1964 III. 57)

III5.— TÒNG PHẠM. SỰ TRUY TỐ TÒNG PHẠM.

Theo nguyên tắc sự truy tố kẻ tòng phạm không tùy thuộc vào sự truy tố chính phạm, miễn là sự kiện phạm pháp chính được xác nhận là đã có xảy ra, cũng như sự truy tố kẻ dùng giả mạo không bó buộc phải có sự truy tố kẻ làm giả mạo, miễn là qua những sự kiện bằng chứng Tòa xét xử nhận thấy văn kiện xử dụng là giả mạo.

(PA 30-8-1961 PLTS 1962 IV. 19)

III6.— THÔNG DỊCH VIÊN. SỰ TRỢ GIÚP CỦA THÔNG DỊCH VIÊN. ĐỌC BIÊN BẢN PHẠM PHÁP TRƯỚC TÒA.

Bị can đã được ghi là hiểu biết Việt ngữ và không hề đòi hỏi một Thông dịch viên, như thế có sự ước đoán là sự trợ giúp của vị này không cần thiết và lợi ích cho bị can và như vậy là án không có vi phạm điều 332 Hình sự tố tụng dự liệu sự trợ giúp của Thông dịch viên trông trường hợp bị can không nói cùng tiếng với Tòa.

Điều 190 Hình sự tố tụng không dự liệu sự đọc biên bản phạm pháp trước Tòa như một sự vô hiệu thủ tục.

(PA 24-6-1959 PLTS 1959 IV. 11.)

### SỰ TRỢ GIÚP CỦA THÔNG DỊCH VIÊN. BỊ THỦ TIÊU VÌ THIẾU LÝ DO.

Án bị Thượng tố đã ghi rõ các bị can «Huê Kiêu» hiểu biết Việt ngữ và sự các đương sự không phản đối và đòi hỏi thông dịch viên là một ước đoán và bằng cứ rằng sự trợ giúp của thông dịch viên không cần thiết và như vậy là không có sự vi luật.

Án bị thượng tố không ghi rõ các bị can đã bán thuốc quá giá ấn định do nghị định hay quyết định Hành-Chánh nào đề tòa Phá án có thể kiểm soát có sự vi phạm điều 5 S 1 Luật ngày 14-3-1942 vì bán quá giá «quy định» hay «cho phép» và yếu tố tội trạng có đầy đủ hay không và như thế án bị thủ tiêu về khoản ấy vì thiếu lý do.

(PA 29-7-1959 PLTS 1959 IV. 16)

### III7.— TRỘM

Hành vi «giặt ngang» tiền của người khác đủ cấu thành yếu tố của tội trộm qui định nơi điều 379-HLCC.

(PA 31-8-1966 PLTS 1967 III. 40)

III7.— TRỘM GIỮA VỢ CHỒNG. HOẶC CHA MẸ ÔNC BÀ VÀ CON CHÁU. TRƯỜNG HỢP KHOAN MIỄN LUẬT ĐỊNH. KHÔNG ÁP DỤNG ĐỐI VỚI KẸ KHÁC ĐÃ OA TRỮ VẬT LẤY TRỘM.

Điều 380-HLCC sau khi định rằng : sự lấy cắp tài vật hay tiền bạc giữa vợ chồng, cha mẹ, ông bà và con cháu chỉ có thể phát sinh ra sự bồi thường dân sự, lại định rằng : đối với tất cả các kẻ khác đã oa trữ hoặc lợi dụng cả hay một phần các tài vật lấy cắp như trên những điều 460 và 461-HLCC dự phạt tội oa trữ vẫn được áp dụng, như vậy sự khoan miễn luật định dự liệu cho chánh phạm không áp dụng cho tông phạm bằng cách oa trữ hoặc cho kẻ lợi dụng và những người này vẫn có thể bị kết phạt theo các điều 380-HLCC dẫn thượng.

(PA 28-8-1963 PLTS 1964 IV. 63)

III 8.— TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TRƯỚC TÒA HÌNH. TRÁCH NHIỆM VỀ TỒN HẠI DO NGƯỜI MÌNH CÓ TRÁCH NHIỆM TRÔNG NOM GÂY NÊN CHIẾU ĐIỀU 763 DLTV. QUYỀN XÁC NHẬN CỦA TÒA HÌNH.

Chiếu điều 763 DLTV « người ta phải chịu trách nhiệm không những về sự tổn hại do mình làm ra, mà cả về sự tổn hại do những người mình có trách nhiệm trông nom là ra nữa ».

Sự xác nhận quyền sở hữu xe gây tai nạn và ý định hùn hiệp của các đương sự đề khai thác chiếc xe ấy là những sự kiện bằng chứng thuộc quyền phán đoán của Tòa Thượng thẩm xét về nội dung, và khi xác nhận một đương sự là chủ xe và là người ủy thác tài xế lái xe, Tòa này đã có thể áp dụng hợp pháp cho y điều 763 DLTV ghi trên mà không vi luật.

(PA 30-11-1960, PLTS 1961. II. 39)

TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ TRƯỚC TÒA HÌNH (X. 702 ĐẾN 723 : TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ ; PHẦN ÁN LỆ DÂN SỰ).

III 9.— TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA BỊ CAN.

Một đương sự được gọi ra Tòa với tư cách duy nhất là bị can và đã được miễn nghị không thể buộc phải chịu trách nhiệm dân sự

cho các bị can khác, nếu không đồng thời được trực tổ cả với tư cách đảm nhiệm hộ trách cho các người này.

(PA 25-5-1966 PLTS 1966 IV. 60)

120.— TRÁCH NHIỆM LIÊN ĐỐI CỦA CÁC BỊ CAN THEO ĐIỀU 55-HLCC VÀ NGUYÊN TẮC PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THEO TỶ LỆ LỖI PHẠM. KHÁNG BIỆN TƯ CÁCH DÂN SỰ NGUYÊN CÁO TRƯỚC TÒA PHÁ ÁN.

Chiếu theo điều 55-HLCC tất cả các bị can bị kết phạt về cùng một tội phải liên đới chịu tiền phạt vạ, thường hoàn, bồi thường thiệt hại và các phí khoản.

Không vì luật mà mâu thuẫn lý do do một bản án, đã định tỷ lệ trách nhiệm của hai bị can, lại buộc các y phải liên đới bồi thường toàn số bồi khoản cho dân sự nguyên cáo, vì như thế đã áp dụng đúng điều luật ghi trên, lỗi phạm của các đương sự đã hợp cùng nhau để cấu thành tội bất cẩn gây thiệt mạng cho bị can đã một mình thi hành sự bồi thường theo nguyên tắc liên đới luật định có thể quay trở lại buộc đồng phạm phải hoàn lại cho y số bồi khoản về phần kẻ ấy theo tỷ lệ đã định trong án văn.

Kháng biện về tư cách của dân sự nguyên cáo không xuất trình giấy tờ hộ tịch là một phương chước hỗn hợp cả về pháp lý lẫn sự kiện nên không thể nêu lên lần đầu tiên trước Tòa Phá án.

(PA 29-11-1961 PLTS 1961 I. 50)

TRÁCH NHIỆM LIÊN ĐỐI (X. 708)

121.— TRÁNH CHẤP LUẬT PHÁP HÌNH SỰ. TRONG THỜI GIAN. LUẬT MỚI. NHẸ HƠN, ÁP DỤNG NGAY.

TỘI CUNG XÚC TU SĨ. ĐIỀU 4 LUẬT 22-5-1962. BÃI BỎ. HÌNH LUẬT TRUNG VIỆT THỰC TẠI. KHÔNG DỰ LIỆU TỘI TRẠNG NÀY.

TỘI HÀNH NGHỀ MÃI DÂM.

Về hình luật khi luật mới có giảm nhẹ hay bãi bỏ tội trạng thì Tòa án, bất cứ ở cấp bậc nào, phải tức thời áp dụng ngay, cho cả hành vi phạm pháp xảy ra từ trước dưới chế độ luật cũ.

Vì vậy, trước đây một can nhân bị truy tố về tội cung xúc tu sĩ theo điều 4 luật 22-5-1962, trước tòa thượng thẩm, bản văn này đã bị bãi bỏ và luật hình thực tại Trung Việt không dự liệu tội trạng này thì đương sự phải được miễn nghị.

Là gái mãi dâm người đàn bà hay con gái nào đã bị ít nhất ba nhân viên khác nhau của các cơ quan có thẩm quyền bắt gặp nhiều lần đi với những người đàn ông khác nhau vào những phòng ngủ hay bất cứ nơi nào được ước đoán là để dùng vào việc mãi dâm.

Không cấu thành tội trạng mãi dâm, hành vi một cô gái đi hành lạc với người khác phái, dù đề lấy tiền độ thân, khi không có bằng chứng y thị đã có ít nhất ba nhân viên khác nhau của các cơ quan có thẩm quyền bắt gặp nhiều lần đi với những người đàn ông khác nhau đến những nơi có thể đề mãi dâm.

(TT HUẾ 3-1-1964 PLTS 1964 III. 155)

1122.— TỘI TIỀM CHỨC. TƯ CÁCH CÔNG QUYỀN. YẾU TỐ TỘI PHẠM.

Đoàn thể án kiều Hồi giáo không phải là một tổ chức công quyền Việt Nam và chức vụ quản trị viên chùa Chà không phải là một công vụ, điều 258-HLCC trừng phạt tội tiềm chức không thể áp dụng cho bị can bị cáo đã chiếm đoạt chức vụ kể trên, vì thiếu yếu tố tính cách công quyền của tội phạm.

(PA 29-6-1966 PLTS 1966 IV. 66)

1123.— THUẬN TUÂN PHÁN QUYẾT. THUẬN TUÂN MẶC NHIÊN. HẬU QUẢ. THƯỢNG TỐ VÔ HIỆU.

Theo nguyên tắc các đương sự có thể thuận tuân một phán quyết tư pháp với hậu từ khước mọi sự kháng tố hay thượng tố, và sự thuận tuân án này có thể là mặc nhiên.

ÁN LỆ VỤNG TẬP

Sự kiện nguyên thượng tố đã thu nhận không dè dặt tất cả số tiền đòi hỏi để khỏi phải thi hành án, kể cả tiền án phí và bút chứng tỏ y đã mặc nhiên thuận tuân phúc quyết mà y thượng tố, sự hậu quả cho sự thượng tố thành vô hiệu.

(PA 24-2-1965 PLLS 1966 I. 110)

4.— PHÁ ÁN. NHẬP CẢNG THUỐC PHIỆN. TÍNH CÁCH CỦA TỘI PHẠM. ĐIỀU TRA BỒ TÚC. QUYỀN CHUYÊN QUYẾT CỦA TÒA XỬ VỀ SỰ VIỆC. VI PHẠM THỦ TỤC THẨM CỨU. ÁN THIẾU LÝ DO.

Tội nhập cảng thuốc phiện truy tố theo Dự số 60 ngày 27-9-1955 một thường tội, và sự kết phạt bị can không căn cứ vào biên bản thẩm chứng quan thuế, sự vô hiệu hay hữu hiệu của biên bản này ông ảnh hưởng đến bản án tuyên phạt.

Tòa sơ thẩm và thượng thẩm xử về sự việc có quyền chuyên quyết thẩm lượng sự cần thiết hay hữu ích của những cuộc điều tra túc tỉnh cầu đề từ khước hay truyền phán cho mở những cuộc điều tra ấy.

Khi chấp nhận những lý lẽ của án sơ thẩm về những điểm nêu ra trước tòa ấy và được lập lại trước tòa kháng cáo, Tòa Thượng thẩm đã mặc nhiên trả lời về những phương chước nại ra và không luật vì thiếu lý do.

Những sự vi phạm thủ tục thẩm cứu phải được nêu lên ngay trước các tòa thẩm cứu, nếu không sự vi phạm hoặc vô hiệu nếu có, sẽ được bao yểm do sự im lặng của đương sự hoặc bởi uy lực tài phán của án lệnh hay phán quyết đưa bị can ra trước các tòa để xét xử.

(PA 26-9-1962 PLTS 1963 III. 50)

25.— TỘI XỬ DỤNG THUỐC PHIỆN. HUYỀN ÁN GIÁM KHINH.

Điều 6 đoạn chót Dự số 60 ngày 27-9-1955 trừng phạt tội hút thuốc phiện án định chỉ riêng can phạm trên 55 tuổi mới được hưởng những điều khoản về án treo và trường hợp giảm khinh, sự áp dụng luật ngày 26-3-1891 dự liệu một cách tổng quát cho các can phạm sơ phạm được hưởng sự huyền án không thể đi trái lại điều khoản hạn chế của điều luật đặc biệt ghi trên.

Bị phá vì vi phạm nguyên tắc và điều luật dẫn thượng án của Tòa Thượng thẩm đã cho một bị can mới có 39 tuổi, đi xử phạt về tội xử dụng thuốc phiện, được hưởng án treo trái với điều luật ấy.

(PA 30-10-1962 PLTS 1964 III 74)

1126.— THI HÀNH ÁN. MIỄN NẠP MÌNH. THẨM QUYỀN CỦA TÒA XỬ PHẠT. THÀNH PHẦN CỦA TÒA TUYÊN XỬ. NGUYÊN TẮC BẤT KHẢ KIỂM NHIỆM VÀ LƯỞNG CẤP TÀI PHÁN.

Chiếu điều 116-HSTT đơn xin miễn nạp mình của bị can (dispense de mise en état) trong khi chờ đợi tòa Phá án xử về sự thượng tố thuộc thẩm quyền Tòa đã kết phạt y, và nếu là tội đại hình trong khoản giữa những kỳ phiên xử, sẽ do Phòng Luận tội quyết định theo quyền chuyên quyết của những tòa này.

Theo tinh thần của điều luật ghi trên, không vi phạm lướng cấp tài phán hoặc bất khả kiểm nhiệm thành phần của tòa xét xử đơn xin miễn nạp mình của bị can gồm có những vị thẩm phán đã xét xử hoặc thẩm cứu về chính vụ phạm pháp của y.

(PA 27-2-1963 PLTS 1964 III. 60)

1127.— THI HÀNH ÁN. ÁP DỤNG SAI HÌNH PHẠT. HÌNH PHẠT KHỜ SAI CÓ KỶ. TRƯỜNG HỢP GIẢM KHINH ĐIỀU 463 S 6-HLCC.

Điều 463S 6-HLCC án định rằng trong trường hợp bị cáo được hưởng tình trạng giảm khinh, nếu hình phạt dự liệu là khờ sai có kỷ

tòa án sẽ áp dụng hình phạt cấm cố hoặc các điều khoản của điều 401-HLCC (dự phạt hình phạt giam tù 1 đến 5 năm) song không được hạ hình phạt giam xuống dưới mức 2 năm.

Vi phạm điều luật kể trên án của tòa quân sự xử phạt 5 năm khổ sai một bị can bị xác nhận phạm tội hối lộ dự phạt theo hình phạt khổ sai cố kỳ, nhưng được tuyên cáo được hưởng tình trạng giảm khinh vì trong trường hợp này tòa chỉ có thể áp dụng cho y phạt nhẹ hơn, mà không thể giữ nguyên hình phạt luật định.

(PA 26-6-1963 PLTS 1963 III. 63)

### THI HÀNH ÁN. LỆ PHÍ HÌNH SỰ. CÔNG SỞ HOẶC CÔNG QUẢN. DÂN SỰ NGUYÊN CÁO.

Theo nguyên tắc, án phí phải do bên đương sự thất kiện gánh chịu, và theo điều 167 Nghị định ngày 3-4-1948 qui định luật lệ hiện hành về lệ phí hình sự, dân sự nguyên cáo không thất kiện không bao giờ bị buộc phải trả lệ phí, ngoại trừ trường hợp lệ phí tự mình gây ra và bị xem là quá lạm.

Các công sở và công quản được đồng hóa với dân sự nguyên cáo trong những vụ truy tố do theo đơn xin hoặc vì lợi ích của các cơ quan ấy; vi phạm nguyên tắc và điều luật kể trên, án của tòa sơ thẩm tiêu hình phán Ty Quan thuế phải chịu án phí trong vụ truy tố vô danh về tội vi phạm luật quan thuế, mặc dầu Ty này đứng dân sự nguyên cáo đã không thất kiện.

(PA 28-8-1963 PLTS 1964 IV. 51)

### 1128.— ĐÌNH XỬ. NGUYÊN TẮC ĐÌNH XỬ VỀ HÌNH TRONG TRƯỜNG HỢP VẤN ĐỀ TIÊN QUYẾT VỀ QUYỀN SỞ HỮU ĐƯỢC NÊU LÊN. QUYỀN THẨM LƯỢNG CỦA TÒA HÌNH KHÁNG BIỆN.

Tòa Hình xử về chánh vụ có thẩm quyền đề phán xử về kháng biện phụ đới về quyền sở hữu nêu lên trước Tòa ấy.



Điều 182 Lâm Luật án định Tòa Hình phải đình xử đề Tòa Hộ xem xét về vấn đề sở hữu của bất động sản tương tranh, nếu trong khi thụ lý mà đương sự nêu ra vấn đề này nhưng nguyên tắc đình xử nói trên chỉ có thể áp dụng nếu sự tranh chấp có tính cách đúng đắn và quan trọng chớ không phải là một phương cách diên trì, và Tòa hình xử về chánh vụ có thẩm quyền đề thẩm lượng về tính cách của kháng biện nêu lên.

(PA 24-4-1963 PLTS 1964 I. 176)

1129.— THẨM QUYỀN TIÊU HỦY VĂN THƯ. TỘI BỘI TÍN.  
THẨM QUYỀN CỦA TÒA HÌNH ĐỀ HỦY GIÁ TRỊ MỘT  
VĂN THƯ.

Chỉ có sự bội tín nếu số tiền biên thủ đã được giao lãnh theo một trong những khế ước ghi trong điều 408-HLCC.

Điều 406 và 408 HLCC căn cứ tội trạng tội bội tín trên các giao kèo ký kết giữa các đương sự, vi phạm các điều luật kể trên, cũng như là luật lệ về vấn đề dân chứng, án của Tòa Thượng thẩm, đề tha bổng cho bị can, chỉ dùng suy luận mà hủy giá trị văn thư ký kết trong khi văn thư này chỉ có thể bị hủy bỏ bằng một tố quyền tiêu hủy.

(PA 31-1-1961 PLTS 1961 III. 27)

1130.— THẨM QUYỀN. LUẬT LỆ VỀ THẨM QUYỀN. NGUYÊN  
TẮC HỒI TỐ.

Theo nguyên tắc những luật lệ thay đổi thẩm quyền không thi hành cho những vụ đã được xét xử về nội dung, mặc dầu án tuyên chưa thành nhất định.

Theo một nguyên tắc pháp lý khác, khi một đạo luật mới ban hành làm cho đương sự mất một phương pháp kháng tố thì đạo luật mới này cũng không có tác dụng hồi tố đối với y.

Vi phạm nguyên tắc kể trên và bị phá phúc quyết của Tòa Thượng thẩm tuyên bố vô thẩm quyền để xét xử một bị can viện lẽ

Dự ngày 24-6-65 đã ban hành tình trạng chiến tranh trong toàn quốc, nội vụ thuộc thẩm quyền tòa án Quân sự, mặc dầu sự phạm pháp đã xảy ra trước ngày ban hành Dự nói trên và đương sự cũng đã được xét xử hợp lệ về nội dung trước ngày này do một tòa sơ thẩm thường sự có thẩm quyền.

(PA 27-10-1965 PLTS 1966 IV. 44)

1131.— THẨM QUYỀN TÒA HÌNH. QUYỀN KHOAN HỒNG VÀ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG GIẢM KHINH CỦA TÒA ÁN. ÁN ĐỊNH BỒI KHOẢN. THẨM QUYỀN TÒA HÌNH.

Quyền khoan hồng và xác nhận tình trạng giảm khinh là một quyền chuyên quyết của các Tòa án xử về tình lý được xử dụng đối với bị can trong giới hạn luật định là không buộc phải viện dẫn lý do để áp dụng theo lương tâm của các vị thẩm phán xét xử.

Xác nhận lỗi phạm của bị can, Tòa Hình có thể buộc y phải bồi thường theo nguyên tắc của điều 1382 Dân luật, và ấn định số bồi khoản theo quyền thẩm lượng chuyên quyết số thiệt hại gây nên, mà không buộc phải chứng minh theo căn bản nào Tòa ấy đã ấn định như vậy, cùng viện dẫn lý do.

(PA 29-5-1963 PLTS 1964 I. 43)

1132.— THẨM QUYỀN TÒA HÌNH. ÁN CỦA TÒA KHÁNG CÁO CHUẨN Y ÁN SƠ THẨM. ÁN XỬ CHUNG VỀ TỘI PHẠM VÀ VỀ QUYỀN LỢI DÂN SỰ.

Phán quyết của Tòa Thượng thẩm chuẩn nhận các lý lẽ của án sơ thẩm phải coi là đã viện dẫn đủ lý do, nếu các lý lẽ của bản án sơ thẩm được chuẩn y xem là đầy đủ.

Không có một điều luật nào bắt buộc Tòa Tiểu Hình phải phán xử trong hai mục riêng về hình phạt và về quyền lợi dân sự, như trường hợp của các Tòa Đại hình, Tòa Kháng cáo Tiểu hình không vi luật khi phán xử về cả hai khoản hình và hộ trong cùng một bản

án tuyên cáo y án sơ thẩm về hình phạt cũng như về quyền lợi dân sự.

(PA 26-6-1963 PLTS 1964 IV. 49)

1133.— THẨM QUYỀN TÒA HÌNH. TỔNG GIAM LIỀN.

Một bị cáo được tại ngoại hầu tra có thể bị Tòa sơ thẩm hoặc thượng thẩm truyền lệnh tổng giam liền trong phiên xử nếu Tòa tuyên án phạt bị cáo từ 1 năm tù ở trở lên, chiếu điều 193 khoản 2 Bộ HSTT.

Nhưng trong bản án phải nêu lên vì sao phải tổng giam liền bị cáo : sợ bị cáo trốn, sợ bị trả thù người đi tố cáo y...

(TT Saigon 23-3-1954) (PA số 8 trang 5)

1134.— THẨM QUYỀN. THẨM QUYỀN CỦA TÒA HÌNH ĐỀ XÉT XỬ. LUẬT LỆ VỀ THẨM QUYỀN. NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG CẤP THỜI. THUẾ VỤ.

Theo nguyên tắc Thuế Pháp Tòa án Tư Pháp trưng trị có thẩm quyền đề xét xử các vụ vi phạm thuế vụ gián thu. Không vi phạm nguyên tắc thẩm quyền tuyệt đối sự kiện Tòa trưng trị chuẩn nhận thẩm quyền xét xử một vụ vi phạm thuế vụ khi phát sinh thuộc thẩm quyền Tòa án Hành chánh, sau khi thẩm quyền này đã bị thu hồi và một đạo luật mới đã giao phó sự xét xử cho các Tòa án Tư pháp.

Theo nguyên tắc «áp dụng cấp thời» của những luật lệ về thẩm quyền, những đạo luật ấn định thẩm quyền và thủ tục phải được áp dụng ngay sau khi ban hành, và đạo luật mới có thể chi phối những tình trạng và trường hợp xảy ra trước khi đạo luật được ban hành miễn là những tình trạng và trường hợp ấy chưa được giải quyết bằng một bản án nhất định về nội dung.

(PA 25-10-1961 PLTS. 1962 III. 12)

1135.— VỤ CÁO. GIAN Ý. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM. AN THIỂU LÝ DO VÀ CĂN BẢN PHÁP LÝ.

Tội vu cáo là một tội phạm mà gian ý của bị can là một thành phần chính yếu, gian ý này không thể đương nhiên suy luận do sự miễn

Vi phạm điều 373-HLCC vì áp dụng luật sai lầm và nguyên tắc 1 điều 7 luật ngày 20-4-1810 vì thiếu lý do và căn bản pháp ký một án để kết phát bị can về tội vu cáo, chỉ viện người bị cáo đã được miễn tố thì tội vu cáo của người tố cáo đương nhiên có đủ tố để thành tựu, mà không nêu lên sự kiện nào khác chứng tỏ ný của bị can.

(PA 30-12-1959 PLTS 1960 I. 9)

6.— TIÊU DIỆT THỜI HẠN. HIỆU LỰC HIỆN THỜI CỦA ĐẠO LUẬT NGÀY 29-3-1952 CHO NGƯNG TIÊU DIỆT CÔNG TỔ QUYỀN.

Theo nguyên tắc một đạo luật hình chỉ mất hiệu lực nếu bị bỏ bởi một đạo luật mới khác.

Luật ngày 29-3-1942 truyền cho ngưng tiêu diệt công tố trên được ban hành tại Việt-Nam và chưa hủy bỏ bởi một đạo luật mới của quốc gia Việt Nam hiện vẫn còn hiệu lực, và các án đã xử hợp pháp và không vi phạm điều 638-HSTT về sự tiêu diệt công tố quyền những sự phạm pháp xảy ra quá 3 năm tính ngày bị truy tố.

(PA 31-1-1961 PLTS 1962 I. 20)

7.— TIÊU DIỆT THỜI HIỆU. VIỆC ĐÌNH CHỈ CÁC THỜI HẠN THỜI TIÊU VỀ HÌNH SỰ.

Do luật ngày 29-3-1942 ban bố tại Đông dương do Sắc lệnh 78-2-1943 và ban hành do nghị định ngày 27-2-1943 thì các kỳ thời tiêu về hình sự chỉ khởi đầu trở lại kể từ ngày chiến tranh chấm dứt.

Mặc dầu Việt Nam đã ký kết hòa ước San Francisco năm 1951 với Nhật Bản bên cạnh các cường quốc đã tuyên chiến với Đức, Ý và Nhật, và Việt Nam đã ký kết với Nhật Bản một thỏa hiệp về bồi thường chiến tranh, cho đến nay vẫn chưa có một văn kiện lập pháp hay lập qui nào ấn định ngày chiến tranh chấm dứt ở Việt Nam, như vậy các kỳ hạn thời tiêu về hình sự vẫn còn tiếp tục bị đình chỉ.

(TT Saigon 18-7-1961 PLTS 1962 I. 56)

1138.— THI CỬ. TỘI GIAN LẬN TRONG CÁC KỲ THI. TÍNH CÁCH QUỐC GIA CỦA CÁC KỲ THI HOẶC CỦA VĂN BẰNG CẤP PHÁT, YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM.

Luật ngày 23-12-1951, theo nguyên tắc, chỉ dự phạt gian lận trong các kỳ thi để tuyển lựa vào các công sở hoặc đề cấp các văn bằng, chứng chỉ do quốc gia lập ra.

Bị phá vì vi phạm nguyên tắc kể trên và khiếm khuyết lý do và thiếu căn bản pháp lý, một bản án tuyên phạt chiều đạo luật ghi trên một thí sinh đã bị xác nhận là gian lận trong kỳ thi Trung học Pháp không do Quốc gia Việt Nam mà do cơ quan văn hóa Pháp tổ chức, để lấy một văn bằng không do chánh phủ quốc gia mà do chánh phủ Ngoại quốc cấp phát mà không viện dẫn một lý lẽ hoặc chỉ dẫn một văn kiện lập pháp nào để giải thích sự áp dụng một cách thân trương luật pháp ấy.

(PA 27-9-1961 PLTS 1962 II. 24)

1139.— THẨM CỨU. THẨM CỨU MỘT TRỌNG TỘI DO SĨ QUAN TƯ PHÁP CẢNH LẠI PHẠM PHÁP. ĐIỀU 135 VÀ 484 HÌNH SỰ TỔ TỤNG. ÁN LỆNH CỦA CHÁNH NHẤT HAY THẨM PHÁN ĐƯỢC ỦY NHIỆM. ÁN LỆNH CHUNG QUYẾT. KHÁNG TỐ BẤT KHẢ CHẤP.

Không thể kháng tố lên Phòng Luận tội, cơ quan theo cấp bậc quyền hành, được đặt dưới quyền tài phán của ông Chánh nhất tòa

thượng thẩm, các án lệnh của vị thẩm phán cao cấp sau này đã ban hành khi tham chiếu điều 484 H.S.T.T. để thẩm cứu một trọng tội do sĩ quan tư pháp cảnh lại phạm pháp trong khi thừa hành công vụ.

Nguyên tắc này cũng áp dụng đối với các lệnh của thẩm phán đã được ông chánh nhất ủy nhiệm thẩm cứu loại vụ trên đây và gặp trường hợp đó, chỉ riêng ông chánh nhất có quyền chuyên độc thẩm định giá trị hay sự hợp lý của án lệnh chỉ trích, cùng hoặc đích thân, hoặc do ủy nhiệm mới, ông chánh nhất sẽ bỏ chính các hành vi mà vị thẩm phán cao cấp đó cho là thiếu sót, hà tỷ hay đã tuyên xử sai lầm.

(*Án lệnh Phòng Luận tội TT Saigon 16-8-1962 PLTS 1962 IV. 72*)

#### 1140. — THẨM CỨU. SAI THỦ TỤC Ở DỰ THẨM. ĐẶT CÂU HỎI CHUNG.

Sự vi phạm thủ tục do vị Dự thẩm đã được bao yểm vì đã không được nêu lên trước Tòa thẩm cứu cũng như trước tòa xét xử nên không thể là một lý thượng tố trước Tòa Phá án.

(*PA 24-6-1959 PLTS 1959 IV. 13*)

#### UY LỰC TÀI PHÁN. (X. 716, 719)

#### 1141. — VẬT GIÁ. PHẠM VI ÁP DỤNG CỦA DỰ SỐ 55 NGÀY 2-10-1956. KHẾ ƯỚC ĐẦU THẦU HÀNH CHÁNH. THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN TƯ PHÁP.

Dự ngày 2-10-56 qui định chế độ vật giá có tính cách trật tự công cộng phải được áp dụng trong mọi cuộc giao thương, dù việc giao thương ấy là một cuộc đấu thầu hành chánh.

Điều khoản của một khế ước hành chánh định rằng những việc tranh tụng liên quan đến khế ước ấy đều được Tòa án hành chánh xét xử không có hiệu lực đặc trưng sự ra ngoài sự áp dụng dự nói

trên có tính cách trật tự công cộng và một phạm vi bao quát, và vì phạm Dự này bị can thuộc quyền xét xử của Tòa Hình, như trường hợp y đã tính giá bán trội hơn giá chánh thức, thủ đắc một số lời cao hơn mức lời hợp pháp.

(PA 27-11-1963 PLTS 1965 I. 65)

1142.— VI PHẠM KINH TẾ. VI PHẠM CHẾ ĐỘ VẬT GIÁ. ĐIỀU ĐÌNH. HIỆU LỰC. HÀNH NGHỀ ĐƯỢC SĨ TRÁI PHÉP.

Theo điều 42 Dự số 55 ngày 2-10-1956 về chế độ vật giá sự điều đình ưng thuận tiền kết liễu nội vụ, nhưng đương sự sẽ bị coi như vi phạm lần đầu tiên để tính khi tái phạm. Bị phá vì vi phạm điều luật kê trên án của tòa thượng thẩm xử phạt bị can về tội bán được thằm quá giá chánh thức xảy ra tại được phòng của y mặc dầu nội vụ đã được điều xử phạt tiền và phải coi là đã kết liễu.

Sự kiện một nhân viên nhà thuốc tự mua lẻ các loại thuốc để bán lại không có hóa đơn kiểm lời riêng cho y cấu thành tội hành nghề được sĩ trái phép.

(PA 29-1-1964 PLTS 1965 II. 88)

1143.— VAY NẶNG LÃI. TỘI QUẢN HÀNH. ÁN XỬ THIẾU SÓT VỀ CÁC YẾU KHOẢN BƯỚC TỘI. VÔ HIỆU.

Từ ngày ban bố sắc lệnh ngày 17-5-1934, tội cho vay nặng lãi không còn là một tội quản hành nữa, và bị can có thể phạm pháp trong mỗi lần cho vay tiền ăn lời quá mức luật định.

Theo nguyên tắc của điều 191 HSTT và điều 7 luật ngày 20-4-1810 trong án tha bổng cho các bị can Tòa án có phạm sự giải quyết tất cả các yếu khoản bước tội.

Bị phá và thủ tiêu, vì vi phạm các điều luật ghi trên và khiếm khuyết lý do thiếu căn bản pháp lý do, một bản án của tòa thượng thẩm đề tha bổng cho bị can chỉ đề cập đến một món nợ 37.000đ.

nà không xét đến hai món nợ 15.000đ.000 và 7.000đ.00 cho vay trước, mặc dầu theo đơn thưa của dân sự nguyên cáo khởi tố ệnh trạng và cuộc thăm vấn, bị can đã bị truy tố về cả ba món nợ cho vay trong ba lần khác nhau.

(PA 27-7-1960 PLTS 1960 IV. 25)

114.— VI CẢNH. KHÁNG CÁO ÁN CỦA TÒA SƠ THẨM TUYÊN XỬ VỚI TƯ CÁCH LÀ TÒA PHỤC THẨM ÁN VI CẢNH. THƯƠNG TỔ CỦA ÔNG CHƯỜNG LÝ. VI PHẠM NGUYÊN TẮC LƯƠNG CẤP TÀI PHẢN.

Án của Tòa sơ thẩm tiểu hình phúc thẩm lại một bản án của tòa vi cảnh bị kháng cáo có tính cách một bản án chung thẩm, chỉ có thể thượng tố, mà không thể bị kháng cáo được nữa.

Bị phá và thủ tiêu vì vi phạm lương cấp tài phán và thể lệ kháng cáo theo tổ chức tư pháp quốc gia của Dự số 4 và số 5 ngày 18-10-1949, phúc quyết của Tòa Thượng thẩm chấp nhận sự kháng cáo án của tòa tiểu hình tuyên xử với tư cách là tòa phúc thẩm một bản án của tòa vi cảnh, mặc dầu sự phạm pháp bị truy tố được xác nhận là một tội tiểu hình do tòa nói trên (tòa tiểu hình).

(PA 29-6-1960 PLTS 1960 IV. 18)

145.— VI CẢNH. KHÁNG CÁO ÁN VI CẢNH DO TÒA HÒA GIẢI RỘNG QUYỀN TUYÊN XỬ.

Sự kháng cáo án vi cảnh dự liệu trong điều 172-HSTT cho những án tuyên một hình phạt giam hoặc phạt vạ trên một giá ngạch đã được định chỉ áp dụng cho những án do các Tòa Hòa giải vi cảnh tuyên xử và khi Tòa Hòa Giải Rộng Quyền hoặc Tòa sơ thẩm tiểu hình tuyên một bản án vi cảnh thì áh này là chung hãm, vì tòa tuyên xử đã là tòa kháng cáo đối với các tòa vi cảnh



Được coi là hợp pháp một bản án của tòa thượng thẩm tuyên bố bất khả chuẩn chấp sự kháng cáo chống án vi cảnh do một tòa Hòa giải Rộng quyền trong quản hạt đã tuyên.

(PA 24-10-1960 PLTS 1961 II. 30)

1146.— VI CẢNH. TỊCH THẦU TANG VẬT. TOAN TÍNH PHẠM PHÁP.

Chiều điều 470-HLCC các Tòa án vi cảnh chỉ có thể truyền tịch thu tang vật sai áp trong trường hợp có một điều luật minh định và theo nguyên tắc sự toan tính phạm pháp không được dự phạt về mặt vi cảnh.

Bị phá và tiêu hủy vì vi phạm điều luật và nguyên tắc kể trên một bản án vi cảnh truyền tịch thu như tang vật số tiền sai áp của bị can bị truy tố về tội bán vé số quá giá, số tiền này cũng không thể coi là tang vật vì chỉ là giá của vé số tịch thu trong người bị can mà y chưa hề đã bán cho ai bao giờ, sự y có ý định đem bán trên giá luật định cũng chưa cấu thành tội vi cảnh vi phạm qui tắc hành chánh về số vé nói trên.

(PA 28-3-1962 PLTS. 1963. II. 40)

1147.— VI CẢNH. TÍNH CÁCH CHUNG THẨM. TỔ QUYỀN DÂN SỰ.

Theo nguyên tắc của điều 53 Sắc lệnh ngày 16-2-1921, trong trường hợp không có tòa hòa giải hoặc vi cảnh trong địa hạt thì tòa sơ thẩm hoặc hòa giải Rộng quyền xét xử chung thẩm về các tội vi cảnh.

Theo nguyên tắc tổ quyền dân sự chỉ có thể được xử dụng phụ thuộc với công tố quyền trước Tòa hình để buộc bị can bị kết phạt phải bồi thường cho dân sự nguyên cáo sự thiệt hại gây nên bởi sự phạm pháp của y, với điều kiện là sự thiệt hại gây nên là hậu quả trực tiếp của tội phạm của bị can đã được tòa hình xác nhận trong án văn.

(PA 24-10-1960 PLTS. 1961. I 36)

8.— VI CẢNH. VI PHẠM LỆNH CẤM ĐẬU XE CỦA ĐỒ THÀNH. TÍNH CÁCH HỢP PHÁP CỦA LỆNH CẤM. YẾU TỐ CỦA TỘI VI CẢNH VI PHẠM QUI LỆ HÀNH CHÁNH HỢP PHÁP.

Tính cách cộng sản công dụng của các đường phố không ngăn sự qui định sự xử dụng đường phố ấy đối với tất cả mọi người sự thuận tiện sự giao thông, lệnh cấm đậu xe trong một khoảng chỉ bất hợp pháp và vi phạm tính cách nói trên nếu được lập ra ông phải vì lợi ích chung, mà để làm lợi cho một số công dân xửug thiệt hại cho các công dân khác, làm thay đổi công dụng của oảng đường.

Cấu thành tội vi cảnh vi phạm qui lệ hành chánh chiếu điều 1-HLCC sự vi phạm lệnh cấm đậu xe trong một khoảng công lộ của ô thành lập ra hợp pháp cho lợi ích chung của các công dân.

(PA 27-2-1963 PLTS. 1964. III. 63)

49.— VÔ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH. YẾU TỐ VẬT CHẤT. CÁC THƯƠNG TÍCH. YẾU TỐ TINH THẦN. LỖI LÀM. VÔ Ý. SƠ XUẤT. BẤT CẦN. VỤNG VÈ. BẤT TUÂN LUẬT NÔ LỆ. LIÊN HỆ NHÂN QUẢ.

Tội phạm vô ý gây thương tích phải gồm đủ ba yếu tố : một yếu tố vật chất, các thương tích gây cho nạn nhân, một yếu tố tinh thần lỗi lầm của bị can (vô ý, sơ xuất bất cần, vụng về, bất tuân luật), và một yếu tố thứ ba, mối liên hệ nhân quả giữa lỗi lầm của bị can và thương tích gây ra cho nạn nhân.

(TT Saigon 25-5-1962 PLTS. 1963. IV. 153)

50.— VÔ Ý GÂY THIẾT MẠNG BIỂU DIỄN XIỆC GÂY THƯƠNG TÍCH. TỘI NGỘ SÁT VÀ NGỘ THƯƠNG. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM. ĐIỀU 319 VÀ 320 HLCC. THỂ BẤT KHẢ KHÁNG : TÍNH CÁCH. KHÁNG CÁO. HIỆU LỰC PHÓ THÂM.

Một tài tử thận trọng phải coi sóc dụng cụ làm việc từ chối biểu diễn một diễn xuất nguy hiểm cho công chúng mà không có sự đề phòng cần thiết : không làm bồn phận nói trên và gây thương tích cho khán giả do sự va chạm của y té ngã vào họ vì cột đu bị gãy, tài tử biểu diễn có thể bị xác nhận phạm tội ngộ thương.

Điều 319, 320-HLCC dự phạt tội ngộ sát và ngộ thương không đòi hỏi rằng lỗi phạm vụng về, bất cẩn, sơ xuất, bất tuân luật lệ phải là nguyên nhân trực tiếp của sự thiệt mạng hay thương tích gây nên, một lỗi lầm gián tiếp phát sinh ra những hậu quả nói trên đủ cấu thành yếu tố của những tội kể trên.

Thế bất khả kháng khả dĩ giải trừ trách nhiệm về hình sự cho bị can phải có tính cách một biến cố không thể dự phòng trước, không thể tránh được và không thể vượt qua được, xảy ra không do một lỗi phạm nào của y.

Theo nguyên tắc phổ thẩm của sự kháng cáo, sự kháng cáo của công tố viện không ảnh hưởng đến tố quyền dân sự : bị phá vì vi phạm nguyên tắc nói trên án của tòa thượng thẩm phán xử lại về quyền lợi dân sự, mặc dầu không có sự kháng cáo của bị can hoặc của dân sự nguyên cáo, và sự kháng cáo duy nhất của ông Biện lý chỉ cho phép tòa phúc án duyệt lại bản án bị kháng về mặt hình-

(PA 25-9.1963 PLTS 1964 IV. 65)

### 1151. — VÔ Ý GÂY THƯƠNG TÍCH. THỢ TRỒNG RỪNG. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM. ÁN THIỂU LÝ DO VÀ CĂN BẢN PHÁP LÝ.

Yếu tố cần thiết của tội vô ý gây thương tích chiếu điều 319, 320 HLCC là lỗi phạm vụng về, vô ý, bất cẩn, bất tuân luật lệ của bị can cấu thành nguyên nhân trực tiếp hay gián tiếp gây ra thương tích.

Bị phá vì khiếm khuyết lý do và thiếu căn bản pháp lý án của tòa thượng thẩm để kết phạt một người thợ trồng rừng về tội

nói trên, chỉ suy luận lỗi phạm của bị can do sự kiện dân sự nguyên cáo đã bị sừng hàm rằng sau khi bị can trông rằng cho y, mà không nêu rõ sự kiện nào đã được Tòa xác nhận như hành vi bất cần, sơ xuất, cấu thành tội bị truy tố.

(PA 26-12-1962 PLTS 1965 II. 24)

VÔ THẨM QUYỀN (X. 1008, 1058)

1152.— VÔ HIỆU. THÀNH PHẦN CỦA TÒA ÁN. THÀNH PHẦN  
BẤT HỢP PHÁP. VÔ HIỆU TUYỆT ĐỐI.

Luật lệ qui định sự tổ chức và thành phần các tòa án có tính cách trật tự công cộng.

Thành phần hợp pháp của tòa tuyên xử là điều kiện pháp định cốt yếu cần thiết cho sự hiện hữu của một bản án, và phải coi là vô hiệu tuyệt đối án của phòng luận tội tuyên bởi một thành phần bất hợp pháp trái với án lệnh chỉ định hội thẩm của ông Chánh nhất và với nguyên tắc bất khả kiêm nhiệm của các vị thẩm phán ngồi xử.

(PA 27-3-1963 PLTS 1964 IV. 72)

1153.— VU CÁO. GIAN Ý. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM. ÁN  
THiếu LÝ DO VÀ CĂN BẢN PHÁP LÝ.

Tội vu cáo là một tội phạm mà gian ý của bị can là một thành tố chánh yếu, gian ý này không thể đương nhiên suy luận do sự miễn tố người bị cáo.

Vi phạm điều 373-HLCC vì áp dụng luật sai lầm và nguyên tắc của điều 7 luật ngày 20-4-1810 vì thiếu lý do và căn bản pháp lý một bản án để kết phạt bị can về tội vu cáo, chỉ viện người bị cáo đã được miễn tố thì tội vu cáo của người tố cáo đương nhiên có đủ yếu tố thành tựu, mà không nêu sự kiện nào khác chứng tỏ gian ý của bị can.

(PA 30-12-1959 PLTS 1960 I. 9)

1154.— VU CÁO.

Sự kiện người bị man cáo được miễn cứu hay miễn nghị không xử dụng tố quyền dân sự đề đòi bồi thường thiệt hại trong thời hạn 3 tháng chiếu điều 70 H.S.T.T. không làm ngăn trở sự y xử dụng tố quyền dựa theo sự truy tố người man cáo do công tố viện chiếu điều 3-H.S.T.T. và điều 373-H.L.C.C.

(PA 25-7-1962 PLTS 1962 IV. 36)

1155.— VU CÁO. YẾU TỐ CỦA TỘI PHẠM. GIAN Ý. ÁN THIẾU LÝ DO.

Một yếu tố cần thiết của tội vu cáo là gian ý của bị can. Bị phá vì thiếu lý do, án của Tòa Thượng thẩm đề kết phạt về tội nói trên chỉ bày tỏ một sự ngờ vực, mà không xác nhận chánh thức và chắc chắn gian ý của người tố cáo.

(PA 31-10-1962 PLTS 1963 III. 55)

1156.— XÂY NHÀ KHÔNG CÓ GIẤY PHÉP.

Chiếu theo các điều 5 và 6 Sắc lệnh số 112 ngày 4-5-1957, tại các đô thị được đặt vào tình trạng bắt buộc phải lập họa đồ thiết kế, các việc xây dựng nhà cửa của các cơ quan dân sự và quân sự của các tư gia đều phải có giấy phép.

Sắc lệnh ngày 4-5-1957 trong phần chiếu chỉ có dẫn chiếu đến Sắc lệnh ngày 12-7-1928 và điều 10 Sắc lệnh này có dự liệu sự trừng phạt những việc phạm pháp vì vi phạm vào họa đồ thiết kế đô thị ngoài ra còn buộc dỡ các nhà đã xây cất trái phép, phi tồn các sở hữu chủ các nhà đó phải gánh chịu.

(TT Saigon 12-9-1961 PLTS 1962 I. 61)

1157.— XÂY CÁT KHÔNG GIẤY PHÉP. SỰ TRIỆT HẠ KIẾN TRÚC XÂY CÁT BẤT HỢP PHÁP. TÍNH CÁCH PHÁP LÝ. TỐ QUYỀN DÂN SỰ CỦA NGƯỜI ĐỆ TAM BỊ THIẾT HẠI.

Phương pháp triệt hạ kiến trúc xây cất không giấy phép không có tính cách một sự bồi thường dân sự cho tư nhân, mà là một phương pháp luật định do sự lợi ích của công cuộc chỉnh trang đô thị.

Đàng khác, theo nguyên tắc, điều kiện xử dụng tổ quyền dân sự phụ đới với công tổ quyền trước Tòa Hình là sự thiệt hại gây nên phải bắt nguồn trực tiếp ở nơi sự phạm pháp bị truy tố.

Yếu tố của tội phạm dự liệu bởi sắc luật ngày 31-7-1952 là sự không xin phép xây cất, sự kiện kiến trúc xây cất dù bất hợp pháp hay không, nếu có giấy thiệt hại cho đệ tam nhân là một vấn đề dân sự phải được giải quyết do Tòa Hộ, dân sự nguyên cáo không quyền xử dụng tổ quyền phụ đới trước Tòa Hình.

(PA 27-1-1965 PLTS 1966 I. 106)

1158.— XÂM NHẬP GIA CƯ. TÍNH CÁCH « GIA CƯ » CỦA NƠI BỊ XÂM NHẬP, YẾU TỐ CẦN THIẾT CỦA TỘI PHẠM.

Một yếu tố cốt yếu của tội xâm nhập gia cư chiếu điều 184 S2 HLCC là tính cách « gia cư » của nơi bị xâm nhập, bị phá vì khiếm khuyết lý do và thiếu căn bản pháp lý một bản án của Tòa Thượng thẩm đã tuyên phạt về tội nói trên mà không xác nhận nhà bị xâm nhập là nơi cư trú, đã có người ở, dù người này có tạm thời vắng mặt hay không tại nơi ấy.

(PA 25-10-1961 PLTS 1962 III. 10)

1159.— THỦ TỤC XỬ KÍN. VI PHẠM ĐIỀU 71 LUẬT GIA ĐÌNH ÁN THIẾU LÝ DO.

Chỉ có sự vi phạm điều 71 Luật Gia đình dự liệu sự xử kín các vụ phạm gian nếu thủ tục xử kín đã thực sự không được áp dụng, sự kiện án văn đã không ghi rõ hoặc đã ghi trái lại do một sự lầm lẫn vật chất của phòng Lục sự không làm cho thủ tục đã được thi hành đúng luật thành vô hiệu.

Các tòa án không buộc phải trả lời tỷ mỉ về những lời khai của các đương sự và nhân chứng không cấu thành những bằng cớ

chắc chắn về tội phạm bị qui trách theo quyền thẩm lượng của Tòa và được coi là đã viện dẫn đầu lý do án của Tòa Thượng thẩm mặc nhiên bác bỏ những lời khai ấy không kết luận tổng quát là cuộc điều tra và thẩm cứu không đem lại bằng cứ nào chắc chắn là bị can đã phạm tội bị truy tố.

(PA 24-4-1963 PLTS 1963 III. 56)

1160.— HÀNH NGHỀ Y SĨ TRÁI PHÉP. SƠ PHẠM. ÁP DỤNG SAI HÌNH PHẠT.

Chiếu theo điều 13 Dự ngày 23-10-1956 «ai hành nghề y sĩ, nha sĩ trái phép sẽ bị xử phạt vạ và nếu tái phạm có thể bị phạt tiền vạ và phạt giam từ 11 ngày đến 6 tháng hay một hai hình phạt ấy thời» như thế có thể phạt tiền vạ bị can sơ phạm.

(PA 27-7-1960 PLTS 1960 IV. 27)

1161.— HÀNH NGHỀ Y SĨ TRÁI PHÉP. YẾU TỐ TỘI PHẠM. TỘI NGỘ SÁT. ÁN MẬU THUẦN VÀ THIẾU CĂN BẢN PHÁP ĐỊNH.

Không có bằng cấp y sĩ mà theo thói quen thường nghe bệnh bằng ống nghe, coi mạch, cho uống thuốc và chích thuốc, tự động làm những công việc dành cho Bác sĩ, là phạm tội hành nghề y sĩ trái phép, sự lấy tiền thù lao hay không, không phải là một yếu tố cần thiết của tội phạm nói trên dự liệu bởi Dự ngày 23-10-1956 (điều 9).

Bị coi là mâu thuẫn và thiếu căn bản pháp định một bản án của tòa thượng thẩm đề tuyên phạt bị can về tội ngộ sát cho viện rằng «Nạn nhân có thể đã bị thiệt mạng» vì uống thuốc của bị can, mà không xác nhận đích xác rằng theo tâm tính của Tòa hoặc theo bằng chứng được dẫn sự dùng và chích thuốc cho bị can đã là nguyên nhân của cái chết của nạn nhân, sự ước đoán đơn thuần không đủ làm căn bản cho sự kết phạt.

(PA 31-8-1966 PLTS 1961 I. 18)

HÀNH NGHỀ DƯỢC SĨ TRÁI PHÉP (X. 1142)

ĐOẠN THỨ HAI

ÁN LỆ QUÂN SỰ

162.— TÒA ÁN QUÂN SỰ. VÔ HIỆU CỦA BẢN ÁN ĐƯỢC TUYÊN.

Chiếu điều 53 S 1, 2 Quân luật ít nhất là 3 ngày trước phiên nhóm của Tòa án Quân sự, Ủy Viên Chánh phủ phải tổng đạt cho bị can cáo trạng cùng với nguyên văn điều luật áp dụng và báo cho y biết nếu không chọn một người biện hộ thì ông Chánh Án Tòa Quân sự sẽ tự động cử cho y một người, nếu không báo sẽ vô hiệu.

(PA 31-8-1960 PLLS 1961 II. 5)

TÒA ÁN DÂN SỰ. BỊ CAN VỊ THÀNH NIÊN DƯỚI 18 TUỔI. THIẾU SỐT CÂU HỎI VỀ SỰ TRÍ THỨC. VI PHẠM ĐIỀU 76 QUÂN LUẬT. VÔ HIỆU CỦA BẢN ÁN.

Chiếu điều 76 Quân luật nếu bị can là vị thành niên dưới 18 tuổi vị Chánh thẩm phải đặt câu hỏi : « Bị can hành động mà có phân biệt phải trái hay không » ? câu hỏi, dự liệu để bảo vệ quyền lợi của vị thành niên, có tính cách trật tự công cộng, sự khiếm khuyết làm cho án thành vô hiệu.

(PA 26-9-1960 PLTS 1961 II. 16)

1163.— TÒA ÁN QUÂN SỰ. ÁN LỆNH DỰ THẨM ĐƯA BỊ CAN PHẠM TỘI ĐẠI HÌNH RA TRƯỚC TÒA. THỦ TỤC TRONG THỜI KỲ CHIẾN TRANH.

Chiếu theo Dự ngày 5-5-1953 ấn định « tạm thời và cho tới khi trật tự được phục hồi, thủ tục tố tụng và hình phạt thi hành



trước Tòa án quân sự là thủ tục trong thời kỳ chiến tranh» và điều 47 S 3 Quân luật dự định trong lúc chiến tranh nếu dự thẩm quân sự xét rằng việc bị tố cáo là một tội đại hình hay tiểu hình vị ấy có thể tuyên cáo giao bị can ra trước Tòa án Quân sự xét xử», thủ tục hiện hành áp dụng là thủ tục tố tụng trong thời kỳ chiến tranh, và như thế án lệnh dự thẩm quân sự đưa thẳng bị can phạm tội đại hình ra xét xử trước Tòa Quân sự, không qua Phòng Luận tội Tòa thượng thẩm, xem là hợp pháp.

Một yếu tố cốt yếu của tội «bỏ đồn thú» là bị can cố ý bỏ nơi được lệnh đóng giữ hay trú ngụ. Bị phá và tiêu hủy vì khiếm khuyết lý do và thiếu căn bản pháp lý một bản án của Tòa Quân sự để tuyên phạt về tội nói trên chỉ xác nhận rằng bị can chỉ huy toàn tuần tiễu Bảo an tạm trú trên lộ trình tại xã Kỳ Khương đã tự động bỏ đi không chỉ huy chiến đấu, mà không nêu rõ y có được lệnh đồn trú, phục kích và nghênh chiến không, hay chỉ có nhiệm vụ đi tuần tiễu, dò xét tình hình đề về báo cáo với thượng cấp thời, như y đã khai nại, hay không.

(PA 29-II-1961 PLTS 1962 III. 31)

1164.— PHÁ ÁN. KÝ TÊN TRÊN MỖI TRANG TRONG BIÊN BẢN HỎI CUNG.

Điều 24 Bộ Quân luật ấn định mỗi tờ giấy trong biên bản phải có chữ ký của viên chức lấy cung và của những người được hỏi cung nhưng không dự liệu sự thiếu sót chữ ký của đương sự trên các trang đầu như một sự vô hiệu.

(PA 24-6-1959 PLTS. 1959 IV. 9)

1165.— TÒA ÁN QUÂN SỰ. CÂU HỎI PHỨC TẠP.

Theo nguyên tắc của điều 76 Quân Luật, về phần mỗi bị can Chánh thẩm phải đặt câu hỏi riêng cho mỗi tội phạm bị truy tố, vì mỗi Thẩm phán chỉ phát biểu ý kiến của mình bằng cách bỏ vào bình phiếu một lá thăm có in chữ «có» hoặc «không» mà thôi.

Bị phá và thủ tiêu một bản án của Tòa quân sự tuyên xử căn cứ vào câu trả lời về câu hỏi duy nhất đặt ra cho hai tội phạm của bị can, câu hỏi này phải coi là phức tạp, vì phạm nguyên tắc của điều 76 Quân luật ghi trên, và ảnh hưởng đến sự xác nhận tội trạng cũng như ấn định hình phạt.

(PA 28-2-1961 PLTS 1961 III. 32)

1166.— CÁO TRẠNG. VI PHẠM THỦ TỤC THẨM CỬU, TUYÊN THỆ CỦA CHỨNG NHÂN CAN ÁN. ĐẶT CÂU HỎI PHỤ THUỘC.

Theo nguyên tắc mọi sự vi phạm thủ tục thẩm cứu phải được nại ra trước Tòa án Quân sự xử về nội dung và không thể nêu lên lần đầu tiên trước Tòa phá án sự tuyên thệ của chứng nhân can án không phải là một trường hợp phá án nếu công tố viện hoặc bị cáo không phản đối trước Tòa xét xử về nội dung trước khi chứng nhân được nghe.

Điều 82 Quân luật không dự liệu sự không ghi chú sự thi hành thủ tục thông tri bản cáo trạng cho bị can trong án văn như một sự vô hiệu của bản án và chỉ có sự vi phạm điều 339 H.S.T.T. về sự đặt câu hỏi phụ thuộc nếu theo cuộc thẩm vấn việc chính có thể coi như một việc bị khép xử vào một hình phạt khác hoặc nếu được bị can thỉnh cầu, mà Tòa lại không đặt ra và không viện lý lẽ.

(PA 28-2-1961 PLTS. 1961 III. 33)

1167.— ĐÀO NGŨ. TÁI PHẠM.

Bị coi là tái phạm tội đào ngũ một quân nhân bị kết phạt về tội ấy và đã thụ hình, nhưng không trở lại tòng ngũ sau khi mãn tù mặc dầu thời hạn quân vụ chưa mãn, miễn là án tuyên về vụ trước đã thành nhất định khi xảy ra vụ phạm pháp thứ hai.

Hợp pháp của Tòa án quân sự kết phạt lại bị can về tội đào ngũ vì sau khi mãn hạn thụ hình về tội ấy, y lại đã vắng mặt tuy

đã có lệnh phải chuyển đi Trung đội Trưng giới đề tòng ngũ cho đến ngày mãn hạn.

(PA 25-5-1960 PLTS 1960 III. 17)

1167.— ĐÀO NGŨ. PHẠM PHÁP DO BINH SĨ ĐÀO NGŨ TRONG THỜI KỲ ĐÀO NGŨ. THẨM QUYỀN.

Tư cách quân nhân của đương sự bị mất do sự đào ngũ cấu thành sự vi bội khế ước đầu quân, một binh lính đào ngũ không còn đủ tư cách quân nhân và những sự phạm pháp về thường luật của y trong thời kỳ đào ngũ không thuộc thẩm quyền xét xử của tòa án quân sự.

(PA 27-7-1960 PLTS 1967 I. 59)

ĐÀO NGŨ. YẾU TỐ TỘI PHẠM.

Về mặt pháp lý một yếu tố cốt yếu của tội đào ngũ là sự kiện đương sự đã được nhập ngũ hợp pháp theo hợp đồng đầu quân hoặc theo luật lệ về quân dịch.

Bị phá vi khiếm khuyết lý do một bản án của Tòa Quân sự để tuyên phạt bị can về tội đào ngũ, đã không nêu rõ y đã được nhập ngũ hợp pháp theo hợp đồng tình nguyện đầu quân, trong khi theo bản cáo trạng thì bị can đã bỏ cơ quan quân sự từ ngày 28-5-60 mà sự đầu quân của y chỉ được chấp thuận ngày 17-6-60 và đã bị hủy bỏ theo quyết định ngày 31-8-60, sau ngày y đã bỏ đi đề xin đầu quân vào đơn vị khác.

(PA 25-10-1961 PLTS 1962 III. 17)

1168.— GIẢM KHINH.

Chiếu theo điều 140 Bộ Quân luật vì chức vụ của bị can phải áp dụng cho y mực tối đa của hình phạt, nhưng nếu có trường hợp giảm khinh thì phải áp dụng điều 463 khoản 8 bộ hình luật canh cải chứ không phải điều 463 khoản 2 bộ luật ấy.

(PA 6-6-1956 PLTS 1956 IV. 6)

## 1169.— KHOAN MIỄN LUẬT ĐỊNH. ĐẶT CÂU HỎI THIỂU SÓT.

Chiếu điều 76 Quân luật, về phần mỗi bị can chánh thăm sẽ đặt câu hỏi về trường hợp khoan miễn theo luật định cho y.

Bị phá vì vi phạm điều luật ghi trên và xúc đến quyền lợi của bên bị, án của Tòa Quân sự tuyên phạt bị can về tội tiếm chức trộm và cưỡng đoạt, mà không đặt câu hỏi về trường hợp khoan miễn đối với y, trong khi theo phúc trình y sĩ lý khám bị can được xem như ở trong tình trạng không đủ trí sáng suốt theo ý nghĩa của điều 64-H.L.C.C. lúc phạm pháp và như thế có thể được luật pháp khoan miễn.

(PA 27-6-1962 PLTS 1962 IV. 30)

## 1170.— LUẬT LỆ ÁP DỤNG. LÃNH THỎ TÍNH CỦA LUẬT LỆ HÀNH SỰ. ĐIỀU 19 S 2 BỘ QUÂN LUẬT.

Theo điều 19 S 2 Bộ Quân luật thì Tòa án Quân sự sẽ tùy theo trụ sở của mình đóng ở phần nào mà áp dụng hình luật phần ấy. Như vậy Tòa án Quân sự Saigon khi xét xử, phải áp dụng luật hình hiện hành tại Việt Nam.

(PA 9-11-1955 PLTS 1956 I. 5)

## 1171.— NHỤC MẠ THƯỢNG CẤP.

Điều 121 S 3-QL dự phạt tội quân nhân nhục mạ thượng cấp không đòi hỏi nạn nhân phải là thượng cấp trực tiếp của bị can và theo tính thần của điều luật thì vì lợi ích của kỷ luật quân đội sự thiếu tôn kính của một quân nhân đối với mọi cấp trên phải được trừng phạt.

(PA 24-11-1965 PLTS 1967 II. 36)

## 1172.— PHÁ ÁN. ĐIỀU 76 BỘ QUÂN LUẬT.

Theo điều 76 Bộ Quân Luật, chánh thăm sẽ đặt câu hỏi theo thứ tự sau đây về phần mỗi bị can.

— Bị can có quả là phạm nhân trong vụ y bị cáo tố không ?

— Vụ ấy có xảy ra trong trường hợp gia trọng nào không ?

— Vụ ấy có xảy ra trong trường hợp nào có thể làm cho bị can được luật pháp khoan miễn không ?

— Bị can hành động mà có phân biệt phải trái hay không ?  
(trong trường hợp bị can còn là vị thành niên).

Không đặt đủ câu hỏi kể trên tức là vi luật.

(PA 6-6-1956 PLTS 1957 II. 8)

1173.— PHÁ ÁN. SỰ THÚ TỘI CỦA BỊ CAN. QUYỀN XÁC NHẬN TỘI TRẠNG CỦA TÒA ÁN.

Mặc dầu bị can xác nhận tội lỗi, Tòa vẫn có quyền xác nhận bị can có thật phạm lỗi hay không.

(PA 6-6-1956 PLTS 1957 II. 9)

1174.— PHÁ ÁN. BIỆN MINH TRẠNG. CHỈ ĐỊNH NGƯỜI BIỆN HỘ. ĐẶT CÂU HỎI VỀ TỘI TRẠNG.

Các biện minh trạng đệ nạp sau thời hạn 15 ngày dự liệu trong điều 36 dự số 5 ngày 18-10-1949, không thể thụ lý hợp lệ tòa phá án về những phương chước nêu lên trong đó.

Việc chỉ định một Hạ sĩ, không phải là Luật sư mà năng lực về pháp luật cùng khả năng không được chứng tỏ, đề biện hộ cho các vị cáo về một tội đại hình, trong khi có sự tương phản quyền lợi giữa các bị can này, là một vi phạm nguyên tắc của những điều 30 và 53 Bộ Quân luật về quyền biện hộ của bị cáo.

Các câu hỏi đặt ra về tội trạng không gồm đủ yếu tố về tội phạm dự liệu trong điều luật, khiến các thẩm phán không được hỏi và không trả lời được phân minh về tội trạng của các bị can, là một việc vi phạm Dự ngày 21-8-1956.

(PA 24-6-1959 PLTS 1959 III. 9)

1175.— THÂU HỒI ÁN VĂN. PHÁN QUYẾT CĂN CỨ VÀO SỰ LẦM LỘN TRONG SỰ GHI CHÉP. THÀNH PHẦN TÒA XÉT XỬ VỀ NỘI DUNG TRONG ÁN VĂN BỊ THƯỢNG TỐ. THÂU HỒI VÀ XỬ LẠI.

Có thể được thâu hồi và xử lại một phán quyết căn cứ vào một sự lầm lộn về vật chất do sự ghi chép sai lầm thành phần của tòa án xét xử về nội dung trong án văn bị thượng tố đã thủ tiêu bản án này.

Thành phần tòa án quân sự đề xét xử một, bị can là Thiếu tá khi phạm pháp gồm có một đại tá, một trung tá và hai thiếu tá là hợp pháp chiếu điều 10 khoản 3 Quân luật.

(PA 30-11-1960 PLTS 1961 III. 8)

1176.— PHÁ RỐI TRỊ AN PHƯƠNG HẠI ĐẾN AN NINH QUỐC GIA. THẨM QUYỀN TÒA QUÂN SỰ.

Chiếu điều 2 S 3 Quân luật, các tội đại hình hay tiểu hình có phương hại đến an ninh của Quốc gia Việt Nam thuộc thẩm quyền tòa án quân sự mặc dầu can phạm là thường dân hay quân nhân.

Chiếu điều luật ghi trên, những thường dân bị cáo là hoạt động cho Việt cộng chống chánh phủ quốc gia thuộc quyền xét xử của Tòa quân sự, vì những hành vi của họ không những làm rối cuộc trị an còn phương hại đặc biệt đến an ninh của quốc gia.

(PA 29-8-1962 PLTS 1963 I. 61)

1177.— PHẢN NGHỊCH. YẾU TỐ TỘI PHẠM. QUI CHẾ TỪ BINH. ÁN THIẾU LÝ DO.

Sự kiện bị can, quốc tịch Việt nam, đã cầm khí giới chống lại Việt Nam Cộng Hòa cấu thành tội phản nghịch với đủ yếu tố luật định theo Dự ngày 21-8-1956.

Bị phá vì thiếu lý do, án của Tòa Quân sự miễn nghị đương sự sinh tại Thừa Thiên, bị truy tố về tội phản nghịch, với lý lẽ

rằng y là sĩ quan bộ đội Bắc Việt bị bắt tại trận, được hưởng quy chế tù binh, mà không viện dẫn một văn kiện hoặc quy ước hợp pháp nào công nhận chớ bị can qui chế tù binh.

(PA 23-2-1966 PLTS 1966 IV. 58)

1177.— PHÁ ÁN. TỘI PHẢN NGHỊCH. YẾU TỐ TỘI PHẠM THEO CÁC ĐIỀU 1 S 4 VÀ 4 S 2 DỰ NGÀY 21-8-1956. ÁN THIỂU CĂN BẢN PHÁP-LÝ.

Những yếu tố cần thiết của tội phản nghịch theo các điều 1 S 4 và 4 S 2 Dự ngày 21-8-1956 là : 1) sự thông đồng với ngoại bang hay với một tổ chức cộng sản hay với những nhân viên của họ ; 2) với mục đích để trợ giúp trong những công cuộc chống lại Việt Nam Cộng hòa.

Bị phá vì thiếu căn bản pháp lý, án của tòa Quân sự đề kết phạt bị can về tội nói trên chiếu các điều luật dẫn thường chỉ xác nhận rằng: « y đã viết khẩu hiệu chống chánh phủ và bài Mỹ và ném lựu đạn vào quán giải khát » sự kiện viện dẫn không đủ cấu thành tội phạm bị truy tố với đủ yếu tố luật định,

(PA 25-5-1966 PLTS 1966 IV. 64)

1178.— THẨM QUYỀN CỦA TÒA ĐƯỢC DI GIAO.

Theo điều 88 Quân luật, nếu tòa Phá án thủ tiêu nguyên án vì có vô thẩm quyền thì sẽ chuyển vụ án sang tòa án có thẩm quyền và chỉ định tòa án ấy ; nếu thủ tiêu vì có khác thì sẽ chuyển giao vụ án lại cho tòa án quân sự nguyên thẩm xử lại với thành phần khác, và theo điều 92 Quân luật chỉ trong trường hợp bản án thứ hai xử lại này bị thủ tiêu, vụ án mới được di giao đến một tòa án quân sự trước chưa thụ lý vụ án đó.

Tòa án quân sự mà án bị phá vì tuyên bởi một thành phần không hợp pháp được di giao xử lại như tòa nguyên thẩm, không quyền

tự mình di lý vụ án sang một án quân sự khác, và tòa này đã tuyên bố hợp pháp vô thẩm quyền vì không được thủ lý hợp lệ bởi một phán quyết di giao nào của tòa phá án,

(PA 24-2-1960 PLTS 1960 II. 14)

### 1179.— THÀNH PHẦN BẤT HỢP PHÁP. VÔ HIỆU CỦA BẢN ÁN ĐƯỢC TUYÊN.

Luật lệ về tổ chức và thành phần các Tòa án có một tính cách trật tự công cộng, sự vi phạm làm cho án tuyên xử do tòa được thiết lập vi pháp thành vô hiệu tuyệt đối.

Bị phá và thủ tiêu vì vi phạm nguyên tắc nói trên, án của tòa án quân sự tuyên phạt một thiếu tá, mà thành phần gồm có một đại úy một thiếu úy và một thượng sĩ là sĩ quan và hạ sĩ quan cấp bậc dưới bị can, trái với điều 10 Quân luật ấn định trong việc xét xử các bị can sĩ quan, các thẩm phán nhà binh gồm có hai sĩ quan hơn cấp bị can và hai sĩ quan ngang cấp với y.

(PA 29-6-1961 PLTS 1961 I. 6)

### 1180.— THẨM QUYỀN. TỘI PHẠM ĐẶC BIỆT QUÂN SỰ HOẶC CHÍNH TRỊ. BỊ CAN VỊ THÀNH NIÊN DƯỚI 18 TUỔI.

Chiếu theo tinh thần của điều 2 luật ngày 3-7-1958, Tòa án Thiếu Nhi chỉ xét xử các thiếu nhi dưới 18 tuổi can tội đại hình hoặc tiểu hình thông thường, và trong trường hợp tội phạm thuộc loại đặc biệt, quân sự hay chính trị, thì tòa có thẩm quyền theo luật định để xét xử những tội ấy vẫn giữ nguyên thẩm quyền được giao phó mặc dầu kẻ phạm pháp là thiếu nhi.

Tội phá rối cuộc trị an thuộc thẩm quyền tòa án quân sự chiếu điều 2 S 3 Quân luật, Tòa án Quân sự đã có thể xét xử hợp pháp bị can thiếu nhi vị thành niên dưới 18 tuổi về tội ấy mà không vi phạm nguyên tắc về thẩm quyền của tòa án thiếu nhi.

(PA 31-3-1960 PLTS 1961 I. 25)



1181.— THIẾU NHỊ PHẠM TỘI VỀ QUÂN PHÁP. THỦ TỤC XÉT XỬ. TÒA ÁN CÓ THẨM QUYỀN.

Dụ số 8 ngày 14-5-1951 ban hành Bộ Quân luật qui định việc xét xử các tội phạm về « Quân pháp » trong đó có các tội phương hại đến an ninh Quốc gia, như một vấn đề đặc biệt, các tội đề cập nơi Quân luật thuộc thẩm quyền tuyệt đối của tòa án Quân sự, không phân biệt bị cáo là thiếu nhi hay đã trưởng thành, và thủ tục áp dụng trước tòa là thủ tục qui định bởi bộ Quân luật trong mọi trường hợp Luật ngày 3-7-1958 thiết lập và tổ chức tòa án thiếu nhi, ban hành sau bộ Quân luật, chỉ qui định một biệt lệ xét xử thiếu nhi phạm các tội về « thường pháp » và thủ tục áp dụng cho thiếu nhi phạm pháp qui định nơi đạo luật này chỉ quan hệ đến các tội phạm về « thường pháp ».

Không vi phạm các điều luật dẫn trên, án của tòa Quân sự tuyên xử bị can thiếu nhi phạm tội về quân pháp theo thủ tục riêng biệt thi hành trước các tòa ấy.

(PA 31-3-1965 PLTS 1966 II. 68)

1182.— TUYÊN THỆ CỦA CHỨNG NHÂN. VÔ HIỆU CỦA BẢN ÁN KHÔNG GHI CHÉP SỰ TUYÊN THỆ.

Điều 82 S 2 Quân luật ấn định án của Tòa án Quân sự phải kê rõ việc tuyên thệ của các chứng nhân, nếu thiếu sót sẽ vô hiệu.

Đàng khác, theo nguyên tắc sự thượng tố duy nhất của bị can không thể có hậu quả làm tổn hại đến quyền lợi của y, như là bằng cách tăng gia hình phạt do Tòa được di giao xử lại.

Bị phá và tiêu hủy vì vi phạm những điều luật và nguyên tắc ghi trên một bản án của Tòa Quân sự đã không ghi nhận sự tuyên thệ của chứng nhân do công tố viện nại ra, lại tăng hình phạt khổ sai chung thân của bị can lên hình phạt tử hình, mặc dầu không có sự thượng tố của công tố viện.

(PA 27-9-1961 PLTS 1962 III. 8)

83.— BỊ CAN VỊ THÀNH NIÊN DƯỚI 18 TUỔI. CẦU HỎI  
VỀ SỰ TRÍ THỨC.

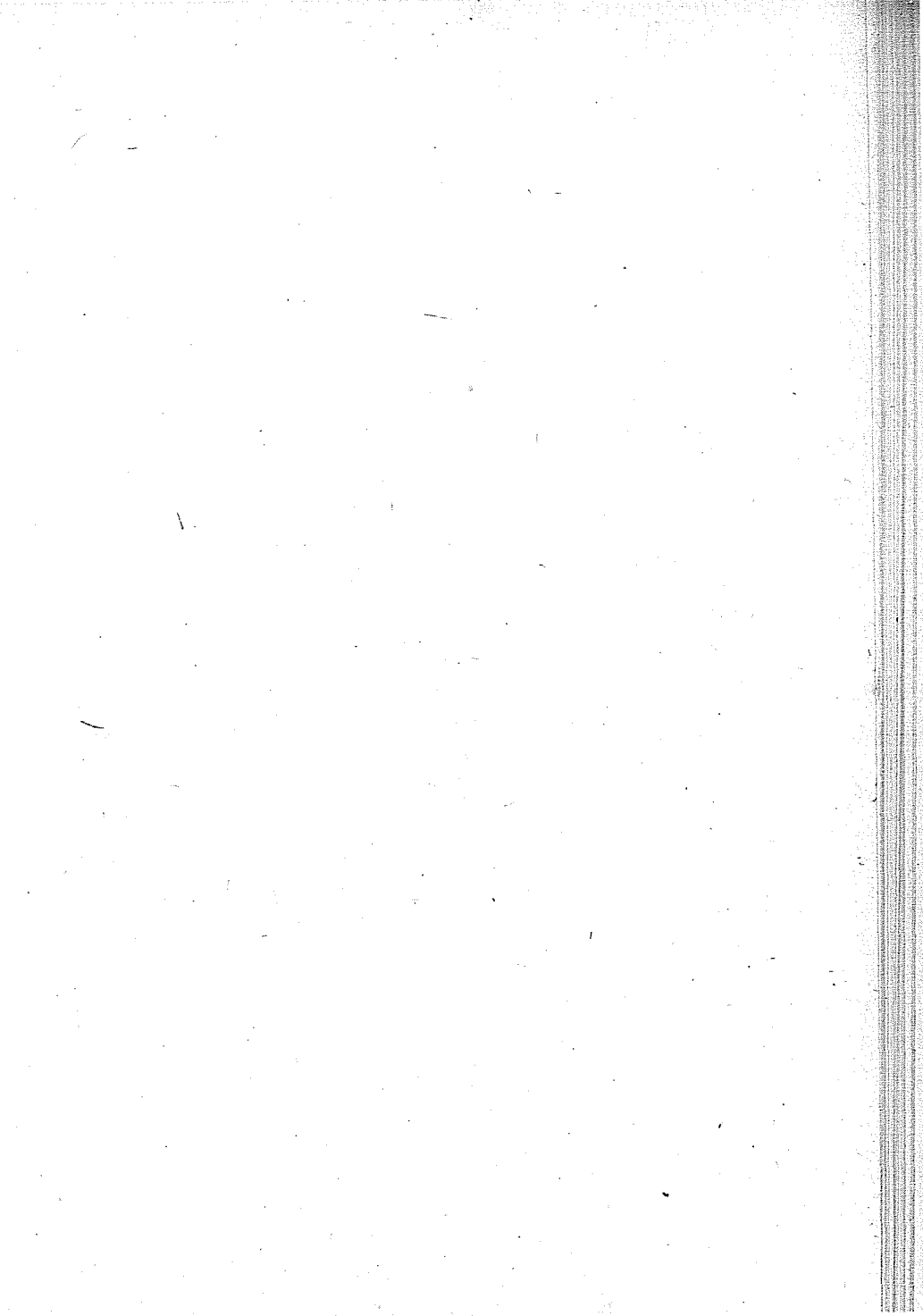
Chiếu theo điều 66-HLCC khi bị can dưới 18 tuổi y sẽ được  
liên nghi nếu tòa xét xử xác nhận rằng y đã hành động bất trí thức,  
chiếu điều 76 Quân luật nếu bị can còn vị thành niên thì chánh  
âm phải đặt câu hỏi «Bị can hành động mà có phân biệt phải trái  
y không.

(PA 28-2-1961 PLTS 1961 III. 30)

84.— VI PHẠM NGUYÊN TẮC « NHẤT SỰ BẤT TÁI CỨU »  
VÀ « UY LỰC QUYẾT TỤNG CỦA VIỆC ĐÃ XỬ RỒI ».

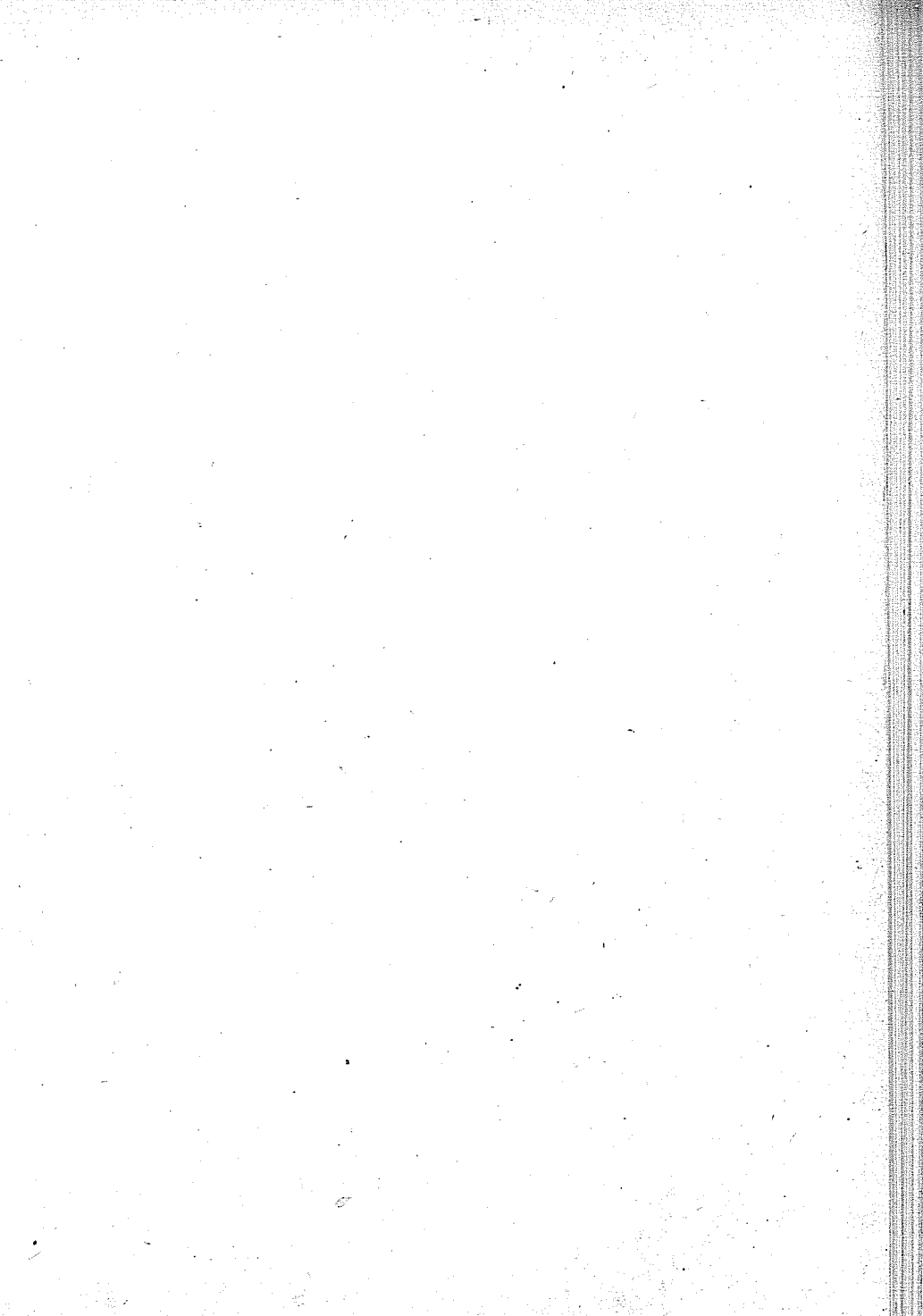
Bị phá án và tiêu hủy vì vi phạm các nguyên tắc « Nhất sự bất  
i cứu » uy lực « của sự đã xử rồi » án của tòa Quân sự xử phạt bị  
n về tội phản nghịch, mặc dầu sự việc bị truy tố lại đã được xét  
r, cải tội danh và phạt như tội phá rồi trị an do một án trước của  
a đã thành nhất định.

(PA 23-2-1966 PLTS 1967 II. 57)



PHẦN THỨ BA

HÀNH CHÁNH



## ÁN LỆ HÀNH CHÁNH

185.— ÁN TIÊN THẨM CÓ TÍNH CÁCH HỖN HỢP. PHÁN QUYẾT NHẤT ĐỊNH VỀ VẤN ĐỀ TRÁCH NHIỆM. KHÔNG KHÁNG CÁO. UY LỰC TỤNG.

KHÁNG CÁO ÁN TIÊN THẨM CÓ TÍNH CÁCH HỖN HỢP. HIỆU LỰC CHUYỂN THẨM CỦA SỰ KHÁNG CÁO.

GIÁM ĐỊNH VIÊN. CẢN TRỞ. THAY THẾ. TỔ TRÌNH CÓ NHỮNG KHOẢN NGOÀI NHIỆM VỤ CỦA GIÁM ĐỊNH VIÊN. VÔ HIỆU VỀ NHỮNG KHOẢN ẤY.

Khi so sánh và đối chiếu hai phần chiều lý và chủ văn của một bản án tiên thẩm trung phán (jugement interlocutoire) mà thấy rằng trong bản án ấy, Tòa án Hành chánh đã xác nhận dứt khoát vĩnh viễn nguyên tắc trách nhiệm của một pháp nhân Hành chánh, và chỉ truyền mở một cuộc giám định lại ước lượng sự thiệt hại đã gây cho nguyên đơn, pháp nhân hành chánh đó không thể lại tranh luận về vấn đề trách nhiệm được nữa trước Tham chính viện nếu Tòa này chỉ thụ lý bởi sự kháng cáo đối với bản án của Tòa án hành chánh xử về chánh vụ (jugement sur le fond) sau cuộc giám định mà thôi.

Đối với bản án tiên thẩm nhưng có tính cách hỗn hợp (caractère mixte) nghĩa là có những điểm đã xử dứt khoát vĩnh viễn (chefs définitifs) và những điểm xử trung phán (chefs interlocutoire), đương sự có thể kháng cáo ngay bản án ấy trong thời hạn luật định, hoặc đồng thời cùng với bản án xử về chánh vụ.

Nếu không bị kháng cáo, những điểm xử dứt khoát và vĩnh viễn sẽ trở thành nhất định và có uy lực tụng (autorité de la

chose jugée) đương sự không thể lại tranh luận về các điểm ấy trước Tham chính viện nếu tòa này chỉ thụ lý bởi sự kháng cáo đối với bản án về chánh vụ mà thôi.

Quyền hạn của tòa Phúc thẩm được giới định bởi hiệu lực chuyên thẩm (effet dévolutif) của sự kháng cáo, Tham chính viện không có quyền xét các vấn đề đã được giải quyết nhất định trong các án tiên thẩm hỗn hợp không bị kháng cáo, mà chỉ có quyền xét các vấn đề do bản án bị kháng cáo giải quyết mà thôi.

Nếu một giám định do một pháp đình hành chánh đương nhiên cử ra, vì một lý do gì, không thể thi hành nhiệm vụ được, thì ông chánh án có thể chỉ định một giám định viên khác thay thế.

Nếu tờ trình giám định có những khoản vượt ra ngoài nhiệm vụ của giám định viên, tờ trình chỉ vô hiệu về những khoản ấy mà thôi, chứ không phải toàn thể tờ trình vô hiệu; pháp đình hành chánh chỉ cần gạt bỏ những điểm ngoài nhiệm vụ của giám định viên và chỉ xét những điểm thuộc nhiệm vụ của giám định viên.

(THAM CHÍNH VIỆN 31-8-1957 PLTS 1957 II. 53)

1186.— BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI. ĐƠN KHỞI TỐ ĐÒI TIỀN THUÊ VÀ TIỀN BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ NHỮNG BẤT ĐỘNG SẢN DO QUÂN ĐỘI XỬ DỤNG. THẨM QUYỀN TÒA ÁN TƯ PHÁP.

Tòa án Hành chánh chỉ xét xử những sự tranh chấp liên quan đến một khế ước ký kết của chánh quyền và tư nhân, khi nào khế ước đó có tính cách một khế ước hành chánh, nghĩa là có điều khoản quá mức hay phá cách thường pháp.

Mặc dầu các căn phố do một cơ quan Quân đội xử dụng, cơ quan này đã mượn như một tư nhân hoàn toàn theo các nguyên tắc

điều kiện của tư pháp thì khế ước cho thuê là một khế ước dân sự và tất cả các khiếu nại về tiền thuê và xin bồi thường thiệt hại do thuộc thẩm quyền của Tòa án tư pháp.

(TA HÀNH CHÁNH 31-10-1962 PLTS 1963 II. 145)

### 87.— BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI. GIỚI HẠN. TRỢ CẤP.

Theo nguyên tắc, nếu thiệt hại do một tai nạn gây nên phải được bồi thường đầy đủ tính theo tỷ lệ phân chia trách nhiệm nếu có, tai nạn ấy cũng không thể là một căn nguyên để làm đặc lợi cho nạn nhân hay gia đình nạn nhân, và pháp đình hành chánh, khi ước lượng số bồi khoản, phải trừ bớt số trợ cấp mà nạn nhân hay gia đình y đã được hưởng sau tai nạn.

(THAM CHÍNH VIỆN 30-10-1961 PLTS 1961 I. 161)

### 188.— VIỆC TRƯNG TẬP TƯ NHÂN. QUAN HỆ PHÁP LÝ GIỮA TƯ NHÂN BỊ TRIỆU DỤNG VÀ CƠ QUAN HÀNH CHÁNH ĐÃ TRIỆU DỤNG TƯ NHÂN ẤY.

Tuy rằng khẩu lệnh trưng tập một tư nhân không hợp lệ, nhưng tư nhân ấy đã thực sự phục vụ theo khẩu lệnh của một vị chính trưởng thì sự phục vụ này cấu thành quan hệ pháp lý giữa tư nhân bị triệu dụng. Vậy Tòa án hành chánh có thẩm quyền xét đơn hỏi tố đòi bồi thường thiệt hại của các thừa kế người bị triệu dụng y đã thiệt mạng trong khi thi hành công vụ. Theo nguyên tắc công bình, quốc gia phải chịu trách nhiệm bồi thường về sự thiệt mạng của nạn nhân.

Về phương diện lương bổng, người bị triệu dụng để lái xe ở chỗ lính đi phục vụ, được coi như là một nhân viên tài xế của cơ quan hành chánh hữu trách (nhân viên khế ước và công nhật) bị sát hại trong khi thi hành chức vụ, còn việc bồi thường cho các thừa



kế của nạn nhân, thì chiếu theo chế độ trợ cấp bằng 12 lần tổng số lương bổng và phụ cấp hàng tháng mà nhân viên ấy được lãnh trong tháng cuối cùng.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 30-10-1963 PLTS 1964 III. 180)

1189. — TAI NẠN DO CÔNG XA BỊ LẠM DỤNG GÂY NÊN NGOÀI CÔNG VỤ.

Một tai nạn do công xa bị lạm dụng gây nạn ngoài công vụ, nếu công xa đó sở dĩ đã bị lạm dụng được là vì có sự khiếm khuyết trong tổ chức công vụ về phương diện kiểm soát sự xuất nhập công xa trong nhà để xe và sự sử dụng công xa, thì đó là lỗi công vụ khiến quốc gia phải chịu trách nhiệm đối với nạn nhân.

Nhưng quốc gia được thừa nhiệm vào quyền lợi và tổ quyền của nạn nhân bắt nguồn trong tai nạn, không kể tổ quyền trực tiếp, của Quốc gia đối với tài xế đã lạm dụng công xa.

Thông tư ấn định trách nhiệm của viên chức lạm dụng công xa chỉ là một chỉ thị trong nội bộ cơ quan, lẽ dĩ nhiên bất khả đối kháng với đệ tam nhân, vậy không thể có hiệu lực đối với nạn nhân.

(THAM CHÍNH VIỆN 28-6-1958 PLTS 1958 III. 91)

1190. — TỔ TỤNG XIN BỒI THƯỜNG. NẠI MỘT HÀNH VI HÀNH CHÁNH BẤT HỢP PHÁP. THẨM QUYỀN SƠ THẨM CỦA TÒA ÁN HÀNH CHÁNH VÀ PHỨC THẨM CỦA THAM CHÍNH VIỆN.

THU HỒI GIẤY PHÉP XUẤT BẢN BÁO CHÍ. SẮC LỆNH SỐ 36-TT NGÀY 19-9-1949 ĐIỀU 3 ĐOẠN CHÓT. LÝ DO. DỰ SỐ 38 NGÀY 9-11-1954 ĐIỀU 9.

QUYỀN CHUYÊN QUYẾT CỦA BỘ TRƯỞNG THÔNG TIN ĐỀ XÉT ĐOÁN VỀ SỰ THÍCH THỜI (OPPORTUNITE) CỦA LỆNH THU HỒI GIẤY PHÉP.

Tổ tụng xin bồi thường nại một hành vi hành chính bất hợp pháp, thuộc thẩm quyền sơ thẩm của tòa án hành chính và phúc thẩm của Tham chính viện.

Trong sự xét đoán tính cách hợp pháp của một quyết định hành chính, thẩm phán có nhiệm vụ tìm hiểu mục đích mà nhà làm luật theo đuổi khi trao một quyền hành gì cho một cơ quan hành chính, để xác định lý do luật định của quyền hành này.

Lý do luật định của quyền thu hồi giấy phép xuất bản báo chí theo Sắc lệnh số 36-TT ngày 19-9-1949 là an ninh công cộng.

Quyền thu hồi giấy phép xuất bản báo chí thuộc quyền chuyên quyết của ông Bộ trưởng Thông tin ; tuy vậy, các pháp đình hành chính vẫn có nhiệm vụ xét xem lý do đã nại trong quyết định thu hồi giấy phép có xác thực hay không và lại nữa có hợp hay không hợp với mục đích luật định của quyền hành trao cho ông Bộ trưởng thông tin trong việc thu hồi giấy phép.

Nhưng các pháp đình hành chính không có quyền kiểm soát sự thích thời (opportunité) của quyết định thu hồi giấy phép cũng xem sự thu hồi có phải là biện pháp thích ứng hay không thích ứng đối với tình trạng thực tế mà tính cách nguy hiểm đã do cơ quan hữu trách xét đoán.

(THAM CHÍNH VIỆN 30-3-1957 PLTS 1957 III. 85)

1191.— BẦU CỬ HỘI ĐỒNG ĐÔ THÀNH, TỈNH, THỊ XÃ, SẮC LỆNH SỐ 70-NV NGÀY 9-4-1965.

Theo điều 41 sắc lệnh số 70-NV ngày 9-4-1965 qui định việc bầu cử hội đồng Đô thành, Tỉnh và Thị xã, các cử tri và ứng cử viên trong mỗi đơn vị đều có quyền khiếu nại về tính cách hợp lệ của cuộc bầu cử trong đơn vị ấy. Như vậy, các pháp đình hành chính có thể tuyên xử hủy bỏ cuộc bầu cử trong một đơn vị nếu xét cuộc bầu cử có tỳ tích bất hợp lệ có ảnh hưởng tới tánh cách tự do và thành thật của cuộc bầu cử khiến làm sai lạc kết quả.

Một pháp đình hành chánh, khi xét xử xác đơn khiếu nại về một cuộc bầu cử hành chánh và đã hủy bỏ toàn thể cuộc bầu cử trong một đơn vị mà không theo thủ tục đối tụng đối với những ứng cử viên đặc cử, lại không báo cho những người đặc cử này biết để đương sự có thể biện hộ và tranh luận về các điểm khiếu nại, thì án của pháp đình ấy đã được tuyên theo một thủ tục bất hợp lệ.

Theo thường luật, một đương sự, không phải là tụng phương trước tòa án hành chánh, thì không thể xin kháng cáo một bản án của Tòa án hành chánh trước Tham chính viện, mà phải đứng đệ tam kháng cáo trước tòa án Hành chánh theo điều 50 S 1 Dự số 2 ngày 5-1-1950.

Nhưng trong tổ tụng bầu cử thì điều 50 S 1 Dự số 2 ngày 5-1-1950 phải được dung hợp với các điều 47 và 42 Sắc lệnh số 70-NV ngày 9-4-1965 liên quan đến cách thức khẩn cấp của tổ tụng bầu cử và thời hạn xét xử các vụ tranh tụng bầu cử, nên không thể buộc đương sự phải đứng đệ tam kháng án trước Tòa hành chánh, và đương sự có thể kháng cáo trực tiếp trước Tham chính viện.

Trong cuộc vận động tuyển cử, Sắc lệnh 70-HV ngày 9-4-1965 điều 20, lấy nguyên tắc hoàn toàn bình đẳng giữa các ứng cử viên làm căn bản cho sự tổ chức, và điều 25 lại cấm xử dụng các phương tiện vận động tuyển cử ngoài thể thức do Ban vận động ấn định.

Điều 33 Sắc lệnh số 70-NV buộc cử tri phải đích thân đến bỏ phiếu, không thể ủy quyền cho người khác.

Trong một cuộc bầu cử, nếu xét có nhiều sự kiện bất hợp lệ, tỉ dụ vận động trái phép hoặc có nhiều người bỏ thăm thế cho người khác, thì cuộc bầu cử phải bị hủy bỏ nếu các sự kiện bất hợp lệ nói trên xét ra có ảnh hưởng đến cách thức tự do và thành thực của cuộc bầu cử khiến làm sai lạc kết quả.

(THAM CHÍNH VIỆN 3-8-1965 PLTS 1965 III. 112)

1192.— CÔNG CHỨC. ĐƠN TỪ CHỨC. CƯỜNG BÁCH TINH  
THẦN. TỰ DO ĐỊNH ĐOẠT.

Một quyết định hành chánh cho một công chức từ chức theo đơn xin là một quyết định có lý do, lý do là đơn xin từ chức của công chức.

Tì tích cưỡng bách tinh thần chỉ có hậu quả làm vô hiệu đơn xin từ chức nếu là một nguyên nhân chính có sức mạnh khiến đương sự mất hết sự tự do định đoạt đề cưỡng bách y phải quyết định theo điều đó.

(THAM CHÍNH VIỆN 30-3-1957 PLTS 1957 III. 89)

13.— KHÔNG ĐƯỢC QUYỀN KIÊM LÃNH HAI HƯU BỔNG.  
H MỘT CÔNG CHỨC CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỀ HƯỞNG HƯU BỔNG MÀ CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG ĐÃ TẠ THỂ, THÌ DAN PHỤ, QUẢ PHỤ HAY CÔ NHI CỦA NGƯỜI CÔNG CHỨC TẠ THỂ ĐƯỢC HOÀN LẠI SỐ HƯU LIÊM CỦA NGƯỜI CÔNG CHỨC ẤY.

Nguyên đơn, bà Huỳnh-thị-Liên, là góa phụ của ô. Dương du, giáo viên tiểu học thượng hạng ngoại hạng đặc biệt, đã làm công được hơn 33 năm, rồi tạ thể ngày 30-12-1955 trong khi còn tại chức vừa có hưu bổng, Bà Huỳnh thị Liên cũng là giáo viên, đã công vụ được hơn 32 năm và đã được hưởng hưu bổng thâm niên rồi.

Nay bà Huỳnh thị Liên không được lãnh thêm cả hưu bổng và phụ nữa, vì không thể kiêm lãnh hai hưu bổng theo nguyên tắc định ở điều 42 đoạn 2 của Nghị định ngày 28-12-1937 của Ủy ban hưu bổng.

Bà Huỳnh thị Liên là thừa kế duy nhất của ô. Dương du chỉ có quyền được hoàn lại số hưu liêm mà chồng bà đã nộp vào Quỹ Hưu bổng, chưa được thanh toán vì chồng bà chưa được hưởng bổng, theo thứ 1 của Nghị định số 138 TTP/CV ngày 6-12-1955 của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa, cũng như theo án lệ hành chính và học thuyết.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 28-11-1959 PLTS 1960 I. III)

1194.— CÔNG CHỨC. NGHỈ KHÔNG LƯƠNG. ĐƠN VIẾT VÀ ĐƠN XIN MIỆNG. VẤN ĐỀ BẰNG CHỨNG.

Trong trường hợp công chức xin nghỉ không lương, sự thỉnh cầu xin nghỉ bằng đơn viết hay bằng đơn xin miêng không phải là vấn đề chính, vì không một bản văn lập pháp hay lập qui nào buộc các công chức phải nộp đơn viết thì các quyết định cho nghỉ mới là hợp thức : vấn đề nói trên chỉ là một vấn đề bằng cứ và sự thỉnh cầu xin nghỉ có thể chứng tỏ bằng mọi phương cách tùy theo hoàn cảnh, trường hợp của mỗi vụ tranh tụng.

(*THAM CHÍNH VIỆN 4-4-1956 PLTS 1956 III. 94*)

1195.— LƯƠNG BỒNG CÔNG CHỨC. NGHỈ BẤT HỢP PHÁP.

Về tổ tụng thủ tiêu trước tòa án hành chánh, thời hạn khởi tố là 3 tháng kể từ ngày đương sự được tổng đạt quyết nghị hành chánh.

Đối với các vụ kiện đòi bồi thường, thời hạn là 30 năm kể từ ngày xảy ra vụ thiệt hại.

Công chức được giấy thôi đi mà không lại nhận việc nơi sở mới, không lại xin giấy đi khám bệnh, tự ý nằm điều dưỡng tại một bệnh viện tư là ở vào tình trạng nghỉ bất hợp pháp.

Được lệnh mà không đến nhận việc, tự tiện nghỉ mà không phép phải coi như không làm việc và không được hưởng lương bổng.

(*TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 11-1-1957 PLTS 1957 II. 118*)

1196.— CÔNG CHỨC. CÁC VỤ PHẢN TRANH GIỮA NHÂN VIÊN CÔNG NHẬT VÀ CÁC CÔNG SỞ.

Tòa án Tư pháp có thẩm quyền để xét xử các vụ tranh chấp giữa các công sở và nhân viên công nhật giúp việc cho các công sở ấy.

(*TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 20-1-1956 PLTS 1956 III. 98*)

97.— CÔNG CHỨC. LỖI CÁ NHÂN VÀ LỖI CÔNG VỤ.  
THẨM QUYỀN.

— Lỗi cá nhân phải được tách ra khỏi sự hành sử chức vụ.

— Lỗi cá nhân là khi nào có ác ý hoặc có lợi riêng.

— Công chức phạm lỗi cá nhân thuộc thẩm quyền Tòa án  
r pháp.

(TÒA ÁN HÀNH CHÍNH 29-1-1958 PLTS 1959 I. 102)

98.— CÔNG CHỨC XIN THU HỒI NGHỊ ĐỊNH CÁCH CHỨC :  
THỜI HẠN KHỞI TỐ TRƯỚC TÒA ÁN HÀNH  
CHÍNH. TRƯỜNG HỢP CÓ ĐƠN XIN TƯ PHÁP  
BẢO TRỢ.

Điều 11 Dự số 2 ngày 5-1-1950, sửa đổi bởi Dự số 36 ngày  
11-1954 ấn định thời hạn khởi tố trước Tòa án Hành chính là ba  
tháng kể từ ngày tổng đạt quyết định.

Mặc dầu trong thực tế đương sự đã biết có sự vụ lệnh cách  
chức, nhưng ngày khởi điểm của thời hạn khởi tố phải tính từ ngày  
đương sự được tổng đạt thực sự quyết định.

Trong trường hợp đương sự có đơn xin tư pháp bảo trợ,  
thời hạn khởi tố kể trên chỉ được tạm đình chỉ nếu đơn xin tư pháp  
bảo trợ đã nộp trước khi mãn hạn khởi tố.

(TÒA ÁN HÀNH CHÍNH 30-6-1962 PLTS 1963 I. 164)

99.— CÔNG CHỨC. QUY CHẾ CHUNG CÔNG CHỨC.  
TRỪNG PHẠT VỀ KỶ LUẬT. QUYỀN CỦA CÔNG CHỨC  
PHẠM KỶ LUẬT ĐƯỢC XEM HỒ SƠ VÀ LÀM TỜ  
BIỆN BẠCH.

Theo Dự số 9 ngày 14-7-1950 sửa đổi bởi Dự số 16 ngày 1-6-  
1953 ấn định quy chế chung cho công chức, nhất là các điều khoản

từ 45 đến 61 liên quan đến vấn đề kỷ luật thì nhà chức trách nào muốn trừng phạt về phương diện kỷ luật các công chức đặt dưới quyền quản trị của mình phải áp dụng đúng thủ tục truy tố hành chánh, là công chức phạm kỷ luật trước khi bị trừng phạt, được quyền xem hồ sơ cùng làm tờ biện bạch về những điều bị khiển trách, và tùy trường hợp phải được đưa ra hội đồng kỷ luật. Việc thi hành các điều vừa kể bị tạm thời đình chỉ bởi Dự 20 ngày 1-8-1954 sửa đổi bởi Dự số 51 ngày 6-7-1955 nhưng đã được lập lại kể từ ngày ban hành Sắc luật số 6164 ngày 30-3-1964.

Nghị định cách chức không hợp pháp vì không làm theo đúng thủ tục truy tố hành chánh.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 10-5-1965 PLTS 1966 I. 181)

1200.— CÁC CUỘC ĐẤU THẦU KHÔNG CÓ KHẾ ƯỚC HỢP LỆ. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN CHO LỆNH NHÀ THẦU KHỞI CÔNG TRƯỚC KHI CUỘC ĐẤU THẦU ĐƯỢC DUYỆT Y. SỰ BỒI HOÀN GIÁ CÁC CÔNG TÁC TRONG TRƯỜNG HỢP KHÔNG CÓ KHẾ ƯỚC HỢP LỆ.

Khi một cơ quan chánh phủ cho lệnh nhà thầu khởi công trước khi cuộc đấu thầu được Thượng cấp duyệt y thì lệnh đó cấu thành một lỗi công vụ mà cơ quan trên phải chịu trách nhiệm đối với nhà thầu trong trường hợp cuộc đấu thầu sau này không được duyệt y.

Trong các cuộc đấu thầu không có khế ước hợp lệ, nhà thầu chỉ được bồi hoàn giá các công tác có lợi ích chung.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 25-8-1962 PLTS 1963 III. 156)

1201.— HIỆU LỰC CHẤP HÀNH ÁN VĂN HÀNH CHÁNH.

Theo điều 42 của Dự số 2 ngày 5-1-1950 (sửa đổi bởi Dự số 36 ngày 8-11-1954) những bản án của Tòa án Hành chánh tự nó đã có

liệu lực chấp hành nên việc xin thi hành tạm bản án là không cần thiết.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 30-3-1959 PLTS 1959 II. 78)

202. — KHÁNG CÁO. THẺ THỨC KHÁNG CÁO MỘT BẢN ÁN CỦA TÒA ÁN HÀNH CHÁNH. KHỞI ĐIỀM THỜI HẠN KHÁNG CÁO CỦA QUỐC GIA.

TAI NẠN DO CÔNG XA GÂY NÊN. TRÁCH NHIỆM CỦA QUỐC GIA. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI. PHÍ TỒN VỀ TANG LỄ. XÁC ĐỊNH TRONG NHỮNG ĐIỀU KIỆN SANH HOẠT.

Theo điều 51 Dự số 2 ngày 5-1-1950 tổ chức Tòa án hành chính muốn kháng cáo hợp lệ một bản án của Tòa này, đương sự có thể chọn để thi hành, trong hạn 1 tháng kể từ ngày tổng đạt án văn đối chiếu, hay là ngày mãn hạn kháng án khuyết tịch, một trong hai thủ tục sau đây :

— hoặc làm tờ khai kháng cáo tại văn phòng Tổng thư ký Tòa án hành chính, trong đó có nói sơ lược lý do kháng cáo.

— hoặc gửi đơn kháng cáo thẳng tới Tham chính viện.

Riêng đối với Quốc gia, khởi điềm thời hạn kháng cáo thì lại khác, vì theo điều 53 Dự số 2 ngày 5-1-1950, trong mọi trường hợp, thời hạn 1 tháng để Quốc gia, kháng cáo tính từ ngày tuyên án.

Người chồng và các con của nạn nhân chết trong một tai nạn ưu thông thuộc trách nhiệm của Quốc gia, có quyền được bồi thường và thiệt hại về những phí tổn do tang lễ và về những sự xáo trộn trong các điều kiện sanh hoạt của gia đình (troubles apportés dans les conditions d'existence de la famille).

(THAM CHÍNH VIỆN 30-3-1957 PLTS 1957 IV. 49)

203. — HIỆU LỰC CỦA SỰ KHÁNG CÁO BẢN ÁN CỦA TÒA ÁN HÀNH CHÁNH. TRIỀN HẠN.



Chiếu điều 42 Dự số 2 ngày 5-1-1950, việc kháng cáo không đình hoãn việc thi hành các bản án của Tòa án Hành chánh.

Việc xin thủ tiêu một quyết định hành chánh trước Tham chính viện không có hiệu lực đình chỉ sự thi hành văn kiện đó, chiếu điều 22 Dự số 38 ngày 9-11-1954.

(*TT Saigon 14-8-1958 PLTS 1958 III. 31*)

1204.— THỜI HẠN KHÁNG CÁO.

Thời hạn một tháng ấn định do điều 51 dự số 2 ngày 5-1-1950 đề kháng cáo các bản án của Tòa án hành chánh là một thời hạn viên mãn (délai france).

(*THAM CHÍNH VIỆN 8-12-1956 PLTS 1957 I. 93*)

1205.— KHẾ ƯỚC ĐẤU THẦU THUẾ CHỢ. Ý NIỆM VÀ MỤC ĐÍCH CÔNG VỤ. THI HÀNH KHẾ ƯỚC. QUAN NIỆM HỢP TÁC TRONG CÔNG VỤ.

KHÔNG NẠP TIỀN KÝ QUỸ THIẾT THỌ. TỊCH THẦU TIỀN KÝ QUỸ TẠM THỜI. CHỦ THẦU KHÔNG THỀ THẦU THUẾ QUÁ GIÁ CHÁNH THỨC. CƠ QUAN ĐÔI ƯỚC VI PHẠM ĐIỀU KIỆN SÁCH. TRÁCH NHIỆM.

Những điểm tranh chấp về việc thi hành khế ước trưng thầu thuế chợ phải được khảo xét dưới khía cạnh của quan niệm hợp tác trong công vụ để xét định tình trạng ngay tình của đôi bên kết ước trong việc thi hành khế ước.

Nếu chủ thầu thuế chợ không nạp tiền ký quỹ thiết thọ trong thời hạn ấn định trong điều kiện sách thì số tiền ký quỹ sẽ bị tạm tịch thầu chiếu theo khoản của điều kiện sách, phù hợp với nghị định ngày 31-12-1899 và nghị định ngày 26-10-1935 đã được chiếu dẫn trong điều kiện sách.

Chủ thầu thuê chợ không có quyền xin nhà chức trách để dãi cho mình để thầu quá giá chánh thức, sự thầu quá giá này là bất hợp pháp, vì trái với điều kiện sách, lại trái với ý niệm và mục đích công vụ của kẻ ước đấu thầu thuê chợ.

Nếu cơ quan đối ước vi phạm những điều khoản của điều kiện sách ấn định nghĩa vụ riêng của mình ; tỷ dụ như phải cấm không được nhóm thêm chợ nào khác trong một phạm vi nào đó ; khiến chủ thầu bị thua lỗ trong việc thầu thế chợ, thì cơ quan đối ước sẽ phải gánh chịu trách nhiệm về sự thiệt hại ấy theo tỷ lệ thuộc về phần lỗi của mình.

(*THAM CHÍNH VIỆN 21-12-1957 PLTS 1960 II. 83*)

#### 1206.— LỖI CÔNG VỤ.

Lỗi của nhân viên công chánh gây tai nạn trong lúc tráng dầu tại một công trường công chánh là một lỗi công vụ, nên Quốc gia phải chịu trách nhiệm bồi thường đối với nạn nhân, khi nạn nhân không có lỗi gì.

(*TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 31-1-1961 PLTS 1961 IV. 145*)

#### 1206.— LỖI CÁ NHÂN.

Một công chức lạm dụng công xa đi việc tư ngoài công vụ, nếu có tai nạn xảy ra để gây thiệt hại cho Quốc gia, là phạm lỗi cá nhân khiến phải chịu trách nhiệm đối với Quốc gia. Trong trường hợp Quốc gia bị buộc phải bồi thường thiệt hại cho nạn nhân, Quốc gia có thể đòi người công chức ấy phải hoàn lại số tiền bồi thường đã trả cho nạn nhân.

(*THAM CHÍNH VIỆN 21-12-1957 PLTS 1958 II. 69*)

#### 1207.— LẠM DỤNG CÔNG XA. LỖI RIÊNG TÀI XẾ. TRÁCH NHIỆM. TAI NẠN XE HƠI.

Cơ quan hành chánh phải chịu trách nhiệm khi vì thiếu sự kiểm soát tài xế lợi dụng công xa đem dùng vào việc riêng và gây ra tai nạn ; nhưng được bảo lưu thừa nhiệm vào quyền lợi của nạn nhân đối với kẻ gây ra tai nạn.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 21-11-1956 PLTS 1958 II. 74)

1208.— NỢ QUỐC GIA. SỰ CẦM THẺ TRÁI KHOẢN CỦA NHÀ THẦU CHO MỘT NGÂN HÀNG VỀ CÁC CÔNG TÁC LÀM CHO MỘT CƠ QUAN CHÁNH PHỦ. THỜI HIỆU TỨ NIÊN. VIỆC KÝ NHẬN BẢN TRIẾT TÍNH CÔNG TÁC.

Những đơn gởi đến chánh quyền đề xin thanh toán một trái khoản làm gián đoạn thời hiệu.

Điều 237 Sắc lệnh ngày 30-12-1912 ấn định thời hiệu tứ niên cho các món nợ của Quốc gia phải khởi điểm từ ngày bắt đầu niên khóa mà trong đó món nợ được phát sanh, không áp dụng đối với các trái khoản mà việc ra lệnh chi phó và thanh toán không thực hiện được trong hạn định vì hành vi của chánh quyền.

Ngân hàng với tư cách là trái chủ điển áp, được đại nhiệm vào quyền lợi của nhà thầu lẽ dĩ nhiên được quyền thi hành thủ tục để lãnh tiền của nhà thầu, trong đó việc ký nhận bản triết tính công tác. Sự nhà thầu phải đến nhận bản triết tính công tác không phải là một điều kiện cần thiết cho việc thanh toán trái khoản theo điều 41 nghị định ngày 14-10-1937.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 25-8-1962 PLTS 1963 III. 165)

1209.— QUYỀN SỞ HỮU BẤT ĐỘNG SẢN. BỒI THƯỜNG VỀ VIỆC PHÁ HOẠI VƯỜN VÀ CÂY CỐI. THẨM QUYỀN TÒA ÁN TƯ PHÁP.

Theo nguyên tắc pháp lý và án lệ hiện hành, các việc xin bồi thường về phá hoại vườn và cây cối, liên hệ đến quyền sở hữu bất

động sản do dân luật chi phối, đều thuộc thẩm quyền tòa án tư pháp (l'authorité judiciaire est gardienne de la propriété privée).

(TÒA ÁN HÀNH CHÍNH 31-7-1959 PLTS 1959 III. 101)

## 1210.— QUYỀN ĐƯƠNG NHIÊN THI HÀNH MỘT QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH.

Quyền đương nhiên thi hành (exécution d'office) một quyết định hành chính là một đặc quyền hành chính tuy cần thiết trong sự thi hành nhiệm vụ hành chính, nhưng vẫn có tánh cách đặc biệt và ngoại mục cần phải được quan niệm một cách chặt chẽ để dung hòa quyền hạn của các cơ quan trong sự điều hành công vụ với các quyền của các công dân do luật pháp bảo đảm.

Ngay trong các trường hợp được đương nhiên thi hành, quyền này cũng chỉ được sử dụng với điều kiện mà thôi, và những điều kiện này hợp thành những bảo đảm cho các công dân để tránh sự lạm dụng quyền đương nhiên thi hành của các cơ quan hành chính.

Quyền đương nhiên thi hành thật ra chỉ là một sự cưỡng bách được sử dụng để bỏ tước vào sự khiếm khuyết ngoan ngoãn của đương sự vậy đương nhiên thi hành chỉ hợp pháp nếu có sự từ chối của đương sự không thuận ý thi hành quyết định hành chính, ngoại trừ trường hợp khẩn cấp hay nguy hiểm mục tiền.

Ngoài ra, quyền đương nhiên thi hành cũng phải được sử dụng theo một thủ tục chặt chẽ gồm những thể thức thiết yếu, để tránh các sự thi hành hậu quả có thể phát sinh nhiều hậu quả phiền hà tai nạn cho đương sự.

Nếu muốn sử dụng quyền đương nhiên thi hành theo điều 253. Dự số 10 ngày 16-5-1954 về thể lệ vệ sinh thành phố, thì phải tuân theo những thể thức thiết yếu qui định trong điều ấy để có thể đương nhiên thi hành, đó là thể thức tổng đạt cho đương sự lệnh thi hành có bách hện cho y phải tự ý thi hành lệnh ấy trong một kỳ.

hạn dưới sự đe thúc nếu không thi hành trong hạn định, cơ quan sẽ đương nhiên thi hành; ngoại trừ trường hợp khẩn cấp hay nguy hiểm mục tiền thì thể thức nói trên mới được miễn khỏi phải tuân theo.

Một cơ quan hành chánh đã xử dụng không hợp pháp quyền đương nhiên thi hành thì phải chịu trách nhiệm về sự thiệt hại đã gây ra.

(THAM CHÁNH VIỆN 23-10-1910 PLTS 1961 II. 114)

#### 1211.— TAI NẠN ĐÒ NGANG.

Một xe hàng xuống đò đề qua sông, phải chịu một phần trách nhiệm nếu xe hàng ấy xuống đò không cẩn thận làm cho đò nghiêng về một bên rồi cùng với xe chìm xuống nước, nhân viên công chánh khiếm khuyết trong việc điều khiển cho xe hàng ấy xuống đò, cũng phải chịu một phần trách nhiệm về tai nạn lưu thông đó.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 27-5-1960 PLTS 1960 IV. 118)

#### 1212.— TAI NẠN TRÊN CÔNG LỘ.

Các công pháp nhân phải chịu trách nhiệm về những tai nạn gây ra do sự thiếu bảo tu, thường mực các công tác công chánh kể cả phần phụ thuộc (défaut d'entretien normal des ouvrages publics et de leurs dependances) nếu sơ xuất không bảo tu thường mực đề đến nỗi gây nạn thì phải gánh chịu trách nhiệm.

Do đó, các công pháp nhân chỉ phải chịu trách nhiệm về những tai nạn gây trên công lộ cho những người xử dụng công lộ khi nào tai nạn xảy ra là do sự thiếu bảo tu thường mực.

Khi một cây trồng trên lề công lộ bị gió thổi đổ xuống gây tai nạn, nếu cây ấy bề ngoài xanh tốt mà chỉ mục nát bên trong nhưng không có dấu hiệu nào ra ngoài để tỏ rằng cây đã bị hư nát và có thể đổ, thì tai nạn xảy ra không phải là do sự thiếu bảo tu thường mực những phần phụ thuộc của công lộ (défaut d'entretien

ormal dépendances de la voie publique) khiến công pháp nhân không  
 phải chịu trách nhiệm.

(THAM CHÍNH VIỆN 21-12-1957 PLTS 1959 II. 63)

13.— TAI NẠN DO CÔNG XA GÂY RA TRONG KHI THI  
 HÀNH CÔNG VỤ. LỖI CÔNG VỤ. TRÁCH NHIỆM  
 CỦA QUỐC GIA. PHẦN LỖI NẠN NHÂN. PHÂN CHIA  
 TRÁCH NHIỆM.

Quốc gia phải chịu trách nhiệm về tai nạn do một công xa  
 gây ra trong khi thi hành công vụ, mà lỗi thuộc về phần công xa.

Nếu nạn nhân cũng có một phần lỗi trong tai nạn, thì trách  
 nhiệm phải phân chia theo tỷ lệ lỗi của đôi bên.

(THAM CHÍNH VIỆN 23-1-1960 PLTS. 1960 III. 95)

214.— TAI NẠN LƯU THÔNG DO QUÂN XA GÂY NÊN  
 TRONG KHI THI HÀNH CÔNG VỤ. UY LỰC QUYẾT  
 TUNG CỦA BẢN ÁN HÌNH KẾT ÁN TÀI XẾ. PHÁP  
 ĐÌNH HÀNH CHÁNH NẾU NHỮNG SỰ KIỆN KHÔNG  
 BỊ BẢN ÁN HÌNH PHỦ NHẬN ĐỀ TUYỀN LƯU MỘT  
 PHẦN LỖI CỦA NẠN NHÂN, PHÂN CHIA TRÁCH  
 NHIỆM.

Một án văn hình sự kết án một tài xế về tội ngộ sát là một  
 yếu tố pháp lý bất khả chỉ trích về tín lực của việc đã xử rồi đối  
 với tội trạng tài xế gây tai nạn, và đối với các sự kiện vật chất đã  
 được xác nhận để chứng tỏ lỗi sơ xuất bất cẩn của tài xế, nhưng  
 nếu án văn ấy không đề cập đến cử chỉ và hành động của nạn nhân  
 để minh thị hay mặc thị hay tuyền lưu hay gạt bỏ lỗi nạn nhân, thì  
 tín lực của việc đã xử rồi không cản trở sự tuyền lưu lỗi ấy, pháp  
 đình hành chánh có thể nêu những sự kiện vật chất không bị bản  
 án hình phủ nhận.

Quốc gia phải chịu trách nhiệm về tai nạn do một quân xa  
 gây ra trong khi thi hành công vụ, mà lỗi thuộc về quân xa.

Nếu nạn nhân cũng có một phần lỗi trong tai nạn, thì trách nhiệm phải phân chia theo tỷ lệ lỗi của đôi bên.

(THAM CHÍNH VIỆN 24-6-1961 PLTS 1961 III. 121)

1215.— CẢNH SÁT XỬ DỤNG VÕ KHÍ NGUY HIỂM CÓ THỂ GÂY RỦI RO ĐẶC BIỆT. TRÁCH NHIỆM QUỐC GIA KHI CÓ TAI NẠN HAY GÂY THIẾT HẠI BẤT THƯỜNG CHO NGƯỜI NGOẠI CUỘC ĐỐI VỚI TÁC VỤ CẢNH SÁT.

Lỗi của một cảnh sát viên vì sơ suất bất cẩn đã gây tai nạn trong khi thi hành một tác vụ cảnh sát, mặc dầu y đã bị truy tố trước tòa án tiểu hình và bị xử phạt về tội ngộ thương, lỗi hình nói trên đã xảy ra trong khi thi hành công vụ lại không tách biệt khỏi công vụ, vẫn là một lỗi công vụ mà Quốc gia phải gánh chịu trách nhiệm về những hậu quả gây thiệt hại, và tòa án có thẩm quyền xét xử đơn xin bồi thường đối với một pháp nhân hành chính là Tòa án hành chính chiếu theo điều 2 Dự số 2 ngày 5-1-1950 sửa đổi bởi Dự số 36 ngày 8-11-1954.

Trong những tác vụ cảnh sát (opération de police) nếu nhân viên cảnh sát có xử dụng những vũ khí nguy hiểm có thể gây những rủi ro đặc biệt và tai biến bất thường trong dân chúng, và nạn nhân là người ngoại cuộc đối với tác vụ cảnh sát, lại không có lỗi gì trong tai nạn, thì Quốc gia phải chịu trách nhiệm về sự thiệt hại đã gây cho nạn nhân, nếu sự thiệt hại này có tánh cách trầm trọng so với các trách vụ (charges) mà người dân phải gánh chịu theo mực bình thường đề đòi lấy những lợi ích của sự điều hành các sở cảnh sát.

(THAM CHÍNH VIỆN 7-5-1960 PLTS 1961 II. 119)

1216.— TAI NẠN LƯU THÔNG XÂY RA TRÊN MỘT CÁI CẦU THÌNH LÌNH SỤP ĐỔ. TRÁCH NHIỆM PHÂN CHIA GIỮA XE BỊ NẠN VÀ QUỐC GIA.

Xe bị nạn đã chở hàng nặng quá sức chịu đựng của cái cầu và đó là nguyên do trực tiếp làm xảy ra tai nạn mà nguyên đơn là chủ xe phải gánh chịu một phần lớn hậu quả.

Nhưng quốc gia cũng phải chịu một phần trách nhiệm vì đã tư mịch mà không được tu bổ để phòng ngừa tai nạn.

(TÒA ÁN HÀNH CHÍNH 30-6-1962 PLTS 1963 II. 151)

1217.— TAI NẠN LƯU THÔNG GÂY NÊN BỞI MỘT SINH VIÊN NỘI TRÚ CÒN VỊ THÀNH NIÊN CỦA TRƯỜNG CANH NÔNG THỰC HÀNH CẦN THƠ TRONG THỜI GIAN THỰC TẬP. TRÁCH NHIỆM TRÔNG NOM CỦA NHÀ TRƯỜNG. TRÁCH NHIỆM DẪN SỰ CỦA BỘ CẢI TIẾN NÔNG THÔN.

Theo nguyên tắc, người phải chịu trách nhiệm về sự thiệt hại gây ra cho đệ tam nhân bởi lỗi của một vị thành niên là người có bổn phận trông nom vị thành niên khi phạm pháp, do đó nhà trường phải chịu trách nhiệm về hành động của các học sinh vị thành niên trong thời gian học sinh được đặt dưới quyền trông nom của nhà trường. Trách nhiệm đó chỉ được miễn trừ nếu tai nạn gây ra vì một duyên cớ ngẫu nhiên hay một trường hợp bất khả kháng.

Trong hiện vụ Huỳnh văn Mai, sinh viên nội trú của trường Canh nông thực hành Cần thơ, được trường này gửi lên trường Quốc gia Nông Lâm Mịch Bảo Lộc ăn ở để đi thực tập tại Trung Tâm thực Nghiệm Nông Học Bảo Lộc, như vậy trường Canh nông thực hành Cần Thơ hay trường Quốc gia Nông Lâm, cả hai thuộc Bộ Cải Tiến Nông Thôn, có bổn phận trông nom Huỳnh văn Mai trong thời gian thực tập.

Huỳnh văn Mai đã gây ra tai nạn trong khi đi thực tập vì bất cẩn thì Bộ Cải tiến Nông Thôn phải đảm nhiệm hộ trách về phần



lỗi của Huỳnh văn Mai đối với nguyên đơn trong tai nạn làm thiệt mạng em bé Lê thị Ngọc Diệp, dù lỗi của Huỳnh văn Mai chỉ là một lỗi cá nhân.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 28-2-1963 PLTS 1693 IV. 163)

1218.— THẨM QUYỀN TÒA ÁN HÀNH CHÁNH. THẨM QUYỀN VỀ VỤ KIỆN XIN THỦ TIÊU. TỔ TỤNG THỦ TIÊU VÀ TỔ TỤNG TOÀN DIỆN TÀI SẢN.

Tòa án Hành chánh chỉ có thẩm quyền thủ tiêu các quyết định hành chánh có tính cách cá nhân liên quan đến tình trạng hành chánh của các viên chức do nghị định các Tổng trưởng, Bộ trưởng, đại diện chánh phủ tại các phần Tỉnh trưởng bổ nhiệm.

Khi nào trong một vụ kiện mà mục đích chánh là xin thủ tiêu thời vụ kiện này thuộc về loại tổ tụng thủ tiêu dầu cho nguyên đơn có đòi thêm tiền thiệt hại cũng vậy: Nếu không vậy, nguyên đơn chỉ đòi thiệt hại cho có lệ thời sửa đổi được thẩm quyền các tòa án và khởi phải theo thời hạn khởi tố.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 11-1-1957 PLTS 1957 I. 105)

1219.— THẨM QUYỀN. HÀNH VI THỐNG TRỊ.

Những hành vi thống trị không thuộc quyền kiểm soát của Tòa án Hành chánh, hay là nói một cách khác, Tòa án Hành chánh không có quyền xét xử về những hành vi ấy.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 17-11-1958 PLTS 1959 II. 71)

1220.— THẨM QUYỀN. NHỮNG VỤ TỔ TỤNG ĐỀ CHỐNG LẠI THỦ TỤC ĐỐC THUẾ ĐỀ XIN HỦY BỎ LỆNH TRUY ĐỐC THUẾ TRỰC THẦU, HOẶC XIN GIẢI TRỪ VIỆC TỊCH BIÊN TÀI SẢN CỦA NGƯỜI THIẾU THUẾ, ĐỀU THUỘC THẨM QUYỀN TÒA ÁN TƯ PHÁP.

Y ĐIỀU 2 MỚI CỦA DỤ SỐ 2 NGÀY 5-1-1950 SỬA ĐÒI  
 I DỤ SỐ 36 NGÀY 8-11-1954, ĐOẠN 20, CÓ ÁN ĐỊNH RẰNG:  
 A AN HÀNH CHÁNH CÓ THẨM QUYỀN « SƠ THẨM VÀ  
 UNG THẨM CÁC VỤ KIẾN LIÊN QUAN ĐẾN MỌI VẤN  
 THUẾ KHÓA TRỰC THU VÀ CÁC THỦ THUẾ ĐỒNG  
 A VỚI THUẾ TRỰC THU » NHƯNG CÁC VỤ TỔ TỤNG  
 ỒNG LẠI CÁC THỦ TỤC TRUY ĐỐC THUẾ TỰ TRÊN  
 EO ÁN LỆ ĐỀU THUỘC THẨM QUYỀN TÒA ÁN TƯ PHÁP.

Trong vụ hiện tại, nguyên đơn (ô. Tôn thất Khánh) đã bị  
 in khổ Huế chặn giữ ba ngân phiếu (112.800đ) của nguyên đơn,  
 ợ thứ của nguyên đơn là bà Trần thị Thanh thiếu tiền thuế chợ  
 Tỉnh Thừa Thiên là 360.555đ93 và vì ô. Tôn thất Khánh đã  
 giấy « xin chịu hoàn toàn trách nhiệm » về việc thầu chợ của bà Trần  
 Thanh. Nhưng nguyên đơn lại nói rằng giấy cam đoan và bảo lãnh  
 là giả mạo và do bà Trần thị Thanh tự tiện làm ra rồi nguyên  
 1 xin hủy bỏ quyết định ngày 19-2-1959 của vị Trưởng  
 Ngân khổ Huế chặn giữ ba ngân phiếu theo thủ tục, truy  
 : thuế ấy cũng như việc giả mạo chữ ký của ô. Tôn thất Khánh,  
 1 thuộc thẩm quyền Tòa án Tư pháp. Điều 2 mới đoạn 20 của Dụ  
 36 ấn định thẩm quyền của tòa án hành chính về thuế trực thu  
 ng thể áp dụng cho vụ tố tụng chống lại thủ tục truy đốc thuế tự  
 1 và Tòa án Hành chính đã tuyên bố vô thẩm quyền về những vụ  
 ng tự tại các phiên tòa ngày 27-9-1958 và ngày 27-11-58.

ĐA AN HÀNH CHÁNH 28-11-1959 PLTS 1961 III. 128)

1.— THUẾ VỤ. TỤNG SỰ THUẾ KHÓA. ĐIỀU 94 DỤ SỐ 7  
 NGÀY 13-4-1953.

Trong các vụ tụng sự thuế khóa, theo điều 94 Dụ số 7 ngày  
 4-1953, thì người kêu nài không đặng tranh luận trước Tòa án  
 hành chính những phần thuế nào khác hơn với những phần thuế đã

chỉ trong đơn kêu nại trước sở thuế vụ. Nếu làm trái với nguyên tắc này, thì đơn khởi tố không thể được chấp nhận.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 30-7-1959 PLTS 1961 IV. 133)

1222.— THUẾ ĐIỀN THỜ. VIỆC LẤY GIÁ CHO THUÊ LÀM CĂN BẢN CHO NHỮNG VIỆC ĐÁNH THUẾ ĐIỀN THỜ. ĐƠN XIN GIẢM THUẾ NHỮNG NHÀ CỬA BỊ BỎ TRỐNG HAY PHÁ HỦY. QUYỀN HẠN KÊU NÀI CỦA CHỦ NHÂN VỀ CÁCH ĐÁNH GIÁ ĐIỀN THỜ SAU KHI ĐƯỢC ỦY BAN TƯ CHÍNH THÔNG TRUYỀN VIỆC ĐÁNH GIÁ ẤY.

Giá cho thuê những bất động sản dùng làm căn cứ cho việc đánh thuế điền thờ là giá cho thuê những bất động sản ấy hôm mùng một tháng giêng của năm đã thực hành công việc tư chính (của Ủy Ban tư chính đánh thuế trực thu) theo điều 33 của Dự số 7 ngày 13-4-1953.

Muốn xin giảm thuế điền thờ của nhà cửa phá hủy trong thời gian còn lại cho đến cuối năm, phải khai rõ trong vòng một tháng sau khi phá hủy xong, theo điều 39 của Dự số 7. Còn đơn xin giảm hay miễn thuế nhà cửa bỏ trống hay cơ xưởng nghỉ việc, phải nộp trong vòng một tháng sau khi mãn kỳ hạn 12 tháng mà chủ nhân có thể xin giảm thuế, hay sau khi sự bỏ trống hay sự nghỉ việc đã đình chỉ theo điều 40 của Dự số 7.

Khi chủ nhân một bất động sản đã được thông truyền công việc tư chính cách đánh thuế điền thờ rồi, thì chủ nhân ấy chỉ có quyền kêu nại trong hạn 15 ngày, kể từ ngày thông truyền. Quá hạn ấy, việc tính giá của ủy ban tư chính được coi như đã chấp nhận, theo điều 35 cũng của Dự số 7 tự trên.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 30-5-1961 PLTS 1962 II. 115)

23.— THUẾ ĐIỀN THÒ. CĂN BẢN TÍNH THUẾ. THỦ TỤC  
TỔ TỤNG. TÍNH CÁCH BẮC BUỘC CỦA GIAI ĐOẠN  
HÀNH CHÁNH.

Trong trường hợp người thợ thuế không đồng ý về căn bản nh thuế của cơ quan thuế vụ, trong kỳ tu chỉnh tam niên, thời hạn 3 tháng kể từ ngày bộ thuế đem trưng thu, có thể nộp đơn khiếu nại nơi Nha Thuế vụ và đơn này sẽ do ông Bộ trưởng Tài chánh xử xét và quyết định.

Nếu quyết định của ông Bộ trưởng không làm cho người thợ thuế thỏa mãn hoặc hết 6 tháng đơn khiếu nại không được giải quyết thì người này có quyền khởi tố trước Tòa án Hành chánh trong kỳ hạn 3 tháng kể từ ngày tổng đạt quyết định hay kể từ ngày hết hạn 6 tháng nếu không có quyết định.

Người thợ thuế không được tranh luận trước Tòa án Hành chánh những phần thuế nào khác hơn với những phần thuế trong đã liệt kê trong đơn khiếu nại trước Nha Thuế vụ, và nếu người thợ thuế không xin đình hoãn việc trả thuế trong đơn khiếu nại ấy thì không được quyền xin đình hoãn trước Tòa án Hành chánh. Trước khi khởi tố trước Tòa án Hành chánh, người thợ thuế bắt buộc phải nộp giai đoạn khiếu nại tại Nha Thuế vụ đại diện cho Bộ Tài chánh và Tòa án không thể xét xử về nội dung những đơn khởi tố không tôn trọng hình thức đó.

Thư của đương sự gửi cho cơ quan thuế vụ trong vòng 15 ngày kể từ phúc đáp thông tư của Ty Thuế cho biết căn bản tính thuế như đã qui định nơi điều 35 Dự số 7 ngày 13-4-1953 không thể được coi như một đơn khiếu nại hợp lệ vì không làm theo các điều kiện luật định: nộp trong kỳ hạn 3 tháng kể từ ngày bộ thuế đem trưng thu tại Bộ Tài chánh hay Nha Thuế vụ có thẩm quyền xử xét và quyết định.

1224.— THUẾ GIA ỐC ĐỊA TÔ. XIN MIỄN THUẾ THỎ TRẠCH THUỘC VỀ BIỆT THỰ Ở ĐÔ THÀNH SAIGON. THỜI HẠN. THẺ THỨC.

Đơn kêu nại phải gửi cho Chánh sự vụ trung ương, thế vụ mỗi phần ; và muốn được chấp thuận đơn này phải trình trong vòng 3 tháng sau ngày đem bộ thuế ra trưng thu.

Đơn kêu nại được chánh sự vụ trung ương thuế vụ thẩm vấn trình lấy ý kiến của Giám đốc thuế vụ ở Bộ Tài chánh và chuyên đạt cho Đại biểu Chánh phủ địa phương quyết định.

Không có quyết định của Chánh phủ tại địa phương, nguyên đơn không đủ tư cách đem vụ tranh tụng ra trước Tòa án Hành chánh.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 26-9-1956 PLTS 1956 IV. 88)

1225.— THUẾ MÔN BÀI. THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC. CUNG CẤP CHO CÔNG SỞ. CÔNG TY CHUYÊN CHỞ.

Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền Tòa án Hành chánh.

Thủ tục phải làm theo thẻ thức ấn định nơi Dự số 7 ngày 13-4-53 về thuế điền thổ.

Cung cấp cho công sở không những có nghĩa là cung cấp vật liệu hay thực phẩm, mà còn có nghĩa cung cấp công việc.

Một công ty chuyên chở thư từ cho công sở có thể coi như là một nhà thầu công tác.

Giao thầu công tác, cung cấp và chuyên chở cho Quốc gia đều được đồng hóa để đánh thuế.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 27-7-1956 PLTS 1957 III. 100)

1226.— THUẾ MÔN BÀI : PHẦN THUẾ TƯƠNG PHỐI HAY TỶ LỆ, NGOÀI PHẦN THUẾ CHÁNH CUNG. CÁCH TÍNH PHẦN TỶ LỆ THUẾ MÔN BÀI. GIÁ THUẾ BẤT ĐỘNG SẢN DÙNG ĐỂ TÍNH PHẦN THUẾ TỶ LỆ NÀY.

THUẾ MÔN BÀI THIẾU SÓT. SỰ TRUNG THẦU THUẾ MÔN BÀI THIẾU SÓT.

Ngoài phần chánh cung thuế môn bài (mà bậc thuế đã được định theo sự quan trọng của từng loại nghề nghiệp, thương mại kỹ nghệ phần thuế tương phối hay tỷ lệ được thiết lập theo giá mướn) thuế hiện tại của nhà hay bất động sản hỗn hợp (vừa dùng để thực hành nghề nghiệp, thương mại hay kỹ nghệ nghiệp.

Giá mướn dùng để tính phần thuế tỷ lệ môn bài là giá do người thợ thuê mướn nhà thật sự hoặc giá cho mướn ước lượng bằng cách so sánh với bất động sản tương tự (trong trường hợp xử lý nhà chính mình là sở hữu chủ).

Nhà dùng làm căn cứ để tính phần tỷ lệ là những căn phòng ở, nhà trống, chớ không phải chỉ là văn phòng của người thợ thuê. Phần thuế tỷ lệ môn bài cũng tính trên giá cho mướn các nhà ở ấy, chớ không phải tính trên số thương vụ.

Thuế môn bài thiếu sót được truy thu trong thời hạn bốn năm, kể cả năm khám phá ra sự thiếu sót.

(TÒA ÁN HÀNH CHÍNH 28-2-1963 PLTS 1964 II. 154)

27.— THUẾ MÔN BÀI. THUẾ CHÍNH CUNG VÀ BÁCH PHẦN PHỤ THU VỀ THUẾ MÔN BÀI. THỦ TỤC TRUNG THU VÀ TỔ TỤNG. BỒN PHẬN NẠP THUẾ MÔN BÀI, CHÁNH CUNG CŨNG NHƯ BÁCH PHẦN PHỤ THU. SỰ KHÁNG NẠI LỆNH ĐỐC THUẾ, BIÊN BẢN SAI ÁP VÀ TỊCH THU TÀI SẢN CỦA NGƯỜI THIẾU THUẾ.

Theo điều thứ 5 và điều thứ 6 của Dự số 8 ngày 13-4-1953 tức bởi Dự số 9 ngày 7-12-1954 và số 29 ngày 25-4-1955, ngoài thuế môn bài chánh cung (điều 5), các thương mại và kỹ nghệ phải nộp những bách phần phụ thu về thuế môn bài (điều 6).

Không một hợp đồng hay điều kiện sách của việc đấu thầu nào có thể miễn cho đương sự khỏi phải nộp số bách phần phụ thu về thuế môn bài. Lại theo điều 40 của Dự số 8 tự trên, sự trưng thu thuế môn bài và sự truy tố được thi hành như về thuế điền thổ. Vậy trước khi khởi tố tại Tòa án Hành chánh để xin miễn giảm thuế môn bài, phải làm đơn kêu nài (xin giảm miễn thuế) tại cơ quan thuế vụ trước đã, theo các điều từ 87 đến 101 của Dự số 7 ngày 13-4-1953 về thuế điền thổ. Bồn phận nộp thuế môn bài cũng như các thuế khác, thuộc trật tự công cộng. Sự kháng nại lệnh đốc thúc thuế hay biên bản sai áp và tịch thu tài sản của người thiếu thuế đều thuộc thẩm quyền Tòa án Tư pháp.

Trong vụ hiện tại của bà Nguyễn thị Dậu, điều kiện sách đấu chợ Bình hòa Xã nói ở điều 4 rằng « người mướn chợ phải đóng thuế môn bài là 2,250/0 của giá mua hoa chi chợ » không có nghĩa là người thầu chợ không phải nộp số bách phần phụ thu về thuế môn bài do luật đã ấn định và một hợp đồng hành chánh hay dân sự không bao giờ được dự liệu miễn cho người thầu chợ khỏi phải nộp các bách phần phụ thu về thuế môn bài đã ấn định cho Phòng Thương mại bởi Nghị định số 409-BTC/TV ngày 10-3-1957 của vị Bộ trưởng Bộ Tài chánh và cho các Ngân sách Đô thành, Tỉnh, Hạt và Xã Thôn bởi Nghị định số 2180 và 2181 TC/TNS ngày 22-12-1955 và Nghị định số 416-BTC/TV ngày 21-3-1957 cũng của vị Bộ trưởng bộ Tài chánh (thi hành Dự số 17 và Sắc lệnh số 38-TC cùng ngày 24-12-1955).

Còn việc kháng nại lệnh đốc thúc thuế môn bài hay biên bản sai áp và tịch thu tài sản của người thiếu thuế, đề thuộc thẩm quyền của Tòa án Tư pháp. Tòa án Hành chánh chỉ xét xử sơ thẩm và chung thẩm những vụ xin miễn giảm thuế môn bài mà thôi.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 28-11-1959 PLTS 1961 II. 224)

1228.— THUẾ MÔN BÀI. XIN MIỄN THUẾ MÔN BÀI. XIN HOÃN KỲ TRẢ THUẾ. CUNG CẤP CHO CÔNG SỞ. CUNG CẤP VẬT LIỆU HAY CÔNG VIỆC.

Cho các cơ quan chánh phủ, thuế nhà hay đất là một việc cung nhà đất cho các công sở và phải chịu thuế môn bài về cung cấp.

Sự hoãn kỳ trả thuế chỉ được ấn định ở Dự số 7 ngày 13-4- cho thuế điền thổ, chứ Dự số 8 ngày 13-4-1953 về thuế môn không có dự liệu điều này.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 26-7-1957 PLTS 1958 I.109)

— THUẾ MÔN BÀI. ĐƠN KHỞI TỐ TRƯỚC TÒA ÁN HÀNH CHÁNH XIN MIỄN THUẾ. THỜI HẠN ĐƠN, TRONG TRƯỜNG HỢP QUÁ 6 THÁNG MÀ CHƯA CÓ QUYẾT ĐỊNH CỦA ÔNG BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÁNH.

Những đơn kêu nại về thuế khóa của ông Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trong 6 tháng kể từ ngày đệ đơn ; nếu quyết định Ô. Bộ trưởng không làm cho người kêu nại được thỏa mãn, hoặc quá 6 tháng mà chưa có quyết định thì người kêu nại được quyền khởi tố trước Tòa án Hành chánh.

Trong trường hợp không có quyết định trong vòng 6 tháng, sự vắng mặt của nhà chức trách trong thời gian ấy phải được coi như có nghĩa của sự bác khước mặc nhiên, và thời hạn khởi tố cũng như thời hạn khởi tố trong trường hợp có quyết định minh thị bác khước là 3 tháng kể từ ngày thời hạn của sự im lặng đã mãn.

Quyết định của ô. Bộ Trưởng Bộ Tài chính bác đơn kêu nại của người nộp thuế ra sau thời hạn nộp đơn khởi tố 3 tháng chỉ là một quyết định xác nhận sự bác khước mặc nhiên sau thời hạn 6 tháng không hiệu lực đình chỉ thời hạn khởi tố 3 tháng.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 29-12-1962 PLTS 1965 I. 160)

— THUẾ VỤ, THUẾ LƯƠNG BỒN. THUẾ LỢI TỨC. THẨM QUYỀN VỀ THUẾ VỤ.



Tòa Án Hành chánh có thẩm quyền xử sơ và chung thẩm các vụ kiện liên quan đến mọi vấn đề thuế khoá trực thu và các thứ thuế đồng hóa với thuế trực thu.

Điều 47 của Dự số 10 ngày 13-4-1953 về thuế lợi tức được áp dụng cho người ngoại quốc cũng như người Việt Nam, bất phân quốc tịch, có huê lợi trên toàn cõi nước Việt Nam.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 28-1-1959 PLTS I. 959 I. 95)

1231.— THUẾ LỢI TỨC.

Từ năm 1954 đến 1957, nguyên đơn không nạp tờ khai lợi tức trong việc buôn bán các đồ phụ tùng xe hơi. Nguyên đơn viện vì nguyên đơn đi vắng và buôn bán thua lỗ nên người quản lý không làm tờ khai ấy. Lý do này không hợp pháp và đã không được chấp nhận. Cơ quan thuế vụ đã tự tiện đánh thuế lợi tức đối với nguyên đơn, theo đúng các điều 21 và 23 của Dự số 10 ngày 13-4-1953.

Nguyên đơn còn làm thêm công việc « Đại diện bảo hiểm » thì nguyên đơn phải bị đánh thuế lợi tức thương mại theo các điều 2 và điều 6 của Dự số 10 tự trên, chứ không thể được nạp thuế lương bổng như một công tư chức.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 30-3-1960 PLTS 1960 III. 99)

1232.— THUẾ LỢI TỨC.

Về việc đánh thuế lợi tức nếu người nào ở vào trường hợp phải đóng thuế mà không nạp tờ khai lợi tức trong thời hạn ấn định thì người ấy phải chịu chế độ tự tiện đánh thuế, theo điều 23 của Dự số 10 ngày 13-4-1953. Người ấy không còn có quyền khiếu nại trước một ủy ban Tư-Vấn nói ở điều 22 của Dự này và chỉ có thể khởi tố trước Tòa Án Hành Chánh để xin giảm lợi tức mà thôi.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 27-7-1960 PLTS 1961 I. 102)

— THUẾ. MIỄN THUẾ. VỀ HÌNH THỨC.

Nguyên tắc do luật định về đơn xin giảm, miễn thuế điền thổ, môn bài và các thuế lợi tức khác, phân biệt hai trường hợp :

Thẩm quyền tụng sự (Jurisdiction contentieuse) ấn định các từ 87 đến 101 của Dự số 7 ngày 13-4-1953 về thuế điền thổ (được ứng cho thuế lợi tức bởi Điều 80 của Dự số 10 cùng ngày về lợi tức).

Thẩm quyền khoan hồng tức giảm khinh hay miễn xá (Jurisdiction euse) ấn định từ 102 đến điều 104 của Dự số 7. Theo điều 104 này quyết định cuối cùng của vị Bộ-Trưởng Bộ Tài Chánh về việc xin , miễn thuế là chung thẩm.

Tại đơn ngày 30-3-1958, công ty nguyên đơn chỉ xin Bộ Tài chính cho hoãn trả thuế lợi tức đánh trên số tiền lời 1.3000.724đ. Công ty đã ghi là tiền «hưu bổng» «nhân viên» trong sổ kế toán.

Công ty nguyên đơn đã không xin giải hay miễn thuế lợi tức thẩm quyền tố tụng và điều từ 87 đến 101 của Dự số 7, thì nay đơn không có quyền khởi tố trước Tòa án Hành Chánh để xin miễn thuế nữa.

Vả lại công ty nguyên đơn chỉ đệ đơn ngày 31-3-1958 xin Bộ Chánh cho hoãn việc trả thuế lợi tức là đã theo thẩm quyền khoan hồng và như thế, quyết định ngày 19-12-1958 của vị Bộ Trưởng Bộ Tài chính bác đơn ấy đã chung thẩm và nhất định rồi. Bộ hành chánh cũng đã công nhận thẩm quyền riêng biệt đó của Bộ phủ.

Cho nên đơn khởi tố trước Tòa án Hành chánh ngày 1-4-1959 không hợp pháp về hình thức và không thể được chấp nhận.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 28-11-1959 PLTS I. 103)

— QUYẾT ĐỊNH TRƯỚC TIÊN.

Về các vụ liên quan đến mọi vấn đề thuế khóa trực thu và các thứ thuế đồng hóa với thuế trực thu, thẩm quyền của Tòa án Hành chính là cả thẩm quyền sơ thẩm và chung thẩm (điều 2 mới, khoản 20 của Dự số 2 ngày 5-1-1950 sửa đổi bởi Dự số 36 ngày 8-11-1954).

Phải có đơn kêu nài trước đến Nha Tổng Giám Đốc Thuế vụ để xin miễn hay giảm thuế rồi mới có quyền khởi tố tại Tòa án Hành chính, tức là phải có «quyết định trước tiên ấy» nay là vị Tổng giám đốc Thuế vụ ký thay vị Bộ trưởng Bộ tài chính (điều 91-93 của Dự 7 ngày 13-4-1953 Nghị định số 48-TC ngày 31-1-1955 và số 233-TC ngày 1-8-1956 của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa) Một vị Trưởng ty thuế môn bài và thổ trạch không được ủy quyền ký «quyết định trước tiên» ấy.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 27-7-1960 PLTS 1961 I. 121)

1235.— TRỌNG TÀI. THỜI HẠN KHÁNG TỐ ÁN LỆNH TÒA ÁN HÀNH CHÁNH. QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN TRỌNG TÀI TRÊN BẢN PHÁN QUYẾT.

Nếu Ủy ban trọng tài phán quyết về những vấn đề ngoài hạn định thì các đương sự có quyền kháng tố. Về thời hạn kháng tố luật không định nên đương sự có thể kháng tố trong thời hạn ba mươi năm (Nouw. Rép. Dalloz Tome I, trang 200 số 139).

Nếu Ủy ban trọng tài xét xử những vấn đề ngoài hạn định thì phán quyết của Ủy ban sẽ vô giá trị và bị hủy bỏ.

Trên một bản phán quyết của Ủy ban trọng tài, tất cả các trọng tài phải cùng ký tên, thiếu chữ ký của một trọng tài làm cho bản phán quyết thành vô giá trị.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 20-1-1956 PLTS 1956 I. III)

1236.— TRỌNG TÀI.



Hơn nữa, cơ quan hành chánh không thể bị một pháp đình nào buộc phải thỏa hiệp sửa đổi các điều khoản của kế ước đặc nhượng.

Theo điều 1016 bộ dân sự tố tụng, nếu phán quyết trọng tài thiếu chữ ký của một trọng tài mà không ghi lý do của sự thiếu sót ấy thì toàn thể phán quyết vô hiệu lực.

Theo điều 1028 bộ dân sự tố tụng, thủ tục không án lệnh chuẩn hành không có mục đích là đề xin thu hồi án lệnh hay ngăn cản sự thi hành án lệnh ấy, mà trái lại nhằm mục đích tiêu hủy phán quyết trọng tài.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 8-12-1956 PLTS 1957 I. 95)

1237.— TRÁCH NHIỆM HÀNH CHÁNH NGOẠI KHẾ ƯỚC. ĐỒ NGANG DO CÁC SỞ ĐỒ KHAI THÁC. VÉ TRẢ TIỀN QUA ĐỒ. THUẾ LƯU THÔNG. TAI NẠN ĐỒ. CHẾ ĐỘ BIỆT LẬP. HỢP TÁC GIỮA CƠ QUAN VÀ NGƯỜI HƯỞNG DỤNG CÔNG VỤ. NGHĨA VỤ CỦA TÀI CÔNG ĐỒ VÀ TÀI XẾ XE HƠI QUA ĐỒ. LỖI ĐỘI BÊN. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM.

Số tiền do các hành khách trả để lấy vé qua đồ ngang do các sở đồ khai thác, không phải là một số tiền trả để thi hành một kế ước chuyên chở, mà là một thứ thuế lưu thông mà các hành khách phải trả để được hưởng dụng lợi ích của sự điều hành một công vụ; và vé đồ là một thứ biên lai về việc trả thuế qua đồ; tánh cách là thuế lưu thông của số tiền trả để qua đồ nói trên đã được xác nhận trong điều 2 nghị định cựu Thống đốc Nam kỳ ngày 22-8-1929 khi nghị định này dùng những danh từ « thuế lưu thông và phụ thuế » (laxes de péage et suelaxes) để chỉ định những số tiền mà hành khách qua đồ phải trả để trước khi lấy vé xuống đồ.

Do đó, tương quan pháp lý giữa hành khách và sở đồ là một tương quan ngoại khế ước, và nếu có tai nạn, trách nhiệm phải xét theo chế độ trách nhiệm hành chánh ngoại khế ước.

Trách nhiệm hành chánh ngoại khế ước là một chế độ biệt lập ông do tư luật chi phối, mà tùy thuộc nhu cầu công vụ, sự nguy hiểm của công vụ, sự khó khăn trong tổ chức và điều hành công vụ lại thay đổi tùy theo tư cách của nạn nhân có thể là những người ngoại quốc đối với sự điều hành công vụ, hay là những người hưởng lợi ích của công vụ.

Ngoài ra, trong một vài trường hợp như tai nạn đó chẳng hạn, trách nhiệm hành chánh còn tùy sự hợp tác giữa cơ quan và người ông dụng công vụ trong sự thi hành nghĩa vụ của mỗi bên.

Theo điều 4 nghị định cựu Thống đốc Nam Kỳ ngày 10-7-1935 điều 1, 4, 7 nghị định Thủ Hiến Nam phần ngày 13-7-1950, thì tài xế có nhiệm vụ và trách nhiệm chỉ huy của xe xuống đò và lên bộ, tài xế coi sự xếp đặt hàng hóa trên đò cho được thẳng bằng kiểm soát trọng tải của các xe xuống đò, ra khẩu lệnh sắp đặt cho tài xế sắp xếp các xe trên đò để sự sang ngang được yên ổn.

Nhưng mặc dầu phải tuân theo khẩu lệnh của tài công, tài xế xe xuống đò hoặc lên bộ vẫn phải cầm lái lấy xe của mình, và như vậy vẫn có thể phạm lỗi cá nhân trong lúc vận chuyển xe theo khẩu lệnh của tài công.

Vậy, nếu có tai nạn, trách nhiệm phải được phân chia theo tỷ lệ mà tài công Sở Đò và tài xế xe qua đò đã phạm trong sự thi hành nghĩa vụ của mỗi bên.

(THAM CHÍNH VIỆN 10-1-1959 PLTS 1961 IV. 116)

8.— UY LỰC QUYẾT TỤNG VỀ HÌNH SỰ ĐỐI VỚI TÒA ÁN HÀNH CHÁNH. VỀ SỰ SUY ĐOÁN TRÁCH NHIỆM. TRÁCH NHIỆM PHÂN CHIA.

Uy lực quyết tụng về hình sự chỉ có tính cách tương đối, đối với tòa án hành chánh, khi tòa này xét xử về bồi thường.

Trách nhiệm của xe hơi có thể được ấn định theo sự suy đoán, nạn không cần bài tỏ rằng tác động của xe hơi là lý do quyết định của sự thiệt hại.

Lỗi xe đạp và lỗi quân xa (415).

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 30-7-1959 PLTS 1959 III. 105)

1239.— UY LỰC QUYẾT TỤNG CỦA BẢN ÁN HÌNH.

Khi xử một vụ kiện đòi bồi thường về một tai nạn lưu thông do một quân xa gây nên, pháp đình hành chánh phải tôn trọng uy lực quyết tụng của bản án hình sự xác nhận những sự kiện vật chất trong tai nạn, nhưng pháp đình hành chánh được tự do thẩm định về những hậu quả pháp lý của các sự kiện đã được xác nhận ấy.

Trường hợp một tài xế quân xa được tòa án hình tha bổng về tội ngộ sát vì sơ xuất bất cẩn, không bó buộc pháp đình hành chánh trong việc thẩm định các hậu quả pháp lý của các sự kiện vật chất đã được tòa án hình xác nhận, lại không có hiệu lực miễn cho quốc gia trách nhiệm phải bồi thường nếu quân xa cùng có lỗi trong tai nạn.

Để thẩm định trách nhiệm của Quốc gia trong tai nạn pháp đình hành chánh nêu những sự kiện vật chất không bị bản án hình phủ nhận.

Một quân xa gây tai nạn trong khi thi hành công vụ, nếu nạn nhân và quân xa đều có lỗi trong tai nạn thì trách nhiệm phải phân chia theo tỷ lệ lỗi của đôi bên, và Quốc gia chỉ phải bồi thường thiệt hại theo phần trách nhiệm của quân xa trong tai nạn.

(THAM CHÍNH VIỆN 7-5-1960 PLTS 1960 IV. 115)

1240.— UY LỰC QUYẾT TỤNG CỦA BẢN ÁN HÌNH KẾT ÁN TÀI XẾ. PHÁP ĐÌNH HÀNH CHÁNH NÊU NHỮNG SỰ KIỆN KHÔNG BỊ BẢN ÁN HÌNH PHỦ NHẬN ĐỂ TUYÊN LƯU MỘT PHẦN LỖI CỦA NẠN NHÂN. PHÂN CHIA TRÁCH NHIỆM.

Một án văn hình sự kết án một tài xế về tội ngộ sát là một tổ pháp lý bất khả chỉ trích về tin tức của việc đã xử rồi đối với trạng của tài xế gây tai nạn, và đối với các sự kiện vật chất đã được xác nhận để chứng tỏ lỗi sơ xuất bất cẩn của tài xế; nhưng án văn ấy không đề cập đến cử chỉ và hành động của nạn nhân minh thị hay mặc thị tuyên lưu hay gạt bỏ lỗi uúa nạn nhân, thì lực của việc đã xử rồi không cản trở sự tuyên lưu một lỗi của nạn nhân trong tai nạn, và để tuyên lưu lỗi ấy, pháp đình hành chánh có thể nêu những sự kiện vật chất không bị bản án hình phủ nhận.

Quốc gia phải chịu trách nhiệm về tai nạn do một quân xa gây ra trong khi thi hành công vụ, mà lỗi thuộc về quân xa.

Nếu nạn nhân cũng có một phần lỗi trong tai nạn, thì trách nhiệm phải phân chia theo tỷ lệ lỗi của đôi bên.

(THAM CHÍNH VIỆN 29-6-1961 PLTS 1961 III. 121)

241.— UY LỰC QUYẾT TỤNG CỦA MỘT TÒA ÁN HÌNH KHÔNG RÀNG BUỘC TÒA ÁN HÀNH CHÁNH TRONG VIỆC XÉT TRÁCH NHIỆM CỦA CHÁNH QUYỀN.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHÁNH QUYỀN. THEO ÁN LỆ HÀNH CHÁNH, CHÁNH PHỦ CHỊU TRÁCH NHIỆM TRONG TRƯỜNG HỢP CƠ QUAN ÁY CÓ LỖI HIỆN NHIÊN VÀ ĐẶC BIỆT MÀ THÔI.

Trong một tai nạn lưu thông xảy ra ngày 30-9-1958 tại ngã ba đại lộ Trần Hưng Đạo và đại lộ Nguyễn Cư Trinh, xe hơi của nguyên đơn (Ô. Lý Vĩnh Thống) đã đụng vào xe đạp của cô Phạm Thị Sở, gây thương tích cho nạn nhân này. Tòa Thượng thẩm Saigon, tại phiên tòa ngày 3-11-1959 đã xét xử Ô. Lý Vĩnh Thống có một phần lỗi và phạt ông ấy phải bồi thường cho nạn nhân 15.000 đ. thiệt hại.

Sau đó, và tại đơn ngày 3-3-1960 Ô. Lý Vĩnh Thống khởi tố trước Tòa án Hành Chánh và viện lẽ tố chức Cảnh sát của Đô thành.



Saigon vụng về tại ngã ba tự trên, nguyên đơn buộc Đô thành Sai gon phải chịu trách nhiệm về tai nạn lưu thông ấy và đòi Đô thành phải bồi hoàn cho nguyên đơn số tiền 15.000đ mà nguyên đơn « đã ứng ra trả cho » cô Phạm thị Sở.

Theo bản án ngày 3-11-1954 của Tòa Thượng thẩm Saigon « tai nạn đã xảy ra một phần do sự kém tổ chức việc điều hòa lưu thông của hai cảnh sát viên tại nơi tai nạn, một phần, do lỗi của nạn nhân Phạm thị Sở và một phần do lỗi của ông Lý Vĩnh Thống nguyên đơn trong hiện vụ.

Nhưng uy lực quyết tụng của bản án hình đó không ràng buộc tòa án hành chánh trong việc xét trách nhiệm của chánh quyền và « lỗi nguyên thủy của hai cảnh sát viên không phải là một lỗi nặng, mà cũng không phải là nguyên nhân xác định của tai nạn « Vậy theo án lệ hành chánh và trong trường hợp ấy, Chính phủ không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn. Vậy nên tại phiên tòa ngày 30-9-1960, Tòa án hành chánh đã bác hết các lời thỉnh cầu của nguyên đơn vì vô căn cứ.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 30-9-1960 PLTS 1961 III. 141)

1242.— UY LỰC QUYẾT TỤNG. TAI NẠN LƯU THÔNG:  
TRƯỜNG HỢP TÀI XẾ CÔNG XA ĐƯỢC TÒA ÁN  
HÌNH THA BỒNG. TRÁCH NHIỆM CỦA QUỐC GIA  
PHẢI BỒI THƯỜNG NẾU CÔNG XA CŨNG CÓ LỖI.  
QUYỀN ƯU TIÊN.

Theo nguyên tắc trường hợp tài xế được Tòa án Hình tha bổng về tội ngộ sát, vì sơ suất, bất cẩn, không bó buộc pháp đình hành chánh trong việc thẩm định các hậu quả pháp lý của các sự kiện vật chất đã được tòa án Hình xác nhận, lại không có hiệu lực miễn cho Quốc gia trách nhiệm phải bồi thường nếu công xa cũng có lỗi trong tai nạn.

Dù ở trong trường hợp có quyền ưu tiên, tài xế đến một ngã phải chuẩn bị để có thể lâm thời hãm ngay được xe tránh tai nạn. Vì vậy, việc cứ cho xe chạy thật mau chứng tỏ tài xế đã sơ suất, bất cẩn. Do đó, có một phần lỗi trong tai nạn.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 30-12-1961 PLTS 1962 II. 129)

143.— UY LỰC QUYẾT TỤNG CỦA BẢN ÁN HÌNH VỀ NHỮNG SỰ KIỆN VẬT CHẤT TRONG TAI NẠN. QUYỀN TỰ DO THẨM ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA PHÁP ĐÌNH HÀNH CHÁNH. VI PHẠM ĐIỀU 3 NGHỊ ĐỊNH NGÀY 24-6-1931 ÁN ĐỊNH CHIỀU NGANG CÁC LOẠI XE.

Theo nguyên tắc phân quyền và án lệ hiện hành thì khi xử một vụ kiện đòi bồi thường về một tai nạn lưu thông, Pháp đình hành chính phải tôn trọng uy lực quyết tụng của bản án hình về sự xác định những sự kiện vật chất trong tai nạn, nhưng được tự do thẩm định về trách nhiệm dân sự.

Điều 3 nghị định ngày 24-6-1931 bắt buộc chiều ngang các loại xe không được quá 2 thước 20 kể cả các phần lồi ra, trừ khi có phép đặc biệt.

Vi phạm luật lệ trên, và do đó có lỗi trong tai nạn, một xe ô tô tải có chiều ngang luật định là 2 thước 20 đã đè một súc cây lớn ngoài thành xe bên trái khiến xảy ra tai nạn.

(TÒA ÁN HÀNH CHÁNH 31-10-1961 PLTS 1962 III. 120)

144.— VĂN THƯ HÀNH CHÁNH. QUYẾT ĐỊNH LÀM THƯƠNG TÒN. Ý KIẾN.

Ổ TỤNG LIÊN QUAN ĐẾN HÀNH CHÁNH CỦA CÁC CÔNG HỨC DO SẮC LỆNH QUỐC TRƯỞNG HAY NGHỊ ĐỊNH THỦ TRƯỞNG BỒ NHIỆM. THẨM QUYỀN SƠ VÀ CHUNG THẨM ỦA THAM CHÍNH VIỆN.

CÔNG CHỨC NGHỈ DƯỠNG BỆNH. ĐIỀU 69 DỰ SỐ 9 NGÀY 14-7-1950. PHỤ CẤP ĐẤT ĐỎ. THẺ THỨC CẤP PHÁT. ĐIỀU 6 NGHỊ ĐỊNH SỐ 979-NV NGÀY 9-10-54. THÔNG TƯ GIẢI THÍCH. ÁP DỤNG CÙNG MỘT NGÀY VỚI CÁC VĂN KIỆN ĐƯỢC GIẢI THÍCH.

Không thẻ xin tiêu hủy những văn thư hành chánh (actes administratifs) chỉ có tính cách là một ý kiến chớ không cấu tạo hay chứa đựng một quyết định nào khả dĩ làm thương tổn.

Chỉ những hành vi hành chánh (actes administratifs) có tánh cách là một quyết định làm thương tổn (décision faisant grief) mới được chấp nhận trong tố tụng xin thủ tiêu trước Tham chính viện.

Tố tụng liên quan đến tình trạng hành chánh cá nhân của các công chức phải được giải thích như bao gồm những vụ tranh tụng liên quan đến sự tuyên bố, thăng thưởng, kỷ luật, lương bổng, phụ cấp, và đại để mọi vụ tranh tụng có tánh cách cá nhân liên quan đến quyền lợi của các công chức.

Những vụ tranh tụng liên quan đến tình trạng hành chánh của các công chức do sắc lệnh Quốc trưởng hay nghị định Thủ tướng bổ nhiệm, là thuộc thẩm quyền sơ và chung thẩm của Tham chính viện, chiếu điều 9 đoạn 4 dự số 38 ngày 9-11-1954.

Trong lương bổng của các công chức, phụ cấp đất đỏ là một phụ khoản tất yếu của lương căn bản, tính cách phụ khoản tất yếu này đã được biểu lộ rõ trong điều 6 nghị định Thủ Tướng Chánh phủ số 979-NV ngày 9-10-1959 ấn định thẻ thức cấp phát phụ cấp đất đỏ.

Trong trường hợp không có một điều luật nào tuyên bố minh thị gạt bỏ phụ cấp đất đỏ thì nguyên tắc điều hướng thẻ thức cấp phát phụ cấp đất đỏ ghi trong điều 6 nghị định kê trên phải được áp dụng; nói cách khác, nếu không có điều luật nào minh thị gạt bỏ thì phụ cấp đất đỏ đương nhiên được hưởng theo cùng tỷ lệ với lương căn bản như điều 6 nghị định nói trên đã qui định.

Do đó, công chức được phép nghỉ dưỡng bệnh theo điều 69  
Dụ số 9 ngày 19-7-1950 được lãnh :

Trong ba tháng đầu : cả số lương căn bản (lương theo chỉ số)  
tất cả phụ cấp đất đỏ về bản thân về phần gia đình, tất cả phụ cấp  
đặt đỏ về bản thân về phần gia đình, tất cả phụ cấp gia đình.

Trong sáu tháng sau : nửa số lương căn bản, nửa phụ cấp đất  
đỏ về bản thân và về phần gia đình, tất cả phụ cấp gia đình.

Một thông tư giải thích các văn kiện lập pháp và lập qui phải  
coi như hợp thành một khối với văn kiện được giải thích, nghĩa là  
coi như được áp dụng cùng một ngày với các văn kiện này ; thông tư  
ấy không thể ấn định hiệu lực của sự giải thích trong một thời gian  
bằng cách định một ngày áp dụng sự giải thích về quá khứ hay về  
tương lai vì như vậy tức là sửa đổi hoặc thêm bớt vào một chế độ  
pháp qui chớ không phải là giải thích, mà một thông tư không thể  
sửa đổi được các bản văn lập pháp và lập qui.

(THAM CHÍNH VIỆN 1-6-1959 PLTS 1960 III. 86)

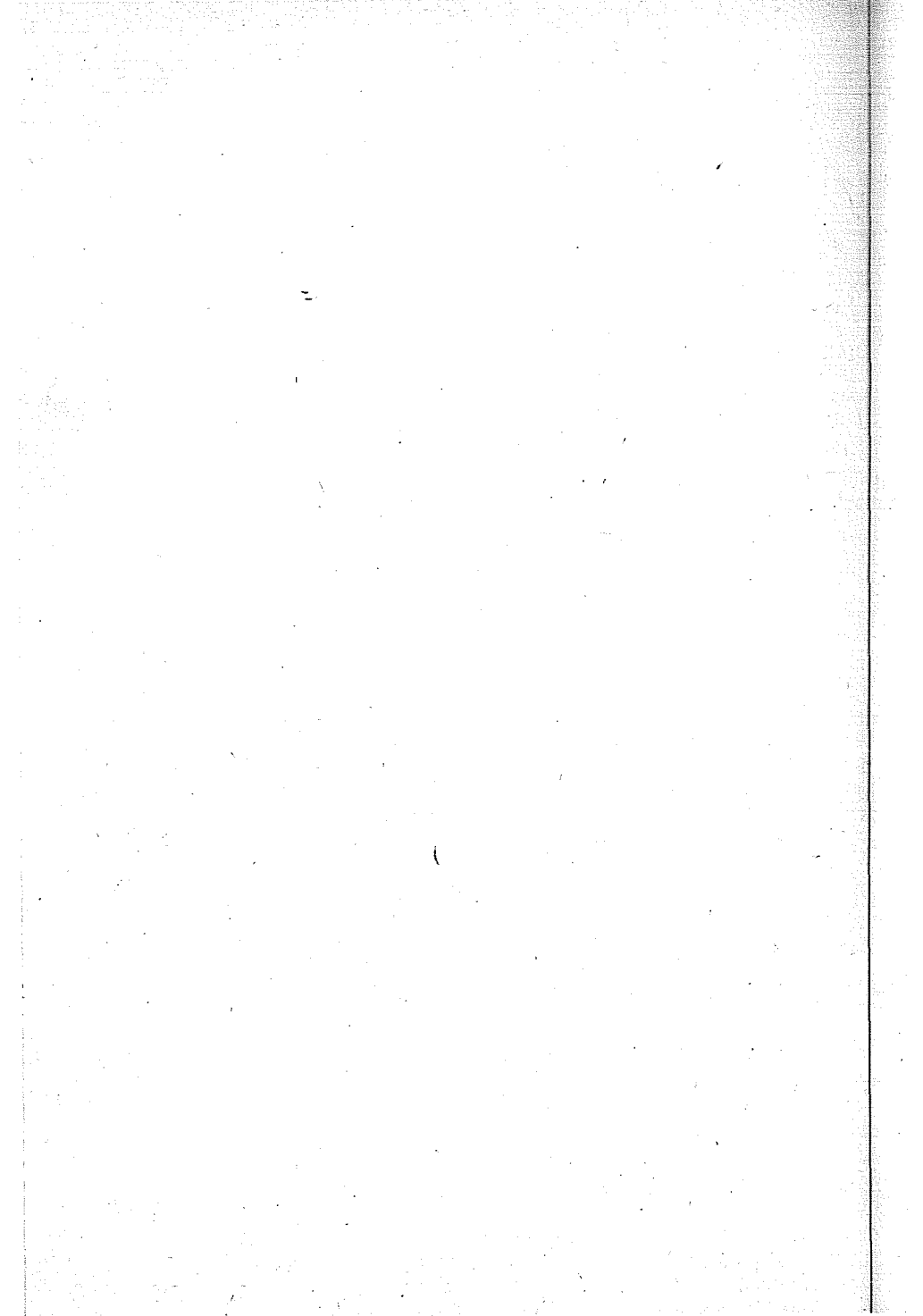
#### 1245.— VÔ THẨM QUYỀN CỦA TÒA ÁN HÀNH CHÍNH.

Các việc xin bồi thường những thiệt hại của bất động sản bị  
trung dụng hay cho các có quan hành chính mượn, cũng như các  
việc đòi viên thuê nhà đất mà các cơ quan hành chính đã mượn của  
tư nhân, phải thuộc thẩm quyền tòa án tư pháp là tòa án bảo vệ  
quyền sở hữu, chứ không thuộc thẩm quyền tòa án hành chính.

(TÒA ÁN HÀNH CHÍNH 57-5-1960 PLTS 1961 III. 133)

VÔ THẨM QUYỀN (X. 629, 1310)

ẢN LỆ VỤNG TẬP



# MỤC - LỤC

## PHẦN THỨ NHẤT

### DÂN SỰ

- ĐOẠN THỨ NHẤT : ÁN LỆ DÂN SỰ (SỐ 1 - 752) TRANG 11  
ĐOẠN THỨ HAI : ÁN LỆ ĐIỀN ĐỊA (SỐ 753 - 764) - 422  
ĐOẠN THỨ BA : ÁN LỆ LAO ĐỘNG (SỐ 765 - 811) - 429  
ĐOẠN THỨ TƯ : ÁN LỆ NHÀ PHỐ (SỐ 812 - 893) - 454  
ĐOẠN THỨ NĂM : ÁN LỆ THƯƠNG MẠI (SỐ 894 - 942) - 497

## PHẦN THỨ HAI

### HÌNH SỰ

- ĐOẠN THỨ NHẤT : ÁN LỆ HÌNH SỰ (SỐ 943 - 1161) TRANG 534  
ĐOẠN THỨ HAI : ÁN LỆ QUÂN SỰ (SỐ 1162 - 1184) - 642

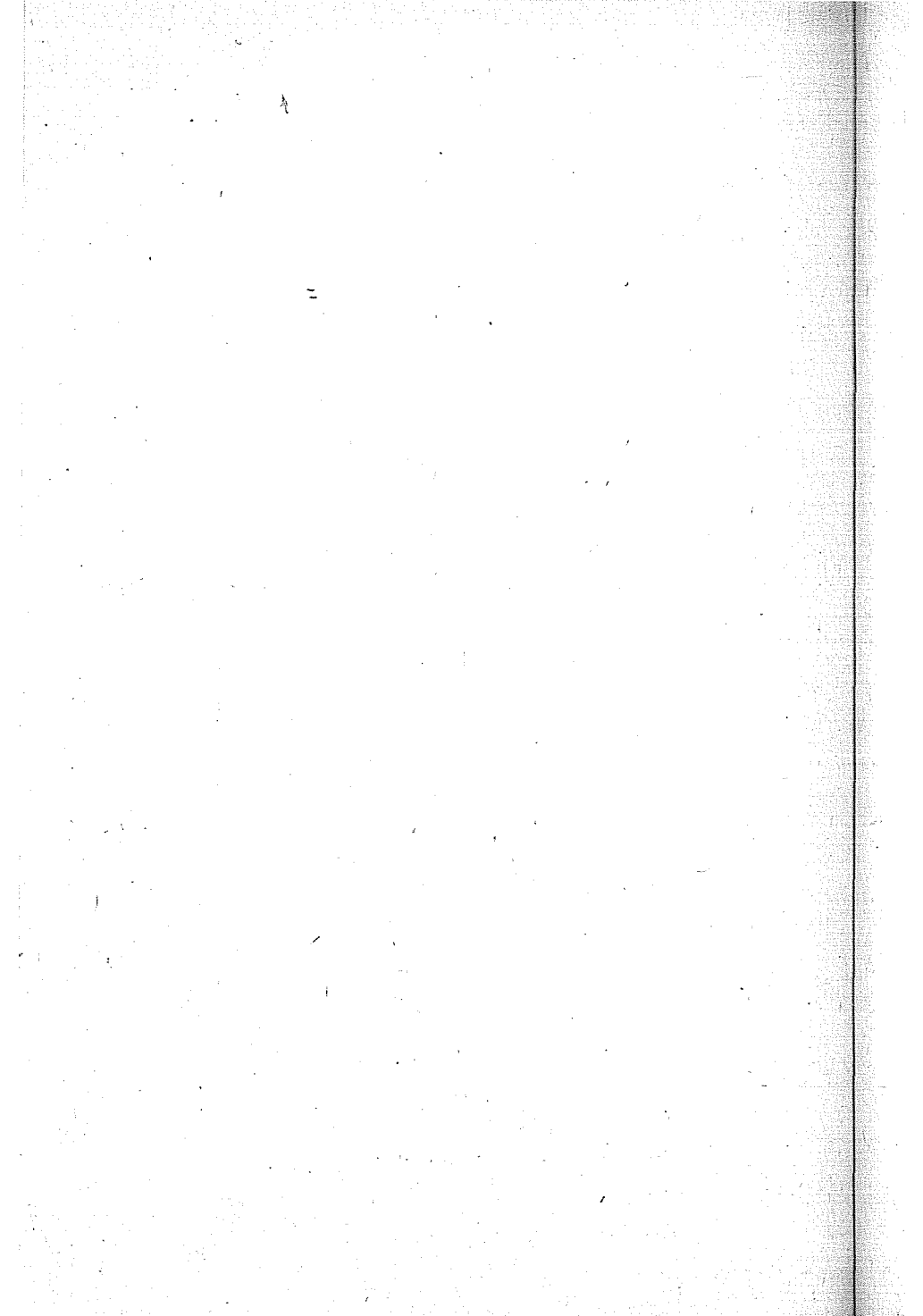
## PHẦN THỨ BA

### HÀNH CHÍNH

- ÁN LỆ HÀNH CHÍNH (SỐ 1185 - 1244) TRANG 656

## MỤC LỤC PHÂN TÍCH

Theo thứ tự A,B,C, đặt ở cuối sách, đánh số trang từ 1 đến 66.





# MỤC-LỤC PHÂN-TÍCH

(SỐ GHI CHỈ ĐỊNH CÁC ĐOẠN TRONG SÁCH)

## ÁN LỆ DÂN SỰ

### ÁN LỆNH

- Hòa giải ly hôn 1, 2
- Kháng cáo 2
- Kháng tố 2
- Khẩn cấp. (X. Khẩn cấp)
- Phát mãi (X. Phát mãi)
- Phê đơn bắt phạm gian 3
- Sai áp (X. Sai áp)
- Tịch biên bảo thủ (X. Tịch biên)
- Tính cách phi tụng 1
- Tính cách tranh tụng 1
- Thu hồi án lệnh 4
- Uy lực quyết tụng 5

### ÁN VĂN

- Án đương tịch 6
- Án khuyết tịch nguyên đơn 7
- Án khuyết tịch ; lên thăm 8
- Án văn hộ tịch (X. Hộ tịch)

- Án dự phán 9
- Án trung phán 9
- Án phi tụng (thể vi hộ tịch) 10
- Án phát mãi (X. phát mãi)
- Án tiên thẩm (X. tiên thẩm)
- Án xử thời Việt Minh 11
- Án xử thời Nhật 11
- Án hạn 12
- Báo thị ngày tuyên án 13
- Cáo trí án văn (X. trát)
- Các điều phải xét 14
- Giải thích ác văn 15
- Hoãn thi hành án văn 16
  - Ví dụ 17. 17
  - Ví quyết định chính phủ 18
  - Ví khẩn cấp (X. khẩn cấp)
  - Sơ thẩm 18
  - Thượng thẩm 18
- Hiệu lực án văn (X. uy lực quyết tụng)
- Hiệu lực án phát mãi (X. phát mãi)
- Khẩn cấp xét thi hành án văn (X. thi hành án) (khẩn cấp)
- Lý do án văn (thiếu sót) 19
- Lý do án văn (viện dẫn) 19
- Nghị án 20
- Sát nhập án văn 21
- Sửa đổi tánh danh án văn 22
- Thảo án 23

- Tuyên án 24
- Tương phản giữa hai án văn 25
- Tín lực án văn 26, 1075
- Xác nhận sự khiếm diện 27
- Uy lực quyết tụng (X. uy lực)

## **BÃI NẠI**

- Bãi nại tố quyền 28, 29
- Bãi nại về lao động 30

## **BẰNG CHỨNG**

- Bằng chứng quyền nghiệp chủ (X. Bất động sản)
- Chữ ký 31
- Nhân chứng 32
- Nhân chứng duy nhất 32
- Nguyên tắc bất khả phân 33
- Nguyên tắc tự do dẫn chứng 34
- Quyền sở hữu 35
- Trả lương (X. Lao động)
- Tổng chi 36
- Thú nhận 37

## **BẰNG SÁNG CHẾ (X. quyền sở hữu)**

## **BẢO HIỂM**

- Thế quyền và sai áp 38
- Tố quyền trực tiếp 38
- Khế ước bảo hiểm 38

## **BẢO LÃNH**

- Hiệu lực 39

— Trách nhiệm người bảo lãnh 40

## **BẤT ĐỘNG SẢN**

— Bằng chứng và quyền nghiệp chủ 35

— Chế độ địa bộ cũ ở Nam Việt 41

— Chế độ địa bộ Bắc Việt 42

— Chế độ địa bộ Trung Việt 43

— Cầm cố (X. cầm cố) (X. mãi lai thực)

— Cầm thế (X. cầm cố)

— Cường bách phát mãi (X. phát mãi)

— Đề đương (X. đề đương)

— Đăng ký

— Bất khả tranh nại 44,45,46

— Đăng ký khế ước thuê mượn 47

— Đăng tịch vật quyền 48

— Giá trị bằng khoán (X. đệ tam nhân) 49

— Hiệu lực sự đăng ký vào sổ địa chánh (BV) 50

— Hiệu lực sự đăng ký vào sổ địa chánh (TV) 51

— Hiệu lực sự đăng ký của chủ nợ thường vào sổ địa bộ  
52,105,189,191,192,193,

— Hiệu lực sự chấp hữu bất động sản đăng ký 53

— Tín lực bằng khoán 54

— Đoạn mãi bất động sản

— An toàn pháp lý 55

— Chưa qua bộ (đối kháng) 56

— Đặc quyền người bán 57

— Giải tiêu khế ước 58

— Gian lận 59

- Hai lần đoạn mãi 60
- Hủy tiêu khế ước 61
- Hiệu lực chuyển dịch 44, 62
- Hiệu lực sự ghi chú 63
- Tư chứng thư. Giá trị 64
- Khế ước đoạn mãi 65
- Khế ước lập vật quyền 62
- Nghĩa vụ người bán 66
- Ruộng 67
- Sang tên 44
- Tính cách hữu hiệu (do thừa kế ngoại biểu 68)
- Thủ đắc ngay tình 69
- Thủ đắc vì lầm lẫn 70
- Thẻ thức ở địa bộ cũ 71
- Thẻ thức ở Bắc việt 72
- Thẻ thức ở Trung việt 72
- Thẻ thức bán của của vị thành niên 73, 74, 39
- Thẻ thức ở Đà nẵng 75
- Thừa kế ngoại biểu bán (X. 68)
- Ước điều lưu chất 76
- Vợ góa đoạn mãi (X. vợ góa)
- Vợ góa đứng bán (X. vợ góa)
- Đất bồi đất còn 77
- Đất thổ cư 78
- Đuôi đất (thủ tục) 79
- Phạm vi áp dụng SL. 1925 80, 81, 82
- Phát mãi bất động sản (X. Phát mãi)

- Quyền phụ thêm 83
- Quyền sở hữu (nguyên tắc) 84
- Quyền sở hữu (theo LS. 1925) 84
- Quyền sở hữu cây trồng trên đất 85
- Quyền sở hữu theo điều 25 SL. 1925 85
- Quyền tiên mãi 67, 85
- Sửa chữa bất động sản 86
- Tiên chủ (X. tiên chủ)
- Tặng dữ bất động sản (X. Tặng dữ)
- Thuế mướn bất động sản (X. Thuế mướn)
- Thế chấp bất động sản (X. Cầm cố)
- Trích lục sổ địa chánh 87
- Trích xuất 43

## **BIỆN HỘ**

- Luật sư trước tòa Phá án 88
- Lý doán sau khi nghị xử 88
- Thời hạn 89

## **BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI**

- Ấn định số tiền
- Bồi thường chiếm đất 90
- Bồi thường chiến tranh 91
- Mức độ 92
- Nạn nhân công chức 93
- Nạn nhân công chức hỏa xa 94
- Nguyên tắc « Nemo auditur » 95
- Ngày ước lượng (X. 85 và 93)

- Phá giá đồng bạc 96
- Quyền định đoạt 97
- Tai nạn giao thông 98
- Tai nạn xe hơi 17
- Trách nhiệm dân sự (X. trách nhiệm dân sự)

## CẦM CỐ

- Cầm cố và mãi lai thực 99
- Cầm cố theo điều 139 SL. 1925 76
- Cầm cố bất động sản ở Trung Việt 200
- Cầm cố cửa hàng thương mãi (X. chương khế)
- Định nghĩa 101
- Đối kháng đệ tam nhân 62
- Giá ngạch của đồng bạc 102
- Hình thức khế ước 103, 62, 104
- Hiệu lực chứng thứ 62
- Khế ước (nội dung) 102
- Không đăng ký 105
- Nghĩa vụ chủ nợ 105
- Tiền lời và hoa lợi 105
- Thời hạn chuộc 102, 106, 99
- Thời hiệu thủ đắc 99
- Thuế chấp 107
- Tương quan giữa chủ nợ và con nợ 108
- Ước điều lưu chất (vô hiệu) 76

## CẤP DƯỠNG

- Ấn định số tiền 109

- Con hoang 110
- Con ngoại tình 111
- Con ngoại hôn 112
- Cam kết (giữa hai người ngoại hôn) 113
- Hoàn tiền cấp dưỡng 114
- Lý do đòi chồng cấp dưỡng 115
- Lý do chánh đáng 116
- Nợ cấp dưỡng 117
- Nguyên tắc « diên đới » 118
- Nghĩa vụ cha mẹ cấp dưỡng cho con 119
- Nghĩa vụ cấp dưỡng 120
- Sai áp lương bổng 121
- Tăng tiền 122
- Tính tiền 121
- Tính cách khẩn cấp 123, 122
- Tố quyền 124

## HỮA

- Quyền sở hữu 125
- Luật thực tại 125
- Tính cách hiệp hội 126

## HỨC THƯ

- Hiệu lực 127
- Lời trời miệng 128
- Người hưởng lập (giá trị) 129
- Quyền hạn người chấp hành 130



- Sai luật mâu thuẫn 131
- Thẻ thức lập chúc 132
- Tổ quyền tiêu hủy 133
- Truất quyền 174
- Truất quyền vợ (vô hiệu) 134
- Viết tay 135
- Ý định 131

## CHỨNG THƯ

- Công chính chứng thư 136
- Chứng thư thị thực 137
- Giấy in sẵn 138
- Phủ nhận chữ ký 139
- Quyền sở hữu 140
- Tư chứng thư 141
- Tín lực tư chứng thư 141
- Thẻ thức nhận thực 142.

## CHƯƠNG KHÉ

- Hiệu lực chứng thư 143

## CÔNG CHỨC

- Lỗi công vụ 144, 145
- Lỗi cá nhân 144, 145
- Tổ quyền kiện đòi bồi thường 145

## CÔNG THỎ

- Tạm chiếm công thổ làng 146

## ÔNG ĐỒNG SỞ HỮU

- Bán đất chưa chia 147
- Chia bất động sản 148
- Hiệu lực sự cam kết (X. 39) (X. 138)
- Hiệu lực khế ước chuyển dịch 149

## UNG THẮC

- Hương hỏa 150
- Huê lợi ruộng 151
- Tài sản phiến loạn 152
- Thâm quyền 152

## DI SẢN

- Chia di sản 153
- Chết tuyệt tự 154
- Con chết vô hậu 155
- Cửa riêng vợ góa 156
- Cửa riêng của vợ 157
- Di sản vị phân 158
- Di sản vị phân (kết ước) 159
- Khế ước về di sản vị phân 160
- Giấy cho (X. 135)
- Hiệu lực truất quyền 161
- Luật lệ áp dụng (thừa kế) 162
- Nguyên tắc thừa hưởng 163
- Phân sản 135
- Phân chia di sản 164

- Quyền người con nuôi 165
- Quyền người vợ góa (X. vợ góa)
- Quyền người con thừa tự 166
- Quyền người chồng (X. 155)
- Quyền con tư sinh 167
- Quản tài di sản vô chủ 168
- Quyền đình đoạt việc chia 169
- Quyền sở hữu của thừa kế 170
- Quyền phân chia của các con 153
- Sang tên con trưởng 153
- Sinh thời phân sản 171
- Thanh toán việc quản trị 172
- Truất quyền vì bất hiếu 173
- Truất quyền thừa kế 127, 156
- Truất quyền thừa hưởng 174, 127, 174, 156
- Tổ quyền đòi di sản 175, 63, 177, 133
- Tổ quyền chia di sản 175, 177
- Tổ quyền sách hoàn 177
- Tương phân di sản 178
- Thụ kế toàn sản 179
- Thừa kế toàn sản 180
- Thừa kế ngoại biểu 68, 70

## DI THẨM (X. Quyền di thẩm)

## DỰ SỰ

- Dự sự qua đời 181
- Dự tam dự sự 182

— Thủ tục dự sự 183

## I DIỆN

— Đại diện tố tụng 184

— Tư cách đại diện 185

— Ủy thác trước Tòa 186

## II MIỄN TÀI PHẢN

— Hiệp định tư pháp 16/9/54, 187

— Quyền đặc miễn của quốc gia 187

## III NHƯỢNG ĐẤT

— Chuyển dịch 188

— Tạm thời 45

— Vĩnh viễn 45

## IV TAM NHÂN

— Tư cách chủ nợ thường tiền chủ :

— Theo luật điền thổ 189, 190, 191, 192, 193, 52

— Theo luật bằng chứng 192, 193

— Theo luật nghĩa vụ 190, 192, 193

## V TAM KHÁNG TỐ

— Ân văn phi tụng tranh tụng 194

— Định nghĩa 195

— Điều kiện 196

— Hiệu lực 197

— Hoàn thi hành án 198

— Hủy án thế vi 199, 200

- Khẩn cấp đặc biệt 197
- Lạm tố 196
- Quyền người đại diện 201
- Tòa có thẩm quyền 198, 202

## ĐỀ ĐƯƠNG

- Hiệu lực đối kháng 203
- Hiệu lực cưỡng chế phát mãi (X. Phát mãi) 204
- Quyền được đăng ký 205, 44, 203
- Thi hành khế ước 206
- Tiên chú, đề đương (X. Tiên chú)

## ĐỊA DỊCH

- Công bố 207
- Ghi chú vào sổ điền thổ 208
- Triệt hạ hàng rào 209
- Vật quyền 210

ĐIỀN ĐỊA (X. Ân lệ điền địa)

ĐIỀN THỔ (X. Bất động sản)

## ĐIỀU ĐỊNH

- Điều đình (X. Bãi nại)
- Hiệu lực 211, 212, 213
- Về lao động 214, 30

## ĐIỀU TRA

- Thẩm quyền điều tra 215
- Thủ tục 216
- Đốc thúc 217

AN MÃI (X. Bất động sản)

## AN MÃI

- Chấp hữu gian ý 218, 219
- Chiếm hữu công khai 220
- Đoạn mãi động sản sai áp 221
- Nhà vật liệu nhẹ 826, 221
- Sai áp động sản 222
- Trích xuất 223
- Vẽ số kiến thiết 224

AN KHỞI TỐ (X. Khởi tố)

AN XIN PHIÊN ÁN (X. Phiên án)

## AN PHỔ

- Cải chính 225

AN MẠO (X. đăng ký giả mạo)

- Giả mạo chữ ký 226

## AN ĐỊNH

- Biên bản (giá trị) 227
- Hiệu lực 228
- Nhà phố (X. nhà phố)
- Nghĩa vụ đương tụng 229
- Phá án 230
- Sở phí 227
- Thẩm quyền xét định 164
- Thủ tục 230
- Trường hợp miễn thuế (X. nhà phố) 834

## GIÁM HỘ

- Giám hộ đặc định 231
- Quyền khởi tố 232
- Trách nhiệm bồi thường 233
- Vị thành niên 74, 39

## GIA ĐÌNH (X. luật gia đình)

### HẬU ĐIỀN

- Nhiệm vụ làng xã 234
- Lệnh chính phủ 234
- Quyền con cháu 234

### HÌNH HOÃN HỘ

- Nguyên tắc 235

### HÒA GIẢI

- Hòa giải ly hôn (X. ly hôn) 236, 1, 2
- Hòa giải lao động (X. lao động)
- Hòa giải điền địa (X. điền địa)
- Thẩm phán hòa giải 215
- Khước biện vô thẩm quyền 236
- Biên bản không do thẩm phán lập 362

### HỘ TỊCH

- Án thế vì khai sanh 237
- Án thế vì hôn thú 238
- Án thế vì khai tử 239
- Án xử theo đơn 240

- Bảng chứng hộ tịch 241
- Bảng chứng tử hệ 242, 243
- Bảng chứng gia hệ 244
- Bảng chứng lập trên-tò ròi 238
- Chứng chỉ thế vi giá thú (giá trị) 245
- Chứng thư giá thú 238
- Chứng thư khai sinh 246
- Chấp hữu thân trạng 246
- Chính thức hóa 238
- Cải biến vợ thứ lên vợ cả 247
- Cải biến (Thủ tục) 247
- Giá thú (trước HVHL) 248
- Giá thú (Thời tao loạn) 249
- Hiệu lực án văn hộ tịch 250
- Nhìn nhận con trước Tòa 251
- Tín lực án văn 252
- Thăm quyền xét thân trạng 253
- Tranh luận trước Tòa Phá án 489
  
- Định nghĩa 254
- Hội dân sự và hiệp hội 126
- Hội dự phân (X. Thương mại)
- Hội vô danh (X. Thương mại)
- Thăm quyền xét xử 254
- Thẻ thức lập hội 255
- Trách nhiệm của hội viên hội thực tế 256



## HỘI ĐỒNG GIA TỘC

- Đề cử người quản trị hương hỏa (X. Hương hỏa)
- Quyết nghị 257
- Tòa án chỉ phê chuẩn (X. Hương hỏa)

## HÔN SẢN

- Chế độ pháp định 258
- Chế độ phân sản 259
- Cửa riêng của vợ 260
- Cửa riêng của chồng 261
- Định nghĩa « món nợ » 262
- Ly thân giữa hai người Pháp 263
- Luật gia đình 2-1-59, 258
- Luật pháp tranh chấp 264
- Nợ do hành vi trái phép 262
- Nợ của vợ 265
- Nợ thương mại 266
- Phát mãi của chồng 265
- Vợ không của riêng 267
- Vợ có của riêng 260, 268
- Vợ chồng khác quốc tịch 269

## HÔN THỨ

- Cấm trị sản 270
- Hiệu lực tức thời 272
- Lý do tiêu hôn 272
- Tranh chấp luật pháp 270
- Sự vô hiệu 271

(X. Ân lệ hình sự)

- Liên đới trách nhiệm 273
- Nghĩa vụ 273
- Quyền lợi 273
- Sang hội 274
- Tính cách pháp lý 275
- Tổ quyền 275, 276
- Tư cách chủ hội 275, 276

HƯƠNG HÒA

- Bất khả chuyển dịch 277
- Bất khả thời tiêu 278
- Cải dụng (Tranh chấp) 279
- Cải dụng thành tư hữu thường 280
- Con gái hưởng 281
- Công bố chứng thư (NV) 154
- Công bố vào địa bộ (NV) 282
- Chứng thư lập hương hỏa (BV) 282
- Cung thác 150
- Cung thác và quản tài 283
- Chỉ định người ăn 81, 284
- Di chúc lập hương hỏa. Đăng ký 285
- Đăng ký 286
- Điều kiện lập hương hỏa 154
- Đoạn mãi 287
- Đối kháng đệ tam 286
- Hủy bỏ hương hỏa 286

- Luật Gia Long 288
- Phân chia 289
- Quản trị và xử dụng 290
- Quyền truất bỏ 286
- Quyền người thừa tự 290
- Sơ lập 291
- Tồ truyền 291
- Thừa hưởng biệt tích 150
- Từ đường 292
- Thê thức thành lập 293, 277, 284, 290
- Thứ tự luật định 290, 294
- Tranh tụng (X. Thâm quyền)
- Truất quyền 295, 294, 296
- Trật tự công cộng 284
- Thành phần 297
- Thâm quyền tòa dân sự 298
- Vật quyền hương hỏa 284

#### HỨA BÁN (X. đoạn mãi bất động sản)

- Bất động sản 299
- Điều kiện đình chỉ 300
- Đất bị cầm cố 301
- Giao kèo 302
- Hứa bán và đoạn mãi 301, 303
- Hứa bán và mãi lai thực 304
- Hứa miệng bán nhà 305
- Hứa mại có thời hạn 306

- Lập họa đồ 307
- Nhiệm vụ người bán 308
- Mãi lai thành tựu 309
- Thỏa thuận xong 309

## KHÁNG CÁO

- Ân lệnh khẩn cấp (X. khẩn cấp)
- Ân lệnh tiên thăm (X. tiên thăm)
- Ân khuyết tịch 310
- Ân sơ thăm 311
- Ân hòa giải lý hôn 2
- Bút lục mới 312
- Bảng điện tín 313, 314
- Cộng đồng sở hữu chủ 315
- Hiệu quả 316
- Kháng cáo phụ đối 317
- Khởi lưu thời hạn 318
- Người thay mặt 319
- Người có quyền kháng cáo 320
- Tiên thăm 321
- Thời hạn xét xử 322
- Ủy quyền 323
- Xuất trình án văn sơ thăm 324

## KHẨN CẤP

- Ân hạn lưu cư 325
- Ân lệnh phê đơn và khẩn cấp 326, 327
- Ân lệnh bắt phạm gian (X. Ân lệnh)

- Bạo hành 328
- Cấp dưỡng (X. Cấp dưỡng) 122, 123
- Cung thác (Đất hương hỏa) (Huê lợi ruộng) (X. Cung thác)
- Cung thác viên 329
- Chấp hữu thân trạng 330
- Câu thúc thân thể 331
- Dự sự 332
- Đệ tam kháng tố 333
- Đình cuộc phát mãi 334, 335
- Đình chỉ sai áp 336, 337
- Đình chỉ trực xuất 338
- Khẩn cấp trên vi bằng (Kháng cáo) 333
- Kháng tố 339, 340
- Ký quỹ tiền thuê 841
- Lưu cư và quốc tịch 342
- Người khán thủ 343.
- Ngoại biểu quyền lợi 344
- Sai áp bảo thủ 343
- Tính cách tạm thời (X. 123)
- Tính cách khẩn cấp 345, 346
- Thẩm quyền (Theo án lệ và học thuyết) 347
- Thẩm quyền (Theo ND. 1910) 348
- Thẩm quyền 343
- Thẩm quyền (Xét tạm thời) 349
- Thẩm quyền (Vô hiệu tương đối) 350
- Thời hạn hầu tòa 351
- Tranh chấp quan trọng 352

- Trích xuất bất động sản (động sản) 353, 223
- Trục xuất (chiếm ngụ vô quyền) 354
- Trục xuất (Bạo hành) 355
- Trục xuất (Không trả tiền thuê) 356
- Trục xuất (Điều kiện) 357, 361
- Trục xuất (Theo dụ 17) 358
- Trục xuất (Đề sửa chữa) 359
- Trục xuất (Lý do) 360
- Trục xuất (Thiếu tiền nhà) 362
- Trục xuất (Điều kiện) 362
- Trục xuất 363
- Tổ quyền chấp hữu 364
- Tiên chú (Giải trừ) 4
- Tòa khàn cấp ở Trung Phần 365
- Uy lực tố tụng 366
- Vô thẩm quyền (Giải thích án văn) 15
- Vô thẩm quyền (Trả dân nợ) 325, 348
- Vô thẩm quyền (Hoãn thi hành án) 15
- Vô thẩm quyền (Đình thi hành án) 198, 467
- Vô thẩm quyền (Xin dự tụng phí) 368
- Vô thẩm quyền (chuẩn phê tổng cư 369, 357, 366
- Vô thẩm quyền (của người quản trị hương hỏa) 283
- Vô thẩm quyền (triệt hạ nhà) 346
- Xử lại 370

## KHÉ ƯỚC

- Bán phố 371
- Bán đất 372

- Bán nhà hai lần 373
- Bảng chứng 374
- Công ty 375
- Dân chứng 376, 321
- Điều khoản bãi trừ trách nhiệm 377
- Điều khoản dự phạt 378
- Định danh kế ước 379
- Đấu thầu hoa chi 380
- Đốc thúc (X. Đốc thúc)
- Đoạn mãi nhà bị sai áp 382
- Giải thích 61, 382
- Giấy báo thôi 383
- Hứa bán và bán đứt 371
- Hứa bán (X. hứa bán)
- Hùn vốn mở nhà thuốc 384
- Hồi tiêu và vô hiệu 385
- Hiệu lực 386
- Kết ước vị thành niên 387
- Kế ước giả tạo 384
- Kế ước thể chấp 107
- Kế ước đặt đồng hồ điện 388
- Kế ước song phương (đi nhượng quyền lợi) 61
- Kế ước song phương (tiêu hủy) 389
- Kế ước giả định 390
- Lầm lẫn (X. Lầm lẫn)
- Lãnh thầu 391
- Mua bán hàng hóa 392

- Mua bán đồ cũ 393
- Mua bán nhà 394
- Mua bán 395
- Mật ước 910
- Nguyên nhân 396
- Nuôi rē trâu 397
- Phủ nhận chữ ký 31
- Thủ tiêu 398
- Trách nhiệm bồi thường 398
- Tiền cọc và tiền mua phố 371
- Tiền cọc và tiền đưa trước 399
- Tiền cọc 400
- Truyền phán bách hện 401
- Tiêm thăm điều tra 402
- Trước bạ và đăng ký 403
- Thi hành khế ước 404
- Tình trường bán cây cho tư nhân 405
- Trả tiền bằng ngoại tệ 406
- Thuê mướn (X. thuê mướn)
- Ưng thuận hà tỷ 402, 407
- Ước điều lưu chất 299

## ỞI TỐ

- Con kiện cha mẹ 408
- Đơn khởi tố (Sửa đổi) 409
- Đơn khởi tố (Tiền chủ) (X. Tiền chủ)
- Giám hộ khởi tố 232



- Giấy tờ bỏ túi 410
- Hồ sơ xử được 411
- Nộp bút lục 412
- Phân tố 413
- Quản trị viên khởi tố 414
- Quyền lợi đề khởi tố 414
- Tiên chú đơn khởi tố (X. Tiên chú)
- Thỉnh cầu mới 415
- Thỉnh cầu không rõ 416
- Tư cách khởi tố 417
- Vô hiệu hình thức 418
- Vô hiệu tương đối 419

## KY ĐIỀN

- Hội đồng đại tộc cải dụng 420

## LẠM TỐ (X. Tố quyền)

## LÀM LÃN

- Lầm chung 70
- Nguyên tác « encor communis facit » 69
- Ngay tình người mua 421

## LIÊN ĐỐI TRÁCH NHIỆM (X. Trách nhiệm liên đới)

## LAO ĐỘNG (X. Án lệ lao động)

## LỜI THÚ NHẬN (X. Bằng chứng)

## LUẬT LỆ

- Bản văn lập pháp lập qui (hiệu lực) 422
- Hiệp định Việt-Pháp 423

- Hiệu lực tức thời 424
- Hiệu lực hồi tố 424
- NĐ. không thay đổi SL 425
- Luật thực tại 426
- Luật áp dụng cho người Pháp 427
- Luật pháp phân tranh 428
- Phong tục Chàm (X. phong tục)
- Tòa khản cấp ở Trung Phần 365
- Về quyền sở hữu văn nghệ 429
- Luật lệ về hôn sản 264
- Luật mới (áp dụng) 430
- Vấn đề hồi hiệu 430

## UẬT GIA ĐÌNH

- Áp dụng (L1/59) 431, 258
- Áp dụng (L15/64) 432, 433, 434
- Áp dụng ngay luật mới 433
- Hiệu lực L1/59 424
- Hồi hiệu luật di sản 435
- Hồi tiền hiệu lực 436 ~
- Hôn sản (X. hôn sản)
- Kết trái 264
- Luật ngoại quốc 437
- Nợ. Quyền hạn 438
- Nợ 439
- Nguyên tắc bất hồi tố 437, 440
- Tiêu hôn (Lý do) 441
- Tài sản cộng đồng 442, 443

## LUẬT SU

- Bất khả kiêm nhiệm 444
- Đại quyền đặc định 445
- Kỹ luật 446
- Thủ đắc quyền lợi 447
- Thân chủ qua đời 441

## LY HÔN LY THÂN

- Tài sản (X. Hôn sản)
- Tuật lệ (X. Luật lệ) (X. Luật gia đình)
- Áp dụng luật 15164 432, 433
- Ân lệnh bất phạm gian (X. Ân lệnh)
- Ân khuyết tịch 448
- Bằng chứng thư từ 449
- Bằng chứng phạm gian 450
- Chưởi rửa 451
- Chồng Việt vợ Pháp 452
- Cộng đồng tài sản 453
- Cấp dưỡng (X. Cấp dưỡng)
- Đôi biệt cư ra ly dị 454
- Đôi ly thân thành ly hôn 455
- Đình chỉ vì thương tổn 456
- Điều kiện tái lập hôn thú 457
- Hoán cải 458, 448
- Hòa giải 1, 2, 236
- Kháng cáo 459
- Khởi thông thời hạn hoán cải 460

- Luật áp dụng tức thì 434
- Ly thân 432
- Liên hiệp, di giao 461
- Ngoại kiều 462
- Tuyên án 451
- Thông gian 451
- Tổng đạt án 463
- Thuận tình ly dị 464, 457
- Thâm quyền 236, 461
- Thất trình 455
- Vợ chồng người Pháp 463, 462, 465, 466

## TÍNH THÀNH VĂN

- Áp dụng luật T.B 247, 268
- Điều kiện áp dụng 426, 467
- Phạm vi áp dụng 468

## ÃI LAI THỰC

- Bằng chứng kết ước 469
- Bất động sản (Địa bộ cũ) 470
- Chỉ dụ Minh Mạng (Không áp dụng) 471, 472, 473
- Chỉ dụ Minh Mạng (Áp dụng) 474
- Điền mại và cấm cố 102
- Định nghĩa 475
- Điền mại trước H.V.H.L 479
- Định nghĩa 477
- Mãi lai thực theo SL. 1925 80
- Người có quyền chuộc 478

- Quá hạn chuộc 476, 479
- Quyền của thừa kế 480
- Thời hạn chuộc 469, 481, 80, 82
- Thời hạn chuộc 30 năm 471, 482, 477
- Thế chấp bất động sản 100

## MẬT ƯỚC (X. khế ước)

## NĂNG LỰC TỔ TỤNG

- Cơ quan công giáo 483, 484
- Chùa (X. chùa)
- Con chồng kiện vợ lẽ chồng 485
- Cho dâu kiện mẹ chồng 486, 487
- Con cháu kiện ông bà 488
- Con rề 488
- Đàn bà có chồng 489
- Đệ tam nhân (kháng tố) 490
- Làng xã 491
- Lý sự Hội quán Trung Hao 492
- Tỉnh trưởng 417
- Vị thành niên 493, 494

## NGOẠI HÔN

- Bồi thường 495, 113, 496, 497
- Con ngoại hôn 114, 498
- Con ngoại hôn (Ước đoán) 499
- Cấp dưỡng (X. Cấp dưỡng) 495
- Chấm dứt 495, 496, 497
- Định nghĩa 111

- Hiệu lực sự thừa nhận 500
- Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 119, 112
- Nhìn nhận con 114, 501
- Quyền lợi đệ tam nhân 502
- Sống chung ngoại hôn 503
- Tử hệ ngoại hôn 503
- Tính cách bất hợp pháp 502
- Tuyên nhận 505
- Truy tìm phụ hệ 506

## GHĨA VỤ

- Nghĩa vụ liên đới 507, 508
- Nghĩa vụ tự nhiên 509
- Nghĩa vụ người thụ thác 510
- Nghĩa vụ của vợ chồng (X. Vợ chồng)

## IÀ PHỐ (X. Ân lệ nhà phố)

## IẠC

- Bản quyền tác phẩm 511
- Vi phạm quyền tác phẩm 512

## IẢN HIỆU

- Quyền sở hữu 513
- Bằng sáng chế 513
- Tư cách tuyên nhận 513
- Ân hạn trả phân kỳ 514, 515
- Bằng cố trả nợ 516

- Bảo đảm nợ 517
- Cam kết trả nợ 518
- Canh cải món nợ 519
- Chủ nợ thường 520
- Dị nhượng trái quyền 521, 522
- Đòi nợ cho vợ 523
- Đề cung trả nợ 524
- Hùn hợp hư không 525
- Nợ người vợ thứ 526
- Nợ thương mãi 527
- Nợ của vợ (X. Hôn sản)
- Nợ cờ bạc 528
- Nợ quốc gia 529
- Nợ bảo lãnh 530
- Phát mãi (X. Phát mãi)
- Phát thế quyết tụng 531
- Quyền sở hữu đồ đạc trong nhà 532
- Quyền chận giữ 533
- Quyền ưu tiên của chủ nợ 534
- Quyền ưu tiên của người bán 522
- Quyền bảo đảm tổng quát 143
- Sai áp (X. Sai áp)
- Sai áp bảo toàn (X. Sai áp)
- Trả nợ phân kỳ 517
- Tịch biên bảo thủ (X. Tịch biên)
- Tịch biên tài sản (X. Tịch biên)
- Tuyên cáo phá sản 518

- Tiền lời luật định 535, 514
- Trả nợ kể vị 536
- Trả nợ do đệ tam nhân 537
- Thế cải 538
- Ước khoản dự phạt 514
- Ước điều lưu chất 76, 539

## ỚP BỘ

- Mệnh lệnh 540
- Hậu quả 540

## PHÁP NHÂN (X. Năng lực tố tụng)

### PHÁ ÁN

- Can thiệp trước tòa phá án 542
- Hiệu lực phá án 456
- Luật sư trước Tòa Phá án 88
- Lý do (Không thụ hình) 542
- Lý do thu hồi nguyên án 542
- Lý do thừa 542
- Lý do mâu thuẫn 542
- Lệnh Bộ trưởng tư pháp 543
- Nhà phố 544
- Phương chức có tính cảnh trật tự công cộng 545
- Phó dự thẩm quyền 546
- Quá trình 547
- Thẩm quyền 230, 548
- Tiền dự phạt 549, 550
- Thời hạn chuyển hoàn 551



- Thời hạn thượng tố 552
- Tương phản 2 bản án 553
- Vô thẩm quyền 554

## PHÁT MÃI

- Bất động sản 555, 556
- Bất động sản bị sai áp 557
- Bất động sản cộng đồng 558
- Cường chế 559, 203, 204, 265
- Điều kiện sách (thay đổi) 555, 556
- Đình chỉ 560
- Hiệu lực án văn 561
- Ngưng cuộc phát mãi 334
- Phản kháng chia tiền 562
- Quyền ưu tiên trả nợ 562

## PHIÊN ÁN

- Đơn xin phiên án 563, 564

## PHONG TỤC

- Dân tộc thiểu số 565
- Khế ước Việt-Chàm 565
- Phong tục Chàm 566
- Ruộng người Chàm 567

## PHỤ HỆ

- Thời hạn truy tìm 568
- Tố quyền truy tìm 569, 570, 572, 506

## QUẢN LÝ

- Quản lý gây tai nạn 572

## **QUỐC TỊCH**

- Con ngoại hôn 573
- Chứng minh 574
- Chứng chỉ quốc tịch 575, 576
- Hiệu lực chứng chỉ 577
- Hiệu lực nhập tịch 574
- Luật quốc tịch 578
- Người Minh Hương 579
- Pháp tịch 574
- Quyền lợi thủ đắc 580
- Thay đổi quốc tịch 581, 582
- Trước Tòa khẩn cấp (vô thẩm quyền) 342

## **QUỐC TẾ CÔNG PHÁP**

- Quyền đặc miễn 583

## **QUỐC TẾ TƯ PHÁP**

- Đoạn mãi bất động sản 74
- Hôn thú 584
- Hôn thú giữa Việt Nam và ngoại quốc 585
- Hôn sản 269
- Ly dị 586
- Ly thân 263
- Ly hôn 587
- Ngoại kiều không hồ tương ngoại giao 588
- Tài sản 585
- Tố quyền của ngoại kiều 588
- Trung Hoa lấy vợ lẽ ở Việt Nam 589

## QUYỀN CHẤP HỮU

- Giám đoạn 590
- Tổ quyền chấp hữu (X. Tổ quyền)

## QUYỀN DI THẨM

- Cử giám định viên 164
- Hồ sơ sơ thẩm bất hợp lệ 590
- Quyền di thẩm 591, 10
- Tòa phúc thẩm 592
- Trường hợp bố buộc 593

## QUYỀN ĐÒI VẬT

- Quyền cư dụng 594

## QUYỀN SỞ HỮU

- Bằng sáng chế 595, 596
- Chứng minh 293
- Động sản 597
- Đất bồi, đất cồn 77
- Đồ đạc trong nhà 532
- Quyền hư chủ 598
- Quyền trước tác 512
- Quyền xuất bản 599
- Tác phẩm nhạc (X. nhạc)
- Tổ quyền sở hữu 600
- Thẩm quyền Tòa án 600
- Văn nghệ 601, 429

## RUỘNG (X. bất động sản) (X. điền địa)

## SAI ÁP

- Chuẩn phê sai áp 602
- Đoạn mãi nhà bị sai áp 382
- Định chỉ sai áp 336, 337
- Định nghĩa thanh xác 602
- Định nghĩa khả sách 602
- Giải trừ sai áp chế chỉ 523
- Giới hạn chủ nợ sai áp 603
- Quyền ưu tiên của chủ nợ 602
- Sai áp quá mức số nợ 604
- Sai áp bảo chủ 52, 605
- Sai áp bất động sản 555, 556
- Sai áp ghe tàu 606
- Sai áp chấp hành 605
- Sai áp chế chỉ 607
- Sai áp do nhiều chủ nợ 608
- Sai áp (tai nạn khẩn cấp) 609
- Thu hồi án lệnh khẩn cấp 610
- Tài sản vị phân 611
- Tài sản cộng đồng 558

## SANG BỘ XE HƠI

- Mua quả sự ốp bộ 540
- Mua bán xe tự động 622
- Ốp bộ (X. Ốp bộ)
- Tình cách hành chánh 220

## TAI NẠN LAO ĐỘNG (X. An lệ lao động)

## TÀI SẢN

- Sinh thời phân sản 171
- Tịch thu tài sản 613
- Tương phân tài sản 614
- Tiên nhân phân sản 614

## TẶNG DỪ

- Bất động sản 615, 616
- Chùa 125
- Di tặng toàn sản 617
- Di tặng đặc định 617
- Hứa hẹn 616
- Hình thức 618
- Sinh thời tặng dừ 619, 125
- Tặng dừ nhân tử 620
- Tổ quyền giao hoàn 621

## THẨM QUYỀN

- Đối với công chức (Nhân viên công nhật) 622
- Khước biện (Nhân viên công nhật) 623
- Tòa dân sự và nhà phố 624, 579
- Tòa dân sự về hương hỏa 279
- Tòa dân sự xử lao động 625
- Tòa dân sự về kế ước hành chánh 415
- Tòa dân sự đối với công chức 145
- Tòa dân sự thụ lý 626
- Tiêu chuẩn thẩm quyền 627
- Tòa án tư pháp và hành chánh về đất bồi 77, 628

- Tòa tư pháp 629
- Thuế gián thu 630, 631
- Thẩm quyền tòa lao động 632
- Thẩm quyền Lex fei si tac 41
- Tinh cách trật tự công cộng 633
- Về đất thổ cư 78
- Thẩm quyền Tòa HGRQ 686

## THÂN TRẠNG

- (X. Con ngoại hôn) (X. Hộ tịch)
- (X. Phụ hệ) (X. Quốc tế tư pháp) (X. Tử hệ)

## THẤT HIỆU (X. 634)

## THẤT TỤNG

- Sự thay mặt 635

## THỀ

- Bị đơn không thề 636
- Phát thệ quyết tụng 637
- Thề thức 638
- Thách thề và tòa truyền 639

## THI HÀNH ÁN (Đệ tam kháng cáo) (X. Án văn)

- Án hạn 12, 325
- Án hạn 640
- Chấp hành một bản văn 197
- Định chỉ (X. án văn) 197, 367
- Giải thích (X. án văn)
- Giải thích (thẩm quyền)
- Thi hành tạm 641

- Khàn cấp xét (X. khàn cấp)
- Tổng đạt án (X. trát) 642, 643

### THỈNH CẦU (X. khởi tố)

- Bỏ sót 644
- Thỉnh cầu mới 645
- Thỉnh cầu phân tố 646
- Thi hành tạm 647
- Xử quá thỉnh 648, 649

### THU HỒI NGUYÊN ÁN

- Bỏ sót thỉnh cầu 650
- Lý do 651
- Lý do khi trả cá nhân 652
- Hai phán quyết một tòa 653
- Sự gian trá 654

### THỦ TỤC TỔ TỤNG

- (X. năng lực) (X. thẩm quyền) (X. thỉnh cầu)
- (X. khởi tố) (X. án văn) (X. thi hành án)
- (X. phá án) (X. thu hồi nguyên án)

### THUÊ MƯƠN (X. Khế ước) (X. Bất động sản) (X. Cầm cố)

- Bản kê khai vật thuê 655
- Chi phí 656
- Dịch vụ 657
- Dài hạn 658
- Đất 659. 660
- Đuổi đất (Thủ tục) 79

- Đăng ký khế ước thuê bất động sản 661
- Đồ vật 657
- Hiệu lực của luật pháp 662
- Khế ước mẫn hạn 366
- Thời hạn thuê mướn 95
- Thuê dài hạn (quá 3 năm) 397

## THUẾ

- Chợ 663, 664, 665, 666
- Đất 667
- Điều kiện sách 664
- Thuế gián thu 665
- Thuế trực thu 668

## THUYẾT BIỂU KIẾN

- Ngoại biểu 421
- Biểu kiến 669

## THUYẾT RỦI RO (X. Trách nhiệm dân sự)

## THỪA KẾ (X. Di sản)

## THỪA PHÁT LẠI

- Bồn phận 670
- Giá trị tờ đốc thúc 671
- Giá trị vi bằng 672, 673, 674

## THƯƠNG MÃI (X. Ấn lệ thương mãi)

## TỊCH BIÊN TÀI SẢN

- Chủ nợ của vợ ngoại hôn 675
- Chồng ngoại hôn đòi lại đồ đạc 675



- Cửa riêng của vợ 260
- Cửa chính phủ 395
- Cửa phiến loạn 613
- Thảm quyền 613

## TIÊN CHÚ

- Bất động sản (X. bất động sản)
- Đoạn mãi trước tiên chú 191
- Giải trừ 676, 4
- Hậu quả (X. bất động sản) 52, 42, 677
- Hiệu lực 203, 204, 56
- Tiên chú đơn đứng DSNC 678
- Tiên chú đơn khởi tố 676
- Viện dẫn 677

## TIÊN THẨM

- Ấn dự phán và trung phán 10
- Kháng cáo 10, 321
- Tiên thẩm điều tra 402
- Tính cách chung thẩm 679
- Uy lực quyết tụng 680, 679

## TIỀN

- Tiền lời 681
- Phá giá đồng bạc 682
- Quyền lợi ngân tài 683, 684
- Tính cách trật tự công cộng 102

## TỔ QUYỀN

- Bất động sản 685

- Chấp hữu 686, 600
- Động sản 687, 688
- Đồi di sản (X. Di sản)
- Giao hoàn tặng vật 179
- Hội viên (X. Hội)
- Lạm tố 689
- Ngoại kiều (X. Quốc tế tư pháp)
- Phận hoàn lợi ích 690
- Sở hữu (X. Quyền sở hữu)
- Triệt bãi 691
- Trục xuất 685

## ÔNG CHI

- Bằng chứng 36
- Hiệu lực 692
- Quyền xét định 693
- Thẻ thức 694

## Ủ HỆ (X. Ngoại hôn) (X. Phụ hệ)

- Bằng chứng 695, 696, 246
- Chấp hữu thân trạng 697, 698
- Con ngoại hôn trước L.G.Đ. 699
- Nhìn nhận bào thai 700
- Tổ quyền di nghị 701
- Tuyên nhận do Tòa án 699

## RÁCH NHIỆM DÂN SỰ

- Anh đối với em 702
- Bị cáo vị thành niên 702

- Công sở đối với công chức 703
- Chủ xe đối với tài xế 704
- Chủ xe bị mất trộm 705
- Chuyên chở hảo ý 706
- Đồ vật vô tri 707, 708, 709, 710
- Đồn điền đối với nhân công 711
- Đãi cơm ngộ độc 706
- Hội viên hội thực tế 712
- Hại của vợ 713
- Khán thư và thụ thác 714
- Lạm dụng quyền thụ thác 715
- Liên đới trách nhiệm 716, 572
- Người ủy phái và thụ phái 717
- Tai nạn lao động 718
- Tố quyền của ngoại kiều 588
- Trách nhiệm hình sự 719
- Trước tòa hình 720
- Tài xế tự động lái xe 721
- Vợ chồng 722
- Xe đứng bộ dưới tên người khác 723

## TRÁT

- Cáo tri 670
- Cáo tri án văn 724
- Niêm yết 318, 725
- Người làm công nhận 726
- Triệu hoán trạng 727

- Truyền giao án khuyết tịch 725, 728, 729, 726
- Truyền rao hợp lệ 730
- Truyền rao bất hợp lệ
- Tổng đạt 725
- Tổng đạt (Bồn phận viên chức) 731

## YÍCH LỤC (X. bất động sản)

### RƯỚC BA

- Văn kiện 732
- Khế ước 733
- Truy tâm phụ hệ (X. Phụ hệ)

## Y LỤC QUYẾT TỤNG

- Án văn miên tố 734
- Án tiên thăm 679, 680
- Án thế vi hộ tịch 11
- Án văn hình sự 735, 719, 736, 737 716
- Án văn hình sự đối với hành chánh (X. Hành chánh)
- Phần phán quyết 736
- Phần lý do 737
- Uy lực tuyệt đối 737

## Y THÁC

- Hiệu lực 738
- Lạm dụng 715

## Y THÀNH NIÊN

- Đoạn mãi bất động sản (X. Bất động sản)

- Giám hộ (X. Giám hộ)
- Hành vi tố quyền (X. Năng lực tố tụng)

## VÔ HIỆU

- Vô hiệu về thủ tục 739, 727
- Khước biện 740
- Thẻ thức nêu sự vô hiệu 740
- Khế ước (X. Khế ước)
- Khản cấp (X. Khản cấp)
- Năng lực tố tụng (X. Năng lực)

## VỢ CHỒNG

- Bồn phận sống chung 115, 455
- Giúp đỡ và tương trợ 741

## VỢ GÓA

- Bán bất động sản (Trung Việt) 742, 743
- Bán bất động sản (SL. 1925) 744, 745, 746, 159
- Căn nguyên quyền dụng ích 747
- Cải giá 748
- Cho thuê tài sản 658
- Đoạn mãi cần thiết 749
- Kiện đòi nợ của chồng 750
- Quản trị tài sản 751
- Quyền giám hộ 752
- Vô hiệu bán bất động sản 260

- Chia ruộng hương hỏa 753
- Cho thuê lại ruộng 754
- Dụ 57 ngày 22-10-56, 755
- Di sản trước dụ 17, 755
- Đất thờ cư 78
- Hòa giải trước ủy ban nông vụ 756
- Hương hỏa cải dụng 298
- Khế ước tá điền 757
- Quyền lưu canh 758
- Quyền tiên mãi 759
- Thời hạn khế ước 760
- Trương phân ruộng đất 761
- Truất hữu 762
- Thẩm quyền tòa điền địa 762
- Tranh tụng địa tô 764

## ÁN LỆ LAO ĐỘNG

- Ăn lương giờ 765
- Bồi thường vì phạm pháp 766
- Bãi ước vì lỗi nặng 767
- Cai thầu 768
- Cộng đồng hiệp ước 769
- Công nhân tạm giam 770
- Định nghĩa khế ước 772
- Điều đình 772
- Bãi nại 773
- Gia nhân 774

- Khế ước dân sự 775
- Khế ước lao động (X. 771, 775) 776
- Khế ước tái tục 777
- Kháng cáo lao động 778
- Lỗi nặng 779
- Lỗi lầm thái 780
- Làm khoán 774
- Nghỉ hàng năm 781
- Nghỉ lễ 781
- Nghị án 782
- Phụ cấp thôi việc 783, 784, 785, 786, 787, 788
- Quỹ dự phòng 783
- Sa thải 785
- Sa thải quá lạm 769
- Tai nạn lao động
  - Bãi nại vô hiệu 789
  - Đệ tam nhân (trách nhiệm) 790, 791, 792
  - Đệ tam nhân (bồi thường) 793
  - Luật lệ 794
  - Lỗi nặng của chủ 795
  - Nạn nhân ngoại kiều 796
  - Phạm vi áp dụng NĐ. 1944 Đ. 16, 793
  - Thẩm quyền Tòa án 796
  - Tố quyền đòi bồi thường 791, 792
  - Trách nhiệm bồi thường của chủ 718
  - Trúng đạn trong khi làm việc 797
  - Xi nghiệp canh nông 798

Thẩm quyền Tòa 799  
Thẩm quyền Tòa dân sự xử lao động 773  
Tranh chấp cá nhân 772  
Thời hạn báo thời 777, 805  
Thời hạn bãi ước 801  
Tổ tụng đòi lương 802  
Trả lương (bằng chứng) 803  
Thời hiệu đòi lương 804, 805, 806  
Thuyên chuyển công nhân 807  
Thợ hút tóc 808  
Tiền thưởng 784  
Tòa án Lao động lạm quyền 809  
Tư pháp bảo trợ 810  
Kĩ nghiệp hoạt động theo mùa 811

## ÁN LỆ NHÀ PHỐ

Ấn hạn lưu cư (Khẩn cấp) 325  
Bồi hoàn tiền sửa nhà 812  
Bạo hành (X. Khẩn cấp) 328  
Bằng chứng thuê mướn 813  
Chủ nhà cho thuê 814  
Chủ phố lạm quyền 815  
Chiếm ngụ vô quyền 816  
Chiếm ngụ ngay tình 817, 818  
Cấm kinh doanh tương tự 819  
Cam kết trả nhà 820



- Dự 17154 và Dự số 4 821
- Dự 17153 (Thảm quyền) 822
- Dự 17153 (Giải thích) 823
- Dự 17153 (Về thương mại) 824
- Dự 17153 (Phạm vi áp dụng) 825
- Dự 17154 826
- Diện tích ở được 827
- Đòi lại nhà để ở 828, 829
- Đòi nhà để kinh doanh 815
- Đòi phố 830
- Động sản (Nhà) 221
- Đệ tam kháng tố 831
- Giao kèo không ngày tháng 832
- Giải thích Dự số 4 833
- Giám định 834, 836
- Giấy phép xây cất 835
- Hiệu lực quyết định hành chính về nhà phố 836
- Khế ước cho thuê 837
- Người thuê và người mua phố 838, 839
- Nhà bị lệnh cấm ở 840
- Người thuê lại 841
- Người thụ quyền 842
- Người tùy thuộc 843
- Nghĩa vụ người thuê 844
- Ở nhờ 354, 845
- Ở đậu 818
- Phố thương mại 846, 847

- Phổ thuộc di sản 848
- Quyền lưu cư 849
- Quyền lưu cư (Của người thuê) 850
- Quyền lưu cư (Của người thuê lại) 892
- Quyền lưu cư (của pháp nhân công) 851
- Quyền lưu cư (người không có quốc tịch Việt Nam) 852
- Quyền lưu cư (Dự số 17) 821
- Quyền lưu cư (người thuê) 853
- Quyền lưu cư (người Trung Hoa) 854
- Quyền lưu cư 855, 856, 857, 858
- Quyền lưu cư (của thừa kế) 859
- Quyền lưu cư (ngoại kiều Việt tịch)
- Quyền lưu cư (sáu hạn 18 tháng) 861
- Quyền đòi nhà 862, 828
- Quyền tái chiếm 863
- Quyền tiên mãi 864
- Quyền người thụ di toàn sản 859
- Quyền người cộng chủ 865
- Sửa chữa lớn lao 866
- Tính cách căn phố cho thuê
- Tính cách căn phố thương mãi 867
- Tính cách căn phố xét định 868, 871
- Tính cách căn phố bán đồ ăn uống 869
- Tính cách căn phố khách sạn 870
- Tính cách căn phố đẽ & 872, 873
- Tính cách căn phố có đồ đạc trang trí 874
- Tính cách căn phố tác dụng 875, 876

- Tính cách căn phố trường tư thục 877
- Tính cách căn phố ý định 878
- Trật tự công cộng 879, 872, 880
- Thẩm quyền (Tòa nhà phố) 881, 882
- Thẩm quyền (Tòa dân sự) 579, 883
- Tổng khứ 884, 871, 885, 886
- Tiền thuê nhà (Tranh chấp) 850, 366
- Tiền thuê nhà 880, 887, 888, 889
- Trục xuất khẩn cấp 960, 356
- Trục xuất vì cho thuê lại 890
- Trục xuất (Phản tố) 834
- Trục xuất vì cam kết 891
- Tranh chấp quan trọng 892
- Triệt hạ 893
- Uy lực quyết tụng 892

## ÁN LỆ THƯƠNG MẠI

- Bãi nại về thủ tục 894
- Bảo đảm 095
- Bảo hiểm (Phản kháng) 896
- Bảo hiểm (Tàu bị cướp) 897
- Bảo hiểm (Trách nhiệm bồi thường) 898
- Bảo hiểm (Khế ước bảo hiểm) 899, 900
- Đệ tam kháng tố 534
- Dụng tàu 901
- Chuyển chở hàng hải

Luật ngoại quốc 902

Trách nhiệm của hãng thầu 903

Thời tiêu tố quyền 904

Trách nhiệm hàng hóa 905, 906

Chuyên chở hàng hóa

Hàng bị mất 907

Thời tiêu tố quyền 908

Tố quyền đòi bồi thường 909

Chi phiếu

— Hoàn tuyến chi phiếu 920

— Thời tiêu 3 năm 921

Hiệp hội (X. Hội)

— Hội dự phần 922

— Định nghĩa 923

— Hành vi pháp lý trách nhiệm 924

— Không có pháp nhân 925

— Tư cách pháp nhân 926

Tài sản cộng đồng

— Lương quan giữa hội viên 927

Hội vô danh 928

Hối phiếu

— SL. 39-10-1935 928

— Định nghĩa 929

— Lệnh phiếu 920, 821

Khánh tận

— Ân lệnh kiểm tra 922

— Phản kháng án lệnh 922

- Hậu quả 894
- Quyền chấp hành cá biệt 534
- Khế ước thương mại
  - Chuyên chở 923
  - Thẻ chấp 107
  - Lệnh phiếu )X. Hối phiếu)
- Ngân hàng
  - Ước khoản bãi miễn trách nhiệm 924
  - Tiền huê hồng 925
- Nợ thương mại 926
- Phá sản 927
- Quản tài viên 534
- Sản nghiệp thương mại
  - Công bố 928
  - Đoạn mãi 929
  - Giải trừ sự phản kháng 929
- Thâm quyền
  - Tòa thương mại 923
  - Dân sự xử thương mại 930
  - Thủ tục tố tụng 931
- Thuyền đột, trách nhiệm tàu chạy quá mau 923
- Tiệm cầm đồ 933
- Tiền lời 15
- Thương gia 934
  - Cạnh tranh bất chính 935
  - Điều kiện 936
  - Thương gia 937, 938

- Thương hiệu 939
- Tố quyền
  - Đòi bồi thường về hàng hóa 940
  - Cạnh tranh bất chính 935
- Trách nhiệm dân sự và ước định 941
- Vận tải hóa đơn 942, 902

## ÁN LỆ HÌNH SỰ

- Án lệnh đưa ra trước tòa tiểu hình 943
- Án lệnh dự thẩm 1080
- Án lệnh phòng luận tội 944, 945, 936
- Án khuyết tịch 947, 948
- Án khuyết tịch coi như đương tịch 947
- Án treo 949
- Án thiếu lý do 950
- Án văn
  - Định tội danh sai lầm 951, 952
  - Tính cách sơ thẩm của án vi cảnh 953
  - Tuyên án 954
  - Tín lực án văn 1075
- Bạc giả (Lưu hành bạc giả) 955
- Bắt người trái phép 952, 956
- Bị cáo vị thành niên 957
- Bị cáo nói sau cùng 958
- Biên thủ công quỹ 959, 960, 961
- Biên bản cảnh sát (Tín lực) 962

- Bội tín 963
- Bồi thẩm 964
- Bỏ phỉ gia đình 965
- Bỏ trốn sau khi gây tai nạn 966
- Cải tội danh 967, 968, 969
- Cường đoạt 970
- Cầm đồ binh dân 971
- Chứng gian 972
- Câu phát hình phạt
  - Ăn trước thành nhất định 973
  - Bất tình hợp hình phạt 966
  - Tình hợp hình phạt 966
  - Bỏ sót không tuyên 978, 977
  - Quan thuế 979
- Cờ bạc
  - Biên bản, bằng chứng 980
  - Bài tổ tôm 980
  - Bài mạt chược 962
  - Bài tứ sắc 962
- Cổ sát 981
- Công tố viện
  - Chánh tố 982
  - DSNC chánh tố 983
  - Kháng cáo 984
- Công khai dâm ô 985, 986
- Chống sự thực hiện công tác chánh phủ 987
- Dân sự nguyên cáo

- Thăm quyền tòa hình sự 989
- Kháng cáo án dự thăm 990
- Không kháng cáo 991
- Thẻ thức đứng dân dự nguyên cáo 992
- Tư cách đứng dân sự nguyên cáo trước Tòa T.T. 993
- Tư cách đứng dân sự nguyên cáo của vợ ngoại hôn 994
- Thượng tố án lệnh miễn tố 995

Dân tố quyền 996

Dầu hỏa 997

Du đăng 998

Dụ đồ vị thành niên 999

Dự thăm

- Án lệnh di lý 1000
- Án lệnh từ khước thăm vấn 1001
- Tạm tha 1002
- Uy lực tài phán 1003
- Vi phạm thủ tục 1003

Đại hình

- Đặt câu hỏi 1004
- Thăm quyền toàn thăm 1005 1006
- Rút thăm phụ thăm 1007
- Thân trạng 1008
- Trát nhận không hầu 1009
- Trường hợp giám khinh 1010
- Viện dẫn lý do 1011
- Xử về quyền lợi dân sự 1012
- Xét xử khinh tội 1013



- Đại xá
  - Theo hình phạt 1014
  - Quyền lợi dân sự 1015
  - Hiệu lực tức khắc 1016
- Điều xử 1017, 1091
- Đồng phạm 1018
- Giả mạo
  - Công văn 1019
  - Công chức 1020
  - Dùng giả mạo 1021
  - Giấy tờ 1022
  - Tinh thần 1023
  - Trách nhiệm viên chức thị thực 1024
- Giám kinh (tiểu hình) 1025
- Giám kinh (đại hình) 1010
- Hộ tịch bị tiếm 1026
- Hội (lập bất hợp pháp) 1027
- Hối lộ 1027
- Hòa hoạn 1030
- Hội 1031
- Ích lợi quân sự 997
- Kháng án 1032
- Kháng cáo 1033
- Ký chỉ phiếu không tiền bảo chứng
- Ngân phiếu 1034
- Chỉ phiếu 1034
- Khôi phục công quyền 1035

- Lạm thủ 1036
- Lâm luật
- Áp dụng SL. 2-1-1939 ở TV 425
- Đ. 33 SL 2-1-1939 1037
- Mua cây lậu 1038
- Giá trị vi bằng 1039
- Khai thác rừng tư 1040
- Lưu thông gỗ bất hợp pháp 1041
- Lãnh thổ tình 1042, 1043
- Lời thú tội 1044
- Lưu thông
- Quyền ưu tiên 1045
- Tai nạn vì qua mặt 1046
- Vi phạm luật đi đường 1047, 1048
  - Lường gạt 963
  - Yếu tố lường gạt 1049
  - Mạo hóa 1050
  - Hụi 1031
  - Liên đới giữa bị can 1051
- Mạo hóa và biến tạo 1052, 1050
- Mạ lỵ công khai 1053
- Ngụy tạo 1054
- Nguyên tắc nhật sự bất tái cử 1055
- Nguyên tắc cá nhân tính hình phạt 1056
- Nguyên tắc không có hình phạt không có luật pháp 1057
- Nhân thế bộ 1058
- Nhân chứng 1059, 1060

— Nhãn hiệu

- Giả mạo 1061, 1062
- Hiệu lực sự cầu chứng 1063
- So sánh 2 món hàng 1061
- Trì trả nhãn hiệu 1064
- Yếu tố nhãn hiệu 1065
- Oa trữ 1066, 1042, 1067

— Phá án

- Bị can xin phá án 1068
- Án lệnh Phòng Luận tội 1069, 1070
- Án xuất tịch 1071
- Nộp biện minh trạng 1072
- Không đọc tài liệu 1073
- Thời hạn xin phá án 1074
- Tín lực những điều phê trong án văn 1075
- Vi phạm thuế vụ 1076

— Phá rối trị án 1077

— Phạm gian

- Dẫn chứng 1078
- Yếu tố 1079

— Phá thai

- Định danh 1080
- Gây thiệt mạng 1080
- Yếu tố 1081

— Phán định thẩm quyền (X. 1080)

- Án lệnh dự thẩm tương phán án tòa TH 1082, 1083
- Án lệnh phòng luận tội tương phán án Tòa Đại hình 1055

- Tòa Quân sự và Dân sự 1084
- Phòng luận tội
  - Ân miễn tố 1085
  - Quyền hạn 1086
  - Uy lực tài phán 1087
- Phi báng
  - Báo chí 1088
  - Công chức 1089
  - Yếu tố 1090
- Quan thuế
  - Điều đình 1091
  - Câu phát 1092
  - Hồi tố 1093
  - Tội phạm vật chất 1094
  - Trách nhiệm người thụ ủy 1095
  - Vi phạm quan thế 1096
  - Hàng hóa quân đội 1097
  - Tiêu diệt tố quyền 1098
- Quyền di thẩm của Tòa Thượng thẩm 1099
- Quả tang 1100
- Sang đoạt 1101
- Sản bản 1102
- Sách thủ 1103
- Số kiến thiết 1104, 1105, 224
- Sóc địa 1106
- Song hôn 1107, 1108
- Tác giả

- Luật lệ về sáng tác 1109
- Nhạc 1110
- Quyền trước tác 1110
- Tái thẩm 1111
- Tầu táng tang vật 1112
- Trát đòi 1009
- Tù (sông) 1113
- Tù nhân phạm pháp 1114
- Tông phạm 1115
- Thông dịch viên 1116
- Trộm 1117
- Trật tự công cộng 1117
- Trách nhiệm dân sự 1118
- Trước tòa hình 709
- Chiếc xe bị mất trộm 705
- Đ. 1384/3 711
- Cửa bị can 1119
- Kháng cáo 991
- Trách nhiệm liên đới 708, 1120
- Tranh chấp luật pháp hình sự 1121
- Tiếm chức 1122
- Thẩm vấn sau cùng trước Tòa 958
- Thuận tuân 1123
- Thuộc phiên 1124, 1125
- Thi hành án 1126, 1127
- Thăm quyền
  - Đại hình (X. Đại hình)

- Đình xử 1128
- Hủy văn thư 1129
- Luật lệ về thẩm quyền 1130
- Tòa hình 1131, 1079, 1132
- Tổng giam liên 1133
- Luật lệ về thẩm quyền 1134
- Thuế vụ 1135, 1076
- Tiêu diệt thời hiệu
  - Luật 29-3-42 1136
  - Luật đình chỉ 1137
- Thi cử 1138
- Thảm cứu
  - Tội do sĩ quan tư pháp 1139
  - Bao yếm 1140
- Uy lực tài phán 719, 716
- Vật giá 1141, 1142
- Vay nợ lãi 1143
- Về số kiến thiết (X. Vé số kiến thiết)
- Vi cảnh
  - Kháng cáo 1144
  - Kháng cáo án hòa giải rộng quyền 1145
  - Tịch thu tang vật 1146
  - Tính cách chung thẩm 1147
  - Qui lệ hành chánh 1148
- Vô ý gây thiệt mạng 1149, 1150, 1151
- Vô thẩm quyền
  - Nhân thế độ 1058

- Thân trạng 1108
- Vô hiệu 1152
- Vu cáo 1153, 1154, 1155
- Xò số (X. Vé số)
- Xây nhà bất hợp pháp 1156, 1157
- Xâm nhập gia cư 1153
- Xử kín 1159
- Y sĩ (hành nghề trái phép) 1160, 1161
  - Dược sĩ (hành nghề trái phép) 1142

## ÁN LỆ QUÂN SỰ

- Án xử vô hiệu 1162
- Án lệnh dự thẩm 1163
- Biên bản hỏi cung 1164
- Câu hỏi phức tạp 1165
- Cáo trạng 1166
- Đào ngũ 1167
- Giảm khinh 1168
- Khoan miễn 1169
- Luật lệ quân sự (lãnh thổ tỉnh) 1170
- Nhục mạ thượng cấp 1171
- Phá án
  - Đ. 76 Bộ quân luật 1172
- Bị can thú tội 1173
- Biện minh trạng 1174
- Thâu hồi án văn 1175
- Phá rối trị an 1176

- Thẻ thức xin miễn thuế thổ trạch 1224
- Thuế môn bài 1226, 1225, 1227, 1228, 1229
- Thuế vụ, lương bổng và lợi tức 1230
- Lợi tức 1231, 1232
- Quyết định miễn thuế 1233
- Quyết định trước tiên 1234
- Trọng tài 1235, 1236
- Trưng dụng 1188
- Trách nhiệm hành chính ngoại khế ước 1237
- Uy lực quyết tụng hình sự đối với tòa hành chính 1238, 1239, 1240, 1241, 1242, 1243
- Văn thư hành chính 1244
- Vô thẩm quyền 629, 1220, 1245.



## PHÁP - LUẬT

Dân Luật Tu Tri	Phan Văn Thiết
Hình Luật Tu Tri	—
Cách tranh tụng về dân sự	—
Kiểu Mẫu Văn Khé	—
Hộ Tịch Chi Nam	—
Phụ-nữ Việt - Nam trước Pháp luật	—
Nhân - Viên Công Lực Cẩm nang	—
Luật Dân sự Tố - Tụng	Nguyễn Huy Đẩu
Dân Luật Lược Khảo I II	Vũ văn Mẫu
Luật Nhà Phố	Công Báo
Luật Thuế Vụ	Bộ Tài Chánh
Thuế Lệ dân giải	Đình Quang Chính
Luật Lao Động	Bộ Lao Động
Tập lục các bản văn	—
Áp dụng Luật Lao động	—
Luật Lao Động dân giải	Bùi Quang Tờ;
Tìm hiểu Luật Lao động	Huỳnh Khắc Dụng
Ấn Lệ Lao động	Huỳnh Khắc Dụng
Luật Thương Mại I II	Lê Tài Triền
Luật Giá Thú	Dương Kiên
Chế độ thuế khóa hiện hành	Nguyễn văn Tuyên
Luật lệ thông dụng dân giải	—
Phân tranh Luật-pháp	Nguyễn Xuân Chánh
Chế độ Tài sản trong gia đình VN I II	Vũ Văn Hiên
Hình sự tố tụng	Nguyễn Quốc Hưng
Tự do cá nhân	Trần Thúc Linh
Những án lệ quan trọng	—
Danh từ Pháp luật lược giải	—
Luật pháp phổ thông	Phạm Quang Lộc
Chế độ Hôn sản pháp định	—
trong một Việt Nam	Hà Như Vinh
Hình luật. đặc biệt Việt Nam	—

Hiến pháp chú giải

*Trương Tiến Đạt*

**CHÍNH-TRỊ — KINH-TẾ**

Chính trị học

*P. de Grazia*

Chính trị hiện đại

*Tôn Thất Trạch*

Chính trị cổ nhân

*Nguyễn Tì Quang*

Tổ chức chính trị và

Hành chánh VN

*Bùi Quang Khánh*

Những chánh thể dân chủ

—

Vấn đề chỉ huy

—

Hiến pháp VN và vài nước dân chủ

—

Kinh tế học

*P. A. Samuelson*

Phát triển Kinh tế

*G. M. Meier*

Kinh tế học giản yếu

*Trần Văn Kiện*

Kinh tế phục vụ quần chúng

*M. Salvadori*

Hành chánh Công quyền

*H. E. Simon*

Xã hội học

*B. Selzich*

Tiền tệ, lợi tức và chính sách tiền tệ

*Ed. S. Shaw*

Kinh tế quốc tế

*Elisworth*

Mô thức chính trị quốc tế

*L. M. Alexander*

Tài chánh công

*P. E. Taylor*

Bang giao Quốc Tế nhập môn

*P. Schleicher*

Những đại chính thể ở Âu châu

*A. N. Draguich*

Trọng đề trong bang giao Quốc Tế

*A. Gyorgy*

Chủ nghĩa dân chủ Xã hội

*Đ. Nhuệ Hồng*

Những tài liệu thiết lập và

điều hành Quốc Tế

*Nguyễn Đăng Cẩn*

Xung đột trong đời sống Quốc Tế

*Nguyễn Hiến Lê*

Học thuyết kinh tế

*Nguyễn Phúc Sa*

Những vấn đề kinh tế VN.

*Lê Linh*

Lược khảo về hai chủ nghĩa

Chính trị Việt Nam

*Nguyễn Ngọc Lữ*

Các chính đảng Việt Nam  
Luyện thi nhập ngạch Hành Chánh  
và Tài Chánh

Chiến lược  
Chủ nghĩa thực dân Pháp ở VN.  
Từ Thực dân đến Cộng sản  
Kinh tế tự do toàn dân sung túc  
Chiến lược Cộng sản tại Á Châu  
Quốc tế chính trị  
Các cường quốc Kinh tế  
Hoa Kỳ và chế độ lưỡng đảng

*Nguyễn Kim Khánh*

*Ng. V. Tuyền*

*Tôn Thất Xứng*

*Nguyễn Văn Trung*

*Hoàng Văn Chi*

*L. Erhard*

*A. D. Barnett*

*Vũ Tài Lục*

*Lâm Thanh Liêm*

*Penniman*